PHÁP HOA VĂN CÚ
TẬP 2

PHÁP HOA VĂN CÚ - TẬP 2

Thích Như Điển & Nguyễn Minh Tiến
Việt dịch và chú giải

Viên giác Tùng Thư - Đức Quốc
United Buddhist Publisher
Nhà xuất bản Liên Phật Hội - California, Hoa Kỳ
Xuất bản lần thứ nhất: Tháng 8/2025
Thiết kế bìa: Họa sĩ Đình Khải

ISBN-13: 978-1-0879-7284-8

© All rights reserved. No part of this book may be reproduced by any means without prior written permission from the publisher.

THÍCH NHƯ ĐIỂN
NGUYỄN MINH TIẾN
Việt dịch và chú giải

PHÁP HOA VĂN CÚ

GIẢNG GIẢI KINH PHÁP HOA
TẬP 2

Nguyên tác

妙法蓮華經文句

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

Đại Sư Trí Khải giảng giải

VIÊN GIÁC TÙNG THƯ
2025

- Đời nhà Trần, triều vua Trần Thúc Bảo, niên hiệu Trinh Minh năm thứ nhất (587), Đại sư Trí Khải, núi Thiên Thai, bắt đầu thuyết giảng tại chùa Quang Trạch, Kim Lăng, Pháp sư Quán Đảnh ghi chép lại.
- Đời nhà Tùy, triều vua Tùy Dạng Đế, trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-618), môn đồ vâng sắc chỉ vua soạn thành sách.
- Đời nhà Đường, triều vua Đường Huyền Tông, niên hiệu Thiên Bảo năm thứ bảy (748), Hòa thượng Huyền Lãng, chùa Thanh Thái, trên núi Đan Khâu, huyện Đông Dương, chủ trì việc sắp xếp chỉnh sửa, hoàn thiện cấu trúc. Sa-môn Thích Thần Quýnh viết lời tựa và cùng đồng sự hiệu chỉnh văn chương.
- Năm 2009, Sa-môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên giác, Hannover, Đức Quốc, Việt dịch trong mùa An Cư Kiết Hạ, Phật lịch 2553, hoàn tất và xuất bản vào năm 2013.
- Năm 2022-2025, Cư sĩ Nguyễn Minh Tiến trùng dịch và soạn các biểu đồ cấu trúc, chú giải, hoàn tất và xuất bản qua United Buddhist Publisher (Nhà xuất bản Liên Phật Hội) tại California, Hoa Kỳ vào năm 2025.

MỤC LỤC

2. GIẢI THÍCH PHẨM PHƯƠNG TIỆN (tiếp theo) 11

✧ **Biểu đồ cấu trúc phẩm Thí dụ** 64

3. GIẢI THÍCH PHẨM THÍ DỤ

✧ 1. Giải thích tên phẩm 67

✧ Giải thích tổng quát.....67

✧ Giải thích phân biệt 67

✧ 2. Xá-lợi-phất trình bày chỗ nhận hiểu.....71

✧ 3. Kể lại thành tựu xưa kia của Xá-lợi-phất 84

✧ 4. Xá-lợi-phất được thụ ký 87

✧ 5. Bốn chúng trình bày chỗ nhận hiểu 93

A. THÍ DỤ KHÁI QUÁT.....101

✧ 1. Thí dụ "ông trưởng giả" 101

✧ 2. Thí dụ "căn nhà rộng lớn".....108

✧ 3. Thí dụ "chỉ có một cửa ra vào" 108

✧ 4. Thí dụ "có 500 người" 109

✧ 5. Thí dụ "lửa bốc lên cháy nhà" 109

✧ 6. Thí dụ "có 30 người con"..... 111

B. THÍ DỤ CỤ THỂ.....112

✧ 1. Thí dụ "ông trưởng giả thấy lửa".....113

✧ 2. Thí dụ "bỏ ý định dùng sức mạnh,
chuyển sang dùng phương tiện".....118

✧ a. Dùng pháp khuyên bảo khuyến khích.....119

✧ b. Dùng pháp răn dạy 124

- Giảng giải ý thứ nhất.....127
- Giảng giải ý thứ hai.....128
- Giảng giải ý thứ ba.....128
- Giảng giải ý thứ tư 129

3. Thí dụ “cho các con cùng một loại xe” 131
- Giảng giải ý thứ nhất: Các con thoát nạn, trưởng giả vui mừng 132
- Giảng giải ý thứ hai: Các con xin được ban cho xe 134
- Giảng giải ý thứ ba: Cho các con cùng một loại xe.....150
- Giảng giải ý thứ tư: Các con được ban cho xe lớn đều vui mừng 156

4. Thí dụ “ông trưởng giả không nói dối”.....156
- So sánh ý nghĩa tương hợp trước sau 160
- So sánh các thí dụ khái quát.....160
- So sánh các thí dụ cụ thể 163

KỆ TỤNG.....177
- Tụng lại kinh văn trường hàng 178

Biểu đồ cấu trúc phẩm Tin hiểu 228

4. GIẢI THÍCH PHẨM TIN HIỂU

Giải thích tên phẩm.....231

Giải thích kinh văn 236

Kệ tụng 318

✧ **Biểu đồ cấu trúc phẩm Thí dụ Cỏ thuốc.....341**

5. GIẢI THÍCH PHẨM THÍ DỤ CỎ THUỐC

✧ Giải thích tên phẩm..... 343

✧ Giải thích kinh văn 349

✧ **Biểu đồ cấu trúc phẩm Thụ ký 401**

6. GIẢI THÍCH PHẨM THỤ KÝ

✧ Giải thích tên phẩm.....403

✧ Giải thích kinh văn 410

✧ **Biểu đồ cấu trúc phẩm Thí dụ hóa thành 420**

7. GIẢI THÍCH PHẨM THÍ DỤ HÓA THÀNH

✧ Giải thích tên phẩm.....423

✧ Giải thích kinh văn 426

✧ Kệ tụng 488

✧ **Biểu đồ cấu trúc phẩm Năm trăm đệ tử được thụ ký 500**

8. GIẢI THÍCH PHẨM NĂM TRĂM ĐỆ TỬ ĐƯỢC THỤ KÝ

✧ Giải thích tên phẩm.....501

✧ Giải thích kinh văn 502

2. Giải thích phẩm Phương tiện

(tiếp theo)

KINH VĂN

Nơi chư Phật quá khứ,
Hoặc còn, hoặc diệt độ,
Nếu được nghe pháp này,
Đều đã thành Phật đạo.
Các vị Phật tương lai,
Số nhiều đến vô lượng,
Tất cả chư Phật ấy,
Cũng phương tiện thuyết pháp.
Hết thảy các đức Phật,
Dùng vô số phương tiện,
Độ thoát muôn chúng sinh,
Vào trí Phật vô lậu,
Người đã được nghe pháp,
Không ai không thành Phật.
Chư Phật từng thệ nguyện,
Đạo Phật tu, Phật chứng,
Cũng làm cho chúng sinh,
Đều tu chứng đạo ấy.
Chư Phật đời vị lai,
Tuy thuyết trăm ngàn ức,
Đến vô số pháp môn,
Thật chỉ là Nhất thừa.
Chư Phật đủ phước trí,
Biết pháp không tự tánh,
Hạt giống Phật duyên khởi,
Cho nên thuyết Nhất thừa.
Pháp trụ nơi pháp vị,
Tướng thế gian thường trụ,
Nơi đạo trường rõ biết,
Đạo sư thuyết phương tiện.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Nơi chư Phật quá khứ"* trở đi gồm 1 khổ kệ, nói rõ về liễu nhân chủng tử.[1] Xét theo ước lệ như phần trên thì [lẽ ra phải gồm đủ] cả [những ý nghĩa như] hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng, tâm chuyên nhất hay tâm tán loạn v.v. vì đều là những chủng tử [Phật tánh] trong 5 thừa, nay đều trừ bỏ tất cả [pháp phương tiện] mà đưa vào một thừa chân thật. Đại lược là như vậy. Tâm chuyên nhất lắng nghe một câu [kinh] là nghiệp lành [sinh về] cõi trời; tâm tán loạn được nghe một câu [kinh] là nghiệp lành [sinh vào] cõi người. Đại lược là như vậy.

[1] Liễu nhân chủng tử: tức là chủng tử của liễu nhân Phật tánh, theo nghĩa trong kinh Đại Bát Niết-bàn đã dẫn ở trước, phân biệt với chánh nhân và duyên nhân.

● Hỏi: [Kinh văn có] ý gì mà lược nói các pháp môn của chư Phật quá khứ để giảng rộng 5 thừa [phương tiện]?

● Đáp: Ba đời chư Phật tất cả đều có bày ra [các pháp] quyền thừa [phương tiện], nhưng pháp vị lai thì chưa đến, pháp hiện tại chỉ mới khởi đầu, [nếu đưa ra để] chứng minh nghĩa chân thật thì yếu ớt [không đủ thuyết phục]. Các pháp phương tiện trong quá khứ đã lâu rồi, những người được giáo hóa đều đã thành tựu tứ nhất, thêm nữa nêu việc [chư Phật] khắp mười phương đều bày ra pháp quyền biến phương tiện để hiển lộ pháp chân thật, nên việc chứng minh ý nghĩa được mạnh mẽ thuyết phục. Ngàn vạn[1] lời hư dối cũng không bằng một sự chứng nghiệm rõ biết chân thật. Cho nên nêu việc [thực tế] của chư Phật trong quá khứ để nói rộng [pháp phương tiện trong] 5 thừa.

■ Phần thứ ba từ câu *"Các vị Phật tương lai"* trở đi gồm 6 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa phần nói về các đức Phật tương lai trong văn trường hàng ở trên. Phần này chia làm hai tổng đoạn.

▣ Tổng đoạn thứ nhất một khổ rưỡi đầu tiên tụng ý nghĩa trừ bỏ ba thừa [phương tiện].

▣ Tổng đoạn thứ hai [từ câu *"Độ thoát muôn chúng sanh"*] gồm 5 khổ kệ tụng ý nghĩa hiển bày Nhất thừa [chân thật]. [Tổng đoạn này chia làm 4 đoạn.]

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Độ thoát muôn chúng sanh"* trở đi 1 khổ kệ, tụng ý nghĩa nhân nhất.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Chư Phật từng thệ nguyện"* trở đi 1 khổ kệ, tụng ý nghĩa hành nhất. Đạo mà chư Phật tu hành, thệ nguyện làm cho tất cả chúng sinh đều chứng đắc đạo ấy, lẽ nào lại không phải là hành nhất?

[1] Nguyên tác dùng chữ "俱胝 - câu-chi", Phạn ngữ là koṭi, chỉ số lượng một trăm ngàn (100.000), nhưng thường được dùng với ý nghĩa biểu trưng cho số lượng rất nhiều, không nhất thiết chính xác.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Chư Phật đời vị lai"* trở đi 2 khổ kệ, tụng ý nghĩa giáo nhất. Rõ biết các pháp thường không có tự tánh, thật tướng cũng thường trụ nơi không tự tánh, cho đến không có tánh vô nhân[1] và trạng thái vô tánh đó lại cũng không có tánh. Đó gọi là vô tánh.

"Giống Phật từ duyên khởi", là nói trung đạo không có tánh, đó chính là chủng tử Phật.[2] [Chúng sanh] mê muội không biết lẽ này, đó là do duyên nơi vô minh nên [nghiệp] chúng sinh sinh khởi. [Các bậc giác ngộ] hiểu rõ lẽ này, đó là do duyên nơi thực hành giáo pháp nên chánh giác sinh khởi. Muốn cho hạt giống Phật sinh khởi thì phải thuyết dạy pháp Nhất thừa. Đây là tụng ý nghĩa giáo nhất. Lại nữa, không có tự tánh chính là chánh nhân Phật tánh. Nói *"Giống Phật từ duyên khởi"* tức là duyên [nhân] và liễu [nhân Phật tánh].[3] Dùng duyên [nhân] trợ giúp liễu [nhân] nên chủng tử chánh nhân được sinh khởi. Một [duyên] sinh khởi thì tất cả đều sinh khởi, ba tánh như vậy gọi là Nhất thừa.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Pháp trụ nơi pháp vị"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng ý nghĩa lý nhất. Chúng sinh, chánh giác cùng một lẽ như, không hai không khác, đều không ra ngoài lẽ như. Tất cả đều như pháp, lấy đó làm [pháp] vị.

"Tướng thế gian thường trụ" là chánh giác xuất thế lấy *như* làm vị, cũng lấy *như* làm tướng, vị và tướng ấy thường trụ. Chúng sinh thế gian cũng lấy *như* làm vị, lại cũng lấy

---

[1] Tánh vô nhân (無因性), tức là nói tánh không có nguyên nhân, tự nhiên sinh.

[2] Câu này nguyên tác Đại Chánh tạng chép là: "佛種從緣起者 。中道無 。性即是佛種 。 - Phật chủng tùng duyên khởi. Trung đạo vô. Tánh tức thị Phật chủng." Do dấu chấm đặt không đúng nên kinh văn trở thành tối nghĩa. Đúng ra phải chép là: "Phật chủng tùng duyên khởi, trung đạo vô tánh tức thị Phật chủng." Chúng tôi chuyển dịch theo ý nghĩa này.

[3] Đoạn này sử dụng ý nghĩa ba loại tánh Phật được nói trong kinh Đại Bát Niết-bàn như đã dẫn ở trước: chánh nhân Phật tánh, liễu nhân Phật tánh và duyên nhân Phật tánh.

như làm tướng nên có lẽ nào lại không thường trụ? Tướng thế gian [như vậy] đã là thường trụ, lẽ nào không phải là lý nhất?

Lại nói về nghĩa thế gian, đó tức là nói các ấm, nhập và giới. Nói "thường trụ" tức là chánh nhân [Phật tánh]. Nhưng chánh nhân [Phật tánh] này chẳng phải 6 pháp,[1] mà duyên nhân với liễu nhân [Phật tánh] không lìa 6 pháp. Chánh nhân là thường nên duyên [nhân], liễu [nhân] cũng thường. Cho nên nói "tướng thế gian thường trụ".

"Nơi đạo tràng rõ biết" là nêu quả thật để giải thích việc tạm bày phương tiện quyền biến và hiển bày lẽ chân thật. [Chư Phật từ] nơi đạo tràng đã thấu suốt, rõ biết sáng tỏ thật lý từ lâu, chỉ vì chúng sinh bị che chướng nặng nề nên tạm bày phương tiện thuyết thành ba thừa. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

Hàng trời người cúng dường,
Mười phương Phật hiện tại,
Số nhiều như cát sông,
Xuất hiện nơi thế gian,
Vì giúp chúng an ổn,
Cũng thuyết pháp như vậy.
Biết tịch diệt hơn hết,
Nhưng dùng sức phương tiện,
Tuy chỉ bày mọi đường,
Thật chỉ vì Phật thừa.
Rõ biết mọi tánh hạnh,
Tâm niệm của chúng sinh,
Và tập khí quá khứ,
Tham muốn, sức tinh tấn,
Cùng căn tánh lợi, độn.
Nên dùng mọi nhân duyên,
Nhiều thí dụ, ngôn từ,
Phương tiện thuyết ứng hợp.

■ Phần thứ tư từ câu *"Hàng trời người cúng dường"* trở đi có 4 khổ rưỡi kệ, tụng lại phần văn trường hàng nói về

[1] Nguyên tác chỉ nói "六法 - lục pháp" mà không giải thích gì thêm. Theo ngữ cảnh đang nói ở đây, chúng tôi ngờ rằng chỉ đến sáu pháp Như Lai vô hữu yếm túc (如來無有厭足), tức là sáu pháp của chư Phật được thi hành không lúc nào dừng nghỉ, chán mỏi, bao gồm: thí (施), giáo giới (教誡), nhẫn (忍), pháp thuyết nghĩa thuyết (法說義說), tương hộ chúng sinh (將護眾生) và cầu Vô thượng chánh chân chi đạo (求無上正真之道).

chư Phật trong hiện tại. Trong văn trường hàng thì phần này có 4 ý, phần kệ này [chia làm 3 tổng đoạn] chỉ tụng lại 3 ý, không tụng phần tóm kết sau cùng.

▣ Tổng đoạn thứ nhất, nêu ý thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu ý nghĩa của sự giáo hóa, chính là vì sự an ổn của chúng sinh.

▣ Tổng đoạn thứ hai, nêu ý thứ hai từ câu *"Biết tịch diệt hơn hết"* trở đi, gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa hiển bày lẽ chân thật trong văn trường hàng ở trên. *"Biết tịch diệt hơn hết"* là nói nghĩa lý nhất. *"Thật chỉ vì Phật thừa"* là nói nghĩa giáo nhất, hoặc cũng có thể hiểu là nói nghĩa hành nhất.

▣ Tổng đoạn thứ ba, nêu ý thứ ba, từ câu *"Rõ biết mọi tánh hạnh, tâm niệm của chúng sinh..."* gồm 2 khổ kệ, tụng về ý nghĩa tạm bày phương tiện quyền biến [của chư Phật], y theo văn kinh [có thể hiểu được].

◉ Tổng phần thứ hai từ câu *"Nay ta cũng như vậy"* trở đi có 43 khổ rưỡi kệ, tụng lại phần nói về Phật Thích-ca trong văn trường hàng ở trên. [Trong nội dung giảng rộng 6 ý nghĩa thì] phần văn trường hàng không nói đến nghĩa xưng tán pháp [Phật] là hy hữu, còn trong phần kệ tụng này nêu đủ 6 nghĩa.[1] Nhưng theo các nhà cựu giải thì phần nói về Phật Thích-ca là dẫn trước [phẩm] Thí dụ, tức là nói phần văn trước dẫn khởi cho ý nghĩa văn sau. có sự tương quan và phát triển.

[Quả thật là,] đọc nhiều sớ giải thì hoa mắt, nghe nhiều diễn giảng thì loạn tâm, nên kẻ si mê chậm lụt ắt phải

[1] Sáu ý nghĩa giảng rộng này đã được nêu ra trong phần giảng giải ở trước, bao gồm: Thứ nhất, xưng tán chánh pháp [của Phật] là ít có. Thứ hai, [Phật] giảng thuyết không hư dối. Thứ ba, trừ bỏ pháp phương tiện. Thứ tư, chỉ bày pháp chân thật. Thứ năm, nêu năm sự uế trược để giải thích về pháp quyền biến phương tiện. Thứ sáu, chọn trừ hư ngụy, nêu cao chân thật.

hoang mang nghi hoặc. Theo ý riêng tôi thì trước tiên nên xem hết toàn văn từ đầu đến cuối, sau đó mới tự mình soi xét suy ngẫm. [Theo đó thì] phần kệ nói về Phật Thích-ca có 2 ý. Một là tụng lại [nghĩa] bên trên, hai là dẫn khởi cho văn phía dưới. [Như phần giảng trước thì] bậc thượng căn đã tỏ ngộ, hạng trung căn còn chưa hiểu rõ, cho nên phải nêu thí dụ để làm rõ pháp đã nói. Các thí dụ đều chẳng phải vô cớ nói ra, mà là có căn do từ phần trước được tiếp nối, cho nên nói là dẫn khởi.

Theo cựu giải thì [trong kinh văn] có 5 thí dụ. Một là thí dụ có ông trưởng giả; thứ hai là thí dụ [ông trưởng giả] nghĩ cách cứu giúp [những đứa con]; thứ ba là thí dụ quyền lập phương tiện; thứ tư là thí dụ [giáo pháp] bình đẳng; thứ năm là thí dụ [giáo pháp] không hư vọng.

Nhưng xét thí dụ nêu ra đầu tiên là nói tổng quát, không chỉ nói riêng ông trưởng giả. [Thí dụ] nghĩ cách cứu con thì chưa đủ nghĩa. Do [không nói] thí dụ thấy lửa [đang cháy nhà], nên [cách phân chia giải thích như trên] không dùng đến.

Ngài Pháp Dao nói: Trong phẩm Phương tiện, từ câu *"Chư Phật tùy chỗ thích hợp mà thuyết pháp"* cho đến hết phần văn trường hàng chính là hiển bày Nhất thừa chân thật.

Nói chung phần này có thể chia thành 4 ý. Thứ nhất là trừ bỏ bốn [nghĩa giáo, lý, hành, nhân] của ba thừa đã thuyết trước đây, nay thuyết giảng thành tứ nhất.[1] Thứ hai là [nói nghĩa] do 5 sự uế trược [che chướng chúng sanh] cho nên không thể giảng nói Nhất thừa. Thứ ba là từ câu *"Nếu các đệ tử của ta tự cho mình là A-la-hán..."* trở đi, nêu rõ những trường hợp không hiểu đúng pháp. Thứ tư là từ câu *"Xá-lợi-phất! Các ông nên hết lòng tin hiểu..."* trở đi, nêu rõ nghĩa [lời Phật dạy] không hư dối, từ ban sơ đến rốt cùng,

[1] Tức là các nghĩa giáo nhất, lý nhất, hành nhất và nhân nhất.

tuy lời [Phật] nói có khác biệt nhưng nếu theo ý nghĩa mà tìm cầu thì tất cả đều chân thật.

Phần sau [trong phẩm Thí Dụ] nói việc trong nhà lửa là dùng thí dụ để nêu 3 ý trong phẩm Phương tiện này. Từ câu *"Như trong nước có ông đại trưởng giả"*[1] trở đi cho đến hết câu *"nguyện đến lúc ban cho"*[2] là thí dụ nêu ý thứ nhất, nói về nghĩa 5 uế trược [che chướng]. Từ câu *["Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ ông trưởng giả] ban cho mỗi đứa con một cỗ xe lớn"*[3] cho đến hết câu *"được điều chưa từng có"*[4] là thí dụ nêu ý thứ hai, nói về nghĩa [pháp Phật] là chân thật. Từ câu *"ông trưởng giả ấy bình đẳng ban cho các con..."*[5] đến hết câu *"có phải là hư dối chăng?"*[6] là thí dụ nêu ý thứ ba, nói về nghĩa [pháp Phật] không hư dối.

Ngài Huyền Sướng[7] nói có 6 thí dụ. Thứ nhất là nêu việc trong nhà [đang cháy], thí dụ tướng trạng các tai ách [của chúng sanh]. Thứ hai là nêu việc [ông trưởng giả] tỉnh giác rõ biết [nhà đang cháy], thí dụ duy nhất chỉ có Phật khởi ý niệm Nhất thừa. Thứ ba là [nêu việc các con không

---

[1] Văn Cú nói là "從譬如下 - tùng thí như hạ". Tuy nhiên, đây là câu kệ mở đầu phần trùng tụng phía sau, ở trang 13c, d.19, kinh văn đã dẫn. Và như vậy không thể nói "竟願時賜與 - cánh nguyện thời tứ dữ" (nguyện đến lúc ban cho), bởi vì câu này nằm trong phần văn trường hàng phía trước chứ không phải sau câu kệ vừa nói. Do vậy, theo ý nghĩa đang nói thì đây phải là câu kinh văn trường hàng mở đầu thí dụ về ông trưởng giả.

[2] Kinh Pháp hoa đã dẫn, trang 12c, d.17: "願時賜與 - nguyện thời tứ dữ".

[3] Kinh Pháp hoa đã dẫn, trang 12c, d.18: "舍利弗！爾時長者各賜諸子等一大車 - Xá-lợi-phất! Nhĩ thời trưởng giả các tứ chư tử đẳng nhất đại xa".

[4] Kinh Pháp hoa đã dẫn, trang 13a, dòng thứ nhất: "諸子各乘大車，得未曾有 - chư tử các thừa đại xa, đắc vị tằng hữu".

[5] Kinh Pháp hoa đã dẫn, trang 13a, d.2: "是長者等與諸子 - thị trưởng giả đẳng dữ chư tử..." Văn Cú trích lại nhầm một chữ, đổi chữ dữ - 與 trong kinh văn thành chữ tứ - 賜.

[6] Kinh Pháp hoa đã dẫn, trang 13a, d.3: "寧有虛妄不？ - ninh hữu hư vọng phủ?"

[7] Huyền Sướng (玄暢), sinh năm 416, viên tịch năm 484. Ngài họ Triệu, là người Kim Thành, Hà Tây. Ngài xuất gia ở Lương Châu, hiệu là Tuệ Trí, về sau đến Bình Thành theo học với ngài Huyền Cao mới đổi hiệu là Huyền Sướng.

nghe lời], thí dụ chúng sinh không [đủ sức] thọ nhận [giáo pháp Nhất thừa], nên [Phật] phải vì [chúng sanh] nói ra những việc đáng kinh sợ [trong chốn sinh tử]. Thứ tư là [nêu việc trưởng giả hứa cho ba loại xe đẹp], thí dụ Phật phương tiện nói ba thừa là an vui. Thứ năm là [nêu việc các con ra khỏi nhà lửa an toàn, được trưởng giả ban cho cùng một loại xe báu], thí dụ việc Phật [trừ bỏ ba thừa,] thuyết giảng giáo pháp Nhất thừa. Thứ sáu là tổng kết [các ý nghĩa trên] để chỉ rõ pháp Phật không hư dối.

Ngài Long Sư[1] cũng nói có 6 thí dụ. Thứ nhất là nêu việc cha con ông trưởng giả trong căn nhà [đang cháy], thí dụ như đức Phật tôn quý nhất trong 3 cõi, giáo hóa chúng sinh. Thứ hai là ông trưởng giả thấy biết lửa [đang cháy nhà], thí dụ như Phật dùng Phật nhãn thấy rõ chúng sinh [khổ đau] trong 6 đường. Thứ ba là ông trưởng giả [nghĩ cách] cứu [các con ra khỏi nhà] lửa cháy, thí dụ như đức Phật [sau khi thành đạo] trong 21 ngày [suy nghĩ] muốn hóa độ chúng sinh nhưng không thể vận dụng Đại thừa. Thứ tư nêu việc ông trưởng giả dùng phương tiện dẫn dụ [các con] bằng 3 loại xe, thí dụ như đức Phật phương tiện tạm thuyết giáo pháp ba thừa. Thứ năm nêu việc ông trưởng giả ban cho [tất cả các con cùng] một loại một xe lớn, thí dụ như Phật việc thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Thứ sáu [nêu việc ông trưởng giả dẫn dụ cứu thoát các con] thí dụ như Phật thuyết pháp không hư dối.

[Phần kệ tụng ở đây dẫn khởi] thí dụ căn nhà bốc cháy [trong phẩm Thí Dụ ở phần sau, có 10 nghĩa dẫn khởi cho] 10 thí dụ.

Thứ nhất, từ câu *"Nay ta cũng như vậy"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng lại tổng quát cả hai ý nghĩa về quyền và thật trong phần văn trường hàng ở trên và nêu ý nghĩa dẫn khởi chung cho các thí dụ [trong phẩm Thí Dụ].

[1] Chưa biết rõ về vị này, chỉ biết là đệ tử của ngài Tuệ Viễn (334-416).

Thứ hai, từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết"* trở đi gồm 4 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa về 5 sự uế trược trong văn trường hàng phần trên, là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ thấy lửa [cháy nhà].

Thứ ba là từ câu *"Ban sơ ngồi đạo trường"*, gồm 6 khổ rưỡi kệ, nêu rõ nghĩa không thể dùng Đại thừa để giáo hóa chúng sinh [nhiều tham đắm, si mê]. Đây là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả muốn] cứu các con [ra khỏi nhà đang cháy] mà không thể được.

Thứ tư, từ câu *"Liền nhớ Phật quá khứ"* trở đi gồm 11 khổ kệ, nêu rõ ý nghĩa [vận dụng] ba thừa có thể giáo hóa được [chúng sanh], đồng thời là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] cứu được các con thoát [ra khỏi căn nhà đang cháy].

Thứ năm, từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết! Ta thấy những Phật tử..."* gồm 1 khổ kệ, nêu rõ sự phát khởi căn cơ Đại thừa, cũng là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] nhìn thấy các con đã thoát nạn.

Thứ sáu, từ câu *"Đều khởi tâm cung kính"* trở đi gồm 1 khổ kệ, nêu rõ ý nghĩa [người đã nghe giáo pháp] ba thừa tìm cầu quả vị, cũng là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ các con [của ông trưởng giả] đòi hỏi [cha ban] cho xe.

Thứ bảy, từ câu *"Ta liền suy nghĩ rằng"* trở đi gồm 2 khổ kệ thêm một câu, nêu rõ sự hoan hỷ của Như Lai, là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ ông trưởng giả hoan hỷ [thấy các con thoát nạn].

Thứ tám, từ câu *"Nay giữa chúng Bồ Tát"* trở đi gồm 3 câu, nêu rõ việc [Phật vì đại chúng] thuyết giảng Đại thừa, là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] cho các con [cùng một loại] xe lớn.

Thứ chín, từ câu *"Bồ Tát nghe pháp này"* trở đi gồm 1 khổ kệ,[1] nêu rõ việc chúng sinh hoan hỷ [được nghe pháp],

[1] Nếu đúng như Văn Cú chép ở đây gồm 1 khổ kệ (4 câu) thì còn có 22 câu không thấy kể vào. Đó là từ câu "Như nghi thức thuyết pháp..." cho đến câu "Hiếm hơn

là ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ các con [của ông trưởng giả] đều vui mừng [vì được xe lớn].

Thứ mười, từ câu *"Các ông chớ hoài nghi"* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu rõ ý nghĩa lời Phật dạy không hư dối, là ý nghĩa dẫn khởi thí dụ ông trưởng giả không dối gạt [các con].

Có người bàn luận rằng, nếu phân chia theo câu thì có 19 câu,[1] nhưng nếu phân chia theo ý nghĩa thì có 6 nghĩa. Thứ nhất là nêu nghĩa tổng quát; thứ hai là [trưởng giả] thấy lửa [cháy nhà, ví như đức Phật nhìn thấy chúng sinh chịu hiểm nạn trong 6 đường]; thứ ba là [Phật biết dùng] Nhất thừa không thể giáo hóa [chúng sinh, giống như ông trưởng giả không thể bảo các con ra khỏi nhà lửa]; thứ tư là [Phật biết dùng] ba thừa [phương tiện] có thể giáo hóa [chúng sinh, giống như ông trưởng giả dùng 3 loại xe dẫn dụ được các con ra khỏi nhà lửa]; thứ năm là [Phật] trở lại thuyết pháp Nhất thừa, [giống như ông trưởng giả dùng duy nhất một loại xe lớn ban cho các con]; và thứ sáu là lời Phật dạy không hư dối, [giống như ông trưởng giả không dối gạt các con]. Tất cả các phần khác đều có thể thu vào trong sáu ý nghĩa này.

Lại nếu xét theo 10 [ý nghĩa dẫn khởi đến 10] thí dụ [như vừa nói trước] thì có nhiều điểm sai biệt giữa phần nói pháp [trong phẩm này] và phần thí dụ [ở phẩm sau].

Trong phần nói pháp [thì nghĩa] tìm cầu quả vị đặt trước, đức Phật hoan hỷ nói sau, nhưng trong phần thí dụ thì nói ông trưởng giả vui mừng trước, các con đòi cho xe nói sau. [Như vậy,] tuy muốn nối kết hai phần thông nhau nhưng cuối cùng lại thành ra cách biệt rất xa.

---

hoa ưu-đàm", trước khi đến câu "Các ông chớ hoài nghi" của phần thứ mười. Tuy nhiên, theo ý nghĩa được giải thích ở đây là "chúng sinh hoan hỷ" thì e rằng Văn Cú đã chép nhầm, không phải 1 khổ kệ mà phải là 6 khổ rưỡi, tức 26 câu.

[1] Nguyên tác dùng "十九句 - thập cửu cú" không hẳn là chỉ 19 câu văn. Đây là dẫn theo cách phân chia các ý trong phần kinh văn này của ngài Quang Trạch.

Lại nữa, [xét trong hai phần] thì ý nghĩa lớn nhỏ trái ngược nhau. Trong phần nói pháp thì [Phật] thấy căn cơ Đại thừa phát khởi nên hoan hỷ, còn trong phần thí dụ thì ông trưởng giả chỉ do duyên nhỏ [là thấy các con] thoát nạn mà vui mừng.

Phần nói pháp làm rõ nhân Đại [thừa], phần thí dụ chỉ nêu quả nhỏ nhoi. Phần nói pháp nêu sự che chướng Đại [thừa] sắp bị phá đổ, phần thí dụ chỉ nói tai nạn nhỏ nhoi vừa thoát ra được. [Như vậy,] ý nghĩa và tác động [của các vấn đề] đều trái nghịch nhau.

Lại [xét nghĩa] có và không cũng khác biệt nhau. Trong phần nói pháp trình bày những bậc thượng căn dễ dàng giác ngộ nên không có việc [tương đương với các con trưởng giả] đòi xe, trong phần thí dụ thì nói hạng trung căn do mê hoặc nên mới có thí dụ [các con trưởng giả] đòi xe. Nếu dẫn sự cung kính [của hàng Phật tử] mà cho là [tương đương với] việc đòi xe thì hoàn toàn khác biệt, không phù hợp với ý của kinh văn.

Nay không nói đến 4 lỗi như trên,[1] nhưng xét theo chỗ có và không thì trong phần văn trường hàng có 5 nghĩa: thứ nhất là trừ bỏ ba thừa, thứ hai là hiển bày Nhất thừa, thứ ba là nêu 5 sự uế trược [che chướng], thứ tư là [phân biệt] chân ngụy và thứ năm là [xác quyết lời Phật dạy] không hư dối. Trong phần kệ tụng cũng có 5 nghĩa, chỉ khác là trong văn trường hàng có [nghĩa phân biệt] chân ngụy, trong kệ tụng thì không có; trong kệ tụng có nghĩa xưng tán pháp, trong văn trường hàng thì không có. Đó là xen lẫn hỗ tương cho nhau để trình bày [đầy đủ nghĩa].

Xét về thứ tự thì trong văn trường hàng trước nói việc trừ

[1] Bốn lỗi như trên là nói bốn sự khác biệt vừa nêu, bao gồm các ý nghĩa khác biệt là: 1. Tiền hậu (trước-sau), 2. Đại tiểu (lớn-nhỏ, Đại thừa-Tiểu thừa), 3. Nhân quả (nguyên nhân-kết quả) và 4. Hữu vô (có-không).

bỏ ba thừa, sau mới nói hiển bày Nhất thừa, trong phần kệ thì trước nói hiển bày Nhất thừa, sau mới nói trừ bỏ ba thừa.

Xét về nghĩa khai hợp, [thứ nhất] là khai mở ba thừa, kết lại hiển bày Nhất thừa, [nghĩa này] dẫn khởi cho thí dụ tổng quát [trong phẩm Thí Dụ]. Thứ hai là trong phần kệ [chỉ có nghĩa] kết lại mà không nói nghĩa khai mở. Kế tiếp là phần văn nói nghĩa lìa 5 sự uế trược, dẫn khởi cho 4 thí dụ trong phần sau, nói nghĩa khai mở mà không kết lại. Nghĩa không hư dối là dẫn khởi cho thí dụ không hư dối. Nghĩa chẳng hợp chẳng khai là làm rõ chỗ nắm giữ hay buông bỏ. Kinh văn có 4 đoạn là dẫn khởi cho 6 thí dụ [trong phần sau], nói nghĩa chấp giữ không buông. Phần xưng tán pháp không thuộc về 6 thí dụ nên nói nghĩa buông mà không giữ.

Luận về nghĩa chung hay riêng thì phần đầu nói trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa là nói chung việc Đức Thích-ca chỉ giáo hóa bằng 1 pháp môn. Từ phần nói về 5 sự uế trược trở đi thì đều là thí dụ nói riêng [từng ý nghĩa].

Kế đến [luận về] bản tích, phần tổng quát nêu giáo pháp của Phật bao gồm cả hai nghĩa bản, tích. Từ phần nói về năm sự uế trược trở đi là nói riêng từng nghĩa bản, tích. Riêng phần nói về 5 sự uế trược chính là nêu rõ [nghĩa Phật] trụ nơi pháp thân là bản, nhìn thấy chúng sinh khổ đau mà khởi tâm đại bi. Từ phần nói nghĩa không thể dùng Nhất thừa giáo hóa [chúng sanh] là nói [Phật] thương xót biểu hiện hình tích. Đại lược là như vậy.

Nay cho rằng ý chính của tích môn là trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Phần trước thuyết pháp chỉ thẳng, bậc thượng căn liền tỏ ngộ, hàng trung căn và hạ căn thì chưa hiểu, nên sau đó [Phật] vì họ mà nói các thí dụ. Từ thí dụ ba [xe như ba thừa] và một [xe như Nhất thừa] khiến cho [thính chúng] được hiểu rõ.

Phần trước thuyết chánh pháp đã có đủ nói lược và nói rộng về nghĩa trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa, phần sau thuyết thí dụ cũng đủ nghĩa nói lược và nói rộng việc [ông trưởng giả] hứa hẹn 3 [loại xe] rồi ban cho chỉ 1 [loại xe lớn]. [Lần thứ ba] thuyết nhân duyên cũng dẫn dắt từ ba thừa về Nhất thừa.

Nếu theo những cách giải thích [như trên để hiểu] phần thí dụ có 3 ý, 6 ý hay 10 ý[1] thì không phù hợp với nghĩa 3 lần [thuyết pháp][2] trong kinh văn, cũng sai lệch với chỗ tin hiểu của 4 vị [Đại Thanh văn[3] trong phẩm Tin hiểu], do vậy ở đây không dùng đến.

Nay giảng rõ trong tổng phần thứ hai này nói về đức Phật Thích-ca, chia làm 2 phần.

- Phần thứ nhất từ câu *"Nay ta cũng như vậy"* trở đi gồm 2 khổ kệ, lược tụng lại ý nghĩa về quyền và thật trong phần kinh văn trường hàng, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ tổng quát [trong phẩm Thí Dụ].
- Phần thứ hai từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhãn quán"* trở đi gồm có 41 khổ rưỡi kệ, tụng rộng về 6 nghĩa trong văn trường hàng ở trước, làm nghĩa dẫn khởi cho các thí dụ riêng biệt [trong phẩm Thí Dụ].

Lược nói trong phần thứ nhất có 6 ý, có thể là dẫn khởi cho 6 ý nghĩa trong phần thí dụ tổng quát [của phẩm Thí Dụ].

---

[1] Tức là chỉ cho những cách hiểu của các vị Pháp Dao, Huyền Sướng, Long Sư, Quang Trạch vừa trình bày ở phần trên.

[2] Ở đây dùng lại ý nghĩa "ba lần thuyết pháp" đã giảng ở trước. Lần thứ nhất là thuyết chánh pháp cho hàng thượng căn, lần thứ hai là thuyết thí dụ cho hàng trung căn và lần thứ ba là thuyết nhân duyên cho hàng hạ căn.

[3] Nguyên tác dùng "四人信解 - tứ nhân tín giải" (chỗ tin hiểu của bốn người), tức là chỉ bốn vị Đại Thanh văn gồm Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Ca-diếp và Mục-kiền-liên. Trong phẩm Tin hiểu, bốn vị này sau khi nghe Phật thụ ký cho ngài Xá-lợi-phất thuộc hàng Thanh văn thì vui mừng bày tỏ sự tin hiểu của mình trước đức Phật.

KINH VĂN

Nay ta cũng như vậy,
Vì giúp chúng an ổn,
Dùng đủ mọi pháp môn,
Để chỉ bày Phật đạo.

Ta dùng sức trí tuệ,
Biết lòng dục chúng sinh,
Phương tiện giảng các pháp,
Khiến cho đều hoan hỷ.

■ Phần thứ nhất, kệ nói *"Nay ta cũng như vậy"*, "ta" ở đây là đức Phật Thích-ca, tức là bậc chủ trì giáo hóa, là dẫn khởi cho phần thí dụ *"có ông đại trưởng giả"* [trong phẩm Thí Dụ].

[Lời kệ nói *"vì giúp chúng an ổn"*,] "an ổn" ở đây là Đại Niết-bàn, là trụ xứ thường an vui. Trụ xứ này yên tĩnh vắng lặng, không bị che chướng bởi năm sự uế trược cho nên gọi là an ổn. An ổn là trái ngược với không an ổn. Không an ổn tức là chốn sinh tử trong ba cõi, nơi [chư Phật] thi hành giáo hóa. Vì có 5 sự uế trược che chướng nên nói là không an ổn, tức là dẫn khởi cho thí dụ căn nhà đang cháy [trong phẩm Thí Dụ]. *"Chúng"* là nói chúng sinh được giáo hóa trong 5 đường,[1] là dẫn khởi cho thí dụ 500 người [trong phẩm Thí Dụ].

Lại nữa, an ổn là pháp an ổn, đối lại với pháp không an ổn. Pháp không an ổn là 5 uế trược, là dẫn khởi cho thí dụ lửa bốc lên cháy [nhà trong phẩm Thí Dụ].

Lời kệ nói *"Dùng đủ mọi pháp môn"* tức là trái với không có đủ loại, là dẫn khởi cho thí dụ [căn nhà] chỉ có 1 cửa [trong phẩm Thí Dụ].

Kệ nói *"Biết lòng dục chúng sanh"* tức là [biết] căn tánh của chúng sinh trong 5 đường có 3 ba thừa sai biệt, là dẫn khởi cho thí dụ 30 người con [trong phẩm Thí Dụ]. [Từ câu

[1] Năm đường: tức cõi trời, cõi người, cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Theo khái niệm này thì loài a-tu-la được xem là hiện hữu trong cả năm đường. Nếu tách riêng a-tu-la thì gọi là sáu đường (lục đạo).

này] về trước là nói lược ý nghĩa, [từ câu này] trở đi là dẫn khởi cho thí dụ tổng quát [trong phẩm Thí Dụ].

[Như vậy là] trước sau có sự hỗ tương thừa tiếp, ý nghĩa kinh văn mạch lạc đầy đủ. Trong phần thí dụ lại còn dẫn [kinh văn] ở trước để chứng minh ý nghĩa về sau. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

Xá-lợi-phất nên biết!
Ta dùng Phật nhãn quán,
Thấy chúng sinh sáu đường,
Nghèo khốn, không phước trí,
Vào đường hiểm sinh tử,
Khổ triền miên không dứt,
Bám chấp năm món dục,
Như bò thích đuôi bò,
Tham ái tự che lấp,
Mê tối chẳng thấy gì.
Không cầu oai lực Phật,
Dứt trừ các pháp khổ,
Vào sâu rừng tà kiến,
Muốn dùng khổ dứt khổ.
Vì những chúng sinh ấy,
Ta khởi tâm đại bi.

■ Phần [thứ hai] tụng rộng 6 ý nghĩa [trong văn trường hàng], có thể chia làm 4 tổng đoạn, là nghĩa dẫn khởi cho các thí dụ riêng biệt [trong phẩm Thí Dụ].

- Tổng đoạn thứ nhất là từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhãn quán"* trở đi gồm 4 khổ kệ,[1] tụng rộng ý nghĩa về 5 sự uế trược trong văn trường hàng và dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] nhìn thấy lửa [cháy nhà] trong phần sau.
- Tổng đoạn thứ hai là từ câu *"ban sơ ngồi đạo tràng"* trở đi, gồm 17 khổ rưỡi kệ, tụng rộng ý nghĩa từ nơi Nhất thừa mở bày ra ba thừa trong văn trường hàng ở trên, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] không dùng sức mạnh mà bày ra việc hứa hẹn cho [xe nhỏ đồ chơi trong phẩm Thí Dụ].

[1] Văn Cú nói là bắt đầu từ câu "ngã dĩ Phật nhãn quán" (ta dùng Phật nhãn quán), nhưng như vậy không đúng với cách tính 4 khổ kệ cho đoạn này, mà phải gồm cả câu trước đó là "Xá-lợi-phất đương tri".

- Tổng đoạn thứ ba là từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta thấy những Phật tử"* trở đi gồm 6 khổ kệ,[1] tụng rộng ý nghĩa hiển bày chân thật trong văn trường hàng ở trên, là ý nghĩa dẫn khởi thí dụ [ông trưởng giả] ban cho [các con cùng một loại] xe lớn [trong phẩm Thí Dụ].
- Tổng đoạn thứ tư là từ câu *"Như nghi thức thuyết pháp, của ba đời chư Phật"* trở đi gồm 5 khổ rưỡi kệ, tụng rộng ý nghĩa xưng tán chánh pháp hy hữu trong phần văn trường hàng. Tiếp theo có 2 khổ rưỡi kệ tụng lại ý nghĩa không hư dối. Kế tiếp nữa là 6 khổ kệ tụng lại ý nghĩa khuyến khích tin nhận. Cả 3 ý này hợp lại làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] không dối gạt [các con trong phẩm Thí Dụ].

Đại lược là như vậy, dưới đây sẽ phân chia chi tiết hơn.

▣ Tổng đoạn thứ nhất tụng về 5 sự uế trược chia thành 3 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất có nửa khổ kệ và 1 chữ [thấy], nêu rõ chỗ quán sát, nhìn thấy của Phật nhãn, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ ông trưởng giả thấy được [lửa bốc lên cháy nhà trong phẩm Thí Dụ].

◆ Đoạn thứ hai từ [4 chữ] *"chúng sinh sáu đường"* trở đi gồm 4 chữ và 2 khổ kệ thêm 3 câu, nêu rõ chỗ thấy [của Phật] về 5 sự uế trược, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] thấy lửa [bốc lên cháy nhà trong phẩm Thí Dụ].

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"vì những chúng sinh ấy"* trở đi có nửa khổ kệ, nêu rõ việc [đức Phật] khởi tâm đại bi, làm ý nghĩa dẫn khởi cho thí dụ ông trưởng giả kinh sợ trong nhà lửa [vì lo cho các con].

---

[1] Giống như trước, Văn Cú nói bắt đầu từ câu "Ngã kiến Phật tử đẳng" (ta thấy những Phật tử) nhưng thật ra phải bắt đầu từ câu "Xá-lợi-phất đương tri" mới đúng là 6 khổ kệ.

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Ban sơ ngồi đạo trường"* trở đi, nếu dùng nghĩa mở bày ba thừa thì lại chia thành 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất có 6 khổ rưỡi kệ, [Phật] suy nghĩ việc dùng Đại thừa giáo hóa [chúng sanh] không thể được, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] tuy tự thân có sức mạnh nhưng không dùng đến.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Liền nhớ Phật quá khứ"* trở đi có 11 khổ kệ, [Phật] suy nghĩ giống như chư Phật quá khứ, nên dùng ba thừa để giáo hóa [chúng sanh], làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] bày ra 3 xe hứa cho [các con].

▣ Tổng đoạn thứ ba tụng lại ý nghĩa hiển bày lẽ thật [trong văn trường hàng], lại chia thành 4 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta thấy những Phật tử"* trở đi, gồm 2 khổ kệ, nêu rõ việc phát khởi căn cơ Đại thừa, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [các con ông trưởng giả] xin được ban cho xe [như đã hứa].

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Ta liền suy nghĩ rằng"* trở đi gồm 2 khổ kệ và 1 câu, nêu rõ việc Phật hoan hỷ, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] thấy các con thoát nạn [trong lòng vui mừng].

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"nay giữa chúng Bồ Tát"* trở đi gồm 3 câu kệ, chính thức hiển bày pháp chân thật, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] ban cho [các con] cùng một loại xe lớn.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Bồ Tát nghe pháp này"* trở đi gồm 1 khổ kệ nêu rõ việc [hàng Bồ Tát] thọ nhận [chánh pháp] tu hành tỏ ngộ và thể nhập [tri kiến Phật], làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ các con [của ông trưởng giả mỗi người] đều được một cỗ xe lớn nên hoan hỷ.

Phần tụng lại ý nghĩa [lời Phật] không hư dối trong văn trường hàng, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả] không dối gạt [các con]. [Phần này chỉ có một ý,] không bàn việc phân chia.

Lại nữa, nếu phân chia các phần lớn tức là dẫn khởi cho 3 thí dụ [ở phần sau].

Trước hết từ câu *"Nay ta cũng như vậy, vì giúp chúng an ổn"* trở đi gồm 2 khổ kệ, [nói nghĩa] hợp lại không lìa bỏ, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ tổng quát.

Thứ hai là từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhãn quán"* trở đi [gồm 3 khổ rưỡi kệ, nói nghĩa nên] lìa bỏ không hợp lại, làm nghĩa dẫn khởi cho các thí dụ riêng biệt [trong phẩm Thí Dụ].

Thứ ba là [từ câu *"vì những chúng sinh ấy"* gồm nửa khổ kệ nói nghĩa] không hư dối, không lìa bỏ cũng không hợp lại, làm nghĩa dẫn khởi cho thí dụ [ông trưởng giả không dối gạt các con trong phẩm Thí Dụ].

[Như vậy,] nếu nương theo nghĩa phần trên làm chỗ dẫn khởi cho phần dưới, kệ tụng có đủ hai phần nói lược và nói rộng thì ý nghĩa thông suốt cả ba vòng thuyết pháp cũng như trong phẩm Tin hiểu, văn và nghĩa đều không khiếm khuyết.

Nếu riêng theo phần tụng rộng thì có thể chia ra 4 ý, tụng lại 4 nghĩa trong văn trường hàng ở trước, làm nghĩa dẫn khởi cho 4 thí dụ [trong phẩm Thí Dụ], như vậy cũng thông suốt cả 3 vòng thuyết pháp cùng ý nghĩa trong phẩm Tin hiểu, văn và nghĩa đều không khiếm khuyết.

Nếu lại phân chia phần tụng về 5 sự uế trược thành 3 ý, phần tụng nghĩa phương tiện thành 2 ý, phần tụng hiển bày chân thật thành 4 ý, [phần tụng nghĩa] không hư dối chỉ 1 ý, tất cả hợp thành 10 ý, làm nghĩa dẫn khởi cho 10

thí dụ trong phẩm Thí Dụ thì 10 ý này chỉ phù hợp với 2 vòng thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ, còn so với nghĩa trong phẩm Tin hiểu cùng việc thuyết nhân duyên thì văn lại khiếm khuyết.

Cho nên, việc phân chia thành 3 phần với các ý như trên là nương theo phần trước làm dẫn khởi cho phần sau, hoàn toàn không phải là tùy tiện không thú hướng.

■ [Thứ nhất là] phần kệ tụng nói lược thì trước có 1 khổ kệ, tụng lại nghĩa hiển bày chân thật, sau cũng 1 khổ kệ tụng lại nghĩa khai mở quyền biến, [đều là nghĩa trong văn trường hàng bên trên]. Phần kinh văn này tuy ngắn nhưng nêu đầy đủ nghĩa tứ nhất.[1]

"Nay ta cũng như vậy", là giống như chư Phật ở điểm này, đều dùng một [Phật thừa] chân thật để giáo hóa chúng sinh. Câu này tụng lại tổng quát về nghĩa hiển bày chân thật.

[*"Vì giúp chúng an ổn"*,] nói an ổn thì [chỉ có] tạng bí mật Niết-bàn là nơi an ổn. Chư Phật tự mình an trụ trong đó, lại cũng giúp cho chúng sinh được thể nhập vào tạng bí mật ấy.

Nói chỗ *"an ổn"* tức là tụng nghĩa lý nhất. Nói đến *"chúng"* tức là tụng nghĩa nhân nhất. *"Dùng đủ mọi pháp môn, để chỉ bày Phật đạo"* tức là tụng nghĩa hành nhất. *"Chỉ bày"* tức là nghĩa giáo nhất.

"Ta dùng sức trí tuệ" tức là nói trí tuệ quyền biến phương tiện. *"Biết lòng dục chúng sanh"* là soi chiếu thấu rõ căn cơ Tiểu thừa. *"Phương tiện giảng các pháp"* là tạm bày các pháp quyền biến phương tiện. *"Khiến cho đều hoan hỷ"* là [chỉ bày dẫn dắt] tùy căn cơ thích hợp.

Hai khổ kệ này tuy nói lược nhưng thu tóm được một

[1] Tứ nhất: bao gồm lý nhất, nhân nhất, giáo nhất và hành nhất.

đường hướng giáo hóa chung của chư Phật, từ mở bày quyền biến cho đến hiển bày chân thật, thấu suốt ngọn nguồn rõ thông kết quả, hết thảy không có gì là không bao quát. Cho nên nói rằng phần lược tụng này là dẫn khởi cho thí dụ tổng quát [trong phẩm Thí Dụ].

■ Thứ hai là từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta dùng Phật nhãn quán"* trở đi, gồm 41 khổ rưỡi kệ, rộng tụng 6 nghĩa[1] trong văn trường hàng ở trước. Các nhà cựu giải cho rằng 7 khổ kệ sau cùng [trong đoạn này] là thuộc phần lưu thông. Nay không dùng cách giải thích đó mà xem đây là phần xưng tán chánh pháp để khuyến khích lòng tin.

- Tổng đoạn thứ nhất có 4 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa về 5 sự uế trược và [quyền biến] khai mở ba thừa trong văn trường hàng.
- Tổng đoạn thứ hai tiếp theo có 17 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa [Phật] bày ra các phương tiện giáo hóa trong văn trường hàng.
- Tổng đoạn thứ ba có tiếp theo có 6 khổ kệ tụng lại ý nghĩa hiển bày lẽ thật trong văn trường hàng.
- Tổng đoạn thứ tư có 5 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa xưng tán chánh pháp hy hữu trong văn trường hàng. Tuy trong phần nói về Phật Thích-ca không có nghĩa này, nhưng đây là chỉ đến phần nói về chư Phật.
- Tổng đoạn thứ năm gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa không hư dối trong văn trường hàng.
- Tổng đoạn thứ sáu gồm 6 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa khuyến khích lòng tin trong văn trường hàng.[2]

[1] Sáu nghĩa đã nói ở trước, bao gồm: 1. Xưng tán chánh pháp là ít có. 2. Phật giảng thuyết không hư dối. 3. Khai mở phương tiện. 4. Hiển bày lẽ chân thật. 5. Nêu năm sự uế trược để giải thích về quyền. 6. Chọn trừ hư ngụy, nêu cao chân thật.

[2] Ở đây phân chia lại khác với bên trên, thay vì 4 tổng đoạn thì chia tổng đoạn thứ tư thành 3 tổng đoạn, do đó thành 6 tổng đoạn.

▣[Nay bắt đầu nói về] 4 khổ kệ đầu tiên, tụng lại ý nghĩa về 5 sự uế trược. Phần văn trường hàng ở trên có 4 phần: nêu số, kể tên, hiện thể và kết thích; nay trong phần kệ chỉ có 3 phần là nêu số, kể tên và hiện thể. Văn trường hàng nói vì 5 sự uế trược [che chướng] nên phải thuyết ba thừa, nay trong kệ tụng nói vì 5 sự uế trược nên [Phật] xuất thế. [Phật] xuất thế vốn là để thuyết giảng Đại thừa, nhưng do [chúng sinh bị] che chướng không thể tiếp nhận được nên trước tiên phải [tạm] thuyết Tiểu thừa.

Tổng đoạn này lại chia làm 3 đoạn.

- Đoạn thứ nhất có 11 chữ,[1] nêu rõ việc Phật có [Phật nhãn] có năng lực nhìn thấy.
- Đoạn thứ thứ hai từ *"chúng sinh sáu đường"* trở đi gồm 4 chữ và 2 khổ kệ cộng thêm 3 câu, nêu rõ 5 sự uế trược Phật nhìn thấy.
- Đoạn thứ thứ 3 từ *"vì những chúng sinh ấy"* trở đi gồm nửa khổ kệ, nêu rõ việc [Phật] khởi tâm đại bi để ứng cứu [chúng sanh].

◆ Đoạn thứ nhất có 11 chữ, [trong đó nói] *"ta dùng Phật nhãn quán thấy"*, [tương ứng với] kinh văn [trong phẩm Thí Dụ] ở phần sau nói *"ông trưởng giả đứng bên ngoài cửa"*. Đây là nêu văn phần sau để chứng minh phần trước, nên biết rằng Phật an trụ nơi pháp thân, dùng Phật nhãn thường vắng lặng để soi chiếu khắp thảy căn cơ [chúng sanh]. Nếu thấy [chúng sanh] căn tánh lanh lợi, uế trược [che chướng] nhẹ thì hiện hình tượng Phật Lô-xá-na[2] để thuyết pháp Nhất thừa. Nếu thấy [chúng sanh] căn tánh

[1] Tức là 2 câu và 1 chữ: "舍利弗當知, 我以佛眼觀,見 - Xá-lợi-phất đương tri, ngã dĩ Phật nhãn quán, kiến..."

[2] Lô-xá-na Phật (盧舍那佛), tức Tì-lô-giá-na Phật (毗盧遮那佛), phiên âm từ Phạn ngữ Vairocana, dịch nghĩa là "光明遍照 - quang minh biến chiếu" để chỉ trí tuệ Phật có thể soi chiếu cùng khắp, cũng được hiểu là Pháp thân Phật.

ngu độn, uế trược [che chướng] nặng nề thì cởi bỏ chuỗi anh lạc, dùng hình tượng vị tỳ-kheo già,[1] kinh sợ [trước nỗi khổ của chúng sanh] mà đi vào trong nhà lửa [ba cõi], dùng phương tiện khai mở ba thừa. Tùy thời quán chiếu xem xét rõ biết căn cơ, cho nên nói *"ta dùng Phật nhãn quán thấy"*.

[**Hỏi**:] Nếu quán các pháp hình sắc thì nên dùng thiên nhãn, nếu để phân biệt căn cơ thì nên dùng pháp nhãn, vì sao lại nói dùng Phật nhãn để thấy?

[**Đáp**:] Vì Phật nhãn trọn vẹn thông suốt, nên nêu chỗ thù thắng nhất thì đã bao gồm hết những điều kém hơn. Lại nữa, hết thảy các loại nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn khi ở nơi Phật thì đều gọi chung là Phật nhãn. Đại lược là như vậy.

◆ Đoạn thứ hai từ *"sáu đường chúng sanh"* trở đi, có 4 chữ và 2 khổ kệ cộng thêm 3 câu, nêu rõ chỗ thấy [của Phật] về năm sự uế trược. Câu *"sáu đường chúng sinh, nghèo khốn, không phước trí"*[2] là nói về chúng sinh trược. "vào đường hiểm sinh tử, khổ triền miên không dứt" là nói về mạng trược. Từ câu *"bám chấp năm món dục"* trở đi gồm 1 khổ kệ là nói về phiền não trược. *"Không cầu oai lực Phật, dứt trừ các pháp khổ"* là nói về kiếp trược. *"Vào sâu rừng tà kiến, muốn dùng khổ dứt khổ"* là nói về kiến trược.

[Do tà kiến nên muốn dùng khổ để dứt khổ,] như có người nói, [đó là] dùng 5 loại sức nóng tự nung đốt thân thể để mong thoát khổ,[3] nhưng ngược lại [đã không thoát

---

[1] Văn Cú dùng "老比丘像 - lão tỳ-kheo tượng" (hình tượng vị tỳ-kheo già) là cách nói ngắn gọn, chỉ việc đức Phật thị hiện thân người bình thường, giáo hóa cho đến lúc già yếu rồi nhập Niết-bàn, không khác người bình thường.

[2] Văn Cú nói phần này là "半行 - bán hàng" (nửa khổ kệ) nhưng không đúng, vì theo cấu trúc đã phân chia ở trước thì chỗ này chỉ là 4 chữ và một câu.

[3] Đây là nói quan điểm của hạng ngoại đạo khổ hạnh gọi là Ngũ nhiệt chích thân ngoại đạo. Cách tu tập của họ là phơi mình dưới nắng nóng và đồng thời đốt lửa ở bốn phía chung quanh, cho nên gọi là "ngũ nhiệt". Hạng ngoại đạo này tin rằng chịu đựng sự khổ hạnh như thế sẽ giúp họ thoát khổ ở thế gian.

khổ] còn bị khổ báo. Hoặc nói rằng các tà kiến đều dẫn đến cảm thọ, cảm thọ tức là khổ. Thực hành nhân khổ [như vậy] mà mong muốn được dứt khổ, làm sao có thể được?

Kinh Phổ Diệu nói: "Nói về nguyên do sinh vào 5 đường thì giữ theo 5 giới sinh vào cõi người, thực hành 10 nghiệp lành sinh lên cõi trời, tham lam keo kiệt đọa vào cảnh giới ngạ quỷ, hung hăng đấu đá thì đọa làm súc sinh, tạo 10 nghiệp ác thì đọa vào địa ngục. Nếu không phải sinh trong 5 đường, không có 5 ấm, 6 pháp suy hao,[1] đó tức là Niết-bàn."[2] Chẳng ở trong sinh tử cũng chẳng trụ nơi Niết-bàn, ngay đó liền quyết định thọ nhận Bồ-đề.

Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, quyển 7 nói: Người đọa vào địa ngục, khi vừa mới sinh ra liền nghĩ rằng: "Trước đây ta nghe các vị sa-môn nói rằng, tham dục là lỗi xấu ác phải sinh vào địa ngục rất đáng sợ. Ta ngày trước không dứt trừ được tham dục nên nay phải chịu sự khổ não kinh khủng này." Ở đây nêu rõ tham dục là nguyên nhân sinh vào địa ngục.

Lại nói rằng, trong 5 đường, mỗi nơi đều tự có pháp riêng. Như ở địa ngục thì hình sắc vừa dứt đoạn liền lập tức tiếp nối trở lại.[3] Trong loài súc sinh có những loài có thể bay trên không trung.[4] Trong cảnh giới ngạ quỷ, vào những khi [có người cúng thí] thì có thể đến trong cõi người [để thọ

[1] Nguyên tác dùng "六衰 - lục suy" (sáu pháp suy hao), chỉ sáu căn của chúng sinh khi chạy theo sáu trần cảnh thôi thúc chúng sinh tạo các nghiệp thiện ác khiến cho khả năng giác ngộ ngày càng suy hao.

[2] Văn Cú trích dẫn câu này là: "無五趣五陰六衰則是泥洹 - vô ngũ thú, ngũ ấm, lục suy tắc thị Niết-bàn". Như vậy không đầy đủ và cũng không chính xác, vì nguyên văn trong kinh Phổ Diệu là: "不慕五趣, 以無五陰, 三毒, 六衰則是泥洹 - Bất mộ ngũ thú, dĩ vô ngũ ấm, tam độc, lục suy tắc thị Niết-bàn." (Không tham luyến năm đường, do không có năm ấm, không có ba độc [tham, sân, si], không có sáu pháp suy hao, đó chính là Niết-bàn.) (ĐCT, T3, 186, tr.507c, d.24-25) Chúng tôi chuyển dịch theo đúng nội dung kinh văn.

[3] Đây là nói chúng sinh trong cõi địa ngục do nghiệp lực nên khi bị hành hình đến nỗi thân thể bị thiêu cháy hay băm nát nhưng cũng không mất hẳn mà lập tức sinh ra tiếp nối trở lại như cũ để tiếp tục thọ hình.

[4] Tức là nói các loài chim, rồng v.v.

nhận]. Trong cõi người có những người dũng mãnh tài ba, có sức nhớ nghĩ, có hạnh thanh tịnh. Dũng mãnh tài ba là nói người chưa nhìn thấy quả [lành] mà vẫn có thể rộng tu nhân [hiền thiện]. Có sức nhớ nghĩ là những việc đã làm từ rất lâu xa có thể nhớ lại. Có hạnh thanh tịnh là có khả năng đạt các quả vị giải thoát, Thanh văn, Duyên giác, Sơ quả Bồ Tát.[1] Trong cõi trời thì [chư thiên] có khả năng tự nhiên có được những thứ cần dùng tùy ý muốn. Đại lược là như vậy.

Trong địa ngục [có những chúng sanh] thành tựu nghiệp phiền não cho đến nghiệp thiện của cõi trời Tha hóa Tự tại, nhưng các nghiệp ấy không tức thời hiện hành. Nơi cõi trời Tha hóa Tự tại [cũng có chư thiên] tạo tác các nghiệp phiền não cho đến nghiệp bất thiện cõi địa ngục, nhưng các nghiệp ấy không tức thời hiện hành. Chỉ nêu cõi trên cao nhất và cõi bên dưới thấp nhất, những cõi khác ở khoảng giữa do đó có thể suy ra biết được.

Địa ngục là tên gọi ở Trung Hoa, người Ấn Độ gọi là nê-lê (niraya), Hán dịch là vô hữu (無有), vì ở cảnh giới này không có sự hoan hỷ, không có mùi vị, không có mừng vui, không có lợi ích... cho nên gọi là *vô hữu* (không có); hoặc cũng nói là thấp hèn, cũng nói là đọa lạc, vì [khi vào địa ngục thì] thân trung ấm bị treo ngược, các căn đều bị hủy hoại. Hoặc nói "không" có nghĩa là không có nơi nào [trong địa ngục mà tội nhân] được ân xá, tha thứ. Do ngục tốt biến hóa làm cho thấy như không phải chúng sinh [hữu

[1] Nguyên tác nói "能得解脫達分得正決定 - năng đắc giải thoát đạt phân đắc chánh quyết định". Văn Cú Ký giải thích: "涅槃名解脫。所修善根不住生死名之為達。聲聞三生支佛百劫解脫之分, 名解脫分。得正決定者, 初果也。 - Niết-bàn danh giải thoát. Sở tu thiện căn bất trụ sinh tử danh chi vi đạt. Thanh văn tam sinh, Chi Phật bách kiếp giải thoát chi phần, danh giải thoát phần. Đắc chánh quyết định giả, sơ quả dã." (ĐCT, T34, 1719, tr.250b, d.27-29.) Theo sự giải thích này thì biết Văn Cú muốn đề cập đến việc giữ hạnh thanh tịnh (không dâm dục) là nhân dẫn đến các quả giải thoát trong cả ba thừa.

tình].[1] Thoạt tiên tội nhân bị trói dẫn đến chỗ Diêm vương thì vẫn còn là chúng sinh, đến khi chịu khổ [trong địa ngục] thì không còn tính là chúng sinh. Ban đầu vừa giải đến như vậy còn có thể nói năng biện bạch, đến khi thọ khổ [trong địa ngục] thì cho đến tiếng kêu đau đớn cũng không còn có thể phân biệt.[2]

Loài súc sinh, do hình thể không ngay, dáng đi không ngay nên gọi là súc sinh.[3] Lại nữa súc sinh còn gọi là *biến hữu* (có khắp), là nói có khắp trong năm đường. Trên các cõi Tứ vương thiên và cõi trời Tam thập tam đều có [súc sanh], nhưng các loài voi ngựa để cưỡi trên cõi trời đều là do phước nghiệp hóa sinh, cho nên không tính đó là chúng sinh. Lại nữa, súc sinh còn gọi là tối tăm mù mịt. Tối tăm mù mịt nghĩa là do nhiều phần vô minh, cho nên gọi là súc sinh.

[Chúng sinh vào thời] kiếp sơ đều có thể hiểu rõ [và dùng] ngôn ngữ của bậc thánh, dần dần về sau do ăn uống mà thay đổi khác đi. Do tâm siểm nịnh gian trá nên tiếng nói biến đổi [như tiếng người], hoặc không biết nói [như các loài súc sanh].

---

[1] Nguyên tác nói "phi chúng sinh số". Kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển, nói: "穀米草木無命無我, 非眾生數 。- Cốc mễ thảo mộc vô mạng vô ngã, phi chúng sinh số." (Lúa gạo cỏ cây không có sinh mạng, không có ngã, không được tính như chúng sinh.) Ở đây hàm nghĩa không phải chúng sinh hữu tình.

[2] Đoạn này Văn Cú nói rất rất sơ lược và khó hiểu: "初皆正語, 若受苦痛聲不復可分別 。- sơ giai chánh ngữ, nhược thọ khổ thống thanh bất phục khả phân biệt." Văn Cú Ký giải thích là: "初皆正語等者, 初至地獄如本有語, 後時但作波波等聲, 不復可辯 。- Sơ giai chánh ngữ đẳng giả, sơ chí địa ngục như bản hữu ngữ, hậu thời đãn tác ba ba đẳng thanh, bất phục khả biện." (Ban đầu còn có thể nói năng, là khi mới đến địa ngục còn nói năng được bằng ngôn ngữ vốn có, về sau [khi bị hành hình] chỉ còn phát ra những tiếng lắp bắp lập cập, không thể phân biệt được.) (ĐCT, T34, 1719, tr.250c, d.16-17.)

[3] Văn Cú nói là "形傍行傍故名畜生 - hình bàng hành bàng cố danh súc sanh", do đó chúng tôi chuyển dịch như trên. Tuy nhiên, theo từ điển Phật Quang thì chữ bàng (傍) dùng để chỉ loài súc sinh là bàng sinh (傍生), do mang nghĩa là nằm về một bên, không ngay chánh, và bàng sinh có nghĩa không thuộc về hai đường chánh là cõi trời và cõi người (非人天之正道- phi nhân thiên chi chánh đạo).

Loài quỷ, tiếng Phạn gọi là xà-lê-đa (preta), người nhà Tần gọi là "tổ phụ", vì chúng sinh thuở ban sơ sinh vào cảnh giới quỷ nên gọi [quỷ] là tổ phụ,[1] loài quỷ sinh ra về sau [do đó] cũng gọi là tổ phụ.

Lại nữa, [chúng sanh] do keo kiệt tham lam nên bị đọa vào cảnh giới này, là nơi phải chịu nhiều sự đói khát, cho nên gọi là ngạ quỷ (quỷ đói). Lại cũng chịu sự sai khiến của chư thiên, thường hy vọng mong mỏi có được đồ ăn thức uống, cho nên gọi là ngạ quỷ.

Loài người, tiếng Phạn gọi là ma-nô-xà (manuṣya), Hán dịch là ý (意). Thuở xưa vua Đỉnh Sinh ban đầu dạy dỗ [con người] rằng mỗi khi làm việc gì [trước tiên] phải suy xét kỹ, phải trù lượng trước, phải thường nhớ nghĩ đến. [Con người] vâng theo lời dạy của vua nên mỗi khi làm việc gì đều có suy xét, trù lượng, nhớ nghĩ, do vậy nên con người, được gọi là "ý".

Lại nữa, con người có thể ngăn dứt ý niệm, có thể tu theo chánh đạo đạt được các quả vị Thanh văn, Duyên giác...[2]

Lại nữa, người là "kiêu mạn", vì trong năm đường [thì con người] nhiều kiêu mạn hơn cả cho nên gọi là cõi người.

Loài a-tu-la (asura), Hán dịch là phi thiên (chẳng phải trời), vì chữ "tu-la" có nghĩa là trời, chữ "a" là chẳng phải, không phải. Loài này chẳng phải chư thiên nên gọi là a-tu-la.

Lại nữa, tu-la là đoan chánh. Loài này không đoan chánh cho nên gọi là a-tu-la.

---

[1] Giải thích này của Văn Cú có lẽ dựa theo niềm tin của Ấn giáo chứ không phải Phật giáo. Truyền thuyết Ấn Độ tin rằng vào thuở ban sơ khai sinh thế giới thì loài quỷ có trước tiên, cho nên gọi là tổ phụ.

[2] Nguyên tác dùng "能修道得達分 - năng tu đạo đắc đạt phần", theo ý nghĩa đã được giải thích ở trước.

Lại nữa, tu-la là rượu, a là không. Loài này không uống rượu nên gọi là a-tu-la.

Thiên (trời) có nghĩa là thiên nhiên, tự nhiên thù thắng. Vì chư thiên có được khoái lạc thù thắng, thân hình thù thắng nên gọi là thắng. Tất cả mọi việc của chư thiên đều thù thắng, vượt hơn các cảnh giới khác [trong năm đường]. Lại thường dùng ánh sáng để tự chiếu sáng nên gọi là thiên.

Lại nữa, thiên là thiên nhiên, tự nhiên. Kinh A-hàm nói rằng: "Chúng sinh chỉ là tên gọi giả tạm, các cảnh giới là pháp. Năm đường chúng sinh cùng với pháp giới hòa hợp. Nếu chúng sinh làm việc xấu ác, tâm liền đi theo cảnh giới xấu ác. Nếu làm việc hiền thiện, tâm liền đi theo cảnh giới hiền thiện. Làm việc thù thắng thì tâm liền đi theo cảnh giới thù thắng, làm việc thấp hèn thì tâm đi theo cảnh giới thấp hèn. Cho nên vị tỳ-kheo phải học làm theo đủ mọi việc hiền thiện."

Phần trên là dựa theo nhân duyên để giải thích về "chúng sinh sáu đường".[1] Phần sau có vẻ như dùng nghĩa quán tâm để giải thích về sáu đường.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"vì những chúng sinh ấy"* trở đi, nửa khổ kệ, nêu rõ việc [đức Phật] khởi tâm đại bi.

"Vì những chúng sinh ấy, ta khởi tâm đại bi", đó là trước đã nêu khả năng nhìn thấy [của Phật nhãn], tiếp theo lại nói rõ những gì [đức Phật] nhìn thấy [trong sáu đường], đến đây thì do tâm đại bi [hun đúc nhiều đời nên] phải vào trong ba cõi thiết lập phương tiện dẫn dắt chúng sinh hướng theo trí tuệ Phật.[2]

---

[1] Phần trước thường dùng năm đường, tức không tính đến loài a-tu-la. Ở đây nói sáu đường (lục thú) nên gồm đủ cõi trời, cõi người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

[2] Nguyên tác Văn Cú đến đây hết quyển 4, bắt đầu quyển 5.

KINH VĂN

Ban sơ ngồi đạo trường,
Ta nhìn cây, kinh hành,
Trong suốt hai mốt ngày,
Chỉ suy xét một việc:
Trí tuệ ta chứng đắc,
Thật vi diệu hơn hết.
Chúng sinh căn cơ thấp,
Tham đắm, nhiều si mê...
Những hạng chúng sinh này,
Làm sao có thể độ?
Khi ấy những Phạm vương,
Cùng các Thiên Đế thích,
Bốn Thiên vương Hộ thế,
Cùng Đại Tự tại thiên,
Và chúng chư thiên khác,
Quyến thuộc trăm ngàn vạn,
Cùng chắp tay cung kính,
Thỉnh Phật chuyển pháp luân.
Ta liền tự nghĩ rằng:
Nếu chỉ khen Phật thừa,
Chúng sinh chìm đắm khổ,
Không đủ sức tin nhận,
Sẽ chống phá, không tin,
Đọa sâu ba đường ác.
Ta không nên thuyết pháp,
Phải sớm nhập Niết-bàn.
Liền nhớ Phật quá khứ,
Từng dùng sức phương tiện.
Nay ta chứng chánh đạo,
Cũng nên thuyết ba thừa.
Khi ta nghĩ như vậy,
Mười phương Phật hiện ra,
Dùng Phạm âm khuyến khích:
"Lành thay! Phật Thích-ca,
Đấng Đạo sư bậc nhất,
Chứng pháp Vô thượng này,
Theo gương tất cả Phật,
Mà dùng sức phương tiện.
Chư Phật cũng chứng đắc,
Pháp vi diệu bậc nhất,
Nhưng cũng vì chúng sinh,
Phân biệt thuyết ba thừa.
Kém trí ưa pháp nhỏ,
Không tự tin thành Phật,
Nên phải dùng phương tiện,
Phân biệt các quả vị.
Tuy nói có ba thừa,
Chỉ giáo hóa Bồ Tát."
Xá-lợi-phất nên biết!
Ta nghe tiếng chư Phật,
Thanh âm rất nhiệm mầu,
Liền vui cung kính Phật.
Rồi khởi lên ý nghĩ:
"Ta gặp đời uế trược,
Như lời chư Phật dạy,
Ta cũng thuận làm theo."
Suy nghĩ như vậy rồi,
Liền đến Ba-la-nại.
Tướng các pháp vắng lặng,
Không thể dùng lời nói,
Phật dùng sức phương tiện,
Giảng cho năm tỳ-kheo.
Gọi là chuyển pháp luân,
Từ đó có Niết-bàn,
Lại có A-la-hán,
Có Pháp bảo, Tăng bảo.
Từ vô số kiếp xưa,
Ngợi khen pháp Niết-bàn,
Dứt hẳn khổ sinh tử,
Ta thường thuyết như vậy.

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"ban sơ ngồi đạo tràng"* trở đi, có 17 khổ rưỡi kệ, nêu việc [đức Phật] mở bày phương tiện để giáo hóa [chúng sanh]. Phần này lại được chia thành hai đoạn.

- Đoạn thứ nhất gồm 6 khổ rưỡi kệ đầu tiên, nêu rõ việc [Phật suy] nghĩ biết rằng nếu dùng Đại thừa không giáo hóa được [chúng sanh].

- Đoạn thứ hai là từ câu *"liền nhớ Phật quá khứ"* trở đi là ý thứ hai, có 11 khổ kệ, nêu rõ việc [đức Phật] nhớ lại cũng giống như chư Phật quá khứ đều dùng ba thừa để giáo hóa, thích hợp [với chúng sanh] nên có thể được.

◆ Đoạn thứ nhất nói việc [Phật nghĩ đến] dùng Đại thừa giáo hóa lại có thể chia thành 3 tiểu đoạn.

- Tiểu đoạn thứ nhất có 1 khổ rưỡi kệ, nêu việc [Phật] suy nghĩ có nên dùng Đại thừa giáo hóa hay không.

- Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"chúng sinh căn cơ thấp"* trở đi có 3 khổ kệ, nói rõ việc chúng sinh [cõi này] không có căn cơ [Đại thừa].

- Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"ta liền tự nghĩ rằng"* trở đi có 2 khổ kệ, nêu rõ việc [Phật] suy nghĩ từ bỏ không dùng Đại thừa giáo hóa [chúng sanh].

❖ Tiểu đoạn thứ nhất, từ câu *"ban sơ ngồi đạo tràng"*, nếu nói theo lý rốt ráo thì không có, chỉ là giả lập thời gian để giáo hóa chúng sinh. Vì là thời điểm khởi đầu sự giáo hóa nên nói là *"ban sơ"*.

Giải thích về sự việc thì ban sơ [Phật] ở tại nơi này tu hành chứng đạo cho nên gọi là đạo tràng, ngồi dưới gốc cây này thành tựu Chánh giác cho nên gọi là đạo thọ.

[Kệ nói *"ta nhìn cây, kinh hành"*, đức Phật] cảm ơn cây [bồ-đề] nên ngồi đó nhìn cây, vì nghĩ đến ân đức của mặt

đất nơi ấy nên đi kinh hành [quanh đó]. [Phật] thành đạo rồi, lúc ấy để đền đáp ân trạch nên muốn dùng giáo pháp Đại thừa, liền xét nghĩ đến sự thích hợp với chúng sinh.

Giải thích theo quán tâm thì cây là [biểu trưng cho] cây đại thọ 12 nhân duyên. [Phật] quán sâu lý duyên khởi nên tự mình thành tựu giác ngộ, muốn dùng rừng cây pháp vô lậu che mát, làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên nói *"ta nhìn cây"*.

Nói *"kinh hành"* vì 37 phẩm đạo của Đại thừa là thực hành đạo pháp. [Đức Phật] tự dùng các phẩm đạo ấy mà bước đi trên hết thảy cõi đất, chứng thành Phật đạo, muốn dùng pháp này để giáo hóa cứu độ chúng sinh, nên khởi sự đi [kinh hành nơi này].

Nhưng cây bồ-đề với mặt đất đều chẳng có [sự nhận biết] phân biệt, cần gì phải có việc báo ân? Kinh Vị Tằng Hữu nói rằng: "Chỉ dùng sự lưu thông giáo hóa để truyền bá chánh pháp, gọi là báo ân."

Kinh Quá Khứ Nhân Quả nói rằng: Sau khi Phật thành đạo, trong tuần lễ đầu tiên suy nghĩ rằng: "Pháp của ta vi diệu, trong chúng sinh không ai có khả năng thọ nhận." Trong tuần lễ thứ hai, Phật suy nghĩ biết trong chúng sinh có những bậc thượng căn, có những người trung căn và có những kẻ hạ căn. Trong tuần lễ thứ ba, Phật suy xét xem ai là người thích hợp được nghe pháp trước tiên. Suy xét rồi liền đến thành Ba-la-nại, vì năm người mà thuyết giảng pháp Tứ đế. [Lần đầu tiên,] ông Kiều-trần-như chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh, [còn bốn người là] Át-bệ, Bạt-đề, Thập Lực Ca-diếp và Ma-ha-nam Câu-lợi vẫn chưa chứng đạo. Đức Phật thuyết giảng pháp Tứ đế một lần nữa, bốn người này liền chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Phật lại thuyết dạy rằng 5 ấm là vô thường, khổ, không và vô ngã, cả 5 người liền chứng đắc quả A-la-hán.

[Khi ấy], đức Phật là Phật bảo, giáo pháp Tứ đế là Pháp bảo, 5 người [vừa chứng quả] cùng với Phật là 6 vị A-la-hán, tức là Tăng bảo.

Tiểu Vân sớ nói rằng: "Trong ba tuần lễ đầu tiên, đức Phật đã thuyết giảng kinh Pháp hoa." Trong phần sau kinh văn nói đức Phật Túc Vương Hoa Trí ở trên tòa ngồi bằng 7 báu dưới gốc cây Bồ-đề thuyết giảng kinh Pháp hoa. Do vậy biết rằng đức Phật [Thích-ca] ngày nay dưới gốc cây Bồ-đề cũng thuyết kinh Pháp hoa, nhưng những chúng sinh căn tánh ngu độn không tiếp nhận được, [nên Phật] phải làm theo như chư Phật quá khứ, tạm khai mở ba thừa để giáo hóa, cho đến về sau ở thành Vương Xá mới thuyết giảng Nhất thừa.

Nếu suy theo ý của bậc trí thì trước tiên [các đức Phật ấy] dưới cội Bồ-đề thuyết giảng trí tuệ Phật, sau đó ở những nơi khác cũng thuyết giảng trí tuệ Phật. Theo đó thì đức Phật Thích-ca ngày nay trước hết thuyết giảng kinh Hoa nghiêm, sau đó đến kinh Pháp hoa. Cho nên kinh văn nói: *"Ban sơ những ai vừa nhìn thấy thân ta, nghe được pháp ta thuyết, liền thể nhập được trí tuệ Như Lai, chỉ trừ những người trước đây đã tu tập, học theo Tiểu thừa, nhưng nay lại cũng khiến cho những người ấy được thể nhập trí tuệ của Như Lai."* Như vậy so với nghĩa này cũng giống nhau.

[Về nhân duyên của] 5 vị tỳ-kheo. [Thuở xưa, vua Ác Sanh[1] dạo chơi cùng các cung nữ,] những cung nữ ấy [không đi theo vua mà cùng tụ tập lại để] nghe một vị tiên nhân thuyết pháp. Vua Ác Sinh nổi giận [ra lệnh] chặt đứt hai cánh tay và cắt tai, cắt mũi [của vị tiên nhân. Khi ấy tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục nên không hề oán hận. Sau

[1] Vua Ác Sinh (惡生王), tức là vua Ca-lợi (哥利王), câu chuyện này cũng được nhắc đến trong kinh Kim Cang. Tên Phạn ngữ của vị vua này là Kaliṅgarāja, dịch theo ý nghĩa là "ác sanh".

đó, do đại nguyện của ngài nên] máu chảy ra bỗng hóa thành sữa [và thân thể lành lặn lại như trước]. Vua Ác Sinh thuở ấy [nay chính là Kiều-trần-như],[1] còn vị tiên nhân nay chính là Phật. [Thuở ấy khi bị hại, tiên nhân] có lời thệ nguyện [rằng sau này khi thành Phật sẽ khiến cho vua Ác Sanh] được uống nước cam lộ chánh pháp, được là người đầu tiên nghe pháp âm.

● **Hỏi**: Do đâu mà [đức Phật] vì 5 người chuyển pháp luân đầu tiên?

● **Đáp**: [Chuyển pháp luân đầu tiên trong loài người là] vì con người thấy được chân lý trước tiên, vì [sau khi Phật thành đạo] thì con người được nhìn thấy, vì con người chứng [được quả vị], vì những việc làm và sự nghiệp của Phật cũng giống như con người, vì chư thiên từ trong cõi người mà được nhiều điều tốt đẹp lợi ích, vì trong con người có đủ bốn chúng.[2]

● [**Hỏi**:] Vua Chuyển luân ra đời có âm thanh chấn động đến cõi trời Tha hóa Tự tại, khi ngài Kiều-trần-như chứng đạo, âm thanh chấn động đến cõi Phạm thiên, khi Phật thành đạo, âm thanh chấn động đến cõi trời Thủ-đà-hội.[3] Vì sao [khác biệt] như vậy?

● **Đáp**: Do [ba loại] nghiệp thiện, nghiệp khen ngợi và nghiệp xưng tán cha mẹ thầy tổ [là thuộc về ba bậc] thượng, trung và hạ [khác biệt nhau] cho nên [biểu hiện]

---

[1] Chỗ này Văn Cú dùng tên Câu-lân (拘鄰).

[2] Câu trả lời này nêu ra 6 lý do để giải thích, nhưng không nói đến việc chuyển pháp luân trước nhất với nhóm năm người của ông Kiều-trần-như, mà nói việc chuyển pháp luân trước nhất trong loài người. Văn Cú Ký giải thích rằng: "問雖涉五意正問人, 故皆以人答 。- Vấn tuy thiệp ngũ ý chánh vấn nhân, cố giai dĩ nhân đáp." (Câu hỏi tuy có liên quan đến số năm người, nhưng ý chính là hỏi về người, cho nên đáp về con người.)

[3] Nguyên tác dùng Thủ-đà-hội (首陀會), tức là tên khác của Ngũ tịnh cư thiên (五淨居天), cũng được gọi là Ngũ bất hoàn thiên (五不還天). Đây là các tầng trời cao nhất trong Sắc giới.

như vậy.[1] Nếu như [chư thiên ở] cõi trời Hữu đỉnh mà có nhĩ thức [nghe biết được âm thanh] thì âm thanh của Phật cũng chấn động đến đó.[2] Vua Chuyển luân thực hành [và khuyến khích nhân dân thực hành] 10 nghiệp thiện, [những người thực hành] nghiệp thiện được sinh về các cõi trời Dục giới, nên chư thiên các cõi trời Dục giới đều vui mừng được tăng thêm nhiều quyến thuộc. Ngài Kiều-trần-như [chứng quả] dứt lìa lòng dục [trở nên thanh tịnh], cho nên [chấn động] thấu đến cảnh giới của Phạm thiên.[3] Phật là bậc tối thắng cho nên [có âm thanh chấn động đến] cõi trời A-ca-ni-trá.[4] Đại lược là như vậy.

Nếu [giải thích] theo Đại thừa thì khi Phật thành đạo, âm thanh chấn động khắp trăm ức cõi trời A-ca-ni-trá [ở các thế giới], lại cũng chấn động đến các cõi trời A-ca-ni-trá trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới. Đại lược là như vậy.

[Có bốn nơi xác định là:] nơi Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, nơi cội Bồ-đề [Phật thành đạo], nơi [Phật giáng hạ] khi vừa trở về từ cõi trời Đao Lợi [sau khi thuyết pháp cho thánh mẫu] và nơi [đức Phật] thị hiện đại thần biến [để giáo hóa]. Bốn nơi này thì tất cả chư Phật đều xác định, ngoài ra những nơi khác thì không xác định. Lại

[1] Văn Cú Ký giải thích phần này rằng, nghiệp thiện là nhân đã tạo của vua Chuyển luân (thuộc bậc hạ); nghiệp khen ngợi là nhân đã tạo của ngài Kiều-trần-như (thuộc bậc trung) và nghiệp xưng tán cha mẹ thầy tổ là nhân đã tạo của Phật (thuộc bậc thượng).

[2] Cõi trời Hữu đỉnh (有頂天) là cõi trời cao nhất của Vô sắc giới. Do thuộc về cõi Vô sắc, hoàn toàn không còn có hình sắc, âm thanh... nên chư thiên ở đó không có nhãn thức, nhĩ thức...

[3] Phạm thiên được xem là vị đứng đầu thế giới Ta-bà, sống ở cảnh giới thanh tịnh, tức cõi trời Sơ thiền. Người tu tập từ bỏ dâm dục được gọi là Phạm hạnh, được hiểu là hạnh thanh tịnh. Giải thích của Văn Cú ở đây cho là do mối tương quan giữa ngài Kiều-trần-như chứng quả được thanh tịnh mà có âm thanh chấn động đến cõi Phạm thiên thanh tịnh.

[4] Nguyên tác dùng "尼吒 - Ni-trá", tức là A-ca-ni-trá (阿迦尼吒), tên khác của tầng trời cao nhất trong Sắc giới mà ở trên đã gọi là Thủ-đà-hội.

nữa, [có người nói] trừ nơi [đức Phật] chuyển pháp luân, còn lại ba nơi khác đều là những nơi xác định.

Kệ nói *"trong suốt hai mốt ngày"*, các nhà cựu giải cho là [thời gian đức Phật] suy nghĩ về giáo, lý, hành, nhất; hoặc cũng nói là [suy nghĩ về việc vận dụng] các pháp khuyên bảo khuyến khích và răn dạy ngăn cản.

Ngài Pháp Dao nói, việc [giáo hóa chúng sanh] thật hết sức sâu xa, nên bậc chí thánh [như đức Phật] cũng phải suy xét trước rồi sau mới thực hành. Tuần lễ đầu tiên suy xét về trí tuệ Phật hết sức vi diệu. Tuần lễ thứ hai suy xét về việc căn tánh chúng sinh chẳng giống nhau. Tuần lễ thứ ba suy xét về các pháp môn như thuốc [trị bệnh] có muôn ngàn loại, liền nêu kệ để chứng minh:

"Trí tuệ ta chứng đắc,
Thật vi diệu hơn hết.
Chúng sinh căn cơ thấp...
... Làm sao có thể độ?"

Nay nêu rõ [ý nghĩa] Phật an trụ nơi pháp thân vắng lặng mà thường soi chiếu, thường dùng Phật nhãn để quán sát thấy biết khắp nơi không bỏ sót, lẽ nào phải đợi khi đến đạo tràng lưu lại 21 ngày mới nghĩ đến những việc ấy hay sao?

[Cho nên,] nói 21 [ngày] chỉ là [ý nghĩa] biểu trưng, tức là biểu trưng cho [ý nghĩa] đức Phật muốn thuyết pháp 3 vòng [cho các căn cơ thượng, trung, hạ] nên tạm nói là 3 tuần. Tuần đầu suy xét về [lần thứ nhất] thuyết chánh pháp. Tuần thứ hai suy xét về [lần thứ hai] thuyết giảng thí dụ và tuần thứ ba suy xét về [lần thứ ba] thuyết giảng nhân duyên. [Cả ba lần suy xét đều thấy] không [chúng sinh nào có] căn cơ thích hợp, cho nên [dùng Đại thừa] không thể giáo hóa.[1] Do đó, [đức Phật] dừng lại việc thuyết

[1] Bản Đại Chánh tạng ghi là "皆無機不得 - giai vô cơ bất đắc" rất tối nghĩa và dễ bị hiểu sai. Trong thực tế câu này là "giai vô cơ, bất đắc" và cả hai phần đều được dùng với cách nói lược. Diễn đạt một cách đầy đủ ý nghĩa ở đây thì "giai vô cơ"

giảng Đại thừa để mở bày phương tiện Tiểu thừa. Đó là giải thích nghiêng về theo Đại thừa Viên giáo.

Nếu giải thích chung theo Đại thừa thì tuần đầu tiên [đức Phật] suy xét muốn thuyết giảng Đại thừa Viên giáo, tuần tiếp theo suy xét muốn thuyết giảng Đại thừa Biệt giáo, tuần thứ ba suy xét muốn thuyết giảng Đại thừa Thông giáo. [Cả ba lần suy xét đều thấy] không [chúng sinh nào có] căn cơ thích hợp, cho nên [dùng Đại thừa] không thể giáo hóa. Do đó [đức Phật] dừng lại việc thuyết giảng Đại thừa, để thuyết giảng Tam tạng của ba thừa làm phương tiện giáo hóa [chúng sanh].

Giải thích theo quán tâm thì tuần đầu tiên [đức Phật] muốn [thuyết giảng pháp] quán trung đạo, nhưng pháp trung đạo thật vi diệu khó nhận hiểu, [Phật] quán thấy không thể dùng [để giáo hóa chúng sinh căn cơ thấp]. Tuần tiếp theo [Phật] muốn [thuyết giảng] pháp quán các pháp đều giả tạm không thật, nhưng quán giả thì trí phân biệt khó sinh, cũng không thể dùng [để giáo hóa chúng sinh căn cơ thấp]. Tuần thứ ba, [Phật] muốn [thuyết giảng] pháp quán các pháp đều là không, nhưng pháp quán không tuy khéo léo hóa độ lại cũng không thể [giáo hóa chúng sinh căn cơ thấp]. Sau đó [Phật] mới [mở bày] phương tiện dùng đến pháp quán phân tích chia chẻ của Tiểu thừa.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"chúng sinh căn cơ thấp"* trở đi có 3 khổ kệ, nêu rõ việc [đức Phật quán thấy] chúng sinh không có căn cơ [thích hợp Đại thừa], có thể chia thành ba phân đoạn. Phân đoạn đầu gồm nửa khổ kệ, nêu rõ việc [chúng sanh] che chướng nặng nề. Phân đoạn thứ hai tiếp theo, từ câu *"những chúng sinh như thế"* trở đi gồm nửa khổ kệ, nêu rõ việc chúng sinh không thể nghe

---

nghĩa là "đều không tìm thấy chúng sinh nào có căn cơ thích hợp" và "bất đắc" là "không thể dùng Đại thừa giáo hóa chúng sanh".

[pháp Đại thừa]. Phân đoạn thứ ba từ câu *"khi ấy những Phạm vương"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ việc tuy các vị Phạm vương... thưa thỉnh thuyết pháp Đại thừa, nhưng đức Phật rõ biết [chúng sinh khi ấy] không có căn cơ thích hợp cho nên không thuyết.

❖ Tiểu đoạn thứ ba[1] từ câu *"ta liền tự nghĩ rằng"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ việc [đức Phật] suy nghĩ muốn thôi không giáo hóa. Đoạn này lại chia làm 2 phần. Phần trước gồm 1 khổ rưỡi kệ nêu rõ việc [chúng sanh] không có căn cơ [thích hợp], nếu gượng ép thuyết pháp [Đại thừa] thì nghe vào ắt phải tổn hại [do không tin nhận được]. Phần sau từ câu *"ta không nên thuyết pháp"* trở đi gồm nửa khổ kệ nói rõ việc [Phật muốn] thôi không giáo hóa.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Liền nhớ Phật quá khứ"* trở đi gồm 11 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa trong phần văn trường hàng ở trước, từ nơi một Phật thừa mà [đức Phật] phương tiện thuyết giảng thành ba thừa. Đoạn này chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất gồm 10 khổ kệ nêu rõ việc hóa [độ chúng sinh là] có thể được. Tiểu đoạn thứ hai có 1 khổ kệ giải thích chỗ nghi.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất có 10 khổ kệ lại chia ra 4 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ [từ câu *"Liền nhớ Phật quá khứ"*], nêu rõ [Phật dự định thuyết giảng] ba thừa là thích hợp. Phân đoạn thứ hai từ câu *"Khi ta nghĩ như vậy"* trở đi gồm 6 khổ rưỡi kệ, nêu rõ việc có căn cơ [để giáo hóa bằng phương tiện]. Phân đoạn thứ ba từ câu *"Suy nghĩ như vậy rồi"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi, nêu rõ việc thi hành phương tiện để giáo hóa. Phân đoạn thứ tư từ câu *"Gọi là chuyển pháp luân"* trở đi có 1 khổ kệ, nêu rõ [kết quả chúng sanh] thọ nhận và thực hành [giáo pháp].

---

[1] Văn Cú chép nhầm là "第二有二行 - đệ nhị hữu nhị hàng" (đoạn thứ hai có 2 khổ kệ), vì ở đây đã nói đến đoạn thứ ba, cho nên phải là "đệ tam hữu nhị hàng".

▪ Phân đoạn thứ nhất, kệ nói *"Liền nhớ Phật quá khứ"*, nghĩa là nói [Phật suy nghĩ việc] chúng sinh [hiện nay] tuy không có căn cơ đại thừa nhưng cũng không thể vĩnh viễn bỏ mặc, cần phải dùng phương tiện để dẫn dắt cứu độ. [Phật Thích-ca] không phải tự mình hoàn toàn không biết việc phương tiện khai mở ba thừa, mà ở đây là muốn dẫn chứng cho thấy chư Phật [từ thuở xưa] cũng đều như vậy, cho nên nói là *"liền nhớ Phật quá khứ"*.[1]

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Khi ta nghĩ như vậy"* gồm sáu khổ rưỡi kệ nêu rõ [trong chúng sinh vẫn] có những căn cơ bậc thấp [có thể hóa độ]. Phân đoạn này lại chia làm 2 ý.

◆ Ý thứ nhất gồm 4 khổ rưỡi kệ, nêu rõ việc chư Phật ngợi khen [việc Phật Thích-ca khởi ý muốn dùng phương tiện để giáo hóa].

◆ Ý thứ hai gồm 2 khổ kệ, từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết"* trở đi, nêu rõ việc đức Phật Thích-ca tùy thuận [theo như chư Phật quá khứ].

Phần trước đây [nói việc Phật Thích-ca] muốn dùng Đại thừa giáo hóa nhưng [chúng sanh] không có căn cơ thích hợp, cho nên chư Phật không khen ngợi. Nay ở phần này [Phật Thích-ca khởi ý] muốn thuyết giảng Tiểu thừa linh hoạt phù hợp với căn cơ thấp nhỏ [của chúng sanh], như vậy ắt là sớm muộn gì chúng sinh cũng đều được hóa độ, cho nên chư Phật khen ngợi.

◆ Ý thứ nhất nói việc khen ngợi của chư Phật lại chia thành 5 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất có 3 câu, đức Phật Thích-ca trình bày việc chư Phật hiện ra. Đây là do đức Phật Thích-ca nghĩ nhớ đến chư Phật nên [chư Phật] dùng sức phương tiện hiện ra.

[1] Những trích dẫn của Văn Cú thường chỉ lược ghi vài ba chữ, khi chuyển dịch chúng tôi ghi đủ nguyên câu kệ để độc giả dễ nhận hiểu.

[Chư Phật] hiện cũng là do 2 ý nghĩa: [Phật Thích-ca] dự định thuyết pháp [Tiểu thừa] và gặp được căn cơ [thích hợp của chúng sanh], cho nên chư Phật hiện.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Lành thay! Phật Thích-ca"* trở đi có một câu và 1 khổ kệ, nêu ý chính chư Phật khen ngợi đức Phật Thích-ca vì có thể tạm ẩn đi pháp chân thật rốt ráo để thiết lập pháp quyền thừa phương tiện, cho nên [khen ngợi] là lành thay. [Kệ nói *"Đấng Đạo sư bậc nhất"*], đó là nói Phật vì Nhất thừa mà thiết lập ba thừa, dẫn dắt chúng sinh thể nhập trí tuệ Phật, chính là bậc Đạo sư cao tột nhất. *"Chứng pháp Vô thượng này"* tức là nói chứng được trí tuệ chân thật vi diệu đệ nhất. Kệ nói *"Theo gương tất cả Phật, mà dùng sức phương tiện"* là nói nghĩa tạm ẩn pháp chân thật rốt ráo mà sử dụng pháp quyền biến phương tiện.

✦ Tiểu ý thứ ba từ câu *"chư Phật cũng chứng đắc"* trở đi, gồm 1 khổ kệ, nêu rõ việc chư Phật đều tạm ẩn pháp chân thật mà sử dụng pháp quyền biến, [ý nghĩa có thể hiểu được rõ ràng] như trong kinh văn.

✦ Tiểu ý thứ tư từ câu *"kém trí, ưa pháp nhỏ"* gồm 1 khổ kệ, cùng lúc giải thích 2 ý nghĩa. [Thứ nhất là] vì chúng sinh *"kém trí"*, không đủ khả năng nghe hiểu giáo pháp Đại thừa, cho nên phải tạm ẩn giấu đi pháp chân thật. [Thứ hai là] vì chúng sinh *"ưa pháp nhỏ"* cho nên phải tạm bày ra pháp quyền thừa phương tiện.

✦ Tiểu ý thứ năm là từ câu *"tuy nói có ba thừa"* gồm nửa khổ kệ, đồng thời tóm kết lại 2 ý nghĩa [trên], tuy có thuyết giảng 3 thừa nhưng rốt ráo là hiển bày pháp chân thật.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ việc đức Phật Thích-ca thực hành thuận theo [chư Phật], được nghe tiếng chư Phật khen ngợi liền đáp lại bằng cách niệm *"nam-mô"*. Nam-mô có nghĩa là cung kính, vâng theo. Phần này lại có 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất 1 khổ kệ, nói ra lời vâng thuận theo [chư Phật].

✦ Tiểu ý thứ hai 1 khổ kệ, nói lên suy nghĩ thuận theo căn cơ chúng sinh [trong đời uế trược].

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"Suy nghĩ như vậy rồi"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ nêu ý chính là [Phật] thi hành việc thuyết giảng giáo pháp. Từ câu *"tướng các pháp vắng lặng, không thể dùng lời nói"* tức là như trước đã nói về lẽ trung đạo không có tự tánh, là chủng tử Phật tánh. Lẽ thật này không thể suy lường tính đếm, lại cũng không thể dùng lời giảng thuyết, nay dùng phương tiện tạm bày ra ba thừa để thuyết giảng. [Lẽ thật này] lại cũng không sinh không diệt, nhưng dùng phương tiện tạm nói là có sinh có diệt. Lại nữa, [ngay cả] lẽ chân thật của Tiểu thừa[1] cũng không nằm ở chỗ chỉ bày thuyết giảng, nhưng [Phật] dùng phương tiện nên bày ra thuyết giảng tứ môn.[2] Trước tiên, vì 5 người [nhóm Kiều-trần-như] mà nói pháp vô thường, đó là hữu môn...

▪ Phân đoạn thứ tư từ câu *"Gọi là chuyển pháp luân"* trở đi gồm 1 khổ kệ, nêu rõ [các giai đoạn] thọ nhận, hành trì, liễu ngộ và thể nhập [tri kiến Phật]. Chuyển pháp giáo hóa từ trong tâm Phật độ nhập vào tâm người khác gọi là chuyển pháp luân. Ngài Kiều-trần-như ban sơ được kiến đế,[3] tức là dứt trừ kiến hoặc, chứng được một phần Diệt đế, cũng tức là đạt được một phần Niết-bàn hữu dư. Tên

[1] Nguyên tác dùng "偏真之理 - thiên chân chi lý" để chỉ chân lý được thuyết giảng bởi Tiểu thừa vốn có thiên lệch về lẽ không, chưa phải chân lý rốt ráo.

[2] Tứ môn (四門): bốn cửa, tức bốn cửa pháp hay bốn cửa vào đạo, bao gồm cửa pháp có (有門 - hữu môn), cửa pháp không (空門 - không môn), cửa pháp cũng có cũng không (亦有亦空門 - diệc hữu diệc không môn) và cửa pháp chẳng phải có chẳng phải không (非有非空門 - phi hữu phi không môn). Giáo lý tứ môn là đặc thù của tông Thiên Thai.

[3] Kiến đế (見諦): thấy được chân lý, ở đây là nói Tứ diệu đế. Kiến đế cũng có nghĩa là chứng đắc sơ quả, tức quả dự lưu trong bốn thánh quả Tiểu thừa.

gọi Niết-bàn bắt đầu có từ lúc đó, [cho nên kệ nói: *"Từ đó có Niết-bàn."* Do đó thành bậc vô học, liền có danh xưng A-la-hán. Người thuyết giảng giáo pháp ba thừa là Phật, nội dung được thuyết giảng là pháp, những vị [tu tập] đạt được kiến đế, thành bậc A-la-hán, gọi chung là Tăng. Tam bảo do đó xuất hiện ở thế gian.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"từ vô số kiếp xưa"* trở đi gồm 1 khổ kệ giải thích những chỗ nghi.

◆ Chỗ nghi về bậc thầy là cho rằng Phật [Thích-ca] ban đầu chưa thể thấu biết căn cơ, đến khi nhớ lại chư Phật [quá khứ] mới bắt đầu rõ biết căn tánh [chúng sanh].

Nay giải thích rằng, không phải [đức Phật Thích-ca] không tự biết dùng phương tiện, chỉ vì đặc biệt muốn dẫn chứng việc [chư Phật] đồng như nhau nên nhớ nghĩ đến chư Phật, không phải khi nhớ nghĩ đến [chư Phật] rồi mới biết. *"Từ vô số kiếp xưa"* đã thấy [chúng sanh] ưa thích pháp Tiểu thừa, nên mới vì họ mà xưng tán [Niết-bàn], chỉ bày cho dứt hết mọi nỗi khổ. Cho nên [chúng sanh] khi nghe thuyết dạy Tiểu thừa liền được giải thoát [khổ đau].

◆ Chỗ nghi về đệ tử thì cho rằng, làm sao chúng sinh ngay trong một đời này chỉ mới nghe [thuyết pháp] chưa bao lâu đã chứng được quả A-la-hán?

Nay giải thích rằng, *"từ vô số kiếp xưa"* [Phật] đã vì chúng sinh mà xưng tán [Niết-bàn], chỉ bày giáo pháp, [nay được nghe pháp] xứng hợp với sự huân tập từ xưa cho nên nhanh chóng chứng đạo.

Các nhà cựu giải cho rằng đoạn kệ này hàm ý chỉ đến nghĩa thọ lượng [của Như Lai]. Nay nói rõ rằng, nếu luận về mật ý thì cũng có thể là như vậy, nhưng xét theo ý nghĩa hiển lộ rõ ràng thì không đúng. Vì sao muốn nêu nghĩa thọ lượng [của Như Lai] mà đến ngài Di-lặc còn không rõ biết?

Làm sao trong cả phần này chỉ có một đoạn kệ mang nghĩa ám chỉ? [Cho nên] nay chỉ lấy nghĩa giải thích những chỗ nghi để phân tích nhận hiểu kinh văn.

KINH VĂN

Xá-lợi-phất nên biết!
Ta thấy những Phật tử,
Quyết chí cầu Phật đạo,
Số nhiều đến vô lượng...
Đều khởi tâm cung kính,
Cùng đi đến chỗ Phật,
Họ từng theo chư Phật,
Được nghe pháp phương tiện.
Ta liền suy nghĩ rằng:
Bậc Như Lai xuất thế,
Chỉ bày trí tuệ Phật,
Nay chính lúc thích hợp.

Xá-lợi-phất nên biết!
Người căn thấp trí hẹp,
Chấp tướng và kiêu mạn,
Không thể tin pháp này.
Phật hoan hỷ không ngại,
Nay giữa chúng Bồ Tát,
Chính thức bỏ phương tiện,
Chỉ thuyết đạo Vô thượng.
Bồ Tát nghe pháp này,
Đều dứt sạch lưới nghi,
Ngàn hai trăm La-hán,
Cũng đều sẽ thành Phật.

▣ Tổng đoạn thứ ba từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, ta thấy những Phật tử"*[1] trở đi gồm 6 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa hiển bày lẽ thật trong văn trường hàng ở phần trước. Phần này [chia làm 4 đoạn], có đủ nghĩa tứ nhất.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết..."* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng nghĩa nhân nhất, vì những người thực hành theo ba thừa đều là Phật tử. Phần văn trường hàng ở trước cũng có bao gồm ý này.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Ta liền suy nghĩ rằng"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng nghĩa lý nhất, vì nói về trí tuệ Phật, tức là tụng lại nghĩa tri kiến Phật Nhất thiết chủng trí trong phần văn trường hàng.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, người căn*

[1] Văn Cú nói bắt đầu từ câu "ta thấy những Phật tử", nhưng thật ra phần này bắt đầu từ câu trước đó: "Xá-lợi-phất nên biết."

thấp trí hẹp" trở đi là nghĩa thứ ba gồm 2 khổ kệ, tụng nghĩa giáo nhất. *"Chỉ thuyết đạo Vô thượng"* tức là giáo nhất.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Bồ Tát nghe pháp này"* trở đi là nghĩa thứ tư gồm 1 khổ kệ, tụng nghĩa hành nhất. *"Cũng đều sẽ thành Phật"* tức là hành nhất.

Tổng đoạn này lại cũng [có thể] chia thành 4 ý.

- Thứ nhất, 2 khổ kệ đầu nêu rõ việc khởi phát căn cơ Đại thừa, cũng nói là tìm cầu quả vị.
- Thứ hai, 2 khổ kệ và 1 câu nêu rõ ý Phật hoan hỷ, vì chúng sinh được lợi ích từ Đại thừa.
- Thứ ba, 3 câu với ý chính nêu rõ sự hiển bày lẽ chân thật.
- Thứ tư, 1 khổ kệ nêu nghĩa thọ nhận, hành trì, liễu ngộ và thể nhập [tri kiến Phật].

[Phần này] nêu rõ là do khởi phát căn cơ [Đại thừa] nên mới tìm cầu quả vị; tìm cầu quả vị là do căn cơ Đại thừa khởi phát. Trong việc này có 4 trường hợp.

- [Thứ nhất là] tự thân [tuy đã] trừ được che chướng nhưng căn cơ [Đại thừa] chưa khởi phát, như các vị A-la-hán ở các quả vị trong ba thừa, vì ưa thích Tiểu thừa nên tuy trừ được uế trược che chướng nhưng căn cơ Đại thừa còn trì độn, chỗ nhiệm mầu của căn cơ chưa phát khởi.
- [Thứ hai là] tự thân có căn cơ Đại thừa khởi phát nhưng che chướng chưa dứt trừ, như những người phàm phu trong pháp hội Pháp hoa, tuy chưa đoạn trừ được phiền não kết sử nhưng nhờ căn cơ Đại thừa bén nhạy nên có thể khởi phát.
- [Thứ ba là] tự thân vừa trừ dứt được che chướng, căn cơ Đại thừa liền khởi phát, như khi [đức Phật] thuyết

giảng kinh Vô lượng nghĩa, những vị đã chứng đắc quả vị Nhị thừa liền tức thời ở ngay nơi tòa ngồi mà khởi phát căn cơ Đại thừa.

- [Thứ tư là] tự thân có che chướng chưa trừ được nên căn cơ Đại thừa chưa thể khởi phát, là như 5.000 người [đã lui ra khỏi pháp hội Pháp hoa].

◆ Đoạn thứ nhất, kệ nói *"quyết chí cầu Phật đạo"* tức là tìm cầu quả vị Đại thừa, chẳng phải cầu quả vị Tiểu thừa. [Kinh văn nói *"tìm cầu"* là có ba ý nghĩa.]

- Thứ nhất là ý nghĩa căn cơ Đại thừa có sự chiêu cảm [quả vị Đại thừa], tức là trong sự phát khởi căn cơ suy ra nghĩa tìm cầu [quả vị].
- Thứ hai là ý nghĩa kín đáo mong cầu trong lòng, [trong số đó] có người đắc quả, có người chưa đắc quả, tức là ý này.
- Thứ ba là ý nghĩa nói ra [ý nguyện] tìm cầu, tức là ba lần thiết tha thưa thỉnh. Trong các giáo pháp trước đây đã từng có việc thỉnh cầu hai lần, chỉ là chưa nói ra, ngày nay [trong hội Pháp hoa này] mới nói đủ ba lần cầu thỉnh.

● **Hỏi**: Trước đây [những người con ông trưởng giả] thoát ra khỏi nhà rồi thì đòi hỏi cha ban cho ba loại xe, đó là sự đòi hỏi theo căn cơ và tâm tình [của họ]. Kinh văn nói là [đòi hỏi] như trước đây đã hứa. Như vậy là [thí dụ việc] tìm cầu [quả vị] ba [thừa], đâu có liên quan gì đến tìm cầu [quả vị] Nhất thừa?

● **Đáp**: Khi ra khỏi nhà mà không thấy [như lời cha nói] tức là [biết cha] có ý định khác. Tuy nhắc lời trước đây hứa cho ba loại xe nhưng chỉ là để xin được theo ý khác đó mà thôi, cho nên cũng có thể xem đó là cầu [quả vị] Nhất thừa.

"Đều khởi tâm cung kính, cùng đi đến chỗ Phật." Có người nói đó là hổ thẹn với Tiểu thừa mà ngưỡng mộ Đại

thừa, căn cơ Đại thừa chiêu cảm đến Phật nên nói là *"đi đến chỗ Phật"*.

Nay nêu rõ không chỉ là căn cơ chiêu cảm đến Phật mà còn là thực sự thân hành đi đến, như trong kinh Vô lượng nghĩa nói *"bốn chúng vây quanh Phật, chắp tay với tâm cung kính, muốn được nghe đạo trọn đủ"*.

"Họ từng theo chư Phật, được nghe pháp phương tiện." Trong số này là những người chỉ vừa nếm vị điều phục [của sự] thọ nhận và hành trì như Bồ Tát tu 6 ba-la-mật của Tạng giáo, Bồ Tát Thông giáo và Biệt giáo, những pháp phương tiện của ba thừa. Do những sự điều phục như vậy đã thuần thục nên khiến cho các che chướng tiêu trừ, căn cơ [Đại thừa] khởi phát mà cầu được [quả vị] Đại thừa.

◆ Đoạn thứ hai, từ câu *"Ta liền suy nghĩ rằng"* trở đi gồm 2 khổ kệ và 1 câu nêu rõ việc [thính chúng] trừ được che chướng nên Phật hoan hỷ. Đức Phật vì chỉ bày trí tuệ Phật [cho chúng sanh] nên mới ra đời. Trước đây [lúc ban đầu, chúng sanh] che chướng nặng nề, không có căn cơ [thích hợp] nên không thể tức thời thuyết giảng trí tuệ Phật. Thời gian sau đó, tuy che chướng [của chúng sanh] đã trừ nhưng vẫn chưa thể thuyết giảng [Đại thừa]. Đến nay căn cơ Đại thừa [của chúng sanh] khởi phát, chính là lúc để thuyết giảng. Trước đây chúng sinh căn cơ trì độn, trí tuệ nhỏ hẹp, [Phật] sợ [rằng nếu nghe pháp Đại thừa không tin nhận được sẽ] hủy báng pháp, phải bị đọa vào đường ác, cho nên chưa phải lúc để thuyết giảng. Đến nay căn cơ [khởi phát] nhanh nhạy, quyết chí hướng về Đại thừa, được nghe [pháp] ắt sẽ tin hiểu, cho nên nói *"Phật hoan hỷ"*.

Kệ nói *"không ngại"* [tức là không lo ngại], không còn lo ngại việc [chúng sanh] bám chấp Tiểu thừa, hủy báng Đại thừa, khởi sinh tội lỗi đọa vào đường ác, cho nên nói là [Phật] không ngại.

◆ Đoạn thứ ba, từ câu *"Nay giữa chúng Bồ Tát"* trở đi gồm ba câu, ý chính là hiển bày pháp chân thật. [Giáo pháp giảng cho] 5 thừa[1] còn uyển chuyển khiếm khuyết, chưa đi thẳng vào lẽ thật; [giáo pháp] Thông giáo và Biệt giáo còn thiên lệch kề cận, chưa phải một đường chân chánh. Đến nay [Phật] xả bỏ hết những pháp uyển chuyển, thiên lệch kia, chỉ thuyết giảng một đạo ngay thẳng chân thật.

◆ Đoạn thứ tư, từ câu *"Bồ Tát nghe pháp này"* trở đi gồm 1 khổ kệ, nêu rõ việc [thính chúng] thọ nhận, hành trì, liễu ngộ, thể nhập [tri kiến Phật]. Hàng Bồ Tát[2] Tạng giáo và Thông giáo [trước đây] vừa nghe lược giảng [Đại thừa] thì chỗ bám chấp cũ dao động, khiến chỗ nghi mới khởi sinh, đến nay thì tất cả [những nghi ngờ đó] đều được dứt trừ. Không chỉ riêng hàng Bồ Tát mà hàng Nhị thừa [Thanh văn, Duyên giác] cũng như thế. Cho nên nói hàng Thanh văn *"cũng đều sẽ thành Phật"*. Các giáo pháp trước đây không nói Nhị thừa [có thể] thành Phật, nay được [Phật] tiến hành thụ ký [cho sẽ thành Phật]. [Cho nên,] việc thụ ký không riêng cho Nhị Thừa, việc dứt trừ lòng nghi không riêng cho Bồ Tát. Hai việc này hỗ tương cho nhau cùng trọn vẹn đầy đủ.

● Hỏi: Hàng Bồ Tát nghi những điều gì?

● Đáp: Trong [giáo pháp] Tạng giáo nói rằng, [tu tập trải qua] ba a-tăng-kỳ kiếp còn chưa đoạn trừ được mê hoặc, một khi đoạn trừ được liền thể nhập chân thật. [Giáo pháp] Thông giáo nói rằng, hàng Bồ Tát đoạn trừ hết phiền não vẫn còn lại tập khí, [khi nào] tập khí dứt hết liền thành Phật. [Nay] vừa nghe [Phật] lược nói rằng hết thảy những giáo pháp ấy đều là phương tiện, [vậy những

[1] Năm thừa ở đây chỉ thiên thừa, nhân thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát Tạng giáo.

[2] Nguyên tác dùng Lục độ Bồ Tát, chỉ hàng Bồ Tát thuộc Tạng giáo tu tập sáu pháp ba-la-mật.

chỗ] chân thật với thành Phật [đã nói] trước đây, rốt lại bây giờ là ở nơi đâu?

Lại nữa, ba thừa cùng học theo một đạo, do ý nghĩa gì lại có sự khác biệt?

Nay nghe [thuyết giảng kinh] Pháp hoa này rồi liền dứt trừ hết những nghi ngờ đó, không sót lại một mảy may nào.

KINH VĂN

Như nghi thức thuyết pháp,
Của ba đời chư Phật,
Ta nay cũng như vậy,
Thuyết pháp không phân biệt.
Chư Phật hiện ở đời,
Rất lâu xa khó gặp,
Ngay khi đã xuất thế,
Thuyết pháp này càng khó.
Vô lượng vô số kiếp,
Được nghe pháp này khó,
Người đủ sức nghe pháp,
Càng khó tìm gặp hơn.
Giống như hoa ưu-đàm,
Mọi người đều ưa thích,
Giữa hai cõi trời, người,
Hiếm hoi mới xuất hiện.
Người nghe pháp hoan hỷ,
Ngợi khen chỉ một lời,
Cũng bằng như cúng dường,
Ba đời mười phương Phật.
Người như vậy ít gặp,
Hiếm hơn hoa ưu-đàm.

▣ Tổng đoạn thứ tư từ câu *"Như nghi thức thuyết pháp, của ba đời chư Phật"* trở đi, có 5 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa xưng tán chánh pháp thật hy hữu như trong phần văn trường hàng ở trên, còn có ý phụ là dẫn khởi cho thí dụ *"không dối gạt"* [ở phẩm Thí Dụ]. Tổng đoạn này chia thành 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa về diệu pháp như trong văn trường hàng ở trên. Diệu pháp tức là pháp quyền thật. Như *"ba đời chư Phật"* là dẫn chứng giống như chư Phật đều đã dùng pháp quyền. Pháp quyền tức là nghi thức dẫn dắt chúng sinh. *"Thuyết pháp không phân biệt"* là dẫn chứng giống như chư Phật đều hiển bày pháp chân thật. Chân thật ắt là dứt sạch ngôn ngữ, lẽ nào còn có nghi thức. Lại nữa, quyền và thật vốn không có sự

phân biệt, chỉ vì những kẻ căn thấp trí nhỏ mà [phải tạm bày ra] phân biệt quyền thật. Nay đến lúc tỏ ngộ và thể nhập thì Nhất thừa với ba thừa không khác, nên biết rằng Phật thuyết ba thừa với Nhất thừa không có phân biệt. Tất cả chư Phật đều như vậy, không chỉ riêng một đức Phật Thích-ca.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Chư Phật hiện ở đời"* trở đi gồm 4 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa *"đúng thời mới thuyết pháp này"* trong phần văn trường hàng ở trước. Trong văn trường hàng dùng hoa ưu-đàm để [so sánh với việc Phật ra đời ít gặp]. Trong kệ tụng cũng nói hai câu *"Chư Phật hiện ở đời, rất lâu xa khó gặp"*. Nghĩa là phải rất lâu mới có Phật ra đời. Đây là nói cái khó về người, [rất khó có được người như Phật].

Tiếp đến hai câu *"Ngay khi đã xuất thế, thuyết pháp này càng khó"* là nêu cái khó về pháp, như khi đức Phật Thích-ca đã ra đời, cũng phải hơn 40 năm mới [có thể] bắt đầu [thuyết pháp] hiển bày chân thật. Đại lược là như thế.

Kế tiếp là 2 câu *"vô lượng vô số kiếp, được nghe pháp này khó"*, nêu cái khó của việc được nghe pháp, như cả một nhóm 5.000 người kia, Phạm âm [thuyết pháp] tràn ngập vào tai mà vẫn rời bỏ chỗ ngồi đi ra [khỏi pháp hội], chẳng phải là việc nghe pháp rất khó đó sao?

Tiếp theo là 2 câu *"Người đủ sức nghe pháp, càng khó tìm gặp hơn"*, nêu cái khó của sự tin nhận [chánh pháp]. Khắp trong chúng hội [khi ấy] chỉ duy nhất có ngài Xá-lợi-phất là nhận hiểu trước. Hàng trung căn và hạ căn tuy có được nghe nhưng chưa hiểu được.

[Câu kệ tiếp theo] nêu hoa ưu-đàm [hiếm có] để làm thí dụ so sánh với bốn cái khó vừa nói trên. [Phần kệ tiếp theo] chỉ nêu người nghe [pháp] hiếm có, nhưng các điều khó còn lại theo đó suy ra có thể hiểu được.

KINH VĂN

Các ông chớ hoài nghi,
Phật là vua các pháp,
Tuyên cáo cùng đại chúng,
Chỉ dùng đạo Nhất thừa,
Giáo hóa các Bồ Tát,
Không đệ tử Thanh văn.
Xá-lợi-phất, các ông,
Thanh văn cùng Bồ Tát,
Nên biết diệu pháp này,
Bí yếu của chư Phật.

▣ Tổng đoạn thứ năm từ câu *"Các ông chớ hoài nghi"* trở đi là phần thứ năm, gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa *"lời Phật không hư dối"* trong phần văn trường hàng ở trước. Phần này chia làm 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất 1 khổ rưỡi kệ, nói đừng sinh tâm nghi ngờ đối với người đáng tin cậy.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Xá-lợi-phất các ông"* trở đi gồm 1 khổ kệ, nói đừng khởi tâm nghi ngờ đối với pháp đáng tin cậy.

Kệ nói *"Phật là vua các pháp"*, vua trong loài người còn chẳng nói hai lời, huống chi Phật là vị Pháp vương, vua của các pháp, lẽ nào lại có thể nói ra lời hư dối? Pháp phương tiện thì có thể quyền biến giả lập, còn pháp chân thật đâu thể hư dối. [Cho nên,] nghe đấng Pháp vương thuyết pháp đừng sinh tâm nghi ngờ.

Các nhà cựu giải cho rằng từ câu *"Xá-lợi-phất các ông"* trở đi, gồm 7 khổ kệ, không tụng [ý nghĩa] về thôi thúc lòng tin mà chỉ là [tụng lại ý nghĩa] phần nói về Phật Thích-ca [trong văn trường hàng], tức là ý khuyến tín và hoằng truyền kinh điển.

Phần này chia làm 2 ý. Ý thứ nhất gồm 5 khổ rưỡi kệ, [đức Phật] khuyên nên hoằng truyền kinh điển để làm nhân tố hành trì. Ý thứ hai gồm 1 khổ rưỡi kệ lược nói về việc thụ ký.

Khổ kệ đầu tiên khuyên [những ai] ngưỡng mộ quả vị mà hành trì nhân [tu tập] thì tất yếu phải hoằng truyền kinh điển [này]. [Kệ nói pháp này là *"bí yếu của chư Phật"*, vì] hơn 40 năm được ẩn giấu trong tâm Phật, người khác không ai biết nên gọi là *"bí"*, đạo thẳng tắt Nhất thừa thâu nhiếp muôn pháp môn nên nói là *"yếu"*.

Từ câu *"vì đời ác năm trược"* trở đi gồm 1 khổ kệ, [sau khi] giải thích [về pháp] *"bí yếu"*, đến đây nêu rõ rằng những người che chướng nặng nề thì rốt cùng không thể hiểu được [pháp Đại thừa này], vì vậy nên đức Như Lai phải [tạm] ẩn giấu, không thể tuyên thuyết không đúng người.

Từ câu *"những kẻ xấu đời sau"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ cách thức của việc hoằng truyền kinh điển. Khổ kệ thứ nhất nêu rõ, với những kẻ xấu ác thì đừng vì họ mà thuyết giảng [kinh này]. [Khổ kệ] sau đó nói rõ, với người hiền thiện thì nên vì họ mà thuyết giảng.

Từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết"* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, tóm kết 2 ý nghĩa.

◆ Trước tiên một khổ kệ tóm kết nghĩa *"bí yếu"*, nêu rõ pháp như thế này thì [chư Phật] trước đã phải dùng đến muôn ức phương tiện, sau đó mới [có thể] chỉ bày chỗ chân thật.

◆ Tiếp theo nửa khổ kệ sau tóm kết về cách thức hoằng truyền kinh, [nêu rõ] những người không học tập thì không thể hiểu rõ được kinh này, chính là kết lại ý nghĩa đối với người xấu ác không nên thuyết giảng kinh này. [Từ đó cũng suy ra hàm nghĩa] đối lại[1] là những ai học tập thì sẽ hiểu được kinh này, nên với những người như vậy thì có thể thuyết giảng.

---

[1] Văn Cú dùng chữ "兼對 - kiêm đối" ý nói hàm nghĩa kèm theo, đối lại với nghĩa vừa nói, vì trong lời kệ chỉ nói "nếu không học không tu, thì không thể thấu hiểu" chứ không nói đến trường hợp "có học có tu". Do vậy, đây là hàm ý được suy ra.

Từ câu *"các ông đã rõ biết"* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, lược nói về việc thụ ký. Ba câu trên nêu nghĩa rõ biết, một câu giữa nói ý không nghi hoặc, hai câu dưới cùng nói việc được thụ ký. Đã rõ biết, không còn nghi hoặc, cho nên *"phải hết sức vui mừng, biết mình sẽ thành Phật"*.

Ý nghĩa thụ ký trong phần này là dẫn khởi cho phần Xá-lợi-phất và các vị khác được thụ ký ở phần sau. Ý nghĩa hoằng truyền kinh điển trong phần này là dẫn khởi cho việc Phật dạy ngài Xá-lợi-phất phải lưu thông [kinh điển] ở phần sau.

Trên đây là trình bày cách giải thích theo các nhà cựu giải.

KINH VĂN

Vì đời ác năm trược,
Chỉ tham đắm các dục,
Những chúng sinh như vậy,
Rốt chẳng cầu Phật đạo.
Những kẻ xấu đời sau,
Nghe Phật dạy Nhất thừa,
Mê hoặc không tin nhận,
Phá pháp, đọa cõi ác.
Người thanh tịnh, tàm quý,
Quyết chí cầu Phật đạo,
Nên vì những người ấy,
Rộng khen đạo Nhất thừa.

Xá-lợi-phất nên biết,
Pháp chư Phật như thế,
Dùng muôn ức phương tiện,
Để thuyết pháp thích hợp,
Nếu không học, không tu,
Thì không thể thấu hiểu.
Các ông đã rõ biết,
Phật là thầy thế gian,
Việc phương tiện quyền biến,
Đừng khởi sinh nghi hoặc.
Phải hết sức vui mừng,
Biết mình sẽ thành Phật.

Nay giảng rõ từ câu *"Vì đời ác năm trược"* trở xuống là tổng đoạn thứ sáu, gồm 6 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa chọn lọc thính chúng và thúc giục mọi người. May mắn là trong văn trường hàng đã có phần này, ý nghĩa tương tự, lẽ nào không phải là tụng lại.

▣ Tổng đoạn thứ sáu có thể chia thành 2 đoạn. Đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ đầu, tụng về ý nghĩa chọn lọc thính chúng. Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ sau, tụng về ý nghĩa thúc giục lòng tin.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"vì đời ác năm trược"* trở đi, 1 khổ kệ là tụng lại ý nghĩa chọn lọc loại trừ những người không phải đệ tử Phật. Vì sao vậy? Nếu *"tham đắm các dục"* tức là làm theo nghiệp của ma, nên phải loại trừ những người ấy.

Trong văn trường hàng nói [những người] bám chấp Niết-bàn mà còn không phải là đệ tử Phật, [huống chi] ở đây nói [có nghĩa là] bám chấp sinh tử, lại có thể là đệ tử Phật hay sao? Đó là [văn và kệ] cùng hỗ tương, bổ sung ý nghĩa cho nhau [để làm rõ ý nghĩa] loại trừ hết những người không phải đệ tử Phật.

"Rốt chẳng cầu Phật đạo" là tụng lại ý nghĩa trong văn trường hàng loại trừ hàng tăng thượng mạn. Những kẻ tăng thượng mạn là chưa chứng đắc quả vị giải thoát[1] mà tự nói mình đã chứng đắc. Người như vậy cho nên không cầu Phật đạo.

Từ câu *"những kẻ xấu đời sau"* trở đi 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa *"sau khi Phật diệt độ thì người có thể thọ trì, tụng đọc, giảng giải những kinh như thế này rất khó gặp được"* trong phần văn trường hàng.

Từ câu *"người thanh tịnh, tàm quý"* trở đi 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa *"nếu gặp Phật ở cõi khác thì ở trong giáo pháp này liền được thấu triệt rõ ràng"* trong phần văn trường hàng.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa thúc giục lòng tin trong phần văn trường hàng. Nếu nói [đệ tử

[1] Nguyên tác dùng "上法 - thượng pháp", chỉ quả vị giải thoát tối thượng, Vô thượng.

Phật mà] không tin pháp [Nhất thừa] này thì thật hoàn toàn vô lý.

[Trong ý này,] 1 khổ rưỡi kệ phần trước là thúc giục lòng tin [đối với việc Phật thi hành] pháp quyền, 1 khổ rưỡi kệ phần sau là thúc giục lòng tin đối với pháp chân thật. [Đối với các pháp] thật và quyền [đều tin chắc] không còn nghi hoặc liền tự rõ biết mình sẽ thành Phật. Đại lược là như thế.[1]

[1] Đến đây là hết phần giảng giải về phẩm Phương tiện nhưng chưa hết quyển 5 của Văn Cú.

CẤU TRÚC CÁC PHẦN GIẢI THÍCH KỆ TỤNG TRONG PHẨM THÍ DỤ

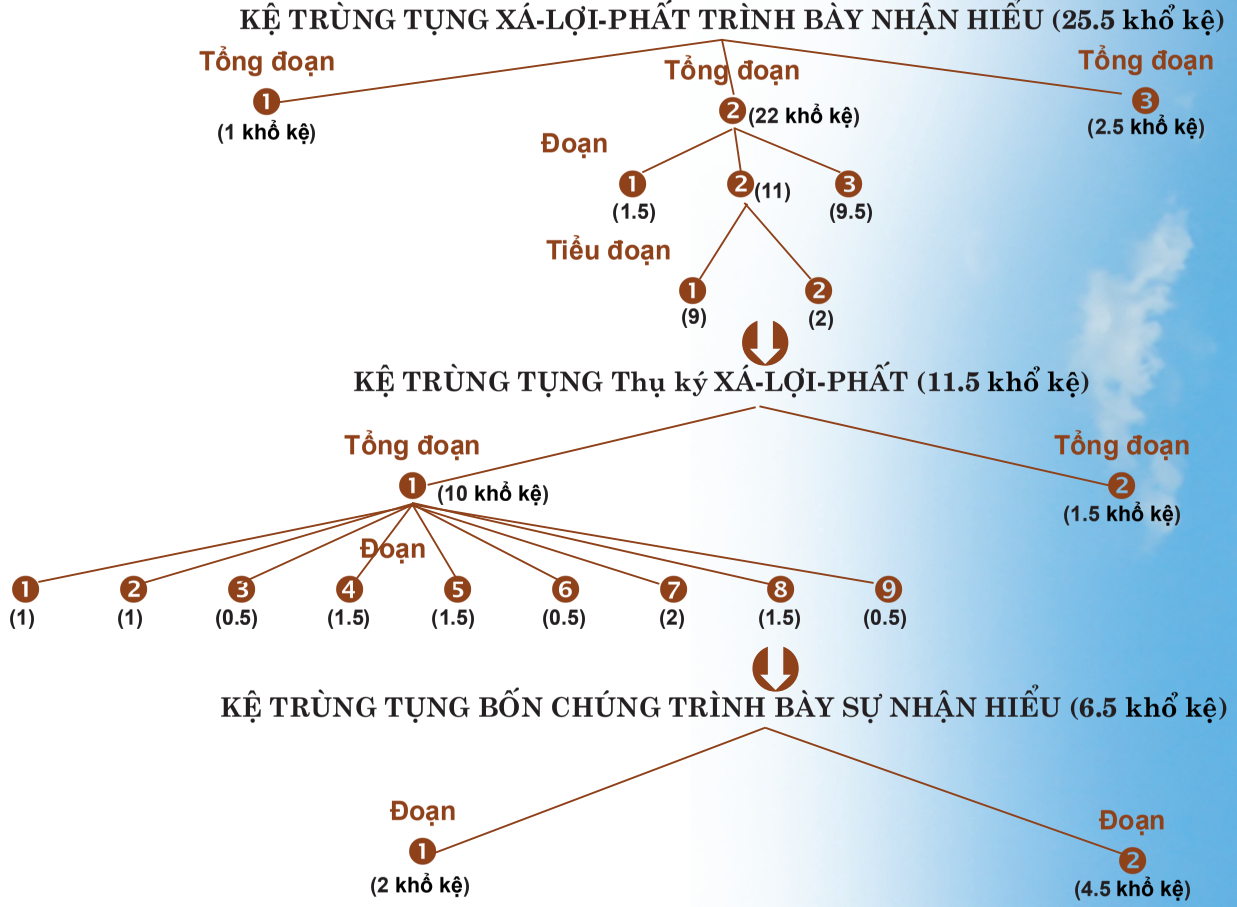

KỆ TRÙNG TỤNG Ý NGHĨA CÁC THÍ DỤ (65.5 khổ kệ)

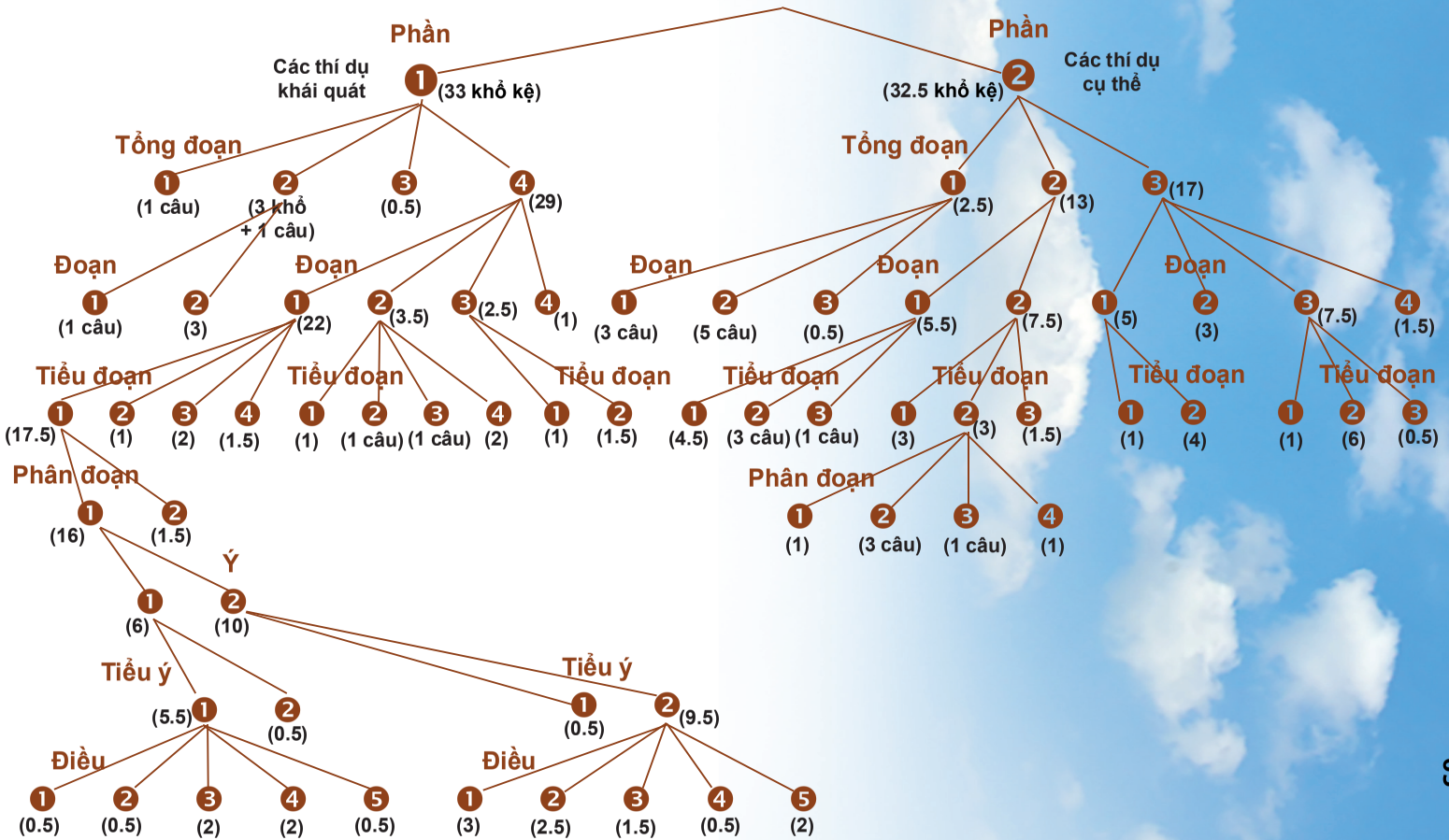

KỆ SO SÁNH Ý NGHĨA TƯƠNG HỢP CÁC THÍ DỤ (65.5 khổ kệ)

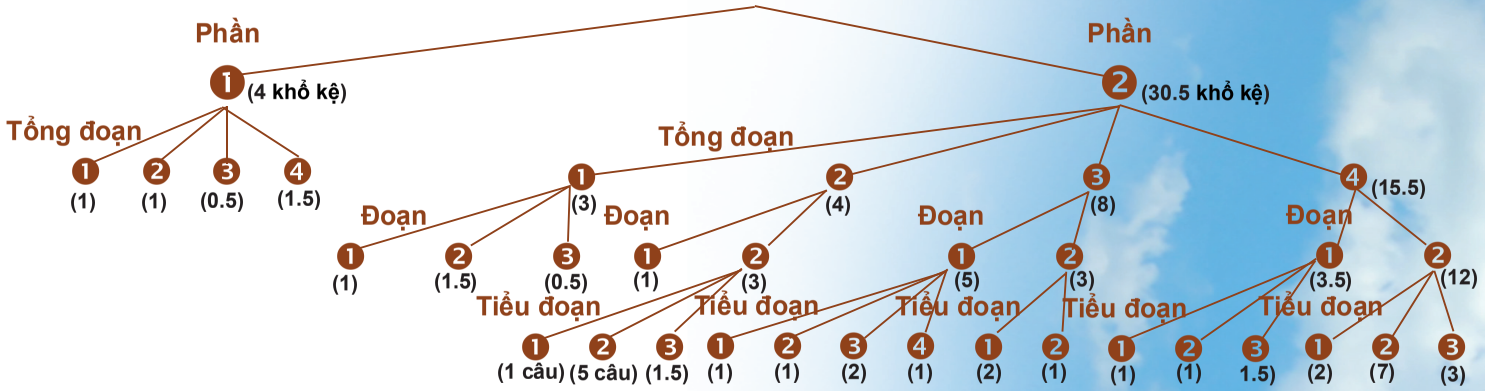

KỆ KHUYẾN TÍN LƯU THÔNG (65 khổ kệ)

3. Giải thích phẩm Thí Dụ

1. Giải thích tên phẩm

KINH VĂN

Phẩm Thí dụ, thứ ba

Giải thích tổng quát

Trước tiên giải thích tổng quát. *"Thí"* là nêu ra tình huống so sánh, *"dụ"* là [qua tình huống so sánh đã nêu mà] chỉ bày dạy bảo rõ ràng. [Đó là] lấy việc này so với việc kia, mượn sự việc dễ hiểu để chỉ bày dạy bảo ý nghĩa sâu xa.

Phần trước, văn trường hàng và kệ tụng đã nói rõ, giảng rộng 5 lượt về chư Phật. Hàng thượng căn trí sáng nhanh nhạy nghe thuyết dạy đầy đủ liền được khai ngộ; hạng trung căn, hạ căn ôm giữ mê lầm nên chưa thể khiến cho được giác ngộ, nhưng tâm đại bi [của Phật] không thôi dứt, trí tuệ khéo léo vô cùng, liền chỉ dạy nhìn cây lay động mà biết có gió thổi, nêu hình quạt tròn để ví cho mặt trăng,[1] khiến [những người nghe pháp] đều được khai ngộ hiểu rõ, cho nên gọi là thí dụ.

Giải thích phân biệt

Dùng pháp thế gian để so sánh với pháp xuất thế gian, nhân nơi những việc từng có mà được nghe việc chưa từng có nên hoan hỷ phấn chấn, giống như trong kinh này dùng

[1] Nguyên tác dùng "動樹訓風舉扇喻月 - động thọ huấn phong, cử phiến dụ nguyệt". Ý nghĩa là vì không thể nhìn thấy gió nên phải dựa vào sự lay động của cây mà biết có gió; lúc không có mặt trăng thì xòe cây quạt ra có hình tròn tương tự để ví dụ so sánh mô tả.

ví dụ cha và con của thế gian để so sánh với đạo sư và đệ tử xuất thế gian.[1]

Lại dùng pháp sinh ra của thế gian để so sánh với pháp sinh ra xuất thế,[2] khiến cho nhận được lời dạy của Phật, chẳng để mất Đại thừa, cũng giống như trong kinh này nói người cha rõ biết trong lòng của các con trước đây đều ưa thích những món đồ chơi quý giá.

Lại dùng pháp trừ diệt của thế gian để so sánh với pháp trừ diệt xuất thế,[3] tuy [hàng Thanh văn] đã được vô lậu, nhưng nghe pháp này cũng trừ diệt được ưu tư buồn bực, giống như trong kinh này nói, ta làm cha, có thể cứu được những khổ nạn [của các con], nhưng không thể cứu chúng khỏi sự thiêu đốt [trong nhà lửa].

Lại dùng pháp chẳng sinh chẳng diệt của thế gian để so sánh với pháp chẳng sinh chẳng diệt xuất thế gian,[4] khiến cho [người nghe pháp] được an trụ trong trí tuệ chân thật, [tự biết rằng] chắc chắn sẽ được làm Phật, giống như trong kinh này nói [những người con ông trưởng giả] ngồi lên xe báu thẳng đường đến đạo tràng.

Nên biết rằng, đức Phật dùng một âm thanh nói ra các thí dụ, khéo léo giúp cho hàng trung căn và hạ căn đều nhận được sự lợi ích của Tứ tất đàn, cho nên gọi là phẩm Thí dụ.

---

[1] Thí dụ nêu ra "cha và con" là việc thường tình, thường gặp trong thế gian; trong kinh này Phật nói rõ hết thảy hàng đệ tử Thanh văn cũng đều là con Phật, là đệ tử chân thật của Phật, đều có khả năng thành Phật, đó là việc chưa từng có trước đây.

[2] Văn Cú ký giải thích rằng, người đời sinh ra trong thế gian là pháp sinh của thế gian; còn giáo pháp ba thừa do Phật quyền biến chỉ dạy là pháp sinh ra xuất thế.

[3] Văn Cú ký giải thích rằng pháp trừ diệt của thế gian là tránh được những khổ nạn trong gia đình, pháp trừ diệt xuất thế là dứt trừ được sự mê hoặc.

[4] Văn Cú ký giải thích rằng, pháp chẳng sinh chẳng diệt của thế gian là nói những cỗ xe lớn của người cha, vốn là sẵn có nên gọi là chẳng sinh, tốt đẹp không hư hoại nên gọi là bất diệt; pháp chẳng sinh chẳng diệt xuất thế là nói tánh đức [của chúng sanh] vốn sẵn có nên gọi là chẳng sinh, tu tập đạt đến quả vị thường hằng nên gọi là biết diệt.

Lược nói theo Tạng giáo thì đức Phật vốn có ý muốn tán thán Phật thừa, nhưng vì chúng sinh không đủ sức kham nhận nên mới suy nghĩ nhớ lại những phương tiện khởi từ lòng đại bi của chư Phật trước đây. Nhân đó mới đi đến Lộc uyển rồi xưng tán [pháp môn phương tiện ví ba thừa như] ba loại xe [dê, xe nai và xe trâu]. Hàng Nhị thừa trở xuống chỉ tự cứu được mình, không lo nổi cho người khác. Bồ Tát cưỡi xe trâu [có khả năng] đưa người khác ra khỏi nhà lửa, cho nên gọi là đại [Bồ Tát]. Đây là giải thích phẩm Thí dụ theo Tạng giáo.

Lại nữa, cả ba hạng người [trong ba thừa] đều sợ lửa thiêu đốt [mà bỏ chạy]. Hàng Thanh văn thì [nhút nhát] như dê, quay đầu chạy thẳng không hề nhìn lại. Hàng Duyên giác như nai mẹ [thương con nên] vừa chạy vừa quay đầu [nhìn lại]. Hàng Bồ Tát như voi lớn [dũng mãnh], tự thân chống đỡ với tên đao cứu giúp người khác cùng ra khỏi [đám cháy]. Kinh Niết-bàn nói [hàng Nhị thừa như] thỏ, như ngựa, [không đủ sức vượt qua dòng sông lớn mười hai nhân duyên].[1] Đó là giải thích phẩm Thí dụ theo Thông giáo.

Lại nữa, hàng Tam thừa mới phát tâm gần đây, nương theo lý cạn cợt, trí tuệ yếu kém, dứt trừ thông hoặc,[2] vẫn chưa tận bờ thấu đáy, chưa phải rốt ráo đến bờ giải thoát.[3] Bồ Tát đã phát tâm từ rất lâu xa, nương theo lý sâu xa, trí tuệ vững chắc, dứt trừ biệt hoặc,[4] đã rốt ráo cội nguồn, thấu suốt tánh thể. Đại Phẩm [Bát-nhã] nói: "Hàng Nhị

[1] Thí dụ trích từ kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống, quyển 27. "二乘之人雖觀因緣... ...未能渡十二因緣河猶如兔馬。"- Nhị thừa chi nhân tuy quán nhân duyên... ...vị năng độ thập nhị nhân duyên hà do như thố mã." (ĐCT, T12, 374, tr.523c, d.27 đến tr.524a, d.1.)

[2] Thông hoặc (phiền não chung), chỉ những phiền não mà cả Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát đều dứt trừ, nên gọi là chung, bao gồm kiến hoặc và tư hoặc.

[3] Nguyên tác dùng ba-la-mật, ở đây chỉ sự rốt ráo hoàn thiện, giúp hành giả vượt thoát đến bờ giải thoát. Cho nên các pháp tu giúp hành giả đạt được sự giải thoát rốt ráo đều gọi là ba-la-mật.

[4] Biệt hoặc (phiền não riêng), chỉ các phiền não vi tế hơn chỉ hàng Bồ Tát mới dứt trừ được, nên gọi là riêng, bao gồm trần sa hoặc và vô minh hoặc.

thừa như chút lửa đom đóm, hàng Bồ Tát như ánh sáng mặt trời." Đây là giải thích phẩm Thí dụ theo Biệt giáo.

Lại nữa, [nếu như] ban sơ vừa được thấy thân Phật, nghe Phật thuyết dạy liền tin nhận hết thảy, thể nhập trí tuệ Như Lai, những người như vậy thật dễ hóa độ, chẳng làm cho đức Như Lai phải khó nhọc. Như trong kinh Hoa nghiêm nói: "Ngay nơi sự việc đã là chân thật." [Như vậy] thì chẳng đợi [nêu ra] thí dụ [mới rõ biết lẽ thật]. Nhưng vì những người chưa thể nhập được nên trong hơn 40 năm [đức Phật phải] dùng những phương tiện khác để giúp hiển bày nghĩa lý rốt ráo, cho đến hôm nay ở thành Vương Xá mới quyết định thuyết giảng Đại thừa, khiến cho tất cả [chúng sinh đều được] khai, thị, ngộ, nhập trí tuệ Phật, không phải chỉ riêng một người được diệt độ. [Đó gọi là] nay giống như xưa, xưa giống như nay, chẳng hai chẳng khác. Bậc thượng căn trí tuệ sáng suốt, vừa nghe thuyết dạy liền có thể hiểu rõ, nên không làm cho Như Lai phải khó nhọc, lại cũng chẳng đợi nêu ra thí dụ [mới hiểu]. Nhưng chỉ vì hạng trung căn và hạ căn [nghe lời Phật dạy] trái với sự bám chấp từ lâu nay nên sinh nghi hoặc, do dự chần chừ nơi ngã rẽ [bước vào Đại thừa], phải đợi đến hôm nay [đức Phật] đưa ra thí dụ [như trưởng giả ban cho các con những] xe báu lớn thì mới được lợi ích. Đây là giải thích phẩm Thí dụ theo Viên giáo.

[Những cách giải thích phẩm Thí dụ theo] bản tích hay quán tâm đều theo đó có thể hiểu rõ được, không cần phải nêu ra. Đại lược là như vậy.

Phần thuyết chánh pháp[1] có 5 phần kinh văn, phần thứ nhất đã trọn nghĩa, 4 phần sau [ý nghĩa] chưa trọn vẹn. [Cho nên] phẩm [Thí dụ] này lẽ ra nên bắt đầu ngay sau

[1] Tức là một trong ba vòng thuyết giảng đã được phân chia ở trước: thuyết chánh pháp, thuyết thí dụ và thuyết nhân duyên. Ở đây chỉ phẩm Phương tiện ở trước đã nói xong phần đầu, nên từ đầu phẩm Thí Dụ này sẽ tính là phần thứ hai.

phần chư thiên nói kệ và trước phần nêu thí dụ căn nhà đang bốc cháy. [Có lẽ do] người ghi chép kinh này đã thay đổi sắp xếp lại, đặt phần trình bày chỗ nhận hiểu [của ngài Xá-lợi-phất] mở đầu cho phẩm này.[1]

Lại có người cho rằng: "Phần phát khởi [giáo pháp cho] hàng trung căn đặt ở đầu [phẩm Thí dụ trong] quyển hai này cũng giống như 6 điềm lành với nội dung hỏi đáp là mở đầu cho phần thuyết chánh pháp, [cho nên] nội dung trình bày chỗ nhận hiểu rồi được Phật thụ ký là mở đầu cho phần thuyết thí dụ. Đó là [nói theo] tâm lý con người mà thôi, [nếu như] đặt phần [trình bày nhận hiểu này] sau phần thuyết chánh pháp, [lẽ nào lại khiến cho] hàng trung căn không tỏ ngộ hay sao?

2. Xá-lợi-phất trình bày chỗ nhận hiểu

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất hân hoan phấn chấn, liền đứng dậy chắp tay, chiêm ngưỡng dung nhan Phật rồi bạch rằng: "Nay con theo đức Thế Tôn mà được nghe pháp âm này, trong lòng hân hoan phấn chấn, được việc chưa từng có. Vì sao vậy? Trước đây con theo Phật, từng được nghe pháp như thế này, thấy các vị Bồ Tát được thụ ký sẽ thành Phật, mà [hàng Thanh văn như] chúng con không được dự phần [vào việc thụ ký ấy] nên hết sức tự cảm thương, nghĩ mình đã mất đi tri kiến vô lượng của Như Lai. Bạch Thế Tôn! Con thường một mình ở dưới gốc cây trong chốn núi rừng, mỗi khi tĩnh tọa hoặc đi kinh hành đều tự nghĩ rằng: 'Chúng con cũng cùng thể nhập tánh pháp, vì sao đức Như Lai lại dùng pháp Tiểu thừa để hóa độ [chúng con]? Đây là lỗi của chúng con, chẳng phải do đức

[1] Nhận xét của Văn Cú ở đây có nghĩa là phần trình bày chỗ nhận hiểu của ngài Xá-lợi-phất và phần chư thiên nói kệ nên đưa ra trước, ở cuối phẩm Phương tiện để làm trọn vẹn ý nghĩa của 4 phần sau trong phẩm này. Và như vậy thì phẩm Thí dụ bắt đầu ở ngay trước phần nói thí dụ về căn nhà đang bốc cháy, sẽ phù hợp hơn với ý nghĩa của phẩm Thí dụ.

Thế Tôn. Vì sao vậy? Nếu chúng con đợi đến khi [Thế Tôn] thuyết dạy về nhân thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ắt có thể dùng pháp Đại thừa mà được giải thoát. Nhưng chúng con lại không hiểu được sự thuyết dạy tùy phương tiện thích hợp [của đức Như Lai], nên ban sơ vừa được nghe pháp [Tiểu thừa], có sự tỏ ngộ liền tin nhận ngay, suy xét [theo đó], lấy đó làm chỗ chứng ngộ.' Bạch Thế Tôn! Con từ xưa nay, cả ngày lẫn đêm vẫn luôn tự trách mình, đến hôm nay theo Phật được nghe pháp chưa nghe, vốn chưa từng có, nên dứt trừ hết mọi sự nghi hoặc, hối tiếc, thân tâm thư thái an nhiên, được sự an ổn sảng khoái. Ngày hôm nay con mới biết mình đích thực là con Phật, sinh ra từ miệng Phật, hóa sinh từ pháp Phật, cũng được có phần trong pháp Phật."

▣ Phần này là thứ hai, nêu chỗ nhận hiểu [của ngài Xá-lợi-phất] gồm việc tiếp nhận những giáo pháp được nghe và trình bày những điều nhận hiểu. Trong văn trường hàng thì cả 2 ý nghĩa này được nói chung, trong phần kệ tụng thì trình bày riêng. Cho nên gọi phần này là trình bày chỗ nhận hiểu. Kinh văn lại chia làm 2 phần. Thứ nhất là phần mở đầu của người chép kinh, thứ hai là nội dung ngài Xá-lợi-phất tự trình bày.

Phần mở đầu cũng chia làm 2, [đó là] nói chỗ nhận hiểu trong tâm và hình dung cử chỉ biểu lộ ra bên ngoài. Nhận hiểu trong tâm gọi là *"hân hoan"*. Vui mừng biểu lộ ra bên ngoài thành hành vi cử chỉ gọi là *"phấn chấn"*. Từ nơi bậc [thầy giác ngộ] tuyệt diệu mà được nghe giáo pháp tuyệt diệu, có được sự nhận hiểu tuyệt diệu. [Trong 3 điều tuyệt diệu này], chỉ may mắn gặp được một cũng đủ để vỗ tay mừng vui, huống chi cùng lúc gặp được cả 3, sao lại có thể không *"hân hoan phấn chấn"*?

Kinh văn nói: *"Nay con theo đức Thế Tôn mà được nghe pháp âm này, trong lòng hân hoan phấn chấn."* [Đó là nói] trong tâm ngoài thân hòa hợp nên khiến cho vui mừng như thế. Đây là giải thích theo thế giới [tất đàn].

Lại nữa, thay đổi từ Tiểu thừa sang học Đại thừa, đó là từ bỏ sự nghèo khổ nơi lều cỏ mà [quay về] nhận lấy sản nghiệp giàu sang trong gia tộc. Kinh văn nói: *"Ngày hôm nay con mới biết mình đích thực là con Phật."* Do đó nên vui mừng. Đây là giải thích theo vị nhân tất đàn.

Lại nữa, [được nghe diệu pháp rồi] bao lo buồn hối tiếc đều tan biến; những khó khăn, nghi hoặc đều dứt trừ, mọi sự che chướng trong ngoài đều thông thoáng, rỗng rang sáng suốt.

[Kệ tụng trong] kinh văn [phần sau] nói: *"Con đã sạch lậu hoặc, được nghe cũng dứt phiền."* Do vậy nên hoan hỷ. Đây là giải thích theo đối trị tất đàn.

Lại nữa, những gì hàng con Phật cần đạt được thì đều đã đạt được. [Kệ tụng trong] kinh văn [phần sau] nói: *"An trụ trong thật trí, con nhất định thành Phật."* Đây là giải thích theo đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lược theo giáo nghĩa thì nói vui mừng hân hoan là niềm vui chứng nhập quả vị, nhưng vị A-la-hán đã thoát ra khỏi sự trói buộc của phiền não trong ba cõi, phá bốn trụ địa,[1] trừ sạch quả báo phiền não,[2] gặp việc nguy hại không lo buồn, được sự lợi lạc cũng chẳng mừng vui, nay [kinh văn] nói là *"hân hoan vui mừng"*, nhất định không phải là sự vui mừng như của thế gian. Nếu [tu tập] khổ nhẫn phát khởi sáng suốt, hoặc đạt đến bậc rốt ráo vô

[1] Nguyên tác dùng "tứ trụ - 四住 " tức tứ trụ địa (四住地), bao gồm Kiến nhất thiết trụ địa (tức là hết thảy kiến hoặc trong ba cõi), Dục ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Dục giới), Sắc ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Sắc giới), Hữu ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Vô sắc giới). Bốn yếu tố này là căn bản khởi sinh của tất cả phiền não nên gọi là trụ địa.

[2] Nguyên tác dùng "tử quả - 子果", chỉ các quả báo của phiền não. Phiền não trong quá khứ sinh ra quả trong hiện tại, phiền não hiện tại sinh quả trong tương lai. Vị A-la-hán không còn thọ sinh chịu quả báo trong tương lai nên gọi là dứt sạch quả tử, cũng tứt là dứt hết quả báo phiền não.

học, thì [đều là những điều] trước đây đã đạt được rồi, nay không thể lại vui mừng lần nữa.

Nếu ba hạng người [tu tập trong ba thừa] đều dùng cách mặc nhiên vô ngôn để nói đạo, tuy tánh thể phân chia ra khác biệt nhau nhưng đạt đến chứng nhập lẽ không cũng đồng nhất như nhau. Niềm vui của sự chứng nhập đồng nhất đó, [vị A-la-hán cũng] đã đạt được từ lâu rồi, nên hôm nay cũng không thể vui mừng lần nữa.

Nếu dùng hai pháp quán không[1] làm phương tiện tu đạo, thì giả quán dứt sạch chỗ hẹp hòi thô lậu của hàng Nhị thừa, không quán trừ hết chỗ lăng xăng tán loạn của phàm phu. Vượt qua cả hai chỗ thiên lệch xấu ác, đạt được sự hân hoan vui mừng lớn lao.

Theo Viên giáo thì chứng ngộ vào hàng Sơ phát tâm trụ được gọi là Hoan hỷ trụ. Hạnh đầu tiên [trong Thập hạnh] cũng gọi là Hoan hỷ hạnh. Sơ địa [trong Thập địa] cũng gọi là Hoan hỷ địa. Ngài Xá-lợi-phất đã là bậc thượng căn, trí tuệ nhanh nhạy sáng suốt, tất nhiên đó là sự hân hoan vui mừng vượt thoát và thể nhập, mà ví như không vượt thoát, thể nhập thì cũng vẫn gọi là hân hoan vui mừng. Giải thích như trên đều là nói theo giáo nghĩa.

Giải thích theo bản tích thì bản là ngài Xá-lợi-phất vốn đã thành Phật từ xa xưa, hiệu là Phật Kim Long Đà, [còn hình tích là] vì trợ giúp đức Phật Thích-ca [giáo hóa nên hiện làm] vị đệ tử trí tuệ [ở bên phải đức Phật]. Ban đầu [ngài thị hiện] đi theo ngoại đạo, [rồi sau] phá trừ tà kiến quay sang chánh đạo. Đó là vị sữa tươi, hân hoan vui mừng

[1] Hai pháp quán không (nhị không quán - 二空觀), chỉ hai pháp quán: đãn không (但空) và bất đãn không (不但空). Tạng giáo và Thông giáo tuy quán không, chỉ thấy các pháp là không nhưng không thấy được chỗ "chẳng phải không", cho nên gọi là đãn không. Biệt giáo và Viên giáo quán không thì chẳng những thấy được muôn pháp đều không, cũng đồng thời thấy được chỗ chẳng phải không, cho nên gọi là bất đãn không.

làm lợi ích cho hàng phàm phu. Tiếp đến là vị sữa đặc, hân hoan vui mừng làm lợi ích cho bậc hiền thánh. Tiếp theo nữa là các vị váng sữa sống (sinh tô), váng sữa chín (thục tô), hân hoan vui mừng làm lợi ích cho các vị Bồ Tát. Đến hôm nay làm vị đề hồ, hân hoan vui mừng thể nhập tri kiến Phật, làm lợi ích cho những người học Phật. Những sự hân hoan vui mừng như vậy đều là [sự thị hiện] hình tích mà có.

Giải thích theo quán tâm [y như trên có thể hiểu được] không cần ghi chép vào đây. Đại lược là như vậy.

Trong phần mở đầu nói đến hình dung cử chỉ bên ngoài, *"liền đứng dậy chắp tay"*, đó gọi là dùng thân nhận hiểu. Trước đây [hai pháp] quyền và thật chia hai, như hai bàn tay không chắp lại, nay đã hiểu được quyền chính là thật, như hai bàn tay chắp lại [thành một].

"Hướng về Phật" là ý nghĩa trước đây [cho rằng] pháp quyền chẳng phải nhân thành Phật, pháp thật cũng chẳng phải quả thành Phật. Nay hiểu được rằng quyền tức là thật, thành nhân viên mãn thành tựu lớn lao. Nhân phải hướng đến quả, cho nên nói là *"chắp tay hướng về Phật"*.[1]

"Chiêm ngưỡng dung nhan Phật" là biểu hiện sự nhận hiểu được lẽ chân thật của ngài Xá-lợi-phất. Lẽ thật ấy tức là cảnh giới Phật, chẳng phải pháp phương tiện. [Hết lòng] *"chiêm ngưỡng dung nhan Phật"*, không còn khởi lên ý niệm gì khác, đó là biểu hiện khai mở tri kiến Phật. Ý hiểu rõ về pháp thật lại cũng hiểu rõ pháp quyền, thân nhận hiểu pháp quyền cũng là hiểu rõ pháp thật. Nêu lên [ý và thân là] để mỗi bên đều hỗ trợ làm rõ ý nghĩa cho nhau.

Từ câu *"bạch rằng"* trở đi là nói sự nhận hiểu bằng lời,

[1] Đoạn này Văn Cú giảng giải bốn chữ "合掌向佛 - hợp chưởng hướng Phật", nhưng thật ra trong kinh văn chỉ nói "即起合掌 - tức khởi hợp chưởng" (đứng dậy chắp tay), không có hai chữ "hướng Phật", hẳn là Văn Cú giảng theo ý nghĩa suy ra được. (Kinh văn đã dẫn, tr.10b, d.29.)

tức là ngài Xá-lợi-phất tự trình bày. Phần kinh văn này chia làm 2 phần. Thứ nhất là phần kinh văn trường hàng, thứ hai là phần kệ tụng.

Phần kinh văn trường hàng lại chia làm 3 đoạn. Đoạn thứ nhất nêu vấn đề gồm 3 sự vui mừng, đoạn thứ hai giải thích và đoạn thứ ba tóm kết trọn vẹn.

◆ Đoạn thứ nhất nói *"nay con theo đức Thế Tôn"*, đó là nêu việc thân con được gặp thân Phật, cho nên gọi là sự vui mừng đến từ thân [Phật]. Lại nói *"được nghe pháp âm này"*, đó là từ nơi kim khẩu của Phật mà được nghe, cho nên gọi là sự vui mừng [có được] từ miệng [Phật]. Lại nói *"được việc chưa từng có"*, đó là nêu việc ý của con hiểu được ý Phật, cho nên gọi là sự vui mừng đến từ ý [Phật]. Đó là nêu vấn đề gồm 3 sự vui mừng [của ngài Xá-lợi-phất khi được gặp Phật].

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Vì sao vậy?"* trở đi là phần giải thích, nêu ra những điều trước đây đã để mất và nói rõ những điều ngày nay vừa đạt được.

Từ câu *"Vì sao vậy?"* cho đến hết câu *"mất đi tri kiến vô lượng của Như Lai"*, nói việc ngày trước không được gặp Phật là mất mát. Ngày trước đức Phật vì các vị Bồ Tát mà thụ ký [ngày sau thành Phật] nhưng *"hàng Thanh văn chúng con không được dự phần vào việc thụ ký ấy"*. Ý nghĩa *"gặp Phật"* rất sâu xa, vì không gặp Phật nên không có được sự vui mừng đến từ thân [Phật].

[Kinh văn nói] *"được nghe pháp như thế này"*, đó là nói khi [Phật thuyết các kinh Hoa nghiêm, Phương đẳng] như mặt trời [vừa lên] chiếu sáng trên núi cao,[1] [hàng Thanh

[1] Câu này lấy ý từ sách Ma-ha Chỉ quán, quyển 1: "Ví như mặt trời mọc lên, trước hết chiếu sáng trên núi cao, tiếp đến chiếu nơi hang núi, cuối cùng mới chiếu sáng đồng bằng. Đồng bằng ví như chúng sinh chưa biết đạo, hang núi ví như hàng tiệm tu, núi cao là hàng căn cơ đốn ngộ."

văn nghe pháp lúc này, tuy] trong lòng âm thầm nhận biết có nghe, nhưng bên ngoài biểu lộ như câm như điếc, tuy nghe pháp như vậy mà không thể chứng đạo. Chỉ là trong giáo pháp Phương đẳng cũng nghe về trí tuệ chân thật Đại thừa, so với giáo pháp [được nghe] hôm nay không khác biệt, cho nên nói là *"nghe pháp như thế này"*.

Kinh văn nói *"thụ ký"* nghĩa là trong thời Phương đẳng [Phật] thụ ký cho các vị Bồ Tát [sẽ thành Phật], hàng Nhị thừa [khi ấy] không được dự vào việc thụ ký.

Kinh văn nói *"hết sức tự cảm thương"*, trong kinh Tư Ích và kinh Tịnh Danh[1] đều nói, [hàng Nhị thừa] khi nghe khen ngợi Đại thừa, phá bỏ Tiểu thừa thì trong tâm hoài nghi, biểu hiện bên ngoài thì [tự thấy mình] thấp kém, cho nên gọi là cảm thương. Nói *"đã mất đi tri kiến vô lượng của Như Lai"*, đó là nói để mất cái thấy của con mắt Phật (Phật nhãn), để mất cái biết của trí tuệ Phật (Phật trí).

Từ câu *"Bạch Thế Tôn"* cho đến hết câu *"là lỗi của chúng con, chẳng phải do đức Thế Tôn"* nêu rõ chỗ mất ngày trước là không được nghe pháp. Vì thân ở trong chốn núi rừng, tâm bám chấp đạo Tiểu thừa, không được nghe pháp, nên không có sự vui mừng đến từ miệng [Phật].

Kinh văn nói *"con thường một mình ở dưới gốc cây..."* là nói khi suy ngẫm về lỗi lầm của mình. *"Cùng thể nhập tánh pháp"* là nói rõ ra về lỗi lầm đó. Do bám chấp một lý thể nhập, hoài nghi công năng các pháp môn của ba thừa [nên sinh ra sai lầm], vì cùng một lý thể nhập mà sao [hàng Thanh văn] mất đi tri kiến [Phật], [pháp môn của] ba thừa [công năng] khác biệt, sao Bồ Tát riêng được [thụ ký], [nên cho rằng] đã thụ ký riêng thì hẳn đức Như Lai có

[1] Kinh Tư Ích tức là Tư Ích Phạm thiên sở vấn kinh (思益梵天所問經), ĐCT, T15, 586. Kinh Tịnh Danh là tên khác của Duy-ma-cật sở thuyết kinh (維摩詰所說經), ĐCT, T14, 75. Cả hai kinh này đều được tông Thiên Thai xếp vào thời Phương đẳng.

sự thiên lệch. [Suy nghĩ như vậy] nên thành lỗi lầm. Nay tự nêu lại những lỗi ấy nên nói là hối lỗi.

[Kinh văn nói] *"là lỗi của chúng con"*, đó là nói do mình tự mê chấp pháp quyền, không liên quan gì đến lý trong giáo pháp, lại do mình tự hoài nghi lẽ chân thật, không liên quan gì đến sự thiên lệch của Phật. Kể lại lỗi lầm ngày trước, chẳng những để cung kính tạ lỗi với Như Lai, mà còn là nêu ra để tự nhận lỗi.

◆ [Đoạn thứ ba] từ câu *"Vì sao vậy"* cho đến hết câu *"vẫn luôn tự trách mình"* là nêu lỗi ý không nhận hiểu được. Do không đợi Phật thuyết nhân [thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác] nên không có chỗ hiểu chân thật, lại vì không rõ biết phương tiện nên không hiểu được pháp quyền. Vì không có chỗ hiểu nên không có được niềm vui đến từ ý [Phật]. Lỗi lầm ngày trước đã sáng tỏ nên nay có thể tự nêu rõ.

Nói không *"đợi đến khi Thế Tôn thuyết dạy về nhân thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"*, đó là tự trách mình không hiểu được lẽ chân thật. Nói *"không hiểu được sự thuyết dạy tùy phương tiện thích hợp của đức Như Lai"* là tự trách mình không hiểu được pháp quyền thừa.

[Nói về Phật] thuyết dạy nhân [thành tựu Chánh giác] có hai nghĩa. [Thứ nhất là nói] trước đây [khi Phật thuyết dạy trong kinh Phương đẳng đã] không thọ nhận mà lại chờ đợi. [Thứ hai là nói] về sau [Phật thuyết dạy Tiểu thừa đã] không dừng lại để chờ đợi [Phật thuyết dạy Đại thừa].

[Khi Phật thuyết kinh Phương đẳng, giống như] ban sơ [mặt trời vừa mới mọc] chiếu trên núi cao, đó là làm sáng tỏ trí tuệ thấu hiểu ba chân lý.[1] Như vậy là đạt được nhân

[1] Nguyên tác dùng tam đế (三諦), chỉ không đế (空諦), giả đế (假諦) và trung đế (中諦), là trí tuệ thấu hiểu phát sinh từ ba pháp quán: quán không, quán giả và quán trung đạo.

[thành tựu quả] Phật. [Phật thuyết dạy] như vậy để hướng đến hàng Thanh văn, "nhưng [hàng Thanh văn chúng con] chẳng chịu thọ nhận", đó là sự mất mát trước đây. Pháp của chư Phật lâu xa về sau tất yếu sẽ thuyết dạy lẽ chân thật rốt ráo, "nhưng [hàng Thanh văn chúng con] chẳng dừng lại chờ đợi [đến lúc đó], mà trong khoảng thời gian ở giữa lại vội vàng chấp giữ pháp Tiểu thừa", chẳng hiểu rõ được pháp quyền, pháp thật. [Phần chấp pháp Tiểu thừa này có thể hiểu] theo như kinh văn nói rõ.

Từ câu *"hôm nay theo Phật được nghe pháp chưa nghe"* trở đi là tóm kết thành tựu ba niềm vui. Trước nói tóm kết, sau nói thành tựu. *"Theo Phật"* tức là gặp Phật, là tóm kết sự vui mừng đến từ thân Phật. *"Được nghe pháp"* là tóm kết sự vui mừng đến từ miệng Phật. *"Dứt trừ hết mọi sự nghi hoặc, hối tiếc"* là tóm kết sự vui mừng đến từ ý Phật. *"Mới biết mình đích thực là con Phật"*, đây là thành tựu ý nghĩa được gần Phật, [là thân được thành tựu]. *"Sinh ra từ miệng Phật"* là kết lại [ý nghĩa] khẩu được thành tựu. "Hóa sinh từ pháp Phật" là kết lại tâm ý được thành tựu.

[Giảng giải] như trên là thấu hiểu tận cùng hàm ý kinh văn, giải thích sáng tỏ nghĩa lý tiềm ẩn.

Nay lại dùng nghĩa tứ tất đàn để giải thích kinh văn. Từ câu *"con theo đức Thế Tôn"* trở đi là sự hân hoan vui mừng thuộc thế giới tất đàn. Từ câu *"Vì sao vậy?"* trở đi nêu việc trước đây mất mát và nói rõ việc ngày nay đạt được, đó là sự hân hoan vui mừng thuộc về vị nhân tất đàn. Từ câu *"Bạch Thế Tôn! Con từ xưa nay..."* trở đi là sự hân hoan vui mừng thuộc về đối trị tất đàn. Từ câu *"Ngày hôm nay con mới biết..."* trở đi là sự hân hoan vui mừng thuộc về đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lại lược nói qua [sự mô tả] các niềm vui là làm sáng tỏ tứ tất đàn. Tâm hoan hỷ dấy động niềm vui, thường chưa

từng có. Niềm vui làm dao động tâm tưởng,[1] biểu lộ ra hành vi cử chỉ bên ngoài.[2] Đại lược là như thế.

KINH VĂN

Khi ấy, ngài Xá-lợi-phất muốn lặp lại nghĩa trên nên đọc kệ rằng:

Con nghe pháp âm này,
Được việc chưa từng có.
Lòng hết sức mừng vui,
Lưới nghi hoặc dứt sạch.
Xưa nay nhờ ơn Phật,
Dạy chẳng mất Đại thừa.
Tiếng Phật rất ít có,
Người nghe dứt não phiền,
Con đã sạch lậu hoặc,
Được nghe cũng dứt phiền.

Phần kệ tụng gồm 25 khổ rưỡi kệ, có 3 tổng đoạn.

▣ Tổng đoạn đầu tiên gồm 1 khổ kệ, nêu lên 3 sự vui mừng[3] [từ việc ngài Xá-lợi-phất] nghe [Phật dạy] mình cũng [có thể] được làm Phật.

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Xưa nay nhờ ơn Phật"* trở đi, gồm 22 khổ kệ, giải thích về 3 sự vui mừng, chia làm 3 đoạn.

◆ Đoạn đầu tiên có 1 khổ rưỡi kệ, tụng về sự vui mừng được gặp Phật. Phần kinh văn trường hàng nói *"mất đi tri kiến vô lượng của Như Lai"*, trong kệ tụng nói *"chẳng mất Đại thừa"*. Phần trước trong văn trường hàng nói *"mất"* là luận theo nghĩa xa, phần kệ tụng nói *"chẳng mất"* là luận theo nghĩa gần, hai phần hỗ tương nhau để làm rõ ý nghĩa.

---

[1] Tức là những sự hân hoan vui mừng đến từ thân, khẩu và ý của Phật như vừa giải thích trên.

[2] Nguyên tác dùng giác quán (覺觀), là cách dịch khác của tầm tứ (尋伺), chỉ chung tất cả các tư tưởng thô (tầm) và vi tế (tứ), do vậy có thể hiểu chung là tâm tưởng, tư tưởng.

[3] Nguyên tác dùng "động ư hình - 動于形", nghĩa là những dao động trong tâm tưởng (mừng vui) làm cho thân hình cũng dao động, tức là nói đến những hành vi cử chỉ biểu lộ ra bên ngoài vào lúc ấy.

KINH VĂN

Con ở trong hang núi,
Dưới gốc cây giữa rừng,
Ngồi thiền hoặc kinh hành,
Thường suy xét một việc:
"Chúng con thật đáng trách,
Sao tự xem thường mình?
Cũng đều là con Phật,
Cùng vào pháp vô lậu,
Nhưng tương lai không thể,
Giảng thuyết đạo Vô thượng.
Thân sắc vàng, tướng tốt,
Mười lực, các giải thoát.
Chúng con cùng một pháp,
Nhưng chẳng được như Phật.
Không tám mươi vẻ đẹp,
Mười tám pháp chẳng cùng...
Những công đức như vậy,
Chúng con đều không có.
Con kinh hành một mình,
Thấy Phật giữa đại chúng,
Mười phương đều nghe danh,
Rộng làm lợi chúng sinh,
Tự xét không được vậy,
Vì tự xem thường mình.
Nên suốt ngày lẫn đêm,
Con thường xét việc này.
Muốn thưa hỏi Thế Tôn,
Tánh Phật còn hay mất?
Con thường thấy Thế Tôn,
Ngợi khen các Bồ Tát,
Rồi trong suốt ngày đêm,
Suy lường mãi việc ấy.
Hôm nay nghe Phật dạy,
Mới biết Phật tùy nghi.
Bởi pháp khó nghĩ bàn,
Phải phương tiện dẫn dắt.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Con ở trong hang núi"* trở đi, có 11 khổ kệ, tụng lại nội dung *"không được nghe pháp"* trong phần văn trường hàng. Đoạn này được chia làm 2 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất có 9 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa phần văn trường hàng ở trên nói vì thân ở xa nên chẳng được nghe [pháp Phật].

KINH VĂN

Con vốn xưa tà kiến,
Làm thầy các Phạm chí.
Thế Tôn biết tâm con,
Thuyết Niết-bàn, trừ tà.
Con dứt sạch tà kiến,
Chứng đắc được pháp không.
Khi ấy con tự nhủ:
"Đã được diệt độ rồi."

❖ Tiểu đoạn thứ hai, từ câu *"Con vốn theo tà kiến"* trở đi, gồm 2 khổ kệ, tụng lại nội dung trong văn trường hàng trên nói *"cùng thể nhập pháp tánh"* nhưng không được nghe [pháp Đại thừa]. *"Tà kiến"* là nói sự bám chấp của phàm phu, *"thể nhập pháp tánh"* là nói sự bám chấp của Nhị thừa, cả hai đều chẳng nghe được pháp [Đại thừa].

[Trong đoạn trước nói] *"nên suốt ngày lẫn đêm"*, [hàm ý] Niết-bàn là ngày, còn trong chốn sinh tử là đêm.

[Lại khởi tâm nghi rằng,] trong sinh tử có Niết-bàn sao? Hay ngoài sinh tử có Niết-bàn chăng? Khi được chứng ngộ thì cả hai mối nghi đó đều tan biến.

Lại nói rằng, sinh tử và Niết-bàn đều gọi là đêm, trừ được các mối nghi ấy gọi là ngày. Ngày đã bừng sáng thì hai mối nghi [như trên] đều tiêu tan.

Lại nữa, phàm phu có hai loại. Thứ nhất là những kẻ sơ cơ [đã chọn] theo học Đại thừa, thứ hai là những người đã học Tiểu thừa rồi mới vào Đại thừa. Từ nơi sự tướng mà vào thẳng [Đại thừa] là kém cỏi, ví như [học qua luận] A-tỳ-đàm mà vào là tốt hơn. Bồ Tát cũng giống như vậy, từ [pháp hội] Hoa nghiêm mà vào [thẳng] Đại thừa thì việc hóa đạo yếu ớt, gột rửa qua đủ năm giai vị [Tiểu thừa][1] rồi vào [Đại thừa] thì tốt hơn.

KINH VĂN

Hôm nay mới tự biết,
Chẳng phải thật diệt độ.
Chỉ khi đã thành Phật,
Đủ ba mươi hai tướng,
Khắp trời, người, dạ-xoa,
Rồng, thần... đều cung kính,
Khi ấy mới đúng là,
Thật Vô dư diệt độ.

[1] Nguyên tác chỉ nói "ngũ vị". Trong ngữ cảnh này nói sau 5 giai vị rồi vào Đại thừa nên được hiểu là năm giai vị của Tiểu thừa, tức là: tư lương vị, gia hành vị, kiến đạo vị, tu đạo vị và vô học vị. Vô học vị là tương đương với thánh quả A-la-hán.

Nay Phật giữa đại chúng,
Nói con sẽ thành Phật.
Con nghe tiếng pháp ấy,
Nghi hối đều dứt sạch.
Lúc vừa nghe Phật nói,
Rất kinh sợ, hoài nghi,
Cho là ma giả Phật,
Làm loạn tâm con chăng?
Phật dùng đủ mọi duyên,
Thí dụ, khéo giảng thuyết,
Tâm an ổn, như biển,
Con nghe dứt lòng nghi.
Phật thuyết trong quá khứ,
Vô số Phật diệt độ,
Trụ yên trong phương tiện,
Cũng đều thuyết pháp này.
Phật hiện tại, tương lai,
Nhiều vô số, vô lượng,
Cũng đều dùng phương tiện,
Diễn thuyết pháp như vậy.
Như Thế Tôn hiện nay,
Từ sinh ra, xuất gia,
Thành đạo, chuyển pháp luân,
Cũng dùng phương tiện thuyết.
Phật thuyết đạo chân thật,
Ba-tuần không thể thuyết.
Nên con biết chắc chắn,
Không phải ma giả Phật.
Bởi con sa lưới nghi,
Nên tưởng rằng ma nói.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Hôm nay mới tự biết"* trở đi, gồm 9 khổ rưỡi kệ, tụng lại nội dung trong văn trường hàng ở trên, nói trong tâm được chỗ hiểu nhiệm mầu. Phần văn trường hàng trên nói rõ do không đợi Phật thuyết nhân thành Chánh giác, không hiểu được chỗ [tùy nghi dùng] phương tiện [của Phật], phần kệ tụng này thì nói đã được nhân thành Chánh giác, cũng đã hiểu được chỗ phương tiện [của Phật]. Được nghe [Phật dạy] *"con nhất định thành Phật"* là nói [đã được] nhân thành Chánh giác; được nghe năm đời Phật thuyết giảng đều như nhau[1] nên hiểu rõ được là ma hay không phải ma, đó là hiểu được phương tiện. [Hai nghĩa này] hỗ tương cho nhau làm rõ nghĩa một bên của phần nói về năm đời Phật, tức là nhận lãnh được ý nghĩa kinh văn.

[1] Nguyên tác là "五佛道同 - ngũ Phật đạo đồng", ngũ Phật không phải 5 vị Phật, mà là chỉ đến (1) chư Phật trong mười phương, (2) chư Phật quá khứ, (3) chư Phật vị lai, (4) chư Phật hiện tại và (5) Phật Thích-ca Mâu-ni. Cách nói này thật ra là để nhấn mạnh tất cả chư Phật trong mọi không gian và thời gian. Tất cả chư Phật như vậy đều thuyết pháp giống nhau nên nói là "đạo đồng".

KINH VĂN

Nghe tiếng Phật êm dịu,
Sâu xa, rất vi diệu,
Diễn giảng pháp thanh tịnh,
Tâm con rất hoan hỷ.
Dứt nghi nan hối tiếc,
An trụ trong thật trí,
Con nhất định thành Phật,
Được trời người cung kính.
Chuyển Pháp luân Vô thượng,
Giáo hóa các Bồ Tát.

▣ Tổng đoạn thứ ba từ câu *"Nghe tiếng Phật êm dịu"* trở đi có 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại nội dung tóm kết và thành tựu trong phần văn trường hàng ở trên, [ý nghĩa rõ ràng có thể hiểu được theo] như kinh văn.

3. Kể lại thành tựu xưa kia của Xá-lợi-phất

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "Hôm nay ta sẽ nói rõ giữa đại chúng này, có chư thiên, loài người, sa-môn, bà-la-môn v.v. Trước đây ta từng ở nơi hai vạn ức vị Phật,[1] vì thuyết dạy đạo Vô thượng nên thường giáo hóa ông. Ông cũng theo ta học đạo trong suốt đêm dài [của vô minh si ám]. Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông được sinh vào trong Chánh pháp của ta. Xá-lợi-phất! Xưa ta dạy ông chí nguyện hướng theo Phật đạo, nay ông đã quên hết cả rồi nên [khi chứng quả Tiểu thừa] mới tự cho mình đã được diệt độ. Nay ta muốn làm cho ông nhớ lại chí nguyện và sự tu tập thuở xưa nên mới vì hàng Thanh văn mà thuyết kinh Đại thừa này, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm."

▣ Phần kinh văn trường hàng thứ ba từ câu *"Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất"* trở đi, đức Phật thuật lại sự thành tựu xưa kia [của ngài Xá-lợi-phất]. Phần trên

[1] Nguyên tác là "二萬億 - nhị vạn ức". Con số này nếu tính ra chính xác thì là 2 tỷ. Tuy nhiên, kinh văn chỉ dùng với ý nghĩa biểu tượng để nói là rất nhiều, không phải một sự tính đếm chính xác, do vậy chúng tôi không tính toán ra mà để nguyên cách diễn đạt của Nguyên tác.

ngài Xá-lợi-phất đã tự trình bày chỗ được tỏ ngộ, phần này đức Như Lai thuật lại [việc xưa để] giải thích [chỗ hiểu của ngài] không hư vọng.

Phần này chia làm 3 đoạn. Đoạn thứ nhất [kể việc] thuở xưa đức Phật đã từng dạy Đại thừa. Đoạn thứ hai [chỉ ra việc hàng Thanh văn] giữa chừng quên mất [Đại thừa] nên nhận học theo Tiểu thừa. Đoạn thứ ba nói việc [đức Phật] lại [vì hàng Thanh văn] thuyết giảng Đại thừa.

[Đức Phật] nhắc việc xưa kia đã từng giáo hóa [hàng Thanh văn] là để nói về nhân duyên gặp Phật. [Chỉ ra việc] giữa chừng quên mất [Đại thừa] mà nhận học theo Tiểu thừa là để nêu nhân duyên của việc lo buồn hối tiếc khi nghe giáo pháp [Đại thừa]. Trở lại thuyết giảng Đại thừa là để xác nhận chỗ nhận hiểu tỏ ngộ [của ngài Xá-lợi-phất] không hề hư vọng. Phần kể lại thành tựu có 3 ý chính như vậy.

Luận Thập trụ Tỳ-bà-sa[1] nói: Thân vô thượng là nói [thân có đầy đủ] các tướng tốt, vẻ đẹp;[2] thọ trì vô thượng là nói [việc thọ trì làm] lợi mình lợi người; cụ túc vô thượng là nói [có đầy đủ] thọ mạng, tri kiến, giới hạnh; trí tuệ vô thượng là nói [có đầy đủ] 4 trí vô ngại;[3] bất tư nghị vô thượng là nói 6 pháp ba-la-mật; giải thoát vô thượng là nói có công năng phá trừ 2 loại che chướng;[4] hạnh vô thượng là nói đến hạnh của bậc thánh, hạnh thanh tịnh không nhiễm ô.

Lại nữa, thân vô thượng gọi là bậc Đại trượng phu; thọ

[1] Luận Thập trụ Tỳ-bà-sa (十住毘婆沙論), gồm 17 quyển, thuộc ĐCT, T26, số 1521.

[2] Ở đây chỉ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp trên thân tướng của một vị Phật.

[3] Nguyên tác nói "四無礙 - tứ vô ngại", tức là chỉ tứ vô ngại trí (四無礙智), cũng gọi là tứ vô ngại giải (四無礙解) hay tứ vô ngại biện (四無礙辯), chỉ đến trí tuệ biện tài không ngăn ngại của một vị Phật.

[4] Nguyên tác dùng "二障 - nhị chướng", chỉ đến phiền não chướng và sở tri chướng, hai sự che chướng khiến cho hành giả không thể đạt được sự giải thoát rốt ráo.

trì vô thượng gọi là Đại từ bi; cụ túc vô thượng gọi là đến bờ giải thoát; trí tuệ vô thượng gọi là Nhất thiết trí; bất tư nghị vô thượng gọi là A-la-hán; giải thoát vô thượng gọi là Đại Niết-bàn; hạnh vô thượng gọi là Chánh đẳng giác.[1]

Kinh Bồ Tát Anh Lạc,[2] quyển 13 nói: Đạo phải thanh tịnh, uế trược chẳng phải đạo; đạo phải chuyên nhất tâm, khởi sinh nhiều niệm tưởng chẳng phải đạo; đạo phải biết đủ, nhiều tham muốn chẳng phải đạo; đạo phải cung kính, kiêu căng ngạo mạn chẳng phải đạo; đạo phải kiểm thúc tâm ý, buông thả phóng túng chẳng phải đạo; đạo phải hiển bày sáng tỏ, tự ẩn khuất chẳng phải đạo; đạo phải tương liên tương thuộc, không thực hành chẳng phải đạo; đạo phải giác ngộ, ngu si mê hoặc chẳng phải đạo; đạo phải giáo hóa, tham tiếc [giữ pháp] chẳng phải đạo; đạo phải gần gũi bạn lành, tụ tập theo kẻ xấu ác chẳng phải đạo.[3]

Những điều như trên đều là dùng đủ mọi cách khác nhau để làm sáng tỏ về đạo vô thượng. Nay kinh [Pháp hoa] này dùng sự viên thông hay thông suốt trọn vẹn là đạo vô thượng, nếu có sự thiên lệch hoặc phân chia thứ lớp thì đều là cách luận giải của những kinh khác.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Theo ta học đạo trong suốt đêm dài"*, đó là nói thuở xưa [ngài Xá-lợi-phất] tuy [được Phật dùng] Đại thừa giáo hóa nhưng chưa phá trừ được sự vô minh, theo Phật thọ học đạo mà trong tâm vẫn còn nghi hoặc si ám. Nhân tố giác ngộ [thuở ấy] tuy đã lâu xa mà còn

[1] Bảy phẩm tính vô thượng được trình bày ở đây là những phẩm tính của một vị Phật.

[2] Kinh Bồ Tát Anh Lạc (菩薩瓔珞經), gồm 14 quyển, thuộc ĐCT, T16, số 656.

[3] Trong kinh Bồ Tát Anh Lạc, phần trích dẫn này được gọi là "thập thanh tịnh pháp" (mười pháp thanh tịnh) và có thêm câu "道當精懃懈怠非道 - đạo đương tinh cần giải đãi phi đạo" (Đạo phải tinh tấn chuyên cần, lười nhác không phải đạo.) Có điểm lạ ở đây là trong kinh có thêm câu này nên thành 11 pháp, nhưng pháp thứ sáu bị lặp lại hai lần nên vẫn được đếm thành mười pháp. Chúng ta không thể biết được là ngài Trí Khải khi trích dẫn đã có sự điều chỉnh cho hợp lý hay bản kinh ngài đọc được vào thời đó có khác biệt với bản hiện nay.

không hề diệt mất, huống chi sự tỏ ngộ chân thật ngày nay thì sao có thể là hư vọng? Cho nên mới nêu việc đã từng giáo hóa [thuở xưa] để nói việc gặp Phật không hề sai lầm.

"Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông được sinh vào trong Chánh pháp của ta." Câu này có 2 ý nghĩa dẫn dắt. Do ngày xưa [được Phật] dùng Đại thừa giáo hóa nên ngày nay mới khởi sinh sự nhận hiểu Đại thừa. Đây là ý nghĩa [dẫn dắt] thứ nhất. Vì [đức Phật] muốn giúp cho không bị rơi vào các cảnh giới xấu ác nên quyền biến dùng pháp Tiểu thừa dẫn dắt, [nay mới còn có cơ hội gặp Phật]. Đây là ý nghĩa [dẫn dắt] thứ hai.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Xưa ta dạy ông chí nguyện hướng theo Phật đạo, nay ông đã quên hết cả rồi"*, nghĩa là giữa đường [tu tập] tự mình từ bỏ Đại thừa, theo học Tiểu thừa, cho nên nói là giữa chừng "đã quên hết cả rồi". Nếu như ngày nay [chứng quả Tiểu thừa] liền tự cho rằng mình đã được diệt độ, đó chính là "đã quên hết rồi". Do quên đi chí nguyện Đại thừa, học theo Tiểu thừa nên mới có sự lo buồn hối tiếc, nhưng pháp đã được nghe không phải là hư dối.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Nay ta muốn làm cho ông nhớ lại chí nguyện và sự tu tập thuở xưa"*, tức là nói chỗ nhận hiểu [của ngài Xá-lợi-phất] không phải hư vọng. [Đó là] trước tiên dạy cho giáo pháp quyền thừa, thành tựu sự tốt đẹp nhỏ ở giữa đường tu tập, sau mới hiển bày pháp chân thật để giúp cho thành tựu trọn vẹn chí nguyện thuở xưa đã phát tâm Đại thừa.

4. Xá-lợi-phất được thụ ký

KINH VĂN

> **"Xá-lợi-phất! Trong tương lai trải qua vô lượng vô biên số kiếp không thể nghĩ bàn, ông sẽ cúng dường biết bao nhiêu là ngàn muôn ức vị Phật, cung kính thọ trì Chánh pháp, thực hành đầy đủ mọi công hạnh của đạo Bồ Tát, rồi sẽ được thành Phật hiệu là**

Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.[1]

"Cõi Phật ấy tên là Ly Cấu, đất đai bằng phẳng ngay ngắn, thanh tịnh trang nghiêm, an ổn vui hòa, phong phú sung túc, chư thiên và loài người đều đông đúc thịnh vượng. Mặt đất nơi ấy toàn bằng lưu ly, đường đi thông suốt về tám hướng, dùng dây bằng vàng ròng giăng theo ven đường, hai bên đường đều có những cây bằng bảy báu đứng thành hàng, trên cây lúc nào cũng có hoa trái."

▣ Tổng đoạn thứ tư từ câu *"Xá-lợi-phất! Trong tương lai..."* trở đi, nói về việc thụ ký [cho ngài Xá-lợi-phất]. Phần trước ngài Xá-lợi-phất tự trình bày chỗ nhận hiểu, được đức Phật xác nhận là đúng, cho nên được Phật thụ ký [cho về sau sẽ thành Phật]. Nếu đã nhận hiểu Đại thừa thì tự biết mình sẽ thành Phật, đâu cần chờ [Phật] thụ ký. [Nhưng] sự thụ ký có 4 ý nghĩa. Thứ nhất là trước đây [Phật] chưa hề thụ ký cho hàng Nhị thừa, nay nên thụ ký. Thứ hai là hàng trung căn, hạ căn còn chưa tỏ ngộ, nên thụ ký để sách tấn, khuyên họ cố gắng. Thứ ba là để làm cho những ai nghe biết [việc thụ ký này] được kết duyên. Thứ tư là để giúp cho [ngài Xá-lợi-phất] thành tựu trọn vẹn chí nguyện thuở xưa, cho nên thụ ký.

Tổng đoạn này gồm có phần văn trường hàng và phần kệ tụng. Phần văn trường hàng chia ra 10 đoạn.

◆ Thứ nhất, [từ câu *"Trong tương lai trải qua..."*] là nói về yếu tố thời gian.

◆ Thứ hai, [từ câu *"ông sẽ cúng dường..."*] là nói về công hạnh tạo nhân.

◆ Thứ ba, [*"rồi sẽ được thành Phật"*] là nói việc đạt được quả Phật. Về 10 danh hiệu Phật, có rất nhiều cách

[1] Từ Như Lai... đến Thế Tôn là Thập hiệu của tất cả chư Phật.

giải thích, ở đây chỉ nêu ra một cách. Không hư dối gọi là Như Lai; là ruộng phước tốt đẹp [cho chúng sanh] nên gọi là Ứng Cúng; rõ biết pháp giới gọi là Chánh Biến Tri; đầy đủ tam minh gọi là Minh Hạnh Túc; không còn trở lại [luân hồi] gọi là Thiện Thệ, rõ biết mọi quốc độ của chúng sinh gọi là Thế Gian Giải; không ai sánh bằng gọi là Vô Thượng Sĩ; điều phục được tâm người khác gọi là Điều Ngự Trượng Phu; là mắt nhìn của chúng sinh gọi là Thiên Nhân Sư; rõ biết phân biệt tam tụ[1] gọi là Phật; trừ diệt được ma Ba-tuần gọi là Thế Tôn.[2]

◆ Thứ tư, [từ câu *"Cõi Phật ấy tên là..."*] nói về cõi Phật, mô tả quốc độ khi ấy.

KINH VĂN

"Đức Như Lai Hoa Quang cũng dùng ba thừa để giáo hóa chúng sinh. Xá-lợi-phất! Khi đức Phật ấy ra đời, tuy không phải đời xấu ác nhưng do phát nguyện từ trước nên vẫn thuyết giảng giáo pháp ba thừa.

"Thời đại ấy tên là Đại Bảo Trang Nghiêm. Vì sao tên là Đại Bảo Trang Nghiêm? Vì cõi Phật ấy xem các vị Bồ Tát là đại bảo, nghĩa là báu vật lớn lao. Các vị Bồ Tát ấy số nhiều vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn, vượt ngoài giới hạn của mọi sự tính toán hay thí dụ so sánh, chỉ trí tuệ Phật mới rõ biết được số lượng ấy. Khi [các Bồ Tát] muốn bước đi liền [tự nhiên] có hoa báu nâng dưới bàn chân. Các vị Bồ Tát ấy không phải mới phát tâm, mà đều đã từ lâu vun trồng cội gốc công đức, tu hạnh thanh tịnh ở nơi vô lượng trăm ngàn vạn

[1] Tam tụ (三聚), chỉ chánh định tụ (正定聚), tà định tụ (邪定聚) và bất định tụ (不定聚). Luận Đại trí độ, quyển 84 giải thích: Phá trừ điên đảo là chánh định, không thể phá trừ điên đảo là tà định, tùy thuộc vào nhân duyên nên có lúc phá trừ được điên đảo, có lúc không thể phá trừ, gọi là bất định. (ĐCT, T25, 1509, tr.647c, d.28 - tr.648a, d.1.)

[2] Ở đây Văn Cú chuyển sang dùng cách dịch âm là Bà-già-bà (婆伽婆), cũng phiên âm là Bạc-già-phạm (薄伽梵). Đây là phiên âm từ chữ Bhagavat, cách dịch nghĩa thông dụng nhất là Thế Tôn. Chúng tôi chọn dùng để nhất quán với 9 danh hiệu trước.

ức đức Phật, thường được chư Phật ngợi khen tán thán, thường tu tập trí tuệ Phật, có đầy đủ các pháp thần thông lớn lao, khéo rõ biết cửa vào của hết thảy các pháp, chân thật không hư dối, tâm thường nhớ nghĩ chí nguyện kiên cố. Các vị Bồ Tát như vậy đông đảo đầy khắp cõi Phật ấy.

◆ Thứ năm, [từ câu *"Đức Như Lai Hoa Quang cũng dùng ba thừa..."*] là nói về việc thuyết pháp [của đức Phật ấy].

◆ Thứ sáu, từ câu *"Thời đại tên là..."* nói về tên gọi của thời đại, [tức là thời gian khi ấy].

◆ Thứ bảy, [từ câu *"Các vị Bồ Tát ấy số nhiều vô lượng vô biên..."*] nói về số lượng đại chúng [Bồ Tát ở cõi Phật ấy].

KINH VĂN

"Xá-lợi-phất! Thọ lượng của đức Phật Hoa Quang là mười hai tiểu kiếp, không tính thời gian còn là Vương tử, chưa thành Phật. Người dân trong cõi Phật ấy có tuổi thọ tám tiểu kiếp.

"Sau khi trải qua mười hai tiểu kiếp, đức Như Lai Hoa Quang thụ ký cho Bồ Tát Kiên Mãn sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài bảo các vị tỳ-kheo: "Bồ Tát Kiên Mãn đây sẽ thành Phật tiếp theo [sau ta], hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri ... Cõi Phật ấy cũng giống như cõi này."

"Xá-lợi-phất! Sau khi đức Phật Hoa Quang diệt độ rồi, Chánh pháp tiếp tục lưu truyền được ba mươi hai tiểu kiếp, thời Tượng pháp cũng lưu truyền ba mươi hai tiểu kiếp."

◆ Thứ tám [từ câu *"Xá-lợi-phất! Thọ lượng của đức Phật Hoa Quang..."*] nói về thọ lượng [của đức Phật và người dân cõi Phật ấy].

◆ Thứ chín, [từ câu *"Sau khi trải qua mười hai tiểu kiếp..."*] là nói về vị Bồ Tát bổ xứ [sẽ thành Phật tiếp theo sau đức Phật Hoa Quang].

◆ Thứ mười, [từ câu *"Xá-lợi-phất! Sau khi đức Phật Hoa Quang diệt độ..."*] là nói thời gian Phật pháp còn tiếp tục lưu truyền ở thế gian. Tất cả đều có thể nhận hiểu rõ ràng theo như kinh văn. Luận Đại [Trí độ], quyển 48 nói, ngài Xá-lợi-phất [thành Phật], Chánh pháp [lưu truyền thế gian được] 32 tiểu kiếp, [đó là mỗi khi] có 3 tai kiếp, gồm nạn đói, dịch bệnh và chiến tranh, khiến tất cả chúng sinh đều diệt mất thì gọi là 1 tiểu kiếp. Tuy nhiên, chỉ dựa vào sự đo lường một thời gian nhất định cũng gọi là 1 tiểu kiếp, như [đức Phật] thuyết kinh Pháp hoa trong 60 tiểu kiếp [nơi Pháp hội] thì đó chỉ là một quãng thời gian được đo lường, không phải do 3 tai kiếp diệt hết chúng sinh bên ngoài [Pháp hội] mà gọi là tiểu kiếp.

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại những ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Xá-lợi-phất tương lai,
Thành Đại trí Thế Tôn,
Hiệu là Phật Hoa Quang,
Sẽ độ vô số chúng.

Phần kệ tụng có 11 khổ rưỡi kệ, chia làm 2 tổng đoạn.

▣ Tổng đoạn thứ nhất gồm 10 khổ kệ [chia làm 9 đoạn], tụng lại 9 ý nghĩa trong phần văn trường hàng bên trên, lược bớt không tụng về ý nghĩa Bồ Tát bổ xứ [sẽ thành Phật tiếp theo], nhưng lại nêu thêm việc cúng dường xá lợi Phật.

▣ Tổng đoạn thứ hai có 1 khổ rưỡi kệ, tóm kết và xưng tán.

◆ Đoạn đầu tiên của tổng đoạn thứ nhất có 1 khổ kệ, tụng về sự chứng đắc quả Phật [trong tương lai của ngài Xá-lợi-phất].

KINH VĂN

Cúng dường vô số Phật,
Trọn đủ hạnh Bồ Tát,
Các công đức, thập lực...
Rồi chứng quả Vô thượng.
Trải qua vô số kiếp,
Thời Đại Bảo Trang Nghiêm.
Cõi nước tên Ly Cấu,
Thanh tịnh không uế nhiễm,
Mặt đất bằng lưu ly,
Dây vàng ròng ven đường,
Cây bảy báu đủ màu,
Hoa trái thường sum suê.
Các Bồ Tát cõi ấy,
Giữ chí nguyện kiên cố,
Và trọn đủ tất cả,
Thần thông, ba-la-mật,
Ở nơi vô số Phật,
Khéo học đạo Bồ Tát.

◆ Đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Cúng dường vô số Phật..."* trở đi tụng về công hạnh tạo nhân [thành Phật].

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Trải qua vô số kiếp..."* gồm nửa khổ kệ, tụng về tên gọi của kiếp trong tương lai.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Cõi nước tên Ly Cấu..."* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng về [tên gọi và] sự thanh tịnh của cõi Phật ấy.

◆ Đoạn thứ năm từ câu *"Các Bồ Tát cõi ấy..."* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng về số lượng đại chúng Bồ Tát [ở cõi Phật ấy].

KINH VĂN

Phật Hoa Quang giáo hóa,
Những Bồ Tát như thế.
Phật từng là vương tử,
Bỏ ngai vàng, vinh hoa,
Trong lần tái sinh cuối,
Xuất gia, thành Phật đạo.
Phật Hoa Quang ở đời,
Được mười hai tiểu kiếp.
Nhân dân cõi Phật ấy,
Tuổi thọ tám tiểu kiếp.
Sau khi Phật diệt độ,
Chánh pháp vẫn lưu truyền,
Ba mươi hai tiểu kiếp,
Rộng độ khắp chúng sinh.
Chánh pháp diệt, Tượng pháp,
Truyền ba hai tiểu kiếp.
Xá-lợi Phật rộng truyền,
Trời, người đều cúng dường.

◆ Đoạn thứ sáu từ câu *"Phật Hoa Quang giáo hóa..."* có nửa khổ kệ tụng về việc thuyết pháp [của Phật Hoa Quang].

◆ Đoạn thứ bảy từ câu *"Phật từng là vương tử..."* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng về thọ lượng [của Phật Hoa Quang và nhân dân ở cõi Phật ấy].

◆ Đoạn thứ tám từ câu *"Sau khi Phật diệt độ..."* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng về thời gian Chánh pháp [và tượng pháp] còn tiếp tục lưu truyền ở đời.

◆ Đoạn thứ chín từ câu *"Xá-lợi Phật rộng truyền..."* gồm nửa khổ kệ tụng về việc cúng dường xá-lợi Phật.

KINH VĂN

Nói về Phật Hoa Quang,
Sự việc là như vậy.
Bậc Thánh Lưỡng Túc Tôn,
Cao tột chẳng ai bằng.
Chính ông thành Phật ấy,
Nên hãy tự mừng vui.

◆ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Nói về Phật Hoa Quang..."*, gồm 1 khổ rưỡi kệ, tóm kết và xưng tán. *"Hãy tự mừng vui"* là nói thành tựu ban đầu thể nhập giai vị Hoan hỷ địa [trong Thập địa]. Bồ Tát ở địa vị Sơ trụ có thể hóa thân làm Phật ở 100 cõi Phật, [Bồ Tát ở Thập] hạnh [và Thập] địa thì vượt xa hơn rất nhiều lần.

5. Bốn chúng trình bày chỗ nhận hiểu

KINH VĂN

Khi ấy, bốn chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư thiên, loài rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già..., đại chúng như vậy thấy ngài Xá-lợi-phất ở trước đức Phật được thụ ký quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trong tâm đều hết sức vui mừng, vô cùng phấn chấn, mỗi người

đều cởi những tấm áo quý đang khoác trên người ra dâng lên cúng dường Phật. Các vị Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương v.v. cùng vô số chư thiên cũng đều dùng những tấm y tuyệt đẹp của cõi trời, những hoa mạn-đà-la, hoa đại mạn-đà-la ở cõi trời... tung rải lên cúng dường Phật. Những tấm y báu cõi trời khi rơi xuống liền dừng lại trên không trung rồi tự xoay chuyển giữa trời, có trăm ngàn loại âm nhạc của chư thiên đồng thời trỗi lên ở giữa không trung, từ trên mưa xuống các loại hoa trời, rồi [chư thiên] cất tiếng nói rằng: "Đức Phật xưa đã chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên ở thành Ba-la-nại, hôm nay lại chuyển bánh xe pháp Vô thượng lớn lao bậc nhất."

Phần kinh văn thứ năm nêu việc bốn chúng nhận lãnh [lời Phật dạy] và trình bày chỗ hiểu. Có hai phần: văn trường hàng và kệ tụng.

[Trong văn trường hàng,] trước tiên là phần mở đầu của người chép kinh, nêu việc đại chúng mừng vui hoan hỷ. Tiếp theo là trình bày việc cúng dường [Phật].

Từ sau câu *"lên tiếng nói rằng"* là chính thức đi vào phần trình bày chỗ nhận hiểu. *"Chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên..."* là nói từng thọ nhận [đức Phật] khai mở pháp quyền. *"Hôm nay lại chuyển bánh xe pháp..."* là nhận lãnh [lời Phật] hiển bày pháp chân thật.

KINH VĂN

Lúc bấy giờ chư thiên muốn lặp lại ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Xưa ở Ba-la-nại,
Phật từng chuyển pháp luân,
Dạy tứ đế, các pháp,
Sinh, diệt của năm uẩn.

Nay lại chuyển pháp luân,
Vô thượng, tối nhiệm mầu.
Pháp này thật sâu xa,
Ít người có thể tin.

Phần kệ tụng có 6 khổ rưỡi kệ, chia làm hai đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 2 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa trong phần văn trường hàng nói về khai mở pháp quyền và hiển bày pháp thật.

KINH VĂN

Chúng con từ xưa nay,
Nghe Phật dạy rất nhiều,
Chưa từng nghe pháp này,
Rất nhiệm mầu, sâu xa.
Nay Phật thuyết pháp này,
Chúng con đều vui theo.
Đại trí Xá-lợi-phất,
Nay được Phật thụ ký.
Chúng con cũng như vậy,
Nhất định sẽ thành Phật.
So với khắp thế gian,
Là tôn quý, cao nhất.
Phật đạo không nghĩ bàn,
Phương tiện tùy nghi nói.
Con được bao phước nghiệp,
Dù đời này, đời trước,
Cùng công đức gặp Phật,
Đều hồi hướng Phật đạo.

◆ Đoạn thứ hai gồm 4 khổ rưỡi kệ, [chư thiên] tự nói ra chỗ nhận hiểu được và mừng vui theo [việc ngài Xá-lợi-phất được thụ ký] và đem hết thảy mọi công đức hồi hướng về Phật đạo.

"Chúng con cũng như vậy" là nói cũng giống như ngài Xá-lợi-phất nhận lãnh và hiểu được lời Phật, lại cũng giống như ngài Xá-lợi-phất được nhắc lại thành tựu thuở xưa, tức là giống như ngài Xá-lợi-phất sẽ được thụ ký [thành Phật].

Hỏi: Các vị Đại Thanh văn như Ca-diếp, Tu-bồ-đề...[1] mà còn chưa nhận hiểu được thì có người nào trong bốn chúng lại được tỏ ngộ trước?

Đáp: Trong tứ chúng trời người cũng có đủ ba hạng căn cơ thượng, trung, hạ. Thượng căn thì ngang bằng như ngài Xá-lợi-phất. Hàng trung căn, hạ căn có thể biết, lại cũng nhận hiểu được. Ngài Xá-lợi-phất và Ca-diếp đều theo hạnh quyền thừa. Hàng trung căn và hạ căn [trong

[1] Nguyên tác dùng Thiện Cát (善吉), là một tên khác của ngài Tu-bồ-đề.

Pháp hội] còn chưa nhận hiểu nên ngài Ca-diếp theo hạnh nguyện mà thị hiện cũng chưa nhận hiểu. Kinh Tịnh Danh nói: Chúng sinh chưa khỏi bệnh, Bồ Tát cũng chưa khỏi bệnh.[1] Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất bạch Phật: "Thế Tôn! Nay con không còn nghi ngờ hối tiếc, vì tự thân mình ở trước Phật đã được Phật thụ ký sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong số một ngàn hai trăm vị đạt tâm tự tại ở đây,[2] thuở xưa khi còn ở bậc hữu học, Phật thường dạy các vị rằng: 'Giáo pháp của ta có thể giúp xa lìa sinh, già, bệnh, chết, rốt ráo được Niết-bàn.' Các vị hữu học và vô học ở đây,[3] mỗi vị cũng đều đã lìa xa kiến chấp về tự ngã cũng như những kiến chấp về có hoặc không..., đều tự cho rằng mình đã đạt được Niết-bàn, nay ở trước đức Thế Tôn được nghe những điều chưa từng nghe, thảy đều rơi vào sự nghi hoặc. Lành thay, bạch Thế Tôn! Nguyện Phật vì bốn chúng thuyết dạy rõ nhân duyên, khiến cho được xa lìa sự nghi ngờ hối tiếc."

Từ câu *"Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất bạch Phật"* trở đi là vòng thuyết pháp thứ hai, [đức Phật] vì hàng trung căn mà thuyết thí dụ.[4] Kinh văn phần này gồm 4 phẩm. Phẩm Thí dụ này là thứ nhất, nội dung khai thị trừ bỏ ba thừa,

---

[1] Văn Cú trích dẫn theo ý kinh. Đúng ra nguyên văn kinh là: "眾生病則菩薩病，眾生病愈，菩薩亦愈。- Chúng sinh bệnh tắc Bồ Tát bệnh, chúng sinh bệnh dũ, Bồ Tát diệc dũ." (Chúng sinh có bệnh nên Bồ Tát có bệnh. Chúng sinh khỏi bệnh thì Bồ Tát cũng khỏi bệnh.) (ĐCT, T14, 475, tr.544b, d.26 -27.)

[2] Nguyên tác dùng "tâm tự tại giả - 心自在者", nghĩa là các vị này đều đã đạt quả vị Vô học, tức thánh quả A-la-hán. Ở đây nói 1.200 vị, còn ở phần mở đầu kinh nói là 12.000 vị A-la-hán, có lẽ đã nhầm. Tham khảo bản dịch từ Phạn ngữ của H. Kern (The Lotus Sutra - Sacred Books of the East, Vol XXI, 1884) thì ở hai vị trí này đều nói là "twelve hundred", tức là 1.200.

[3] Câu kinh này trong bản dịch của H. Kern (sách đã dẫn) có thêm chi tiết nói đến 2.000 vị hữu học, phù hợp với thông tin ở phần mở đầu kinh.

[4] Ở đây nói theo ý đã nêu ra trong phần trước, phân chia nội dung kinh này thành ba vòng thuyết pháp. Thứ nhất là thuyết Chánh pháp, thứ hai là thuyết thí dụ và thứ ba là thuyết nhân duyên.

hiển bày nhất thừa. Phẩm Tin hiểu nêu rõ việc hàng trung căn đạt được sự nhận hiểu. Phẩm Thí dụ cỏ thuốc, đức Như Lai thuật cho biết sự thành tựu [của bậc giác ngộ]. Phẩm Thụ ký trao cho [hàng trung căn niềm tin] quyết định [qua việc thụ ký tương lai sẽ thành Phật]. Tất cả 4 phẩm này đều thuộc về phần thuyết thí dụ.

Bốn phẩm kinh tiếp theo đều thuộc về phần thuyết nhân duyên. Như [trong phẩm Ngũ bá đệ tử thụ ký, ngài Kiều-trần-như nêu nhân duyên "buộc hạt châu trong áo" để trình bày rõ sự nhận hiểu [của mình]; [trong phẩm Thọ học vô học nhân ký, đức Phật] dẫn nhân duyên ngài A-nan [cùng với Phật từng ở chỗ] đức Phật Không Vương nên ngày nay được thụ ký... Đại lược là như vậy.

Lại nữa, nếu theo lệ như phần thuyết Chánh pháp thì lẽ ra [thuyết thí dụ này] phải có nói về bốn chúng trong hàng trung căn hoan hỷ, nhưng nay không thấy nói.[1] [Điều này có thể do 2 lý do.] Thứ nhất, do người chép kinh lược bớt. Thứ hai, vì theo thông lệ [so sánh] trước sau có thể hiểu được [nên không cần chép ra], hoặc phần văn sau nằm ở phẩm Pháp Sư... Đại lược là như vậy.

Phần thuyết thí dụ có 2 tổng đoạn, thứ nhất là thưa thỉnh, thứ hai là [Phật] giải đáp.

▣ Tổng đoạn thứ nhất có nội dung thưa thỉnh, chia làm 3 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất [từ câu *"Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất*

[1] Câu văn này hơi khó hiểu, do sự phân chia kinh văn thực tế khác với sự phân chia được Văn Cú đề cập ở đây. Theo kinh văn thì phần nội dung "bốn chúng hoan hỷ" nằm ở đầu phẩm Thí dụ này, nhưng theo Văn Cú thì phần thuyết thí dụ chỉ bắt đầu từ câu "Lúc ấy ngài Xá-lợi-phất bạch Phật..." Như vậy đoạn văn "bốn chúng hoan hỷ" được xem là còn thuộc về phần thuyết Chánh pháp ở trước. Do vậy ở đây mới nói phần thuyết thí dụ không có nội dung này. Về giải thích "hoặc văn sau nằm ở phẩm Pháp Sư" có thể là chỉ đến câu: "能令大眾喜 - năng linh đại chúng hỷ".

bạch Phật...”] là [ngài Xá-lợi-phất] tự nói ra không còn nghi hoặc nữa.

◆ Đoạn thứ hai [từ câu *“Trong số một ngàn hai trăm vị...”*] là [ngài Xá-lợi-phất] nói ra việc các vị cùng nhóm [hữu học, vô học] đều có nghi hoặc.

◆ Đoạn thứ ba [từ câu *“Lành thay, bạch Thế Tôn...”*] là [ngài Xá-lợi-phất] rộng vì bốn chúng [mà thưa thỉnh].

Phần tự nói ra [của ngài Xá-lợi-phất] [có thể hiểu rõ ràng] theo như kinh văn [nên không cần giải thích].

[Nói] *“cùng nhóm”* nghĩa là các vị đồng bậc tu hành, vì nhớ lại thuở xưa [cùng tu tập với nhau] cho nên vì [các vị ấy mà] thưa thỉnh.

Bốn chúng là bối cảnh giáo hóa, [ngài Xá-lợi-phất] vừa mới [chuyển sang Đại thừa] vận khởi tâm đại bi nên rộng vì [khắp bốn chúng] mà thưa thỉnh.

Từ câu *“Phật thường dạy các vị rằng...”* trở đi là nói sự bám chấp nơi giáo pháp ba thừa trước đây.

Từ câu *“nay ở trước đức Thế Tôn được nghe...”* trở đi là nói sự bám chấp vào một giáo lý đã được Phật dạy trước đây. Trước đây Phật dạy [giáo pháp] ba thừa là cứu cánh rốt ráo, ngày nay lại nói Nhất thừa là chân thật. Do có sự mâu thuẫn khác nhau khiến cho [thính chúng] sinh nghi ngờ mê hoặc, cho nên [kinh văn] nói rằng: *“Thảy đều rơi vào sự nghi hoặc.”*

Có người nói rằng, ngài Xá-lợi-phất có 2 mối nghi, thuở xưa và ngày nay, còn 1.200 vị A-la-hán [trong Pháp hội này] chỉ có mối nghi ngày nay. Nay cho rằng, hàng thượng căn [lẽ ra] nghi ít, hàng trung căn, hạ căn phải nghi nhiều hơn, sao có thể nói ngược lại?

Từ câu *“Lành thay! Bạch Thế Tôn...”* trở đi là rộng vì

bốn chúng mà thưa thỉnh. [Ngài Xá-lợi-phất thưa thỉnh Phật *"thuyết dạy rõ] nhân duyên"*, đó là nói nhân duyên của việc trước đây thuyết dạy ba thừa mà bây giờ chỉ nói Nhất thừa.

KINH VĂN

> **Lúc bấy giờ đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "Chẳng phải trước đây ta đã từng nói rằng 'Các đức Phật Thế Tôn dùng đủ mọi nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện để thuyết pháp, đều là vì [dẫn dắt đến] quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác' đó sao? Cho nên, hết thảy những điều thuyết dạy đó đều là vì giáo hóa hàng Bồ Tát.**
>
> **Nhưng này Xá-lợi-phất, nay ta lại sẽ dùng thí dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa ấy. Những ai có trí tuệ, nhờ thí dụ này sẽ hiểu được."**

Từ câu *"Lúc bấy giờ Phật bảo ngài Xá-lợi-phất..."* trở đi là tổng đoạn thứ hai, nêu ra nội dung đức Phật giải đáp.

▣ Tổng đoạn này chia làm 3 đoạn. Đoạn thứ nhất là nêu ý phát khởi; đoạn thứ hai là nêu ra thí dụ; đoạn thứ ba là khuyến khích tin nhận.

◆ Đoạn thứ nhất nêu ý phát khởi chia làm 2 tiểu đoạn. Thứ nhất là ức chế, thứ hai là dẫn dắt. Ức chế khiến cho phấn chấn mạnh mẽ, dẫn dắt khiến cho tiến tới mau chóng.

Từ câu *"Chẳng phải trước đây ta đã từng nói..."* trở đi là nhắc lại phần trước đã nêu rõ pháp quyền. Từ câu *"đều là vì [dẫn dắt đến] quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác'..."* trở đi là nhắc lại phần trước đã hiển bày pháp thật. Câu *"đều là vì giáo hóa hàng Bồ Tát"*, dù là quyền hay là thật thì cũng đều thể nhập Niết-bàn vô trụ của Phật đạo. Phần trước đã nói rõ ràng như vậy, vì sao còn bám chấp nơi giáo nghĩa, mê muội si ám không hiểu rõ? [Phật] quở trách như vậy chính là ý nghĩa ức chế.

Từ câu *"Nhưng này Xá-lợi-phất, nay ta lại sẽ..."* trở đi là tiếp sức dẫn dắt làm cho yên lòng. Phần trước nghiêm khắc quở trách, e rằng [người nghe sinh ra] ai oán tự chìm đắm nên hứa sẽ đưa ra thí dụ để giúp làm sáng tỏ ý nghĩa. Người nào hiểu được [qua thí dụ này] thì vẫn được xưng tán là người có trí.

KINH VĂN

> **"Xá-lợi-phất! Ví như ở một đất nước, đô thành hay thôn xóm kia, có vị đại trưởng giả[1] tuổi cao sức yếu, giàu có vô cùng, sở hữu rất nhiều ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ. Căn nhà của ông hết sức rộng lớn nhưng chỉ có duy nhất một cửa ra vào. Trong nhà có rất nhiều người, một trăm, hai trăm, thậm chí đến năm trăm người cùng ở bên trong. Căn nhà ấy, cả nhà chính và các tầng gác đều mục nát, tường vách nghiêng đổ, cột trụ hư mục, xà nhà với mái nhà đều sắp sụp đổ, rồi bỗng nhiên bốn phía đều có lửa dữ cùng lúc bốc lên, thiêu đốt cả căn nhà. Ông trưởng giả ấy có những người con, hoặc mười người, hoặc hai mươi người, thậm chí đến ba mươi người, đều đang ở trong căn nhà ấy.**

Đoạn thứ hai Phật nêu ra thí dụ, gồm có văn trường hàng và kệ tụng. [Trong phần] văn trường hàng [nêu thí dụ] lại có phần khai mở và hợp lại. Phần khai mở có khác biệt nhau như trên đã nói, nay chia làm 2 ý. Một là nói tổng quát, hai là nói cụ thể. Phần nói [thí dụ] tổng quát là ví như trong phần nói về Phật Thích-ca có 2 khổ kệ từ câu *"Ta nay cũng như vậy..."*[2] đã nói lược qua ý nghĩa trừ bỏ quyền thừa, hiển bày chân thật. Phần nói [thí dụ] cụ thể là ví như trong phần nói về Phật Thích-ca có 41 khổ rưỡi kệ bắt đầu từ câu

[1] Ở đây đức Phật nhấn mạnh tính chất "thí dụ" nên không đưa ra một nơi chốn nhất định, mà giả định trường hợp ông trưởng giả này có thể ở bất kỳ nơi đâu, bất kỳ thành phố, xóm ấp nào.

[2] Tức là đoạn kệ: "Nay ta cũng như vậy, Vì giúp chúng an ổn, Dùng đủ mọi pháp môn, Để chỉ bày Phật đạo. Ta dùng sức trí tuệ, Biết lòng dục chúng sinh, Phương tiện giảng các pháp, Khiến cho đều hoan hỷ."

"Xá-lợi-phất nên biết, Ta dùng Phật nhãn quán...", nói rộng ý nghĩa trừ bỏ quyền thừa, hiển bày chân thật.

A. THÍ DỤ KHÁI QUÁT

Phần thí dụ khái quát có 6 [hình ảnh nêu ra]. Thứ nhất là ông trưởng giả, thứ hai là căn nhà [của ông trưởng giả], thứ ba là [căn nhà chỉ có] một cửa ra vào, thứ tư là [trong nhà ấy] có 500 người, thứ năm là lửa bốc lên cháy nhà, thứ sáu là [ông trưởng giả ấy] có 30 người con.

[Hình ảnh] ông trưởng giả ở đây là thí dụ cho *"Ta"* [trong câu kệ], tức là đức Phật Thích-ca, đang chủ trì việc giáo hóa. [Hình ảnh] căn nhà đang bị lửa bốc cháy là thí dụ phần trên có nói chỗ [tu tập Phật pháp được] an ổn, đối với ba cõi không an ổn. [Căn nhà chỉ có] một cửa ra vào là thí dụ cho phần trên [Phật đã] tuyên thuyết chỉ bày pháp môn Phật đạo. [Hình ảnh] 500 người là thí dụ cho phần trên nói về [tất cả] chúng sinh. [Hình ảnh] lửa bốc cháy [trong căn nhà] là thí dụ cho phần trên nói các pháp không an ổn như 5 sự uế trược, 8 loại khổ não.[1] [Hình ảnh] 30 người con [của trưởng giả] là thí dụ cho phần trên nói [Phật] rõ biết căn tánh và lòng tham muốn của những chúng sinh tu hành theo ba thừa.

1. Thí dụ "ông trưởng giả"

Thí dụ nói về ông trưởng giả có ba ý nghĩa, thứ nhất là danh tiếng và công hạnh, thứ hai là địa vị và danh hiệu, thứ ba là đức độ và sự nghiệp.

[Thứ nhất nói về danh tiếng và công hạnh.] Danh tiếng

[1] Tám nỗi khổ (八苦- bát khổ), chỉ chung tất cả những nỗi khổ mà chúng sinh phải gánh chịu, bao gồm: sinh khổ (sự khổ vì sinh ra), lão khổ (sự khổ vì già suy), bệnh khổ (sự khổ vì bệnh tật), tử khổ (sự khổ vì cái chết), ái biệt ly khổ (sự khổ vì phải xa lìa người mình thương yêu), oán tắng hội khổ (sự khổ vì phải gặp người mình oán ghét), cầu bất đắc khổ (sự khổ vì mong cầu không được như ý) và ngũ ấm xí thạnh khổ (sự khổ vì các ấm như sắc, thọ, tưởng, hành, thức bùng phát mạnh mẽ, không thể kiểm soát).

[là bên ngoài, ví] như khách, công hạnh [xuất phát từ tự thân, ví] như chủ. Công hạnh có thân thiết hoặc sơ sài, danh tiếng có gần xa, cho nên nêu các nơi chốn khác nhau để làm rõ danh tiếng và công hạnh. Về bờ cõi cương vực thì phạm vi một nước là xa nhất, đô thành là trung bình, thôn xóm láng giềng là gần gũi nhất. Danh tiếng và công hạnh của ông trưởng giả này vang dội trong khắp ba phạm vi [gần xa] như vậy. [Láng giềng] ở gần không thấy lỗi lầm sai sót nhỏ nhặt nào của ông, người ở xa [trong khắp nước] đều kính trọng bái phục phong thái cao thượng tôn quý của ông. Mọi lời nói [của ông] đều chân thật hòa nhã, mọi việc làm đều thích hợp, mọi suy nghĩ đều đúng đắn.[1] Danh tiếng và công hạnh của ông tương xứng nhau, quả thật là một bậc đại nhân.

Những điều này hợp với ba nghiệp [thanh tịnh] của Như Lai: công hạnh [Phật] tùy theo trí tuệ, phù hợp với căn cơ [của chúng sanh] mà thi hành sự giáo hóa; danh hiệu [Phật] được biết đến ở khắp nơi; đức độ [Phật] trải rộng khắp pháp giới.

[Các vị] cựu giải cho rằng tâm từ bi rộng khắp hư không trong mười phương gọi là "khắp nước", đại thiên thế giới gọi là "đô thành", mỗi một cõi bốn thiên hạ gọi là "thôn xóm".[2] Lại có vị cho rằng đại thiên thế giới gọi là "khắp

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "口無擇言, 身無擇行, 意無擇法 - khẩu vô trạch ngôn, thân vô trạch hành, ý vô trạch pháp", hàm ý là khi nói ra không cần phải chọn lựa mà lời nào cũng hay cũng đúng, khi hành động không cần chọn lựa mà luôn thích hợp với hoàn cảnh, mọi ý nghĩ không cần lựa chọn mà luôn đúng đắn, bởi vì tất cả lời nói, việc làm hay ý nghĩ đều đã thành nề nếp chân chánh đúng thật, tự nhiên phát xuất không cần lựa chọn.

[2] Đây là giải thích ý kinh trong câu "若國邑聚落有大長者 – nhược quốc ấp tụ lạc hữu đại trưởng giả..." (Ví như trong đất nước, đô thành, thôn xóm có vị đại trưởng giả...) Do ý nghĩa dùng đại trưởng giả để ví như đức Như Lai nên mới có sự giải thích "quốc, ấp, tụ lạc" theo ý nghĩa này. Văn Cú dùng "三千 - tam thiên" là nói tắt của "tam thiên đại thiên thế giới", chỉ cho một đại thiên thế giới. Một cõi bốn thiên hạ là chỉ bốn châu ở bốn phương núi Tu-di, dưới quyền thống lãnh của vị Chuyển luân Thánh vương khi vị vua ấy ra đời. Phương bắc là Câu-lô châu,

nước", trung thiên thế giới gọi là "đô thành", tiểu thiên thế giới gọi là "thôn xóm".[1] Những cách giải thích như vậy nay đều không vận dụng.

Đại [Trí độ] luận, quyển 60 nói rằng: [Cảnh giới] nhu thuận nhẫn là "thôn xóm", vô sinh nhẫn chánh giác là "đô thành". [Đó là] dùng cả nhân với quả làm thí dụ.

Nay kinh [Pháp hoa] này dùng cả quả với đức làm thí dụ thì cõi thật báo [trang nghiêm] gọi là "khắp nước"; cõi phương tiện hữu dư gọi là "đô thành", cõi phàm thánh đồng cư gọi là "thôn xóm". [Chư Phật] từ nơi bản môn thương xót chúng sinh nên thị hiện hình tích, lại thâu nhiếp hình tích quay về bản môn, danh tiếng và công hạnh tương ưng xứng hợp, không có sự khác biệt như chủ với khách, sáng suốt tràn đầy khắp trong ba cõi.

Thứ hai nói về địa vị và danh hiệu, ở đây nêu lên 3 nghĩa. Thứ nhất là [địa vị và danh hiệu] trưởng giả theo thế gian, thứ hai là nghĩa xuất thế gian và thứ ba là theo nghĩa quán tâm.

Trưởng giả theo thế gian có đầy đủ 10 tánh đức. Thứ nhất là dòng tộc cao quý, thứ hai là địa vị cao cả, thứ ba là vô cùng giàu có, thứ tư là có uy lực dũng mãnh, thứ năm có là trí tuệ sâu sắc, thứ sáu là tuổi cao từng trải, thứ bảy là công hạnh trong sạch, thứ tám là đầy đủ lễ nghi, thứ chín

---

hay Uất-đan-việt châu, phương nam là Thiệm-bộ châu, hay Diêm-phù-đề châu, phương tây là Ngưu-hóa châu hay Cồ-da-ni châu, phương đông là Thắng thần châu hay Phất-bà-đề châu.

[1] Vũ trụ quan của Phật giáo cho rằng một đại thiên thế giới gồm 1.000 trung thiên thế giới; một trung thiên thế giới gồm 1.000 tiểu thiên thế giới; một tiểu thiên thế giới gồm 1.000 thế giới. Do cấu trúc gồm ba lần số ngàn như vậy nên một đại thiên thế giới được gọi là "tam thiên đại thiên thế giới" nhưng thực tế chỉ cho một đại thiên thế giới. Những cách chuyển dịch thành "ba ngàn thế giới" hay "ba ngàn đại thiên thế giới" đều là nhầm lẫn, vì tam thiên (三千) ở đây không chỉ số 3.000 mà ý nói ba lần bội số của 1.000.

là được người trên[1] ngợi khen xưng tán, thứ mười là được kẻ dưới quy phục noi theo.

Dòng tộc cao quý là nói hàng con cháu nối dõi của [các bậc vua chúa] như Tam Hoàng Ngũ Đế, hoặc sinh trong nhà quan gia quyền quý. Địa vị cao cả là nói giúp việc quốc gia như hàng thừa tướng, các bậc hiền tài, là chỗ dựa cho đấng quân vương.[2] Vô cùng giàu có là nói giàu đến mức vàng chất đầy kho, bạc chứa thành đống, đầy đủ dư thừa vượt mức. Uy lực dũng mãnh là phong thái nghiêm trang đáng kính, không khắt khe trừng phạt mà sai khiến được người khác.[3] Trí tuệ sâu sắc là nói [tài trí có công năng như] trong lòng chứa đầy một kho binh khí, có khả năng quyền biến lạ lùng siêu tuyệt vượt trội. Tuổi cao từng trải là nói niên kỷ đã vào hàng trưởng thượng, được tất cả mọi người tôn kính. Công hạnh trong sạch là nói đức hạnh ví như ngọc khuê trắng muốt không chút tỳ vết, việc làm luôn tương ứng với lời nói ra. Đầy đủ lễ nghi là nói mọi sự [hành xử] đều có chừng mực quy củ, làm khuôn thước cho hết thảy người đời noi theo. Người trên [khen ngợi] là nói được người [đứng đầu đất nước] cung kính. Kẻ dưới quy phục là nói người trong khắp thiên hạ[4] đều quy phục noi theo.

---

[1] Nguyên tác dùng "上歎 - thượng thán" (người trên ngợi khen xưng tán). Người trên ở đây chỉ đức vua đương thời, người đứng đầu đất nước.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "輔弼丞相鹽梅阿衡 – phụ bật thừa tướng diêm mai a hoành". Chữ phụ bật (輔弼) chỉ người bầy tôi giúp vua lo việc triều chính, thừa tướng (丞相) là chức quan đứng đầu triều đình, diêm mai (鹽梅) là vị mặn của muối (diêm) và vị chua của quả mơ (mai), được dùng để chỉ những người hiền tài có thể giúp điều hành đất nước, khiến cho chính sự được hài hòa, thích hợp. Chữ a (阿) có nghĩa là dựa vào, chữ hoành (衡) là cân bằng, a hoành chỉ những người mà đức vua có thể dựa vào để giữ cho việc điều hành đất nước được cân bằng. A hoành cũng là tên một chức quan lớn thời cổ, tương đương với tể tướng sau này.

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng "不肅而成 - bất túc nhi thành". Túc nghĩa là răn đe nghiêm khắc, khiến người khác phải sợ sệt mà nghe theo. Bất túc nghĩa là không cần đến những biện pháp nghiêm khắc như vậy. Thành là thành tựu theo ý muốn, ở đây có nghĩa là sai khiến được người khác. Hiếu kinh cũng có câu "是以其教不肅而成 - Thị dĩ kỳ giáo bất túc nhi thành" được hiểu theo nghĩa tương tự.

[4] Nguyên tác dùng "四海 - tứ hải" (bốn biển) với nghĩa chỉ người trong khắp thiên hạ. Đây là cách dùng quen thuộc của người Trung Hoa, như "tứ hải giai huynh đệ" (người trong khắp thiên hạ đều là anh em).

Đầy đủ 10 đức như trên thì gọi là đại trưởng giả.

[Thứ hai là] trưởng giả xuất thế. Phật từ trong chân như thật tế ba đời mà sinh ra, công đức tu tập thành tựu, đạo nghiệp sáng ngời, đầy đủ 10 tôn hiệu cao quý không gì sánh bằng, tài bảo Chánh pháp là muôn công đức đều trọn đủ, mười lực oai hùng mạnh mẽ hàng phục tà ma, chế phục ngoại đạo, một tâm ba trí[1] thông đạt hết thảy, từ rất lâu xa sớm thành chánh giác nên vốn đã là như vậy, ba nghiệp [thân, khẩu, ý] đều nương theo trí tuệ vận hành không sai sót, đầy đủ oai nghi của bậc giác ngộ, tâm như biển lớn, các bậc giác ngộ trong mười phương đều ngợi khen xưng tán, [chúng sanh] trong 7 hạng phương tiện[2] đều tìm đến quy ngưỡng nương theo. Như vậy gọi là xuất thế đại trưởng giả, là Phật.

Thứ ba là [trưởng giả] theo nghĩa quán tâm. Trí tuệ quán tâm xuất phát từ thật tướng, chân chánh sinh ra trong dòng giống Phật, tuy chưa phát khởi trí chân thật nhưng ba hoặc[3] chẳng còn khởi sinh, đây là đắp y Như Lai, được xưng là tịch diệt nhẫn. Trong ba đế[4] hàm chứa tất cả các công đức, trí tuệ chánh quán hàng phục ái kiến, [quán] trung đạo cùng lúc soi chiếu [hai trí] quyền, thật đều sáng tỏ rõ ràng. Nhờ tích tụ căn lành từ lâu đời mới có thể tu tập được pháp quán này. Pháp quán này vượt trên

---

[1] Một tâm ba trí (一心三智 - nhất tâm tam trí), tức là cùng lúc chứng đạt cả ba loại trí tuệ, gồm Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí.

[2] Bảy hạng phương tiện ở đây chỉ bảy hạng chúng sinh đang tu tập thuộc về nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa của Tạng giáo, Bồ Tát thừa của Thông giáo và Bồ Tát thừa của Biệt giáo.

[3] Ba hoặc: chỉ kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc. Chữ hoặc mang nghĩa mê hoặc, không sáng suốt, không thấy biết đúng thật, cho nên các hoặc này cũng chính là phiền não của chúng sinh.

[4] Ba đế (tam đế) theo tông Thiên Thai là ba sự thật đạt đến do sự quán chiếu, bao gồm Không đế là kiếp quán chiếu tánh không của các pháp, Giả đế là kết quả quán chiếu sự giả tạm của các pháp, Trung đế là kết quả quán trung đạo.

cả 7 hạng phương tiện.[1] Phép quán này quán xét tánh thể của tâm, gọi là thượng định, [người thực hành] chắc chắn 3 nghiệp [thân, khẩu và ý] không còn sai lầm, khi đối diện cảnh trần, trải qua các duyên đều giữ được oai nghi không để mất. Nếu có thể quán được như vậy là có lòng tin sâu vững, thấu rõ các tướng, chư Phật đều hoan hỷ, khen ngợi là người khéo hành trì đúng pháp, hàng trời rồng bốn bộ[2] đều cung kính cúng dường.

Kinh văn phần sau nói rằng: "Phật tử trụ địa vị này, tức được sự thọ dụng như Phật, [thường ở trong cảnh giới ấy mà] kinh hành, hoặc nằm, hoặc ngồi."[3] Đã gọi người tu tập như vậy là Phật, lẽ nào lại không gọi là trưởng giả [theo nghĩa] quán tâm?

Nay lấy 10 tánh đức [kể trên] so với kinh văn thì đầy đủ ý nghĩa, chỉ thiếu một ý. [Kinh văn nói] *"ở một đất nước, đô thành hay thôn xóm kia, có vị đại trưởng giả"*, tức ở cả ba phạm vi như vậy đều ngợi khen xưng tụng là "đại", lẽ nào lại chẳng phải là dòng tộc cao quý? [Tôn xưng là] trưởng giả, lẽ nào chẳng phải địa vị cao quý? Tuổi cao sức yếu, lẽ nào chẳng phải là lão niên từng trải? Giàu có vô cùng, lẽ nào chẳng phải là thịnh vượng sung túc? Sở hữu rất nhiều nhà cửa ruộng vườn, [tức có khả năng] phân phối điều hành chu đáo, lẽ nào chẳng phải có trí tuệ sâu sắc?

---

[1] Có nghĩa là vượt trên cả nhân thừa, thiên thừa... cho đến Bồ Tát thừa của Biệt giáo.

[2] Nguyên tác là "天龍四部 - thiên long tứ bộ". Kinh điển thường nhắc đến 8 bộ chúng thường theo bảo vệ, cúng dường người hành trì Phật pháp, với chư thiên và loài rồng là hai bộ kể ra trước tiên, bao gồm: thiên, long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la và ma-hầu-la-già. Ở đây chỉ kể 4 bộ tức là chư thiên, loài rồng, dạ-xoa và càn-thát-bà.

[3] Chỗ này Văn Cú trích 4 câu kệ cuối quyển 5 của Kinh Pháp hoa, nhưng ghi là "佛子住是地 - Phật tử trụ thị địa". Nguyên văn cả 4 câu này đúng ra là: "佛子住此地，則是佛受用，常在於其中，經行及坐臥 。- Phật tử trụ thử địa, tắc thị Phật thọ dụng; thường tại ư kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa." Xem ĐCT, T9, số 262, trang 46b, d.12-13.

Có nhiều tôi tớ, há chẳng phải có uy lực dũng mãnh? Nhà ông rộng lớn, lẽ nào chẳng phải là bậc thầy đức hạnh? Nhà chỉ có duy nhất một cửa, lẽ nào chẳng phải chỉ một đường dạy bảo người khác lễ nghi tiết độ? Trong nhà có rất nhiều người, tức là được kẻ dưới quy phục.

Chỉ thiếu một ý nói về việc được người trên ngợi khen kính trọng. Nay dùng chữ "đại" [trong đại trưởng giả] để bao hàm thêm ý này. Vì được bậc đại nhân biết đến nên gọi là đại.

Từ câu *"tuổi cao sức yếu"* trở đi có 3 ý xưng tán đức nghiệp. Tánh đức có trong, có ngoài. Bên trong là trí tuệ mưu lược, bên ngoài là tài sản của cải.

"Tuổi cao" thì uyên bác thông đạt những chuyện xưa nay, đó là ví như trí đức của Phật. *"Sức yếu"* là nghĩa căn tánh ý chí đã thuần thục, đó là ví như đoạn đức của Phật.

Giàu có là ví như ngoại đức [của Phật]. Vô cùng là ví tổng quát cho muôn đức [của Phật]. Ruộng vườn nhà cửa là ví dụ cụ thể: ruộng vườn có thể nuôi dưỡng mạng sống nên ví như thiền định nhờ trí bát-nhã; nhà cửa là chỗ trú ngụ của thân thể, nên ví như cảnh giới chân thật là chỗ nương vào của trí tuệ.

Nếu lược nói thì có 18 pháp không,[1] còn nói rộng thì có vô số pháp không. Nếu luận về phước đức [của Phật] thì chẳng có công hạnh nào mà [Phật] không tu tập, còn luận về trí tuệ [Phật] thì không một cảnh giới nào không soi chiếu đến. Cho nên [thí dụ ở đây] nói rằng *"có nhiều ruộng vườn nhà cửa"*.

---

[1] Tức thập bát không môn (十八空門), chỉ 18 pháp không để đối trị dứt trừ hết thảy mọi tà kiến, bao gồm: nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô thủy không, tán không, tính không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tôi tớ là người hầu hạ, để sai khiến, ví cho phương tiện và tri kiến, [đức Phật] đều có đủ, hòa đồng thì soi sáng cả 6 đường [luân hồi], uyển chuyển thì tùy thuận muôn căn cơ [khác biệt của chúng sanh], tức là nói trí tuệ chân thật như tôi tớ để sai khiến.

2. Thí dụ "căn nhà rộng lớn"

[Hình ảnh thí dụ] thứ hai là căn nhà của ông trưởng giả rất rộng lớn. Căn nhà ở đây ví với phần trước nói nghĩa an ổn đối lại với không an ổn. Không an ổn là ví cho ba cõi. Chúng sinh đủ mọi tầng bậc đều lấy ba cõi làm nhà. Đức Như Lai ứng hiện giáo hóa thâu nhiếp tất cả [như trong một] nhà nên nói là [căn nhà] rộng lớn.

3. Thí dụ "chỉ có một cửa ra vào"

Nói "chỉ có một cửa" là ví với phần trước nói đủ mọi pháp môn đều là tuyên thuyết chỉ bày đạo Phật. Đạo Tràng Quán nói rằng: "Lý thật tướng không khác, trí tuệ lại cũng chỉ có một, không còn đường nào khác để ra khỏi [ba cõi] cho nên nói rằng chỉ có một cửa."

Ngài Quang Trạch Pháp Vân[1] nói rằng: "Ba cõi tuy rộng lớn, 96 hạng ngoại đạo[2] tuy đông, nhưng luận về việc ra khỏi [ba cõi] chỉ có duy nhất lời dạy của Phật, cho nên nói là [chỉ có] một cửa."

Nay làm sáng tỏ rằng, nếu chỉ lấy riêng phần lý là cửa ra, thì lý ấy [vốn tự nó] chẳng có chỗ thông suốt hay bế tắc, vậy có cửa nào để nói? Nếu chỉ lấy riêng phần giáo là cửa

---

[1] Văn Cú chép là "光宅雲 - Quang Trạch Vân", tức là ngài Pháp Vân (法雲), trụ trì chùa Quang Trạch (光宅).

[2] Văn Cú chép là "九十 - cửu thập", Văn Cú Ký giải thích ở đây là nói lược, nói đủ là "cửu thập lục" để chỉ 96 hạng ngoại đạo. Sách này cũng giải thích rằng 6 vị thầy ngoại đạo, mỗi người đều có 15 đệ tử, lập thành 15 luận thuyết ngoại đạo, cộng là 90 với 6 luận thuyết ban đầu là 96 luận thuyết ngoại đạo.

ra, thì người học kinh rất nhiều, do ý gì lại chẳng ra khỏi [ba cõi]? Nay cho rằng lý là chỗ giảng rõ của giáo. Kinh văn nói theo pháp môn Phật dạy mà thoát khỏi được nỗi khổ trong ba cõi, chứng đắc Niết-bàn. Pháp môn [Phật dạy ở đây lại] có hai [biểu ý] là trạch môn và xa môn. [Biểu ý của trạch môn thì] trạch [là căn nhà, nhà đang bốc cháy] là chốn sinh tử, môn [là cửa ra vào,] là con đường phải đi theo để thoát ra, chính là giảng rõ giáo nghĩa phương tiện. [Về biểu ý của xa môn thì] xa [là cỗ xe, dùng xe để dẫn dụ nên cỗ xe] là pháp Đại thừa, môn [là cửa ra,] là giảng rõ giáo nghĩa Viên giáo.

[Lại theo giải thích trên,] nếu cho rằng trạch môn cũng là xa môn, thì ban đầu khi [trưởng giả] dùng ba loại xe [dẫn dụ] để cứu các con, lẽ ra cũng ban cho đồng đều một loại xe lớn. Nhưng [trạch môn] là pháp môn để thoát ra [ngoài ba cõi], không giống như [xa môn là] pháp môn [dẫn dụ để chúng sanh] theo vào, cho nên xét thấy xa môn và trạch môn là khác biệt.

4. Thí dụ "có 500 người"

[Kinh văn nói, "trong nhà có rất nhiều người, một trăm, hai trăm, thậm chí đến năm trăm người".] Năm trăm người là ví cho với nghĩa chúng sinh đã nói ở trên, tức là 5 đường [tái sinh trong luân hồi].[1]

5. Thí dụ "lửa bốc lên cháy nhà"

Kinh văn từ câu *"Căn nhà ấy, cả nhà chính và các tầng gác..."* là ví cho nghĩa "an ổn đối với không an ổn" đã nói ở trên, tức là [thế gian với] 5 sự uế trược. Trước tiên nêu ra hình ảnh nhà đang bị cháy, đây là ví cho quả báo trong 6

[1] Văn Cú dùng "五道 - ngũ đạo", tức năm đường tái sinh của chúng sinh, gồm: cõi trời, cõi người, cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ và cõi súc sinh.

đường [luân hồi].[1] Tiếp theo chỉ rõ lửa đang thiêu đốt, đây là ví cho 8 nỗi khổ và 5 sự uế trược. "Nhà chính" là ví cho Dục giới; "các tầng gác" là ví cho Sắc giới và Vô sắc giới; "tường vách" ví cho tứ đại, "hư mục" ví cho sự suy giảm, hư hoại; "nghiêng đổ" ví cho sự biến thiên, thay đổi; "cột trụ" ví cho mạng sống [của chúng sanh]; "xà nhà" ví cho ý thức; "mục nát" ví cho việc nguy cấp chẳng thể tồn tại được lâu.

Muốn giải thích dễ dàng hơn thì có thể giải thích theo nghĩa quán [thân]. "Nhà chính" là ví cho phần dưới của thân; "các tầng gác" là ví cho phần trên như đầu, cổ v.v.; "tường vách" ví cho da, thịt; "hư mục" ví ấy dụ cho sự già yếu suy nhược; "cột trụ" ví cho hai chân; "mục nát" ví cho sự vô thường; "xà nhà" ví cho bộ xương; "nghiêng đổ" ví cho kỳ hạn sống chết của một đời người; chướng ngại quanh co [trên đường ra] ví cho ruột non, ruột già, cũng có người nói là ví cho tâm thức. Đại lược là như vậy.

Từ câu *"bỗng nhiên bốn phía..."* trở đi là nêu rõ việc lửa có thể thiêu đốt [căn nhà]. Tám nỗi khổ hiện hữu khắp cùng nơi tứ đại trong tất cả chúng sanh[2] cho nên nói là khắp "bốn phía", hết thảy đều là vô thường cho nên nói là "cùng lúc". *"Bỗng nhiên"*[3] là ví cho nghĩa trước vốn không mà nay bỗng có, [bỗng nhiên hiện hữu]. Trước vốn không có những nỗi khổ ấy, chỉ do vô minh mà thành có.

---

[1] Văn Cú dùng "六道 - lục đạo", ý nghĩa cũng giống như "ngũ đạo" ở trên. Khi dùng lục đạo thì có thêm cảnh giới a-tu-la, khi dùng ngũ đạo thì xem như a-tu-la không phải một cảnh giới riêng mà tùy nghiệp thọ sinh trong các cảnh giới của chư thiên và loài người, hoặc trong cả 5 đường. Cả hai cách dùng đều là để chỉ chung tất cả các cảnh giới tái sinh của chúng sinh trong luân hồi.

[2] Văn Cú dùng "四生 - tứ sanh" để chỉ tất cả chúng sinh, vì hết thảy chúng sinh đều được sinh ra bởi một trong bốn cách sinh (tứ sanh) là thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh.

[3] Văn Cú ở đây dùng chữ "炊然 - xuy nhiên" nhưng thật ra trong kinh văn dùng chữ "欻然 - hốt nhiên", nghĩa là bỗng nhiên, đột nhiên, bất ngờ xảy ra. Chữ hốt (欻) là cách viết khác của hốt (欻) vốn thông dụng hơn.

6. Thí dụ "có 30 người con"

Từ câu *"Ông trưởng giả ấy có những người con..."* trở đi, nói "có 30 người con" là ví cho [kệ tụng] phần trước đã nói "biết lòng dục chúng sanh". [Những chúng sinh này] đã từng tu tập Phật pháp, khuynh hướng tâm tánh[1] tương quan nhau, đó là ý nghĩa được gọi là con. [Nhưng trước số đó] tâm tánh, lòng dục có khác nhau, nên nói "hoặc mười người" là ví cho hàng Bồ Tát, "hoặc hai mươi người, thậm chí đến ba mươi người" là ví cho hàng Nhị thừa. Những chúng sinh có căn cơ như vậy đều được thoát ra khỏi căn nhà đang cháy, cho nên gọi là con [của ông trưởng giả]. Những chúng sinh không có căn cơ [được độ thoát] tức là 500 người [đang ở trong nhà ấy], hoặc cũng có thể nói là hàng Bích-chi Phật khi hiện khi ẩn không giống nhau, hoặc thuộc Tiểu thừa, hoặc thuộc Trung thừa, đều gọi là trong số 10 người con, đều có đủ tánh của mười trí,[2] cho nên nói rằng sẵn có tánh của trí bên trong, chỉ là không có tánh trí như thật mà thôi.

Ba phần kệ bên trên, trước là tụng về nghĩa thật, sau tụng về nghĩa quyền. Nay trong phần thí dụ tổng quát cũng trước nói nghĩa thật, sau nói nghĩa quyền. Đại lược là như vậy.[3]

---

[1] Văn Cú dùng chữ "天性 - thiên tính", hiểu theo nghĩa đen là tánh trời sinh, nhưng ở đây phải hiểu là khuynh hướng tâm tánh có được do đã nhiều đời tu tập Phật pháp. Và vì thế mà những chúng sinh có tu tập thì tâm tánh có sự tương quan.

[2] Mười trí (十智 - thập trí), tức mười loại trí tuệ mà chúng sinh tùy theo trình độ tu tập có thể dần dần khởi sinh, bao gồm: 1. Thế tục trí, 2. Pháp trí, 3. Loại trí, 4. Khổ trí, 5. Tập trí, 6. Diệt trí, 7. Đạo trí, 8. Tha tâm trí, 9. Tận trí, 10. Vô sinh trí. Ở đây nói "tánh của mười trí" là hàm ý có tiềm năng đạt được, nhưng phải do nơi sự tu tập.

[3] Nguyên tác Văn Cú đến đây là hết phần thượng của quyển 5, bắt đầu phần hạ.

B. THÍ DỤ CỤ THỂ

KINH VĂN

> **Ông trưởng giả thấy lửa dữ bốc lên quanh bốn phía nhà thì hết sức kinh hãi, liền nghĩ rằng: 'Nay ta tuy có thể xuyên qua cửa đang cháy mà thoát ra ngoài an ổn, nhưng các con ta đều còn đang ở trong nhà, vui chơi đùa giỡn không hay không biết gì, không chút sợ hãi, lửa cháy thiêu thân, đau đớn kinh người, tâm không chán sợ, không có ý muốn thoát ra.'**

Từ câu *"Ông trưởng giả thấy lửa dữ bốc lên..."* là bắt đầu phần thứ hai, nêu thí dụ cụ thể. Phần này lại có 4 thí dụ.

Thí dụ thứ nhất là *"ông trưởng giả thấy lửa"*. Đây là ví dụ được dẫn khởi từ[1] phần [kệ tụng trong phẩm Phương tiện] ở trước, nói Phật nhìn thấy [chúng sinh trong 6 đường ở cõi thế gian] với 5 sự uế trược, gồm 4 khổ kệ.[2]

Thí dụ thứ hai là ông trưởng giả từ bỏ sức mạnh mà dùng phương tiện các loại xe đẹp để dẫn dụ.[3] Đây là ví dụ được dẫn khởi từ phần kệ tụng ở trước, nói đức Phật Thích-ca vì thế gian có 5 sự uế trược mà tạm gác lại giáo pháp Đại thừa, vận dụng giáo pháp Tiểu thừa. Phần này gồm 17 khổ rưỡi kệ, bắt đầu từ câu *"ban sơ ngồi đạo trường"*.[4]

Thí dụ thứ ba là *"cho tất cả các con mỗi người một cỗ*

---

[1] Trong nguyên tác dùng chữ "爲本 - vi bản", nghĩa đen là lấy đó làm gốc, ở đây có nghĩa là các thí dụ này được dẫn khởi từ ý nghĩa của những phần kệ tụng được đề cập, nhằm minh họa cho rõ nghĩa hơn.

[2] Tức là 4 khổ kệ từ câu "Xá-lợi-phất nên biết" đến câu "Ta khởi tâm đại bi", trong phẩm Phương tiện.

[3] Nguyên tác Văn Cú nói là "捨机用車 - xả kỷ dụng xa" để chỉ việc ông trưởng giả từ bỏ ý định dùng sức mạnh bọc các con trong chéo áo hoặc đặt lên bàn lớn rồi mang ra khỏi nhà, vì sợ các con vùng vẫy sẽ rơi xuống, tổn hại, chuyển sang dùng phương tiện dẫn dụ bằng các loại xe đẹp.

[4] Tức là phần 17 khổ rưỡi kệ (70 câu), từ câu "Ban sơ ngồi đạo trường" đến câu "Ta thường thuyết như vậy", trong phẩm Phương tiện.

xe lớn như nhau". Đây là thí dụ được dẫn khởi từ phần kệ tụng ở trước nói đức Phật Thích-ca chỉ bày tướng chân thật, gồm 6 khổ kệ, bắt đầu từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, Ta thấy những Phật tử"*.[1]

Thí dụ thứ tư là *"ông trưởng giả không nói dối"*. Đây là thí dụ được dẫn khởi từ phần kệ tụng bắt đầu từ câu *"Các ông chớ hoài nghi, Phật là vua các pháp"*, gồm 2 khổ rưỡi kệ.[2]

1. Thí dụ "ông trưởng giả thấy lửa"

Thí dụ thứ nhất nói *"ông trưởng giả thấy lửa"*, kinh văn chia làm 4 đoạn, diễn đạt 3 ý. [Bốn đoạn kinh văn gồm] đoạn thứ nhất nói về người nhìn thấy, đoạn thứ hai là những gì được nhìn thấy, đoạn thứ ba nêu sự kinh hãi, đoạn thứ tư nói rộng những điều đã thấy trước đó. [Bốn đoạn này] chỉ diễn đạt 3 ý.

Đoạn thứ nhất, nói *"ông trưởng giả nhìn thấy"* là nêu rõ người thấy. Ý này ví với phần trên nói *"Ta dùng Phật nhãn quán"*.

Đoạn thứ hai, nói thấy *"lửa dữ bốc lên quanh bốn phía nhà"* là nêu những gì được nhìn thấy. Ý này ví với phần trên nói Phật nhìn thấy chúng sinh trong sáu đường luân hồi.

Đoạn thứ ba, nói *"hết sức kinh hãi"* là ví với phần trước nói nhìn thấy chúng sinh [khổ não trong sáu đường] liền khởi tâm đại bi. Riêng từ câu *"các con ta đều còn đang ở trong nhà... ...lửa cháy"* trở về sau là nói rộng lần thứ hai việc nhìn thấy lửa [dữ bốc lên], vẫn được giải thích là thuộc về ý nghĩa "hết sức kinh hãi".

[Bốn yếu tố] thân, thọ, tâm và pháp [ví như] bốn phía

[1] Tức là phần 6 khổ kệ, từ câu "Xá-lợi-phất nên biết, Ta thấy những Phật tử" cho đến câu "cũng đều sẽ thành Phật", trong phẩm Phương tiện.

[2] Tức là phần 2 khổ rưỡi kệ, từ câu "Các ông chớ hoài nghi" đến câu "Bí yếu của chư Phật", trong phẩm Phương tiện.

chung quanh nhà. Từ bốn yếu tố này mà khởi lên bốn sự điên đảo như [bất tịnh cho là] tịnh, [khổ cho là] vui v.v.[1] tạo thành 8 nỗi khổ như lửa [thiêu đốt,] hết thảy các nỗi khổ [cũng theo đó mà] tụ tập. Nếu rõ biết thân này là bất tịnh, là khổ, là vô thường, [là vô ngã] thì lửa phiền não sẽ tức thời bị diệt mất.

[Về nghĩa *"bốn phía chung quanh nhà"*,] theo các nhà cựu giải thì có 3 cách giải thích. Thứ nhất là cho rằng bốn phía ví cho bốn đại,[2] sáu thức đều trú ngụ trong đó. Thứ hai là cho rằng [4 phía ví cho] 4 loài chúng sinh.[3] Thứ ba là cho rằng [bốn phía ví cho] bốn sự điên đảo.

Nay dựa theo kinh văn ở phần sau thì 4 phía chung quanh nhà là [ví cho] sinh, lão, bệnh, tử, tức là [nghĩa làm cho] "hết sức sợ hãi". Nghĩ đến việc [chúng sanh] thối thất những việc lành lớn lao cho nên "sợ", lo lắng chúng sinh sắp khởi lên những việc xấu ác nặng nề cho nên "hãi". "Sợ" [như vậy] nên liền khởi tâm từ, vì nghĩ đến chúng sinh không có được niềm vui; "hãi" như vậy nên liền khởi tâm bi vì lo lắng chúng sinh phải chịu khổ não.

[Kinh văn nói:] *"Nay ta có thể xuyên qua cửa căn nhà đang cháy này mà thoát ra ngoài an ổn."* Câu này có thể giải thích theo nghĩa sợ hãi [và khởi sinh] từ bi [như trên]. Tuy là từ ngữ chưa rốt ráo nhưng cũng làm rõ việc Phật dùng sức trí tuệ có thể tìm ra cách giáo hóa chân chánh, thấy được cách giảng giải lẽ chân thật. Năm sự uế trược, 8 nỗi khổ đều không thể gây nguy hại [cho Phật] nên gọi là an; cơn gió hung bạo là 4 sự điên đảo không thể làm lay

---

[1] Văn Cú chỉ kể hai yếu tố. Bốn sự điên đảo này kể đủ là: bất tịnh cho là tịnh, khổ cho là vui, vô thường cho là thường, vô ngã cho là hữu ngã.

[2] Bốn đại: tức địa đại (tánh rắn chắc), thủy đại (tánh ướt), phong đại (tánh động) và hỏa đại (tánh nóng hay nhiệt năng). Bốn yếu tố này hợp lại thành thân thể cũng như hết thảy các loại vật chất.

[3] Chỉ các loài thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh như đã giải thích ở phần trước.

động nên gọi là ổn. An nhiên tự tại ở ngoài trói buộc nên gọi là "thoát ra ngoài". Nhưng chúng sinh thì không thể được như vậy, phải bị lửa dữ thiêu đốt. Đức Như Lai từ bi vì lo lắng việc lửa dữ [bốc lên] thiêu đốt [chúng sinh nên không tự mình thoát ra], do đó nói là "tuy có thể".

Kinh văn lại nói *"xuyên qua cửa đang cháy"*. Nay hỏi rằng, như ví giáo pháp là cửa ra, thì "cửa giáo pháp" ấy là cháy hay không cháy? Đáp lại câu này rằng, cửa giáo pháp không cháy nên Phật dạy giáo pháp là cửa [thoát ra], có thể giúp người bị cháy thoát ra. Người bị cháy thoát ra qua đó nên cửa thoát ra gọi là "cửa đang cháy". Như người bên trong cửa bị chết thì gọi là "cửa chết", nhưng thật ra cửa ấy không chết.

Lại hỏi rằng: Nếu như vậy thì giáo pháp là thường còn, chẳng phải pháp hữu vi. Còn nếu chẳng phải như vậy thì sao [nói là] không cháy? Nay giải thích rõ không phải như vậy. Nói về cửa thì có khung cửa với khoảng không. Không có khung cửa thì không lấy gì để biết đó là cửa, không có khoảng không thì không thể thông qua [để ra ngoài]. Khung cửa có thể cháy thành tro than nhưng khoảng không thì không thể cháy mất. Giáo pháp cũng vậy, có nội dung giảng giải và chân lý được giảng giải. Nếu không có nội dung giảng giải thì chẳng lấy gì làm giáo pháp. Nếu không có chân lý được giảng giải thì dựa vào đâu để thoát ra khỏi [ba cõi]? Nội dung giảng giải có thể là vô thường, nhưng chân lý được giảng giải không phải vô thường. Hiểu được nội dung giảng giải, đó là chân lý, nên gọi là *"thoát ra ngoài an ổn"*. Nội dung giảng giải là điều có thể mất đi, nên gọi là *"cửa đang cháy"*. Nhưng nếu không từ nơi *"cửa đang cháy"* đó thì do đâu được *"thoát ra ngoài an ổn"*? [Cũng như] dựa vào những lời giảng giải mới khế ngộ được chân lý.

Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: "Nhân vô thường mà quả là thường." Theo giải thích này thì điều đó cũng giống như đi qua "cửa đang cháy". Như [nương theo] giáo pháp vô thường của Tiểu thừa, đó là từ nơi "cửa đang cháy" mà thoát ra. Nếu theo giáo pháp thường trụ Đại thừa thì văn tự chính là giải thoát, ngay nơi giáo pháp chính là chân lý, thấu đạt được chỗ cháy là không cháy, được "thoát ra ngoài an ổn". Nếu đạt được trí quyền biến của Như Lai, đó là từ nơi "cửa đang cháy" mà thoát ra. Nếu đạt được trí chân thật thì thể hội ngay từ chỗ cháy mà "thoát ra ngoài an ổn". Cho nên trước nêu ý [đặt các con] trên bàn mà mang ra, [thấy rằng] không thể được. Sau mới dùng [phương tiện] vô thường [dẫn dụ] đưa ra, chính là ý nghĩa này.

[Kinh văn nói] *"đắm vui trong sự chơi đùa"*. Bám chấp vào kiến chấp gọi là *"chơi"*, bám chấp nơi tham ái gọi là *"đùa"*. Lại nữa, mê đắm trong bốn kiến chấp[1] gọi là chơi, hoang phí công sức gọi là đùa. Bám chấp nơi tham ái cũng vậy. Mê đắm trong năm trần cảnh gọi là chơi, chẳng đạt được gì gọi là đùa. Sinh ra rồi chết đi một đời uổng phí mà không nhàm chán, giống như những đứa trẻ con kia mải mê chơi đùa [trong nhà đang cháy].

[Kinh văn nói] *"không hay không biết gì, không chút sợ hãi"*. [Những đứa trẻ con ông trưởng giả,] tất cả đều không nói đến việc có lửa cháy, gọi là không hay; không hiểu rằng lửa là thứ nóng bức thiêu đốt, gọi là không biết. Đã không biết lửa là nóng nên chẳng sợ thương tổn thân thể, gọi là "không sợ"; chẳng lo mất mạng nên gọi là "không hãi".

Chúng sinh [cũng vậy,] hoàn toàn chẳng hay có 8 nỗi khổ [của thân] 5 ấm, chẳng biết đến 4 sự điên đảo, 3 độc [tham, sân, si]. Đã không nhận biết [mình] si mê nên

[1] Bốn kiến chấp: chấp là có, là không, là vừa có vừa không, là chẳng phải có cũng chẳng phải không.

chẳng có gì lo lắng. Si mê ấy che lấp pháp thân, tổn thương tuệ mạng. Do vậy nên không hay sự khổ, không biết lẽ tập [là nguyên nhân của khổ], chẳng sợ tổn hại đạo, chẳng hãi đánh mất [Niết-bàn] tịch diệt.

Chẳng được nghe giáo pháp Tứ đế nên không có văn tuệ, gọi là không hay; không đạt được tư tuệ, gọi là không biết. Không đạt được hiểu biết từ tri kiến nên gọi là không hay; không đạt được hiểu biết từ suy xét nên gọi là không biết. Thấy được chân lý liền kinh sợ nhận hiểu, có suy xét liền chán ghét kinh sợ. Lại không hay có những nỗi khổ trong hiện tại, không biết đến sự khổ trong tương lai. Cho nên kinh văn phần sau nói rằng *"vì sự tham lam bám chấp tìm cầu mà hiện tại phải chịu mọi sự khổ não, đời sau còn phải khổ vì đọa vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ..."*[1] chính là nghĩa này.

Kinh văn nói *"lửa cháy thiêu thân, đau đớn kinh người, tâm không chán sợ, không có ý cầu được thoát ra"*. Thân là ví với năm thức, tâm là ý thức, là tâm vương. Thân [chúng sanh] bị 8 nỗi khổ bức bách mà tâm chẳng hề chán sợ phiền não. Lại nói rằng, [chư Phật] đã từng gieo trồng công đức Đại thừa, pháp thân lấy trí tuệ làm thể. Thể [của chúng sinh là] bị 4 sự điên đảo bức bách mà [si mê] chẳng hay chẳng biết, tâm không chán không lo. Không chán với *khổ* là vô thường, không lo với *tập* là [nguyên nhân của] phiền não;"không có ý cầu được thoát ra" [là nói] không tu tập *đạo*, cầu được [Niết-bàn] *tịch diệt*.

Nay cho rằng chuyện căn nhà đang cháy là ví cho 5 sự uế trược. [Những đứa con] chơi [trong nhà đang cháy] ví cho kiến trược; đùa ví cho phiền não trược; *"không hay không biết, chẳng chút sợ hãi"* ví cho chúng sinh trược,

[1] Tức là câu kinh trong quyển 2: "以貪著追求故, 現受眾苦，後受地獄, 畜生, 餓鬼之苦 - Dĩ tham trước truy cầu cố, hiện thọ chúng khổ, hậu thọ địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ chi khổ." (ĐCT, T9, 262, tr.13a, d.20-21)

"lửa cháy thiêu thân đau đớn kinh người" ví cho mạng trược, *"tâm không chán sợ, không có ý cầu được thoát ra"* ví cho kiếp trược. Những ý nghĩa này tương đương với 5 sự uế trược. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

> **"Xá-lợi-phất! Ông trưởng giả ấy lại nghĩ rằng: 'Thân ta mạnh, tay ta khỏe, có thể dùng vạt áo rộng [bọc lấy các con], hoặc đặt chúng trên ghế, trên bàn lớn rồi đưa ra khỏi nhà.' Nhưng rồi ông lại nghĩ: 'Nhà này chỉ có một cửa, lại nhỏ hẹp, các con ta thơ dại chưa đủ nhận thức, đắm vui trong chỗ chơi đùa, [nếu làm vậy] e rằng chúng vùng vẫy rơi xuống, ắt phải bị lửa thiêu.'"**

2. Thí dụ "bỏ ý định dùng sức mạnh, chuyển sang dùng phương tiện"

Từ câu *"Ông trưởng giả ấy lại nghĩ rằng"* trở đi là phần thí dụ thứ hai, [ông trưởng giả] từ bỏ [ý định dùng sức mạnh, bọc các con trong chéo áo hoặc đặt trên bàn lớn để đưa ra, chuyển sang] dùng xe đẹp [để dẫn dụ]. Đây là ví cho ý nghĩa phần trước đã nói tạm gác giáo pháp Đại thừa, vận dụng giáo pháp Tiểu thừa.

Phần [kệ tụng] trước có 6 khổ rưỡi nêu [ý Phật] dự tính dùng giáo pháp Đại thừa e không được; phần sau 11 khổ dự tính nếu dùng giáo pháp Tiểu thừa sẽ [giáo hóa] được.

Phần [nói việc] dự tính dùng giáo pháp Đại thừa không được lại có 3 ý. Thứ nhất, [Phật] dự tính dùng giáo pháp Đại thừa là thích hợp; thứ hai, [xét thấy chúng sinh khi ấy] không có căn cơ; thứ ba, dừng việc giáo hóa.

Nay trong thí dụ này lại chia làm 2 ý. Thứ nhất là dùng pháp khuyên bảo khuyến khích, dự tính như vậy là thích hợp; thứ hai là dùng pháp răn dạy ngăn cản, dự tính như

vậy là thích hợp.[1] Cả hai ý khuyên bảo khuyến khích và răn dạy ngăn cản này, mỗi ý lại chia ra 3 ý nhỏ. Thứ nhất, nêu suy tính như thế là thích hợp; thứ hai, [xét thấy căn cơ chúng sanh] không [đủ sức] thọ nhận; thứ ba là [có ý] buông bỏ.

a. Dùng pháp khuyên bảo khuyến khích

[Phần nêu việc] dùng pháp khuyên bảo khuyến khích có ba ý. Ý thứ nhất từ câu *"Ông trưởng giả ấy lại nghĩ rằng: 'Thân ta mạnh, tay ta khỏe...'"* trở đi, ví với phần kinh văn ở trước nói Phật muốn dùng Đại thừa để giáo hóa nên trong 21 ngày [sau khi thành đạo] suy nghĩ về việc này. Ý thứ hai từ câu *"Nhưng rồi ông lại nghĩ..."* trở đi nêu việc các con ông chẳng chịu nghe lời, ví với phần kinh văn ở trước nói Phật nhận thấy chúng sinh không có cơ duyên, căn tánh trì độn không thể hóa độ được. Ý thứ ba từ câu *"e rằng chúng lại vùng vẫy rơi xuống, ắt phải bị lửa thiêu"* trở đi nói việc buông bỏ [ý định trước, quay sang] khéo léo dẫn dụ, ví với phần kinh văn ở trước nói Phật nghĩ rằng chúng sinh không có cơ duyên, ta nên dừng việc giáo hóa, sớm nhập Niết-bàn.

[Về ý thứ nhất,] từ câu *"Ông trưởng giả ấy lại nghĩ rằng ..."* trở đi, ví cho việc kinh văn ở trước nói Phật suy nghĩ trong 21 ngày, [nay giải thích về câu] *"thân ta mạnh, tay ta khỏe"*. Hợp nghĩa với kinh văn phần sau thì đây là nói việc [nếu Phật] chỉ dùng sức thần thông và sức trí tuệ. Trong ví dụ này, thân [ta mạnh] ví cho sức thần thông có thể mang vác, tay [ta khỏe] ví cho sức trí tuệ có thể nâng nhấc. Nương theo tam-muội, đạt tánh đức đoạn dứt lậu

[1] Nguyên tác dùng "勸誡 - khuyến giới" để chỉ hai phương thức căn bản mà đức Phật vận dụng trong sự giáo hóa chúng sinh. Khuyến (勸) là khuyên bảo, khuyến khích những việc nên làm, tức là tất cả những việc thiện, nói chung là khuyên bảo khuyến khích. Giới (誡) là răn nhắc, ngăn cản, dạy bảo cho biết những điều không nên làm, tức là tất cả những việc xấu ác, nói chung là răn dạy ngăn ngừa.

hoặc phiền não liền có được thần thông. Nương theo trí tuệ đạt tánh đức trí tuệ liền có [năng lực] thuyết pháp. Tánh đức trí tuệ (trí đức) và tánh đức đoạn dứt lậu hoặc phiền não (đoạn đức) có thể thành tựu pháp thân. Cả hai tánh đức này là từ nơi 2 pháp khuyên bảo khuyến khích và răn dạy ngăn ngừa [của Phật] mà vào. Khuyên bảo khuyến khích là [pháp] vị nhân tất đàn, răn dạy ngăn ngừa là [pháp] đối trị tất đàn. Hai pháp tất đàn này là phương tiện cho đệ nhất nghĩa tất đàn.

Đức Như Lai ban đầu muốn dùng pháp khuyến tấn, dự tính [như vậy là] thích hợp với chúng sinh, [khuyên bảo] khiến cho vâng làm hết thảy các việc lành, thành tựu các pháp Thập lực, Vô sở úy, Nhất thiết chủng trí... nhưng chúng sinh chẳng đủ sức kham nhận.

Tiếp đến [Phật] muốn dùng pháp răn dạy, dự tính [như vậy là] thích hợp [để ngăn ngừa chúng sanh] không làm các việc ác, [nhờ đó] chứng được Đại Niết-bàn, nhưng chúng sinh cũng chẳng đủ sức kham nhận. [Chúng sinh] không có cơ duyên nên thôi dừng việc giáo hóa. Cho nên biết rằng [đức Phật nghĩ đến việc] vận dụng Đại thừa thì hai pháp tất đàn là khuyên bảo khuyến khích và răn dạy chính là thần thông với trí đức và đoạn đức. Cho nên [phần kệ tụng trong] kinh văn ở trước nói: *"Định, tuệ, lực trang nghiêm, để cứu độ chúng sanh"* chính là ý nghĩa này.

Câu kinh trước khen ngợi ông trưởng giả, nói *"tuổi cao sức yếu"*, đó là ví cho trí đức và đoạn đức. Trí đức và đoạn đức đó chính là *"thân mạnh, tay khỏe"*. [Kinh nói ông trưởng giả định dùng] vạt áo với ghế, bàn lớn [để cứu các con]. Pháp Sư Tam Tạng [Cưu-ma-la-thập] nói rằng, ở Ấn Độ dùng vạt áo để đựng các loại hoa đẹp. Khi muốn mang hoa đến dâng tặng lên người cao quý thì dùng vạt áo để chứa hoa. Theo các nhà cựu giải thì "vạt áo" là ví cho nhân [tu tập] Đại thừa, "ghế, bàn" là ví cho quả [thành tựu] Đại

thừa. Ban đầu [ngay sau khi thành đạo đức Phật] dự tính [vận dụng] nhân quả Đại thừa, mà việc ấy không có cơ duyên.

Cũng theo các nhà cựu giải lại cho rằng, những vật [trong thí dụ] này ví cho giới, định, tuệ của Đại thừa. Trong bảy ngày đầu tiên [sau khi thành đạo, Phật] suy nghĩ về pháp mà ngài đã chứng đắc. Điều này cũng giống như dùng "vạt áo". Bảy ngày thứ hai, [Phật] suy nghĩ về căn tánh và cơ duyên của chúng sinh, giống như dùng "ghế". Bảy ngày thứ ba, [Phật] suy nghĩ biết ơn cây bồ-đề cùng mặt đất [nơi đó đã giúp mình thành đạo], giống như dùng "bàn". [Các vị giải thích rằng] ý nghĩa này được trích từ kinh A-hàm.

Nay lấy ý nghĩa thí dụ này kết hợp với kinh văn [ở phần sau] nói: *"Nếu ta chỉ dùng sức thần thông và sức trí tuệ, không dùng phương tiện, vì chúng sinh mà ngợi khen xưng tán tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể nào nhờ đó mà được cứu độ."* [Như vậy thì] sức thần thông [hay thần lực của Phật] chính là "thân mạnh", sức trí tuệ tức là "tay khỏe", như trước đã nói. Tri kiến [Phật] ví như "vạt áo", vô sở úy ví như "ghế", thập lực ví như "bàn". Như Lai dùng thần thông phát khởi ba pháp [tri kiến, vô sở úy, thập lực], lại dùng trí tuệ để rộng nói về ba pháp này, [xét thấy chúng sanh] không có cơ duyên [tiếp nhận] liền định dừng việc giáo hóa.

[Các thí dụ] vạt áo ghế, bàn v.v. [tùy theo cách giải thích] sơ lược, vừa phải hay giảng rộng mà [ý nghĩa] khác nhau.

Như lược nói [về danh xưng] Như Lai tri kiến, *tri* tức là Nhất thiết chủng trí, *kiến* tức là Phật nhãn. Danh xưng như vậy ngắn gọn mà ý nghĩa hết sức sâu xa, ví như vạt áo chỉ một vạt mà chứa được nhiều hoa.

Như nói theo cách vừa phải, không lược không rộng, thì danh xưng tứ vô sở úy vận dụng hợp với tứ chân đế, ví như cái ghế, xét về pháp thì không rộng lắm, đối với sự vật thì chỉ an ổn lợi ích không nhiều.

Hoặc nếu nói rộng như danh xưng thập lực, bao quát rộng khắp, thì cũng như cái bàn có nhiều chân, không thể bị nghiêng đổ, xét về pháp là rộng lớn hơn, đối với sự vật thì an ổn lợi ích rất lớn.

Trong 21 ngày [sau khi thành đạo, đức Phật] suy nghĩ muốn truyền dạy Phật pháp [Đại thừa] theo những cách giảng rộng hoặc sơ lược như vậy, nhưng chúng sinh không thể kham nhận, cho nên nói [thí dụ như] vạt áo, như ghế, như bàn, [là những thứ ông trưởng giả ban đầu định vận dụng cùng *"thân mạnh, tay khỏe"* để cứu các con].

Về ý thứ hai, từ câu *"nhưng rồi ông lại nghĩ..."* trở đi, nói việc các con chẳng chịu nghe lời [ông bảo ra khỏi nhà đang cháy]. Đây là ví với ý nghĩa kinh văn ở trước nói chúng sinh không có cơ duyên. [Kinh văn nói:] *"Nhà này chỉ có một cửa, lại nhỏ hẹp..."* Ý nghĩa của *"một cửa"* thì như trước đã nói, nay lại làm rõ chỗ [khác nhau giữa] nghĩa khái quát và nghĩa cụ thể.

Theo ý nghĩa cụ thể thì *"chỉ có một cửa"* là nói chỉ một chân lý, một pháp môn thanh tịnh, gọi là chánh giáo, thông suốt chỗ được thông. [Cửa] nhỏ là nói [chánh giáo] không dung hợp [với các pháp như] đoạn, thường, 7 phương tiện v.v. Giáo lý vốn rộng lớn bao quát, ắt không có sự nhỏ hẹp, chỉ là vì chúng sinh không thể vận dụng giáo lý [Đại thừa] này để tự thông suốt. Vì muốn đề cập đến [những chúng sanh] không có cơ duyên như vậy nên mới nói là *"nhỏ hẹp"*.

Theo ý nghĩa khái quát thì lý vốn thuần nhất không xen tạp cho nên nói là *"chỉ có một"*; ngay nơi lý này có thể thông suốt cho nên gọi là *"cửa"*. [Lý này] tinh tế nhiệm

mầu rất khó rõ biết cho nên nói là *"nhỏ hẹp"*. [Về nghĩa] giáo pháp thì xét kỹ trong khắp mười phương, rốt cùng không có thừa nào khác, duy chỉ có một Phật thừa cho nên nói là *"chỉ có một"*. Giáo pháp này có thể [giúp người] thông suốt cho nên gọi là *"cửa"*. Giáo pháp này tinh tế nhiệm mầu, kẻ phàm phu không thể rõ biết chỗ thoát ra, đó là chẳng biết pháp quyền; không biết chỗ thể nhập, đó là chẳng biết pháp thật.[1] Hàng Nhị thừa nhân việc nghe [giáo pháp Tiểu thừa] mà biết được chút ít để thoát khổ, nhưng vĩnh viễn không biết thể nhập [rốt ráo]. Hàng Bồ Tát tuy tự biết thoát ra nhưng cũng không biết thể nhập. [Hành giả thuộc] 7 hạng phương tiện có sai lầm thì tất cả đều chẳng biết chỗ thoát ra hay thể nhập vào.

[Kệ tụng trong kinh] văn phần trước nói rằng: *"Nếu chỉ khen Phật thừa, chúng sinh chìm đắm khổ."* [Đó là vì chúng sanh] không thể vận dụng giáo pháp để tự mình thông suốt. Vì muốn đề cập đến [việc chúng sanh] không có cơ duyên cho nên nói là *"nhỏ hẹp"*.

Về thực hành là tự thực hành nhân [tu tập] viên mãn trọn đủ, như đi trên con đường thẳng tắp rộng lớn thì không có khó khăn chướng ngại, cho nên nói là *"một"*. Khéo đi trên con đường của đạo Bồ Tát thì thẳng đến đạo tràng, cho nên nói là *"cửa"*. Công hạnh nhiệm mầu rất khó thực hành, [thi hành] phương tiện không có cơ duyên cho nên nói là *"nhỏ hẹp"*.

[Kinh văn nói *"các con ta thơ dại chưa đủ nhận thức"*.] Các nhà cựu giải cho rằng, hai cõi trời, người làm việc

[1] Nguyên tác dùng "出- xuất" và "入 - nhập". Xuất là thoát ra khỏi thế tục khổ não; nhập là thể nhập tự tánh, Phật tánh, đạt đến Niết-bàn tịch diệt. Pháp quyền thừa chỉ giúp người thoát khỏi khổ đau nhưng chưa đạt đến giải thoát rốt ráo, cho nên nói phàm phu không biết chỗ thoát ra là không biết pháp quyền. Pháp chân thật hay Phật thừa là thể nhập Phật tánh, đạt đến Niết-bàn tịch diệt, cho nên nói không biết chỗ thể nhập là không biết pháp thật. Phần giải thích tiếp theo cũng vận dụng ý nghĩa "xuất, nhập" như vậy.

thiện theo Tiểu thừa nên nói là *"còn thơ dại"*, không có việc thiện theo Đại thừa nên nói là *"chưa đủ nhận thức"*. Nay giải thích rõ, [kinh văn nói] 20.000 vị Phật đều chỉ dạy [Phật] đạo Vô thượng, [chúng sanh] căn lành còn nhỏ yếu nên gọi là *"còn thơ dại"*, nếu nghe giáo pháp Đại thừa có thể sinh lòng hủy báng nên gọi là *"chưa đủ nhận thức"*.

[Kinh văn nói *"đắm vui trong chỗ chơi đùa"*.] Câu trước nói chỗ làm thiện [của chúng sanh] yếu ớt, câu này nói chỗ làm việc xấu ác lại mạnh mẽ. Tức là nói khi tạo nhân thì bám chấp sâu nơi kiến chấp, ái luyến, lúc nhận quả thì bám chấp sâu nơi y báo, chánh báo. [Chúng sinh] ở Dục giới thì bám chấp nơi sáu trần cảnh, ở Sắc giới thì bám chấp nơi vị của thiền, ở Vô sắc giới thì bám chấp nơi định.

Về ý thứ ba, phần kệ tụng trong kệ tụng ở trước nói rằng: *"Chúng sinh căn cơ thấp; tham đắm, nhiều si mê..."* là nói không thể kham nhận nghe pháp Đại thừa. [Kinh văn ở đây nói:] *"E rằng chúng vùng vẫy rơi xuống, ắt phải bị lửa thiêu."* Riêng hai câu này nói việc từ bỏ [ý định dùng sức mạnh,] chuyển sang dùng phương tiện khéo léo dẫn dụ. Nói *"rơi xuống"* có hai ý. Thứ nhất là vì còn thơ dại, nhớ nghĩ về chỗ vui chơi lúc trước cho nên có thể bị *"rơi xuống"* [lúc đưa đi]. Thứ hai là vì chưa đủ nhận thức, nắm giữ không chắc chắn cho nên *"rơi xuống"*. [Thứ nhất] là ví như [chúng sanh] bám chấp 5 món dục lạc nên rơi vào 3 đường ác. Thứ hai là ví như [chúng sanh] tâm thiện yếu ớt, không có nhận thức, hủy báng Đại thừa nên bị rơi vào 3 đường ác.

b. Dùng pháp răn dạy

KINH VĂN

> **Nay ta nên vì chúng nói ra những việc đáng kinh sợ, rằng căn nhà này đã bốc cháy, phải nhanh chóng thoát ra, đừng để cho bị lửa**

thiêu đốt.' Nghĩ như vậy rồi liền y theo đó bảo với các con: 'Hãy mau mau ra khỏi nhà này.'

Tuy người cha ấy thương xót các con, dùng lời khéo léo dẫn dụ, nhưng các con ông đang vui chơi đùa giỡn, không chịu nghe theo, không chút kinh sợ, không hề có ý muốn thoát ra khỏi nhà, lại cũng không biết lửa là gì, nhà cửa là gì, sao gọi là cháy mất... chỉ cùng nhau vui đùa chạy tới chạy lui chỗ này chỗ kia rồi giương mắt nhìn cha mà thôi.

Từ câu *"vì chúng nói ra những việc đáng kinh sợ"* trở đi là phần thứ hai, [dùng pháp răn dạy] để đối trị, cũng gồm có 3 ý. Một là nói [ông trưởng giả ban đầu] dự tính pháp đối trị là thích hợp, [hai là răn dạy] nói chỗ đáng kinh sợ, [ba là thúc đẩy các con] mau ra khỏi nhà [đang cháy].

Về tướng đối trị thì như trong Đại phẩm [Bát-nhã] có nói: "Tứ niệm [xứ][1] là Đại thừa, do nghĩa bất khả đắc nên khác với [tứ niệm xứ của] Tiểu thừa." Vì [chúng sanh] bám chấp nơi chỗ vui chơi nên [Phật] thuyết dạy những việc đáng sợ để khiến cho khỏi bị ngọn lửa năm uế trược đốt cháy căn nhà năm ấm, nên buông bỏ xa lìa. Nếu ở lâu trong chỗ bám chấp ắt sẽ dứt mất căn lành, cho nên nói rằng *"đừng để cho bị lửa thiêu đốt"*.

Từ câu *"Tuy người cha ấy thương xót các con..."* trở đi là nói các con không nghe lời răn dạy, ngăn chặn. *"Không chút kinh sợ"* là nói không khởi sinh văn tuệ, tư tuệ, như trước đã nói; không nhận biết được rằng 8 nỗi khổ của 5 sự uế trược có thể thiêu đốt hết căn lành. *"Không biết lửa là gì"* là nói không biết các pháp ấm, giới, nhập là nơi tích chứa mọi khổ não. *"Không biết nhà cửa là gì"* là nói không biết nguyên do đánh mất pháp thân.

[1] Nguyên tác dùng "四念 - tứ niệm", tức là tứ niệm xứ (四念處), gồm các pháp thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ. Cũng gọi là tứ ý chỉ (四意止) hay tứ chỉ niệm (四止念).

Không biết "*sao gọi là cháy mất... chỉ cùng nhau vui đùa chạy tới chạy lui chỗ này chỗ kia rồi giương mắt nhìn cha mà thôi.*" Hai câu này là nói [những người con] bỏ mặc không lưu tâm đến những lời khó nhọc răn nhắc [của cha]. [Chúng sinh] đều quay lưng về chỗ sáng, hướng đến chỗ tối tăm, giống như [những đứa trẻ] loay hoay *"chỗ này chỗ kia"*, cuộc sinh tử xoay vòng nhanh chóng như *"chạy tới chạy lui"*. Ở trong [sinh tử] khởi sinh kiến chấp, ái luyến, giống như [lũ trẻ] đùa giỡn. [Phật] tuy dùng Đại thừa nhưng suy tính thấy [chúng sanh] không nghe theo giáo pháp Đại thừa, cho nên nói *"giương mắt nhìn cha mà thôi"*.

KINH VĂN

> **"Bấy giờ, ông trưởng giả liền suy nghĩ rằng: 'Căn nhà này đang bị lửa dữ thiêu đốt, nếu ta và các con không kịp thời thoát ra bên ngoài ắt sẽ bị thiêu cháy. Nay ta phải dùng phương tiện để làm sao cho các con ta thoát khỏi tai nạn này.'**
>
> **"Người cha biết ý các con trước đây đều ưa thích những món đồ chơi quý lạ, ắt sẽ rất muốn có, liền bảo chúng rằng: 'Có những món đồ chơi các con rất thích, hiếm có khó được, nay nếu các con không mau nhận lấy thì sau này sẽ phải hối tiếc. Đó là đủ các loại xe dê, xe nai, xe trâu, hiện nay đều đang ở bên ngoài cửa, có thể dùng để vui chơi. Các con từ trong căn nhà đang cháy này nên nhanh chóng chạy ra bên ngoài, cứ tùy theo ý thích mà lấy, cha sẽ cho các con tất cả.'**
>
> **"Bấy giờ, những đứa con nghe cha nói đến các món đồ chơi quý báu hợp với ý thích, tất cả đều hết sức nhanh chóng, thúc đẩy chen lấn, tranh nhau cùng chạy nhanh ra khỏi căn nhà đang cháy."**

Từ câu *"Ông trưởng giả liền suy nghĩ rằng: 'Căn nhà này đang bị lửa dữ thiêu đốt'"* trở đi là phần thứ hai, dùng thí dụ *"xe đẹp"*. Đây là thí dụ dẫn khởi từ phần [kệ tụng trong kinh văn] ở trước nói *"Liền nhớ Phật quá khứ, từng*

dùng sức phương tiện…” gồm 11 khổ kệ.[1] Kinh văn ở trước, phần này có 4 ý, phần thí dụ này cũng có 4 ý.

Thứ nhất là [ông trưởng giả] dự tính dùng 3 loại xe [để dẫn dụ] là thích hợp, tương ứng với ý nghĩa kinh văn ở trước nói *“liền nhớ Phật quá khứ”* cũng dùng ba thừa để giáo hóa.

Thứ hai là người cha biết rõ lòng ham muốn của các con trước đây đối với những món ưa thích, tương ứng với nghĩa kinh văn phần trước nói *“khi ta nghĩ như vậy, mười phương Phật hiện ra”*.

Thứ ba là [ông trưởng giả] dùng lời khen ngợi 3 loại xe đẹp, tương ứng với nghĩa kinh văn phần trước nói Phật chính thức dùng ba thừa giáo hóa, *“suy nghĩ như vậy rồi, liền đến Ba-la-nại”*.

Thứ tư là nói [phương tiện dẫn dụ] thích hợp với mong muốn của các con, tương ứng với nghĩa kinh văn ở trước nói [các tỳ-kheo] lãnh thọ [giáo pháp], thực hành, tỏ ngộ và thể nhập, *“gọi là chuyển pháp luân”*.

Giảng giải ý thứ nhất

Công phu giáo hóa Đại thừa ví như mạng sống của cha, việc tốt đẹp lợi ích lớn lao của chúng sinh ví như mạng sống của con. Nếu dứt mất sự tốt đẹp lớn lao tức là mạng sống của con cũng dứt. Mạng sống của con dứt mất ắt là công phu giáo hóa cũng bỏ đi, tức là mạng sống của cha cũng dứt mất. Phần kinh văn trước đã nói *“đau đớn kinh người”*, nhưng như vậy vẫn là chưa đến nỗi chết. Nay nói *“ắt sẽ bị thiêu cháy”* tức hàm nghĩa phải chết. Kinh văn phần trước nói *“có thể xuyên qua cửa đang cháy mà thoát ra ngoài an ổn”*, ở đây lại nói *“nếu không kịp thời thoát*

[1] Tức là phần kệ tụng từ câu “Liền nhớ Phật quá khứ…” đến hết câu “Ta thường thuyết như vậy”, gồm 11 khổ kệ.

ra ắt bị thiêu cháy", ý nghĩa này là thế nào? Phần trước nói *"thoát ra"*, đó là nói pháp thân thoát ra. Phần này nói *"nếu không kịp thời thoát ra"*, tức là nói ứng [hóa] thân cũng phải đồng thời nhanh chóng thoát ra. Chúng sinh có căn lành sẽ cùng với ứng hóa thân kịp thời thoát ra; chúng sinh đã dứt mất căn lành thì không thể cùng với ứng hóa thân kịp thời thoát ra, tức là phải cùng bị thiêu cháy. Nay suy tính việc giáo hóa dẫn dụ là vì muốn cho ứng hóa thân cũng được kịp thời thoát ra.

Giảng giải ý thứ hai

Từ câu *"Nay ta phải dùng phương tiện..."* là nói [Phật có ý định] thiết lập quyền thừa. Từ câu *"biết ý các con trước đây"* trở đi là ý thứ hai, nêu việc [trong chúng sinh vẫn] có cơ duyên có thể hóa độ. [Biết rằng có] những người trước đây đã từng tu tập Tiểu thừa, đó là *"biết ý các con trước đây"*. [Biết rằng] lòng tham muốn [của mỗi chúng sanh] không giống nhau, đó là *"đều ưa thích những món đồ chơi quý lạ"*. Lại biết rằng [có những] chúng sinh đã từng tu tập Đại thừa. Do tu tập Đại thừa chưa đủ thuần thục, đó là tâm Đại thừa yếu ớt. Lại vì chán sợ [các nỗi khổ] già, bệnh, chết... nên chọn theo Tiểu thừa, đó là tâm Tiểu thừa mạnh mẽ. Như ngài Xá-lợi-phất đạt đến trụ địa thứ sáu [trong Thập trụ] còn thối tâm.[1] [Biết chúng sanh] vốn đã từng tu tập Đại thừa, đó gọi là *"biết ý các con trước đây"*; [biết có những chúng sanh] giữa chừng chán sợ [các nỗi khổ] già, chết..., đó gọi là *"đều ưa thích những món đồ chơi quý lạ"*.

Giảng giải ý thứ ba

Từ câu *"liền bảo chúng rằng"* trở đi là ý thứ ba, [ông

[1] Nguyên tác dùng "六心中退 - lục tâm trung thối". Văn Cú Ký giải thích rằng đây là dựa theo ý kinh Bồ Tát Anh Lạc (菩薩瓔珞經), trong đó nói ngài Xá-lợi-phất khi tu tập còn trong hàng Thập trụ, lên đến trụ địa thứ sáu thì thối tâm, vì kiến chấp ở địa vị này vẫn chưa dứt hết.

trưởng giả] khen ngợi ba loại xe là *"hiếm có khó được"*, tương ứng với nghĩa chính thức chuyển pháp luân trong kinh văn phần trước. [Chuyển pháp luân] lại có ba phần, đó là khuyến [chuyển], thị [chuyển] và chứng [chuyển]. Từ câu *"Có những món đồ chơi các con rất thích, hiếm có khó được"* là khuyến chuyển, [thuyết dạy bằng sự khuyên bảo]. Từ câu *"đủ các loại xe..."* trở đi là thị chuyển, [thuyết dạy bằng sự chỉ bày]. Từ câu *"Các con từ trong căn nhà đang cháy này nên nhanh chóng chạy ra bên ngoài, cứ tùy theo ý thích mà lấy, cha sẽ cho các con tất cả"* là chứng chuyển, [thuyết dạy bằng sự chứng thực].

Giảng giải ý thứ tư

Từ câu *"Bấy giờ, những đứa con nghe cha nói..."* trở đi là ý thứ tư, nói việc [dẫn dụ là] thích hợp với ý muốn của những đứa con, tương ứng với ý nghĩa kinh văn ở trước nói việc [thính chúng] thọ lãnh [giáo pháp], thực hành, tỏ ngộ và thể nhập. Kệ tụng trong kinh văn phần trước chỉ nói sơ lược, phần thí dụ ở đây nói rộng, mở rộng ra từ tu nhân cho đến thành tựu quả. Nay phân thành 6 câu để giải thích.

Thứ nhất là nghĩa *"hợp với ý thích"*. Giáo pháp phù hợp tương xứng với căn cơ, *"nghe cha nói..."* tức là văn tuệ, [sinh lòng] *"hết sức nhanh chóng"* tức là tư tuệ, vì tâm suy nghĩ khởi lên suy lường, đó là phương tiện của tư tuệ.

Thứ hai, *"thúc đẩy chen lấn lẫn nhau"*, đó là ví như "thúc đẩy" phát triển bốn chân lý, "chen lấn" xô đạp khuất phục các kiến chấp, mê hoặc. [Giai đoạn này] tà chánh chưa phân rõ nên nói là "lẫn nhau". Đây là thể nhập tu tuệ, thuộc noãn pháp vị, đảnh pháp vị.[1]

Thứ ba, *"tranh đua"* có nghĩa là cố tranh giành để được lý thù thắng. Đây là nhẫn pháp vị, tranh lấy lý thù thắng.

[1] Đây là 2 trong bốn giai vị : noãn vị, đảnh vị, nhẫn vị và thế đệ nhất vị, cũng gọi là noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp và thế đệ nhất pháp.

Ban đầu quán 32 đế[1] là tranh đua hướng đến đạo chân thật, sau đó quán trực tiếp hướng đến khổ pháp nhẫn.

Thứ tư, nói *"cùng"* là ví với thế đệ nhất pháp vị. Cùng quán mỗi một chân đế so với bốn pháp quán khổ pháp nhẫn không có khác biệt.

Thứ năm, nói *"chạy nhanh"* là ví với 15 tâm vào địa vị Kiến đạo,[2] nhanh chóng thấy được thật lý, tương ứng với ý nghĩa kệ tụng trong phần trước nói "Từ đó có Niết-bàn", là nói trong địa vị Kiến đạo đã được một phần Niết-bàn.

Thứ sáu, nói *"ra khỏi"* nghĩa là suy ngẫm về đạo, tranh nhau thoát ra ngoài ba cõi, chứng thành quả vị Vô học. Dứt trừ hết mọi tư duy thì mới ra khỏi được căn nhà đang cháy, tương ứng với phần kệ tụng trong kinh văn ở trước đã nói: *"Lại có A-la-hán, có Pháp bảo, Tăng bảo."*

Giải thích theo quán tâm thì chánh quán của trung đạo là quán thẳng vào thật tướng, tâm và pháp tương xứng nên gọi là *"hợp với ý thích"*. Cảnh là vô biên cho nên quán cũng vô biên, gọi là *"hết sức"*. Cảnh đi vào tâm nên tâm nhanh nhạy, gọi là *"nhanh chóng"*. Tâm cảnh đi vào nhau, gọi là *"thúc đẩy chen lấn lẫn nhau"*.[3] [Các pháp] tâm vương, tâm sở nhanh chóng duyên theo cảnh, gọi là *"tranh đua cùng chạy nhanh"*, rõ biết thông suốt hết thảy các ấm, nhập, giới... đều không có tướng thật, đó gọi là thoát ra khỏi nhà đang cháy. Đại lược là như vậy.

---

[1] Nguyên tác dùng "三十二諦 - tam thập nhị đế", Văn Cú Ký giải thích đây là các hành tướng khi quán tứ đế, mỗi đế đều có 4 hành tướng, cả thảy là 16 hành tướng, lại có đủ trong hai bậc thượng hạ, nên tổng cộng thành 32 hành tướng, tức 32 đế.

[2] Hành giả tu tập quán xét bốn chân đế khởi sinh 16 tâm sáng suốt gọi là Thánh đế hiện quán. Trong đó 15 tâm trước thuộc về Kiến đạo, tâm cuối cùng thuộc về Tu đạo, tức là Đạo loại trí.

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng "心境相研 – tâm cảnh tương nghiên", Văn Cú Ký giải thích rằng: "以境研心, 以心觀境, 故名互相 - dĩ cảnh nghiên tâm, dĩ tâm quán cảnh, cố danh hỗ tương".

3. Thí dụ "cho các con cùng một loại xe"

KINH VĂN

"Khi ấy, ông trưởng giả thấy các con đã bình an ra khỏi, đều đến ngồi nơi khoảng đất trống giữa ngã tư đường, không còn gì chướng ngại nên hết sức yên lòng, vui mừng phấn chấn. Lúc ấy, những người con đều thưa với cha rằng: 'Trước đây cha đã hứa cho đầy đủ các món đồ chơi đẹp, như xe dê, xe nai, xe trâu, giờ xin cha hãy cho.'

"Xá-lợi-phất! Khi ấy ông trưởng giả liền cho tất cả các con mỗi người một cỗ xe lớn như nhau. Xe ấy cao rộng, trang hoàng bằng các vật báu, có lan can bao quanh, bốn phía treo chuông nhỏ, bên trên lại có lọng che, cũng dùng các loại châu báu quý lạ để trang trí, có dây báu quấn quanh lọng với những vòng hoa rủ xuống, [trên xe] trải nhiều lớp thảm, có gối đỏ [tựa đầu]. Xe được kéo bằng trâu trắng lớn có màu da thuần khiết, hình thể mập mạp xinh đẹp, gân cốt bắp thịt nở nang mạnh mẽ, bước đi ngay ngắn, lướt nhanh như gió, lại có nhiều người đi theo hầu hạ, bảo vệ.

"Vì sao vậy? Ông trưởng giả này giàu có vô cùng, có đủ mọi kho tàng mà tất cả đều chất chứa đầy tràn, nên ông nghĩ rằng: 'Ta có tiền bạc của cải nhiều không kể xiết, không nên cho con ta những cỗ xe xấu nhỏ. Nay những đứa trẻ này đều là con ta, được ta thương yêu như nhau không hề thiên lệch. Ta có vô số những cỗ xe lớn bằng bảy báu như thế này, nên dùng tâm bình đẳng mà chia đều cho tất cả các con, không nên khác biệt nhau. Vì sao vậy? Nếu ta đem những cỗ xe như thế này mà tặng cho dân khắp trong một nước còn không thiếu, huống hồ chỉ cho các con ta?' Khi ấy những người con của ông trưởng giả, mỗi người đều đi trên một cỗ xe lớn, được việc chưa từng có, hơn cả sự mong đợi.

Từ câu *"Khi ấy ông trưởng giả thấy các con..."* trở đi là thí dụ thứ ba trong phần nêu thí dụ cụ thể, nêu việc ông trưởng giả ban cho tất cả các con mỗi người một cỗ xe lớn như nhau.

Đây là ví với ý nghĩa kinh văn trong phần trước nói [đức Phật] hiển bày tướng chân thật. Phần này lại chia ra làm 4 ý.

Ý thứ nhất là người cha thấy các con thoát nạn nên vui mừng, được dẫn khởi từ phần kệ trong kinh văn ở trước: *"Ta liền suy nghĩ rằng: Bậc Như Lai xuất thế..."* cho đến câu *"Phật hoan hỷ không ngại"*, gồm 2 khổ kệ và 1 câu.

Ý thứ hai là các con xin [cha] ban cho xe [như đã hứa], ví với ý nghĩa cơ duyên Đại thừa đã đến, được dẫn khởi từ 2 khổ kệ, từ câu *"Xá-lợi-phất nên biết, Ta thấy những Phật tử..."* đến những câu *"cùng đi đến chỗ Phật... ... được nghe pháp phương tiện".*

Ý thứ ba là ban cho tất cả các con cùng một loại xe lớn, ví với ý nghĩa phần kệ tụng trong kinh văn ở trước nói [đức Phật] ở giữa chư Bồ Tát chính thức buông bỏ phương tiện [quyền thừa], chỉ thuyết dạy đạo [Nhất thừa] Vô thượng, được dẫn khởi từ 3 câu kệ: *"Nay giữa chúng Bồ Tát..."* đến *"Chỉ thuyết đạo Vô thượng."*

Ý thứ tư là các con được ban cho xe lớn đều vui mừng, ví với ý nghĩa phần kệ tụng trong kinh văn ở trước nói khi các Bồ Tát nghe [Phật thuyết] pháp này thì hết thảy lưới nghi đều được dứt trừ, được dẫn khởi từ 1 khổ kệ, từ câu *"Bồ Tát nghe pháp này..."* đến câu *"cũng đều sẽ thành Phật."*

Giảng giải ý thứ nhất: Các con thoát nạn, trưởng giả vui mừng

Trong phần thuyết pháp ở trước, đầu tiên nêu việc cơ duyên đã đến, sau mới nói việc [đại chúng] dứt trừ mọi che chướng, Phật hoan hỷ không còn lo ngại. Nay trong phần thí dụ này thì trước tiên nêu việc [các con] thoát nạn, sau mới nói việc [các con] xin được ban cho xe. Nếu luận giải thật đầy đủ thì có 4 trường hợp.

[Trường hợp thứ nhất là] trước tiên trừ hết che chướng, sau đó cơ duyên [thuyết giảng Đại thừa] mới đến. [Trường hợp này là nói như] bốn vị đại Thanh văn,[1] [khi Phật thuyết pháp] trong thời Tam tạng vốn đã dứt trừ hết che chướng, nhưng phải đến cuối thời Bát-nhã,[2] đầu hội Pháp hoa thì cơ duyên Đại thừa mới phát lộ.

Trường hợp thứ hai là che chướng vẫn chưa dứt trừ nhưng cơ duyên Đại thừa đã khởi phát. Đó là như trong các pháp hội Hoa nghiêm và Pháp hoa, hàng phàm phu trong đại chúng cũng thể nhập trí tuệ Phật.

Hai trường hợp còn lại là như vừa nói bên trên. Nếu cơ duyên Đại thừa đến trước, sau đó che chướng mới dứt trừ, thì là như trong phẩm Phương tiện đã nói. Nếu trước tiên dứt trừ che chướng, rồi sau cơ duyên Đại thừa mới đến, thì đó là như trong phẩm Thí dụ này nói. Cơ duyên Đại thừa và sự dứt trừ che chướng [được nêu ra trước sau] hỗ tương cho nhau để hiển bày, biểu đạt cùng một ý.

Lại nữa [phần kệ] trong phẩm Phương tiện nêu rõ *"Phật hoan hỷ không ngại"*, còn trong phẩm Thí dụ này nói *"các con vui mừng"*. Vì các con vui nên người cha cũng vui. Đây cũng là hỗ tương cho nhau để hiển bày, biểu đạt cùng một ý.

Riêng trong việc *"thoát nạn vui mừng"* có hai ý nghĩa. Đó là nói thoát khỏi tai nạn nên vui mừng, nếu các con chưa thoát nạn thì người cha tất nhiên lo lắng, nếu [các con] ra khỏi chỗ lửa cháy thì [người cha] trong lòng an ổn, thư thái. Cho nên việc *"thoát nạn vui mừng"* này được xem

[1] Tứ đại Thanh văn (四大聲聞), chỉ bốn vị đại Thanh văn, trong nhiều kinh luận khác nhau nêu tên của "tứ đại Thanh văn" rất khác nhau. Tuy nhiên, ở đây chỉ bốn vị Thanh văn trong hội Pháp hoa này, từ đầu phẩm Tin hiểu sau phẩm Thí dụ này, trình bày chỗ nhận hiểu và được Phật thụ ký sẽ thành Phật. Đó là các vị Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Mục-kiền-liên và Ca-chiên-diên.

[2] Nguyên tác dùng Đại phẩm, chỉ Đại phẩm Bát-nhã.

là [nghĩa] thí dụ [thứ nhất]. Vì các con vui mừng nên người cha cũng vui, [là nghĩa] thí dụ cho sự hoan hỷ của Phật.

[Kinh văn nói] *"nơi khoảng đất trống giữa ngã tư đường"*, các nhà cựu giải cho rằng [đó là ví cho] 4 che chướng uế trược[1] đã dứt trừ, giống như 4 phía đường đi thông suốt. Cuối cùng trừ dứt được uế trược thứ năm giống như chỗ đất trống ở giữa có thể ngồi xuống. Nay [cho rằng] không phải như vậy. Năm sự uế trược là trực tiếp nêu các pháp cấu nhiễm, che chướng, chưa hề nói đến đạo pháp đối trị, không nên ví với ngã tư đường. Ngã tư đường [ở đây] chính là ví với bốn chân đế. Bốn chân đế theo cách nhìn khác gọi là ngã tư đường, vì bốn chân đế đều hội lại nơi Kiến đế, [nghĩa là] thấy được chân lý, cũng giống như [4 con đường] gặp nhau ở đầu đường. [Người tu tập] tuy dứt trừ được kiến hoặc nhưng nếu tư duy tạp niệm vẫn còn thì không thể ví như được đến ngồi nơi khoảng đất trống. Trụ nơi quả vị mà không tiến lên nên gọi là *"đến ngồi"*; không bị trói buộc, hạn cuộc nơi kiến hoặc và tư hoặc nên nói là an ổn thư thái. Vượt thoát sinh diệt, tâm tưởng an ổn nên nói là hoan hỷ.

Giảng giải ý thứ hai: Các con xin được ban cho xe

Từ câu *"Lúc ấy, những người con đều thưa với cha rằng..."* là thí dụ thứ hai, các con đều thưa xin cha ban cho xe [như đã hứa]. Kinh văn nói: *"Trước đây cha đã hứa cho đầy đủ các món đồ chơi đẹp, như xe dê, xe nai, xe trâu, giờ xin cha hãy cho."* Thật ra trong câu này không có chữ nào nói ý nghĩa đòi hỏi, chỉ dựa theo ý thỉnh nguyện, mong muốn nên nói là đòi hỏi. Có người nói hàng Nhị thừa có xin ban cho xe, còn Bồ Tát thì không. [Lại dựa theo ý này mà] nêu ra 10 điều vấn nạn.

---

[1] Chỉ bốn trong số 5 sự uế trược của thế giới Ta-bà là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược và mạng trược.

Thứ nhất, hàng Nhị thừa đã ra ngoài ba cõi, đến được nơi [như Phật] hứa cho xe nên mới xin ban cho xe, tức là cầu quả vị, hàng Bồ Tát chưa đến nơi ấy thì làm sao xin ban cho xe [quả vị]?

Thứ hai, trong kinh Đại thừa không có chỗ nào nói Bồ Tát mong cầu quả Tiểu thừa, cho nên biết [hàng Bồ Tát] không có đòi xe [quả vị].

Thứ ba, các Bồ Tát được giáo hóa thì từ chỗ sơ phát tâm cho đến bậc cuối cùng là [Nhất sinh] bổ xứ hết thảy đều là phàm phu, chẳng ra ngoài ba cõi, cứ theo ý nghĩa tất nhiên không đòi hỏi. Các Bồ Tát giáo hóa thì khi còn ở 33 tâm ban đầu, kiến hoặc vừa nghiêng đổ, tư hoặc còn chưa dứt, lên đến tâm thứ 34 thì tự mình là Phật, đã là Phật thì còn đòi hỏi xe [quả vị] nơi ai?

Thứ tư, quả vị của hàng Nhị thừa là vượt ngoài phiền não kết sử,[1] Phật quả của hàng Bồ Tát thì vượt ngoài tập khí. Hàng Nhị thừa dứt trừ hết phiền não nhưng chẳng thấy xe, [tức là quả Phật], cho nên đòi hỏi, còn hàng Bồ Tát chưa dứt trừ hết tập khí cùng với vô minh,[2] làm sao đòi xe [quả vị]?

Thứ năm, [kinh văn] nói rõ Nhị [thừa] là phương tiện, cho nên có thể nói đòi hỏi. Trong kinh nói: *"Chỉ có một sự thật, ngoài ra đều không thật."* Dựa theo đó mà suy ra thì biết chỉ có hàng Nhị thừa đòi hỏi, [Bồ Tát tu tập theo] Nhất thừa thì không đòi xe [quả vị].

Thứ sáu, từ thời Bát-nhã trở đi cho đến trước hội Pháp hoa, [Phật thuyết giảng] các nhân tố thành Phật với quả vị Phật đều chỉ là phương tiện. [Trong kinh Pháp hoa này nói

[1] Nguyên tác dùng chánh sử (正使), cũng gọi tắt là sử, chỉ phiền não, phân biệt với tập khí.

[2] Nguyên tác dùng vô tri (無知), nghĩa là "không biết", là cách nói khác để chỉ vô minh hay si mê.

việc] giao phó gia tài trân bảo cho đứa con lưu lạc nghèo cùng khốn khó,[1] lẽ ra cũng chỉ là phương tiện. Nếu việc giao phó tài sản là chân thật thì hẳn các kinh Bát-nhã... [trước đó] đều nêu rõ Phật thừa. Đã là chân thật thì rốt lại làm sao còn đòi xe [quả vị]?

Thứ bảy, bài kệ trong phẩm Phương tiện, ở phần mở đầu trước đó đã nói Tiểu thừa là phương tiện, không nói Đại thừa là phương tiện, cho nên biết rằng Phật tử [tu tập theo] Đại thừa chẳng phải phương tiện, làm sao có việc đòi xe [quả vị]?

Thứ tám, nếu người trong ba thừa đều đòi xe [quả vị], sao không [thấy nói Bồ Tát] trình sự nhận hiểu? Đã không trình sự nhận hiểu cho nên biết là không có việc đòi xe [quả vị].

Thứ chín, [xét lẽ] phù hợp với việc ban cho xe, kinh văn nói: *"Thấy chúng sinh thoát ra khỏi ba cõi khổ não, được Niết-bàn an vui, nên ban cho Đại thừa."* Hàng Bồ Tát không chứng Niết-bàn, làm sao đòi xe [quả vị]?

Thứ mười, những người con [trong thí dụ đã] ngồi yên rồi mới đòi cha [cho xe]. [Cũng vậy,] hàng Nhị thừa đã đạt quả vị [Tiểu thừa] viên mãn chẳng còn phải tu hành, cho nên [nói là] *"ngồi yên"*, có thể có việc đòi xe [quả vị]. Hàng Bồ Tát công hạnh tu tập không dừng nghỉ, [nên nói] không *"ngồi yên"*, theo nghĩa này làm sao đòi xe [quả vị]?

Nay theo ý riêng dùng cả hai nghĩa tổng quát và cụ thể để bác bỏ [những điều trên]. Đòi hỏi là cách nói khác của sự thỉnh nguyện. [Sự mong muốn] còn trong tâm ý thì gọi là ý nguyện, đã nói ra lời thì gọi là thỉnh cầu, biểu hiện nơi hành vi thì gọi là cầu xin. Như kẻ chưa hiểu biết thì mong

[1] Kinh văn dùng chữ "cùng tử - 窮子" để chỉ kẻ nghèo hèn khốn khó, đến bước đường cùng.

cầu được học hỏi, như người bụng đói thỉnh cầu được ăn, như người đi lạc phải hỏi để biết lối đi. Nói chung, khi còn chưa đạt đến chỗ mình mong muốn thì đâu có lý nào lại không đòi hỏi, thỉnh cầu? Do có sự đòi hỏi nên mới có sự hứa hẹn ban cho. Có được hứa cho nên mới vui mừng. Nay trong kinh văn có nói đủ về sự thỉnh cầu với sự vui mừng hoan hỷ.

Trong vòng thuyết chánh pháp,[1] [chúng Thanh văn] có 1.200 người, ngài Xá-lợi-phất là bậc đứng đầu đã 3 lần tha thiết thỉnh cầu, trong hàng Bồ Tát thì Bồ Tát Di-lặc là bậc đứng đầu. *"Chúng từ miệng Phật sinh... số đến tám mươi ngàn... cùng chắp tay cung kính, muốn nghe đạo trọn đủ."*

Trong vòng thuyết thí dụ, ban đầu ngài Xá-lợi-phất vì hàng trung căn mà thưa thỉnh, rồi lại vì cả bốn chúng mà thưa thỉnh, bên cạnh đó cũng vì những người hạ căn mà thưa thỉnh.

Kinh văn nói: *"Lành thay... Thế Tôn! Nguyện Phật vì bốn chúng thuyết dạy rõ nhân duyên."* Trong vòng thuyết chánh pháp, [đức Thế Tôn] khi chấp thuận hứa rằng: *"Ông đã hết lòng thưa thỉnh ba lần, lẽ nào ta lại không nói."* Trong phần thuyết thí dụ, [đức Thế Tôn] nói: *"Ta lại sẽ dùng thí dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa ấy."* Trong phần thuyết nhân duyên, [đức Thế Tôn] nói: *"Ta cùng với các ông, đời trước kết nhân duyên, nay ta sắp nói rõ..."* Khi dứt phần thuyết chánh pháp, ngài Xá-lợi-phất vui mừng. Khi dứt phần thuyết thí dụ, nhóm của ngài Ca-diếp vui mừng. Khi dứt phần [thuyết nhân duyên] đời trước, ngài Phú-lâu-na vui mừng. Lại nữa, [kệ] hợp thí trong kinh văn [phần sau] nói: *"Sẽ giúp cho các con, đêm ngày vô số kiếp, thường được vui rong chơi, với các vị Bồ Tát, cùng đại chúng Thanh văn, nương theo thừa*

[1] Tức là một trong ba vòng (tam chu) thuyết pháp như đã được giải thích ở trước: thuyết chánh pháp, thuyết thí dụ và thuyết nhân duyên.

báu này, liền thẳng đến Đạo trường."[1] Vì có sự vui mừng nên biết là đã được ban cho, vì được ban cho nên biết là đã có sự thỉnh cầu. Ba vòng thuyết giảng[2] có ba ý nghĩa, kinh văn hết sức rõ ràng, vì sao lại lệch lạc nói rằng Nhị thừa có thỉnh cầu [quả vị] còn [Bồ Tát] thì không?

[Trước tiên] đặc biệt bác bỏ điều nạn vấn thứ nhất. [Vì theo] Tạng giáo nên đều nói Bồ Tát không dứt trừ mê hoặc [che chướng], nếu y theo kinh Pháp hoa thì có 4 trường hợp. [Trong đó nói] che chướng dứt trừ rồi cơ duyên Đại thừa mới đến, hoặc che chướng chưa dứt trừ nhưng cơ duyên Đại thừa đã đến. Cơ [duyên Đại thừa] đến nên biết là [Bồ Tát cũng] có sự thỉnh cầu, [đòi xe quả vị].

Điều nạn vấn thứ hai nói rằng, *"trong các kinh Đại thừa không có chỗ nào nói Bồ Tát mong cầu quả Tiểu thừa"*. Đại phẩm [Bát-nhã] nói: "Người [tu tập] trong ba thừa đều dùng đạo vượt ngoài ngôn ngữ để đoạn trừ phiền não, thể nhập Niết-bàn. [Việc] đoạn phiền não và thể nhập Niết-bàn [của hàng Bồ Tát] cũng đồng [như Nhị thừa], vì sao lại không có chuyện đòi [xe quả vị]?

Điều nạn vấn thứ ba nói rằng, [người tu tập còn] ở 33 tâm [ban đầu] gọi là Bồ Tát, [vượt lên] tâm thứ 34 là dứt trừ hết tư hoặc, tức là thành Phật. [Đã là] Phật thì còn đòi [xe quả vị] nơi ai? Điều này là dựa theo ý nghĩa của Tạng giáo. [Thật ra,] khi kiến hoặc che chướng chưa dứt trừ mà cơ duyên Đại thừa còn [có thể] đến, huống chi [Bồ Tát trụ ở] 33 tâm thì sao cơ [duyên Đại thừa] lại chẳng đến? Cơ duyên Đại thừa đến thì biết là có sự thỉnh cầu [đòi xe quả vị].

---

[1] Ở đây chỉ phần kệ trong kinh văn ở trang 12a, d.12-14: "令諸子等, 日夜劫數, 常得遊戲, 與諸菩薩, 及聲聞眾, 乘此寶乘, 直至道場 。 - Linh chư tử đẳng, nhật dạ kiếp số, thường đắc du hý, dữ chư Bồ Tát, cập Thanh văn chúng, thừa thử bảo thừa, trực chí đạo tràng." Phần kệ này liên kết giữa thí dụ "trưởng giả cho xe" với sự tu tập theo Phật thừa (bảo thừa) nên Văn Cú gọi là kệ hợp thí.

[2] Tức là nói các vòng Phật thuyết chánh pháp, thuyết thí dụ và thuyết nhân duyên.

Điều nạn vấn thứ tư nói "Bồ Tát chưa dứt trừ hết tập khí, vô minh nên lẽ ra chẳng có sự thỉnh cầu [đòi xe quả vị]". [Nếu] dứt trừ hết thì đã thành Phật. Thành Phật rồi còn thỉnh cầu với ai? Đây là [dựa theo] giáo nghĩa của ba thừa thuộc Thông giáo. [Thật ra khi] còn đủ cả triền phược che chướng nên mà cơ duyên Đại thừa còn đến, huống chi là chỉ còn chút tàn dư của tập khí, vô minh?

Điều nạn vấn thứ năm nói, "chỉ có một sự thật", thật ấy chính là chân thật, làm sao còn có sự thỉnh cầu đòi hỏi? Đã thể hội được cái duy nhất không còn đối đãi, ngoài cái duy nhất ấy rốt lại chẳng có pháp [nào khác]. Trước đây [khi chưa thể hội thì] cái duy nhất là đối đãi với cái phân hai, [cho nên] ngoài cái duy nhất ấy rốt lại còn có pháp khác. Cái duy nhất [trước và sau] ấy, tuy tên gọi giống nhau nhưng tánh thể khác nhau. Như mê tối bám chấp, đối với những ngói sỏi, mắt cá mà cho đó là hình dạng mặt trăng hay [ngọc dạ] quang, ánh sáng tạo ra hình mặt trăng. Ngu si [như thế], lẽ nào người có trí không thương xót? Đại lược là như vậy.

Điều nạn vấn thứ sáu nói từ thời Bát-nhã trở đi cho đến trước hội Pháp hoa, [đức Phật] giao phó tài bảo Chánh pháp đồng đều [cho cả Thanh văn và Bồ Tát], nên lẽ ra [Bồ Tát] không có sự thỉnh cầu đòi hỏi. [Như vậy,] các vị chẳng nghe rằng pháp Bát-nhã [của hàng Bồ Tát] có chung cùng và chẳng chung cùng [với hàng Nhị thừa đó sao]? [Pháp] chẳng chung cùng nên không thỉnh cầu. Pháp chung cùng thì không thể không thỉnh cầu. Đại lược là như thế.

Điều nạn vấn thứ bảy nói rằng, phần đầu phẩm Phương tiện có nói Tiểu thừa là phương tiện, không mở đầu nói Đại thừa là phương tiện. Vì Đại thừa không phải là phương tiện nên không có việc thỉnh cầu, đòi [xe quả vị]. [Nói như vậy,] các vị chẳng nghe trong phẩm [Như Lai] thọ lượng

đã có nói sao? [Phật dạy:] "Ta thị hiện tuổi nhỏ xuất gia, rồi sau chứng đắc quả Vô thượng Bồ-đề. Nhưng thật ra ta vốn đã thành Phật từ lâu xa về trước, từ đó cho đến nay, suốt khoảng thời gian ở giữa, hoặc thuyết Tiểu thừa, hoặc thuyết Đại thừa, hoặc nói việc của mình, hoặc nói việc của người khác, tất cả đều là phương tiện của ta."[1] Chư Phật cũng đều như vậy, sao lại [nói Bồ Tát là khác biệt] không có việc thỉnh cầu, [đòi xe quả vị]?

Điều nạn vấn thứ tám nói rằng, nếu Bồ Tát có thỉnh cầu, đòi xe quả vị thì lẽ ra phải có trình bày sự nhận hiểu. Vì không thấy nói việc trình bày sự nhận hiểu nên biết là không có thỉnh cầu, đòi xe quả vị. [Nói như vậy,] các vị chẳng nghe [kinh văn nói rõ rồi] sao? Vào cuối phần thuyết chánh pháp, hàng trời, rồng... bốn chúng đều trình bày sự nhận hiểu. Những hạng ấy nếu không phải Bồ Tát thì phải gọi là gì? Lại nữa, trong phẩm Pháp Sư nói: "Ba thừa đều được thụ ký." Nếu chẳng trình bày chỗ nhận hiểu thì làm sao được thụ ký?

Điều nạn vấn thứ chín nói rằng, thoát ra khỏi khổ não trong ba cõi, được niềm vui an ổn lại nên mới có sự ban cho, có sự thỉnh cầu, đòi hỏi. Hàng Bồ Tát chưa thoát ra khỏi ba cõi, chưa chứng đắc [niềm vui an ổn], cho nên không có

[1] Đoạn này thật ra Văn Cú không trích dẫn nguyên văn trong kinh mà chỉ lược ý và nói quá ngắn gọn nên chúng tôi phải căn cứ theo kinh văn để diễn giải thêm. Nguyên văn đoạn kinh này là: "諸善男子！如來見諸眾生樂於小法、德薄垢重者，為是人說：我少出家，得阿耨多羅三藐三菩提。然我實成佛已來久遠若斯，但以方便，教化眾生，令入佛道，作如是說。諸善男子！如來所演經典，皆為度脫眾生，或說己身、或說他身，或示己身、或示他身，或示己事、或示他事，諸所言說，皆實不虛。- Chư thiện nam tử! Như Lai kiến chư chúng sinh nhạo ư tiểu pháp, đức bạc cấu trọng giả, vị thị nhân thuyết: Ngã thiếu xuất gia, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai cửu viễn nhược tư, đãn dĩ phương tiện giáo hóa chúng sinh, linh nhập Phật đạo, tác như thị thuyết. Chư thiện nam tử! Như Lai sở diễn kinh điển, giai vi độ thoát chúng sinh, hoặc thuyết kỷ thân, hoặc thuyết tha thân, hoặc thị kỷ thân, hoặc thị tha thân, hoặc thị kỷ sự, hoặc thị tha sự, chư sở ngôn thuyết, giai thật bất hư." (ĐCT, T9, 262, tr.42c, d.5 - 12.)

việc thỉnh cầu, đòi [xe quả vị]. Đây là hiểu theo nghĩa của Tạng giáo nên mới nói vậy.

Điều nạn vấn thứ mười nói rằng, [trong thí dụ nói] các con ngồi yên nên mới ban cho xe. Hàng Nhị thừa việc tu hành đã dứt nên gọi là "ngồi yên", hàng Bồ Tát việc tu hành chưa dứt nên không phải "ngồi yên", làm sao có việc đòi xe [quả vị]? Đây cũng chỉ là nói theo ý nghĩa ở phần trước mà thôi. [Trong sự thỉnh cầu đòi hỏi], có khi tu hành đã dứt mới thỉnh cầu, cũng có khi tu hành chưa dứt mà thỉnh cầu. Lại nữa, Bồ Tát tu hành công hạnh tức [là nương theo thừa], đã là cưỡi lên xe. Xe ấy do thỉnh cầu, đòi hỏi mới có, sao lại nói là không thỉnh cầu, đòi [xe quả vị]?

Xét những điểm sai trái như trên, nhiều lần đều dựa theo ý nghĩa trong Tạng giáo[1] mà lập thành 10 điều nạn vấn này. Tất cả đều là những cách nhìn hạn hẹp, chỉ thấy một khía cạnh mà không thấy được tổng thể. Nay sẽ vì mọi người mà phân biệt nói rõ.

Có trường hợp không dứt trừ mê hoặc che chướng, cũng không thỉnh cầu, đòi [xe quả vị], đó là hàng Bồ Tát Tạng giáo. Có trường hợp dứt trừ mê hoặc che chướng rồi thỉnh cầu, đòi [xe quả vị], đó là hàng Bồ Tát Thông giáo. Có trường hợp dứt trừ hoặc không dứt trừ mê hoặc che chướng, cũng có thỉnh cầu hoặc không thỉnh cầu [đòi xe quả vị], đó là hàng Bồ Tát Biệt giáo. Có trường hợp không dứt trừ cũng chẳng phải không dứt trừ mê hoặc che chướng, không thỉnh cầu cũng chẳng phải không thỉnh cầu [đòi xe quả vị], đó là hàng Bồ Tát Viên giáo.

---

[1] Nguyên tác chỉ nói "Tam tạng", tức chỉ Tạng giáo. Văn Cú Ký giải thích rằng ở đây đề cập đến cả Tạng giáo và Thông giáo và nói rõ các điều nạn vấn thứ nhất, thứ ba, thứ chín và thứ mười là dựa theo Tạng giáo, còn các điều nạn vấn thứ tư, thứ năm, thứ sáu đều dựa theo Thông giáo. Ba điều nạn vấn còn lại (thứ hai, thứ bảy và thứ tám) là dựa theo cả Tạng giáo và Thông giáo. Không thấy Văn Cú Ký nêu căn cứ cho giải thích này, có lẽ chỉ dựa theo ý nghĩa.

Lại nữa, xét qua [5 giai đoạn ví như] 5 vị của sữa,[1] [trong đó hàng Thanh văn ví như] vị sữa tươi, có 2 ý. Ý thứ nhất là vừa dứt trừ lại cũng không dứt trừ [mê hoặc], vừa thỉnh cầu lại cũng không thỉnh cầu đòi hỏi [xe quả vị]. Ý thứ hai là chẳng phải dứt trừ cũng chẳng phải không dứt trừ. [Hàng Duyên giác ví như] vị sữa đặc, có một ý, không dứt trừ [mê hoặc], không thỉnh cầu đòi hỏi [xe quả vị]. [Hàng Bồ Tát Biệt giáo ví như vị] váng sữa sống, có đủ 4 ý.[2] [Hàng Bồ Tát Viên giáo ví như vị] váng sữa chín, chỉ có 3 ý. [Chư Phật ví như vị] đề hồ, có 1 ý.

Mở rộng cương lĩnh, thâu tóm hết thảy ý nghĩa là như thế. Đối với mỗi câu nêu ra đều có 1 ý, lại mỗi ý đó đều có 4 trường hợp.[3] Đó là dứt trừ che chướng rồi cơ duyên Đại thừa đến; che chướng chưa trừ, cơ duyên Đại thừa đã đến; che chướng đã dứt trừ hoặc chưa dứt trừ mà cơ duyên Đại thừa đã đến; [và cuối cùng là] che chướng chẳng phải dứt trừ cũng chẳng phải chưa dứt trừ mà cơ duyên Đại thừa đến. Những cách hiểu như trên[4] là không thấy [được toàn cảnh nên] bám chấp một [ý] mà phủ nhận cả 3 ý,[5] thật rất đáng thương xót.

Người đời cứng nhắc dựa vào số lượng xe [được nêu ra] không giống nhau, cho rằng [như vậy thì] tánh thể của xe cũng không giống nhau. Hoặc cho rằng ban đầu [Phật] nói

---

[1] Nguyên tác chỉ nói ngũ vị (五味), tức năm mùi vị, ở đây là ví với các mùi vị của sữa (nhũ), sữa đặc (lạc), váng sữa sống (sinh tô), váng sữa chín (thục tô) và đề hồ để chỉ đến các giai đoạn tu tiến qua các giai vị Thanh văn (nhũ), Duyên giác (lạc), Bồ Tát (sinh tô, thục tô), chư Phật (đề hồ).

[2] Bốn ý ở đây có nghĩa là bốn trường hợp có thể xảy ra, bao gồm: 1. Có dứt trừ; 2. Không dứt trừ; 3. Vừa dứt trừ vừa không dứt trừ...; 4. Vừa không dứt trừ vừa chẳng phải không dứt trừ...

[3] Nguyên tác dùng "tứ cú" để chỉ bốn trường hợp được kể ra sau đó.

[4] Nguyên tác dùng "斯宗 - tư tông" (tông phái ấy), thật ra là nói tông chỉ của những người có quan điểm sai lầm như trên, không phải chỉ tông phái.

[5] Ở đây chỉ việc các quan điểm đã nêu trên chỉ chấp nhận một ý là Tiểu thừa có thỉnh cầu, đòi hỏi quả vị, còn Bồ Tát thì không.

[thí dụ] 3 loại xe, sau đó hợp thành 2 rồi quy về 1. Hoặc cho rằng ban đầu [Phật] nói [thí dụ] 3 loại xe, sau đó hợp cả 3 quy về 1. Hoặc cho rằng ban đầu [Phật] nói [thí dụ] 4 loại xe, sau đó hợp thành 3 rồi quy về 1. Cho nên khi nhận hiểu ý kinh chớ tin vào lời nói của người khác. Kinh văn này dẫn lại việc thuở xưa Phật vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp thích hợp là Tứ đế, vì hàng Duyên giác mà thuyết pháp thích hợp là 12 nhân duyên, vì hàng Bồ Tát mà thuyết pháp thích hợp là 6 ba-la-mật. Nay Phật thuyết 3 số [khác nhau] cũng là như vậy.

Kinh Hoa nghiêm, quyển 8 nói rằng: "Vì những người thấp kém chìm đắm nên chỉ bày giáo pháp Thanh văn. Vì những người căn cơ trì độn, ưa thích nhân duyên nên thuyết giảng giáo pháp Duyên giác. Vì những người căn cơ nhanh nhạy sáng suốt và có lòng từ bi nên thuyết giảng giáo pháp Bồ Tát. [Vì những người căn cơ] vượt trội hơn hết, ưa thích việc lớn lao nên thuyết giảng Phật pháp không có hạn lượng."[1]

[Cũng trong kinh Hoa nghiêm,] quyển thứ 36 lại nói rằng: "Ba pháp giải thoát là từ Thanh văn thừa mà có; pháp Vô tranh là từ Duyên giác thừa mà có; 6 pháp ba-la-mật, 4 nhiếp pháp là từ Đại thừa mà có; pháp rõ biết tất cả là từ Phật thừa mà có."

Lại nữa, [phần giải thích về] địa thứ chín giảng nói hình tướng của Thanh văn thừa, hình tướng của Duyên giác thừa,[2] hình tướng của Bồ Tát thừa, hình tướng của Như Lai thừa. Thập địa kinh luận,[3] phần giải thích về địa

[1] Chúng tôi chưa tìm thấy nội dung này trong nguyên tác kinh Hoa nghiêm hiện nay, có thể đã được trích dẫn từ nguồn khác.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "支佛乘 - Chi Phật thừa", tức Bích-chi Phật thừa, tên khác của Duyên giác thừa.

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng Địa luận, chỉ Thập địa kinh luận, tác phẩm căn bản của phái Địa luận.

thứ hai nói rằng: "Quán xét thấy rõ người tích tập 10 điều xấu ác phải đọa vào 3 đường ác, tích tập 10 điều lành thì được sinh lên các cõi trời. Vượt trên 10 điều lành ấy, cộng với trí quán sát rõ biết 4 chân đế thì hợp thành bậc Thanh văn. Vượt trên 10 điều lành ấy, cộng với trí quán xét [tự] rõ biết không nghe theo người khác thì hợp thành bậc Duyên giác. Vượt trên 10 điều lành ấy, cộng với trí quán xét rõ biết thanh tịnh đầy đủ, hợp lại thành địa vị Bồ Tát. Lại nữa, vượt trên và vượt trên cả 10 điều lành, cộng với tất cả chủng loại, tất cả pháp Phật thì hợp thành [quả vị] Phật.

Kinh [Bồ Tát] Anh Lạc, quyển 13 nói rằng: "Chư Phật mười phương thuyết giảng 3 thừa, trong mỗi một thừa lại khai mở thành 3 thừa, tất cả hợp thành 9 thừa. Chín thừa đều hội nhập nơi trí tuệ bình đẳng lớn lao."[1]

Lời bậc thánh đã dạy như vậy, sao không chịu nhận hiểu dung thông [khác biệt], còn bàn cãi đúng sai qua lại, theo pháp sai trái mà chê bai hủy báng người khác, thật không tội lỗi nào lớn hơn thế nữa!

Nay dựa theo giáo pháp mà phân biệt nói rõ. Nếu nói rằng pháp môn của 3 thừa khác biệt nhưng lý chân đế đồng như nhau, đó là theo Tạng giáo. Nếu nói pháp môn của 3 thừa đồng nhau, lý chân đế cũng đồng, đó là theo Thông giáo. Nếu nói 3 thừa, [mỗi thừa đều khai mở thành 3,] tổng cộng là 9 thừa, hoặc nói có 4 thừa, [giáo pháp] sâu cạn, thứ lớp phân chia mỗi mỗi đều chẳng đồng nhau, nhưng tất cả đều cùng thể nhập trí tuệ lớn lao bình đẳng, đó là theo Biệt giáo. Nếu nói 3 thừa, 9 thừa hay 4 thừa, hết thảy đều tương ưng với trí tuệ lớn lao bình đẳng, không phân hai, không khác biệt, đó là theo Viên giáo.

Lại xét qua [các giai đoạn ví như] 5 mùi vị của sữa để

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "瓔珞 - Anh Lạc", có phần chắc là chỉ kinh Bồ Tát Anh Lạc (菩薩瓔珞經), có 14 quyển, nhưng chúng tôi vẫn chưa tìm thấy nội dung trích dẫn này trong nguyên tác kinh.

phân biệt, thì mùi vị sữa tươi là ví như Bồ Tát thừa, Phật thừa; mùi vị sữa đặc ví như 3 thừa khác biệt; mùi vị váng sữa ví như 3 thừa, 4 thừa, 9 thừa, mỗi thừa đều phân chia rõ rệt chẳng trùng lặp nhau. Riêng vị váng sữa chín (thục tô) chỉ trừ ra 3 thừa khác biệt, còn lại đều giống như mùi vị váng sữa sống (sinh tô). Trong mùi vị đề hồ thì chỉ hoàn toàn ví như Phật thừa, không còn có thừa nào khác. Nếu rõ biết được ý nghĩa này thì đối với các luận thuyết khác biệt chẳng hề có sự chướng ngại. Nếu không rõ biết thì chỉ làm tăng thêm sự tranh luận mà thôi.

Người đời nêu rõ về Phật thừa, [giải thích] thừa và thể khác nhau. Ngài Quang Trạch cho rằng rốt ráo của quả vị Phật là 2 trí: tận trí và vô sinh trí,[1] lấy đó làm thể của xe [trong thí dụ, để ví với cảnh giới giải thoát]. [Nói xe] đi ra ngoài 500 do-tuần, đối lại với [chỗ thể hiện] hình tích là cao; bao hàm trọn đủ muôn công đức, đối với [chỗ thể hiện] hình tích là rộng. [Nói xe ấy] trang nghiêm là lấy nhân lành của hết thảy muôn công hạnh làm thể, trên cầu [đạo giải thoát Vô thượng] gọi là cao, dưới hóa độ [tất cả chúng sanh] gọi là rộng. Các nhà cựu giải không lấy [nghĩa] công đức, [cho rằng] công đức thì phàm phu cũng có, nên chỉ lấy trí tuệ làm thể. [Một số] nhà cựu giải lại lấy cả phúc đức cùng với trí tuệ làm thể.

Kinh văn nói [về 3 xe ví với Tiểu thừa] rằng, đi trên 3 xe này là dùng các pháp vô lậu, 5 căn, 5 lực, các giác đạo,[2] thiền định, giải thoát tam-muội mà tự vui thích, [như vậy] đâu phải chỉ nói riêng đến trí tuệ?[3] Lại có vị thầy chỉ lấy sự

[1] Tận trí và vô sinh trí là 2 trí của bậc xuất thế. Tận trí là trí đã dứt trừ hết thảy phiền não, thể nhập địa vị vô học, vô lậu. Vô sinh trí là trí tuệ rõ biết không còn thối chuyển.

[2] Các giác đạo: chỉ 7 giác chi (thất giác chi) và 8 chánh đạo (bát chánh đạo). Ở đây kinh văn đang nói đến 37 phẩm trợ đạo.

[3] Văn Cú Ký giải thích rằng, các pháp vô lậu, căn, lực là thuộc trí tuệ; thiền định, giải thoát... là thuộc phúc đức. Cho nên ở đây không chỉ nói riêng về trí tuệ.

nhận hiểu làm thể, [cho rằng] không nhận hiểu thì không có sự vận hành thay đổi[1] cho nên không lấy đó làm thể. [Thế nhưng 2 trí rốt ráo là] tận trí và vô sinh trí chính là có nhận hiểu.

Lại có thuyết của Tiểu thừa lấy trí tuệ thấu hiểu tánh không làm thể của xe [ví với Tiểu thừa], dẫn kinh văn [trong phẩm Tin hiểu] nói rằng: *"Chúng con suốt đêm dài tu tập pháp không..."*[2]

Đại thừa cũng dùng phương tiện trí tuệ chân thật làm thể của xe [trong thí dụ]. Thể của xe là ví với sự hiện hữu, có hiện hữu nên có vận hành thay đổi.

[Nay theo] ý riêng tôi cho rằng các bậc thầy giải thích về thể của Phật thừa mà tranh nhau chỉ vào đủ các pháp tu[3] [cho đó là thể] thì có khác gì những người mù sờ voi, tranh cãi nhau về ngà voi với đuôi voi. Theo Đại sư Thiên Thai Trí Giả[4] thì tướng thật của các pháp chính là thể của xe [trong thí dụ], hết thảy những thứ châu báu trang hoàng đẹp đẽ [trên xe] đều là trọn đủ [các tướng] trang nghiêm.

Đến như kinh văn nói việc ban cho xe cũng nên nêu ra đây. Các nhà cựu giải cho rằng, [thí dụ nói] xe nhỏ là chỉ

---

[1] Văn Cú dùng "空解無動 – không giải vô động" rất khó hiểu. Văn Cú Ký giải thích câu này là: "意謂運義不成 – ý vị vận nghĩa bất thành" (ý nói nghĩa vận động không thành được). Xét thêm ở đoạn tiếp theo có dùng chữ "vận động" thì thấy giải thích này hợp lý.

[2] Đoạn kệ này được trích từ phẩm Tin hiểu: "我等長夜, 修習空法,得脫三界,苦惱之患, 住最後身,有餘涅槃 。 - Ngã đẳng trường dạ, tu tập không pháp, đắc thoát tam giới khổ não chi hoạn, trụ tối hậu thân hữu dư Niết-bàn." (ĐCT, T9, 262, tr.18c, d.2-4)

[3] Văn Cú dùng "具度 - cụ độ", Văn Cú Ký nói "行是具度 - hành thị cụ độ", nên biết rằng "cụ độ" chỉ đầy đủ các pháp tu, công hạnh.

[4] Nguyên tác Văn Cú dùng "依天台智者 - y Thiên Thai Trí Giả", dường như là một lỗi của người biên tập. Toàn bộ sách này ghi lại lời giảng của Đại sư Thiên Thai nên mặc định ngài ở ngôi thứ nhất, không thấy nêu tên ở những nơi khác. Ngay như trước đó vừa dùng "私謂 - tư vị" (ý riêng tôi cho rằng) thì cũng là cách ghi lại lời giảng của Đại sư ở ngôi thứ nhất, không có nêu tên.

quả vị nhỏ. Quả vị có công đức hữu vi và công đức vô vi. Chính là lấy hữu vi thí dụ như xe vận hành thay đổi, vận hành đi vào Vô dư. Trong quả hữu vi có đầy đủ cả phước đức và trí tuệ, lấy trí tuệ làm chính, phước đức thuộc về đầy đủ các pháp tu. Trí tuệ lại có 10 loại, trong đó có 8 trí gồm đủ nhân và quả, riêng tận trí và vô sinh trí chỉ thuộc về quả vị,[1] cho nên lấy 2 trí này để ví với xe là quả vị. Do ý nghĩa đó cho nên [trong thí dụ nói] *"xe ở bên ngoài cửa"*. Nếu y theo Đại phẩm Bát-nhã nói thì các thừa đều từ ba cõi mà thoát ra, đạt đến và trụ nơi Nhất thiết trí. Nếu khi chưa ra khỏi [ba cõi] thì phải nương theo các thừa mà tranh nhau ra khỏi nhà đang cháy, vậy sao lại nói *"xe ở bên ngoài cửa"*? Nếu nói trước đó xe ở bên ngoài, vậy nương vào đâu để thoát ra? Chỉ là vì các thừa đều bao gồm cả nhân và quả, 37 phẩm [trợ đạo] dứt trừ kiến hoặc, tư hoặc đều là nhân của các thừa. Tận trí và vô sinh trí đều gọi là quả của các thừa. Chắc chắn phải dựa vào nhân của thừa mà dứt trừ hết mê hoặc che chướng thì mới được quả của thừa là tận trí và vô sinh trí. Cho nên nói rằng *"xe ở bên ngoài cửa"*. Chỉ vì quả là chính yếu, nhân là phụ thuộc, nên theo nơi quả mà nói là *"xe ở bên ngoài cửa"*. Nếu nhân bên trong dứt trừ được kết sử phiền não là có nghĩa vận hành thay đổi nên gọi là thừa, quả bên ngoài không [có nghĩa] vận hành thay đổi, làm sao gọi là thừa? Tuy nhiên, quả dù không có sự vận hành thay đổi dứt trừ mê hoặc, nhưng phải nhờ có tận trí và vô sinh trí mới thể nhập được Niết-bàn Vô dư, đó mới là sự vận hành thay đổi tốt.

Nếu nương theo nhân [của thừa] mà đạt đến quả [của thừa], vậy có ý gì lại nói đến rốt cùng mới "đòi xe"? Các nhà cựu giải cho rằng [việc "đòi xe"] có hai ý là theo cơ

[1] Mười loại trí (十智 - Thập trí), bao gồm: 1. Thế tục trí (世俗智), 2. Pháp trí (法智), 3. Loại trí (類智), 4. Khổ trí (苦智), 5. Tập trí (集智), 6. Diệt trí (滅智), 7. Đạo trí (道智), 8. Tha tâm trí (他心智), 9. Tận trí (盡智) và 10. Vô sinh trí (無生智).

duyên [bên ngoài] mà đòi và theo ý nguyện [bên trong] mà đòi. Việc theo cơ duyên mà đòi thì có thể [nhìn thấy,] giải thích được. Việc theo ý nguyện bên trong mà đòi, [đó là nói] Phật thuyết giáo pháp đưa đến [chứng đắc] tận trí và vô sinh trí, bậc A-la-hán [tu tập theo đó] chứng đắc quả vị như vậy, thử dùng thiên nhãn thần thông quán sát trong tương lai, liền thấy sinh tử biến dịch vẫn còn mờ mịt xa vời [nhiều kiếp], [do đó] tự nghi ngờ chỗ chứng đắc tận trí và vô sinh trí của mình. Nếu thật là vô sinh, thì sao vẫn nhìn thấy [trong tương lai] còn hiện hữu? Như [vẫn thấy trong tương lai nhiều kiếp sinh tử] mờ mịt xa vời, [hẳn là các pháp đã tu] trước đây chẳng phải cứu cánh, liền khởi ý nguyện theo Phật thưa hỏi cầu xin [quả vị] trước đây Phật đã hứa. Đó gọi là theo ý nguyện [bên trong] mà đòi.

[Nay xét rằng] nếu tìm kiếm trong kinh văn thì không có ý nghĩa này. Nếu suy luận theo ý nghĩa "đòi xe" thì nghĩa như trên không thích hợp. Không thể dựa vào kinh văn để giải thích như vậy. Còn dựa theo suy luận thì kinh văn phần sau nói rằng: "Tự mình ở chỗ chứng đắc mà khởi sinh ý tưởng cho rằng đã được diệt độ." Đã dùng thiên nhãn [quán sát tương lai] thấy vẫn còn sinh tử, vậy tại sao lại khởi sinh ý tưởng [mình đã] diệt độ? Những ý nghĩa này tự mâu thuẫn nhau.

Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, các vị A-la-hán nếu không gặp được Phật khác [bên ngoài ba cõi][1] thì không thể liễu ngộ rốt ráo. Nếu đã tự mình dùng thiên nhãn soi thấy [nhiều kiếp] sinh tử [trong tương lai], vậy cần chi phải đợi gặp Phật mới liễu ngộ rốt ráo?

[1] Nguyên tác dùng "餘佛 - dư Phật" (Phật khác) là cách dùng đã được giải thích ở trước, chỉ đến khái niệm cho rằng ngoài ba cõi vẫn còn có Phật khác. Các vị A-la-hán đã chứng vô sinh, không còn tái sinh trong ba cõi nên không có cơ hội gặp Phật trong ba cõi nữa, nhưng có thể được gặp "dư Phật" để liễu ngộ rốt ráo, tức là thành Phật.

Lại nữa, thiên nhãn của bậc sơ thiền còn chẳng thấy được [cảnh giới] nhị thiền, huống chi [sinh tử] biến dịch [làm sao có thể thấy]? Điều này cũng trái ngược với Nhiếp Đại thừa [luận].

Lại nữa, [nếu như] A-la-hán đạt đến nghiệp vô lậu có thể dùng thiên nhãn thấy được biến dịch của quả báo sinh tử trong tương lai, thì lẽ ra người hiện đang tu tập giữ 5 giới, tạo 10 nghiệp lành cũng phải tự thấy được quả báo của mình trong tương lai. Nên biết rằng, quả báo bên ngoài ba cõi đâu phải là chỗ thấy được của thiên nhãn?

Nay cũng không dùng đến những ý trên để phê phán lập luận "theo ý nguyện mà đòi". Nói "theo ý nguyện mà đòi", đó là nói [hàng Thanh văn] ngày trước nghe theo giáo pháp nói rằng, đạt được tận trí và vô sinh trí thì thể nhập [Niết-bàn] Vô dư. Thế nhưng, trong thời Phương đẳng thấy được chỗ không thể nghĩ bàn của hàng Bồ Tát, lại nghe ngài Tịnh Danh quở trách bài xích [pháp Tiểu thừa, liền tự nghĩ rằng], nếu chỗ chứng đắc của ta là chân thật, hẳn bậc đại sĩ đã không ngăn trở bài xích; còn nếu chỗ chứng đắc của ta là không chân thật, lẽ ra Phật đã không nói đó là chân thật. [Do vậy nên] trong lòng hoang mang không biết nói sao.

Cho đến thời Bát-nhã, [các vị này] nhận hiểu được giáo pháp Đại thừa, nghe pháp thì tâm Đại thừa phát khởi nên muốn tiến tu theo Đại thừa, nhưng không thể tự biết được mình có chỗ chứng đắc hay không. Những điều như vậy đều là "theo ý nguyện mà đòi", mong cầu hiểu được ý nghĩa Đại thừa. Cho nên ngài Xá-lợi-phất trình bày chỗ nhận hiểu có nêu lên lòng nghi ngày trước, khi thấy các Bồ Tát được thụ ký làm Phật [mà tự mình] chẳng được dự phần vào việc ấy, liền than thở tự trách, muốn đem việc ấy thưa hỏi đức Thế Tôn, rốt lại thì [tánh Phật của mình] đã mất hay không mất. Đoạn này chính là chỉ cho việc ngày trước vào thời

Phương đẳng đã có "ý nguyện muốn đòi", [muốn thưa hỏi cầu quả vị]. Nay thêm vào việc thỉnh cầu bằng lời. [Đó là] nhân nơi kệ mở đầu trong phẩm Phương tiện, thoáng nghe qua Phật nói tất cả đều là phương tiện, liền bám víu nơi nghĩa phương tiện ngày nay mà ngờ rằng pháp ngày trước chưa rốt ráo, cho nên nói rằng *"nay thì không biết nghĩa ấy hướng về đâu"*. Lòng nghi thuở xưa khơi dậy nên phát ra thành lời, 3 lần thưa thỉnh. [Đó là] thưa thỉnh mong cầu chỗ chân thật trong điều Phật thuyết ngày trước; lại cơ duyên Đại thừa đã đến nên theo ý nguyện mong cầu chỗ chân thật ngày trước; lại vì ý nguyện mong cầu Đại thừa nên miệng thưa hỏi về sự chân thật ngày trước.

[Như trên là nói về hàng Thanh văn, đối với hàng Bồ Tát] Thông giáo [tu tập] 6 ba-la-mật cũng giải thích như vậy.

Giảng giải ý thứ ba: Cho các con cùng một loại xe

Từ câu *"Xá-lợi-phất! Khi ấy ông trưởng giả liền cho tất cả các con..."* trở đi là ý thứ ba, ban cho các con cùng một loại xe lớn. Phần này có 2 tiểu ý [nói nghĩa bình đẳng], 2 lần giảng rộng, 2 lần giải thích. Tiểu ý thứ nhất nói các con đều bình đẳng. Tiểu ý thứ hai nói các xe [ban cho con] đều [lớn, đẹp] như nhau.

[Theo tiểu ý thứ nhất], do tất cả các con đều bình đẳng nên tâm tánh bình đẳng, đây là ví cho tất cả chúng sinh đều có tánh Phật như nhau. Tánh Phật giống nhau nên [tất cả] đều là con [Phật].

[Theo tiểu ý thứ hai], tất cả xe [ban cho các con] đều như nhau, đó là nói do tất cả pháp đều bình đẳng nên không một pháp nào không phải pháp Phật. Đây là ví cho hết thảy các pháp đều là Đại thừa. Đều là pháp Đại thừa như nhau nên nói ban cho cùng một loại xe lớn [đẹp] như nhau.

Lại nói mỗi người đều được ban cho, đó là nói mỗi người đều tùy theo chỗ căn bản tu tập [trước đây] như 4 chân đế, 6 ba-la-mật, vô số các pháp, mỗi pháp xưa kia tu tập đều là khai mở chỉ bày lẽ chân thật. Sự tu tập không giống nhau cho nên [phân biệt] nói là "mỗi người". [Các pháp tu ấy] đều là Đại thừa cho nên nói "đều là xe lớn đẹp".

Từ câu *"xe ấy cao rộng..."* trở đi tiếp theo 2 tiểu ý nữa giảng rộng về xe. Tiểu ý thứ ba nói rộng về thể của xe, kế đến tiểu ý thứ tư giải thích nguyên do có xe.

Trong tiểu ý thứ ba nói về thể của xe thì trước tiên trình bày xe ấy là cao rộng, kế đến nói rõ [xe được kéo bằng] trâu trắng, cuối cùng mới nói đến những kẻ tùy tùng [đi theo bảo vệ].

Tạm gọi là xe, có tướng cao rộng, để ví cho tri kiến của đức Như Lai sâu rộng; là nói rộng khắp bờ cõi pháp giới, sâu suốt thấu triệt tận cội nguồn 3 đế,[1] cho nên nói là "[xe ấy] cao rộng". [Lại nói] *"trang hoàng bằng các vật báu"*, đó là ví cho muôn công hạnh tu hành, lấy đó làm đồ trang sức. *"Có lan can bao quanh"* là ví cho pháp tổng trì, nắm giữ được muôn điều lành, ngăn chặn được những việc ác. *"Bốn phía treo chuông nhỏ"* là ví cho 4 biện tài[2] giáo hóa [chúng sanh]. *"Bên trên lại có lọng che"* là ví cho 4 tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả; vì] trong tất cả các các phẩm đức thì từ bi là cao quý nhất, bao trùm che phủ tất cả. *"Dùng các loại châu báu quý lạ để trang trí"* là ví cho muôn điều lành chân thật trang nghiêm đức từ bi. Kinh Đại [Bát Niết-

[1] Ba đế: theo giáo lý của tông Thiên Thai là chỉ không đế (hay chân đế), giả đế (hay tục đế) và trung đế.

[2] Nguyên tác dùng tứ biện (四辯), tức tứ vô ngại biện (四無礙辯). Văn Cú Ký giải thích rằng ở đây chỉ "法義辭說 - pháp nghĩa từ thuyết", tức là nói pháp vô ngại biện, nghĩa vô ngại biện, từ vô ngại biện và nhạo thuyết vô ngại biện. Đây là bốn năng lực vượt qua mọi chướng ngại trong việc giáo hóa chúng sinh.

bàn][1] nói: "Đức từ nếu đầy đủ 10 lực, 10 vô úy[2]... thì gọi là đức từ Như Lai." Phải trụ trong đức từ ấy mà thực hành bố thí... Đại lược là như vậy.

"Dây báu quấn quanh lọng" là ví cho bốn hoằng thệ[3] kiên cố với tâm đại từ. *"Với những vòng hoa rủ xuống"* là ví cho 4 nhiếp pháp, các thần thông v.v. làm cho chúng sinh động tâm vui mừng, lại cũng ví cho 7 giác chi[4] như vòng hoa đẹp nhiệm mầu. "[Trên xe] trải nhiều lớp thảm" là ví cho việc quán chiếu rèn luyện tu tập thường xuyên tất cả các pháp thiền định hết sức thuần thục nhuần nhuyễn. *"Có gối đỏ tựa đầu"* là nói khi xe di chuyển nên [có gối này để] giữ đầu không ngả ra, ví cho việc ở ngay nơi chỗ dao động mà an tịnh, ở ngay nơi chỗ an tịnh mà dao động. Như trong xe có gối thì thân và đầu tựa vào nghỉ ngơi, đó là ví cho tam-muội Nhất hạnh[5] dừng nghỉ tất cả hành [tướng] của Nhất thiết trí. Màu đỏ [của gối] là hào quang đỏ rực,

[1] Nguyên tác dùng Đại kinh (大經), ở đây chỉ kinh Đại Bát Niết-bàn.

[2] Nguyên tác dùng "十力無畏 - thập lực vô úy", chỉ thập lực (10 trí lực) và tứ vô úy (4 pháp vô úy) của chư Phật.

[3] Nguyên tác dùng tứ hoằng thệ (四弘誓), tức tứ hoằng thệ nguyện, chỉ cho bốn lời nguyện lớn bao gồm: 1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; 2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn; 3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học; 4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

[4] Nguyên tác dùng thất giác (七覺), tức thất giác chi (七覺支), là một phần trong 37 phẩm trợ đạo. Thất giác chi bao gồm: 1. Niệm giác chi; 2. Trạch pháp giác chi; 3. Tinh tấn giác chi; 4. Hỷ giác chi; 5. Khinh an giác chi; 6. Định giác chi; 7. Xả giác chi.

[5] Tam-muội Nhất hạnh (一行三昧): pháp tam-muội đạt đến chánh định quán sát toàn pháp giới đều chỉ là một tướng bình đẳng. Từ điển Phật Quang giải thích: "入此三昧，則知一切諸佛法身與眾生身為平等無二，無差別相，故於行住坐臥等一切處，能純一直心，不動道場，直成淨土。 - Nhập thử tam-muội tắc tri nhất thiết chư Phật pháp thân dữ chúng sinh thân vi bình đẳng vô nhị, vô sai biệt tướng, cố ư hành trụ tọa ngọa đẳng nhất thiết xứ năng chuyên nhất trực tâm, bất động đạo tràng trực thành tịnh độ." (Thể nhập pháp tam-muội này liền rõ biết pháp thân của hết thảy chư Phật cùng với thân chúng sinh đều bình đẳng không phân biệt, không sai khác, cho nên trong sự đi đứng nằm ngồi ở bất cứ nơi đâu cũng đều có thể giữ tâm chuyên nhất chánh trực, không dao động đạo tràng, ngay đó thành tịnh độ.)

ví cho pháp không phân biệt. Dùng trâu trắng kéo xe là ví cho trí Bát-nhã dứt sạch lậu hoặc, có thể dẫn dắt các duyên chân thật[1] trải qua hết thảy mọi công hạnh, đạt đến Nhất thiết trí.[2] Màu trắng là màu căn bản [của tất cả các màu], tức là tương ưng với bản thể thanh tịnh không lậu hoặc. Bản thể ấy gồm đủ muôn phẩm đức, ví như [trâu trắng có] *"hình thể mập mạp"*, phiền não chẳng thể làm nhiễm ô, ví như [trâu trắng có màu da] *"thuần khiết"*.

Lại nữa, 4 niệm xứ[3] là trâu trắng [kéo xe trên đường tu tập], trong 4 chánh cần[4] thì 2 pháp thiện thế gian trọn đủ, ví như *"hình thể mập mạp"*; 2 pháp ác thế gian dứt sạch, ví như *"màu da thuần khiết"*. Tâm thức người tu tập tương xứng với 4 như ý túc, ví như hình thể xinh đẹp. *"Gân cốt bắp thịt nở nang"* ví cho 5 căn[5] trụ vững, là nghĩa thường sinh khởi [pháp lành]. *"Mạnh mẽ"* ví cho 5 lực[6]

---

[1] Nguyên tác dùng "諦緣 - đế duyên" với nghĩa chữ "đế" chỉ đến tam đế của tông Thiên Thai, liên quan đến tiến trình tu tập, bao gồm không đế (đạt đến lẽ chân thật nhờ quán không), giả đế (đạt đến lẽ chân thật nhờ quán giả)và trung đế (đạt đến lẽ chân thật nhờ quán trung đạo). Đế duyên chỉ đến các duyên tu tập như vậy.

[2] Nguyên tác dùng "薩婆若 - tát-bà-nhã", phiên âm chữ sarvajña, Hán dịch là nhất thiết trí (一切智), nghĩa là trí tuệ biết tất cả.

[3] Bốn niệm xứ (四念處 - tứ niệm xứ), tức 4 pháp quán niệm đối với 4 đối tượng là thân, thọ, tâm và pháp. Dùng 4 pháp quán niệm này để tu tiến nên ví như dùng trâu trắng kéo xe.

[4] Bốn chánh cần (四正勤 - tứ chánh cần), tức 4 pháp tinh tấn chuyên cần chân chánh, bao gồm: 1. Đối với các điều thiện chưa sinh, nỗ lực làm cho sinh khởi; 2. Đối với các điều thiện đã sinh, nỗ lực làm cho tăng trưởng; 3. Đối với các điều ác chưa sinh, nỗ lực ngăn không cho sinh khởi; 4. Đối với các điều ác đã sinh, nỗ lực dứt trừ. Văn Cú nói "2 pháp thiện thế gian trọn đủ" (二世善滿 - nhị thế thiện mãn) là chỉ 2 pháp sinh điều thiện, nói "2 pháp ác thế gian dứt sạch" (二世惡盡 - nhị thế ác tận) là chỉ 2 pháp dứt điều ác.

[5] Năm căn (五根 - ngũ căn), ở đây chỉ 5 pháp căn bản giúp khởi sinh các pháp lành, thuộc 37 phẩm trợ đạo, bao gồm: 1. Tín căn; 2. Tinh tấn căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Tuệ căn.

[6] Năm lực (五力 - ngũ lực), chỉ 5 năng lực giải thoát phát sinh từ sự tu tập 5 căn, cũng thuộc 37 phẩm trợ đạo, bao gồm: 1. Tín lực; 2. Tinh tấn lực; 3. Niệm lực; 4. Định lực; 5. Tuệ lực. Năm lực này có công năng hàng phục dứt trừ phiền não nên được xem là chỗ vận dụng của 5 căn.

hàng phục [phiền não xấu ác], là nghĩa vận dụng. *"Bước đi ngay ngắn"* ví cho [sự tu tập] thiền định và trí tuệ cân bằng như nhau, lại cũng ví cho bảy giác chi được điều hòa cân bằng. *"Lướt nhanh như gió"*, ví như [người tu tập] đi trên con đường bát chánh, hết sức nhanh chóng đạt đến Nhất thiết trí. *"Nhiều người đi theo hầu hạ, bảo vệ"* ví cho các phương tiện ba-la-mật thường linh hoạt tùy theo sự sai khiến của người [tu tập]. Chúng ma, ngoại đạo, hàng Nhị thừa công hạnh nhỏ nhặt, hết thảy đều tùy theo sự vận dụng của trí tuệ phương tiện. Kinh Duy-ma-cật nói rằng: "[Hết thảy chúng ma cùng các hạng ngoại đạo] đều là người hầu hạ của ta."[1] Lại nữa, sức thần thông khi đạt được quả vị [thành tựu] có thể tùy ý vận dụng sai khiến, đó chính là *"người đi theo hầu hạ"*.

Tiếp theo từ câu *"Vì sao vậy? Ông trưởng giả này giàu có..."* trở đi là ý nhỏ thứ tư giải thích về nguyên do có xe. Đó là do *"giàu có vô cùng... ...kho tàng đều chất chứa đầy tràn"*, ví cho khi đạt được quả địa thành tựu thì phước đức trí tuệ đều trọn vẹn đầy đủ. Gọi là *"giàu có vô cùng, kho tàng đều chất chứa đầy tràn"*, đó là "kho chứa hành", "kho chứa lý". Hết thảy các pháp hướng đến các ba-la-mật như bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v. là hướng đến chỗ không lỗi lầm, tức dựa theo "hành" là Như Lai tạng, [là nghĩa "kho chứa hành"]. Hết thảy các pháp hướng đến các ấm, nhập, giới, căn, trần v.v. là hướng đến chỗ không lỗi lầm, tức dựa theo "lý" làm rõ Như Lai tạng, [là nghĩa "kho chứa lý"]. Tự mình thực hành những pháp "hành" và "lý" như vậy gọi là "đầy", giáo hóa người khác [làm theo như vậy] gọi là "tràn"; trọn đủ trí chân thật gọi là "đầy", vận dụng trí quyền biến gọi là "tràn"; thể

[1] Nguyên tác Văn Cú nói là kinh Tịnh Danh (淨名) và chỉ dẫn ngắn gọn là "皆吾侍也 - giai ngô thị dã". Tịnh Danh là tên khác của kinh Duy-ma-cật và câu kinh được trích dẫn ở đây là: "一切眾魔及諸外道皆吾侍也。 - Nhất thiết chúng ma cập chư ngoại đạo giai ngô thị dã." (ĐCT, T14, 475, tr.544c, d.7-8)

nhập trung đạo gọi là "đầy", cùng lúc soi chiếu [chân đế và tục đế] nên gọi là "tràn". [Ông trưởng giả] chẳng những có nhiều kho tàng mà tất cả [những kho tàng ấy] đều đầy tràn. [Đó là ví] chẳng có pháp nào chẳng phải Đại thừa. Cho nên nói là Đại thừa vô lượng.

Từ câu *"nên ông nghĩ rằng"* trở đi là nói rộng để làm rõ tâm tánh bình đẳng. Phần kinh văn này có hai tiểu ý [tiếp theo]. Tiểu ý thứ năm là nói rộng nghĩa tâm tánh bình đẳng, tiểu ý thứ sáu là giải thích [nghĩa ấy]. Theo tiểu ý thứ năm nói rộng nghĩa tâm tánh bình đẳng, vì [ông trưởng giả] giàu có vô cùng nên đối với các con của mình không có sự thiên lệch, đó là nói tâm tánh bình đẳng. Nếu là giàu có nhưng đối với [những ai] không phải con của mình, hoặc với con mình nhưng vì nghèo khó, ắt cũng đều không [đối xử] bình đẳng được. Ở đây [ông trưởng giả có] xe lớn bằng 7 món báu số nhiều vô lượng [nên có thể đối xử bình đẳng]. Hoặc [nói về] giáo, hoặc nói về hành đều là Đại thừa, tức là tài sản nhiều, nên khi ban cho mỗi [đứa con] đều *"không nên khác biệt"*. Không cần thay đổi những gì vốn đã tu tập trước đây mà chỉ bày cho thấy sự chân thật. [Đó là] như ngài Xá-lợi-phất từ nơi trí tuệ [đã tu tập trước đây] mà khai mở tri kiến Phật, đầy đủ hết thảy pháp Phật; ngài Mục-kiền-liên từ nơi thiền định [đã tu tập trước đây] mà khai mở tri kiến Phật, đầy đủ hết thảy pháp Phật. Những vị [đệ tử] khác cũng đều như vậy.

Lại nữa, trong các thời thuyết pháp Phương đẳng, Bát-nhã, [các pháp như] 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 5 căn, 5 lực, 7 giác đạo, đủ mọi [pháp tu với] tên gọi khác nhau đều là để khai mở chỉ bày thật tướng. Mở rộng ra hết thảy các pháp cũng đều như vậy. Cho nên nói là vô lượng.

Từ câu *"Vì sao vậy? Nếu ta đem những cỗ xe như thế này..."* trở đi giải thích 2 nghĩa bình đẳng.

Trước tiên giải thích vì tài sản rất nhiều [nên có thể ban cho bình đẳng]. [Có thể] *"tặng cho dân khắp trong một nước còn không thiếu, huống hồ chỉ cho các con ta"*. Đây là ví cho nhân [giác ngộ] viên mãn lớn lao bao quát khắp thảy [các phạm trù] thiện ác, huống hồ chỉ là tri kiến của Phật?

Tiếp theo giải thích về [việc ban cho] các con đều bình đẳng như nhau. [Bởi vì] ngay cả [với tất cả dân trong nước] không phải con mình mà còn có đủ [để ban cho], huống hồ là chỉ với các con của mình. Đây là ví cho [sự giáo hóa của Phật], đối với những kẻ không có duyên còn hóa độ cho được, huống hồ là với những người có duyên [giống như] con của mình. [Những điều này] đọc trong kinh văn có thể hiểu được.

Giảng giải ý thứ tư: Các con được ban cho xe lớn đều vui mừng

Từ câu *"Khi ấy những người con của ông trưởng giả, mỗi người đều đi trên một cỗ xe lớn..."* trở đi là thí dụ thứ tư, nói về việc thỏa lòng mong muốn nên vui vẻ. Đây là ví cho [ý nghĩa trong kinh văn] phần trước nói [các tỳ-kheo] thọ nhận [giáo pháp], thực hành, tỏ ngộ và thể nhập. Trước đây vốn chỉ cầu được 3 loại xe dê, xe nai, xe trâu, [ví như chỉ] mong thoát ra khỏi [sinh tử] phần đoạn, nay được xe trâu trắng, [ví như] dứt trừ hoàn toàn [sinh tử] biến dịch, [đó là] vượt hơn chỗ mong cầu, có lẽ nào lại không vui mừng?

4. Thí dụ "ông trưởng giả không nói dối"

KINH VĂN

> **"Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao, vị trưởng giả ấy cho các con những cỗ xe lớn quý báu như nhau [thay vì xe dê, xe nai, xe trâu như đã hứa], vậy có mắc lỗi nói dối hay chăng?"**
> **Ngài Xá-lợi-phất thưa: "Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Vị trưởng**

giả ấy [trước đây nói như vậy] chỉ là vì muốn cho các con thoát khỏi nạn lửa cháy, bảo toàn mạng sống, chẳng phải là nói dối. Vì sao vậy? Nếu giữ được mạng sống thì xem như đã được món đồ chơi quý báu rồi, huống chi lại là dùng phương tiện trong nhà đang cháy kia để cứu thoát [các con] ra. Bạch Thế Tôn! Ví như vị trưởng giả kia thậm chí không cho [các con] chiếc xe nào dù là nhỏ nhất thì cũng không phải là nói dối. Vì sao vậy? Vì trước tiên ông trưởng giả ấy đã có ý nghĩ rằng: 'Ta dùng phương tiện này để khiến cho các con được thoát ra [khỏi căn nhà đang cháy].' Vì lý do ấy, ông không mắc lỗi nói dối. Huống chi ông trưởng giả tự biết mình giàu có vô cùng, muốn làm lợi ích cho các con nên bình đẳng ban cho [mỗi người một] cỗ xe lớn."

Từ câu *"Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao..."* trở đi là thí dụ thứ tư, nói việc *"ông trưởng giả không nói dối"*, ví cho việc đấng Pháp vương không [nói điều] hư dối. [Kinh văn đoạn này có 3 phần], thứ nhất là [đức Phật] nêu câu hỏi, thứ hai là [ngài Xá-lợi-phất] trả lời và thứ ba là [đức Phật] thuật lại sự việc và ngợi khen xưng tán.

Phần [đức Phật] nêu câu hỏi thì y theo kinh văn có thể hiểu được, [không cần giảng giải].

Phần thứ hai từ câu "*Ngài Xá-lợi-phất thưa: 'Không phải vậy...'*" trở đi là câu trả lời [của ngài Xá-lợi-phất], lại chia thành 2 ý.

◆ Ý thứ nhất là [vì cứu các con] thoát khỏi tai nạn nên không phải nói dối, cũng có thể nói là vì chọn điều quan trọng mà bỏ việc tầm thường nên không phải nói dối.

◆ Ý thứ hai là vì [hành động] không trái với ý định ban đầu[1] nên không phải nói dối, cũng có thể nói là vì [giúp cho

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "不乖本心 - bất quai bản tâm" (không trái với ý định ban đầu). "Bản tâm" ở đây chỉ tâm ý lúc ban đầu của ông trưởng giả, như ngài Xá-lợi-phất chỉ rõ là chỉ muốn dùng phương tiện để cứu các con chứ không hề thực sự có ý cho các con 3 loại xe kém hơn.

các con] được nhiều hơn cả sự mong cầu nên không phải nói dối.

Mỗi một ý trên lại chia làm 3 tiểu ý. Đó là: nêu vấn đề, giải thích [vấn đề] và so sánh để kết luận.

✦ [Trong ý thứ nhất,] tiểu ý đầu tiên nêu vấn đề là nói việc [các con] thoát nạn, theo kinh văn có thể hiểu được.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vì sao vậy? Nếu giữ được mạng sống..."* trở đi giải thích rằng, mạng sống là quan trọng, thân thể xem nhẹ hơn,[1] [nay cứu giúp các con] toàn thân được thoát khỏi nạn lửa thiêu, đó là được món báu vật lớn lao, cứu thoát mạng sống quan trọng, lẽ nào lại là nói dối?

✦ Tiểu ý thứ ba [so sánh để] kết luận, [cứu giúp chúng sanh] thoát khỏi ngọn lửa thiêu đốt của 8 nỗi khổ,[2] bảo toàn được 5 phần [pháp] thân đã là báu vật lớn lao, huống chi [trước đây từng] được ở nơi 20.000 đức Phật gieo nhân viên mãn thành tựu tuệ mệnh Đại thừa, khai mở tri kiến Phật, lẽ nào lại là nói dối?

◆ Ý thứ hai tiếp theo là từ câu "Bạch Thế Tôn! Ví như vị trưởng giả kia..." trở đi, [giải thích hành động] không trái với ý định ban đầu.

✦ [Trong ý thứ hai,] tiểu ý đầu tiên nêu vấn đề không trái với ý định ban đầu, hàm ý khiến cho [chúng sanh] không hủy báng. Không hủy báng là vì không trái với ý định ban đầu.

---

[1] Nguyên tác dùng "命重身輕 - mệnh trọng thân khinh" rất khó hiểu, vì ở đây cả mạng sống và thân thể đều được cứu thoát, không hề có sự so sánh nặng nhẹ. Văn Cú Ký giải thích rằng ở đây muốn nói mạng sống là chỉ cho trí tuệ chân thật của Đại thừa (大乘實慧為命 - Đại thừa thật tuệ vi mệnh), thân thể chỉ cho ngũ phần pháp thân theo Tiểu thừa gồm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (小乘五分為身 - Tiểu thừa ngũ phần vi thân). Do đó mới có sự so sánh.

[2] Tám nỗi khổ (bát khổ), chỉ các nỗi khổ thường xuyên của tất cả chúng sinh, gồm: sinh, già, bệnh, chết, mong cầu không được như ý, yêu thương phải xa lìa, oán ghét phải gặp mặt và năm ấm bùng phát mạnh mẽ.

✦ [Tiểu ý thứ hai] giải thích rằng, [đức Phật] vốn biết thật không có Tiểu thừa, nhưng có ý khiến cho [chúng sanh] không hủy báng để không rơi vào đường ác. Không tạo nhân hủy báng nên không có quả đọa vào các đường ác. [Lại cũng giải thích rằng] không ban cho [các con] xe nhỏ là không trái với ý định ban đầu.

✦ [Tiểu ý thứ ba so sánh để] kết luận rằng, *"ông trưởng giả tự biết mình giàu có vô cùng, muốn làm lợi ích cho các con"*, ban cho mỗi người con một cỗ xe lớn là vượt hơn cả sự mong cầu, cho nên không phải là nói dối. Phần kết trước nói *"dùng phương tiện này để khiến cho các con được thoát ra khỏi căn nhà đang cháy"* là ví tương tự như sức thần thông đoạn đức [của Phật]. Phần kết sau nói *"giàu có vô cùng"* là ví tương tự như sức biện thuyết trí đức [của Phật]. Phần trước [là nói vì] đối với các con bình đẳng như nhau nên không phải nói dối, phần sau [là nói vì] tài sản [rất nhiều có thể ban cho các con] như nhau nên không phải nói dối.

KINH VĂN

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "Lành thay, lành thay! Đúng như ông nói. Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai cũng giống như vậy, là đấng cha lành của hết thảy [chúng sinh trong] thế gian, đối với tất cả những sự sợ hãi, phiền não, suy yếu, tai họa, lo âu hay sự tối tăm che lấp của vô minh, ngài đều đã vĩnh viễn dứt sạch hoàn toàn, thành tựu vô số những sự thấy biết cùng [các phẩm tính như] lực, vô sở úy, có sức thần thông lớn lao cùng sức trí tuệ, đầy đủ các phương tiện trí tuệ ba-la-mật, đại từ đại bi, thường làm những việc hiền thiện lợi ích cho hết thảy chúng sinh, không hề mỏi mệt. Đức Như Lai sinh vào trong ba cõi này như căn nhà mục nát đang bốc cháy, vì cứu độ chúng sinh thoát khỏi ngọn lửa dữ của sinh, già, bệnh, chết, buồn đau, khổ não, ngu si, tối tăm hôn ám và ba món độc: tham lam, sân hận, si mê, nên ngài giáo hóa khiến cho đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Từ câu *"Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất..."* trở đi là phần thứ ba, đức Phật nhắc lại [sự việc] và ngợi khen xưng tán, có hai đoạn.

◆ [Đoạn thứ nhất Phật nói] "lành thay" là nhắc lại hai ý [giải thích việc ông trưởng giả] không nói dối [vừa nói trên].

Hỏi: Tại sao đức Phật không tự nói ra việc [ông trưởng giả] không nói dối?

Đáp: Đức Phật [trước đây] hứa khả ba thừa, nay ban cho Nhất thừa nên khó tự nói ra. Ngài Xá-lợi-phất dựa vào niềm tin nên dễ nói ra [nghĩa] không nói dối.

So sánh ý nghĩa tương hợp trước sau

◆ Từ câu *"Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai cũng giống như vậy..."* trở đi là đoạn thứ hai, tổng hợp các thí dụ. Ngài Quang Trạch nêu ra 10 thí dụ, trong đó chỉ có 7 là tương hợp [với phần trước], còn lại 3 không tương hợp. Trong số 7 thí dụ tương hợp thì thật ra chỉ có 5, vì các thí dụ thứ năm và thứ tám có thể gộp vào [các thí dụ khác]. Các thí dụ không tương hợp là thí dụ [thứ nhất], thứ bảy và thứ chín. Cho nên biết rằng, nêu ra 10 thí dụ là rườm rà mà không hội được [ý nghĩa]. Nay hợp tất cả [chia ra thành] các thí dụ khái quát và thí dụ cụ thể [để so sánh sự tương hợp trước sau].

So sánh các thí dụ khái quát

Có 6 thí dụ khái quát, nay so với [các thí dụ] phần trước đều tương hợp [ý nghĩa], chỉ có điều không hoàn toàn đúng theo thứ tự.[1]

Câu đầu tiên tương hợp với thí dụ [khái quát] thứ nhất ở phần trước. Phần trước nêu thí dụ *"ông trưởng giả"*, nói đến danh tiếng và công hạnh, địa vị và danh hiệu, cùng với

[1] Kể từ đây là phân tích so sánh đoạn kinh văn này với các thí dụ đã nêu từ đầu phẩm, như được phân chia ở trên gồm 6 thí dụ tổng quát và 4 thí dụ cụ thể.

đức độ và sự nghiệp. [Ý nghĩa] tương hợp với câu *"Đức Như Lai cũng giống như vậy."* Trước tiên là tương hợp về địa vị và danh hiệu. Đức Như Lai có vô số đức hiệu, chỉ lược nêu ra 10 nghĩa như trên đã nói. [Nói] *"hết thảy thế gian"* là dùng nơi chốn xứ sở để xác định danh tiếng và công hạnh. Trong ví dụ ở trước nói *"đất nước, đô thành hay thôn xóm"* là tương hợp với trong câu này nói *"hết thảy thế gian"*, cũng đồng thời chỉ đến các cõi [phàm thánh] đồng cư, [phương tiện] hữu dư và tự thể [thật báo trang nghiêm], hết thảy đều là những cõi quả báo của tâm vi diệu nhiệm mầu hóa hiện ra hình sắc nhiệm mầu. Đức Như Lai ứng hóa biến hiện trong ba cõi ấy, tức là *"hết thảy thế gian"*, tương hợp với phần trên nói *"đất nước, đô thành hay thôn xóm"*.

Từ câu *"đối với tất cả những sự sợ hãi..."* trở đi tương hợp với phần trước xưng tán đức độ tự thân và phẩm đức bên ngoài [của ông trưởng giả]. Về đức độ tự thân thì [phần trước nói] *"tuổi cao sức yếu"*, tất nhiên [tích lũy] nhiều tri thức thông đạt, ví cho trí đức và đoạn đức[1] của đức Như Lai. Đối với hết thảy những sự sợ hãi cũng như vô minh, [Như Lai] đều đã vĩnh viễn dứt trừ, [ý nghĩa này] phù hợp với kinh văn phần trước nói [ông trưởng giả] *"sức yếu"*, là hiển bày đoạn đức; [Như Lai] thành tựu vô lượng tri kiến, [ý nghĩa này] tương hợp với kinh văn phần trên nói [ông trưởng giả] *"tuổi cao"*, là hiển bày trí đức.

[Kinh văn đoạn này nói các phẩm tính như] lực, vô sở úy v.v. [của đức Như Lai] là tương hợp với phần trước nói về phẩm đức bên ngoài [của ông trưởng giả] là *"giàu có vô cùng"*. Nói *"sức thần thông"* là vì tu tập sâu xa pháp thiền định có thể đạt được thần thông, tương hợp với phần trước nói *"sở hữu rất nhiều ruộng vườn"*. Sức trí tuệ là nói trí ấy

[1] Trí đức chỉ trí Bát-nhã thấu suốt chân lý, tức trí tuệ giác ngộ; đoạn đức chỉ cho phẩm tính đã dứt trừ hết thảy phiền não, tức thể nhập Niết-bàn. Chỉ có quả vị Phật mới có đủ trí đức và đoạn đức này, gọi là Như Lai trí đoạn (如來智斷).

tất nhiên soi chiếu cảnh bên ngoài, chẳng hạn như cảnh giới nơi hiện thân, phù hợp với phần trước nói *"sở hữu nhà cửa"*. Đầy đủ các phương tiện [trí tuệ] ba-la-mật là tương hợp với phần trước nói *"có nhiều tôi tớ"*.

Tiếp đến câu thứ hai từ *"đại từ đại bi..."* trở đi, tương hợp với thí dụ khái quát thứ tư ở phần trước. Từ bi là căn bản của sự thi hành giáo hóa; *"hết thảy chúng sanh"* là chỉ tất cả [chúng sanh] trong 5 đường,[1] [Đức Phật] thường dùng tâm từ bi che chở [cho tất cả], tương hợp với phần trước nói [trong nhà ông trưởng giả] *"có đến 500 người"*.

Câu thứ ba từ *"Đức Như Lai sinh vào trong ba cõi này như căn nhà mục nát đang bốc cháy"*, tương hợp với thí dụ khái quát thứ hai *"căn nhà rộng lớn"* ở phần trước.

Câu thứ tư *"vì cứu độ chúng sanh..."* tương hợp với thí dụ khái quát thứ sáu ở phần trước. Những chúng sinh có duyên gần gũi, thân cận [Như Lai] thì được hóa độ trước, tương hợp với phần trước nói *"có 30 người con"*.

Câu thứ năm từ *"sinh, già, bệnh, chết..."* trở đi phù hợp với thí dụ khái quát thứ năm ở phần trước nói *"lửa bốc lên cháy nhà"*.

Câu thứ sáu *"giáo hóa khiến cho đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"* tương hợp với thí dụ khái quát thứ ba ở phần trước. Giáo pháp có thể giảng rõ lý, tìm cầu được lý, khởi sự hành trì liền đạt được quả vị Bồ-đề. Cho nên biết rằng giáo và lý phải cùng được vận dụng. [Ý nghĩa này] tương hợp với thí dụ phần trước nói *"chỉ có một cửa ra vào"*.

---

[1] Năm đường (五道 - ngũ đạo): chỉ tất cả những cảnh giới tái sinh của chúng sinh trong luân hồi. Thường dùng sáu đường (lục đạo) để chỉ: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, cõi địa ngục, cõi ngạ quỹ và cõi súc sinh. Khi nói năm đường là không kể đến cõi a-tu-la vì cho rằng loài này tùy theo nghiệp lực thiện ác mà được xếp chung vào cõi trời, cõi người hoặc trong cả 5 cảnh giới.

Nếu muốn giảng thuyết cho [kinh văn] trước sau [tương hợp] có thể hiểu được thì hết thảy mọi thí dụ đều nên lưu ý việc dẫn khởi từ phẩm Phương tiện để so sánh sắp xếp. Phần sau có thể không dùng cách này.

So sánh các thí dụ cụ thể

KINH VĂN

> **Đức Như Lai nhìn thấy các chúng sinh bị thiêu đốt bởi sinh, già, bệnh, chết, buồn đau, khổ não, lại cũng vì năm món dục và tiền tài, lợi lộc mà phải chịu đủ mọi thứ khổ đau, lại vì sự tham lam bám chấp tìm cầu mà hiện tại phải chịu mọi sự khổ não, đời sau còn phải khổ vì đọa vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu như được sinh lên cõi trời hoặc cõi người, lại cũng phải chịu những nỗi khổ như nghèo cùng khốn khó, phải xa lìa người mình thương yêu, phải gặp gỡ người mình oán ghét... đủ mọi nỗi khổ như vậy. Chúng sinh chìm đắm trong những nỗi khổ ấy, vui mừng đùa giỡn, không hay không biết, chẳng khiếp chẳng sợ, cũng không sinh tâm chán bỏ, không cầu được giải thoát, ở trong ba cõi như căn nhà đang bốc cháy mà mãi chạy loanh quanh đó đây, dù phải gặp những nỗi khổ lớn lao nhưng không cho đó là đáng sợ.**

Từ câu *"Đức Như Lai nhìn thấy các chúng sinh... "* trở đi là phần thứ hai, tương hợp với các thí dụ cụ thể [ở trước]. Có bốn thí dụ cụ thể. Nay câu đầu tiên tương hợp với thí dụ *"ông trưởng giả thấy lửa"*. Trong thí dụ có 3 ý, câu kinh văn này có 4 ý, cũng tương hợp cả 4 ý. Trong thí dụ thì ý nghĩa *"hết sức kinh hãi"* đặt ở trước, những đứa con *"đắm vui trong chỗ chơi đùa"* đặt ở sau. Trong phần kinh văn tương hợp thì ý nghĩa *"không hay không biết, chẳng khiếp chẳng sợ"* đặt ở trước, còn ý nghĩa *"dứt trừ hết khổ, mang cho niềm vui"* lại nằm ở sau. [Hai phần trước sau] hỗ tương hiển lộ, chỉ ra tính chất không nhất định.

Nay xét một chữ *"thấy"*. [Ý] thứ nhất tương hợp với ý thứ nhất [trong thí dụ cụ thể thứ nhất] ở phần trước, [đều nói về] mắt có thể thấy, tức là nói con mắt trí tuệ tịch nhiên soi chiếu của Như Lai có khả năng nhìn thấy.

Từ câu *"các chúng sinh bị thiêu đốt bởi sinh, già, bệnh, chết..."* trở đi là ý thứ hai, tương hợp với ý thứ hai [trong thí dụ cụ thể thứ nhất] ở trước nói [những gì được nhìn thấy] là *"lửa bốc lên quanh bốn phía nhà"*. Trong kinh văn phần này nêu rõ 8 nỗi khổ là lửa [thiêu đốt chúng sanh]. Bốn nỗi khổ [sinh, già, bệnh, chết] đã nói rõ trong kinh văn. [Tiếp theo là nói] sự tham muốn bám chấp truy cầu, cầu không được thì khổ, ngày sau chịu khổ đọa vào địa ngục. Trong hai cõi trời, người thì chịu nỗi khổ 5 ấm [phấn phát]. [Hai nỗi khổ] thương yêu phải chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ thì y theo như kinh văn. [Cộng tất cả] là 8 nỗi khổ, từ nơi 4 sự điên đảo mà khởi sinh, tức là nói *"bốc lên quanh bốn phía nhà"*.

Từ câu *"Chúng sinh chìm đắm trong những nỗi khổ ấy"* trở đi phần là ý thứ ba, tương hợp với [đoạn] thứ tư trong thí dụ [cụ thể thứ nhất] ở phần trước nói *"các con ta... ... không hay không biết gì"*. Vì không quán khổ đế, tập đế nên không [khởi tâm] chán ghét [xa lìa sinh tử luân hồi]. Vì không quán đạo đế, diệt đế nên không cầu giải thoát. [Chúng sinh] tuy phải chịu khổ não nặng nề nhưng không cho đó là khổ nạn, tương hợp với trong thí dụ phần trước nói là *"tâm không chán sợ, không có ý cầu được thoát ra"*.

KINH VĂN

> **"Này Xá-lợi-phất! Phật nhìn thấy như vậy, liền suy nghĩ rằng: 'Ta là đấng cha lành của chúng sinh, phải giúp trừ cho hết khổ nạn, mang đến cho chúng sinh niềm vui từ trí tuệ Phật vô lượng vô biên, khiến họ được vui thích.'**
> **"Xá-lợi-phất! Rồi Như Lai lại nghĩ: 'Nếu ta chỉ dùng sức thần**

thông và sức trí tuệ, không dùng phương tiện, vì chúng sinh mà ngợi khen xưng tán tri kiến, lực, vô sở úy... của Như Lai, thì chúng sinh không thể nào nhờ đó để được cứu độ. Vì sao vậy? Vì chúng sinh chưa thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, khổ não... đang bị thiêu đốt trong ba cõi như căn nhà đang cháy, dựa vào đâu để có thể hiểu được trí tuệ Phật?'[1]

"Xá-lợi-phất! Cũng như ông trưởng giả kia tuy có sức mạnh nhưng không dùng đến, chỉ ân cần dùng phương tiện dẫn dụ để cứu thoát các con ra khỏi nạn nhà cháy, sau đó mới cho mỗi người một cỗ xe lớn quý báu. Đức Như Lai cũng vậy, tuy có lực, vô sở úy... nhưng không dùng đến, chỉ dùng phương tiện trí tuệ, trong căn nhà lửa ba cõi này mà cứu vớt chúng sinh, vì chúng sinh thuyết dạy ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa,[2] Phật thừa mà nói rằng: "Các người chớ nên vui thú trong ba cõi như căn nhà đang cháy, chớ tham muốn những hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm thô trược thấp hèn. Nếu tham muốn bám chấp thì sinh ra ái luyến, ắt sẽ bị thiêu cháy. Các người phải nhanh chóng thoát ra khỏi ba cõi, sẽ đạt được ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Phật thừa. Ta nay vì các người mà bảo đảm cho việc này, nhất định không hề hư dối. Các người hãy chuyên cần tinh tấn tu tập.'

[1] Tham khảo bản dịch của H. Kern từ Phạn ngữ, dường như diễn đạt đủ nghĩa và đi sát với thí dụ căn nhà đang cháy ở trên hơn: "If, in the conviction of my possessing the power of knowledge and magical faculties, I manifest to these beings the knowledge, forces, and absence of hesitation of the Tathâgata, without availing myself of some device, these beings will not escape. For they are attached to the pleasures of the five senses, to worldly pleasures; they will not be freed from birth, old age, disease, death, grief, wailing, pain, melancholy, despondency, by which they are burnt, tormented, vexed, distressed. Unless they are forced to leave the triple world which is like a house the shelter and roof whereof is in a blaze, how are they to get acquainted with Buddha-knowledge?" (Nếu ta tin chắc vào trí lực và thần lực, ta hiển bày cho chúng sinh thấy những trí, lực, vô sở úy của Như Lai mà không dùng đến phương tiện thì những chúng sinh này không thể được cứu độ. Bởi vì họ còn bám víu vào 5 món dục, những thú vui thế tục, họ sẽ không thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, than khóc, đau đớn, ưu sầu, chán nản và bị những thứ ấy thiêu đốt, giày vò, bực dọc, đau đớn. Nếu không bị thúc ép ra khỏi ba cõi giống như căn nhà đang bốc cháy này thì làm sao họ có thể hiểu được trí tuệ Phật?)

[2] Kinh văn dùng Bích-chi Phật (辟支佛), cũng tức là Duyên giác.

> **"Đức Như Lai dùng phương tiện dẫn dụ khuyên bảo khuyến khích chúng sinh nên lại nói rằng: 'Các người nên biết, giáo pháp ba thừa này được các bậc thánh ngợi khen xưng tán, tự do tự tại không trói buộc, không có chỗ nương dựa mong cầu. Nương theo [giáo pháp] ba thừa này, dùng các pháp vô lậu như căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, tam-muội v.v. để tự vui thích, liền được vô lượng an ổn, khoái lạc.'**

Từ câu *"Phật nhìn thấy như vậy, liền suy nghĩ rằng..."* là ý thứ tư, tương hợp với ý thứ ba [trong thí dụ thứ nhất] ở phần trước, nói *"hết sức kinh hãi"*. [Trong thí dụ nói] *"Nay ta tuy có thể xuyên qua cửa đang cháy mà thoát ra ngoài an ổn"*, là tương hợp với ý *"phải giúp trừ cho hết khổ nạn"*, tức là nói sức đại bi [của Phật]; *"mang đến cho chúng sinh niềm vui"*, tức là nói sức đại từ [của Phật].

Từ câu *"Rồi Như Lai lại nghĩ..."* trở đi là tương hợp với [thí dụ cụ thể thứ hai, nói ông trưởng giả quyết định] bỏ không dùng [cách đặt các con lên] bàn ghế [mang ra] mà [chuyển sang] dùng các cỗ xe [đẹp để dẫn dụ].

Trong thí dụ trên có hai ý *"khuyên bảo khuyến khích"* và *"răn dạy ngăn ngừa"*, nay [trong kinh văn đoạn này] chỉ tương hợp với ý khuyên bảo khuyến khích, không tương hợp với ý răn dạy ngăn ngừa.

Trong phần thuyết chánh pháp cũng chỉ nói khuyến khích việc làm lành, không nêu ý ngăn ngừa việc xấu ác, cho nên khuyên bảo khuyến khích tu tập là chính, ngăn ngừa việc xấu ác là phụ.

Lại nữa, ý nghĩa khuyến khích việc làm lành tức là ngăn ngừa việc xấu ác, ngăn ngừa việc xấu ác tức là khuyến khích việc làm lành. Nay xét thấy tương hợp với ý khuyến khích việc làm lành thì biết là cũng tương hợp với việc ngăn ngừa điều xấu ác.

Phần khuyến trong thí dụ ở trước có 3 ý: thứ nhất, dự tính là thích hợp; thứ hai, xét thấy [chúng sanh] không có căn cơ; thứ ba, thôi dừng việc giáo hóa.

[Ý thứ nhất] dự tính thích hợp là câu *"thân ta mạnh, tay ta khỏe, có thể dùng vạt áo rộng bọc lấy các con, hoặc đặt chúng trên ghế"*. [Kinh văn phần này nói] *"nếu ta chỉ dùng sức thần thông..."*, đó là tương hợp với phần trước nói *"thân ta mạnh"*; nói *"và sức trí tuệ"* là tương hợp với *"tay ta khỏe"*. [Lại nói] *"ngợi khen xưng tán tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai"* là tương hợp với *"dùng vạt áo rộng"*. Khi Phật vừa xuất thế liền có những dự định như vậy, nhưng *"chúng sinh không thể nào nhờ đó được cứu độ"*.

Ý thứ hai là từ câu *"Vì sao vậy? Vì chúng sinh chưa thoát khỏi..."* trở đi, giải thích [vì sao chúng sanh] không thể được cứu độ, tương hợp với phần trước trong thí dụ nói những người con không nghe theo lời khuyên bảo [của ông trưởng giả]. [Ý nghĩa] chính là do 5 thứ uế trược che chướng nặng nề, [chúng sanh] chưa thể thoát ra khỏi ngọn lửa sinh tử [đang thiêu đốt], nên không thể nhập được [giáo pháp] Đại thừa nhiệm mầu vi diệu, cho nên nói *"dựa vào đâu để có thể hiểu được trí tuệ Phật"*. Câu này tương hợp với trong thí dụ ở trước [ông trưởng giả suy nghĩ *"Nhà này chỉ có một cửa, lại nhỏ hẹp..."* Vì Tiểu [thừa nhỏ hẹp] nên không thể hiểu được trí tuệ [Phật]. Không hiểu được trí tuệ, là ý [nói chỉ] lấy công hạnh làm *"cửa ra"*.[1]

Câu *"Cũng như ông trưởng giả kia, tuy có sức mạnh nhưng không dùng đến"* là tương hợp với ý thứ ba [trong thí dụ thứ hai, phần *"Dùng pháp khuyên bảo khuyến khích"*] ở trước, [ông trưởng giả] từ bỏ sự khuyên bảo [các con, ví cho chúng sanh] không có cơ duyên [nên đức Phật] dừng

[1] Sự tu tập giải thoát cần có cả trí tuệ và công hạnh. Ở đây nói do không hiểu được trí tuệ nên người tu chỉ biết dựa vào công hạnh làm "cửa ra", tức là phương tiện giải thoát.

việc giáo hóa. [Ông trưởng giả lại nghĩ:] *"E rằng chúng vùng vẫy rơi xuống, ắt phải bị lửa thiêu."* Trong câu này không có chữ nào mang nghĩa "từ bỏ", [nhưng trong] thí dụ và [phần kinh văn] dẫn khởi thí dụ thì ý nghĩa "dừng sự giáo hóa" rất rõ ràng. Nội dung kinh văn nói về "dừng sự giáo hóa" có 2 phần. Phần trước lặp lại tất cả có 3 thí dụ, phần sau hoàn toàn tương hợp nghĩa "dừng sự giáo hóa".

Lặp lại một thí dụ trước tiên là chính thức thuận hợp nghĩa dừng sự giáo hóa. Lặp lại hai thí dụ tiếp theo là phụ thêm vào để thành nghĩa dừng sự giáo hóa. [Kinh văn nói] *"tuy có sức mạnh nhưng không dùng đến"*, đây là lặp lại thí dụ ở trước nói việc [ông trưởng giả] không thể dùng sức mạnh cứu con, tức là tương hợp với nghĩa dừng sự giáo hóa. [Kinh văn phần trước cũng nói] đức Như Lai dừng sự giáo hóa bằng Đại thừa.

Từ câu *"chỉ ân cần dùng phương tiện dẫn dụ..."* trở đi là lặp lại thí dụ nói nghĩa dẫn dụ hứa cho ba loại xe. Lại từ câu *"sau đó mới cho mỗi người..."* trở đi là lặp lại thí dụ [cụ thể] thứ ba [ở trước] nói việc *"cho tất cả các con mỗi người một cỗ xe lớn như nhau"*. Câu *"Đức Như Lai cũng vậy, tuy có lực, vô sở úy... nhưng không dùng đến"*[1] là hoàn toàn tương hợp với ý thứ ba [trong ví dụ cụ thể thứ hai ở trước] mang nghĩa "dừng việc giáo hóa".

Từ câu *"Chỉ dùng phương tiện trí tuệ..."* trở đi là tương hợp với thí dụ dùng xe [đẹp dẫn dụ] cứu được các con. Phần kinh văn ở trước có 4 ý, phần này cũng có 4 ý. Câu *"chỉ dùng phương tiện trí tuệ"* là tương hợp với ý thứ nhất *"dự tính dùng ba xe dẫn dụ là thích hợp"*. Câu *"vì chúng sinh thuyết dạy ba thừa"* là tương hợp với ý thứ hai ở phần trước nói rõ *"biết ý các con trước đây"*.

---

[1] Nguyên tác Văn Cú nói cụ thể là 16 chữ, tức là trọn câu này: "如來亦復如是，雖有力、無所畏而不用之 - Như Lai diệc phục như thị, tuy hữu lực, vô sở úy nhi bất dụng chi."

Từ câu *"...mà nói rằng: Các người chớ nên..."* là tương hợp với ý thứ ba trong phần thí dụ ở trước nói "[ông trưởng giả] khen ngợi ba loại xe là *"hiếm có khó được"*.

[Trong thí dụ thứ hai ở phần trước, ý thứ ba] có [các ý nghĩa] khuyến chuyển, thị chuyển và chứng chuyển, kinh văn phần này cũng tương hợp đầy đủ, chỉ là không theo đúng thứ tự.

Ý thứ nhất tương hợp với ý thứ hai ở phần trước, nói *"các người chớ nên vui thú trong ba cõi..."* là chỉ bày cho thấy chỗ vô sinh. Nói *"ba cõi"* là chỉ bày khổ đế; nói *"chớ tham muốn... thô trược"* cho đến *"sinh ra ái luyến"* là chỉ bày tập đế; nói *"phải nhanh chóng thoát ra khỏi ba cõi"* là chỉ bày diệt đế và đạo đế.

[Ý nghĩa] diệt đạo là chỉ bày cho biết ngoài ba cõi có quả vị của ba thừa đủ trí đức và đoạn đức, nên khiến cho [chúng sanh] nhanh chóng thoát ra ngoài ba cõi để được ba thừa. Ba thừa chính là lấy đạo đế và diệt đế làm thể.

Câu *"Ta nay vì các người mà bảo đảm cho việc này, nhất định không hề hư dối"* là ý thứ hai, tương hợp với ý thứ ba trong thí dụ phần trước, nói *"chắc chắn sẽ có chỗ chứng đắc không hề hư dối"*.

Từ câu *"...lại nói rằng: 'Các người nên biết...'"* trở đi là ý thứ ba, tương hợp với câu thứ nhất [của ý thứ ba trong thí dụ trên], [ông trưởng giả] khen ngợi ba loại xe là *"hiếm có khó được"*.

[Kinh văn nói *"giáo pháp ba thừa này được các bậc thánh ngợi khen xưng tán"*, vì] ba thừa ấy là phương tiện của chư Phật, là phương thức thích hợp dẫn dắt chúng sinh nên tất cả các bậc thánh đều xưng tán.

[Lại nói *"tự do tự tại không trói buộc"*, vì] đạt được trí vô sinh là tự tại, đạt được trí đoạn tận là không còn phiền

não rối loạn.[1] [Bậc chứng ngộ tự biết] sự tái sinh đã dứt, không còn thọ nhận thân sau nên gọi là *"không có chỗ nương dựa"*; việc cần làm đã làm xong, hạnh thanh tịnh đã thiết lập vững chắc nên gọi là *"không mong cầu"*.

KINH VĂN

"Xá-lợi-phất! Nếu có những chúng sinh nào trong tâm có tánh trí, theo Phật Thế Tôn nghe pháp rồi tin nhận, lưu tâm chuyên cần tinh tấn, muốn nhanh chóng thoát ra ngoài ba cõi, tự mình cầu đạt Niết-bàn, đó gọi là hàng Thanh văn thừa, cũng giống như những đứa con [của ông trưởng giả] vì muốn được xe dê mà [nhanh chóng] ra khỏi căn nhà đang cháy.

"Nếu có những chúng sinh nào theo Phật Thế Tôn nghe pháp rồi tin nhận, lưu tâm chuyên cần tinh tấn, cầu đạt trí tuệ tự nhiên, vui thích sống cô độc tịch tịnh, rõ biết sâu xa nhân duyên của các pháp, đó gọi là hàng Duyên giác thừa, cũng giống như những đứa con [của ông trưởng giả] vì muốn được xe nai mà [nhanh chóng] ra khỏi căn nhà đang cháy.

"Nếu có những chúng sinh nào theo Phật Thế Tôn nghe pháp rồi tin nhận, chuyên cần tinh tấn tu tập, cầu trí tuệ biết tất cả, trí tuệ tự nhiên, trí tuệ không do thầy dạy, cùng những phẩm tính của Như Lai như tri kiến, lực, vô sở úy, thường thương xót nhớ nghĩ, làm an vui vô lượng chúng sinh, làm lợi ích khắp hàng trời người, độ thoát hết thảy [chúng sanh], đó gọi là hàng Đại thừa. Bồ Tát cầu Đại thừa như vậy nên gọi là Đại [Bồ Tát], cũng giống như những đứa con [của ông trưởng giả] vì muốn được xe trâu mà [nhanh chóng] ra khỏi căn nhà đang cháy.

[1] Nguyên tác dùng "盡智為無繫 - tận trí vi vô phồn", tận trí (kṣaya-jñāna) là trí tuệ có năng lực đoạn trừ hết tất cả phiền não lậu hoặc; vô phồn (無繫) là dứt hết mọi sự phồn tạp, rắc rối, cũng chính là phiền não gây rối loạn. Cho nên danh xưng cõi trời Vô phiền (無煩天) cũng được gọi là Vô phồn (無繫天). Câu kinh đang được giải thích là "自在無繫 - tự tại vô hệ" (tự tại, không trói buộc), cho nên phiền não tán loạn ở đây chính là giải thích về sự trói buộc.

Từ câu *"Nếu có những chúng sinh nào trong tâm có tánh trí"* trở đi là tương hợp với ý thứ tư trong thí dụ [cụ thể thứ hai] ở trước, là nghĩa *"hợp với ý thích của các con"*. Phần trước nói đến chân thật, tương tợ v.v... của 4 giai vị,[1] phần này cũng tương hợp có 4, chỉ có điều phần trước nói bao quát còn phần này nói phân biệt cụ thể. Trong ba thừa, mỗi thừa đều có 4 [giai vị như vậy], đều có dẫn lại trong thí dụ ở trước thuận hợp [ý nghĩa].

"Trong tâm có tánh trí", nghĩa là từ xưa đã quen với sự ham muốn niềm vui của ba thừa, tạo thành tánh trí ba thừa, cho nên đức Phật [thuận theo đó] mà thuyết dạy giáo pháp ba thừa. Từ câu *"trong tâm có tánh trí"* cho đến *"theo Phật nghe pháp rồi tin nhận"* là tương hợp với câu kinh văn trong [thí dụ] ở trước, *"nghe cha nói đến các món đồ chơi quý báu hợp với ý thích"*, [tức là] tương hợp với ý nghĩa *"văn tuệ"*; *"lưu tâm chuyên cần"* là tương hợp với kinh văn ở trước nói *"tất cả đều hết sức nhanh chóng"*, đây là tương hợp với *"tư tuệ"*; *"tinh tấn"* là tương hợp với [nghĩa] thứ hai [trong ý thứ tư] của thí dụ ở trước nói *"thúc đẩy chen lấn"*. *"Thúc đẩy"* là nói [nỗ lực] truy tìm để hiểu lý [thù thắng]; *"chen lấn"* nói xô đuổi, trừ bỏ điều ác. Điều ác dứt trừ nên *"tinh"*, hiểu lý [thù thắng] sáng tỏ nên *"tấn"*, đó là tương hợp với phần trước nói *"tu tuệ"*.[2]

[Kinh văn nói] *"muốn nhanh chóng thoát ra"* là tương hợp với ý thứ ba [trong thí dụ thứ hai] nói *"tranh đua cùng chạy nhanh ra"*. [Kinh văn nói] *"đó gọi là hàng Thanh văn thừa"*, tương hợp với ý thứ tư [trong thí dụ] ở trước nói *"tranh nhau ra khỏi căn nhà đang cháy"*. [Tuy chỉ nói Thanh văn, nhưng] người tu hành trong ba thừa đều có [mục đích] như ý thứ tư này. Hàng Duyên giác thì [hướng

[1] Bốn giai vị: chỉ các giai vị noãn vị, đảnh vị, nhẫn vị và thế đệ nhất pháp vị.

[2] Đoạn này đề cập đến văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ là ba loại trí tuệ có được từ văn (nghe Chánh pháp), tư (suy ngẫm Chánh pháp) và tu (tu tập theo Chánh pháp).

về] tìm cầu trí tuệ tự nhiên. Người tu hành theo Duyên giác thừa là tự thực hành pháp, ít được nghe [thuyết giảng] giáo pháp từ người khác, đa phần là tự mình suy xét [quán chiếu] để thấu hiểu ý nghĩa [chân lý thù thắng], cho nên ví như [xe] hươu, vì loài hươu không [sống] nương dựa theo người.

[Trí tuệ] tự nhiên là theo cửa [quán xét] 12 nhân duyên mà thể nhập [đạo]. Cửa [12 nhân duyên] này vốn đã tự nhiên sẵn có, không phải do Phật hay trời, người... tạo ra, nên gọi là trí tuệ tự nhiên. Lại nữa, [vì không phải] do nghe từ người khác [mà có] nên gọi là trí tuệ tự nhiên. [Trí tuệ của] hàng Bồ Tát gọi là trí biết tất cả. Vượt hơn cả hai thừa mới là trí tuệ Phật. Bồ Tát hướng đến [trí tuệ Phật] như vậy mà tu tập nhân [*"độ thoát hết thảy chúng sanh"*], tức là ý nghĩa xe lớn có thể chuyên chở thêm [người khác].

KINH VĂN

> **"Xá-lợi-phất! Cũng như ông trưởng giả kia nhìn thấy các con đã an toàn ra khỏi căn nhà đang cháy, đến được chỗ không còn lo sợ, tự nghĩ mình giàu có tài vật nhiều không kể xiết, liền cho tất cả các con cùng một loại xe lớn [quý báu] như nhau. Đức Như Lai cũng vậy, là đấng cha lành của hết thảy chúng sinh, ngài nhìn thấy vô số muôn ức chúng sinh nhờ các pháp môn Phật dạy mà thoát ra khỏi khổ não trong ba cõi, vượt qua đường hiểm nguy đáng sợ, đạt được niềm vui Niết-bàn.**

Từ câu *"như ông trưởng giả kia nhìn thấy các con đã an toàn ra khỏi..."* trở đi là tương hợp với thí dụ [cụ thể] thứ ba *"cho tất cả các con mỗi người một cỗ xe lớn như nhau"*. Thí dụ ở trước có bốn phần. Thứ nhất là [các con] thoát nạn, thứ hai là [các con] đòi xe, thứ ba là [ông trưởng giả] ban cho [các con] cùng một loại xe, thứ tư là [các con] vui mừng. Trong phần này lược bớt, không tương hợp [hoàn toàn] với phần thứ hai và thứ tư [của thí dụ], chỉ có nghĩa

tương hợp với ý [các con] thoát nạn gồm luôn nghĩa [các con] đòi xe, và tương hợp với ý cho cùng một loại xe gồm luôn nghĩa [các con] vui mừng.

Kinh văn phần này lặp lại hai thí dụ *"các con thoát nạn"* và *"cho cùng một loại xe"* như ở trước và tương hợp [ý nghĩa] với hai thí dụ [còn lại]. Từ câu *"như ông trưởng giả kia"* trở đi là lặp lại thí dụ *"các con thoát nạn"*, từ câu *"tự nghĩ mình giàu có"* trở đi là lặp lại thí dụ *"cho cùng một loại xe"*. Từ câu *"Đức Như Lai cũng vậy"* trở đi là tương hợp với ý nghĩa *"các con thoát nạn"*.

"Cửa" trong thí dụ có 3 nghĩa, [do cửa mà] vào, [theo cửa mà] ra và [cửa là] riêng biệt. Như ba cõi là nhà, 5 ấm là phòng,[1] [5 ấm gồm sắc và tâm,][2] do mê muội [không rõ biết] sắc tâm mà trói buộc vào sắc tâm ấy, tức là vào trong nhà [ba cõi], đó là [do] cửa sinh tử [mà vào]. Nếu nói thoát ra, tức là từ trong ba cõi mà thoát ra, đó là nương theo cửa ra là nghĩa rốt ráo của Thông giáo như Phật đã dạy. Nếu nói nghĩa Biệt giáo thì nương theo cửa ra là nghĩa rốt ráo của Biệt giáo. Nay [kinh văn đoạn này] nói *"các pháp môn Phật dạy"*, tức là chỉ chung cho cả Tạng giáo và Thông giáo. Hết thảy ý nghĩa giáo lý đều là cửa ra, [theo đó] thoát ra khỏi ba cõi gọi là *"thoát nạn"*.

KINH VĂN

> **Khi ấy đức Như Lai liền nghĩ rằng: 'Ta có kho tàng Chánh pháp của chư Phật gồm vô lượng vô biên trí tuệ, lực, vô sở úy... Những**

[1] Nguyên tác Văn Cú nói "三界為宅五陰為舍 - tam giới vi trạch, ngũ ấm vi xá", Văn Cú Ký giải thích: "宅寬舍狹三界為宅五陰為舍 - trạch khoan xá hiệp, tam giới vi trạch, ngũ ấm vi xá". Do vậy có thể hiểu rằng ở đây dùng chữ "xá" với ý nghĩa "nhỏ hẹp" hơn so với "trạch". Cả hai chữ đều dùng để ví với nơi chốn trú ngụ của tất cả chúng sinh.

[2] Năm ấm bao gồm sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Trong đó chỉ riêng sắc ấm thuộc về sắc pháp, 4 ấm còn lại đều thuộc về tâm pháp. Cho nên kinh văn nói "sắc tâm" là cách nói khác để chỉ 5 ấm.

chúng sinh này đều là con ta, sẽ bình đẳng trao cho Đại thừa, không để chỉ riêng một người được diệt độ, đối với tất cả đều dùng sự diệt độ của Như Lai mà khiến cho được diệt độ.'

[Cho nên, với] tất cả những chúng sinh đã thoát ra ngoài ba cõi, [đức Như Lai] đều trao cho đầy đủ sự an vui từ thiền định, giải thoát... của chư Phật, tất cả đều cùng một tướng thể, một chủng loại được các bậc thánh ngợi khen xưng tán, thường làm khởi sinh niềm vui nhiệm mầu thanh tịnh bậc nhất.

Từ câu *"Khi ấy đức Như Lai liền nghĩ rằng..."* trở đi là tương hợp [với thí dụ] *"cho cùng một loại xe"*. [Theo kinh văn phần trước,] thí dụ này trước tiên nêu hai mục [tâm bình đẳng và xe như nhau], tiếp theo là hai ý nói rộng và thứ ba là giải thích nguyên do [có xe]. Phần này có lược bớt và tương hợp không đầy đủ, câu văn đôi chỗ không theo đúng thứ tự [như trước].

Câu thứ nhất *"Khi ấy đức Như Lai liền nghĩ rằng: 'Ta có kho tàng Chánh pháp của chư Phật gồm vô lượng vô biên trí tuệ, lực, vô úy v.v.'"* tương hợp với ý nhỏ thứ tư trong thí dụ phần trước, giải thích về nguyên do có xe, nói rằng *"giàu có vô cùng, có đủ mọi kho tàng mà tất cả đều chất chứa đầy tràn"*.

Câu thứ hai *"Những chúng sinh này đều là con ta..."* tương hợp với ý nhỏ thứ năm trong thí dụ giảng rộng nghĩa tâm tánh bình đẳng, nói rằng: *"Ta có tiền bạc của cải nhiều không kể xiết, không nên cho con ta những cỗ xe xấu nhỏ."* Kinh văn phần này nói: *"Không để chỉ riêng một người được diệt độ, đối với tất cả đều dùng sự diệt độ của Như Lai mà khiến cho được diệt độ."* Như vậy lẽ nào không phải tương hợp với ý nghĩa tâm tánh bình đẳng hay sao?

Câu thứ ba là *"tất cả những chúng sinh đã thoát ra ngoài ba cõi..."* tương hợp với ý thứ nhất trong thí dụ nêu

nghĩa tâm tánh bình đẳng, như phần trước nói *"cho tất cả các con mỗi người một cỗ xe lớn như nhau"*.

Câu thứ tư *"thiền định, giải thoát... của chư Phật"* tương hợp với ý thứ hai trong thí dụ phần trước nêu nghĩa [cho các con] những cỗ xe đồng như nhau.

Câu thứ năm *"tất cả đều cùng một tướng thể, một chủng loại"* tương hợp với ý nhỏ thứ ba nói về [cùng một loại] xe lớn cao rộng, cũng là tương hợp với cả [đoạn mô tả] từ *"xe ấy cao rộng"* cho đến *"có nhiều người đi theo hầu hạ, bảo vệ"*.

Một tướng là tướng thật, tức là pháp thân; một chủng loại tức là [nhất thiết] chủng trí, [là nói trí] Bát-nhã *"thường làm khởi sinh niềm vui nhiệm mầu thanh tịnh"*. Vui tức là không còn khổ, gọi là giải thoát. Ba đức [như trên][1] cao rộng đầy đủ trang nghiêm, bao gồm tất cả các đức gọi là Đại thừa, tương hợp với trong thí dụ phần trước nói xe lớn cao rộng.

KINH VĂN

"Này Xá-lợi-phất! Như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng ba loại xe để dẫn dụ các con [ra khỏi căn nhà đang cháy], sau đó lại chỉ cho cùng một loại xe lớn quý báu trang nghiêm, thoải mái bậc nhất, nhưng ông trưởng giả ấy không hề có lỗi nói dối. Đức Như Lai cũng vậy, không hề hư dối, tuy là ban đầu thuyết dạy ba thừa để dẫn dắt chúng sinh nhưng sau lại chỉ dùng Đại thừa để độ thoát hết thảy. Vì sao vậy? Vì đức Như Lai có kho tàng chứa vô lượng các pháp trí tuệ, lực, vô sở úy... có thể ban pháp Đại thừa cho hết thảy chúng sinh, chỉ vì không phải tất cả chúng sinh đều có thể thọ nhận.

[1] Tam đức (三德), là ba phẩm đức của một vị Phật, bao gồm pháp thân, nhất thiết chủng trí và Bát-nhã trí. Ba đức này hiển lộ ở quả vị Phật, còn khi ở địa vị chúng sinh phàm phu thì đó là tánh Phật ẩn tàng, tức là tiềm năng để mọi chúng sinh đều có thể tu tập thành tựu quả Phật.

> **"Xá-lợi-phất! Do nhân duyên như vậy, nên biết rằng chư Phật dùng sức phương tiện mà từ một Phật thừa phân biệt thuyết dạy thành ba thừa."**

Từ câu *"Như ông trưởng giả kia, ban đầu dùng ba loại xe..."* trở đi là tương hợp với thí dụ thứ tư ở trước nói nghĩa *"ông trưởng giả không nói dối"*. Trong phần thí dụ ở trước, nội dung trả lời [của ngài Xá-lợi-phất] có hai ý [biện minh ông trưởng giả không nói dối]. Thứ nhất là vì bảo toàn thân mạng [cho các con], thứ hai là vì không trái với ý định ban đầu [chỉ muốn cứu các con]. Trong mỗi ý này đều có ba tiểu ý riêng biệt. Trong kinh văn phần này chỉ tương hợp với ý *"không trái ý định ban đầu"*, trong đó bao gồm cả nghĩa *"bảo toàn thân mạng"*. Vì sao vậy? Ý định ban đầu của đức Phật chỉ là [giúp chúng sanh] trừ bỏ 5 sự uế trược. Khi 5 sự uế trược đã trừ hết thì sự hiền thiện lớn lao tự thành tựu trọn vẹn.

Phần thí dụ ở trước nói về nghĩa *"không trái ý định ban đầu"* gồm ba ý. Thứ nhất là nêu vấn đề, thứ hai là giải thích vấn đề, thứ ba là so sánh [để kết luận]. Kinh văn phần này chỉ tương hợp với [hai ý sau là] giải thích và so sánh.

Trước tiên nhắc lại thí dụ dùng 3 xe để dẫn dụ, sau đó chỉ ban cho [cùng một loại] xe lớn. Điều này tương hợp với việc đức Như Lai ban đầu thuyết dạy 3 thừa để dẫn dắt, sau đó chỉ dùng [giáo pháp] Đại thừa. Đây là tương hợp với ý giải thích [ý nghĩa] *"không trái ý định ban đầu"*, [giống như] phần trước nói: *"Trước tiên ông trưởng giả ấy đã có ý nghĩ rằng: 'Ta dùng phương tiện này để khiến cho các con được thoát ra.'"*

Từ câu *"Vì sao vậy?"* trở đi là tương hợp với ý thứ ba trong thí dụ ở trước, so sánh chỉ ra [ông trưởng giả] không nói dối, tức là câu: *"Huống chi ông trưởng giả tự biết mình giàu có vô cùng, muốn làm lợi ích cho các con."* Cho nên dù hứa cho 3 loại xe mà [cuối cùng] chỉ cho cùng một loại xe lớn nhưng không phải là nói dối. Ý giải thích này có hơi khác biệt với trong thí dụ ở trước.

Trong thí dụ phần trước nói [ông trưởng giả] vì muốn cứu các con thoát ra [nên dẫn dụ], nhưng thật lòng không hề có ý ban cho 3 loại xe, cho nên khi các con đã được thoát ra, dù ông không ban cho gì cả cũng không phải là nói dối.

Kinh văn phần này nói, đức Như Lai xuất thế vốn chỉ muốn thuyết dạy Đại thừa, nhưng vì chúng sinh trí tuệ nhỏ hẹp tham đắm trong ba cõi, nên Phật mới dùng phương tiện dẫn dắt. Khi chúng sinh đã thoát ra ngoài [ba cõi], Phật chỉ thuyết giảng Đại thừa, tức là theo như tâm nguyện trước đây. Do vậy mà nói *"ban pháp Đại thừa cho hết thảy chúng sinh, chỉ vì không phải tất cả chúng sinh đều có thể thọ nhận"*. Nếu như trong thời Hoa nghiêm mà chúng sinh có thể thọ nhận thì Phật đã thuyết giảng Đại thừa, không cần phải từ một Phật thừa mà phân chia nói thành ba thừa. Vì chúng sinh không thể thọ nhận, đức Phật mới dùng sức phương tiện, từ một Phật thừa mà phân biệt thuyết giảng thành ba thừa. Ba thừa đó là do [tùy thuận] chúng sinh, không phải ý nguyện ban đầu của Phật, vì thế có thể vận dụng ý giải thích này theo nghĩa *"không trái ý định ban đầu"* nên không phải nói dối.[1]

KỆ TỤNG

Phần kệ tiếp theo có 165 khổ kệ, chia làm 2 nhóm. Nhóm kệ thứ nhất có 100 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa trong kinh văn trường hàng ở trước. Nhóm kệ thứ hai có 65 khổ kệ, nêu rõ phương pháp lưu thông, truyền rộng kinh này.

KINH VĂN

> **[Khi ấy,] đức Phật muốn lặp lại những ý nghĩa trên nên đọc kệ rằng:**

[1] Văn Cú đến đây là hết quyển 5, phần hạ, bắt đầu quyển 6, phần thượng.

Tụng lại kinh văn trường hàng

Kinh văn trường hàng ở trước có 2 tổng phần: trước nêu thí dụ, sau nói ý nghĩa tương hợp với thí dụ. Trong nhóm kệ thứ nhất này cũng chia 2 tổng phần như vậy. Tổng phần thứ nhất có 65 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa nêu thí dụ. Tổng phần thứ hai có 34 khổ rưỡi kệ, tụng ý nghĩa tương hợp với thí dụ.

▣ Tổng phần thứ nhất lại chia ra làm 2 phần. Phần đầu tiên có 33 khổ kệ, tụng lại [ý nghĩa] các thí dụ khái quát. Phần thứ hai có 32 khổ rưỡi kệ, tụng lại [ý nghĩa] các thí dụ cụ thể.

■ Phần đầu tiên tụng lại ý nghĩa thí dụ khái quát có 6 ý nghĩa gồm trong 4 tổng đoạn, vì có 2 ý nghĩa được gộp chung vào, như phần tụng về ruộng vườn nhà cửa [trong thí dụ] thì gồm cả ý *"chỉ có một cửa"*, phần tụng về [ý nghĩa] có 500 người [trong nhà ông trưởng giả] thì gồm cả ý *"có 30 người con"*.

KINH VĂN

Ví như ông trưởng giả,
Có một căn nhà lớn.
Nhà cũ kỹ đã lâu,
Lại thêm rất xấu tệ.
Sảnh đường cao sắp đổ,
Cột trụ mục rệu rã,
Xà, rường đều nghiêng lệch,
Nền móng lún sụp cả.
Tường vách nứt nghiêng đổ,
Vôi vữa tróc rơi xuống.
Mái lợp rớt ngổn ngang.
Các xà nhà lệch khớp,
Đầy chướng ngại quanh co,
Ô uế ngập bốn bề.
Hiện có năm trăm người,
Đang sống trong nhà ấy.

▣ Tổng đoạn thứ nhất chỉ có một câu đầu tiên, nói *"ông trưởng giả"* tức là tụng lại phần trước nói địa vị, danh hiệu, trong đó gồm cả [các ý nghĩa] về danh tiếng, công hạnh và xưng tán đức độ. [Xưng danh trưởng giả là] đã có phẩm đức của bậc trưởng thượng, nên biết là danh tiếng và công hạnh

đều lan rộng, [được người] trong khắp đất nước, đô thành đều tôn sùng, cũng biết được là niên kỷ bên trong và phẩm đức bên ngoài của vị ấy đều cao. Nói *"bên trong"* là tương hợp với "Thế Tôn",[1] tức là địa vị và danh hiệu [Phật], tự biết có đầy đủ trí đức và đoạn đức, từ bi cùng muôn đức.

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Có một căn nhà lớn"* trở đi, gồm 3 khổ kệ và một câu, tụng lại thí dụ thứ hai *"căn nhà rộng lớn"* ở trước. Tổng đoạn này chia thành 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất là câu *"có một căn nhà lớn"*, tụng lại [ý nghĩa] về căn nhà rộng lớn.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Nhà cũ kỹ đã lâu"* trở đi nói rộng về hình thể thực trạng căn nhà. Đoạn này nói về tướng bị thiêu đốt cho nên biết là nói về hình thể thực trạng căn nhà. Ba cõi không có thời điểm khởi đầu, đó là *"đã lâu"*, không phải ngày nay mới tạo ra, đó là *"cũ kỹ"*. Vô thường là hèn kém nên gọi là *"xấu tệ"*.

Cũng có người nói, [trong thân người] đầu như điện thờ, bụng như sảnh lớn, lưng là khung nhà, niệm niệm tiếp nối vô thường nên nói là như *"sảnh đường cao sắp đổ"*.

Lại có người nói, sắc giới là *"sảnh đường"*, Dục giới là *"căn nhà"*, [chúng sinh trong đó] không tránh được sự đọa lạc nên gọi là *"sắp đổ"*. [Trong căn nhà ba cõi đó,] sự duy trì mạng sống là *"cột trụ"*, hành nghiệp trong quá khứ [của chúng sanh] là *"nền móng"*.

Lại có người nói, hai chân là *"cột trụ"*, [thân người] chịu ba tướng[2] biến chuyển nên gọi là *"mục, rệu rã"*. Ý thức là giềng mối ràng buộc nên gọi là *"xà, rường"*, bị các nỗi khổ làm cho hư hoại nên nói là *"nghiêng lệch"*.

---

[1] Văn Cú dùng chữ Bà-già-bà (婆伽婆), phiên âm từ chữ bhagavat, dịch là Thế Tôn.

[2] Văn Cú dùng "三相 - tam tướng", chỉ các tướng hữu vi gồm sinh tướng (sinh ra, hình thành), trụ dị tướng (tồn tại và thay đổi) và diệt tướng (hủy hoại, diệt mất). Tất cả các pháp hữu vi đều biến chuyển theo ba tướng này.

Lại có người nói, [trong thân người] xương sống như *"xà, rường"*, [cả bộ khung] xương[1] là *"nền móng"*, đến lúc suy yếu già nua là *"lún sụp"*.

Nói về *"tường vách"*, có người cho rằng bốn đại[2] là *"tường vách"*, da bọc [ngoài thân] là *"vôi vữa"*, đi đứng nằm ngồi[3] không còn ngay ngắn vững chãi, đó là *"rơi ngổn ngang"*. Sự nhận biết của năm giác quan không còn thông suốt, không tương ưng giữa chủ thể nhận biết với trần cảnh là *"lệch khớp"*.

Cũng có người nói rằng, tường vách đến lúc nghiêng đổ cũng giống như da thịt [về già] nứt nẻ nhăn nheo. Hình sắc tươi đẹp thời trai trẻ giống như vôi vữa lúc mới tô [lên tường]; hình sắc héo khô tiều tụy lúc về già như [vôi vữa] về sau *"tróc rơi xuống"*. Râu tóc lúc già suy ắt đều rơi rụng hết, như *"mái lợp rớt ngổn ngang"*. Gân cốt khi già yếu không giữ được các khớp xương, giống như *"xà nhà lệch khớp"*.

"Khắp nơi đầy chướng ngại." Ấn sư[4] nói rằng: "36 món [trong thân thể][5] đều chướng ngại lẫn nhau, cho nên nói là *"đầy chướng ngại"*. Ruột dài uốn khúc [trong khoang bụng] nên gọi là *"quanh co"*. Không chỉ chịu sự thay đổi biến chuyển bởi vô thường, mà còn có những khổ não nhơ nhớp, cho nên nói là *"ô uế ngập bốn bề"*.

---

[1] Văn Cú dùng chữ 胳 (cách), theo từ điển Khang Hy là giống như chữ "骼 - cách", chỉ bộ xương.

[2] Bốn đại, chỉ các yếu tố hình thành thân người, bao gồm đất (địa đại), chỉ cho tính chất cứng rắn; nước (thủy đại), chỉ cho tính chất ẩm ướt; gió (phong đại), chỉ cho tính chất chuyển động, hay động năng; và lửa (hỏa đại), chỉ cho tính chất ấm nóng, hay nhiệt năng.

[3] Nguyên tác dùng "四威儀 - tứ oai nghi", ở đây chỉ bốn tư thế chuyển động bình thường của cơ thể là đi, đứng, nằm và ngồi.

[4] Theo Văn Cú Ký thì Ấn sư là đệ tử của Long sư, Long sư là đệ tử của ngài Tuệ Viễn (334-416), ngoài ra không có thông tin nào khác.

[5] Các kinh luận liệt kê tất cả các chi tiết trong thân thể con người thành 36 món khác nhau, gồm 12 món nhìn thấy bên ngoài (ngoại tướng) như tóc, lông, móng, răng...; 12 món tạo thành khí chất (thân khí) như da, máu, thịt...; 12 món nằm trong thân (nội hàm) như gan, mật, tim, phổi...

Nay [không theo những cách giải thích trên mà] cho rằng, *"đầy chướng ngại"* là 6 thức, *"quanh co"* là 6 căn; 6 thức duyên theo 6 căn, [từ đó bám víu] nắm giữ cảnh trần, [tạo thành sự] ngăn trở khó khăn nên nói là *"quanh co"*. Sáu trần làm uế nhiễm cả 6 căn nên nói là *"ô uế ngập bốn bề"*. [Đó là] theo hai [ý nghĩa] nhân duyên và quán tâm mà giải thích. Đại lược là như vậy.

▣ Tổng đoạn thứ ba gồm nửa khổ kệ, từ câu *"hiện có năm trăm người"*, tụng lại [ý nghĩa] trong thí dụ ở trước nói có 500 người, tức là bao quát hết căn tánh ba thừa [của chúng sanh] trong 5 đường.[1] Ý nghĩa này cũng bao gồm luôn cả thí dụ 30 người con.

KINH VĂN

Cú,[2] diều hâu, kên kên,
Quạ, khách, cưu,[3] bồ câu…
Rắn hổ mang, bọ cạp,
Rết độc, sâu do diên,[4]
Tắc kè, trùng nhiều chân...[5]
Vượn, chồn cáo, chuột nhắt,
Với các loại trùng độc,
Cùng dọc ngang ruổi chạy.
Nước tiểu, phân hôi thối,
Nhơ nhớp chảy lan tràn.
Giòi, bọ hung lúc nhúc,
Trên những ô uế đó.

Lũ cáo, sói, chồn hoang,
Liếm láp rồi giẫm đạp,
Cắn xé những xác chết,
Làm vung vãi xương thịt...
Do vậy bầy chó hoang,
Cùng xúm lại tranh nhau.
Chúng đói, gầy, sợ sệt,
Khắp chốn tìm thức ăn,
Cấu xé giành giật nhau,
Gầm rú, sủa, tru tréo.
Căn nhà ấy biến dạng,
Đáng sợ đến như thế.

[1] Năm đường (ngũ đạo): tức bao gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người và cõi trời. Theo cách tính này thì loài a-tu-la được xem là tùy theo nghiệp lực có thể sinh vào cõi người hoặc cõi trời. Do vậy cách hiểu này cũng tương đương như sáu đường (lục đạo), bao gồm tất cả chúng sinh trong ba cõi.

[2] Nguyên tác đề cập đến hai loại chim cú là cú mèo (鴟 - si) và cú vọ (梟 - kiêu).

[3] Chim cưu (鳩), tức là chim tu hú.

[4] Loài sâu có nhiều chân, hình dạng được mô tả là giống con rết.

[5] Nguyên tác là bá túc (百足), dịch sát nghĩa là "trăm chân", nhưng thật ra chỉ chung những loại côn trùng rất nhiều chân, không phải chính xác là trăm chân.

▣ Tổng đoạn thứ tư từ câu *"kên kên, cú, diều hâu..."* trở đi, gồm 29 khổ kệ, tụng lại [ý nghĩa] thí dụ thứ năm trong [các thí dụ khái quát] ở phần trước nói *"lửa bốc lên cháy nhà"*. Tổng đoạn này có 4 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 22 khổ kệ, mô tả những việc trên mặt đất, thí dụ cho lửa bốc lên [thiêu đốt] cõi Dục.

◆ Đoạn thứ hai có 3 khổ rưỡi kệ, mô tả những việc trong hang hốc [dưới mặt đất], thí dụ cho lửa bốc lên [thiêu đốt] cõi Sắc.

◆ Đoạn thứ ba có 2 khổ rưỡi kệ, mô tả những việc trên không trung, thí dụ cho lửa bốc lên [thiêu đốt] cõi Vô sắc.

◆ Đoạn thứ tư gồm 1 khổ kệ, tổng kết nêu ra việc có nhiều hiểm nạn chứ không phải chỉ có một.

Trong đoạn thứ nhất nói lửa thiêu đốt cõi Dục lại có 4 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 17 khổ rưỡi kệ, mô tả các loài bị lửa thiêu đốt, thí dụ cho [chúng sinh bị] thập sử[1] [thiêu đốt].

❖ Tiểu đoạn thứ hai có 1 khổ kệ,[2] nêu ra nguyên do lửa bốc lên, thí dụ cho nguyên do khởi sinh 5 sự uế trược.

---

[1] Thập sử (十使), tức mười yếu tố sai sử chúng sinh, thúc đẩy việc tạo nghiệp và do đó phải lưu chuyển mãi mãi trong sinh tử luân hồi. Thập sử bao gồm năm độn sử (tức là sự sai sử thô thiển) là tham (tham lam), sân (sân hận), si (si mê), mạn (kiêu mạn), nghi (nghi ngờ), và năm lợi sử (là những sự sai sử tinh tế hơn) là thân kiến (quan điểm chấp có thân), biên kiến (quan điểm thiên lệch, nghiêng về một bên), tà kiến (quan điểm sai lầm, không đúng chánh đạo), kiến thủ kiến (quan điểm sai lầm về nhận thức giác ngộ của chính mình, do đó sinh ra bám chấp) và giới cấm thủ kiến (quan điểm sai lầm về giữ giới, giữ theo những cấm giới sai lầm, không phải do Phật chế định, không có tác dụng phòng hộ thân tâm).

[2] Chỗ này Văn Cú ghi nhầm là 1 khổ rưỡi, nhưng trong phần giảng giải ở phía sau thì phân đoạn này chỉ có 1 khổ kệ. Phân đoạn thứ ba tiếp theo cũng ghi nhầm là 1 khổ rưỡi nhưng đúng ra là 2 khổ kệ. Chúng tôi đã điều chỉnh theo số đúng.

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 2 khổ kệ, mô tả sức lửa bốc lên [hừng hực], thí dụ cho 5 sự uế trược đã khởi sinh.

❖ Tiểu đoạn thứ tư gồm 1 khổ rưỡi kệ, mô tả tướng trạng [những thứ] bị lửa thiêu đốt, thí dụ cho việc [chúng sanh] phải nhận chịu 8 nỗi khổ trong 5 sự uế trược.

Tiểu đoạn thứ nhất, trong 17 khổ rưỡi kệ lại có 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất gồm 16 khổ kệ nêu rõ những thứ bị thiêu đốt. Phân đoạn thứ hai gồm 1 khổ rưỡi kệ là tổng kết.

▪ Phân đoạn thứ nhất nói những thứ bị thiêu đốt, bao gồm 2 ý.

◆ Ý thứ nhất gồm 6 khổ kệ, mô tả những loài cầm thú bị lửa thiêu, thí dụ cho chúng sinh bị 5 độn sử [thiêu đốt].

◆ Ý thứ hai gồm 10 khổ kệ, mô tả quỷ thần bị lửa thiêu, thí dụ cho chúng sinh bị 5 lợi sử [thiêu đốt].

Ý thứ nhất ví 5 độn sử lại chia làm 2 tiểu ý. Tiểu ý thứ nhất gồm 5 khổ rưỡi kệ nêu rõ 5 độn sử. Tiểu ý thứ 2 có nửa khổ kệ là tóm kết.

✦ Tiểu ý thứ nhất nói về 5 độn sử lại phân ra 5 điều.

1. Nửa khổ kệ đầu tiên thí dụ cho mạn sử (kiêu mạn). Chúng sinh tự đề cao mình mà khinh mạn, xem thường người khác, nên ví như tính chất của loài chim bay cao, nhìn xuống tất cả đều thấp [hơn mình], nên 8 loài chim thí dụ cho 8 loại kiêu mạn. Trong kinh Văn Thù vấn nêu 8 sự kiêu mạn, nay vận dụng [ý nghĩa đó] kết hợp với 8 loài chim [trong kệ tụng này].

Một là kiêu căng vì sức đang trẻ khỏe, mạnh mẽ hơn người khác (thịnh tráng kiêu) ví như chim cú mèo. Hai là kiêu căng vì dòng tộc, chủng tánh [tốt đẹp hơn người khác (tánh kiêu), ví như chim cú vọ hung bạo. Ba là kiêu căng vì giàu có hơn người (phú kiêu), ví như loài diều hâu.

Bốn là kiêu căng vì có thể tự do làm theo ý mình (tự tại kiêu), ví như loài chim thứu (kên kên). Năm là kiêu căng vì tuổi thọ hơn người, được sống lâu (thọ mạng kiêu), ví như loài chim quạ. Sáu là kiêu căng vì thông minh hơn người (thông minh kiêu), ví như loài chim khách. Bảy là kiêu căng vì làm được việc tốt lành, hiền thiện (hành thiện kiêu), ví như loài chim tu hú. Tám là kiêu căng vì có sắc đẹp hơn người (sắc kiêu), ví như loài chim bồ câu.

[Lại nữa,] nhục mạ người khác là kiêu mạn, tự quý trọng mình cũng là kiêu mạn. Tự luyến ái mình là tham ái, luyến ái người khác là dâm dật. Tự ôm lòng oán hận là khuể, nổi giận với người khác là sân. Tự mê hoặc mình là ngu, làm cho người khác mê hoặc là si. [Nói về các kết sử thì] đại lược là như vậy.

2. Nửa khổ kệ tiếp theo, từ câu *"rắn hổ mang, bọ cạp..."* trở đi là thí dụ cho sân sử. [Thí dụ về] sân hận có 3 loại. Rắn hổ mang kịch độc, không cần tiếp xúc mà phun nọc độc, ví cho sự phi lý khởi sinh sân hận. Bọ cạp vừa chạm vào là chích ngay, ví cho sự bám chấp nơi lý lẽ mà khởi sinh sân hận. Rết độc ví cho sự khởi sinh sân hận do hý luận. Người đời nói loài rết có màu đỏ nơi vòng cổ, nếu vòng cổ không có màu đỏ thì là loài sâu do diên.[1]

3. Hai khổ kệ tiếp theo, từ câu *"tắc kè, loài trăm chân"* trở đi là thí dụ cho si sử (si mê). Si mê [hay vô minh] có hai loại là vô minh tự khởi riêng biệt (độc đầu vô minh) và vô minh khởi lên tương ưng [với phiền não] (tương ưng vô minh). Tắc kè, các loài nhiều chân... đều ngu ngơ khờ khạo, nên ví cho *độc đầu vô minh*. Vượn, chồn, cáo, chuột nhắt... ví cho *tương ưng vô minh*.

Từ câu *"với các loại trùng độc..."* trở đi là nói từ nơi si mê, hay vô minh căn bản, mà khởi sinh đầy đủ tất cả các loại kiết sử trói buộc, nêu rõ sự tương duyên giữa các sử.

[1] Loài sâu do diên có hình dạng giống con rết, sống ở nơi ẩm thấp.

Hoặc duyên theo ba cõi [nên nói là] như *"dọc ngang"*, hoặc khởi sinh nhanh chóng [nên nói là] rồi *"ruổi chạy"*.

Từ câu *"nước tiểu, phân hôi thối..."* trở đi là một khổ kệ, nêu chỗ trần cảnh bám chấp của tâm si mê, tất cả đều là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Do si mê không rõ biết, ở trong đó mà cho là thường, vui, hữu ngã, trong sạch[1] rồi bám chấp, cho nên nói rằng: *"Giòi, bọ hung lúc nhúc, trên những ô uế đó."*

4. Hai khổ kệ tiếp theo, từ câu *"lũ cáo, sói, chồn hoang..."* trở đi thí dụ cho tham sử. Tham có 2 loại, một là có sức mạnh, hai là chẳng có sức mạnh. Có sức mạnh là dùng uy thế để cướp lấy như cáo, sói... Không có sức mạnh là chỉ có thể đi theo người khác để van nài xin lấy những thứ xấu tệ, như loài chồn hoang...

Từ câu *"liếm láp rồi giẫm đạp..."* là mô tả sự tham chấp bám giữ cảnh trần, dẫn đến đưa vật [bên ngoài] vào tự thân mình, nên nói là *"liếm láp"*, không giữ theo đạo lý nên nói là *"giẫm đạp"*. Tâm tham lam chấp giữ cảnh trần, như chấp giữ một thành phố, hoặc giữ một quốc gia... đều có biên giới [rộng hẹp] nên gọi là *"cắn xé"*.

Lại [có người] nói rằng, tâm tham chấp giữ trần cảnh có [hai loại]: có dùng đến và không dùng đến. [Tham chấp rồi] có dùng đến là *"liếm láp"*, tham chấp nhưng không dùng đến là "giẫm đạp". Lại [có người nói, tham chấp] ít là *"liếm láp"*, [tham chấp] nhiều là *"giẫm đạp"*.

"Làm vung vãi xương thịt..." là nói [chúng sanh] tích tụ mãi [sự tham muốn] 5 cảnh trần,[2] không có chỗ biết đủ mà dừng lại.

---

[1] Nguyên tác dùng "計淨等 - kế tịnh đẳng" là cách nói lược, chỉ nêu "tịnh" để chỉ chung "thường, lạc, ngã, tịnh" của thế gian.

[2] Ở đây chỉ sắc trần (hình sắc đẹp đẽ theo ý muốn), thanh trần (âm thanh êm dịu ngọt ngào như ý muốn), hương trần (mùi hương thơm tho như ý muốn), vị trần (vị nếm ngon ngọt như ý muốn) và xúc trần (sự xúc chạm mềm mại, khoái lạc).

"Do vậy bầy chó hoang, cùng xúm lại tranh giành" là nói tham lam có sức mạnh. Tranh giành mà không cần đến sức mạnh là nói lũ giặc vua quan [dùng quyền thế].

"Chúng đói, gầy, sợ sệt...", thường không biết đủ là *"đói"*, mong cầu không được là *"gầy"*, mưu tìm đủ mọi thứ là *"lang thang"*. Người tham muốn quá nhiều thì tuy giàu mà nghèo, [vì luôn thấy thiếu thốn].

Tâm luyến ái mà tham muốn, đó là tham 5 cảnh trần như *"thịt"*. Tâm thấy biết mà tham muốn, đó là tham đạo lý như *"xương"*. Tìm cầu sự hiểu biết nên ngày càng nhiều kiến giải, đó là nhiều *"xương"*, lũ chó thèm xương liền *"xúm lại tranh giành"*. Kiến giải đầy trong tâm nhưng chưa có được món ăn chánh pháp nên gọi là *"đói"*. Chưa có khả năng hàng phục, dứt trừ các kiến chấp nên gọi là *"gầy"*. Cầu tìm kiến giải khắp nơi nên gọi là *"sợ sệt"*. Lại có người cho rằng, đây là nói người tham lam trong tâm luôn mong ngóng tìm cầu.

5. Hai câu kệ tiếp theo: *"Cắn xé,*[1] *giành giật nhau, gầm rú, sủa, tru tréo"* là thí dụ cho nghi sử. Do dự giữa hai bên nên gọi là nghi, chưa quyết định được sự đúng sai [giữa đôi bên] nên đấu tranh giằng co. Tâm ý nghĩ rằng đúng thì *"cắn"*, [là cắn chặt, giữ lấy]; tâm ý cho là sai thì *"xé"*, [là xé nát, phá bỏ]. *"Gầm rú, sủa, tru tréo"* là nói việc phát ra đủ lời tranh luận để giành giật lẽ đúng sai.

✦ Tiểu ý thứ hai gồm hai câu *"Căn nhà ấy biến dạng, đáng sợ đến như thế"*, tóm kết lại phần nói về 5 độn sử ở trên.

KINH VĂN

Nên khắp nơi đều có,
Lũ yêu ma quỷ quái,
Quỷ dạ-xoa ác độc,
Ăn nuốt xương thịt người.
Đủ các loài trùng độc,
Lũ chim, thú hung ác,

[1] Văn Cú chép là "摭掣 - tra xế" (bộ thủ), trong khi kinh văn dùng chữ "齧 - tra" (bộ xỉ), có lẽ để nhấn mạnh sự cắn xé bằng răng.

Ấp trứng hoặc sinh con,
Tự che giấu, bảo vệ,
Bầy dạ-xoa đua nhau,
Giành giật để ăn nuốt.
Ăn đã no nê rồi,
Tâm hung ác càng mạnh,
Chúng đánh nhau gào thét,
Nghe đáng sợ vô cùng.
Loài quỷ cưu-bàn-trà,
Ngồi xổm trên gò đất,
Hoặc có lúc lơ lửng,
Cách đất một, hai thước,
Bay qua rồi bay lại,
Tha hồ đùa bỡn nhau.
Nắm chặt hai chân chó,
Đánh cho kêu thất thanh,
Rồi đá bỏ vào cổ,
Chó sợ, quỷ tự vui.
Lại có nhóm quỷ khác,
Thân thể rất cao lớn,
Đen đúa, gầy, trần truồng,
Thường ở trong nhà này,
Phát tiếng lớn, hung hãn,
Kêu la mong được ăn.
Lại có những con quỷ,
Cổ nhỏ như kim khâu.
Còn có những con quỷ,
Đầu giống như đầu trâu,
Hoặc ăn nuốt thịt người,
Hoặc ăn cả thịt chó.
Đầu tóc như cỏ rối,
Hung hiểm, ác, nguy hại,
Vì đói khát bức bách,
Kêu thét chạy khắp nơi.
Bọn dạ-xoa, ngạ quỷ,
Loài chim, thú hung dữ,
Khắp bốn phía, đói khát,
Rình rập ngoài song cửa.
Những hiểm nạn như thế,
Thật đáng sợ vô cùng.
Nhà cũ, mục nát ấy,
Thuộc sở hữu một người.
Người vừa mới ra ngoài,
Chỉ trong một chốc lát,
Thì từ phía sau nhà,
Bỗng nhiên lửa cháy lên.
Rồi đồng loạt bốn phía,
Lửa bốc cao hừng hực.
Rồi xà ngang cột dọc,
Nổ lớn, xé tung ra,
Gãy đổ cùng rơi rụng,
Tường vách nghiêng đổ xuống.
Các quỷ thần trong nhà,
Đều lớn tiếng kêu la,
Lũ kên kên, diều hâu...
Với quỷ cưu-bàn-trà...
Đều kinh hoàng, hốt hoảng,
Không thể tự thoát ra.

◆ Ý thứ hai gồm 10 khổ kệ, bắt đầu từ câu *"nên khắp nơi đều có..."* là nêu rõ 5 lợi sử. Phần này có 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất có nửa khổ kệ, nêu khái quát về các lợi sử. Các lợi sử duyên theo khắp cùng từ 5 ấm cho đến

4 thánh đế, cho nên nói rằng *"khắp nơi đều có"*. Quỷ thần thì thông suốt, có trí khôn, khác với cầm thú vốn không có, cho nên ví quỷ thần với các lợi sử; ví những loài trùng, thú với các độn sử.

✦ Tiểu ý thứ hai gồm 9 khổ rưỡi kệ, nêu ra 5 điều cụ thể về 5 lợi sử.[1]

1. Ba khổ kệ đầu tiên nói về quỷ dạ-xoa, tức là quỷ tiệp tật,[2] ví cho tà kiến[3] sai trái, bác bỏ cho rằng không có nhân quả. Thân người là quả báo lành, ví cho nhân quả xuất thế, không xen tạp với phiền não, [cho nên] bác bỏ lý nhân quả này ví như ăn thịt người. Các loài trùng độc là quả báo xấu ác, ví cho nhân quả trong thế gian, vốn xen tạp với phiền não, cho nên bác bỏ lý nhân quả này ví như ăn nuốt các loài trùng độc.

"Ấp trứng hoặc sinh con" là nói các pháp trong thế gian đều tùy theo nhân của mỗi loại mà sinh ra quả cùng loại. *"Tự che giấu, bảo vệ"* là nghĩa trong nhân có quả, gọi là *"che giấu"*, [đã có] nhân tất nhiên phải thành quả, không thể mất đi nên gọi là *"bảo vệ"*. Lại nữa, thịt người là hiền thiện, trùng độc là xấu ác, tâm tà kiến bác bỏ cho rằng không có nhân quả thiện ác, về sự tướng cũng giống như *"ăn nuốt"* [các loại thịt người, trùng độc].

[Lại nữa,] *"ấp trứng, sinh con"* là nói chung các việc thiện ác đều có chỗ hoạt dụng của nhân quả hỗ tương sinh khởi. *"Ăn đã no nê rồi"* là nói kiến chấp trong tâm đã hình thành. *"Tâm hung ác càng mạnh"* là nói kiến chấp tăng

---

[1] Năm lợi sử (pañca-dṛṣṭayaḥ) bao gồm: tà kiến (邪見), thân kiến (身見), biên kiến (邊見), kiến thủ kiến (見取見) và giới cấm thủ kiến (戒禁取見). Do đó cũng gọi là ngũ kiến (五見).

[2] Tên quỷ dạ-xoa là phiên âm từ Phạn ngữ yakṣa, Hán dịch là tiệp tật (捷疾), nghĩa là rất nhanh nhẹn.

[3] Tà kiến (邪見): những kiến chấp tà vạy, sai trái, không đúng với lẽ chân thật. Do bám chấp vào đó mà không thể nhận biết được chân lý, sự thật.

thêm, mở rộng. *"Đánh nhau gào thét"* là khi trong tâm [kiến chấp] đã hình thành sẽ biểu lộ ra bên ngoài thành lời nói, dạy bảo [người khác], truyền rộng pháp không nhân không quả, có thể khiến người nghe phải đọa vào ba đường ác, cho nên nói là *"đáng sợ vô cùng"*.

2. Tiếp theo 2 khổ rưỡi kệ, bắt đầu từ *"loài quỷ cưu-bàn-trà"* trở đi là ví cho giới cấm thủ kiến.[1] Cưu-bàn-trà là loài quỷ vượt hơn [các quỷ khác],[2] như nghiệp thiện hữu lậu [sinh ra] cũng vượt hơn các loài sâu bọ. *"Ngồi xổm trên gò đất"* là nói tu tập giữ theo 10 giới lành có thể tái sinh lên sáu tầng trời [thuộc Dục giới].[3] Sáu tầng trời là những nơi cao trong Dục giới, về sự tướng cũng giống như ngồi xổm trên gò đất cao. Lại nữa, hàng ngoại đạo giữ giới, có thể tu tập thiền định, ban sơ chứng được phép định Dục giới, hoặc sẽ được các phép định trong tương lai. Các phép định tương lai vẫn chưa thoát ra khỏi Dục giới. Lên đỉnh cao nhất của Dục giới[4] giống như ngồi xổm trên gò đất cao. *"Hoặc có lúc lơ lửng, cách đất một, hai thước"*, là nói được phép định Sắc giới như *"cách đất một thước"*, được phép định Vô sắc giới như *"cách đất hai thước"*. Được sinh lên cảnh giới cao hơn là *"bay qua"*, sa đọa xuống cảnh giới thấp hơn là *"bay lại"*. Các kiến chấp sinh khởi che lấp là *"tha hồ đùa bỡn nhau"*.

---

[1] Giới cấm thủ kiến (戒禁取見): kiến chấp sai lầm về việc trì giới, như giữ theo các giới cấm mê muội, sai lầm của ngoài đạo mà cho rằng sẽ đưa đến giải thoát. Kiến chấp này cũng được hiểu như là vận dụng sai lầm các giới luật đã thọ trì, dẫn đến làm chướng ngại cho sự tu tập.

[2] Kinh Viên giác gọi tên quỷ này là cát-bàn-trà (吉槃茶) và nói là Đại lực quỷ vương, cai quản các quỷ khác. (ĐCT, T17, 842, tr.922a, d.17.)

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng "六天 - lục thiên" tức Lục dục thiên, chỉ sáu tầng trời thuộc Dục giới, bao gồm: 1. Tứ thiên vương thiên (Cāturmahārājakāyika-deva), 2. Đao-lợi thiên hay Tam thập tam thiên (Tryastriṃśa), 3. Dạ-ma thiên (Yāma), 4. Đâu-suất thiên (Tuṣita), 5. Hóa lạc thiên (Nirmāṇarati), 6. Tha hóa tự tại thiên (Paranirmita-vaśa-vartin).

[4] Tức chỉ đến cõi trời Tha hóa tự tại, cao nhất trong Dục giới.

"Nắm chặt hai chân chó", có người giải thích, hủy báng cho rằng không có nhân khổ giống như *"nắm chặt hai chân chó"*, bác bỏ cho rằng không có quả khổ giống như *"bẻ tréo chân lên cổ"*. Do tập nhân đã tạo từ xưa [nay phải] nhận quả, ví như tiếng kêu của chó. Do kiến chấp lanh lợi mà bác bỏ lý lẽ rằng không có tập nhân [đã tạo] thì không có quả khổ, đó là *"đánh cho kêu thất thanh"*.

Giải thích theo quán tâm thì tu lục hành quán[1] chế phục tâm tham. Tâm tham không hành hoạt tựa như bị chặt đứt nên *"kêu không thành tiếng"*. Chó ví như tham dục, hai chân [chó] ví như các tư tưởng thô và tế.[2] Những tư tưởng ấy loanh quanh qua lại vẫn thường ở trong cảnh giới của tham. [Pháp quán] đếm hơi thở giúp tâm dừng lại là nghĩa trói buộc, vì có thể nắm giữ, kiểm soát tư tưởng. *"Đánh"* là nói khi những tư tưởng tham lam quá mạnh, hướng đến cảnh giới bất tịnh, [hành giả] tu pháp quán bất tịnh có thể chế phục được những tư tưởng tham lam ấy. Tư tưởng tham lam đã bị chế phục ví như con chó bị *"đánh kêu không thành tiếng"*.

Lại có người nói rằng, tu pháp quán bất tịnh ví như đánh con chó [tham dục]. Có thể khởi sinh thiền định ví như [chó] bị *"đánh kêu không thành tiếng"*. *"Rồi đá bồi vào cổ"* là ví như con chó tuy đã bị đánh nhưng còn cựa quậy chưa chịu nằm yên, nên cuối cùng phải *"đá bồi vào cổ"*. Tâm tham lam tuy đã rõ biết là bất tịnh nên dừng lại, nhưng tâm ấy chưa thật lắng sâu tịch tĩnh, nên phải dùng thêm "cú đá" là pháp quán vô thường. Khi [dùng pháp quán vô thường] *"đá bồi"* vào "cổ chấp thường" ắt tâm phải sinh sợ sệt, khiến cho những tư tưởng tham lam không thể khởi lên.

---

[1] Lục hành quán (六行觀), cũng gọi là lục hành tướng, là sáu pháp thực hành quán tưởng sáu hành tướng, bao gồm 3 hành tướng chán lìa là thô, khổ và chướng (ở hạ địa) cùng 3 hành tướng ưa thích là tĩnh, diệu và ly (ở thượng địa).

[2] Văn Cú dùng giác quán (覺觀), là cách nói khác của tầm tứ (尋伺), chỉ các niệm tưởng, tư tưởng thô và tế khởi sinh trong tâm.

Lại có người nói rằng, một lần chế phục tâm ví như đánh chó nằm trên đất, thường buộc [tâm] nơi duyên ví như *"đá bồi vào cổ"* khiến cho không thể "đứng dậy" được. *"Chó sợ, quỷ tự vui"* là nói dùng pháp tu quán vô thường để giác ngộ tâm tham lam ví như làm chó sợ. Nhân nơi pháp tu ấy mà nếm được mùi vị thiền nên gọi là *"tự vui"*.

3. Từ câu *"thân thể rất cao lớn"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, ví cho thân kiến.[1] Về thời gian thì trong cả ba đời đều bám chấp có ngã nên gọi là *"cao"*, về không gian thì đối với cả 5 ấm đều chấp là ngã nên gọi là *"lớn"*. Chấp kể rằng tự ngã không trói buộc nên không tu các pháp lành, tức là không biết hổ thẹn[2] cho nên nói là *"trần truồng"*. Muốn làm đẹp mình bằng những việc xấu ác nên nói là *"đen đúa"*. Không có vốn liếng công đức nên nói là *"gầy"*. Do chấp ngã mà không thể thoát ra ngoài ba cõi nên nói là *"thường ở trong nhà này"*. Từ trong tâm chấp ngã nên phát ra thành lời truyền rộng, giảng thuyết tướng trạng hữu ngã, nên nói là *"phát tiếng lớn hung hãn"*. Mê muội sai lầm mong nhờ thuyết hữu ngã mà chứng đắc đạo quả, nên nói là *"kêu la mong được ăn"*.

4. Từ câu *"Lại có những con quỷ"* trở đi gồm nửa khổ kệ ví cho kiến thủ kiến.[3] Cổ họng rất nhỏ nên mạng sống lâm nguy nhưng vẫn cố giữ lấy thọ mạng, không quán tưởng

[1] Thân kiến (身見): kiến chấp cho rằng thân này là thật có, cho nên cũng gọi là "hữu thân kiến". Vì chấp thân này là thật có, khác biệt với những thứ ngoài thân, cho nên cũng chính là ngã kiến.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng tàm quý (慚愧), chỉ sự hổ thẹn. Tàm là tự mình nhận biết đã phạm phải điều lỗi lầm xấu ác, tự xấu hổ với chính mình. Quý là làm điều lỗi lầm xấu ác bị người khác nhận biết nên hổ thẹn với người. Do vậy, người có tâm tàm quý thì không dám phạm vào những điều lỗi lầm xấu ác. Lại cũng có cách hiểu rằng tàm là mến mộ các công đức, việc lành, mong muốn thực hiện; quý là kinh sợ các điều xấu ác, cố tránh xa không dám phạm vào.

[3] Văn Cú dùng "kiến thủ" (見取), tức chỉ kiến thủ kiến (見取見), gọi đầy đủ là kiến đẳng thủ kiến (見等取見), tức kiến chấp nắm giữ, bám víu những quan điểm sai lầm. Cụ thể là đối với những pháp xấu xa hạ liệt mà các bậc thánh dứt trừ nhưng lại bám chấp cho đó là thù thắng, tốt đẹp.

vô thường mà cho là [đã được] Niết-bàn, cho nên nói là *"cổ nhỏ như kim khâu"*.

5. Từ câu *"Lại có những con quỷ, đầu giống như đầu trâu"* trở đi gồm 2 khổ kệ ví cho biên kiến.[1] Truy tìm bản ngã, cho đó là đoạn diệt, hoặc cho đó là thường hằng, hai bên đoạn thường ví như đầu trâu có 2 sừng. Hoặc cho thân này là ngã, hoặc cho ngã là thân này, dựa vào chấp ngã đó mà khởi sinh biên kiến, ví như đầu trâu có 2 sừng.

Do lỗi chấp thường hay chấp đoạn, có thể dứt mất căn lành xuất thế ví như *"hoặc ăn nuốt thịt người"*, có thể dứt mất căn lành ở thế gian, ví như *"hoặc ăn cả thịt chó"*. Có lúc chấp thường, có lúc lại chấp đoạn, trước sau xoay chuyển nên nói là *"đầu tóc như cỏ rối"*. Chấp thường tức phá trừ chấp đoạn, chấp đoạn tức phá trừ chấp thường, nên nói là *"hung hiểm, ác, nguy hại"*. Không có món ăn thức uống là trí tuệ và định lực để tự nuôi sống nên nói là *"đói khát bức bách"*.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Bọn dạ-xoa, ngạ quỷ"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, nói tóm lại về hình tướng phiền não ở cõi Dục, cũng là tóm kết các tướng lanh lợi hay trì độn[2] của chúng sinh. Hết thảy đều là những tâm hữu lậu, chẳng bao giờ có hương vị đạo pháp trong đó, cho nên nói là *"đói khát bức bách"*.

"Rình rập ngoài song cửa" là nói nghĩa dùng pháp quán tà vạy sai trái để quán lẽ không, khởi tâm ngưỡng mộ đạo vị. Tuy có quán sát nhưng bị trì trệ do bám chấp nơi tâm nên đa phần không thể hội được lẽ chân chánh, giống như nhìn không gian qua song cửa sổ, không thể được thông thoáng không ngăn ngại.

---

[1] Biên kiến (邊見): kiến chấp thiên lệch, nghiêng về một bên, không đúng sự thật.

[2] Văn Cú dùng chữ "thuần" (純) e là chép nhầm chữ "độn" (鈍) vì hai chữ gần giống nhau.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Nhà cũ, mục nát ấy, thuộc sở hữu một người"* trở đi, gồm 1 khổ kệ,[1] nêu nguyên do sơ hở để xảy ra lửa cháy [nhà]. Ba cõi là nơi đức Phật ứng hóa, từ khi phát tâm đến nay thệ nguyện độ thoát [chúng sinh trong đó], cho nên nói rằng *"thuộc sở hữu một người"*. Nếu ông trưởng giả ở nhà, có thể thận trọng giữ gìn việc củi lửa, nhưng vì sau khi ông ra khỏi nhà, các con ông không hiểu biết nên mới để xảy ra nạn lửa bốc cháy. Xét trong [Phật pháp] thì nguyên do này hoàn toàn tương hợp với việc vào thời đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng thường giáo hóa giúp chúng sinh chế phục được 5 sự uế trược. [Khi nhân duyên] chiêu cảm ứng đã dứt, đức Như Lai xả bỏ ứng thân, nên sau đó [thế gian] mới khởi lên 5 sự uế trược. Phật tùy nhân duyên mà [hóa thân] nơi quốc độ khác, chẳng phải bỏ đi vĩnh viễn, cho nên nói là *"vừa mới ra ngoài chỉ trong một chốc lát"*.

Lại có người nói rằng, do đã chứng đắc vô sinh rồi, không còn phải tái sinh trong ba cõi, cho nên nói là *"ra ngoài"*; không bao lâu hẳn sẽ quay lại, cho nên nói là *"vừa mới"*. Trong phẩm Thọ Lượng nói "nhiều lần thị hiện Niết-bàn", chính là ý nói ra khỏi căn nhà [ba cõi].

❖ Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"Thì từ phía sau nhà"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ về thế lửa bốc lên. Nói *"bốn phía"* là chỉ nơi chốn, [hàm ý chỉ 4 phương diện là] thân, thọ, tâm và pháp.[2] [Cả bốn phương diện này] đều cùng lúc khởi sinh 4 điên đảo, 5 sự uế trược, 8 nỗi khổ, cho nên gọi là *"đồng loạt"*. [Thế lửa ấy] dần tăng không ngừng là *"hừng hực"*, [khi cái chết đến thì] mạng sống mất đi là *"nổ lớn"*,

---

[1] Trong phần phân chia tổng quát ở trước, Văn Cú có sự nhầm lẫn khi nói là tiểu đoạn thứ hai gồm một khổ rưỡi kệ và tiểu đoạn thứ ba cũng gồm một khổ rưỡi kệ. Xét theo nội dung giảng giải và phân đoạn ở phần này thì tiểu đoạn thứ hai chỉ có 1 khổ kệ và tiểu đoạn thứ ba gồm 2 khổ kệ.

[2] Thân, thọ, tâm, pháp: tức bốn đối tượng của pháp quán tứ niệm xứ.

phong [đại dao động như] dao[1] cắt xẻ nát thân thể, đó là *"xé tung ra"*.

Lại có người nói rằng, âm thanh [của chúng sinh khi cái chết đến phải] chịu đựng khổ não đau đớn kêu khóc rên rỉ [vang rền khắp nơi] nên gọi là *"nổ lớn"*, các căn bị phá nát hủy hoại gọi là *"xé tung ra"*, hơi thở dứt mất, xương cốt rã rời, gân mạch đứt đoạn gọi là *"gãy đổ cùng rơi rụng"*, bốn đại tan rã gọi là *"tường vách nghiêng đổ xuống"*.

❖ Tiểu đoạn thứ tư từ câu *"Các quỷ thần trong nhà"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu hình tướng những gì bị lửa thiêu đốt. Có người nói rằng, người thân thuộc là quỷ thần, [khi cái chết đến] thì than khóc là *"kêu la"*.

Nay lấy theo nghĩa 5 lợi sử ở trước để ví cho quỷ thần. Người [bị chi phối bởi 5] lợi sử thì chấp thường hoặc chấp đoạn. Người chấp thường cho rằng các pháp nhất định là không, vì từ chỗ có rồi cuối cùng cũng trở về không, cho nên cái không ấy là thường hằng. Người chấp đoạn thì cho rằng các pháp nhất định là đoạn diệt, một khi đã chết là dứt mất không còn tiếp tục trở lại. [Cả hai hạng người này] đều lớn tiếng cho rằng thuyết nhất định [thường hay đoạn] của mình là chuyện đã rõ ràng, cho nên nói là *"đều lớn tiếng kêu la"*. Nếu là [người bị chi phối bởi] 5 độn sử và giới cấm thủ kiến[2] thì vốn không chấp đoạn, nay [khi cái chết đến] thấy lẽ vô thường chỉ sinh tâm nghi sợ, không biết phương cách nào để thoát ra nên nói là *"đều kinh hoàng, hốt hoảng, không thể tự thoát ra"*.

KINH VĂN

Những thú dữ, trùng độc...
Chui trốn vào hang hốc...

Lũ quỷ tỳ-xá-xà,
Cũng đang trong nhà ấy,

[1] Văn Cú dùng chữ "phong đao" (風刀) để chỉ trạng thái đau đớn như dao cắt xẻ thân thể thành từng mảnh khi tứ đại tan rã, do phong đại dao động mà tạo ra.

[2] Vì giới cấm thủ kiến thuộc về năm lợi sử nên ở đây nói tách riêng.

Vì phúc đức mỏng manh,
Bị sức lửa bức bách,
Quay sang giết hại nhau,
Rồi uống máu, ăn thịt.
Lúc ấy loài chồn hoang,
Hết thảy đều chết trước.
Những thú lớn hung dữ,
Liền tranh nhau ăn thịt,
Mùi hôi thối, khét nghẹt...
Bao phủ khắp bốn bề.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Những thú dữ, trùng độc..."* trở đi, gồm 3 khổ rưỡi kệ, nêu những việc trong hang hốc [dưới mặt đất], ví như lửa bốc lên [thiêu đốt] trong cõi Sắc. Các bộ phái giải thích rằng tâm sân hận hiện hữu trong cả ba cõi, chính là ví theo kinh văn đoạn này. Đoạn thứ hai này chia làm 4 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên gồm 1 khổ kệ, nêu rõ những loài bị lửa thiêu đốt. Trạng thái định của tứ thiền ví như hang trống, tuy không rộng rãi thông suốt bằng như cửa ra ngoài nhà, nhưng cũng giúp cho tránh ngọn lửa dữ, ví như khi nhập vào thiền định cũng tránh được những sự thô trược xấu ác của cõi Dục. Những chúng sinh [bị chi phối bởi] 5 lợi sử cũng đạt được thiền định, nên nói *"lũ quỷ tỳ-xá-xà, cũng đang trong nhà ấy"*.

❖ Tiểu đoạn thứ hai là câu *"vì phúc đức mỏng manh"*, nêu nguyên do khiến lửa bốc cháy, [ví như chúng sanh] do ít phước đức nên gần việc xấu ác, thường gặp khổ não.

❖ Tiểu đoạn thứ ba là câu *"bị sức lửa bức bách"* nêu thế lửa bốc lên. Tuy ở trong hang hốc không bị lửa cháy tới nhưng vẫn có sự nóng bức, [như người nhập vào các trạng thái định] tứ thiền tuy không còn những xấu ác của cõi Dục nhưng vẫn còn sự khổ não vi tế của luyến ái, cho nên nói là *"bị sức lửa bức bách"*.

❖ Tiểu đoạn thứ tư từ câu *"Quay sang giết hại nhau"* trở đi, gồm 2 khổ kệ, nêu tướng trạng những thứ bị thiêu đốt, là tướng tranh đoạt lẫn nhau giữa lợi với độn, vì những

chúng sinh chưa dứt các lợi sử và độn sử tuy chứng được thiền định giống nhau nhưng chỗ bám chấp của mỗi người đều khác nhau. Vì khác nhau nên tranh nhau chuyện đúng sai, ví như *"quay sang giết hại nhau"*. Khi ở trong thiền mà khởi lên các kiến chấp ắt không thể khởi sinh định và tuệ vô lậu. Chỉ bám chấp nơi sự tịch lặng nên ví như *"uống máu"*, lại bám chấp 5 chi[1] nên ví như *"ăn thịt"*. Chồn hoang là [ví với] tâm tham ở cõi Dục, do pháp định vị lai dứt trừ hết sạch nên nói *"hết thảy đều chết trước"*, lại cũng gọi là *"ăn thịt"*. Tâm tham thiền định là *"thú lớn hung dữ"*, có thể ăn nuốt tâm tham ở cõi Dục. [Lại nữa,] 4 điên đảo và 8 nỗi khổ trong cõi Dục như ngọn lửa cháy mạnh, 4 điên đảo với khổ ấy ở cõi Sắc như *"mùi hôi thối"*. Cũng có thể hiểu rằng đó là các yếu tố thân, thọ, tâm, pháp cùng 4 đại, da thịt... cho nên nói rằng *"bao phủ khắp bốn bề"*.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Những rết độc, trùng độc..."* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, nêu những việc xảy ra trong không trung, ví như lửa bốc lên [thiêu đốt] trong cõi Vô sắc. Phần này chia thành 2 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên gồm 1 khổ kệ nêu rõ những loài bị thiêu đốt.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu rõ tướng trạng bị thiêu đốt. [Như người] chán bỏ trạng thái định trong cõi Sắc nên ra khỏi định, hướng đến [tu tập] định trong cõi Vô sắc, chán bỏ cảnh giới hình sắc thô trược [nên tu tập] pháp quán vô sắc, ví như những loài rắn độc bị lửa đốt nóng bò ra khỏi hang. Như vậy tức là tâm sân hận hiện

[1] Văn Cú dùng "ngũ chi" (五支) chỉ 5 chi trong 12 chi phần tức thập nhị nhân duyên, tức là các chi: thức, danh sắc, lục xứ, xúc và thọ. Trong 12 nhân duyên thì 2 chi vô minh và hành được xem là nhân quá khứ, 3 chi ái, thủ và hữu là nhân hiện tại, 5 chi vừa đề cập ở đây là quả hiện tại và 2 chi cuối cùng gồm sinh và lão tử là quả tương lai.

hữu trong cả ba cõi,[1] nhưng khi đạt được trạng thái định trong cõi Vô sắc thì tất nhiên diệt trừ được hết các duyên [ở hai cõi] thấp hơn, cho nên nói rằng *"nhân đó bắt lấy ăn"*. [Tuy vậy, lên đến] cõi trời Phi tưởng [phi phi tưởng][2] là cõi trời cao nhất vẫn chưa tránh khỏi được những nỗi khổ vì điên đảo, nên ví như *"lửa bốc cháy trên đầu"*.

Cõi trời Phi tưởng [phi phi tưởng] cũng có đủ 8 nỗi khổ như lửa thiêu đốt. Trong tâm khởi sinh các niệm khác, đó là khổ vì sinh. Các niệm nối nhau tương tục không dừng, đó là khổ vì già. Tâm hành rối loạn ngăn trở việc nhập định, đó là khổ vì bệnh. Tâm an định thối thất, đó là thì khổ vì chết. Cầu định không đạt định, đó là khổ vì mong cầu không được. Cầu định không đạt định ắt là có sự chướng, đó là khổ vì không mong muốn mà phải phải gặp. Trong tâm [vẫn còn] 4 ấm,[3] đó là khổ vì các ấm bùng phát mạnh mẽ.

Không thể tức thời dứt trừ các hạt giống [khổ đau] ở cõi trời Hữu đảnh[4] nên nói là *"lửa bốc cháy trên đầu"*. Không đạt được vô lậu cho nên nói là *"đói khát lại nóng bức"*. Vì còn trong luân hồi như vậy nên nói là *"hoảng hốt chạy khắp nơi"*.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Căn nhà ấy như vậy..."* trở đi gồm 1 khổ kệ, nêu tóm kết về nhiều khổ nạn trong ba cõi, không chỉ là một nạn.

Đến đây là hết phần kệ tụng về các thí dụ khái quát.

---

[1] Lập luận ở đây dựa trên ý nghĩa sự chán ghét, không ưa thích thuộc về tâm sân hận.

[2] Văn Cú dùng "phi tưởng" tức là "phi tưởng thiên" (非想天), để chỉ cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ (非想非非想處天). Đây là cõi trời cao nhất trong cõi Vô sắc nên cũng là cao nhất trong ba cõi.

[3] Cõi Vô sắc không có hình sắc, nên trong năm ấm chỉ còn lại bốn ấm là thọ, tưởng, hành và thức.

[4] Cõi trời Hữu đảnh: là tên khác của cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng.

KINH VĂN

Ông trưởng giả chủ nhà,
Còn đang đứng ngoài cửa,
Nghe có người nói rằng:
"Những đứa con của ông,
Lúc trước cùng đi chơi,
Vào cả trong nhà này.
Chúng nhỏ dại, không biết,
Ham chơi đùa trong ấy."
Ông trưởng giả nghe rồi,
Hốt hoảng vào nhà cháy.

■ Từ câu *"Ông trưởng giả chủ nhà, còn đang đứng ngoài cửa..."* [trở đi] là phần thứ hai, gồm 32 khổ rưỡi kệ, tụng lại về các thí dụ cụ thể. Phần về thí dụ cụ thể [trong văn trường hàng ở trước] có 4 thí dụ, nay trong kệ tụng chỉ [có 3 tổng đoạn] tụng lại 3 thí dụ.

Tổng đoạn thứ nhất gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại thí dụ *"ông trưởng giả thấy lửa bốc lên"*. Tổng đoạn thứ hai có 13 khổ kệ, tụng lại thí dụ [ông trưởng giả] *"bỏ ý dùng sức mạnh, chuyển sang phương tiện"*.[1] Tổng đoạn thứ ba có 17 khổ kệ, tụng lại thí dụ [ông trưởng giả] *"cho các con cùng một loại xe lớn"*.

▣ Tổng đoạn thứ nhất gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng việc *"thấy lửa"*, [trong văn trường hàng ở trước] có 3 ý: thứ nhất nói về người thấy, thứ hai nói về những gì được nhìn thấy và thứ ba nói việc khởi lên sự kinh sợ. Tổng đoạn này [chia làm 3 đoạn] tụng lại đầy đủ [3 ý đó].

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Ông trưởng giả chủ nhà..."* trở đi, có 3 câu, nói về người thấy. Trong văn trường hàng ở trước nói là *"thấy"*, nay trong kệ tụng nói là *"nghe"*, đó

[1] Văn Cú chép câu này là: "Xả kỷ dụng xa, tẩm đại thí tiểu" (捨几用車寢大施小), tức nói theo ý nghĩa ở phần trước, ông trưởng giả từ bỏ ý định dùng sức mạnh đặt các con lên bàn, ghế... để đưa ra ngoài, quay sang dùng phương tiện dẫn dụ các con bằng các loại xe đẹp để các con tự chạy ra khỏi nhà. "Tẩm Đại thí tiểu" là ý nghĩa liên kết thí dụ này với việc đức Phật tạm ngưng việc thuyết giảng Đại thừa, quay sang thuyết giảng các pháp phương tiện Tiểu thừa. Chúng tôi chuyển dịch câu này theo ý đã dùng ở trước để người đọc dễ theo dõi.

là dùng nghe để thay cho thấy. Nghe tức là [phải nghe] từ người khác. *"Còn đang đứng ngoài cửa"* là tụng lại ý nghĩa câu kinh ở trước: *"Nay ta tuy có thể xuyên qua cửa đang cháy mà thoát ra ngoài an ổn."* Nói *"đứng"* là nghĩa [chư Phật] trụ nơi pháp thân vẫn thường giữ tâm đại bi, vì muốn cứu độ chúng sinh nên không ở trên tòa Niết-bàn.[1]

Các nhà cựu giải nói rằng, [những lời ông trưởng giả nghe về các con ở trong nhà đang cháy là ý nghĩa] mười phương chư Phật nói với Phật Thích-ca: "Những chúng sanh[2] có cơ duyên với ngài đang ở trong ba cõi, sắp dứt mất căn lành." Lại có người nói rằng, cơ duyên của chúng sinh chiêu cảm đến [tâm] Phật là nghĩa "người khác".

Nay giải thích rằng, pháp là thầy của Phật, tức là nói pháp tam-muội. Pháp tam-muội này là thầy, tức là nghĩa "người khác". [Đức Phật] nhập tam-muội liền có thể thấy được cơ duyên [của chúng sanh], đó là tam-muội giúp cho Phật thấy được, cho nên nói *"nghe có người nói rằng"*. Lại cũng giải thích rằng, tâm đại bi là nghĩa của *"người khác"*. Đại lược là như vậy.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Những đứa con của ông"* trở đi gồm 5 câu kệ, tụng lại [ý nghĩa] về ngọn lửa được nhìn thấy.

Hỏi: Những người con vốn chưa ra khỏi nhà, sao có thể nói là nhân lúc vui chơi mà vào trong nhà?

---

[1] Văn Cú dùng "đệ nhất nghĩa không" (第一義空), cũng gọi là thắng nghĩa không (勝義空) hay chân thật không (真實空), chỉ Niết-bàn của Đại thừa, vì thật tướng của các pháp là đệ nhất nghĩa cao tột hơn hết, không phải thường, không phải diệt, không phải thọ nhận, không phải bám chấp, tánh thể tự nhiên như vậy, trước vốn là không mà nay thành có, tuy có nhưng rồi rốt lại là không, cho nên gọi là đệ nhất nghĩa không.

[2] Văn Cú dùng "nhữ hữu duyên chư tử - 汝有緣諸子" (các con có nhân duyên của ngài) để chỉ các chúng sinh, dựa theo ý trong thí dụ nói về các con của ông trưởng giả.

Đáp: Nếu từng phát tâm [tu tập xuất thế], đó gọi là ra khỏi ba cõi, nhưng có sự thối thất nên lại gọi là vào trong ba cõi. Giống như người bước chân muốn ra khỏi nhà, vừa đến bên cửa lại quay trở vào, đó cũng gọi là đi ra rồi lại trở vào. Lại nữa, lý tánh vốn thanh tịnh, không phải là pháp trong ba cõi, chỉ nhân nơi vô minh mà khởi lên hý luận,[1] liền có sinh tử. Do vậy nên nói rằng nhân trước đó đi chơi mà vào [trong căn nhà ba cõi].

Pháp thiện Đại thừa chưa [hiểu biết] sáng tỏ nên nói là *"nhỏ dại"*; vì vô minh che lấp nên nói là *"không biết"*.

◆ Đoạn thứ ba gồm hai câu: *"Ông trưởng giả nghe rồi, hốt hoảng vào nhà cháy."* Đoạn này tụng lại ý nghĩa kinh văn phần trước nói *"ông trưởng giả thấy lửa... ...hết sức kinh hãi"* là nghĩa [đức Phật nhân đó] mà khởi tâm đại bi.

KINH VĂN

Tìm cách cứu các con,
Khỏi nạn lửa thiêu chết.
Nói cho các con biết,
Những nguy hiểm, tai nạn,
Nào quỷ dữ, trùng độc...
Ngọn lửa đang lan khắp...
Bao nỗi khổ tuần tự,
Tiếp nối nhau không dứt.
Rắn hổ mang, bọ cạp...
Cùng lũ quỷ dạ-xoa,
Với quỷ cưu-bàn-trà,
Chồn, cáo và chó hoang,
Kên kên, cú, diều hâu,
Cùng những loài rết độc,
Chúng đang cơn đói khát,
Thật rất đáng kinh sợ.
Nơi đây đầy khổ nạn,
Lại thêm lửa bốc cao.
Các con chưa hiểu biết,
Nên tuy nghe cha dạy,
Vẫn tiếp tục ham chơi,
Đùa giỡn mãi không thôi.

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Tìm cách cứu các con"* trở đi có 13 khổ kệ, tụng [lại ý nghĩa ông trưởng giả] từ bỏ ý định [đặt các con lên] bàn, ghế... [để đưa ra ngoài], quay sang dùng xe [đẹp để dẫn dụ]. Tổng đoạn này chia làm 2 đoạn.

[1] Hý luận: những luận thuyết không thiết thực, vô bổ, không có thật nghĩa. Văn Cú Ký giải thích rằng hý luận ở đây chỉ kiến hoặc và tư hoặc trong ba cõi, do vô minh mà khởi sinh.

◆ Đoạn thứ nhất có 5 khổ rưỡi kệ, [từ câu *"Tìm cách cứu các con"* trở đi], tụng lại ý nghĩa phần trước nói [ông tưởng giả] không cứu được con. Trong kinh văn trường hàng, phần khai mở thí dụ có [2 pháp] khuyến tấn và răn dạy ngăn ngừa, nhưng phần [so sánh ý nghĩa] chỉ nói tương hợp với pháp khuyến tấn, nay trong kệ tụng ở đây chỉ có nghĩa ngăn ngừa. Trong văn trường hàng nêu nghĩa ngăn ngừa có 3 ý, trong kệ tụng ở đây cũng có đủ 3 ý [trong 3 tiểu đoạn].

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 4 khổ rưỡi kệ, [từ câu *"Tìm cách cứu các con"* trở đi], tụng lại ý nghĩa phần kinh văn trường hàng ở trước, [ông trưởng giả nghĩ rằng:] *"Nay ta nên vì chúng nói ra những việc đáng kinh sợ..."* và cho rằng như vậy là thích hợp.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Các con chưa hiểu biết"* trở đi gồm 3 câu, tụng [lại ý nghĩa các con] không nghe lời cha dạy, vẫn đùa giỡn không ngừng.

❖ Tiểu đoạn thứ ba chỉ có một câu, [*"Đùa giỡn mãi không thôi"* là] tụng lại ý nghĩa [Phật muốn] dừng việc hóa độ.

[Kinh văn nói] *"tìm cách"* có nghĩa là [Phật] suy tính đến việc dùng Đại thừa giáo hóa là thích hợp. *"Nói cho các con biết"* tức là nghĩa nói rõ các khổ nạn nguy hại để dạy dỗ, ngăn ngừa. Câu cuối cùng nói *"đùa giỡn mãi không thôi"* là tụng lại ý nghĩa trong kinh văn trường hàng nói những người con chỉ *"giương mắt nhìn cha mà thôi"*, tức là nghĩa bỏ mặc, không lưu tâm đến lời cha khó nhọc răn dạy.

KINH VĂN

Bấy giờ ông trưởng giả,
Liền tự suy nghĩ rằng:
"Các con ta thế này,
Khiến ta thêm buồn khổ.
Nay trong căn nhà này,
Chẳng có gì đáng vui.
Vậy mà các con ta,
Mãi đắm say vui đùa,
Không nghe lời ta dạy,
Nên sắp bị lửa thiêu."

Ông liền suy nghĩ kỹ,
Bày ra các phương tiện,
Rồi bảo các con rằng:
"Cha có đủ mọi loại,
Đồ chơi rất quý báu,
Như xe đẹp và quý,
Gồm xe dê, xe nai,
Và cả xe trâu lớn.
Nay sẵn có ngoài cửa,
Các con hãy mau ra.

Cha đã vì các con,
Làm ra những xe này.
Các con tùy sở thích,
Cứ tha hồ vui chơi."
Các con nghe cha nói,
Về những loại xe ấy.
Liền tức thời đua nhau,
Nhanh chóng chạy ra ngoài.
Đến được chỗ đất trống,
Lìa xa mọi nạn khổ.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Bấy giờ ông trưởng giả..."* trở đi gồm 7 khổ rưỡi kệ, tụng [lại ý nghĩa kinh văn trường hàng ở trước nói] về việc [ông trưởng giả] dùng [3 loại] xe [đẹp để dẫn dụ các con]. Trong kinh văn trường hàng phần này có 4 ý. Thứ nhất là [ông trưởng giả] suy tính việc dùng 3 loại xe [để dẫn dụ] là thích hợp. Thứ hai là [ông trưởng giả] biết rõ tâm ham muốn trước đây của các con. Thứ ba là [ông trưởng giả] khen ngợi ba loại xe [đẹp và] hiếm có. Thứ tư là [việc dùng xe dẫn dụ] thích hợp với mong muốn của các con. Nay trong phần kệ tụng này [gồm 3 tiểu đoạn] chỉ có 3 ý, lược bớt không có [ý thứ hai là] *"biết rõ tâm ham muốn trước đây của các con"*.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa suy tính [dẫn dụ là] thích hợp.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Rồi bảo các con rằng"* trở đi, nói việc [ông trưởng giả] khuyến khích, khen ngợi 3 loại xe là hiếm có. [Phần kinh văn trường hàng] ở trước nói rõ 3 nghĩa khuyến [chuyển] (giáo hóa bằng sự khuyên bảo), thị [chuyển] (giáo hóa bằng sự chỉ bày) và chứng [chuyển] (giáo hóa bằng sự chứng thực), nay trong kệ tụng phần này cũng đủ 3 nghĩa và lặp lại phần khuyến [chuyển] nên thành 4 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng về nghĩa khuyến [chuyển].

▪ Phân đoạn thứ hai gồm 3 câu, từ câu *"Gồm xe dê, xe nai..."* trở đi, tụng về nghĩa thị [chuyển].

▪ Phân đoạn thứ ba gồm 1 câu *"Các con hãy mau ra"* là lặp lại nghĩa khuyến [chuyển].

▪ Phân đoạn thứ tư gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Cha đã vì các con"* trở đi, tụng về nghĩa chứng [chuyển].

❖ Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"Các con nghe cha nói"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng [lại ý nghĩa] thích hợp với mong muốn của các con. Phần này cả 6 câu đều tụng lại ý nghĩa trong văn trường hàng ở trước. *"Nhanh chóng chạy ra ngoài"* là tụng lại ý nghĩa thấy được 4 chân đế, *"đến được chỗ đất trống"* là tụng lại ý nghĩa đạt đến quả vị vô học.

KINH VĂN

Trưởng giả thấy các con,
Ra khỏi căn nhà cháy,
An ổn ngã tư đường.
Liền ngồi tòa sư tử,
Tự nói lời vui mừng:
"Ta nay mừng lắm thay!
Những đứa con của ta,
Sinh dưỡng rất khó khăn,
Vì tuổi nhỏ dại khờ,
Nên vào nhà nguy hiểm,
Có rất nhiều trùng độc,
Cùng yêu quái đáng sợ.
Lửa dữ cháy phừng phừng,
Bốn bề cùng nổi dậy.
Nhưng những đứa con này,
Vẫn mê mải ham chơi.
Ta đã cứu chúng ra,
Thoát khỏi được tai nạn.
Nên bảo cùng mọi người,
Ta nay rất mừng vui."

▣ Tổng đoạn thứ ba từ câu *"Trưởng giả thấy các con, ra khỏi căn nhà cháy"* trở đi, gồm 17 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa thí dụ thứ ba trong kinh văn trường hàng ở trước là *"ban cho các con cùng một loại xe lớn"*. Kinh văn trường hàng phần này có 4 ý. Thứ nhất là ý [các con] thoát nạn, thứ hai là [các con] xin ban cho xe, thứ ba là [ông trưởng giả] ban

cho [các con] cùng một loại xe lớn, thứ tư là [các con] được xe rồi đều vui mừng. Nay trong phần kệ tụng này [chia thành 4 đoạn] cũng có 4 ý. Đoạn thứ nhất gồm 5 khổ kệ, tụng [ý nghĩa các con] thoát nạn [nên ông trưởng giả] vui mừng. Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, tụng [lại ý nghĩa] các con xin ban cho xe. Đoạn thứ ba gồm 7 khổ rưỡi kệ, tụng [lại ý nghĩa] ban cho [các con] cùng một loại xe [lớn]. Đoạn thứ tư gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng [lại ý nghĩa các con] được xe đều vui mừng.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 5 khổ kệ tụng ý nghĩa các con thoát nạn, chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn đầu tiên gồm 1 khổ kệ tụng về ý nghĩa thoát nạn. Tiểu đoạn thứ hai gồm 4 khổ kệ, từ câu *"Tự nói lời vui mừng"* trở đi, tụng về ý nghĩa [ông trưởng giả] vui mừng.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên, câu *"Liền ngồi tòa sư tử"* có 2 cách giải thích. Thứ nhất là nói những người con lên ngồi [tòa sư tử], nghĩa là được ra khỏi ba cõi nên không còn lo sợ. Thứ hai là nói ông trưởng giả lên tòa [sư tử] ngồi, nghĩa là ông trưởng giả thấy các con đã thoát nạn nên không còn lo sợ. Ban sơ ông ở ngoài cửa, trong lòng lo lắng nên nói là *"đứng"*, nay [các con ông] đều thoát ra ngoài cửa, không còn lo lắng nên nói là *"ngồi"*. Cho nên trong phẩm Phương tiện nói: *"Phật hoan hỷ không ngại."* Phần nói về "các con thoát nạn" đến đây là dứt.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 4 khổ kệ, từ câu *"Tự nói lời vui mừng"* trở đi, tụng ý nghĩa ông trưởng giả vui mừng [vì các con thoát nạn], y theo kinh văn có thể hiểu được [không cần giảng giải].

KINH VĂN

Lúc bấy giờ các con,
Thấy cha đã yên ngồi,
Liền kéo nhau đến đó.
Thưa cùng cha thế này:

"Xin ban cho chúng con,
Ba loại xe quý đẹp,
Như trước đây đã hứa:
'Nếu các con ra ngoài,
Cha sẽ cho ba xe,
Tùy ý các con muốn.'
Nay đã đúng lúc rồi,
Xin cha thương ban cho."
Ông trưởng giả rất giàu,
Có nhiều kho tàng lớn,
Vàng bạc cùng lưu ly,
Xa cừ và mã não.
Nên dùng các vật báu,
Làm thành cỗ xe lớn.
Trang hoàng thật xinh đẹp.
Quanh xe có lan can,
Bốn phía treo chuông nhỏ.
Dây bằng vàng quấn quanh,
Kết ngọc trai thành lưới,
Giăng phủ bên trên xe.
Dùng hoa vàng, chuỗi ngọc,
Buông rủ khắp bốn bên.
Dùng tơ lụa đủ màu,
Bao bọc vòng quanh xe,
Dùng lụa, bông mềm mại,
Để trải làm nệm xe.
Dùng vải mịn tốt nhất,
Giá trị đến nghìn muôn,
Trắng đẹp, sạch, thuần khiết,
Bao phủ trên mặt nệm.
Lại dùng trâu trắng lớn,
Mập mạp và khỏe mạnh,
Hình dáng rất xinh đẹp,
Để kéo xe quý ấy.
Có nhiều người đi theo,
Để hầu hạ, bảo vệ.
Dùng xe tốt đẹp ấy,
Ban đều cho các con.
Những người con khi ấy,
Rất vui mừng phấn chấn,
Ngồi trên cỗ xe quý,
Dạo chơi khắp bốn phương,
Cùng chơi đùa vui thích,
Tự do không ngăn ngại.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Lúc bấy giờ các con, thấy cha đã yên ngồi"* trở đi, tụng [lại ý] thứ hai [của thí dụ thứ ba trong phần kinh văn trường hàng ở trước] về việc các con xin ban cho xe, có thể y theo kinh văn mà hiểu được, [không cần giảng giải].

◆ Đoạn thứ ba gồm 7 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Ông trưởng giả rất giàu"* trở đi, tụng lại ý thứ ba [trong kinh văn trường hàng] là *"ban cho các con cùng một loại xe lớn"*. Kinh văn trường hàng phần này có [6 ý, gồm] 2 ý nêu ra, 2 ý giảng rộng và 2 ý giải thích, phần so sánh theo sau chỉ tương hợp với 5 ý, nay trong kệ tụng thì đoạn này chia làm 3 tiểu đoạn,

chỉ nói 4 ý, [lược bỏ] không tụng 1 ý nói rộng về tâm tánh bình đẳng và 1 ý giải thích về tâm tánh bình đẳng.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên gồm 1 khổ kệ [nêu ý thứ nhất], tụng vượt sang ý nghĩa của thí dụ thứ tư [trong kinh văn trường hàng] giải thích về nghĩa "xe lớn". Nhà hưng thịnh đầy đủ gọi là "kho", đất dồi dào phong phú gọi là "chứa". [Hoặc cũng nói rằng] thực hành đầy đủ tất cả các pháp gọi là "chứa"; mắt, tai... 6 căn đầy đủ tất cả pháp gọi là "kho". Đại lược là như vậy.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 6 khổ kệ, từ câu *"Nên dùng các vật báu"* trở đi, [nêu ý thứ hai] tụng lại ý thứ ba [của thí dụ thứ ba] trong kinh văn trường hàng nói về các xe đều rộng lớn.

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 2 câu kệ, tụng lại 2 ý nêu vấn đề [trong kinh văn trường hàng]. Câu *"Dùng xe tốt đẹp ấy"* là ý thứ ba, tụng lại ý thứ hai ở trước nói về xe lớn. Câu *"Ban đều cho các con"* là ý thứ tư, tụng lại ý thứ nhất ở trước nói về tâm tánh bình đẳng.

◆ Đoạn thứ tư gồm 1 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Những người con khi ấy, rất vui mừng phấn chấn"* trở đi, tụng [lại ý nghĩa các con] được xe vui mừng. *"Dạo chơi khắp bốn phương"* là nghĩa nương theo trí tuệ trung đạo, nhất thời dạo qua 4 pháp của 4 giáo,[1] 4 đế của 4 giáo;[2] theo trình tự thời gian[3] thì tuần tự vượt qua 41 giai vị, rốt ráo đạt được các phẩm đức thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên nói rằng: *"Cùng chơi đùa vui thích, tự do không ngăn ngại."*

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "tứ chủng tứ môn" (四種四門) để chỉ bốn pháp nhập môn của Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo, bao gồm Hữu môn, Không môn, Diệc hữu diệc không môn và Phi hữu phi không môn.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "tứ chủng tứ đế" (四種四諦) để chỉ bốn chân đế được nhận hiểu và tu tập theo Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo.

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng "hoành thụ - 橫竪" để chỉ hai cách lý giải theo thời gian. Hoành là nói sự việc xảy ra trong cùng một thời điểm (nhất thời), và thụ là nói sự việc xảy ra theo trình tự thời gian.

KINH VĂN

Phật bảo Xá-lợi-phất:
Ta cũng giống như vậy.
Tôn quý giữa chư thánh.
Cha lành khắp thế gian,
Nên hết thảy chúng sinh,
Đều là con Như Lai.
Mãi đắm vui thế gian,
Không có tâm trí tuệ.
Ba cõi không an ổn,
Như căn nhà đang cháy,
Ngập tràn các nỗi khổ,
Thật đáng sợ vô cùng.
Thường chịu khổ sinh, già,
Bệnh, chết và âu lo...
Những thứ lửa như vậy,
Thiêu đốt mãi không dừng.

▣ Tổng phần thứ hai gồm 34 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta cũng giống như vậy"* trở đi, tụng [lại ý nghĩa so sánh] tương hợp các thí dụ, chia ra làm 2 phần.

■ Phần thứ nhất gồm 4 khổ kệ, tụng về ý nghĩa tương hợp với các thí dụ khái quát, nhưng [chia làm 4 tổng đoạn] chỉ nêu 4 ý để bao gồm cả 6 thí dụ [trong kinh văn trường hàng].

▣ Tổng đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta cũng giống như vậy."* Tổng đoạn này tụng ý nghĩa tương hợp với thí dụ ông trưởng giả. Nửa khổ kệ đầu tụng ý nghĩa tương hợp về địa vị và danh hiệu. Nửa khổ kệ sau tụng ý nghĩa tương hợp về danh tiếng và công hạnh, gồm luôn ý nghĩa xưng tán phẩm đức. [Kệ nói Phật là bậc] *"Tôn quý giữa chư thánh"*, tức là nói giữa 7 hạng [hiền thánh] phương tiện;[1] nói *"Cha lành khắp thế gian"*, tức là nói khắp cả chúng sinh trong 9 pháp giới.[2]

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "thất chủng phương tiện - 七種方便" để chỉ đến: 1. Thanh văn của Tạng giáo, 2. Duyên giác của Tạng giáo, 3. Thanh văn của Thông giáo, 4. Duyên giác của Thông giáo, 5. Bồ Tát của Thông giáo, 6. Bồ Tát của Biệt giáo, 7. Bồ Tát của Viên giáo. So với phàm phu thì tất cả các vị này đều là hiền thánh. Đức Phật là bậc tôn quý nhất giữa tất cả những vị này.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "cửu chủng - 九種", Văn Cú Ký giải thích rằng cửu chủng ở đây chỉ cửu giới (界), tức 9 pháp giới. Thập pháp giới bao gồm 6 cảnh giới phàm (lục phàm) và 4 cảnh giới thánh (tứ thánh). Lục phàm gồm: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, cõi trời và cõi người. Tứ thánh gồm: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật. Khi nói 9 pháp giới tức là trừ ra Phật pháp giới.

▣ Tổng đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ. Hai câu *"Nên hết thảy chúng sinh, đều là con Như Lai"* là tụng ý nghĩa tương hợp với 5 đường, bao gồm cả ý nghĩa 30 người con [trong thí dụ ở trước]. Nói theo duyên nhân thì 30 người con ấy là con; nói theo chánh nhân thì tất cả chúng sinh là con.[1]

▣ Tổng đoạn thứ ba gồm hai câu kệ *"Ba cõi không an ổn, như căn nhà đang cháy"* là tụng nghĩa tương hợp [với thí dụ] về nhà cửa [của ông trưởng giả], cũng bao gồm cả ý nghĩa [nhà ấy] chỉ có một cửa ra.

▣ Tổng đoạn thứ tư gồm 1 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Ngập tràn các nỗi khổ"* trở đi, tụng ý nghĩa tương hợp với [thí dụ] lửa bốc cháy [sau nhà].

Đến đây là hết phần tụng nghĩa tương hợp với các thí dụ khái quát.

KINH VĂN

Như Lai đã lìa xa,
Nhà cháy là ba cõi,
Sống thanh nhàn, tịch lặng,
Trong rừng vắng an ổn.
Nay khắp ba cõi này,
Đều thuộc về Như Lai,
Nên chúng sinh trong đó,
Đều là con Như Lai.
Mà nay ba cõi ấy,
Đầy dẫy các khổ nạn,
Chỉ riêng đức Như Lai,
Có khả năng cứu giúp.

■ Phần thứ hai gồm 30 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Như Lai đã xa lìa, nhà cháy là ba cõi"* trở đi, tụng [lại ý nghĩa tương hợp] với các thí dụ. Phần trước tụng nêu thí dụ [khái quát] không có ý "không hư dối", phần này tụng nghĩa tương hợp thì có ý này. [Phần này chia làm 4 tổng đoạn.]

[1] Duyên nhân là các nhân trợ duyên để hình thành kết quả; chánh nhân là các nhân trực tiếp hình thành kết quả.

▣ Tổng đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng ý nghĩa [đức Phật] thấy chúng sinh [đắm chìm chịu khổ trong] sinh, già, [bệnh, chết...] là tương hợp với thí dụ [ông trưởng giả] thấy lửa [bốc cháy]. Kinh văn trường hàng ở trước nói về thí dụ [ông trưởng giả] thấy lửa gồm có 3 ý, nay trong kệ tụng cũng [có 3 đoạn] tương hợp với 3 ý.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ đầu tiên tụng lại [ý nghĩa trong kinh văn] phần trước nói đức Như Lai có khả năng nhìn thấy. Đó là do trụ yên nơi thanh nhàn tịch lặng nên có thể nhìn thấy các con [là chúng sanh] ở trong [cõi đời có] 5 sự uế trược, tức là tương hợp với [ý nghĩa] *"nghe có người nói rằng"*.

◆ Đoạn thứ hai gồm 1 khổ rưỡi kệ, từ câu *"nay khắp ba cõi này"* trở đi, tụng lại [ý nghĩa trong kinh văn trường hàng] ở trước nói [đức Phật] nhìn thấy tất cả chúng sinh vì bị ngọn lửa sinh, già, bệnh, chết thiêu đốt, tức là tương hợp với thí dụ thứ hai nói về việc nhìn thấy những gì bị lửa thiêu.

◆ Đoạn thứ ba gồm nửa khổ kệ *"Chỉ riêng đức Như Lai, có khả năng cứu giúp"*, tụng lại ý nghĩa trong kinh văn trường hàng ở trước nói *"đức Phật nhìn thấy vậy liền khởi lên ý nghĩ"*, tức là tương hợp với ý nghĩa [ông trưởng giả] *"hốt hoảng vào nhà cháy"*.

KINH VĂN

Nhưng dù đã dạy bảo,
Chúng sinh không tin nhận.
Vì đối với các dục,
Quá đắm nhiễm, tham chấp.
Nên Phật dùng phương tiện,
Vì họ nói ba thừa.
Để giúp cho chúng sinh,
Biết khổ trong ba cõi.
Mở bày và giảng giải,
Con đường xuất thế gian.
Những chúng sinh được nghe,
Nếu có tâm quyết định,
Liền đầy đủ ba minh,
Cùng với sáu thần thông.
Hoặc đạt quả Duyên giác,
Hoặc Bồ Tát bất thối.

▣ Tổng đoạn thứ hai gồm 4 khổ kệ, từ câu *"Nhưng dù đã dạy bảo"* trở đi, tụng về ý nghĩa [ông trưởng giả] từ bỏ [ý định] dùng sức mạnh, quay sang dùng phương tiện xe đẹp để dẫn dụ. Tổng đoạn này chia làm 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng về việc [ông trưởng giả] từ bỏ ý định dùng sức mạnh. Kinh văn phần trước nêu thí dụ này có 3 ý: [đức Phật] dự tính [dùng Đại thừa giáo hóa] là thích hợp, [đức Phật nhận thấy chúng sanh] không đủ căn cơ, [đức Phật] tạm dừng việc giáo hó [bằng Đại thừa]. Nay trong phần kệ tụng này cũng đủ 3 ý, nhưng chỉ nêu một cách tổng quát sơ lược.

Câu *"nhưng dù đã dạy bảo"* tụng ý nghĩa "dự tính [dùng Đại thừa] là thích hợp", câu *"chúng sinh không tin nhận"*, tụng ý nghĩa "không có căn cơ". Hai câu sau [*"vì đối với các dục, quá đắm nhiễm, tham chấp"*] tụng ý nghĩa "tạm dừng việc giáo hóa".

Hoặc cũng có thể hiểu rằng 2 câu sau này tụng ý nghĩa [chúng sanh] không có căn cơ. *"Quá đắm nhiễm, tham chấp"* là tụng lại ý nghĩa trong kinh văn phần trước nói về [chúng sanh] vẫn chưa thoát khỏi sinh, già, bịnh, chết, sầu đau, khổ não v.v.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Nên Phật dùng phương tiện"* trở đi, tụng ý nghĩa tương hợp với thí dụ dùng xe [đẹp dẫn dụ] có thể cứu được các con. Trong kinh văn trường hàng ở trước có 4 ý, nay trong kệ tụng phần này [có 3 tiểu đoạn] chỉ nói 3 ý và cũng tương hợp với 3 ý, lược bớt không tương hợp với ý *"biết rõ lòng ham muốn của các con trước đây"*.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất có một câu *"nên Phật dùng phương tiện"*, tụng lại ý nghĩa phần kinh văn trường hàng trước nói [Phật suy nghĩ] "nếu ta chỉ dùng sức thần thông và sức trí tuệ, không dùng phương tiện".

❖ Tiểu đoạn thứ hai có 5 câu, từ câu *"vì họ nói ba thừa"* trở đi, tụng ý nghĩa tương hợp với ý thứ ba trong kinh văn trường hàng ở trước *"khen ngợi ba loại xe là hiếm có"*.

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm một khổ rưỡi kệ, từ câu *"những chúng sinh được nghe"*,[1] tụng nghĩa tương hợp với ý thứ tư trong kinh văn trường hàng ở trước, *"hợp với lòng mong muốn của các con"*.

Phần trước nêu nghĩa tương hợp với ba thừa, mỗi thừa đều có 4 câu, nay ở phần này chỉ tụng nghĩa khái quát.

"Nếu có tâm quyết định" là nói các giai vị từ Khổ pháp nhẫn[2] trở lên đều là [có tâm] quyết định chân thật. Câu kệ này tụng hàm nghĩa tổng quát về nỗ lực tu tập đạt đến các giai vị trong ba thừa.

Trong một khổ kệ tiếp theo, bắt đầu từ câu *"Liền đầy đủ ba minh"*, mỗi câu đều tụng về các giai vị trong ba thừa cố gắng thoát ra [ngoài ba cõi].

KINH VĂN

Nghe đây, Xá-lợi-phất!
Ta chỉ vì chúng sinh,
Mà dùng thí dụ này,
Để thuyết một Phật thừa.
Các ông nếu có thể,
Tin nhận những lời này,
Thì tất cả đều sẽ,
Được thành tựu Phật đạo.
Phật thừa này vi diệu,
Vốn thanh tịnh bậc nhất,

[1] Nguyên tác kinh văn là "thị chư tử đẳng - 是諸子等", hiểu sát nghĩa là "những đứa con này". Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, "những đứa con" đang được dùng để ví với chúng sinh, và cụ thể hơn là những chúng sinh được nghe đức Phật thuyết dạy "con đường xuất thế gian". Do vậy chúng tôi dịch là "những chúng sinh được nghe". Hòa thượng Trí Quang dịch câu kệ này thành hai câu là: "Các loại chúng sinh, con của Như Lai."

[2] Khổ pháp nhẫn: tức một trong hai pháp nhẫn là Khổ pháp nhẫn (苦法忍) và Đạo pháp nhẫn (道法忍). Khổ pháp nhẫn đạt được khi hành giả bước vào giai vị Kiến đạo, tin nhận Khổ đế trong cõi Dục. Đạo pháp nhẫn đạt được khi hành giả hiểu và tin nhận Đạo đế.

Đối với khắp thế gian,
Không có gì hơn được.
Chư Phật đều hoan hỷ.
Và hết thảy chúng sinh,
Nên ngợi khen xưng tán,
Cùng cúng dường lễ bái.
Gồm vô số muôn ngàn,
Các pháp lực, giải thoát,
Thiền định và trí tuệ,
Cùng những pháp Phật khác.
Đạt được Phật thừa này,
Sẽ giúp cho các ông,
Ngày đêm vô số kiếp,
Thường được vui rong chơi.
Với các vị Bồ Tát,
Cùng đại chúng Thanh văn,
Nương theo thừa báu này,
Liền thẳng đến Đạo trường.
Vì nhân duyên như vậy,
Nên tìm khắp mười phương,
Không có thừa nào khác,
Trừ phương tiện của Phật.

▣ Tổng đoạn thứ ba gồm 8 khổ kệ, từ *"Nghe đây, Xá-lợi-phất! Ta chỉ vì chúng sanh"* trở đi, tụng ý nghĩa tương hợp với thí dụ thứ ba trong kinh văn trường hàng ở phần trước nói về việc ban cho [các con] cùng một loại xe lớn. Kinh văn trường hàng ở phần tương hợp không có nghĩa [các con] "xin ban cho xe" cũng như nghĩa "[được xe] vui mừng", nhưng trong phần tụng nêu [thí dụ thì] có đủ. Nay trong kệ tụng phần này chỉ tương hợp với nghĩa "ban cho cùng một loại xe" và nghĩa "được xe vui mừng", không tương hợp với nghĩa "thoát nạn [vui mừng]" và nghĩa "xin ban cho xe".

[Trong các nghĩa này] có lấy có bỏ, cuối cùng thành hai nghĩa, lại chia ra thành 2 đoạn. Đoạn thứ nhất có 5 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp với ý "ban cho cùng [một loại xe]". Đoạn thứ hai có 3 khổ kệ, tụng [nghĩa tương hợp với ý "các con được xe] vui mừng".

◆ Đoạn thứ nhất, kinh văn phần trước nói nghĩa "ban cho cùng một loại xe" có 4 ý nhưng tụng tương hợp chỉ nêu 2 ý, nay trong phần kệ này cũng tụng lược bớt, [chia ra 4 tiểu đoạn tụng] tương hợp với 2 ý, [nghĩa là] chỉ tương hợp ý thứ hai nêu các nghĩa chính và ý thứ ba mô tả xe rộng lớn, đồng thời cũng tụng giải thích nguyên do có xe.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Nghe đây, Xá-lợi-phất"* trở đi, tụng nghĩa chính về "xe lớn", [hay Đại thừa, tương ứng với] phần kinh văn trước nói về "thiền định, [giải thoát...] của chư Phật" v.v...

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Các ông nếu có thể"* trở đi, tụng ý tương hợp với nghĩa chính "tâm [chúng sanh] bình đẳng", đó là [tương ứng với] kinh văn phần trước nói "tất cả những chúng sinh đã thoát ra ngoài ba cõi".

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 2 khổ kệ, từ câu *"Phật thừa này vi diệu"* trở đi, tụng nghĩa tương hợp với [ý thứ ba ở kinh văn trường hàng phần trước] mô tả xe rộng lớn, tương ứng với kinh văn phần trước nói "tất cả đều cùng một tướng thể, một chủng loại".

❖ Tiểu đoạn thứ tư gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Gồm vô số muôn ngàn, các pháp lực, giải thoát..."* trở đi, tụng lại ý nghĩa nguyên do có xe.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Đạt được Phật thừa này"* trở đi, tụng về ý nghĩa "[các con] được xe vui mừng", lại chia thành 2 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 2 khổ kệ, từ câu *"Đạt được Phật thừa này"* trở đi, nêu ý mỗi [người con] đều được ban cho xe lớn.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Vì nhân duyên như vậy"* trở đi, kết lại ý nghĩa khuyến khích tin nhận.

Nay [giải thích tiểu đoạn thứ nhất gồm] 2 khổ kệ. Nói "ngày đêm [vô số kiếp]" là nghĩa, khi vừa được tri kiến trung đạo của Phật thì trí tuệ sáng suốt ví như giữa ban ngày sáng tỏ, lúc còn trong vô minh thì tối tăm như trong đêm đen.

[Lại cũng có thể hiểu rằng], tự mình đạt được trí tuệ trung đạo ví như sống giữa ban ngày sáng tỏ, [khởi tâm] từ bi đi vào sinh tử ví như [đi vào] đêm tối, thường thực hành cả 2 pháp ấy nên gọi là *"thường được vui rong chơi"*. Người trong ba thừa đều thể nhập được trí tuệ Phật, cho nên nói là *"Với các vị Bồ Tát, cùng đại chúng Thanh văn"*.

[Lại cũng có thể hiểu rằng], kệ này nêu ý nghĩa tự mình thực hành và giáo hóa người khác. Tự mình đạt đến [Phật] thừa này, cho nên nói *"ngày đêm... ... rong chơi"*; dùng Phật thừa này giáo hóa người khác, cho nên nói *"với các vị Bồ Tát, cùng đại chúng Thanh văn"*, tức là nói có thể giáo hóa cả ba thừa cùng nương theo thừa báu [là Phật thừa].

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ nói rõ nhân duyên chỉ có một [Phật] thừa, [thật] không có ba thừa. Trong các cõi nước ở khắp mười phương dù hết sức tìm cầu cũng chỉ có duy nhất một thừa, không có thừa thứ hai. *"Trừ phương tiện của Phật"* tức là nói [riêng phương tiện của Phật] không giới hạn trong câu này.

Cũng có người hỏi: Nếu nói Bồ Tát không "xin ban cho xe" [tức không cầu quả vị] thì do đâu khi được ngồi xe lớn [Đại thừa] lại vui mừng?

KINH VĂN

Phật bảo Xá-lợi-phất:
"Nay tất cả các ông,
Đều là con Như Lai,
Phật là đấng cha lành.
Các ông qua nhiều kiếp,
Bị khổ não thiêu đốt,
Đều được ta cứu giúp,
Đưa ra ngoài ba cõi.
Trước đây tuy Phật nói:
"Các ông được diệt độ"
Nhưng chỉ dứt sinh tử,
Thật chưa được diệt độ.
Nay việc cần phải làm,
Chỉ cầu trí tuệ Phật.

▣ Tổng đoạn thứ tư từ câu *"Phật bảo Xá-lợi-phất, nay tất cả các ông"* trở đi, gồm 15 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa

tương hợp với thí dụ thứ tư trong kinh văn trường hàng ở trước, nói "*[ông trưởng giả] không nói dối*". Kinh văn tương hợp ở trước có 2 phần, trước tiên nêu 2 thí dụ, sau đó nói nghĩa tương hợp "[ông trưởng giả] không nói dối". Nay trong kệ tụng ở đây chỉ có phần tương hợp với nghĩa "không nói dối" và chia làm 2 đoạn. Đoạn thứ nhất gồm 3 khổ rưỡi kệ, tụng nghĩa tương hợp với ý chính là "không hư dối". Đoạn thứ hai từ câu *"Nếu như có Bồ Tát"* trở đi, gồm 12 khổ kệ, tụng ý tương hợp và giải thích nghĩa *"không hư dối"*.

[Kinh văn trường hàng nêu việc] ngài Xá-lợi-phất cho rằng vì hợp với tâm nguyện ban đầu nên không phải hư dối. Người cha vốn muốn khiến cho các con được ra khỏi nhà thoát nạn nên mới bày ra nói có 3 loại xe, vậy khi các con đã được thoát nạn rồi, cho dù chẳng ban cho cỗ xe nhỏ nào thì cũng không trái với tâm nguyện trước đó, cho nên không phải là hư dối. Phật tụng kệ [so sánh với] thí dụ này là nêu rõ nghĩa [lời Phật] không hư dối. [Kệ này] nêu rõ ý Phật vốn muốn thuyết dạy Nhất thừa, chỉ vì [chúng sinh bị che chướng bởi] năm sự uế trược nên chẳng chịu tin nhận, vì vậy mới [tạm] thuyết dạy ba thừa. Khi uế trược che chướng đã trừ rồi liền thuyết dạy chỉ một Đại thừa, tức là hợp với tâm nguyện ban đầu.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 3 khổ rưỡi kệ nêu ý chính lại chia làm 3 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, trước tiên xác định ý nghĩa cha con, nêu rõ ý ban đầu muốn dạy cho Đại thừa, nên nói: *"Đều là con Như Lai."* [Như vậy] theo đúng lý thì phải bình đẳng thuyết dạy Đại thừa cho tất cả.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ, từ câu *"Các ông qua nhiều kiếp"* trở đi, làm rõ ý [Phật] thuyết dạy ba thừa vì để trừ bỏ uế trược che chướng. Cho nên nói rằng: *"Các ông qua nhiều kiếp, bị khổ não thiêu đốt."*

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 1 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Trước đây tuy Phật dạy"* trở đi, [nói nghĩa] sau khi che chướng đã dứt trừ, [Phật mới] quay lại thực hiện ý định ban đầu là thuyết giảng giáo pháp Đại thừa. Cho nên nói rằng: *"Nay việc cần phải làm, chỉ cầu trí tuệ Phật."*

KINH VĂN

Nếu như có Bồ Tát
Ở giữa chúng hội này,
Có thể chuyên tâm nghe,
Pháp thật của chư Phật.
Là chư Phật Thế Tôn,
Tuy dùng nhiều phương tiện,
Chúng sinh được giáo hóa,
Thảy đều là Bồ Tát.
Người trí tuệ hạn hẹp,
Lại đắm sâu ái dục,
Phật vì những người ấy,
Trước chỉ bày Khổ đế.
Chúng sinh ấy vui mừng,
Được điều chưa từng có,
Thấy Phật nói Khổ đế,
Đúng sự thật không khác.
Nếu có những chúng sinh,
Không biết nguồn gốc khổ,
Bám chấp nhân tạo khổ,
Không một chút tạm dừng.
Phật vì những người ấy,
Thuyết dạy đạo phương tiện,
Rằng nguyên nhân các khổ,
Đều ở nơi tham dục.
Nếu tham dục dứt trừ,
Không còn chỗ sinh khởi,
Thì các khổ dứt sạch,
Đó gọi là Diệt đế.
Vì muốn đạt Diệt đế,
Nên tu hành theo đạo,
Lìa các khổ trói buộc,
Gọi là được giải thoát.
Người ấy nhờ nơi đâu,
Mà đạt được giải thoát?
Chỉ xa lìa hư dối,
Mà gọi là giải thoát.

◆ Đoạn thứ hai gồm 12 khổ kệ, từ câu *"Nếu như có Bồ Tát"* trở đi, tụng nghĩa tương hợp và giải thích, [chia ra 3 tiểu đoạn] giải thích lại 3 ý phần trước. Tiểu đoạn thứ nhất gồm 2 khổ kệ, giải thích nghĩa [tất cả chúng sanh] đều là con [của Như Lai], nên theo lý đều bình đẳng như nhau. Tiểu đoạn thứ hai gồm 7 khổ kệ, từ câu *"người trí tuệ hạn hẹp"* trở đi, giải thích việc [chúng sanh] không có khả năng thọ nhận [Đại thừa] nên [Phật] mới thuyết dạy ba thừa.

Tiểu đoạn thứ ba gồm 3 khổ kệ, từ câu *"thật ra vẫn chưa được"* trở đi, giải thích việc về sau khi chúng sinh đã đủ sức tin nhận thì [Phật] quay lại thuyết giảng Đại thừa.

❖ Bây giờ [giải thích] 2 khổ kệ trong tiểu đoạn thứ nhất, từ câu *"Nếu như có Bồ Tát"* trở đi. [Đây là] nói những chúng sinh được giáo hóa bởi ba thừa phương tiện thảy đều là những Phật tử đã kết duyên từ thuở xưa, lại cũng cùng có tánh Phật chân như, cho nên nói rằng: *"Thảy đều là Bồ Tát."*

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"người trí tuệ hạn hẹp"* trở đi nêu nghĩa những người trí tuệ hạn hẹp, che chướng nặng nề, không thể tức thời tin nhận [Đại thừa] nên phải dùng phương tiện khai mở ba thừa để tiếp dẫn. [Phật] vì những người trí tuệ hạn hẹp mà thuyết dạy khổ đế. Trong ba thừa thì hàng Thanh văn là thấp nhất, nên cũng dùng khổ đế làm cửa ngõ ban đầu [nhập đạo]. *"Chúng sinh ấy vui mừng"*, vì [nghe pháp] xứng hợp với sự huân tập lâu đời của mình cho nên vui mừng. [Chúng sinh] vốn chán ghét sinh tử, tự có ý mong cầu Niết-bàn, nay nghe [pháp có thể giúp] được thoát ra khỏi sinh tử, nghĩa là tương hợp với tập khí cũ cho nên vui vẻ. Đoạn kệ này làm rõ nghĩa Tứ đế trong vòng tạo tác chỉ là xa lìa hư vọng. Vô minh vốn đã là không thật có, thông hoặc lại nương nơi vô minh mà sinh khởi cho nên nói là hư vọng. Tứ đế trong vòng tạo tác chỉ trừ được [những thông] hoặc này thì gọi là giải thoát. Tuy giải thoát khỏi sinh tử phần đoạn nhưng chưa giải thoát sinh tử biến dịch cho nên chưa được hoàn toàn tự do tự tại.

KINH VĂN

Thật ra vẫn chưa được,
Giải thoát hết tất cả.
Nên Phật nói người ấy,
Chưa thật được diệt độ.
Người ấy chưa đạt được,
Đạo Vô thượng Chánh giác,

Nên ý Phật không muốn,
Cho đó là diệt độ.
Phật là đấng Pháp vương,
Tự tại với các pháp,
Làm an ổn chúng sinh,
Nên xuất hiện ở đời.

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 3 khổ kệ, từ câu *"Thật ra vẫn chưa được, giải thoát hết tất cả"* trở đi, giải thích nghĩa khi che chướng [của chúng sanh] đã dứt trừ, tình thức căn cơ nhanh nhạy sắc bén [thì đức Phật liền] theo tâm nguyện ban đầu mà thuyết dạy giáo pháp Đại thừa. Đức Phật vốn muốn giúp cho [chúng sanh] được giải thoát hoàn toàn, nhưng nay [chúng trong ba thừa] chỉ mới dứt trừ sinh tử phần đoạn, chưa phải [đạt được] Đại Niết-bàn. Vì [chúng sanh] chưa đạt được [giải thoát] hoàn toàn nên rốt cùng vẫn chưa xứng hợp với tâm nguyện ban đầu [của Phật]. Do vậy mà: *"Nên ý Phật không muốn, cho đó là diệt độ."* Nay Phật lại sẽ giúp cho [những chúng sinh ấy] được đạo Vô thượng, thể nhập Đại Niết-bàn. Thành tựu rốt ráo đó mới xứng hợp với tâm nguyện ban đầu của Phật. *"Giải thoát tất cả"* tức là Diệt đế không còn tạo tác. Đạo Vô thượng tức là Đạo đế không còn tạo tác. Dùng nhị đế[1] để phá trừ Khổ đế và Tập đế không còn tạo tác. Trước đây [Phật] vốn muốn thuyết các pháp như vậy, thế nhưng chúng sinh [vì che chướng mà] không đủ sức thọ nhận, nay che chướng [của chúng sanh] đã dứt trừ rồi, [Phật] liền quay lại thuyết pháp [Đại thừa] như vậy. Phật là bậc Pháp Vương nên đối với các pháp quyền hay thật cũng đều tự tại không ngăn ngại, [do vậy, tuy] bày ra ba thừa [quyền biến] nhưng hiển bày một thừa chân thật, lẽ nào lại có sự hư dối hay sao?

KINH VĂN

Này ông Xá-lợi-phất!
Pháp ấn này của ta,
Thuyết dạy chỉ vì muốn,
Làm lợi ích thế gian.
Các ông đi khắp nơi,
Chớ sai lệch nói ra.

[1] Nhị đế ở đây là Diệt đế và Đạo đế, vì tu tập đạo, chứng tịch diệt thì dứt trừ khổ.

Nếu có người nghe được,
Mừng vui, cung kính nhận,
Nên biết rằng người ấy,
Đã được trí bất thối.
Nếu có người tin nhận,
Kinh điển, giáo pháp này,
Đó là người đã từng,
Gặp Phật trong quá khứ,
Từng cung kính cúng dường,
Cũng từng nghe pháp này.
Nếu như ai có thể,
Tin lời ông nói ra,
Đó là người thấy Phật,
Cũng thấy được chính ông,
Cùng chư tỳ-kheo tăng,
Và chư vị Bồ Tát.
Thuyết kinh Pháp hoa này,
Vì trí tuệ thâm sâu.
Người trí cạn nghe qua,
Nghi ngờ không hiểu được.
Hết thảy hàng Thanh văn,
Cùng với Phật Bích-chi,
Đối với kinh điển này,
Không đủ sức theo kịp.
Đến như Xá-lợi-phất,
Mà đối với kinh này,
Phải nhờ tin mới nhận,
Huống gì Thanh văn khác?
Hết thảy Thanh văn khác,
Đều do tin lời Phật,
Mà đón nhận kinh này,
Không phải tự hiểu được.

Từ câu *"Này ông Xá-lợi-phất! Pháp ấn này của ta..."* trở đi là nhóm kệ thứ hai, gồm 65 khổ kệ, [nội dung] khuyến tín và lưu thông [kinh này]. Tín là nói việc tin [chắc kinh này do] Phật thuyết hay không phải do Phật thuyết; khuyến là khuyên dạy về việc [kinh này] có thể lưu thông hay không thể lưu thông. [Nhóm kệ này] có đủ 2 nghĩa đó cho nên nói là "khuyến tín", lại được phân chia thành 2 phần. Phần thứ nhất nêu 2 ý chính, phần thứ hai giải thích.

■ [Phần thứ nhất chia làm 2 tổng đoạn.]

▣ Tổng đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, nêu nghĩa có thuyết và không thuyết. Đức Như Lai thuyết dạy pháp ấn này chỉ vì muốn *"làm lợi ích thế gian"*, cho nên nói có thuyết. Không thuyết nghĩa là qua hơn 40 năm vẫn chưa đúng thời để thuyết, vì 5.000 người [căn cơ thấp kém] chưa đi ra [khỏi pháp hội] nên không thuyết.

▣ Tổng đoạn thứ hai gồm nửa khổ kệ: *"Các ông đi khắp nơi, chớ sai lệch nói ra"*, nêu ý chính của [các trường hợp]

có thể lưu thông hay không thể lưu thông [kinh này]. *"Chớ sai lệch nói ra"* là đối với những kẻ xấu ác nếu gượng ép thuyết giảng [kinh này] sẽ khiến họ đọa vào cảnh giới khổ [vì không đủ sức tin nhận]; đối với người hiền thiện nếu không thuyết giảng [kinh này] là sai lầm khiến họ lỡ mất [cơ hội] được vui. [Cho nên, khởi] tâm đại bi thương xót kẻ xấu ác thì không lưu thông [kinh này], khởi tâm đại từ nghĩ đến người hiền thiện thì nên lưu thông. Đó gọi là nêu ý nghĩa chính về việc có thể lưu thông và không thể lưu thông [kinh này].

■ Phần thứ hai là giải thích, từ câu *"Nếu có người nghe được"* trở đi, lại chia làm 2 tổng đoạn. Tổng đoạn thứ nhất gồm 8 khổ kệ, giải thích về việc có thể thuyết giảng và hay không thể thuyết giảng [kinh này]. Tổng đoạn thứ hai gồm 55 khổ rưỡi kệ,[1] giải thích về việc có thể lưu thông hay không thể lưu thông [kinh này].

▣ Nay [nói về] tổng đoạn thứ nhất, có 8 khổ kệ làm rõ tướng trạng của việc đức Như Lai làm lợi ích thế gian, nói tổng quát về lợi ích [của thế gian] trong cả ba đời, luận giải cụ thể việc giúp cho hàng Nhị thừa thể nhập lòng tin. *"Đã được trí bất thối"* là quán xét lợi ích trong hiện tại. *"Đã từng gặp Phật trong quá khứ"* là quán xét [nhân] hiền thiện trong quá khứ để vì [người khác] thuyết giảng. *"Tin lời ông nói ra"* là quán xét sự hiền thiện trong tương lai mà vì [người khác] thuyết giảng. Kinh văn phần sau nói rằng: *"Nếu tin sâu hiểu rõ liền thấy được Phật vẫn thường trụ ở núi Linh thứu"*,[2] chính là nghĩa này.

---

[1] Văn Cú chép là "五十行半 - ngũ thập hàng bán" (50 khổ rưỡi kệ), nhưng đúng ra phải là "五十五行半- ngũ thập ngũ hàng bán" vì phần này là 55 khổ rưỡi kệ.

[2] Ở đây dẫn ý câu kinh ở quyển 5, phẩm Như Lai thọ lượng của kinh Pháp hoa, nguyên văn là: "深心信解則為見佛常在耆闍崛山- Thâm tâm tín giải tắc vi kiến Phật thường tại Kỳ-xà-quật sơn." Núi Kỳ-xà-quật tức là núi Linh thứu. (Xem ĐCT, T9, số 262, trang 45b, d.17-18.)

Từ câu *"Thuyết kinh Pháp hoa này"* trở đi 1 khổ kệ là tóm kết lại [ý nghĩa] phần trước và khai mở phần tiếp theo. Đức Như Lai quán xét rõ biết sự lợi ích trong ba đời cho nên mới vì [chúng sinh ấy] thuyết giảng, [rõ biết] những kẻ trí tuệ cạn cợt không thể nhận hiểu nổi nên không thuyết giảng. Đó là giải thích ý nghĩa chính của việc đức Như Lai thuyết giảng hay không thuyết giảng.

KINH VĂN

Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Gặp người kiêu mạn, lười,
Bám chấp nơi tự ngã,
Đừng thuyết giảng kinh này.
Kẻ phàm phu trí cạn,
Đắm sâu trong năm dục,
Nghe kinh không thể hiểu,
Cũng đừng thuyết kinh này.
Nếu có người không tin,
Chê, hủy báng kinh này,
Đó là dứt hết sạch,
Giống Phật của người đời.
Ai cau mày nhăn mặt,
Ôm lòng hoài nghi kinh,
Đều phải chịu tội báo,
Nên ông hãy lắng nghe.
Khi Phật còn tại thế,
Hoặc Phật đã diệt độ,
Nếu có người phỉ báng,
Những kinh điển thế này,
Thấy người khác tụng đọc,
Sao chép hoặc thọ trì,
Liền khinh bỉ, ganh ghét,
Rồi ôm lòng oán hận.
Tội báo của người ấy,
Nay ông hãy lắng nghe.
Người ấy sau khi chết,
Sinh vào ngục Vô gián,
Trải qua trọn một kiếp,
Lại sinh vào kiếp nữa.
Cứ vậy mà tiếp nối,
Cho đến vô số kiếp.
Ra khỏi địa ngục rồi,
Sẽ đọa làm súc sinh.
Hoặc chó hoặc chồn hoang,
Với hình thể gầy còm,
Đen đủi, đầy ghẻ lở,
Bị con người đánh đuổi.
Lại còn bị nhiều người,
Căm ghét và khinh khi,
Thường khổ vì đói khát,
Nên xương thịt khô gầy.
Sống chịu nhiều độc hại,
Chết vùi trong ngói đá.
Vì dứt mất giống Phật,
Chịu tội báo như vậy.
Hoặc làm thân lạc đà,
Hoặc sinh trong giống lừa,

Thân mang, kéo nặng nề,
Lại còn bị đánh đập,
Mong ăn cỏ uống nước,
Không biết gì khác hơn.
Vì hủy báng kinh này,
Chịu tội báo như vậy.
Nếu sinh làm chồn hoang,
Lang thang vào xóm làng,
Thân hình đầy ghẻ chốc,
Lại thiếu mất một mắt,
Còn bị lũ trẻ con,
Theo đánh đập, ném đá.
Chịu đủ mọi đau đớn,
Cho đến phải chết đi.
Và sau khi đã chết,
Liền sinh làm mãng xà,
Thân hình to lớn, dài
Đến năm trăm do-tuần,
Ngu si, điếc, không chân,
Chỉ trườn đi nhờ bụng,
Bị những loài trùng nhỏ,
Rúc rỉa thân ăn thịt,
Nên ngày đêm chịu khổ,
Không một lúc được dừng.
Vì hủy báng kinh này,
Chịu tội báo như vậy.
Nếu như được làm người,
Thì các căn ngu độn,
Lùn, xấu xí, què quặt,
Mù, điếc lại gù lưng,
Khi nói ra điều gì,
Người khác không tin nhận.
Mở miệng bốc mùi hôi,
Bị ma quỷ khống chế,
Sống nghèo khốn, hèn hạ,
Bị người khác sai khiến.
Nhiều bệnh tật, gầy ốm,
Lại không nơi nương tựa.
Dù gần gũi cậy nhờ,
Người không chút lưu tâm.
Nếu học hỏi được gì,
Rồi cũng nhanh quên mất.
Nếu học theo nghề thuốc,
Dùng đúng phương trị bệnh,
Bệnh người vẫn tăng thêm,
Thậm chí đến phải chết.
Nếu tự mình có bệnh,
Không ai cứu chữa được.
Dù dùng phương thuốc hay,
Bệnh vẫn càng thêm nặng.
Như người khác phản nghịch,
Cướp bóc, trộm của người,
Đủ các tội như thế,
Vô cớ chịu liên lụy.
Người chịu tội như vậy,
Vĩnh viễn không gặp Phật,
Bậc đứng đầu chư thánh,
Thường thuyết pháp giáo hóa.
Người chịu tội như vậy,
Thường sinh các nan xứ.
Điên cuồng, điếc, loạn tâm,
Vĩnh viễn không nghe pháp.
Trong vô số kiếp sống,
Nhiều như cát sông Hằng,
Sinh ra đều câm điếc,
Không đủ các giác quan.
Thường xuyên vào địa ngục,
Như người đi dạo vườn.
Cõi ngạ quỷ, súc sinh,
Là nhà ở của họ.

Lạc đà, lừa, chó, lợn,
Là chốn họ sinh vào.
Vì hủy báng kinh này,
Chịu tội báo như vậy.
Nếu như được làm người,
Phải tự mang vào thân,
Những nạn mù, điếc, câm,
Cùng nghèo khốn, suy kiệt.
Bệnh phù thũng, khô khát,
Bệnh ghẻ lở, ung thư,
Đủ các bệnh như vậy,
Bám theo như áo quần.
Thân thể thường hôi hám,
Đầy cáu bẩn, dơ nhớp.
Chấp chặt vào tự ngã,
Sân hận càng tăng thêm,
Tâm tham dâm cực mạnh,
Đến không chừa cầm thú.
Vì hủy báng kinh này,
Chịu tội báo như vậy.
Phật bảo Xá-lợi-phất:
"Dù nói đến trọn kiếp,
Cũng chưa hết tội lỗi,
Của người hủy báng kinh.
Vì nhân duyên như thế,
Nên ta dạy ông rằng:
Gặp những người ngu si,
Đừng thuyết giảng kinh này."

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Lại nữa, Xá-lợi-phất! Gặp người kiêu mạn, lười"* trở đi, [gồm 55 khổ rưỡi kệ], giải thích ý nghĩa chính trong việc người hành trì nên lưu thông hoặc không nên lưu thông [kinh này]. Phần này lại chia làm 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 36 khổ rưỡi kệ, nêu rõ nghĩa nếu vận dụng pháp môn đại bi thì không vì những người xấu ác mà thuyết giảng [kinh này]. Trước tiên kể ra những trường hợp xấu ác, tất nhiên sẽ khởi lên sự hủy báng xấu ác, [từ đó] nhận lãnh quả báo xấu ác. Cho nên, [người tu tập] tâm đại bi thì không thể vì [những người xấu ác đó mà] thuyết giảng [kinh này].

Về câu *"đó là dứt hết sạch, giống Phật của người đời"*, kinh Tịnh Danh nói *"lấy phiền não làm hạt giống Như Lai"*, đó là lấy tánh của cảnh giới [làm giống Phật]. Đại phẩm [Bát-nhã] nói dùng Nhất thiết chủng trí để học Bát-nhã, đó là lấy tánh của liễu nhân làm giống Phật. Kinh Niết-bàn nói vận dụng tâm, tánh và lý đều không

dứt đoạn, đó là lấy tánh của chánh nhân làm giống Phật. Nay kinh [Pháp hoa này] nói rõ nghĩa việc thiện nhỏ [cũng có thể] thành Phật, đó là lấy tánh của duyên nhân[1] làm giống Phật. Nếu không tin được rằng việc thiện nhỏ [cũng có thể] thành Phật thì *"đó là dứt hết sạch giống Phật của người đời"*.

KINH VĂN

Như gặp người nhanh nhạy,
Có trí tuệ sáng suốt,
Lại nghe nhiều, nhớ lâu,
Phát tâm cầu Phật đạo.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Như có người từng gặp,
Ngàn muôn ức vị Phật,
Gieo trồng các căn lành,
Lòng sâu vững, kiên cố.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Như có người tinh tấn,
Thường tu tập tâm từ,
Không tiếc cả thân mạng,
Nên vì họ thuyết kinh.
Ai một lòng cung kính,
Không có ý gì khác,
Lìa xa người phàm tục,
Sống một mình núi vắng.[2]
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Lại này, Xá-lợi-phất!
Nếu gặp được những người,
Từ bỏ bạn xấu ác,
Thường gần gũi bạn lành.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Nếu gặp những Phật tử,
Giữ giới thật thuần khiết,
Như minh châu trong sáng,
Thường cầu kinh Đại thừa.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Nếu người không sân hận,
Tánh ngay thẳng, nhu hòa,
Thường thương xót muôn loài,
Và cung kính chư Phật.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.

[1] Về duyên nhân, chánh nhân và liễu nhân, kinh Niết-bàn dạy rằng đều là các nhân đưa đến quả Phật. Duyên nhân là nhân hỗ trợ từ bên ngoài, chánh nhân là nhân chân chánh, liễu nhân là nhân rốt ráo.

[2] Nguyên tác kinh văn là "山澤 - sơn dịch", hiểu sát nghĩa là núi và đầm nước. Tuy nhiên, xét theo ý kinh trong cả câu này chỉ nói việc sống nơi vắng vẻ không người. Bản Anh dịch từ Sanskrit của H. Kern dịch là "to live in mountain caverns" (sống trong các hang núi), không có nghĩa đầm nước ở đây.

Lại có những Phật tử,
Khi ở giữa đại chúng,
Dùng tâm ý thanh tịnh,
Với đủ mọi nhân duyên,
Cùng thí dụ, ngôn từ,
Thuyết pháp không ngăn ngại.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Nếu có những tỳ-kheo,
Muốn được Nhất thiết trí,
Khắp bốn phương cầu pháp,
Chắp tay cung kính nhận.
Chỉ ưa thích thọ trì,
Những kinh điển Đại thừa,
Thậm chí không thọ nhận,
Một bài kệ kinh khác.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh.
Như có người chí tâm,
Cầu được xá-lợi Phật,
Cầu kinh này cũng vậy,
Cầu được, cung kính nhận,
Người ấy tâm không cầu
Bất cứ kinh nào khác,
Lại cũng chưa từng nghĩ
Đến kinh sách ngoại đạo.
Với những người như thế,
Nên vì họ thuyết kinh."

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Như gặp người nhanh nhạy, có trí tuệ sáng suốt"* trở đi gồm 19 khổ kệ, giải thích việc khi truyền rộng kinh này nếu vận dụng pháp môn đại bi thì phải vì những người hiền thiện mà thuyết giảng, khiến cho họ không mất đi [cơ hội được] an vui. Nói chung, điều cần yếu trong việc hoằng truyền và lưu thông [kinh điển] là phải hài hòa 2 pháp môn [đại từ và đại bi] khiến cho chúng sinh nhận hiểu được mới là khéo léo lưu truyền. Nếu [thuyết giảng mà chúng sanh] không nhận hiểu được thì đó là *"sai lệch nói ra"*. Đoạn này chia ra 2 tiểu đoạn.

Tiểu đoạn thứ nhất gồm 17 khổ kệ, có 5 cặp [ý nghĩa], bao gồm 10 hình tướng riêng lẻ của người hiền thiện, [là những trường hợp] có thể tuyên thuyết giảng giải [kinh này].

Tiểu đoạn thứ hai gồm 2 khổ kệ, tổng kết về [những trường hợp] nên và có thể thuyết giảng [kinh này].

❖ Trong tiểu đoạn thứ nhất, cặp [ý nghĩa] thứ nhất là quá khứ và hiện tại. Căn tánh *"nhanh nhạy, có trí tuệ sáng suốt"* là hiện tại, *"gieo trồng các căn lành"* là quá

khứ; *"nghe nhiều, nhớ lâu"* là hiện tại, *"từng gặp ngàn muôn ức vị Phật"* là quá khứ.

Cặp ý nghĩa thứ hai là trên, dưới. *"Thường tu tập tâm từ"* là thương xót [chúng sanh] bên dưới, *"một lòng cung kính"* là tôn trọng [chư Phật] bên trên.

Cặp ý nghĩa thứ ba là trong, ngoài. *"Từ bỏ kẻ xấu ác, thường gần gũi bạn lành"* là cầu từ bên ngoài, *"giữ giới thật thuần khiết, như minh châu trong sáng"* là giữ gìn bảo vệ từ bên trong.

Cặp ý nghĩa thứ tư là tự mình thực hành và giáo hóa người khác. *"Tánh ngay thẳng, nhu hòa, thường thương xót muôn loài và cung kính chư Phật"* là tự mình thực hành; *"dùng tâm ý thanh tịnh, với đủ mọi nhân duyên, cùng thí dụ, ngôn từ, thuyết pháp không ngăn ngại"* là giáo hóa người khác.

Cặp ý nghĩa thứ năm là khởi đầu và chung cuộc. *"Khắp bốn phương cầu pháp"* là khởi đầu thưa thỉnh cầu đạo; *"chắp tay cung kính nhận"*, chuyên tâm tu hành là chung cuộc quay về nương tựa. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

Phật bảo Xá-lợi-phất:
"Dù kể đến trọn kiếp,
Cũng chưa hết tướng trạng,
Những người cầu Phật đạo.

Những người ta kể trên,
Ắt có thể tin hiểu.
Ông nên vì họ thuyết,
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa."

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 2 khổ kệ, từ câu *"Phật bảo Xá-lợi-phất"* trở đi là tổng kết. [Những người có] niềm tin và hiền thiện rất nhiều, [ở đây] chỉ lược nêu 10 tướng trạng để chỉ bày phương pháp lưu hành truyền rộng [kinh này], giải thích rõ 2 pháp môn đại từ và đại bi là trọng yếu nhất trong việc nên hay không nên truyền rộng [kinh này].[1]

[1] Đến đây là hết phần giải thích phẩm Thí dụ.

VĂN TRƯỜNG HÀNG

Giải thích theo kinh văn (từ trang **766** đến trang **846**)

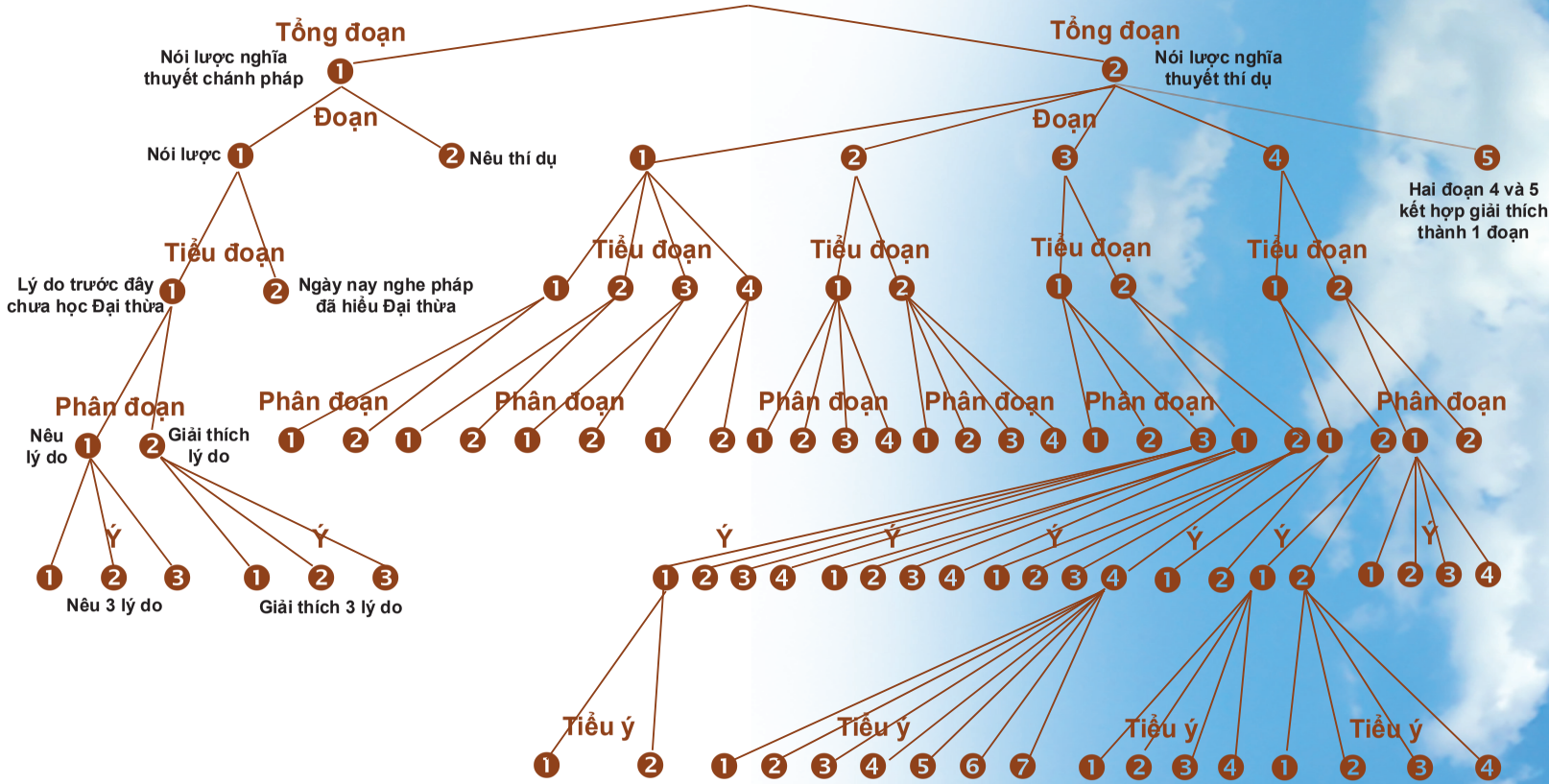

CẤU TRÚC TỔNG QUÁT PHẦN KỆ TỤNG

(từ trang 846 đến trang 868)

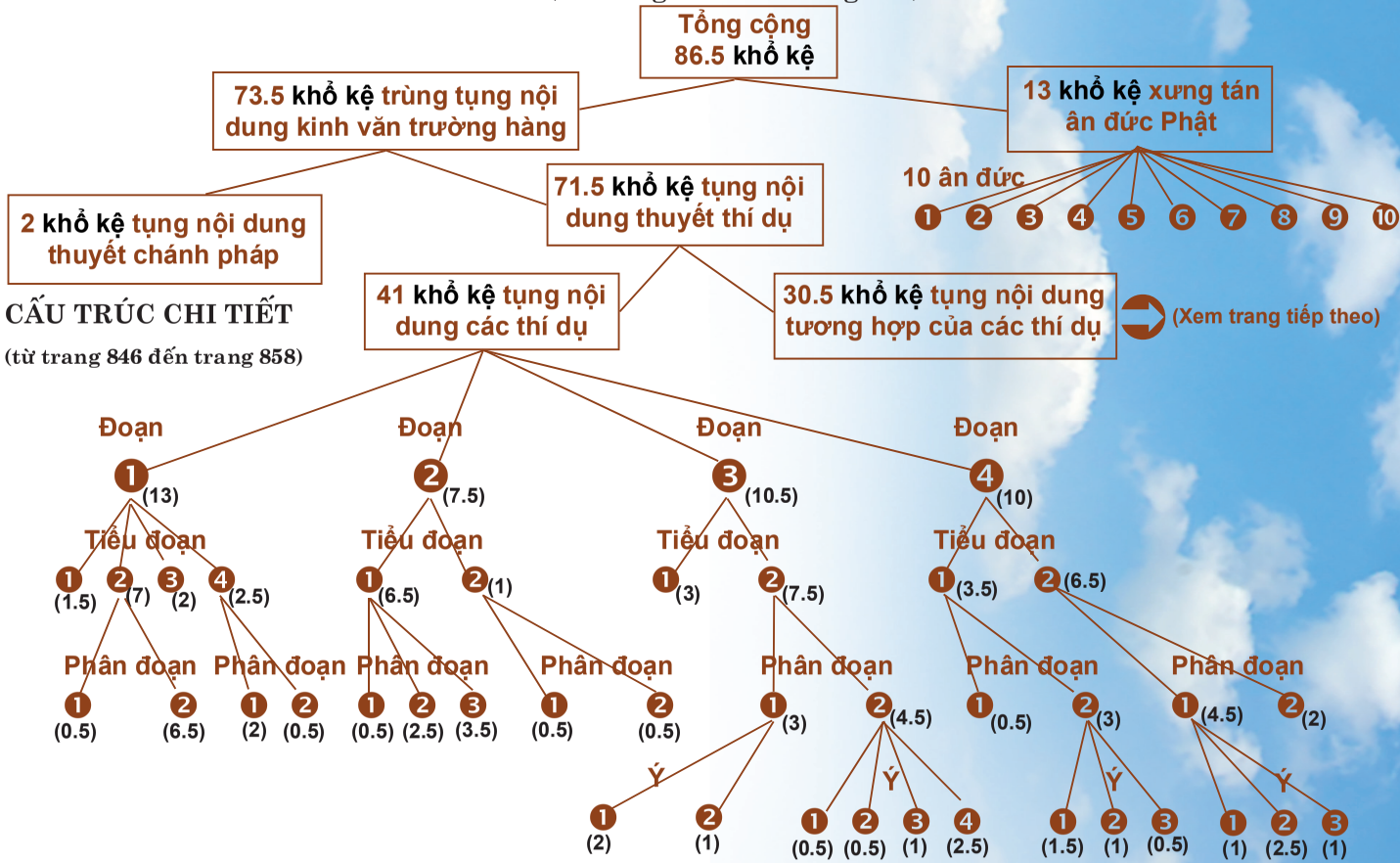

CẤU TRÚC CHI TIẾT

(từ trang 846 đến trang 858)

CẤU TRÚC PHẦN KỆ TỤNG NỘI DUNG TƯƠNG HỢP CÁC THÍ DỤ (30.5 khổ kệ)

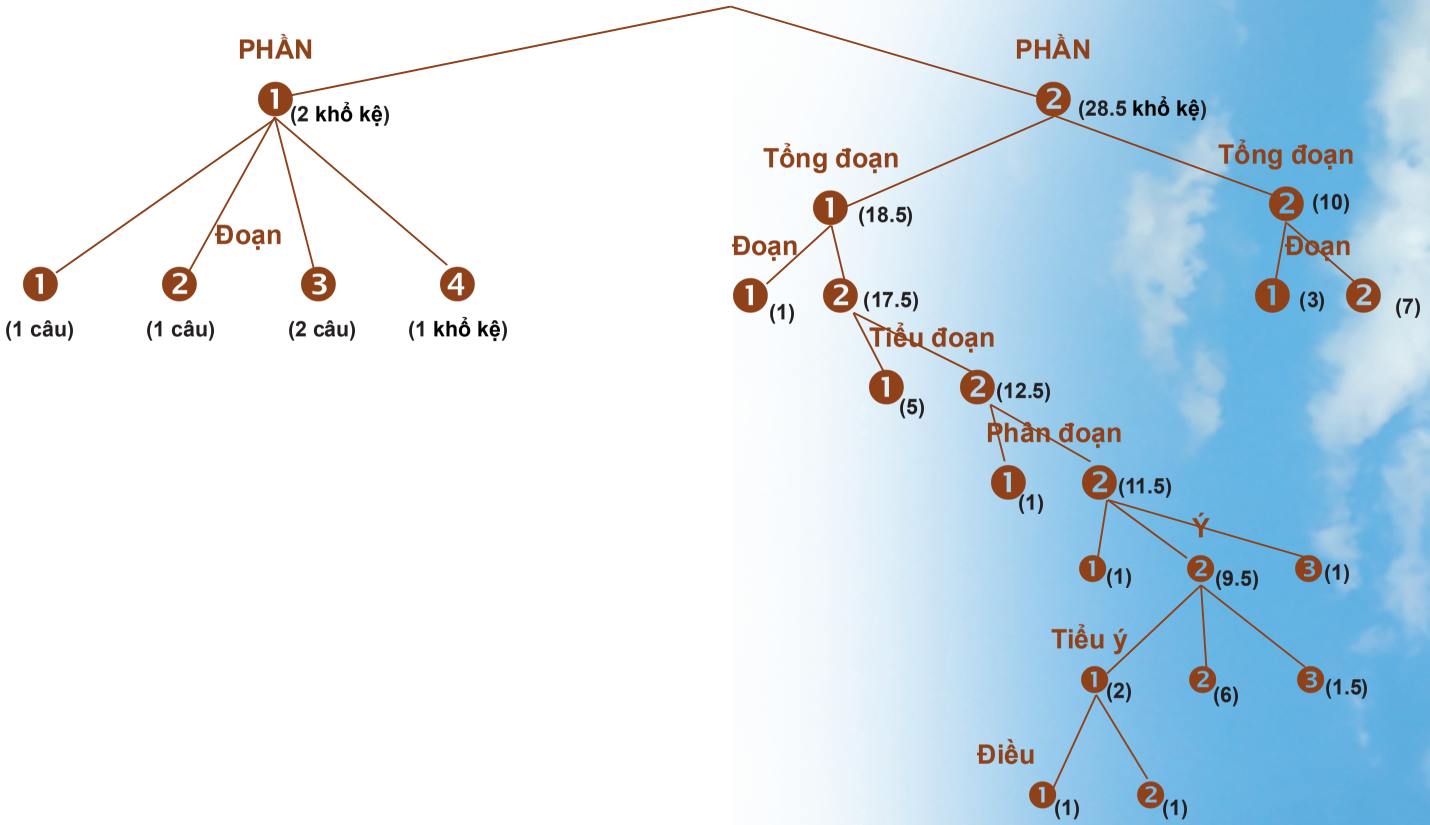

4. Giải thích phẩm Tin hiểu

KINH VĂN

Phẩm Tin hiểu, thứ tư

Giải thích tên phẩm

Có người nói, "tín giải" [là tin hiểu]. [Chư Phật, Bồ Tát] có 3 pháp [giáo hóa giúp chúng sanh tin hiểu], bao gồm thứ nhất là giáo hóa một lần, thứ hai là giáo hóa theo đuổi và thứ ba là giáo hóa rốt ráo.[1]

Các nhà cựu giải cho rằng, thuở xưa [Phật] thuyết giảng Đại thừa là giáo hóa một lần; sau đó thuyết giảng khác với Đại thừa là giáo hóa theo đuổi; [kinh nói] cha con gặp [và nhận biết] nhau là giáo hóa rốt ráo.

Lại cũng nói rằng, [dạy bảo chúng sanh tạo nghiệp] hiền thiện trong 2 cõi trời người là giáo hóa một lần; [phương tiện] nói Tiểu thừa đồng như [giáo pháp] Pháp hoa là giáo hóa theo đuổi; nói [tu tập giáo pháp] Pháp hoa được thụ ký [thành Phật] là giáo hóa rốt ráo.

---

[1] Nguyên tác dùng nhất vãng hóa (一往化), tùy trục hóa (隨逐化) và tất cánh hóa (畢竟化). Nhất vãng hóa là nói chư Phật, Bồ Tát chỉ hiện thân đến giáo hóa một lần, như chúng sanh mê lầm trôi lăn trong sinh tử, được gặp chư Phật, Bồ Tát giáo hóa một lần thì kết duyên với Phật pháp, tương lai có thể nhờ đó được giải thoát; tùy trục hóa là chư Phật, Bồ Tát theo đuổi để tiếp tục giáo hóa, như chúng sanh trôi lăn trong sáu đường, đọa lạc vào các đường ác, chư Phật, Bồ Tát cũng hóa thân đi theo vào các cảnh giới ấy để tiếp tục giáo hóa, tùy thuận căn cơ của mỗi chúng sanh; tất cánh hóa là giáo hóa một cách rốt ráo, chỉ bày giáo pháp chân thật tối hậu để giúp chúng sanh chấm dứt sinh tử luân hồi, giải thoát hoàn toàn khỏi mọi khổ đau, thể nhập Đại Niết-bàn giống như chư Phật không khác.

Lại cũng nói rằng, ban đầu thuyết dạy hai thừa [Thanh văn và Duyên giác] là giáo hóa một lần; nói các pháp chuyển đổi là giáo hóa theo đuổi; [thuyết giảng] Pháp hoa là giáo hóa rốt ráo.

Lại cũng nói rằng, nói các pháp chuyển đổi là giáo hóa một lần; trải qua [các pháp hội] Phương đẳng là giáo hóa theo đuổi; [dạy cho chúng sanh] giác ngộ Nhất thừa là giáo hóa rốt ráo.

Lại cũng nói rằng, thuyết giảng Pháp hoa là giáo hóa một lần, [trải qua] Thập địa vẫn thường giáo hóa [chúng sanh] là giáo hóa theo đuổi; [chỉ bày tu tập] đạt đến tâm kim cang là giáo hóa rốt ráo.

Lại cũng nói rằng, [giáo hóa chúng sanh] lập nguyện[1] là giáo hóa một lần; [giáo hóa] trong quãng thời gian [từ lập nguyện đến thành tựu như nguyện] là giáo hóa theo đuổi; [giáo hóa chúng sanh] đạt được [quả vị] Phật là giáo hóa rốt ráo.

Nay theo ý riêng tôi cho rằng, những cách giải thích tầng tầng lớp lớp như trên, thật giống như ngọc đã nát vụn thì không phải vật quý.

Nói chung, việc giáo hóa một lần chẳng phải bản hoài [của chư Phật], giáo hóa rốt ráo mới là tông chỉ cao tột nhất. Nếu nói rằng [các giáo pháp dành cho hàng] trời, người với Nhị thừa là giáo hóa một lần thì có thể đó chẳng phải bản hoài [của chư Phật], nhưng thuở xưa thuyết giảng Đại thừa, ngày nay thuyết giảng Pháp hoa, đó đều là giáo hóa rốt ráo, sao có thể gọi là giáo hóa một lần?

---

[1] Nguyên tác dùng kết tăng-na (結僧那). Tăng-na là phiên âm chữ saṃnāha trong Phạn ngữ, có nghĩa là lời nguyện rộng lớn (hoằng thệ), thường dùng chỉ Tứ hoằng thệ (4 lời nguyện lớn), tức là: chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Kết tăng-na là kết nguyện (結願), tức là lập nguyện.

Nếu như [giáo pháp] Pháp hoa là [giáo hóa] rốt ráo mà cuối cùng lại thành [giáo hóa] một lần, [giáo pháp dành cho hàng] trời, người là [giáo hóa] một lần lại trở thành [giáo hóa] rốt ráo, như vậy ắt là hết sức điên đảo. Lại nữa, [nếu giáo pháp] Nhị thừa là giáo hóa một lần thì [thí dụ] "am cỏ"[1] nên phá bỏ; thuở xưa [Phật] thuyết Đại thừa là giáo hóa một lần thì [thí dụ] "hạt châu buộc trong áo"[2] cũng nên phá bỏ. Nếu [như trong hai thí dụ ấy mà] một phá, một chẳng phá thì một là giáo hóa một lần, một lại chẳng phải là giáo hóa một lần.

Lại nữa, [thí dụ] cha con gặp [và nhận biết] nhau là giáo hóa rốt ráo. Trước khi [giáo hóa] rốt ráo lẽ ra phải chứng ngộ Nhất thừa, như vậy thì sau khi [giáo hóa] rốt ráo không cần [chứng ngộ] nữa. Nếu sau khi [giáo hóa] rốt ráo mới chứng ngộ Nhất thừa, thì chỗ giáo hóa rốt ráo trước đó thật chẳng phải rốt ráo. [Do vậy, hết thảy những giải thích như trên] mỗi mỗi đều gây chướng ngại, cho nên nay không dùng đến.

Có người nói, phẩm [Tín giải] này thuộc về tích [môn]. Vì sao vậy? Đức Như Lai đã thành đạo từ lâu xa, cho đến khoảng thời gian ở giữa có tạm dừng cũng đều là tích môn. Theo ý riêng tôi cho rằng, về ý nghĩa thì hẳn nhiên như

---

[1] Thí dụ "am cỏ", tức là thí dụ trong kinh văn nói đứa con bần cùng khi về với ông trưởng giả nhưng chưa nhận mối quan hệ cha con, tuy được giao quản lý việc nhập vào xuất ra các tài bảo nhưng vẫn ở ngoài nhà, ngủ nghỉ trong một am cỏ. Nguyên văn kinh nói: "諸物出入皆使令知, 猶處門外止宿草庵，自念貧事：我無此物。- Chư vật xuất nhập giai sử linh tri, do xử môn ngoại chỉ túc thảo am, tự niệm bần sự: Ngã vô thử vật." (Những tài vật nhập vào xuất ra, [ông trưởng giả] đều sai khiến [đứa con] phải rõ biết, nhưng vẫn còn ở bên ngoài nhà, nghỉ đêm trong một am cỏ, tự mình nghĩ sự nghèo hèn: "Ta không hề sở hữu những tài vật này.")

[2] Thí dụ "hạt châu buộc trong chéo áo": tức là thí dụ trong kinh văn nói, có người đến chơi nhà thân hữu giàu có, được ông này cho một hạt châu rất quý, buộc giấu vào bên trong chéo áo. Về sau lưu lạc khổ sở, đói thiếu triền miên nhưng không hề nhớ đến hạt châu quý giá. Cho đến khi gặp lại người thân hữu thuở trước liền chỉ ra hạt châu trong chéo áo, từ đó mới trở nên giàu có sung túc.

thế, nhưng kinh văn như vậy không thuận hợp. Vì sao? Vì Phật còn chưa nói ra bản tích, ở đây sao có thể nhận hiểu trước? Cũng như chưa lãnh hội được ba thừa [sao có thể] đã chứng ngộ Nhất thừa? Đại lược là như thế.

Bây giờ giải thích phẩm [Tín giải] này. Nói chung căn cơ thì có nhanh lẹ sáng suốt hoặc tối tăm trì độn; sự mê hoặc thì có sâu dày hay cạn cợt; [Phật] thuyết pháp thì có thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ;[1] [đại chúng nghe pháp] giác ngộ thì có [kẻ] trước [người] sau, [có những vị ngồi trên] tòa trước hội Pháp hoa [mà tâm ý không thể chuyển đổi, ví] như hạt đậu [khô cứng không thể khoan dùi]. Nên kinh văn nói: *"Đức Thế Tôn thuở trước thuyết pháp đã lâu, khi ấy chúng con ngồi trong pháp hội mà thân thể mỏi mệt, chỉ nghĩ nhớ đến các pháp không, vô tướng, vô tác,*[2] *còn đối với các pháp của hàng Bồ Tát như thần thông du hí, làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu cho chúng sanh... thì tâm chúng con không hề vui thích."* Ban đầu, [các vị Thanh văn] khi nghe [Phật] thuyết giảng sơ lược [về Đại thừa], chạm đến chỗ bám chấp [từ lâu của mình] nên khởi sinh lòng nghi. Khi nghe [giảng] rộng 5 lượt về chư Phật[3] cũng vẫn còn mông lung chưa sáng tỏ. Nay nghe [thuyết giảng] thí dụ thì vui mừng phấn khởi, niềm tin (tín) phát triển, sự nhận hiểu (giải) sinh ra, nghi ngờ tiêu tan, lẽ thật sáng tỏ. Vui mừng là thế giới [tất đàn], niềm tin phát sinh là

[1] Ở đây sử dụng cách phân loại ba vòng thuyết pháp: thuyết chánh pháp, thuyết thí dụ và thuyết nhân duyên.

[2] Đoạn này Văn Cú trích dẫn không đầy đủ, chúng tôi bổ sung đúng theo kinh văn. Văn Cú dùng vô nguyện, trong khi kinh văn dùng vô tác. Ở đây đề cập đến tam giải thoát môn (三解脫門), bao gồm: không môn (空門), vô tướng môn (無相門) và vô tác môn (無作門). Vô tướng cũng được gọi là vô tưởng (無想), vô tác (無作) cũng được gọi là vô nguyện (無願) hay vô dục (無欲).

[3] Nguyên tác dùng "五佛 - ngũ Phật" nhưng là chỉ đến 5 lượt nói về chư Phật, thứ nhất nêu về chư Phật nói chung, thứ hai nói về chư Phật quá khứ, thứ ba nói về chư Phật vị lai, thứ tư nói về chư Phật trong hiện tại và thứ năm nói riêng về Phật Thích-ca.

vị nhân [tất đàn], nghi ngờ tiêu tan là đối trị [tất đàn], lẽ thật sáng tỏ là đệ nhất nghĩa [tất đàn]. Do những nhân duyên này cho nên gọi tên là phẩm Tin hiểu.

[Người tu tập] nhận lãnh giáo pháp Tiểu thừa hay Đại thừa, từ ban sơ bỏ phàm lên thánh, mỗi người đều có giai vị theo thứ lớp. Chỉ có điều là [hành giả] Tiểu thừa do niềm tin mà thực hành, từ chỗ được nghe phát sinh sự nhận hiểu, nhẫn chịu khổ não mà phát khởi sự sáng suốt, nên khởi niềm tin gọi là thực hành. [Hành giả Đại thừa y theo] giáo pháp mà thực hành, quán sát khắp thảy các pháp, nhẫn chịu khổ não phát khởi sự sáng suốt, nên hiểu giáo pháp gọi là thực hành.[1] Nếu người hành trì theo niềm tin chuyển nhập giai đoạn tu đạo,[2] sự chuyển nhập ấy gọi là "tín giải" (tin hiểu). Người tu tập theo giáo pháp chuyển nhập giai đoạn tu đạo, sự chuyển nhập ấy gọi là "kiến đắc" (thấy biết được). [Xét theo] chuẩn mực Tiểu thừa hướng đến Đại thừa cũng nên [hiểu theo cách] như vậy.

Hàng trung căn nghe thuyết thí dụ, ban sơ phá trừ nghi hoặc, thể nhập giai đoạn kiến đạo của Đại thừa nên gọi là "tín" (tin nhận); tiến lên thể nhập giai đoạn tu đạo của Đại thừa nên gọi là "giải" (hiểu rõ). [Kệ tụng trong] kinh văn nói: *"Bao nhiêu báu vô thượng, không cầu tự nhiên được."* [Lại cũng nói rằng:] *"Chúng con ngày hôm nay, mới thật là Thanh văn, đem âm thanh pháp Phật, khiến tất cả được nghe."* Được nghe giáo pháp viên mãn, thể nhập giai vị viên mãn, cho nên gọi là phẩm Tin hiểu.

---

[1] Ở đây phân biệt hai trường hợp là "信行 - tín hành" và "法行 - pháp hành". Người tu tập theo Tiểu thừa dựa vào niềm tin để khởi sự hành trì nên gọi là tín hành, người tu tập theo Đại thừa dựa theo giáo pháp để thực hành nên gọi là pháp hành.

[2] Tu đạo (修道): tức là một trong Tam đạo (三道), bao gồm Kiến đạo (見道), Tu đạo (修道) và Vô học đạo (無學道). Kiến đạo là giai đoạn ban sơ nhận hiểu con đường tu tập; tu đạo là giai đoạn tiếp theo đi vào tu tập hành trì; vô học đạo là giai đoạn thành tựu, vượt trên mọi kiến giải, tri thức của thế gian.

Giải thích theo bản tích thì bốn vị đại đệ tử [của Phật][1] vốn từ lâu đã thể nhập Đại thừa, thành tựu Phật pháp, [nay thị hiện] hình tích để dẫn dắt hàng trung căn, chỉ bày chỗ tin hiểu ban đầu nên gọi là phẩm Tin hiểu.

Đây là phần kinh văn nêu việc nhận hiểu, nói gần là nhận hiểu [thí dụ] căn nhà đang bốc cháy, nói xa là nhận hiểu [ý nghĩa] phương tiện. Kinh văn chia làm hai mục. Mục thứ nhất là người chép kinh nêu việc [các vị đệ tử] hoan hỷ vui mừng [sau khi nghe Phật thuyết dạy]; mục thứ hai là [các vị đệ tử] bạch Phật, tự trình bày [chỗ nhận hiểu].

KINH VĂN

> **Lúc bấy giờ, các ngài Tuệ Mệnh[2] Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Mục-kiền-liên, được nghe Phật thuyết pháp chưa từng có, lại thấy đức Thế Tôn thụ ký cho ngài Xá-lợi-phất sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì khởi tâm cho là điều hy hữu, vui mừng phấn chấn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang y phục, trần vai áo phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay một lòng cúi mình cung kính chiêm ngưỡng tôn nhan rồi bạch Phật rằng:**

[Trong mục thứ nhất có hai tổng phần nêu việc các đệ tử hoan hỷ.]

▣ Tổng phần thứ nhất trình bày [sự vui mừng hoan hỷ] trong nội tâm, tổng phần thứ hai trình bày sự tôn kính tỏ ra bên ngoài.

---

[1] Tức là bốn vị được đề cập trong phẩm này, bao gồm các vị Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Ca-diếp và Ma-ha Mục-kiền-liên.

[2] Tuệ mạng (慧命): dịch từ Phạn ngữ āyuṣmat, cũng dịch là cụ thọ mạng (具壽命), cụ thọ (具壽), tuệ thọ (慧壽), là tiếng tôn xưng đặt trước danh hiệu vị tỳ-kheo đức độ, cũng như ngày nay ta thường dùng Đại đức, Thượng tọa v.v... Người xuất gia xem nhẹ thân xác thịt, chỉ xem trọng Pháp thân. Pháp thân được nuôi dưỡng bởi trí tuệ là thọ mạng, cũng như thân xác thịt được nuôi dưỡng bởi thức ăn. Do vậy những vị xuất gia đức độ cao dày được tôn xưng là Tuệ mạng.

[Trong tổng phần thứ nhất], chỉ riêng ngài Thiện Cát[1] được gọi là Tuệ mệnh, ba vị còn lại đều gọi là Ma-ha. Nếu luận nghĩa chung thì các vị đều là những bậc lớn lao, có trí tuệ, còn xét riêng thì ngài Thiện Cát thấu hiểu nghĩa không, lấy trí tuệ hiểu nghĩa không làm thọ mệnh. Đây là lược nói về công hạnh.

Trong các loại trí tuệ giữa cõi người thì trí tuệ Phật là hơn hết. Trong hội Bát-nhã, đức Phật lệnh cho [ngài Tu-bồ-đề] hoằng truyền giáo pháp. Vì ngài vâng theo mệnh lệnh của bậc trí tuệ nên gọi là Tuệ mệnh. Ba vị đệ tử khác không dùng [tuệ] mệnh [trong danh xưng] vì chẳng dùng nghĩa không làm tông chỉ tu hành. Đây là giải thích theo giáo nghĩa. [Về nghĩa] chữ Ma-ha thì như trước đã nói. Đại lược là như vậy.

Về nguyên do [các vị đệ tử] được hoan hỷ vui mừng, xét theo nghĩa xa là do được nghe 5 đoạn thuyết chánh pháp về nghĩa phương tiện. Người chép kinh [trong đoạn này] chỉ nêu hai ý là "được nghe pháp hy hữu" và "được nghe [Phật] thụ ký [cho hàng Thanh văn]". Hoặc cũng có thể [giải thích rằng trong ý] "nghe pháp hy hữu" được trình bày bốn đoạn và "thấy [Phật] thụ ký" là đoạn thứ 5. Những việc thấy nghe như vậy đều là trước đây chưa từng có, nên là nguyên do của sự hoan hỷ vui mừng.

"Khởi tâm cho là điều hy hữu", nghĩa là vừa được nghe thuyết bốn lượt thí dụ nên khởi tâm cho là điều hiếm có. Khởi tâm [như vậy] gọi là có niềm tin; nhờ có niềm tin nên thể nhập được, tức là thể nhập giai vị hoan hỷ. Đây là ý nghĩa của phẩm Tin hiểu.

▣ [Tổng phần thứ hai] từ câu *"từ chỗ ngồi đứng dậy"* là trình bày sự tôn kính tỏ ra bên ngoài, y theo kinh văn có

[1] Tức ngài Tu-bồ-đề (須菩提), là tên phiên âm từ Phạn ngữ là Subhūti, được dịch nghĩa theo nhiều cách khác nhau như Thiện Nghiệp (善業), Thiện Cát (善吉), Thiện Hiện (善現), Thiện Thật (善實), Thiện Kiến (善見), Không Sinh (空生).

thể hiểu được. Cứ theo như [phần nói về] ngài Xá-lợi-phất nên cũng bày tỏ đủ 3 nghiệp [thân, miệng và ý], dựa theo phần trước có thể hiểu được.

[Mục thứ hai] từ câu *"rồi bạch Phật rằng"* trở đi, [ngài Ca-diếp] tự trình bày bằng lời nói. Kinh văn mục này chia làm 2 tổng phần.

▣ Tổng phần thứ nhất [chia làm 2 phần] gồm văn trường hàng [là phần thứ nhất] và 73 khổ rưỡi kệ tụng [là phần thứ hai, qua đó ngài Ca-diếp] trình bày rõ sự nhận hiểu.

▣ Tổng phần thứ hai gồm 13 khổ kệ xưng tán ơn sâu của Phật. Sự nhận hiểu [của ngài Ca-diếp] là nhờ nơi Phật, cho nên trước là trình bày, sau đó xưng tán [ơn Phật].

[Phần thứ nhất là] phần văn trường hàng lại chia thành 2 tổng đoạn. Tổng đoạn thứ nhất lược nói nghĩa thuyết chánh pháp, tổng đoạn thứ hai nói rộng nghĩa thí dụ.

▣ Tổng đoạn thứ nhất lược nói [thuyết chánh pháp] lại chia thành 2 đoạn. Đoạn thứ nhất lược nói nghĩa thuyết chánh pháp, đoạn thứ hai nêu thí dụ.

◆ Đoạn thứ nhất lược nói nghĩa thuyết chánh pháp lại chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nêu rõ xưa kia vì 3 [lý do] nên không cầu [giáo pháp Đại thừa], tiểu đoạn thứ hai nêu việc ngày nay đã hiểu Nhất thừa nên tự nhận hiểu được.

❖ Trong tiểu đoạn thứ nhất nói [lý do] không cầu [giáo pháp Đại thừa] lại [chia ra thành 2 phân đoạn]. Phân đoạn thứ nhất nêu [các lý do] và phân đoạn thứ hai giải thích.

KINH VĂN

> **"Chúng con đứng đầu trong hàng tăng chúng, nay đều đã già nua, tự cho rằng mình đã được Niết-bàn, không còn gì để nhận lãnh thêm, nên không còn tiến lên mong cầu quả vị Vô thượng Chánh**

đẳng Chánh giác. Đức Thế Tôn thuở trước thuyết pháp đã lâu, khi ấy chúng con ngồi trong pháp hội mà thân thể mỏi mệt, chỉ nghĩ nhớ đến các pháp không, vô tướng, vô tác, còn đối với các pháp của hàng Bồ Tát như thần thông du hí, làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh… thì tâm chúng con không hề vui thích.

▪ Phân đoạn thứ nhất nói về việc [không cầu giáo pháp Đại thừa], nêu ra 3 lý do. Thứ nhất là do đứng đầu trong hàng tăng chúng, thứ hai là do tuổi đời đã già nua, thứ ba là do có sự chứng đắc [theo Tiểu thừa].

◆ Lý do thứ nhất là đứng đầu trong hàng tăng chúng, [vì nghĩ rằng] tuổi đạo[1] của mình đã cao, những người tu học đến sau đều lấy mình làm khuôn mẫu noi theo, nếu bỗng dưng thay đổi đường lối, nề nếp tu tập [từ xưa], từ bỏ Tiểu thừa để cầu [giáo pháp] Đại thừa, e rằng người đi sau sẽ ngờ vực chê bai. Muốn tự kiên định mình, giữ gìn cho người khác nên chẳng cầu [giáo pháp Đại thừa].

◆ Lý do thứ hai là tuổi đời đã già nua, [vì nghĩ rằng] vị Bồ Tát [Đại thừa] phải chuyên tâm gánh vác đạo lớn, rộng độ chúng sanh, nay mình đã già nua suy yếu không thể gánh vác nổi cho nên không cầu [giáo pháp Đại thừa].

◆ Lý do thứ ba là đã đạt Niết-bàn [của Tiểu thừa], được chánh vị vô vi nên không thể phát tâm Đại thừa, [cũng giống như] ở vùng đất cao hay đất bằng đều không thể sinh ra hoa sen.[2] Do đã thành tựu được tận trí và vô sanh trí[3] nên không còn chỗ nương theo hay mong cầu.

---

[1] Nguyên tác dùng pháp lạp (法臘), chỉ số năm đã xuất gia, tức là tuổi đạo, vì mỗi năm người xuất gia đều phải trải qua một kỳ an cư nên gọi là hạ lạp (夏臘). Còn có nhiều cách nói khác để chỉ tuổi đạo, cũng đều dùng chữ lạp, như tăng lạp (僧臘), pháp lạp (法臘), giới lạp (戒臘), tọa lạp (坐臘), hoặc cũng gọi là pháp tuế (法歲), pháp hạ (法夏).

[2] Ý nói hoa sen chỉ có thể sinh ra ở nơi bùn lầy, dưới ao hồ. Phần này lấy ý từ kinh Duy-ma-cật.

[3] Gọi chung là nhị trí (二智), chỉ hai loại trí tuệ của bậc A-la-hán. Tận trí (盡智), chuyển dịch từ Phạn ngữ Kṣaya-jñāna, chỉ trí tuệ được sinh khởi ở quả vị vô học,

KINH VĂN

> **"Vì sao vậy? Đức Thế Tôn đã giúp chúng con thoát ra ngoài ba cõi, chứng đạt Niết-bàn, nay chúng con lại già cả suy yếu, [cho nên] đối với việc Phật giáo hóa chư Bồ Tát pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong tâm [chúng con] không hề sinh khởi dù chỉ một niệm vui thích.**

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Vì sao vậy?"* [trở đi], giải thích 3 lý do không cầu [giáo pháp Đại thừa], nhưng kinh văn không theo đúng thứ tự [như trên]. Trước tiên giải thích vì chứng đắc Niết-bàn nên không cầu [giáo pháp Đại thừa]. Kế đến giải thích vì tuổi già, tức bao gồm cả ý nghĩa đứng đầu tăng chúng, hoặc chỉ đến việc thuở xưa [nghe đức Phật] thuyết pháp đã lâu nhưng không sinh tâm mừng vui ưa thích.

Giải thích về việc đứng đầu tăng chúng nên không cầu [Đại thừa], vì đã nói *"ngồi trong pháp hội"*, rồi lại nói *"già cả suy yếu"*, nên biết là giải thích việc đứng đầu tăng chúng. Giải thích việc không cầu [Đại thừa] thì y theo kinh văn có thể hiểu được.

KINH VĂN

> **"Hôm nay ở trước Phật, chúng con được nghe Phật thụ ký cho hàng Thanh văn sẽ được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong lòng chúng con hết sức vui mừng, được việc chưa từng có, thật không hề nghĩ rằng hôm nay bỗng dưng lại được nghe giáo pháp xưa nay hiếm có, nên tự sâu thẳm trong lòng chúng con cảm thấy vô cùng may mắn, vui mừng vì đạt được sự lợi ích lớn lao, cũng giống như người không hề mong cầu mà tự nhiên có được vô số châu ngọc quý báu.**

đoạn trừ hết thảy phiền não, tự biết mình đã thành tựu sự tu tập Tứ đế: biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo. Vô sanh trí (無生智), chuyển dịch từ Phạn ngữ anutpādajñāna, chỉ trí tuệ rõ biết hết thảy các pháp đều không thực sự có sinh có diệt, nhờ đó dứt trừ hết thảy phiền não, xa lìa sinh diệt.

❖ [Tiểu đoạn thứ hai] từ câu *"hôm nay ở trước Phật"* trở đi, trình bày nguyên do nhận hiểu được. [Nguyên do] xa là nhờ được nghe 5 phần nói lược, nói rộng, khai mở trừ bỏ ba thừa, hiển bày [Nhất thừa] chân thật, cho nên nói là *"vô cùng may mắn"*. *"Đạt được sự lợi ích lớn lao"* là tự nói đã nhận hiểu được, do vừa nghe 4 lượt thí dụ thuyết giảng pháp ít có nên được khai ngộ. Sự khai ngộ đó tức là lợi ích lớn lao.

◆ Đoạn thứ hai là câu *"cũng giống như người không hề mong cầu mà tự nhiên có được vô số châu ngọc quý báu"*, lược nêu thí dụ, ví với việc ngày xưa chẳng mong cầu mà nay lại tự nhiên được pháp bảo quý báu ít có.

KINH VĂN

"Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con muốn nêu ra một thí dụ để làm rõ ý nghĩa như trên.

"Ví như có một người kia, khi tuổi còn thơ ấu đã bỏ cha trốn biệt đến phương xa, ở lâu nơi xứ ấy, hoặc mười năm, hoặc hai mươi năm, cho đến năm mươi năm. Khi tuổi đã lớn, cảnh nhà trở nên nghèo cùng khốn khó, phải lưu lạc khắp bốn phương để mưu cầu sự ăn mặc. Người ấy đi mãi như vậy, dần dần lại đúng hướng về nước cũ.

"Người cha từ trước đến nay tìm con mãi không được, cuối cùng dừng chân cư ngụ ở một thành [cũng trong nước ấy]. Nhà ông cực kỳ giàu có, có vô số tiền tài vật báu như vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, trân châu… Các kho chứa của ông luôn tràn đầy dư dật. Trong nhà có rất nhiều tôi tớ, người giúp việc, các phụ tá quản lý, thuộc hạ... Nhà ông có vô số các loại xe cộ, voi, ngựa, trâu, dê… Việc làm ăn xuất nhập thu lợi tức ở khắp các nước, thương nhân giao dịch mua bán, hoặc đến mua tận nhà ông cũng rất nhiều.

"Lúc bấy giờ đứa con nghèo cùng khốn khổ kia lưu lạc khắp các thôn ấp, đi qua cả kinh thành, cuối cùng đến thành mà người cha đang cư ngụ. Tấm lòng cha mẹ luôn thương nhớ con, nhưng dù cách xa con đã hơn 50 năm vẫn chưa từng đem chuyện này nói với

người khác, chỉ tự suy tư ôm lòng buồn tiếc, nghĩ mình già yếu suy kiệt, sở hữu rất nhiều tiền tài vật chất, vàng bạc châu báu, kho chứa đầy tràn dư dật mà nay không con nối dõi, một mai chết đi thì tiền bạc của cải đành tiêu tán hết, không có người giao phó. Do vậy ông thường ôm lòng nhớ tưởng đến con, tự nghĩ: 'Nếu ta được gặp lại con, giao phó hết tài sản cho con thì không còn phải lo lắng gì nữa, thật an vui thanh thản biết bao.'

▣ Tổng đoạn thứ hai từ câu *"Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con muốn nêu ra một thí dụ"* trở đi, nói rộng phần nhận hiểu [qua thí dụ], được chia ra thành nghĩa nêu thí dụ và quy kết [ý nghĩa] thí dụ. [Ngài Ca-diếp] trước tiên muốn nêu ra [thí dụ] nên thưa trình [với Phật]. Đại lược là như vậy.

[Tổng đoạn nêu] thí dụ này lại chia ra 5 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất từ câu *"Ví như có một người kia, khi tuổi còn thơ ấu đã bỏ cha trốn biệt đến phương xa"* trở đi, gọi là thí dụ "cha con thất lạc nhau", ý nghĩa gần là [nói lên] sự nhận hiểu về thí dụ khái quát về căn nhà [đang cháy] [ở phẩm trước], ý nghĩa xa là [nói lên] sự nhận hiểu phần lược nói về phương tiện.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Bạch Thế Tôn! Bấy giờ đứa con nghèo khổ khốn cùng kia làm thuê kiếm sống"* trở đi, gọi là thí dụ "cha con gặp nhau", ý nghĩa gần là nhận hiểu việc thấy lửa cháy [trong thí dụ] căn nhà bốc cháy, ý nghĩa xa là nhận hiểu đoạn *"ta dùng Phật nhãn quán, thấy chúng sanh sáu đường"* trong phẩm Phương tiện.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Nghĩ vậy rồi ông liền lập tức sai một người hầu cận gấp rút đuổi theo để đưa đứa con ấy trở lại"* trở đi, gọi là thí dụ "theo đuổi dẫn dụ", ý nghĩa gần là nhận hiểu việc từ bỏ không đặt con lên bàn, ghế... mà chuyển sang dùng các loại xe [đẹp để dẫn dụ] trong thí dụ căn nhà đang cháy, ý nghĩa xa là nhận hiểu việc tạm gác Đại thừa,

dùng Tiểu thừa để giáo hóa trong phẩm Phương tiện.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"Qua thời gian đó rồi mới thấy quen thuộc tin cậy"* trở đi, gọi là "ủy thác cho con rõ biết việc nhà", không phải nói việc nhận hiểu những ý nghĩa gần xa ở phần trước, mà nhắc lại nghĩa dùng giáo pháp Phương đẳng chê trách [Tiểu thừa và dùng] Đại phẩm [Bát-nhã] để chuyển nêu giáo pháp Đại thừa.

◆ Đoạn thứ năm từ câu *"Lại trải qua một thời gian ngắn nữa, người cha biết ý con"* trở đi, gọi là thí dụ "giao phó gia nghiệp", ý nghĩa gần là nhận hiểu việc ban cho các con đồng một loại xe lớn trong thí dụ căn nhà bốc cháy, ý nghĩa xa là nhận hiểu việc [đức Phật] hoàn toàn xả bỏ phương tiện trong phần thuyết chánh pháp.

Lại [cũng có thể] kết hợp hai đoạn thứ tư với thứ năm thành một phần nhận hiểu thí dụ "giao phó cho con". Ở phần sau sẽ nói rõ ý này.

Các nhà cựu giải cho rằng ông trưởng giả [trong thí dụ] là ví với đức Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương, nay không dùng ý này. [Xét về] Tây phương là vị Phật khác, nhân duyên [với chúng sanh cõi Ta-bà] cũng khác. Vì là Phật khác nên [hiểu theo] ý nghĩa tiềm ẩn hay hiển lộ đều không được. Vì là nhân duyên khác nên ý nghĩa "con với cha" cũng không thích hợp. Lại trong kinh này từ đầu đến cuối hoàn toàn không có tông chỉ ấy, [nên nói như vậy chẳng khác nào] nhắm mắt [không suy xét mà] giải thích sai lệch.

Nay y theo kinh văn để giải nghĩa. Khi giải thích về [thí dụ] "đứa con cùng khốn" thì dùng pháp chưa rốt ráo[1] của

[1] Kinh văn dùng chữ "半字 - bán tự" (nửa chữ), lấy ý từ kinh Đại Bát Niết-bàn, dùng để chỉ kinh điển hay pháp môn chưa rốt ráo, chưa phải thật nghĩa tối hậu, đối lại với "滿字 - mãn tự" (trọn chữ) để chỉ đến kinh điển hay pháp môn rốt ráo, là chân lý tối hậu.

hàng Nhị thừa để hiểu kinh văn, giải thích về [thí dụ] "ông "trưởng giả" thì dùng pháp môn rốt ráo viên mãn của Phật Lô-xá-na[1] để hiểu kinh văn. Vì sao [hiểu như] vậy? Vì [thí dụ nói] ông trưởng giả ở trong nhà "cởi bỏ hết chuỗi ngọc..." và "mặc vào người loại y phục dơ bẩn thô kệch". Y phục dơ bẩn với chuỗi ngọc có khác biệt nhau nhưng vẫn chỉ là một con người ấy. Đây là ví cho việc đức Phật Lô-xá-na ẩn tàng vô số thần thông công đức để thị hiện [thân cõi người] cao một trượng sáu thước[2] với [hào quang] sắc vàng rực rỡ, tay cầm đồ hốt phân, thiết lập giáo pháp ba thừa [nơi cõi Ta-bà]. Việc ẩn tàng hay hiển lộ tuy có khác nhau nhưng nào có liên quan gì đến tánh thể khác biệt? Đức Phật Lô-xá-na mặc [y phục xấu], cởi [chuỗi ngọc] ở gần [cõi Ta-bà] mà còn không rõ biết, thì đức Phật A-di-đà nơi [Tây phương] xa xôi có bao giờ lại biến hóa thay đổi? Đại lược là như thế.

◆ [Đoạn thứ nhất] là thí dụ "cha con thất lạc nhau", gồm có 4 tiểu đoạn. Thứ nhất là người con bỏ cha mà đi, thứ hai là người cha đi tìm con rồi dừng lại [ở một thành phố khác], thứ ba là người con về lại nơi quê cũ, thứ tư là người cha lo lắng nhớ tưởng. Bốn tiểu đoạn này, mỗi tiểu đoạn đều có 2 phân đoạn.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất là người con bỏ cha mà đi, [ý nghĩa] là nhận hiểu thí dụ [trong nhà] có 500 người ở phần thí dụ khái quát. Thuở xưa từng gắn kết [với Phật như] cha con trong giáo pháp Đại thừa nhưng rồi quên mất, [ý

---

[1] Phật Lô-xá-na (Vairocana), gọi đủ là Tỳ-lô-xá-na, tức Phật Đại Nhật hay Tịnh Mãn, được dùng để chỉ đến Báo thân hay Hóa thân Phật, có ý nghĩa là "biến nhất thiết xứ", "biến chiếu" hay "quang minh biến chiếu".

[2] Nguyên tác dùng "trượng lục", tức một trượng sáu thước, mỗi trượng bằng 10 thước, theo đơn vị hiện nay thì tương khoảng 3,3 mét. Như vậy một trượng sáu thước là khoảng hơn 5 mét. Kinh văn dùng độ cao này để chỉ thân Phật khi thị hiện ở cõi người.

nghĩa] là nhận hiểu việc [chúng sanh si mê] trôi giạt trong 5 đường [luân hồi], cho nên nói rằng *"hoặc mười năm, hoặc hai mươi năm, cho đến năm mươi năm"*. Nói chung thì vẫn là con Phật, nhưng nghĩa "con" còn nhỏ nhoi yếu đuối nên nói rằng "tuổi còn thơ ấu". Vì không ở nơi cảnh giới mình đã kết duyên [Đại thừa] nên nói rằng "ở lâu nơi xứ ấy".

▪ Phân đoạn thứ hai là hướng về đến nơi quê nhà, [ý nghĩa] là nhận hiểu về thí dụ [ông trưởng giả] có 30 người con trong phần thí dụ khái quát. Duyên sự này đã có sự sáng suốt nhỏ nhiệm nên nói là *"khi tuổi đã lớn"*. Nhân vì đã trải qua khổ nạn, liên quan đến lòng đại bi của Phật nên nói rằng *"đúng hướng về nước cũ"*.

❖ [Tiểu đoạn thứ hai] *"cha đi tìm con rồi dừng lại ở một thành phố khác"* cũng có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất là *"cha đi tìm con mãi không được"*, ý nghĩa là nhận hiểu thí dụ "ông trưởng giả" trong phần thí dụ khái quát. Từ sau khi chúng sanh thối thất tâm Đại thừa, [Phật] xem xét căn cơ Đại thừa [của chúng sanh] thấy chưa đến lúc thích hợp, cho nên nói rằng "mãi không được".

▪ Phân đoạn thứ hai là *"dừng chân cư ngụ ở một thành"*. *"Nhà ông cực kỳ giàu có"* là ý nghĩa nhận hiểu thí dụ "ngôi nhà [của ông trưởng giả]" trong phần thí dụ tổng quát. "Cực kỳ giàu có" là ý nghĩa nhận hiểu về đức độ và sự nghiệp cũng như sự giàu có bên trong lẫn bên ngoài của ông trưởng giả trong phần thí dụ khái quát.

❖ [Tiểu đoạn thứ ba] nói *"người con đến nơi thành cha đang ở"* cũng chia làm 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất là nguyên do [đưa đẩy người con] đến thành ấy. Đây là ý nghĩa nhận hiểu về các hình tướng khổ não khi lửa bốc lên cháy [nhà trong phần thí dụ ở

trước, nghĩa là chúng sanh] từ sau khi thối tâm Đại thừa phải lưu lạc khắp mọi nơi, chịu đủ mùi cay đắng.

▪ Phân đoạn thứ hai là *"đến thành người cha đang cư ngụ"*, do sự khổ não là cơ duyên thích hợp với lòng đại bi, cho nên nói *"cuối cùng đến thành người cha đang cư ngụ"*.

❖ [Tiểu đoạn thứ tư] nói sự lo nghĩ và vui mừng của người cha, có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất là nhớ nghĩ việc mất con nên buồn khổ.

▪ Phân đoạn thứ hai là nghĩ đến việc gặp được con nên vui mừng. Ý nghĩa ở đây là nhận hiểu về thí dụ "chỉ có một cửa ra vào" trong phần thí dụ khái quát ở trước. Vì các con còn thơ dại không thể dùng cửa [thoát ra bên ngoài] nên khiến người cha lo lắng buồn rầu, lại cũng dùng cửa này mà thoát ra được nên cha vui mừng.

Phần phân chia [đoạn thứ nhất] đến đây là dứt.

Về phần giải thích ý nghĩa kinh văn thì tiểu đoạn thứ nhất nói việc *"người con bỏ cha mà đi"* có 2 ý nghĩa.

Về nghĩa thứ nhất, nói *"ví như có một người kia"* là ý nghĩa nhận hiểu [thí dụ] "có 20 người con", ví cho hàng Nhị thừa, còn công hạnh của địa vị Bồ Tát thật khó rõ biết nên cũng tạm nhận hiểu như vậy.

Về câu *"khi tuổi còn thơ ấu"*, các nhà cựu giải nói rằng, nghe pháp ít là nghĩa "thơ ấu". Nếu vậy thì câu sau nói "khi tuổi đã lớn" phải hiểu là được nghe pháp nhiều. Nay [không giải thích theo cách đó mà cho rằng,] vì vô minh sâu nặng che chướng tâm nhận hiểu; tâm nhận hiểu không có sức [phá trừ vô minh] cho nên nói là "tuổi còn thơ ấu"; căn lành huân tập còn bị đôi chút bám víu dục nhiễm gọi là "khi tuổi đã lớn".

Về câu *"bỏ cha trốn đi biệt"*, thối thất tâm [Đại thừa] nên gọi là "bỏ", do vô minh tự che lấp [tánh giác] nên gọi là "trốn", mãi hướng theo sanh tử [luân hồi] nên gọi là "đi biệt".

Hỏi: Sau khi đức Phật xả bỏ ứng thân, chúng sanh mới khởi sanh mê hoặc, như vậy là cha lìa xa con chứ đâu phải con bỏ cha?

Đáp: Do chúng sanh không có sự chiêu cảm, Phật mới rời khỏi cõi đời, nên [phải hiểu] ngược lại thành nghĩa là con bỏ cha.

Về câu *"ở lâu nơi nước khác"*, [hàm ý] pháp giới Niết-bàn là cõi nước của Phật, năm món dục trong sanh tử là "nước khác". Vốn xưa cầu ra khỏi [sanh tử] nhưng rồi thối thất sa đọa, mãi không quay lại nên gọi là "ở lâu". Hoặc [giải thích rằng ở lâu] 10 năm là nói cõi trời, 20 năm là nói cõi người, 50 năm là nói đủ 5 đường, dựa theo ý nghĩa một người phải lưu chuyển xoay vòng trong các nẻo [luân hồi].

Về nghĩa thứ hai, từ câu "khi tuổi đã lớn" trở đi nói việc "hướng về đến nơi quê nhà". "Thơ ấu" có 2 nghĩa. Thứ nhất là còn si mê theo Tiểu thừa, thứ hai là chưa gặp qua cảnh khổ nên chưa biết quay về.

Đây là ví cho việc sau khi kết duyên mà sự nhận hiểu [Đại thừa] chưa sáng tỏ, giống như [đứa con] ngu si chưa biết quay về. Tuy phúc đức thuở xưa vẫn còn nhưng mê say không chịu quay về, nay nghiệp lực tích tập, vô minh thêm dày, khuynh hướng theo chánh đạo chỉ còn nhỏ nhiệm, [đến khi] chịu khổ, không còn vui thú mới nhớ nghĩ, mong cầu thoát ra.

Hai yếu tố [gặp khổ, mất vui] này là cơ duyên cầu Phật, nên gọi là *"dần dần lại đúng hướng về nước cũ"*.[1]

[1] Chỗ này Văn Cú dùng "tiệm hướng phụ quốc - 漸向父國" (dần dần hướng về đất

Kinh văn phần trước nói: *"Với những người gặp khổ, vì họ thuyết Niết-bàn."*[1] Nếu dùng những việc thiện trong hai cõi trời người thì không thể chiêu cảm nhân duyên [gặp] Phật. Ở trong ba cõi không được gặp được cha là đức Phật nên gọi là "[đứa con] nghèo cùng". Không biết phương cách thoát ra khỏi [luân hồi] cũng gọi là "nghèo cùng". Bị ngọn lửa 8 nỗi khổ thiêu đốt nên là "khốn khó".

"Phải lưu lạc khắp bốn phương để mưu cầu sự ăn mặc." Các nhà cựu giải cho rằng, [tu tập] năm giới, mười điều lành, mỗi việc đều có nhân quả, lấy đó làm "bốn phương" dùng để tự chu cấp. Lại ở trong 4 cách sinh[2] mà mưu cầu sự sống tức là "mưu cầu sự ăn mặc". Kinh văn phần sau nói: *"Hơn trăm ba mươi kiếp, nay mới gặp một lần."*[3] Trong suốt những kiếp ấy, không phải là không có nhân quả tốt đẹp trong 2 cõi trời người, nhưng không thể chiêu cảm được gặp Phật. Cho nên biết rằng, những việc lành trong hai cõi trời người không phải là cơ duyên để được gặp Phật. Nay Phật chưa ra đời, kẻ phàm phu đối với [4 yếu tố] thân, thọ, tâm, pháp khởi lên 4 kiến chấp,[4] ở trong đó mà cầu đạo chân chánh như cầu thức ăn, cầu các pháp trợ đạo như cầu y phục. Biết chán lìa sự khổ, cầu chân lý, đó là duyên

---

nước của cha), nhưng kinh văn đoạn được trích dẫn này là "tiệm tiệm du hành ngộ hướng bản quốc - 漸漸遊行遇向本國", cho nên chúng tôi căn cứ kinh văn, vẫn dịch là "dần dần lại đúng hướng về nước cũ".

[1] Đoạn này Văn Cú chỉ trích một phần, vì đúng ra phải là: "若人遭苦，厭老病死，為說涅槃，盡諸苦際 - Nhược nhân tao khổ, yếm lão bệnh tử, vị thuyết Niết-bàn, tận chư khổ tế." (Với những người gặp khổ, chán bỏ già, bệnh, chết; vì họ thuyết Niết-bàn, dứt hết mọi cảnh khổ.)

[2] Bốn cách sinh: chỉ chung những cách sinh ra của tất cả chúng sanh, bao gồm thai sinh (sinh từ bào thai), noãn sinh (sinh từ trứng), thấp sinh (sinh từ nơi ẩm ướt) và hóa sinh (sinh từ sự biến hóa).

[3] Câu kinh này nằm trong quyển 3, phẩm Dược thảo dụ, nguyên văn là: "過百三十劫，今乃得一見 - Quá bách tam thập kiếp, kim nãi đắc nhất kiến." Xem Đại Chánh tạng, Tập 9, số 262, trang 24, tờ a, dòng 24.

[4] Tức chỉ ngã kiến, biên kiến, tà kiến và kiến thủ kiến.

có thể được giáo hóa. Khi Phật mới ra đời, những kẻ ngoại đạo được hóa độ trước chính là ý nghĩa này.[1]

Kinh Đại Bát Niết-bàn,[2] [quyển 33] nói: "Xem khắp bốn phương", đó là ví cho bốn chân đế,[3] dựa theo đó có thể rõ biết được.

"Dần dần lại đúng hướng về nước cũ", đây là nói rõ ý chán lìa cảnh khổ, hy vọng thoát khỏi đường tà, cầu được Niết-bàn, tuy vốn không tự có ý chính nhưng cũng nhờ đó được gặp Phật, cho nên nói *"lại đúng hướng"*.

Như trên nói về *"nước cũ"*, phần sau lại nói đến nhà trong thành, vậy làm sao phân biệt? Tất cả Phật pháp là cõi nước, đó là nghĩa rộng, còn dùng chữ "thành" thì nhỏ hẹp hơn nên gần gũi hơn. Dùng đoạn đức của Niết-bàn[4] để ngăn ngừa việc sai trái, chế ngự điều xấu ác, đó là nghĩa của "thành". Lại dùng chữ "nhà" cũng có nghĩa gần gũi, thân thiết hơn. Đồng thể đại bi[5] là nghĩa của "nhà".

Từ câu *"Người cha từ trước đến nay tìm con mãi không được"* trở đi là tiểu đoạn thứ hai, nêu thí dụ *"trong lúc đi tìm con dừng lại"*, cũng có 2 nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là từ sau khi [chúng sanh] thối tâm Đại thừa, [Phật] vẫn tìm cầu cơ duyên nhưng không gặp.

---

[1] Ở đây hàm ý những người ngoại đạo này đều đã chán lìa cảnh khổ thế gian, đang muốn cầu tìm chân lý, nên đó là duyên có thể được Phật hóa độ.

[2] Chỗ này Văn Cú dùng chữ "大經 - Đại kinh" để chỉ kinh Đại Bát Niết-bàn.

[3] Đoạn kinh được trích dẫn ở đây nằm trong quyển 30 của kinh Đại Bát Niết-bàn. (Nam bản - Xem Đại Chánh tạng, Tập 12, số 375, trang 800) Ở quyển 33 có câu: "四方者即是四諦 - Tứ phương giả tức thị tứ đế." Xem Đại Chánh tạng, Tập 12, số 375, trang 824, tờ c, dòng 14-15. Phần giảng giải ở đây có lẽ dựa vào cả hai đoạn kinh văn.

[4] Tức đoạn đức của Phật, là phẩm tính dứt trừ hết thảy mọi phiền não. Quả vị Phật thành tựu ba đức mà không ai có được là trí đức (trí tuệ Bát-nhã), đoạn đức (phẩm đức dứt trừ hết thảy mọi phiền não) và ân đức (ân đức giáo hóa chúng sanh lớn lao không gì so sánh được).

[5] Đồng thể đại bi: tâm đại bi khởi sinh từ sự nhận thức, quán tưởng tất cả chúng sanh với bản thân mình đều bình đẳng, cùng một thể tánh.

Vì không gặp [cơ duyên Đại thừa] nên nói là *"tìm con mãi không được"*. Nghĩa thứ hai là *"dừng lại nơi một thành"*. [Ý nghĩa là ông trưởng giả] không vì một đứa con [thất lạc] mà bỏ phế gia nghiệp, ví như chư Phật không vì một nơi không có cơ duyên mà bỏ phế việc giáo hóa [chúng sanh] ở những nơi khác. Các nhà cựu giải cho rằng, "dừng lại" tức là nói dừng trong khoảng hai mốc thời gian: sau 20.000 vị Phật và trước Phật Thích-ca ra đời. Nay cho rằng ý nghĩa "trong khoảng giữa" thì có thể được, nhưng nghĩa "dừng lại" ở nước ấy, thành ấy hay nhà ấy đều không thích hợp. [Do vậy] nay lấy cõi *phương tiện hữu dư* là nghĩa của "nước", nằm ở khoảng giữa hai cõi phàm thánh đồng cư và thật báo trang nghiêm; lấy cõi Niết-bàn hữu dư là nghĩa của "thành"; trụ nơi Niết-bàn [hữu dư] này gọi là "dừng lại".

Ở nơi Niết-bàn này là nghĩa của "nhà", [từ đây] khởi lên 2 ứng hóa thân là *liệt ứng hóa thân* và *thắng ứng hóa thân*.[1] Liệt ứng hóa thân là ứng với hàng Thanh văn, thắng ứng hóa thân là ứng với hàng Bồ Tát. Năm hạng hành giả[2] đã dứt trừ thông hoặc[3] đều sanh về cõi [phương tiện hữu dư] này, đều là Bồ Tát. Đức Phật dùng thắng ứng

---

[1] Đức Phật tùy nghi hóa độ nên chúng sanh tùy theo căn cơ khác biệt mà nhìn thấy ứng hóa thân của Phật cũng khác biệt. Liệt ứng hóa thân là thân một trượng sáu thước ở cõi phàm, được nhìn thấy bởi hàng Thanh văn và chúng phàm phu. Phật ứng hiện thân này ở cõi phàm thánh đồng cư để giáo hóa chúng sanh. Thắng ứng hóa thân là thân tướng hảo quang minh bao trùm khắp pháp giới, tuy cũng có thể hiện ra như thân một trượng sáu thước nhưng có đủ thần thông tự tại. Phật ứng hiện thân này ở cõi phương tiện hữu dư để giáo hóa chúng sanh.

[2] Nguyên tác dùng "五人 - ngũ nhân", Văn Cú Ký giải thích rằng ở đây chỉ những người đạt 5 thánh quả của Nhị thừa, gồm các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi Phật. Các vị này tuy chứng thánh quả nhưng đều hướng theo Tiểu thừa, khi sinh về cõi phương tiện hữu dư được gặp ứng hóa thân của Phật thì đều được giáo hóa trở thành Bồ Tát theo Đại thừa.

[3] Thông hoặc (phiền não chung), chỉ kiến hoặc và tư hoặc, là những phiền não mà tất cả những ai tu tập đều phải hướng đến dứt trừ, do đó gọi là thông hoặc, khác với biệt hoặc (phiền não riêng) là những phiền não vi tế như trần sa hoặc và vô minh hoặc, chỉ lên đến hàng Bồ Tát Biệt giáo mới có thể dứt trừ.

hóa thân để ứng hiện ở cõi này, chỉ dùng toàn "gia nghiệp" là Đại thừa để dạy bảo, khiến cho tu học. "Dừng lại" ở giữa là xem xét, tìm kiếm cơ duyên [giáo hóa] của "con" là [chúng sanh] ở cõi [phàm thánh] đồng cư. [Hiểu như vậy thì] không chỉ riêng nghĩa "ở giữa" được phù hợp, mà các nghĩa của "nước", "thành", "gia nghiệp" cũng đều rõ ràng.

"Cực kỳ giàu có" là lấy cảnh thật tướng làm nghĩa của "nhà". Đầy đủ muôn phẩm đức gọi là giàu, [đầy đủ] phước đức trong năm cõi gọi là tiền tài, trí tuệ Bát-nhã gọi là vật báu, dẫn dắt hết thảy [chúng sanh] thấu hiểu Đại thừa gọi là vô số. *"Vàng, bạc, lưu ly, trân châu v.v."* là 37 đạo phẩm Đại thừa. Thí dụ này là nhận hiểu ý nghĩa [thí dụ] "ông trưởng giả giàu có vô cùng" trong phần trước.

"Kho chứa tràn đầy dư dật", bên trong [có nhiều] là tràn đầy, bên ngoài [có nhiều] là dư dật; đựng nhiều lúa gạo là "kho", cất giữ đồ vật là "chứa". "Kho" là ví cho thiền định, vì thiền sanh ra 108 pháp tam-muội. "Chứa" là ví cho thật tướng, vì có thể phát khởi trí tuệ [thấu triệt] 18 nghĩa không.[1] Tự giúp được mình là nghĩa "tràn đầy", [có thể] giáo hóa người khác là nghĩa "dư dật". Thí dụ này là nhận hiểu ý nghĩa [thí dụ ông trưởng giả] "sở hữu rất nhiều ruộng vườn, nhà cửa" trong phần trước.

"Có rất nhiều tôi tớ" là nói tất cả phương tiện, tri kiến, các pháp ba-la-mật thảy đều đầy đủ, uyển chuyển linh hoạt tùy theo cơ duyên, xứng hợp cả sự và lý. Thí dụ này là nhận hiểu ý nghĩa [thí dụ "ông trưởng giả] có rất nhiều tôi tớ" trong phần trước. Theo giai vị mà nói thì hàng Nhị thừa, Bồ Tát Thông giáo và [giai vị] tam thập tâm của Bồ

[1] Mười tám nghĩa không bao gồm: 1. Nội không; 2. Ngoại không; 3. Nội ngoại không; 4. Không không; 5. Đại không; 6. Đệ nhất nghĩa không; 7. Hữu vi không; 8. Vô vi không; 9. Tất cánh không; 10. Vô thủy không; 11. Tán không; 12. Tính không; 13. Tự tướng không; 14. Chư pháp không; 15. Bất khả đắc không; 16. Vô pháp không; 17. Hữu pháp không; 18. Vô pháp hữu pháp không.

Tát Biệt giáo đều ví như "tôi tớ"; hàng Thập địa của Bồ Tát Biệt giáo, Viên giáo ví như quan đại thần, Thập hồi hướng ví như quan phụ tá, Thập hạnh ví như các viên chức, Thập trụ ví như dân thường. Kể từ ban sơ vào cảnh giới Phật, ví như sống trên lãnh thổ của nhà vua thì không ai không phải là dân của vua. Nhưng tuy được làm "dân" [trong cảnh giới Phật], nếu so sánh với các viên chức, quan phụ tá... thì hãy còn cách nhau rất xa. [Hàng Bồ Tát] Thập hạnh riêng trải qua tu tập các pháp, rong ruổi đó đây nên ví như các viên chức giúp việc. [Hàng Bồ Tát] Thập hồi hướng [thì nhận hiểu về] sự lý đã có phần sâu xa, như chức vị đã gần bên vua nên ví như các quan phụ tá. [Hàng Bồ Tát] Thập địa đã trợ giúp vào việc hành đạo giáo hóa của Phật, hàng phục ma oán, chế ngự kẻ địch nên ví như các quan đại thần.

[Về câu *"Nhà ông có vô số các loại xe cộ, voi, ngựa, trâu, dê..."*, hành giả đạt được] nhất tâm tam quán[1] ví như voi, chuyển vận Đại thừa Viên giáo, [hành giả đạt] thứ đệ tam quán[2] ví như ngựa, chuyển vận Đại thừa Biệt giáo, [hành giả tu tập] Tức không quán, Tích không quán[3] ví như trâu, chuyển vận Đại thừa Thông giáo..., [hành giả] tự hành trì Tích pháp quán ví như hươu, dê, chuyển vận các pháp Nhị thừa. Nói "vô số" là vì tất cả các pháp quyền thật đều ví như "xe", các pháp quán trí quyền thật ví như voi, ngựa,

[1] Nhất tâm tam quán, cũng gọi là Bất thứ đệ tam quán, tức công phu thành tựu chỉ trong một tâm niệm có thể tu tập cả ba pháp quán là không quán, giả quán và trung quán.

[2] Hành giả thực hiện đủ ba pháp quán là không quán, giả quán và trung quán, nhưng không phải đồng thời mà theo cách tuần tự.

[3] Tức không quán, cũng gọi là Thể không quán hay Thể pháp nhập không quán, tức công phu thành tựu quán chiếu ngay nơi thể tánh các pháp mà thấu suốt được lẽ không, khác với Tích không quán, còn gọi là Tích pháp nhập không quán, tức nhờ vào công phu quán chiếu phân tích, chia chẻ các pháp mà thể nhập, thấu suốt được lẽ không. Theo giáo lý tông Thiên Thai thì Tích không quán thuộc về Tạng giáo, Tức không quán thuộc về Thông giáo.

trâu, dê..., không những giáo pháp là rất nhiều, mà cho đến các pháp quán trí cũng nhiều vô số.

[Câu "Việc làm ăn] xuất nhập..." [hàm ý] tuy phân biệt thành hai mà chẳng phải hai, đó là nhập; tuy chẳng phải hai mà phân biệt thành hai, đó là xuất. Lại nữa, không phân biệt thành hai mà là hai, đó là nhập; phân biệt thành hai mà chẳng phải hai, đó là xuất. Từ vô lượng quay về một là nhập, trong một có vô lượng là xuất. Công năng giáo hóa người khác gọi là xuất, công năng tự hành trì gọi là nhập.

"*Thu lợi tức ở khắp các nước...*" [hàm ý] thiện pháp đưa ra làm lợi ích số đông gọi là "tức", công giáo hóa quy về chính mình gọi là "lợi". *"Ở khắp các nước"* tức là nghĩa ở khắp trong ba cõi, "thi hành những việc trái đạo là thông đạt Phật đạo".[1] Chỉ riêng pháp tánh là quê hương đất nước của chính mình mà thôi.

"Thương nhân giao dịch mua bán, hoặc đến mua tận nhà ông cũng rất nhiều." Các vị Bồ Tát ví như "thương nhân giao dịch mua bán", lại hiện vào khắp trong ba cõi để cầu lợi ích từ chánh pháp nên nói là "rất nhiều". Bồ Tát ở cõi này sang các phương khác để nghe thuyết pháp, các vị đại sĩ ở phương khác lại đến đây nghe kinh, đó là qua lại để được lợi ích. Lại nữa, 2 ứng hóa thân[2] như người buôn bán, đem pháp chân thật vào khắp trong ba cõi, giáo hóa làm lợi ích [vô số] chúng sanh quay về pháp thân nên gọi

[1] Nguyên tác là "行於非道通達佛道 - hành ư phi đạo thông đạt Phật đạo" (Làm những việc trái đạo là thông đạt Phật đạo.) Đây là ý nghĩa được giảng rộng trong phẩm Phật đạo của kinh Duy-ma-cật, có thể hiểu đại lược qua lời ngài Duy-ma-cật như sau: "Bồ Tát thi hành năm tội vô gián nhưng không có giận hờn; đến cảnh địa ngục nhưng không có cấu uế; đến cảnh súc sinh nhưng không có những tội lỗi như vô minh, kiêu mạn; đến cảnh ngạ quỷ nhưng đầy đủ công đức..." Nói tóm lại, đó là những hành vi có vẻ như không phù hợp hoặc trái ngược với đạo pháp nhưng động cơ sinh khởi và mục đích nhắm đến đều là lợi mình lợi người.

[2] Hai ứng hóa thân: tức Liệt ứng hóa thân và Thắng ứng hóa thân, đã đề cập ở phần trước.

là "rất nhiều". Giống như người thế gian giúp cho người khác có được tiền tài, đời sống tốt đẹp thì tự mình cũng được đời sống tốt đẹp.

Từ câu *"Lúc bấy giờ đứa con nghèo cùng khốn khổ kia lưu lạc khắp các thôn ấp"* trở đi là tiểu đoạn thứ ba, nêu thí dụ "đứa con trở về gần cha". Thí dụ này lại có 2 nghĩa. Thứ nhất là [đứa con nghèo khổ phải đi lang thang] tìm cầu cơm ăn áo mặc, thứ hai là [dần dần về] đến thành nơi người cha ở.

Nghĩa thứ nhất [xét về] nội dung hợp với sự thối tâm Đại thừa thì đã đầy đủ. [Đến khi] gặp nhiều khổ não mới khởi tâm sâu xa chán lìa lo lắng, muốn cầu thoát ra [ngoài ba cõi]. Do chấp giữ lý lẽ thiên lệch không đúng nên trí tuệ thành ra tà vạy sai lệch. Nhân nơi trí tuệ tà vạy đã trải qua các tâm mà dễ dàng có thể nhập vào nẻo chánh, khởi tâm cầu xuất thế là nguyên do chiêu cảm [việc được gặp] Phật.

Quán sát 5 ấm là nghĩa "thôn ấp", 12 nhập là nghĩa "kinh thành", 18 giới là nghĩa "đất nước". Trải qua những nơi ấy để tìm cầu chân lý gọi là *"cầu cơm ăn áo mặc"*.

Từ câu *"cuối cùng đến nơi thành mà người cha đang cư ngụ"* trở đi là nghĩa thứ hai. Đây là chính là nói hướng đến nơi thành mà người cha đã dừng lại [sinh sống]. Do cảnh khổ não là cơ duyên chiêu cảm lòng đại bi của Phật, gọi là "đến nơi thành". Thành là nghĩa Niết-bàn. Niết-bàn này bao gồm [cả 2 nghĩa] viên mãn và chưa viên mãn.[1] Do ý nghĩa chúng sanh giải trừ tập khí thì có thể đạt được Niết-bàn nên nói là "đến nơi thành".

❖ Từ câu *"Tấm lòng người cha vẫn luôn thương nhớ*

[1] Nguyên tác dùng "涅槃通半滿 - Niết-bàn thông bán mãn". Nghĩa của "bán mãn" được dùng tương tự như "bán tự" và "mãn tự" trong kinh Đại Bát Niết-bàn, nghĩa là để chỉ Niết-bàn viên mãn (của Đại thừa) và Niết-bàn chưa viên mãn (của Tiểu thừa).

con" trở đi là tiểu đoạn thứ tư, tức là nói việc người cha luôn lo lắng nhớ nghĩ đến con. Tiểu đoạn này có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất là nỗi khổ [của người cha] nhớ nghĩ đến đứa con thất lạc. [Đây là ý nói] đức Như Lai từ thuở xưa cho đến ngày nay vẫn thường nghĩ đến những [chúng sanh là] con có cơ duyên Đại thừa, cho nên nói "vẫn luôn thương nhớ". *"Cách xa con đã hơn 50 năm"* là nói nghĩa [chúng sanh luân lạc trong] 5 đường. [Trong 5 đường ấy,] trừ bỏ cảnh giới ngạ quỷ, ra ngoài cảnh giới a-tu-la, cho nên nói là "hơn". *"Chưa từng đem chuyện này nói với người khác"* nghĩa là chưa từng hướng đến những [giai vị Bồ Tát như] "đại thần", "quan phụ tá", "viên chức", "dân thường" trong cõi phương tiện hữu dư mà nói việc [họ] có cơ duyên [Đại thừa] như [thí dụ] đứa con này.

Lại [cũng có nghĩa rằng], từ khi ứng hiện ra đời đến nay,[1] trải qua các pháp tòa trong hội Hoa nghiêm, Phương đẳng, Bát-nhã, [đức Phật Thích-ca] chưa từng hướng đến các vị Bồ Tát mà nói việc hàng Thanh văn vốn là những "đứa con" [của Phật] trong Đại thừa. Vì [nghĩ rằng mình] không phải con Phật nên không hiểu được pháp Phật, hoặc như câm như điếc [trong pháp hội Hoa nghiêm], hoặc như bị hoa trời rơi dính, phải lễ [Phật mới lên được] tòa ngồi [như trong kinh Duy-ma-cật], hoặc phải đặt bát xuống mà hoang mang [như ngài Tu-bồ-đề nghe Duy-ma-cật thuyết pháp], đủ cả mọi điều không theo kịp [giáo pháp Đại thừa].[2]

"Ôm lòng buồn tiếc" là nói [người cha] "tiếc" vì thuở xưa chưa đủ sự ân cần giáo hóa, khiến cho con vì không được dạy dỗ mà bỏ trốn đi, lại "buồn" vì con không nghĩ

[1] Tức là đến thời điểm thuyết giảng kinh Pháp hoa.

[2] Những ví dụ này đều rút từ kinh điển để nói lên rằng trước pháp hội Pháp hoa thì hàng Thanh văn không được nghe nói đến việc họ cũng có khả năng thành Phật.

đến ân nghĩa, xem mình như người xa lạ mà gần gũi với những người khác. Nội dung [thí dụ này] tương hợp với ý nghĩa đức Như Lai lấy làm tiếc vì chưa đủ sự ân cần giáo hóa giúp cho [chúng sanh] thể nhập được các giai vị nội phàm,[1] khiến cho phải thối thất sự nhận hiểu [Đại thừa] trước kia, lại buồn vì [những chúng sanh ấy] không có tâm chuyên cần tinh tấn, trốn sâu trong sự mê muội kiên cố chẳng biết quay về. Do vậy nên nói là "buồn tiếc".

"Tự nghĩ mình già yếu suy kiệt" tức là nói thời gian giáo hóa [của Phật] đã sắp hết mà chưa có người để truyền lại giáo pháp Đại thừa, cũng giống như [ông trưởng giả] già yếu suy kiệt mà chưa [tìm được] con.

Hỏi: Các vị Bồ Tát được pháp thân [Phật] giáo hóa, hết thảy đều có khả năng nhận lãnh trách nhiệm ra đời giáo hóa,[2] vì sao phải lo buồn?

Đáp: [Hàng Bồ Tát] được pháp thân [Phật] giáo hóa vốn không hề có chuyện hưng thịnh hay suy yếu. Ở đây đang nói về việc *"già yếu suy kiệt"* nên chẳng phải luận về pháp thân. Nay nêu rõ về quyến thuộc của hóa thân có 2 nhóm. Nhóm thứ nhất là các vị pháp thân đại sĩ với hình tướng chúng ảnh hưởng[3] [trong pháp hội], tuy thị hiện hình tích là đệ tử nhưng vốn ban sơ đã là thầy. Nhóm các vị này cũng không thích hợp để nói *"tự nghĩ mình già yếu suy*

---

[1] Nội phàm (內凡): theo Đại thừa là chỉ các giai vị thuộc Tam hiền, bao gồm Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng của hàng Bồ Tát, phân biệt với ngoại phàm (外凡) là các giai vị thuộc Thập tín. So sánh với ví dụ đã nêu ở trước thì nội phàm chỉ việc đã vào được cảnh giới Phật, như thập trụ là "dân thường", thập hạnh là "viên chức", thập hồi hướng là "quan phụ tá" v.v...

[2] Nguyên tác dùng bổ xứ (補處)), tức nhất sanh bổ xứ (一生補處)), chỉ vị Bồ Tát ra đời giáo hóa trong kiếp sống cuối cùng trước khi thành Phật.

[3] Chúng ảnh hưởng: một trong bốn chúng nghe pháp, đã được giải thích ở phần đầu. Chúng ảnh hưởng là những vị Bồ Tát pháp thân từng tu tập nơi chư Phật quá khứ xa xưa, nay tự giấu kín chỗ viên mãn cùng cực của mình để theo trợ giúp [sự giáo hóa của] đấng Pháp vương hiện tại.

kiệt”. Nhóm thứ hai là các vị cùng chung sống với phàm phu. Các vị này tự thuở ban đầu theo hóa Phật mà phát đạo tâm lần đầu, nên gọi đó là con [Phật]. Con kế thừa gia nghiệp của cha, làm cho dòng tộc nối truyền chẳng dứt. Nếu ngài Xá-lợi-phất được thụ ký quyết định sẽ làm Phật Hoa Quang, tức là hạt giống Phật ở một phương được nối truyền không dứt, gia nghiệp Đại thừa được theo thứ lớp truyền thừa. Nếu ngài Xá-lợi-phất không có cơ duyên có thể [được Phật] hóa độ, tức là gia tài giáo pháp Đại thừa trong hiện tại không có người để giao phó việc nối truyền, hạt giống Phật của chúng sanh đời sau biết giao phó vào đâu? Khởi lên [ý niệm] than vãn “mình già yếu suy kiệt” chính là [ý nghĩa] này.

▪ Từ câu *“Rồi ông lại nghĩ: Nếu ta được gặp lại con…”* trở đi là phân đoạn thứ hai, người cha nghĩ đến việc được gặp lại con là niềm vui. [Theo ý nghĩa của thí dụ này thì] gặp cơ duyên có thể hóa độ [đệ tử] gọi là “được gặp con”, thụ ký cho [đệ tử] sẽ thành Phật gọi là “giao phó hết gia tài chánh pháp”, phù hợp với lòng mong muốn xưa nay gọi là vui thích.

Phận nhận hiểu các thí dụ khái quát [trong phẩm Thí dụ] đến đây là hết.[1]

KINH VĂN

> **“Bạch Thế Tôn! Bấy giờ đứa con nghèo khổ khốn cùng kia làm thuê kiếm sống, dần dần đi đến nhà cha mình, đứng ở ngoài cửa nhìn vào xa xa bên trong, thấy người cha ngồi trên giường sư tử, đặt chân trên ghế quý, có các vị bà-la-môn, sát-đế-lợi, cư sĩ cùng cung kính vây quanh, trên người trang sức trân châu anh lạc giá trị đến ngàn muôn lượng vàng, có những viên chức, tôi tớ tay cầm phất trần màu trắng đứng hầu hai bên, phía trên có màn báu giăng**

[1] Trong Nguyên tác đến đây là hết phần thượng của quyển 6, bắt đầu phần hạ.

che với các dải hoa đẹp, cờ phướn rủ xuống, có nước thơm rưới lên mặt đất, tung rải các loại hoa thơm danh tiếng, có rất nhiều đồ vật quý báu được bày biện để xuất ra, nhập vào, cất giữ hoặc phân phối… [Người con nhìn thấy] đủ hết thảy những sự trang hoàng uy nghiêm như thế, oai đức đặc biệt cao quý.

"Đứa con nghèo khổ khốn cùng ấy nhìn thấy người cha thế lực quá lớn lao nên ôm lòng lo sợ, lấy làm hối tiếc vì đã tìm đến nơi này, liền tự nghĩ rằng: 'Người như thế này hẳn phải là đức vua hoặc ngang hàng với vua, không phải chỗ mà ta có thể đem sức lực [làm thuê] để kiếm tiền. Chi bằng ta hãy tìm đến xóm nghèo, có chỗ để ta ra sức làm thuê, dễ dàng kiếm được cơm ăn áo mặc. Nếu như ta nấn ná lâu ở nơi này, e rằng có người nhìn thấy sẽ cưỡng bức ta phải làm việc [cho họ].' Nghĩ như vậy rồi liền vội vã bỏ đi.

"Khi ấy, ông trưởng giả ngồi trên giường sư tử, vừa nhìn thấy con liền nhận ra ngay, trong lòng hết sức vui mừng, nghĩ rằng: 'Tất cả tiền tài, của cải, kho tàng của ta, nay đã có chỗ để giao phó rồi. Ta vẫn thường nhớ nghĩ đến đứa con này, không biết làm sao gặp lại, nay nó bỗng nhiên tự tìm đến, thật hết sức đúng với tâm nguyện của ta. Ta tuy đã già nua suy yếu nhưng vẫn còn có lòng tham tiếc [muốn cho tài sản được duy trì].'

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Bấy giờ đứa con nghèo khổ khốn cùng kia làm thuê kiếm sống"* trở đi là thí dụ "cha con gặp nhau". [Thí dụ này] theo nghĩa gần là nhận hiểu việc nhìn thấy lửa ở thí dụ căn nhà bốc cháy [trong phẩm Thí dụ] ở phần trước, theo nghĩa xa là nhận hiểu ý nghĩa về 5 sự uế trược trong phẩm Phương tiện. [Đoạn này] có 3 ý nghĩa.

◆ Thứ nhất, nêu rõ việc đứa con nghèo khổ cùng khốn phải đi làm thuê, [đây là] nhận hiểu [thí dụ] nhìn thấy lửa trong căn nhà bốc cháy, [tức là nghĩa] nhìn thấy 5 sự uế trược trong phần thuyết chánh pháp.

◆ Thứ hai nêu [thí dụ] người cha gặp con, [đây là] nhận hiểu những gì ông trưởng giả nhìn thấy trong thí dụ căn

nhà bốc cháy, [tức là nghĩa những gì] Phật nhãn nhìn thấy trong phần thuyết chánh pháp.

◆ Thứ ba nêu việc [ông trưởng giả] vui mừng vì [gặp lại con] đúng như ý nguyện, [đây là] nhận hiểu ý nghĩa [ông trưởng giả] "hết sức kinh hãi" trong thí dụ căn nhà bốc cháy, [tức là ý nghĩa đức Phật] khởi tâm đại bi trong phần thuyết chánh pháp.

Trong 2 phần thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ đều nói người cha nhìn thấy con trước, trong phần này lại nói người con nhìn thấy cha trước. Xét theo trí tuệ Phật thì linh hoạt sáng suốt nên tất nhiên trước đã rõ biết cơ duyên từ trước rồi mới khởi sinh sự ứng hiện [giáo hóa], cho nên nói người cha thấy con trước. Nhưng nếu xét từ góc độ chúng sanh thì cơ duyên [của chúng sanh] phải có trước, sau mới có sự ứng hiện [của chư Phật], cho nên nói người con thấy cha trước. Cơ duyên [giáo hóa] và sự ứng hiện [của chư Phật] là không thể nghĩ bàn, không có sau hay trước, cho nên [dùng cả 2 cách] nói trước sau để bổ sung cho nhau.

Nay để thuận tiện trong việc phân chia kinh văn, đoạn này sẽ chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là "con nhìn thấy cha" và tiểu đoạn thứ hai là "cha nhìn thấy con". Trong mỗi tiểu đoạn này đều có 4 phân đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nói việc "con nhìn thấy cha" có 4 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nêu nguyên do [đưa con đến] nhìn thấy cha, đó là vì [đi làm thuê để] tìm cầu cơm ăn áo mặc. Phân đoạn thứ hai nêu nơi chốn người con nhìn thấy cha, chính là "đứng tựa cửa nhìn vào". Phân đoạn thứ ba nêu việc con nhìn thấy cha ngồi trên giường sư tử. Phân đoạn thứ tư nêu việc [người con] sinh ra sợ hãi và lấy làm hối tiếc vì đã tìm đến nơi này.

▪ [Phân đoạn thứ nhất nêu] nguyên do nhìn thấy cha là

[ví cho việc] chán lìa khổ não, ưa thích được vui, tìm cầu ý nghĩa chân lý, dần dần tích chứa huân tập mà thành căn lành xuất thế, cho nên nói là *"làm thuê kiếm sống, dần dần đi đến"*. Dùng căn lành này có thể ứng hợp với lòng từ bi của Phật, cho nên nói rằng *"đi đến nhà cha mình"*. "Người cha" ví cho pháp thân sau khi chứng ngộ,[1] căn nhà [của cha] ví cho lòng từ bi vô duyên.[2] Cả hai cơ duyên Đại thừa và Tiểu thừa đều ứng hợp với thí dụ "căn nhà" này. Vì có cơ duyên Đại thừa cho nên nói *"nhìn vào xa xa bên trong nhà thấy người cha"*. Vì có cơ duyên Tiểu thừa nên *"đứng tựa cửa nhìn vào"*. Nếu chỉ có [cơ duyên] Tiểu thừa mà không có cơ duyên Đại thừa thì không thể thấy được thân tôn quý kỳ đặc [của Phật], người cha hẳn sẽ không nói *"tiền tài, của cải, kho tàng của ta, nay đã có chỗ để giao phó"*. Nếu chỉ có cơ duyên Đại thừa mà không có cơ duyên Tiểu thừa thì hẳn đã không "đứng ở ngoài cửa", người con cũng không nói *"không phải chỗ mà ta có thể đem sức lực làm thuê để kiếm tiền"*.

▪ [Phân đoạn thứ hai nói nơi chốn] người con nhìn thấy cha là từ nơi cửa. Hai pháp quán là phương tiện, tức là 2 bên cửa. Trong cơ duyên Viên giáo thì đó là giữa cửa, tức chánh kiến. Với Nhị thừa, lẽ chân thật còn thiên lệch nên nói là nơi cửa. Tuệ nhãn của pháp tam-muội chỉ biết quán không thì lẽ chân còn thiên lệch, chỉ như đứng bên cạnh nhìn nghiêng về pháp thân mà thôi.

▪ [Phân đoạn thứ ba nói người con từ ngoài cửa] *"xa xa... thấy người cha"* [là hàm ý] có hai loại chánh kiến, một là thấy gần, hai là thấy xa. Nay nói rằng, cơ duyên Đại thừa vừa chớm phát, ứng hợp dẫn đến việc ở xa, cho nên nói là

[1] Nguyên tác dùng "道後法身 - đạo hậu pháp thân". Đạo tiền chỉ giai đoạn tu tập chưa vào Sơ địa; từ Sơ địa trở lên gọi là Đạo trung; sau khi tu hành chứng ngộ gọi là Đạo hậu.

[2] Lòng từ bi vô duyên: nghĩa là lòng từ bi khởi sinh vô điều kiện, chỉ vì thương xót chúng sanh muốn cứu khổ ban vui mà khởi sinh lòng từ bi này.

"xa xa". Lại nữa, cơ duyên còn nhỏ nhoi chưa thể ứng hiện giao phó, nên gọi là "xa xa".

"Ngồi trên giường sư tử", nghĩa là báo thân và pháp thân viên mãn an trụ nơi lẽ không, không còn khởi lên hai loại thông hoặc và biệt hoặc cùng những sự lo sợ về 8 thứ ma,[1] cho nên nói là *"ngồi trên giường sư tử"*. Kinh Hoa nghiêm nói: "Nghĩa không rốt ráo[2] với 4 đức không sợ[3] là giường.

"Đặt chân trên ghế quý", [hàm ý] định tuệ là "chân", thật đế là "ghế", định tuệ vô sanh nương theo cảnh chân như.

[Giải thích về] bà-la-môn, các nhà cựu giải cho rằng chỉ dòng họ cao quý hiền lương, [là ví cho] hàng Bồ Tát ở giai vị từ địa thứ tám (bát địa) trở lên. Sát-đế-lợi là [ví cho] hàng Bồ Tát ở giai vị từ địa thứ bảy (thất địa) trở xuống. Cư sĩ là [ví cho hành giả còn ở] các giai vị nội phàm phu.[4]

Các nhà cựu giải cho rằng kinh này nói về pháp thân, không phải là thường trụ pháp thân, tức là nói ứng hóa

---

[1] Tám thứ ma: bao gồm ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại (là những yếu tố não hại tất cả phàm phu) và vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh (là những yếu tố não hại những người tu tập thuộc hàng Nhị thừa).

[2] Nguyên tác là "第一義空 - đệ nhất nghĩa không", tức nghĩa không rốt ráo vì không còn nghĩa nào khác hơn nữa.

[3] Nguyên tác là "四無所畏 - tứ vô sở úy", tức bốn đức không sợ của chư Phật, Bồ Tát, vì có đủ năng lực, sự tự tin, dũng mãnh, không sợ sệt trong bất cứ hoàn cảnh nào. Bốn đức không sợ của chư Phật do đã thành tựu rốt ráo, bao gồm: 1. Nhất thiết trí vô sở úy; 2. Lậu tận vô sở úy; 3. Thuyết chướng đạo vô sở úy; 4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. Bốn đức không sợ của hàng Bồ Tát do có đủ năng lực ứng phó, bao gồm: 1. Tổng trì bất vong thuyết pháp vô úy; 2. Tận tri pháp dược, cập tri chúng sanh căn dục tánh tâm, thuyết pháp vô úy; 3. Thiện năng vấn đáp, thuyết pháp vô úy; 4. Năng đoạn vật nghi, thuyết pháp vô úy.

[4] Nội phàm phu (內凡夫) hay nội phàm (內凡). "Phàm" nghĩa là còn phàm tục; "nội" là bước vào trong, đối với chân lý đã có phần nào nhận hiểu. Theo Đại thừa là chỉ những người đã đạt đến các giai vị thuộc Tam hiền, bao gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Phân biệt với ngoại phàm (外凡) là còn bên ngoài, chỉ phàm phu chưa nhận hiểu chân lý, là các giai vị sơ cơ như Thập tín, phục nhẫn...

thân [Phật] ở phương khác ứng hiện ở cõi này, thành pháp thân trong cõi này, cho nên có những người thuộc giai vị nội phàm vây quanh. Nay cho rằng chẳng phải như vậy. Nếu nói là Phật ở phương khác thì cơ duyên và sự ứng hiện giữa cha con, thể và dụng với sự bám víu hay giải thoát, tất cả đều không thành [ý nghĩa] như phần trước đã nói, lại cũng không dung hợp được việc cơ duyên Tiểu thừa ứng hợp với cơ duyên Đại thừa ở cõi này lại ứng hợp với cõi kia; và cũng không hợp lý khi nói kết duyên Đại thừa ở cõi này lại kết duyên Tiểu thừa ở cõi kia, hoặc nói cùng kết duyên Đại thừa lẫn Tiểu thừa[1] ở cõi này lại ứng hiện Đại thừa lẫn Tiểu thừa[2] ở cõi kia. [Giải thích] như vậy là hết sức sai lầm rối loạn.

Nay giải thích rõ, thắng ứng hóa thân [của Phật] ứng hiện với hàng Bồ Tát chính là tôn đặc thân[3] của đức Phật Lô-xá-na, tức là chỗ ứng hợp với cơ duyên Đại thừa. Liệt ứng hóa thân [của Phật] là ứng hiện với hàng Tiểu thừa, [thân ấy chỉ cao] một trượng sáu thước, mặc y phục xấu, tức là chỗ ứng hợp với cơ duyên Tiểu thừa. Nay kinh [Pháp hoa] này nêu rõ nghĩa thường trụ, là vị đề-hồ đồng như kinh Niết-bàn; [nêu rõ] pháp thân, là nghĩa viên đốn đồng với kinh Hoa nghiêm. [Trong kinh nêu] thí dụ ông trưởng giả uy đức có người hầu, sát-đế-lợi, bà-la-môn cung kính vây quanh, đều là chỉ cho nghĩa quyến thuộc trong kinh Hoa nghiêm, không có gì khác biệt. Chỗ giảng về pháp tướng [trong kinh Pháp hoa này] cũng giống như giảng giải trong kinh Hoa nghiêm, không có gì khác.

[1] Nguyên tác dùng "雙結 - song kết", chỉ việc kết duyên Đại thừa và kết duyên Tiểu thừa.

[2] Nguyên tác dùng "雙應 - song ứng", chỉ việc ứng hiện Đại thừa và ứng hiện Tiểu thừa.

[3] Tôn đặc thân (尊特身), nghĩa là thân tôn quý, kỳ đặc, là tên khác của thắng ứng thân hay thắng ứng hóa thân, là thân ứng hiện của Phật chỉ hàng Bồ Tát từ Sơ địa trở lên mới có khả năng nhìn thấy, khác với liệt ứng hóa thân là thân ứng hiện mà phàm phu có thể nhìn thấy và chiêm bái.

Bà-la-môn (brāhmaṇa) Hán dịch là "tịnh hạnh", là dòng tộc cao quý thanh khiết, [ví cho] hàng Bồ Tát Đẳng giác đã lìa mọi cấu nhiễm. Sát-đế-lợi (kṣatriya) là dòng dõi vua chúa, ví cho hàng Bồ Tát từ sơ địa trở lên đến cửu địa. Cư sĩ [là những người] giàu có nhưng không cao quý, ví cho hàng Bồ Tát ở giai vị tam thập tâm.[1]

"Trân châu anh lạc" ví cho giới, định, tuệ, đà-la-ni, tức là 4 loại anh lạc [Bồ Tát dùng để trang nghiêm].[2] *"Giá trị đến ngàn vạn [đồng tiền vàng]"* là ví cho 4 công đức của hàng Bồ Tát Thập địa,[3] dùng để trang nghiêm pháp thân.

"Những viên chức, tôi tớ" [ví như] kẻ nhờ pháp môn khác sáng tỏ được giáo nghĩa, tức là nương theo pháp phương tiện. Dứt trừ thông hoặc gọi là "dân thường", nương theo Biệt giáo dứt trừ thông hoặc gọi là "viên chức". Nếu cùng một pháp môn sáng tỏ được giáo nghĩa thì vẫn là phương tiện ba-la-mật. Trong đồng với thật trí, ngoài đồng với cơ duyên, là ví như ý nghĩa các viên chức và dân thường, khi ở trong nhà thì phục dịch, đi ra bên ngoài thì sai khiến.

---

[1] Pháp hoa nghĩa sớ giải thích rằng đây là giai vị đã đạt sáu căn thanh tịnh nhưng chưa vào được sơ địa.

[2] Ở đây Văn Cú đang đề cập đến tứ chủng anh lạc trang nghiêm (四種瓔珞莊嚴). Nguyên tác Văn Cú viết là: "即戒, 定, 慧, 陀羅尼, 三昧, 四瓔珞也 – Tức giới, định, tuệ, đà-la-ni, tam-muội, tứ anh lạc giả." Trong câu này nói bốn loại anh lạc nhưng kể ra đến năm yếu tố. Theo kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni (守護國界主陀羅尼經), quyển 7, thì bốn loại anh lạc trang nghiêm của Bồ Tát là: giới, định, trí tuệ và đà-la-ni. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 19, số 997, trang 557, tờ b, dòng 3-5.) Theo Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Phê (四分律行事鈔批) trích dẫn kinh Đại tập thì bốn loại anh lạc trang nghiêm của Bồ Tát là: giới, tam-muội, trí tuệ, đà-la-ni. (Xem Vạn tục tạng, Tập 42, số 736, trang 668, tờ b, dòng 4-6.) Như vậy, Văn Cú lặp lại chữ "tam-muội" sau khi đã nói đến "định" ở trước đó, trong khi tam-muội cũng chính là định. Do vậy, trong bản dịch chúng tôi đã loại bỏ chữ tam-muội vì thừa.

[3] Nguyên tác là "四十地功德 - tứ thập địa công đức", chỉ bốn loại công đức của hàng Bồ Tát Thập địa, bao gồm: 1. Bất động nhi chí chi đức (công đức không dao động mà có thể hiện thân đến bất cứ nơi đâu); 2. Nhất niệm biến chí chi đức (công đức dùng một ý niệm có thể thấu suốt đến mọi nơi); 3. Tán cúng chư Phật chi đức (công đức tán thán cúng dường chư Phật); 4. Thị pháp như Phật chi đức (công đức thuyết giảng hoằng truyền giáo pháp không khác với Phật).

"Phất trần màu trắng" là ví như công dụng của quyền trí. *"Đứng hầu hai bên"*, bên phải là thể nhập công dụng của trí quán không, [dùng phất trần] phủi bụi 4 trụ địa,[1] bên trái là thể nhập công dụng của trí quán giả,[2] [dùng phất trần] phủi bụi si mê không hiểu biết. Cả 2 nghĩa này đều là phương tiện của trung đạo, cho nên nói là đứng hầu. Đại lược là như vậy.

"Có màn báu giăng che" là ví như lòng từ bi chân thật. *"Các dải hoa đẹp, cờ phướn rủ xuống"* là ví hoa như 4 nhiếp pháp, cờ phướn như thần thông. *"Nước thơm rải lên mặt đất"* [là ví như] nước pháp rưới xuống đất tâm của chư Bồ Tát làm lắng xuống bụi bặm nghi hoặc, cũng hiểu là nước chánh định rưới tâm tán loạn. *"Tung rải các loại hoa thơm danh tiếng"* [là ví như] bày biện 7 loại hoa thanh tịnh. Đó là giới, định, tuệ, đoạn nghi tịnh, đạo phi đạo tịnh, tri kiến tịnh, đoạn tri tịnh.[3]

Giới là nói đến nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp

---

[1] Bốn trụ địa: Nguyên tác dùng "tứ trụ - 四住 " tức tứ trụ địa (四住地), cũng chính là kiến hoặc và tư hoặc, bao gồm Kiến nhất thiết trụ địa (tức là hết thảy kiến hoặc trong ba cõi), Dục ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Dục giới), Sắc ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Sắc giới), Hữu ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Vô sắc giới). Bốn yếu tố này là căn bản khởi sinh của tất cả phiền não nên gọi là trụ địa.

[2] Quán không và quán giả là hai pháp quán căn bản theo tông Thiên thai. Quán không đưa đến sự thấu triệt chân lý về tánh không của các pháp, quán giả đưa đến sự thấu triệt tính chất giả hợp của các pháp. Theo ý nghĩa của đoạn này thì quán không giúp trừ được bốn trụ địa khởi sinh phiền não, quán giả đưa đến thấu triệt lý nhân duyên, trừ được sự si mê.

[3] Bảy loại hoa thanh tịnh, tức là thất tịnh hoa (七淨華), theo ngài Cưu-ma-la-thập thì gồm có: 1. Giới tịnh; 2. Tâm tịnh; 3. Kiến tịnh; 4. Độ nghi tịnh; 5. Phân biệt đạo tịnh; 6. Hành đoạn tri kiến tịnh; 7. Niết-bàn tịnh. So sánh với các yếu tố được Văn Cú liệt kê ở đây thì có thể thấy: Giới tịnh được trình bày giống nhau, Tâm tịnh tương đương với Định, Kiến tịnh tương đương với Tuệ, Độ nghi tịnh tương đương với Đoạn nghi, Phân biệt đạo tịnh tương đương với Đạo phi đạo, Hành đoạn tri kiến tịnh tương đương với Tri kiến tịnh, và Niết-bàn tịnh tương đương với Đoạn tri tịnh.

giới và nhiêu ích hữu tình giới.[1] Định là nói đến [các loại tam-muội như tam-muội] Thủ-lăng-nghiêm v.v... Tuệ là nói đến trí tuệ chân thật.

Đoạn nghi tịnh nghĩa là đã vượt qua 2 mối nghi về chân đế và tục đế.[2] Đạo phi đạo tịnh là nói nghĩa thực hành những việc trái đạo mà thông đạt Phật đạo.[3] Tri kiến tịnh nghĩa là thành tựu viên mãn cả 2 mặt trí tuệ và đức hạnh, thấy biết tánh Phật rõ ràng sáng tỏ. Đoạn tri tịnh nghĩa là thành tựu đoạn đức, vĩnh viễn dứt trừ vô minh.

"Có rất nhiều đồ vật quý báu được bày biện" là ví như rất nhiều công đức chân thật [của hàng Bồ Tát] Thập địa. "Xuất ra, nhập vào" đã có giải thích ở phần trước. Đại lược là như vậy.

"Oai đức đặc biệt cao quý" là ví cho quang minh vô biên, màu sắc hình tượng vô biên, thân tướng tốt đẹp, rực rỡ oai nghiêm, rộng lớn vô biên.[4] Ý nghĩa này phải hiểu là [nói về] đức Phật Lô-xá-na, làm sao có thể giải thích khác hơn được?

▪ Phân đoạn thứ tư là từ câu *"Đứa con nghèo khổ khốn cùng ấy nhìn thấy người cha thế lực quá lớn lao"* trở đi, nói việc người con thấy cha rồi sợ sệt chạy trốn.

"Thế lực quá lớn lao" [là hàm nghĩa] vì trí tuệ lớn lao nên nói "lực" lớn lao, vì thần thông lớn lao nên nói "thế" lớn

---

[1] Ở đây Văn Cú đang đề cập đến Tam tụ thanh tịnh giới, nhưng nguyên văn nói theo cách khó hiểu hơn, nếu dịch sát theo văn là: "Nhiếp luật nghi giới v.v..., tức ba loại giới." Chúng tôi ghi rõ cả ba loại tịnh giới này để độc giả dễ nhận hiểu hơn.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "二諦 - nhị đế", tức chỉ đến chân đế (chân lý tuyệt đối, chân lý xuất thế gian) và tục đế (chân lý quy ước, chân lý thế tục).

[3] Đây là giải thích theo tinh thần phẩm Phật đạo trong kinh Duy-ma-cật.

[4] Nguyên tác Văn Cú dùng "相海 - tướng hải". Hòa thượng Tuyên Hóa trong Hoa nghiêm kinh thiển thích giảng rằng: "相好莊嚴，猶如大海，無窮無盡，無邊無際，所以叫相海。- Tướng hảo trang nghiêm, do như đại hải, vô cùng vô tận, vô biên vô tế, sở dĩ khiếu tướng hải."

lao. Ý nghĩa chỗ này cũng giống như câu "thân ta mạnh, chân ta khỏe" [trong phẩm Thí dụ] ở trước.

"Ôm lòng lo sợ" là nói căn cơ Tiểu thừa kém cỏi yếu ớt nên khiếp sợ trước đạo Đại thừa. *"Hối tiếc vì đã tìm đến nơi này"* là nghĩa đức Phật vốn đã dự định dùng giáo pháp Đại thừa, nhưng ứng hiện chưa xứng hợp cơ duyên nên [thính chúng] chỉ có ý thối thất tâm Đại thừa, do vậy nói rằng *"hối tiếc vì đã tìm đến nơi này"*. *"Liền tự nghĩ rằng"* là nghĩa trong cơ duyên đã tiềm ẩn hàm chứa việc này, không phải hiển lộ rõ ràng như đối diện nhìn thấy thắng ứng hóa thân [của Phật]. *"Hẳn phải là đức vua hoặc ngang hàng với vua"*, hàm ý chỉ ma Ba-tuần là "đức vua", đồng bọn với ma là "ngang hàng với vua". [Hàng Thanh văn khi ấy] cơ duyên Tiểu thừa đã nguội lạnh dứt mất, không còn lời nào để thuyết giảng đạo, dứt tuyệt mọi sắc tướng hình tượng, nay lại được thấy hình tượng thắng ứng hóa thân [của Phật], hàng trời người không thể nào sánh kịp, nghe thuyết pháp hoàn toàn khác hẳn với [giáo pháp] Nhị thừa, xưa nay trí tuệ hạn hẹp, đức hạnh mỏng manh chưa từng được thấy nghe [những điều như vậy] nên liền cho [hình tượng nhìn thấy] đó là ma, giáo pháp nghe thuyết giảng đó là ma thuyết. Trong phần lược thuyết khai trừ ba thừa, hiển bày Nhất thừa, ngài Xá-lợi-phất [khi nghe pháp Đại thừa] đã hoài nghi cho rằng ma giả Phật để làm não loạn tâm ngài. Nếu như ban đầu Phật dùng pháp Đại thừa không thuyết Tiểu thừa, thì hẳn rằng mối nghi "ma giả Phật" sẽ còn lớn hơn ngày nay rất nhiều.

Lại nữa, ông trưởng giả ví cho thắng ứng hóa thân [của Phật]. Trưởng giả là biểu trưng báo thân Phật cho nên là "ngang hàng với vua". Pháp thân là thầy của báo thân nên gọi thầy là "đức vua". Các kinh khác phần nhiều đều gọi kinh [Pháp hoa] này là vua [trong các kinh]. Trí tuệ khế hợp với pháp, tức là trí và pháp bình đẳng, cho nên gọi báo

thân Phật là "ngang hàng với vua". Đây là nói pháp thân và báo thân theo Đại thừa, không phải chỗ mà hàng Tiểu thừa được lợi ích, cho nên nói "là đức vua hoặc ngang hàng với vua".

"Không phải chỗ mà ta có thể đem sức lực [làm thuê] để kiếm tiền." [Đây là nói] căn cơ Tiểu thừa không thể thọ lãnh sự giáo hóa của Đại thừa.

"Chi bằng ta hãy tìm đến xóm nghèo, có chỗ để ta ra sức làm thuê, dễ dàng kiếm được cơm ăn áo mặc." Đây là ý nghĩa như trong kinh Tịnh Danh nói, có thể làm cho kém cỏi đi chỗ chứng đắc của mình để *"hóa độ những kẻ thấp hèn"*.[1] Nhưng chỉ riêng lẽ không[2] chẳng bao gồm được muôn phẩm đức, chẳng phải Như Lai tạng, cho nên nói là "xóm nghèo". Lẽ không thiên lệch[3] xứng hợp với trí tuệ [hạn hẹp của] Tiểu thừa, cho nên nói là "có chỗ để ta ra sức làm thuê". "Dễ dàng kiếm được cơm ăn áo mặc" là nói có thể chứng đắc Niết-bàn hữu dư, tức là "cơm áo" vô lậu. Công hạnh trí tuệ là "cơm", công hạnh hành trì là "áo".

"Nếu như ta nấn ná ở lâu nơi này, e rằng có người nhìn thấy sẽ cưỡng bức ta phải làm việc [cho họ]." Việc tu hành theo con đường Đại thừa trải qua vô lượng kiếp, cho nên nói là "ở lâu". [Hàng Thanh văn tự nghĩ:] Ta vốn chán ghét ghê sợ luân hồi sanh tử, nếu tu theo Đại thừa thì phải vào

---

[1] Đoạn này Văn Cú lấy ý từ kinh Duy-ma-cật (tức kinh Tịnh Danh), phẩm Phật quốc. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "我佛國土常淨若此，為欲度斯下劣人故，示是眾惡不淨土耳 - Ngã Phật quốc độ thường tịnh nhược thử, vị dục độ tư hạ liệt nhân cố, thị thị chúng ác bất tịnh độ nhĩ." (Cõi Phật độ của ta thường thanh tịnh như vậy. Nhưng vì muốn độ những kẻ thấp kém ở đây, cho nên ta thị hiện ra cõi bất tịnh với mọi thứ dơ xấu.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 14, số 475, trang 538, tờ c, dòng 25-27. Theo ý này nên Nguyên tác trong Văn Cú "貪所得法 - bần sở đắc pháp" được hiểu là làm cho kém cỏi đi chỗ chứng đắc của Phật, từ cao quý thanh tịnh trở thành thấp hèn bất tịnh, mục đích là để hóa độ những kẻ thấp kém.

[2] Ở đây muốn nói đến mục đích quán không của hàng Nhị thừa.

[3] Nguyên tác dùng "偏空 - thiên không" (lẽ không thiên lệch). Vì hàng Nhị thừa quá chú trọng vào việc quán không nên gọi là thiên lệch.

vòng sanh tử, học rộng [làm theo] muôn công hạnh, cho nên nói là "cưỡng bức". Ta vốn ưa thích Tiểu thừa, mà nay khiến cho ta phát tâm Bồ-đề Đại thừa, đó gọi là "cưỡng bức ta phải làm việc cho họ". Từ bỏ Đại thừa để chọn theo Tiểu thừa, cho nên nói là "vội vã bỏ đi".

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Khi ấy, ông trưởng giả [ngồi trên giường sư tử]"* trở đi, nêu thí dụ "cha nhìn thấy con". Tiểu đoạn này cũng có bốn phân đoạn. Thứ nhất là nơi chốn cha nhìn thấy con. Thứ hai là [cha] nhìn thấy con liền nhận biết. Thứ ba là [cha] thấy con thì vui mừng. Thứ tư là được gặp lại con đúng với tâm nguyện.

▪ [Phân đoạn thứ nhất nói về] nơi cha nhìn thấy con, tức là [đang "ngồi trên] giường sư tử". [Đây là ý nghĩa] pháp thân Như Lai trụ nơi nghĩa không rốt ráo, trong cảnh giới vô úy, soi chiếu sáng tỏ cơ duyên.

▪ [Phân đoạn thứ hai nói việc] cha nhìn thấy con liền nhận biết, [là nói chư Phật] rõ biết việc đã từng kết duyên với chúng sanh từ thuở trước.

▪ [Phân đoạn thứ ba nói việc cha nhìn thấy con] trong lòng hết sức vui mừng, [là nói nghĩa] chư Phật thường soi xét cơ duyên của con [là tất cả chúng sanh], nay thấy cơ duyên đã đến, xứng hợp với tâm từ [của Phật] cho nên hoan hỷ. [Thí dụ này] là nhận hiểu ý nghĩa khởi tâm đại bi trong phần thuyết chánh pháp. [Thí dụ] căn nhà bốc cháy [trong phần trước] tức là ý nghĩa hết sức kinh sợ. Vì muốn nêu rõ ý nghĩa [đại bi] cứu khổ, nên nói [thí dụ] kinh sợ. Trong phần này nêu rõ ý nghĩa [đại từ] ban vui, nên nói [thí dụ] hoan hỷ.

▪ [Phân đoạn thứ tư nói việc ông trưởng giả gặp lại con "đúng với tâm nguyện".] *"Liền nghĩ rằng: Tất cả tiền tài, của cải, kho tàng của ta, nay đã có chỗ để giao phó rồi."* [Thí dụ này ý nói chư Phật từ] thuở xưa nhìn thấy chúng

sanh thối thất tâm Đại thừa, tu hành theo Tiểu thừa, [như đứa con cùng khổ] ở nơi xóm nghèo gian nan vất vả tìm cầu miếng ăn để sống qua ngày, thường muốn ban cho tiền tài [pháp bảo] nhưng vì không có cơ duyên nên không thể được. Nay cơ duyên đã đến, xứng hợp với tâm đại từ [của Phật], cho nên nói là *"kho tàng... ...nay đã có chỗ giao phó"*.

"Ta vẫn thường nhớ nghĩ đến" [là ý] nêu rõ việc [chúng sanh] không chỉ nghèo khổ không có tài sản lớn, mà còn phải lưu chuyển trong sanh tử, bị các sự khổ não bức bách, [chư Phật] vì lòng đại bi mà đau xót, cho nên nói là "thường nhớ nghĩ đến". [Chư Phật] tuy muốn cứu giúp [chúng sanh khổ não], nhưng không có cơ duyên thì không thể cứu giúp, cho nên nói rằng *"không biết làm sao gặp lại"*. Nay có cơ duyên cứu độ khởi sinh, cho nên nói rằng *"bỗng nhiên tự tìm đến"*. Xứng hợp với tâm đại bi [của Phật], cho nên nói rằng *"hết sức đúng với tâm nguyện của ta"*.

"Ta tuy đã già nua suy yếu nhưng vẫn còn có lòng tham tiếc." [Đây là] giải thích nguyên do vì sao [đúng với tâm nguyện]. Do thời kỳ giáo hóa đã sắp dứt cho nên nói là "đã già nua suy yếu". Chưa gặp được cơ duyên Đại thừa, giáo pháp không có người ủy thác giao phó, chúng sanh trong tương lai [không biết] nhờ ai để được giải thoát. [Lo lắng] vì những chúng sanh có thể hóa độ cho nên nói là "có lòng tham tiếc". Nay cơ duyên tự đến, không còn sự lo lắng như vậy nữa, [cho nên nói] *"thật hết sức đúng với tâm nguyện của ta"*.

KINH VĂN

"[Nghĩ vậy rồi ông] liền lập tức sai một người hầu cận gấp rút đuổi theo bắt đứa con ấy trở lại. Khi đó, người được ông sai đi liền chạy nhanh theo kịp, bắt lấy người con. Đứa con cùng khổ ấy hết sức kinh ngạc, vội lớn tiếng than oán: 'Tôi chẳng làm gì xúc phạm, sao lại bị bắt?' Người được sai đi [chẳng nói năng gì,] lại càng gấp rút bắt lấy, cưỡng bức đưa về.

"Bấy giờ, đứa con cùng khổ kia tự nghĩ mình không có tội gì mà bị bắt giữ, lần này chắc nhất định phải chết. [Nghĩ như vậy nên] càng thêm kinh sợ đến nỗi ngã lăn ra đất bất tỉnh. Người cha từ xa trông thấy như vậy liền bảo với người mà ông đã sai khiến: 'Ta không cần người ấy, chớ cưỡng bức đưa về. Hãy dùng nước lạnh tưới lên mặt cho tỉnh lại. Đừng nói gì thêm với nó.' Vì sao vậy? Vì người cha biết con mình [đang khi ấy] ý chí thấp hèn, nên tự biết rằng sự giàu sang cao quý của mình đã khiến cho đứa con rất khó [tiếp cận]. Ông xét kỹ thấy đúng thật là con mình, nhưng phải dùng phương tiện khéo léo, không nói cho người khác biết đó là con mình.

"[Khi đứa con tỉnh lại,] người được sai đến liền nói rằng: 'Nay tôi thả ông ra, tùy ý muốn đi đâu thì đi.' Đứa con cùng khổ ấy hết sức vui mừng như được điều chưa từng có, từ dưới đất vùng đứng dậy, đi đến một xóm nghèo để [làm thuê] kiếm cơm ăn áo mặc.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"[Nghĩ vậy rồi ông] liền lập tức sai một người hầu cận gấp rút đuổi theo bắt đứa con ấy trở lại"*, nêu thí dụ "đuổi theo dỗ dành". [Thí dụ này] theo nghĩa gần là nhận hiểu ý nghĩa "bỏ ý định dùng sức mạnh, chuyển sang phương tiện"[1] trong thí dụ căn nhà đang bốc cháy, còn hiểu theo nghĩa xa là nhận hiểu ý nghĩa "tạm gác giáo pháp Đại thừa, vận dụng giáo pháp Tiểu thừa" trong phần thuyết chánh pháp. Đoạn này lại chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nói việc sai người hầu cận đuổi theo, tiểu đoạn thứ hai nói việc sai 2 người đến dẫn dụ.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất [nói việc] "đuổi theo" là nhận hiểu ý nghĩa "thân ta mạnh, tay ta khỏe nhưng không dùng đến" trong phẩm Thí dụ. Chỉ có điều là trong phẩm Phương tiện tổng hợp hai ý nghĩa răn dạy ngăn cản và khuyên bảo khuyến khích thành một ý, trong khi phần

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "捨几用車 - xả kỷ dụng xa", hiểu theo nghĩa đen trong văn cảnh là "bỏ [ý định đặt các con lên] ghế [để đưa ra ngoài] và dùng [các loại] xe [đẹp để dẫn dụ]", điều này hàm ý từ bỏ ý định dùng sức mạnh mà chuyển sang dùng phương tiện dẫn dụ. Chúng tôi đã chuyển dịch theo ý nghĩa này.

văn giải thích thì chia làm ba. Như trong thí dụ căn nhà đang bốc cháy thì mở đầu nói nghĩa khuyến khích, sau đó nói nghĩa răn dạy, mỗi một nghĩa này đều được giải thích thành ba ý. Riêng ý nghĩa [đức Phật định] từ bỏ [việc giáo hóa] thì kinh văn lược bớt không nói.

Trong kinh văn trường hàng chỉ [có phần] tương hợp với nghĩa khuyên bảo khuyến khích, không [có phần] tương hợp với nghĩa răn dạy ngăn cản, nhưng ý nghĩa tạm dừng việc giáo hóa thì được nói rộng. Trong phần kệ tụng chỉ lặp lại ý nghĩa răn dạy, không tụng lại ý nghĩa khuyến khích, cũng không tụng ý nghĩa dừng việc giáo hóa. [Như vậy,] mỗi phần đều có chỗ có hoặc không có. Trong phần văn trường hàng nêu thí dụ căn nhà bốc cháy thì hai nghĩa răn dạy và khuyến khích đều được giải thích mỗi nghĩa thành 3 ý, trong phần này sẽ nhận hiểu chung tất cả, [chia làm 3 phân đoạn].

▪ [Phân đoạn thứ nhất từ câu] *"Liền lập tức sai một người hầu cận gấp rút đuổi theo để đưa đứa con ấy trở lại."* [Thí dụ này] nhận hiểu ý nghĩa "[ông trưởng giả] dự định dùng cách khuyến khích" trong phẩm trước. *"Đứa con cùng khổ ấy hết sức kinh ngạc."* [Thí dụ này] nhận hiểu ý nghĩa "[những đứa con] không có cơ duyên tiếp nhận sự khuyến khích" trong phần trước.

▪ [Phân đoạn thứ hai từ câu] *"Người được sai đi... ...gấp rút bắt lấy, cưỡng bức đưa về."* [Thí dụ này] là nhận hiểu ý nghĩa "[ông trưởng giả] dự định dùng cách răn dạy" trong phần trước. Từ câu *"đứa con cùng khổ kia tự nghĩ mình không có tội..."* cho đến câu *"ngã lăn ra đất bất tỉnh"*. [Thí dụ này] nhận hiểu ý nghĩa không có cơ duyên để dùng cách răn dạy.

▪ [Phân đoạn thứ ba từ câu] *"người cha từ xa trông thấy"* trở đi là nhận hiểu chung ý nghĩa từ bỏ cả 2 pháp răn dạy ngăn cản và khuyên bảo khuyến khích, dừng việc

giáo hóa. Đây là nghĩa dò xét để hiểu ý Phật. Tuy Phật dùng pháp khuyến khích dự định là thích hợp, lại không có cơ duyên, nhưng ý [Phật] vẫn chưa dừng [sự giáo hóa]. Sau đó [Phật] dùng pháp răn dạy, cũng không có kết quả, nên mới dừng việc giáo hóa.

▪ [Trong phân đoạn thứ nhất,] *"sai một người hầu cận"* [là ví cho việc] ban sơ [đức Phật] dự định dùng pháp khuyến khích là thích hợp. Trí tuệ [ví cho] người sai khiến, giáo pháp [ví cho] người bị sai khiến. Ý nghĩa chân lý là chính, là giữa; ý nghĩa giáo pháp là phụ, là bên cạnh, [như người hầu cận]. Từ khi đức Phật thuyết giảng ra 12 bộ kinh Đại thừa,[1]

[1] Đây là những thể loại kinh điển khác nhau được đức Phật thuyết giảng. Có tất cả 12 thể loại khác nhau, thường được gọi là 12 phần giáo (H. 十二分教, S. dvādaśāṅga-buddha-vacana), hoặc một cách không chuẩn xác là 12 bộ kinh (十二部經), bao gồm: 1. Tu-đa-la (H. 修多羅, S. sūtra), Hán dịch là khế kinh (契經), là những lời Phật dạy thích hợp, khế hợp với căn cơ chúng sanh; 2. Kỳ-dạ (H. 祇夜, S. geya), Hán dịch là ứng tụng (應頌), trùng tụng (重頌), là những lời dạy trong kinh được lặp lại bằng thể kệ tụng để dễ ghi nhớ và thực hành; 3. Hòa-ca-la-na (H. 和伽羅那, S. vyākaraṇa), Hán dịch là thụ ký (授記), là lời Phật báo trước kết quả tu tập trong tương lai của các vị đệ tử, về sự chứng đắc quả vị; 4. Già-đà (H. 伽陀, S. gāthā), Hán dịch là phúng tụng (諷頌), cô khởi (孤起), là lời dạy của Phật được diễn đạt theo thể kệ tụng để dễ ghi nhớ, khác với thể kỳ-dạ là không lặp lại mà tự nêu ra ý mới, nên gọi là cô khởi; 5. Ưu-đà-na (H. 優陀那, S. udāna), Hán dịch là tự thuyết (自說), hay vô vấn tự thuyết (無問自說), là những kinh điển do đức Phật quán xét căn cơ chúng sanh rồi tự nói ra, không có người thưa hỏi; 6. Ni-đà-na (H. 尼陀那, S. nidāna), Hán dịch là nhân duyên (因緣), là sự thuyết dạy của Phật do nhân duyên dẫn khởi, như do có việc thế này nên thuyết dạy pháp như thế này...; 7. A-ba-đà-na (H. 阿波陀那, S. avadāna), Hán dịch là thí dụ (譬喻), là những lời dạy bằng phương thức thí dụ, dẫn dụ, so sánh các sự việc để nêu ý nghĩa; 8. Y-đế-viết-đa-già (H. 伊帝曰多伽, S. itivṛttaka), Hán dịch là bản sự (本事), là những lời dạy về tiền thân tu tập của các vị đệ tử Phật, được dẫn ra như những bài học cho thính chúng; 9. Xà-đà-già (H. 闍陀伽, S. jātaka), Hán dịch là bản sanh (本生), là lời dạy về các tiền thân đức Phật, được dẫn ra vì mục đích giáo hóa; 10. Tỳ-phật-lược (H. 毘佛略, S. vaipulya), Hán dịch là Phương quảng (方廣), chỉ chung các kinh điển truyền dạy giáo pháp Đại thừa; 11. A-phù-đà-đạt-ma (H. 阿浮陀達磨, S. adbhuta-dharma), Hán dịch là hy pháp (希法) hoặc vị tằng hữu (未曾有), là những kinh điển thuyết giảng những điều bất khả tư nghị, xưa nay chưa từng có, như nói về thần lực, phước đức của chư Phật, Bồ Tát...; 12. Ưu-ba-đề-xá (H. 優波提舍, S. upadeśa), Hán dịch là luận nghị (論議), là những

dự định là thích hợp, nhưng chúng sanh không có cơ duyên tiếp nhận, giáo pháp đó cũng giống như sữa, [là nghĩa phụ cận], cho nên nói là *"sai một người hầu cận"*. Lại nữa, người hầu cận là những người ở bên cạnh, người phụ tá, tức là [ví cho việc đức Phật] sai khiến các vị pháp thân Bồ Tát vì [chúng sanh] mà thuyết giảng Đại thừa, như trong kinh Hoa nghiêm [đức Phật] sai 4 vị Bồ Tát thuyết giảng 40 giai vị[1] của hàng Bồ Tát, đó là [ý nghĩa] "sai người hầu cận".

"Chạy nhanh theo kịp bắt lấy" là nói ý nghĩa giáo pháp Đại thừa sáng tỏ rõ ràng, hiển lộ ngay thẳng, dùng giáo pháp ấy hợp với căn cơ thì nhanh chóng thẳng đến quả vị Bồ-đề. Cho nên [trong phẩm Thí dụ khi nói về] xe lớn [mô tả là] *"chạy nhanh như gió"*.

Nếu giải thích Bồ Tát là *"người hầu cận"* thì Bồ Tát tự có thần lực, lại thêm được Phật gia trì nên có thể khiến cho vị ấy nhanh chóng thể nhập quả vị Bồ Đề.

"Đứa con cùng khổ ấy hết sức kinh ngạc" là nói [việc Phật] dùng cách khuyên dạy khuyến khích không gặp được cơ duyên. Hiện tại đã không có cơ duyên, cho dù xưa kia đã từng phát [tâm Đại thừa] nhưng quên mất đã lâu không hề nhớ lại, nay chợt nghe giáo pháp Đại thừa, vì trái ngược với lòng mình nghĩ nên kinh sợ, vì không nhận hiểu được nên ngạc nhiên.

"Lớn tiếng than oán"[2] [hàm ý] hàng Tiểu thừa xem

---

lời dạy mang tính luận thuyết, luận giải, để giúp người nghe nắm hiểu được giáo pháp cũng như các pháp môn tu tập.

[1] Văn Cú dùng "四十地 - tứ thập địa", chỉ 40 giai vị của hàng Bồ Tát, bao gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa. Bốn vị Bồ Tát nương theo oai lực của Phật mà thuyết giảng về 40 giai vị này trong kinh Hoa nghiêm bao gồm: Bồ Tát Pháp Huệ thuyết về Thập trụ, Bồ Tát Công Đức Lâm thuyết về Thập hạnh, Bồ Tát Kim Cang Tràng thuyết về Thập hồi hướng và Bồ Tát Kim Cang Tạng thuyết về Thập địa.

[2] Kinh văn dùng chữ "稱怨 - xưng oán", Văn Cú cũng trích lại đúng chữ này. Các bản

phiền não là oán đối, sanh tử là khổ não. Nếu khuyên dạy rằng "phiền não tức Bồ-đề" thì [họ] sẽ lớn tiếng cho đó là oán đối, tà vạy. Nếu nghe nói "sanh tử tức Niết-bàn" thì [họ] sẽ lớn tiếng cho đó là khổ não, đau đớn. Đó là không có cơ duyên để tiếp nhận sự khuyên dạy khuyến khích.

"Tôi chẳng làm gì xúc phạm", [hàm ý hàng Tiểu thừa tự hỏi], "chúng tôi chẳng hề cầu xin, nay có ý gì mà dùng Đại thừa giáo hóa chúng tôi?" [Thí dụ này] là nhận hiểu về 2 ý ở phần nói pháp khuyên dạy khuyến khích [trong phẩm Thí dụ], chưa nhận hiểu đến ý [đức Phật muốn] tạm dừng giáo hóa.

▪ [Phân đoạn thứ hai nói] lần kêu la tiếp theo là khi *"người được sai đi lại càng gấp rút bắt lấy"*. [Thí dụ này] là nhận hiểu ý nghĩa [Phật] dự định dùng cách răn dạy ngăn cản là thích hợp. Phần trước nêu rõ ý khuyên làm việc lành nhưng vẫn còn hòa hoãn, [đến đây kinh văn nói] *"ta nên vì chúng nói ra những việc đáng kinh sợ"*, tức là đã rất cấp thiết. Tuy nói *"cưỡng bức đưa về"*, nhưng [ý nghĩa] sự răn dạy là khó nhọc dùng lời để khiến cho tránh xa việc xấu ác. Do trong tự tâm đã không có cơ duyên mà bên ngoài lại cưỡng ép dùng Đại thừa giáo hóa, đó là nghĩa *"cưỡng bức đưa về"*.

"Tự nghĩ mình không có tội gì" là nhận hiểu [ý nghĩa] không tiếp nhận sự răn dạy ngăn cản. "Tội" là ví cho lòng từ bi [của Bồ Tát]. Chúng sanh vì có tội nên phải vào ngục sanh tử. Bồ Tát cũng có tội giống như vậy để đi vào ngục. Hàng Nhị thừa không có lòng đại bi nên gọi là "không có tội" mà bị đẩy vào sanh tử, tức là bị giam hãm trong ngục tù. Không có phương tiện lớn mà vào sanh tử, tất nhiên phải vĩnh viễn mất đi tuệ mệnh trong Tam thừa, cho nên

---

dịch trước đây hiểu là "kêu oan", nhưng chữ oán (怨) trong kinh văn khác với chữ oan (冤) trong oan khuất, oan trái. Kinh văn thể hiện nỗi oán hận, bực tức của người con khi vô cớ bị bắt. Bản Anh ngữ của The Buddhist Text Translation Society dịch là "shouted in resentment" (kêu thét trong sự oán giận); bản Anh ngữ của Burton Watson dịch là "cried out in an angry voice" (hét to lên với giọng tức giận). Giảng giải của Văn Cú cũng cho thấy rõ ý nghĩa ở đây là "oán" chứ không phải "oan".

nói rằng *"nhất định phải chết"*. Suy nghĩ đến những việc như vậy, cho nên nói là *"càng thêm kinh sợ"*. Vì cưỡng ép dùng Đại thừa giáo hóa, trí tuệ Tiểu thừa không thể nhận hiểu cho nên nói là *"bất tỉnh"*. [Do không hiểu nên] khởi sinh sự hủy báng [Đại thừa], phải đọa vào ba đường ác, cho nên nói là *"ngã lăn ra đất"*, lại cũng có nghĩa là [chúng sanh] do mê muội chìm đắm [ngã xuống] đất vô minh.

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"Người cha từ xa trông thấy như vậy"* trở đi, [hàm ý đức Phật] buông bỏ cả hai cách khuyên dạy khuyến khích và răn dạy ngăn cản, dừng lại việc giáo hóa bằng Đại thừa. Phân đoạn này chia ra 4 ý. Thứ nhất là [đức Phật] suy nghĩ muốn dừng sự giáo hóa [Đại thừa], thứ hai là giải thích [nguyên do muốn] dừng sự giáo hóa, thứ ba là thực sự dừng sự giáo hóa và thứ tư là nói việc dừng sự giáo hóa [Đại thừa] là thích hợp.

◆ Ý thứ nhất có 2 tiểu ý. Một là rõ biết chí [hướng theo] Đại thừa còn yếu ớt, hai là rõ biết chí [hướng theo] Tiểu thừa đang mạnh mẽ.

✦ Tiểu ý thứ nhất từ câu *"Người cha từ xa trông thấy"*, [hàm ý] tuy bỏ Tiểu thừa nhưng còn xa Đại thừa, cho nên nói là *"từ xa"*. Vì [chúng sanh] là con đã từng kết duyên Đại thừa cho nên nói là *"trông thấy"*.

"Liền bảo với người mà ông đã sai khiến." Nếu theo nghĩa "người được sai khiến" là việc thuyết giáo, thì trí tuệ [Phật] là gốc của việc thuyết giáo. Trí tuệ ấy biết [chúng sanh] chưa có cơ duyên, nên khi trí dừng lại thì [việc thuyết giáo cũng dừng lại. Nếu theo nghĩa "người được sai khiến" là người thuyết giáo, thì [đó là nghĩa Phật] bảo các vị Bồ Tát không nên hiện thân đẹp đẽ tôn quý cho hàng Nhị thừa nhìn thấy. Trong kinh Tịnh Danh, [Phật Hương Tích bảo các vị Bồ Tát] "nên kiềm giữ mùi thơm nơi thân, đừng để

cho chúng sanh cõi Ta-bà khởi tâm lầm lạc tham trước".[1] Bồ Tát Phổ Hiền khi vào cõi Ta-bà này tự làm cho thân hình nhỏ bé lại. Những việc như thế đều cùng một nghĩa này.

"Chớ cưỡng bức đưa về" [là hàm nghĩa Phật] suy nghĩ thấy việc từ bỏ cách răn dạy ngăn cản là thích hợp. Đã biết chúng sanh không có cơ duyên Đại thừa, sợ làm thương tổn đến căn lành của chúng sanh cho nên nói *"chớ cưỡng bức"*. Theo ý riêng tôi cho rằng, nói *"không cần người ấy"* [là nghĩa Phật] suy nghĩ thấy nên từ bỏ cách khuyên dạy khuyến khích; lại nói *"chớ cưỡng bức đưa về"* [là nghĩa Phật] suy nghĩ thấy nên từ bỏ cách răn dạy ngăn cản.

✦ Từ câu *"Dùng nước lạnh tưới lên mặt cho tỉnh lại"* là tiểu ý thứ hai, [hàm nghĩa Phật rõ biết chúng sanh] có chí hướng theo Tiểu thừa, nên [tạm] dùng nước lý tịch diệt [Tiểu thừa[2] rưới lên] để trừ ngọn lửa nóng kiến hoặc và tư hoặc.

Nói *"mặt"* [có hàm nghĩa] chán ghét sanh tử là quay lưng lại, hướng đến Niết-bàn như quay mặt tới. Nói *"tỉnh lại"* [là hàm nghĩa] tạm khai mở cơ duyên Tiểu thừa [cũng] được lìa phiền não, tỏ ngộ được bốn chân đế. *"Đừng nói gì thêm với nó"* [là hàm nghĩa đức Phật] đã quyết định nên tạm dừng sự giáo hóa bằng Đại thừa.

◆ Ý thứ hai từ câu *"vì sao vậy"* trở đi, giải thích về ý định dừng sự giáo hóa [bằng Đại thừa]. Đó là [vì thấy chúng sanh] chán ghét khổ não, vui thích lẽ không, đã quen nhờn với sự kém cỏi thấp hèn, không có tâm từ bi, nên sợ pháp

---

[1] Duy-ma-cật sở thuyết kinh (維摩詰所說), quyển 3, phẩm Phật Hương Tích: "攝汝身香，無令彼諸眾生起惑著心 。 - Nhiếp nhữ thân hương, vô linh bỉ chư chúng sanh khởi hoặc trước tâm." Xem Đại Chánh tạng, Tập 14, số 475, trang 552, tờ b, dòng 22-23.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "灰斷 - hôi đoạn" chỉ sự tịch diệt của hàng thánh quả Tiểu thừa, tức hàm nghĩa "灰身滅智 - hôi thân diệt trí". Cho nên trong Biệt hành huyền ký (別行玄記), quyển 2 nói: "小乘灰斷，身智俱亡 。 - Tiểu thừa hôi đoạn thân trí câu vong." (Hàng Tiểu thừa hủy thân diệt trí, cả hai đều mất.)

Đại thừa khó khăn. [Do đó] hãy tạm chấp nhận chí hướng nhỏ nhoi của họ, gác lại bản hoài của chư Phật. [Vì những lẽ đó] cho nên dừng sự giáo hóa [bằng Đại thừa].

[Đức Phật] xét biết [những chúng sanh này] đã từng ở nơi hai vạn ức vị Phật phát tâm đạo [Đại thừa], không phải hoàn toàn không có cơ duyên Đại thừa. Tuy tạm dừng việc giáo hóa Đại thừa nhưng ý Phật chưa phải dừng ở đó, còn chờ đợi [cơ duyên] về sau.

"Không nói cho người khác biết", [hàm nghĩa] thuở xưa trong giáo nghĩa Tiểu thừa, [Phật] tùy thuận tâm ý chúng sanh nói pháp phương tiện để che chở, bảo vệ, gọi [những chúng sanh ấy] là hàng Thanh văn, không nói theo tự ý [của Phật] rằng [những chúng sanh ấy] chính là Bồ Tát, [đều có khả năng thành Phật].

◆ Ý thứ ba từ câu *"người được sai khiến đến liền nói rằng"* trở đi, [hàm ý] nêu rõ việc tạm dừng giáo hóa [Đại thừa]. *"Nay tôi thả ông ra"*, [hàm ý đức Phật] rõ biết cơ duyên Đại thừa hãy còn yếu ớt. *"Tùy ý muốn đi đâu thì đi"* nghĩa là [Phật] đã biết tâm thiện Tiểu thừa [của chúng sanh] đang mạnh mẽ. Do cả hai duyên [Đại thừa còn yếu ớt và Tiểu thừa đang mạnh mẽ] nên [đức Phật] tạm dừng việc giáo hóa [Đại thừa].

◆ Ý thứ tư từ câu *"Người con cùng khổ ấy hết sức vui mừng"* trở đi [hàm ý] nêu rõ việc [đức Phật] dừng sự giáo hóa [Đại thừa] là xứng hợp cơ duyên. Không phải chịu sự cưỡng bức phải theo giáo pháp Đại thừa nên *"hết sức vui mừng"*. Không mắc vào tội hủy báng Đại thừa nên tránh khỏi được 3 đường ác, do đó nói là *"từ nơi dưới đất"*. Tâm thiện Tiểu thừa khởi sanh nên nói là *"vùng đứng dậy"*. Lại nữa, trước đây khi [Phật] dự định dùng giáo pháp Đại thừa là thích hợp thì [chúng sanh] mê muội không nhận hiểu được, [ví như] nằm trên mặt đất vô minh, nay [Phật] tạm dùng giáo pháp Tiểu thừa nên có thể hiểu được liền

tỉnh ngộ. Do đó nói là *"từ nơi dưới đất vùng đứng dậy"*. Từ trong giáo lý bốn chân đế mà mong cầu đạo pháp, cho nên nói *"đi đến một xóm nghèo để [làm thuê] kiếm cơm ăn áo mặc"*. Hoặc [cũng có thể hiểu vì] từ trong 4 kiến chấp[1] mà cầu đạo nên nói là *"xóm nghèo"*.

KINH VĂN

Bấy giờ, ông trưởng giả muốn dẫn dụ đứa con [trở về] nên bày ra phương tiện, bí mật sai khiến hai người có hình dung dáng vẻ tiều tụy, không chút uy đức, dặn dò: "Các ông hãy đi đến nơi ấy, thư thả nói với kẻ nghèo khốn ấy rằng: 'Chỗ kia có việc làm trả giá cao hơn.' Nếu kẻ nghèo khốn ấy chịu nghe theo thì dẫn về đây để giao việc làm. Nếu như hỏi: 'Muốn tôi làm việc gì?' thì đáp: 'Thuê ông làm việc hốt phân. Hai người chúng tôi sẽ cùng làm với ông.'"

Lúc ấy, hai người được sai khiến liền đi tìm người con khốn cùng kia. Khi tìm gặp được rồi liền nói rõ như lời dặn ở trên. Bấy giờ, người con khốn cùng trước tiên nhận tiền công, sau đó được giao việc hốt phân. Người cha nhìn thấy con [như vậy] thì thương xót mà lấy làm quái lạ.

Rồi đến một ngày kia, ông nhìn qua song cửa sổ, xa xa thấy hình dáng con mình gầy ốm tiều tụy, nhớp nhúa vì bám đầy phân dơ cùng bụi đất. Ông liền cởi bỏ hết chuỗi ngọc và y phục tốt đẹp mềm mại cùng những thứ trang sức uy nghiêm, mặc vào người y phục thô xấu dơ bẩn, [tự làm cho] thân thể bám đầy bụi đất, rồi tay phải cầm dụng cụ hốt phân, dáng vẻ như có điều lo sợ, đi đến nói với những người làm công: "Các ngươi hãy siêng năng làm việc, đừng biếng nhác dừng nghỉ." Ông dùng phương tiện như vậy mới đến gần được con mình. Sau đó, ông lại nói với đứa con: "Này chàng trai! Con hãy thường xuyên ở đây làm, đừng bỏ đi nơi khác, ta sẽ trả thêm nhiều tiền hơn. Những gì con cần đến như vật chứa hoặc [thức ăn như] gạo, bột gạo, muối, giấm… [ta đều sẽ cung cấp đủ,] chớ nên tự nghi ngại. Ta cũng có một nô bộc già hèn kém, có thể

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "四見 - tứ kiến", tức ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Bốn kiến chấp này có đề cập đến trong kinh Kim Cang.

giao cho con sai khiến, nên hãy tự yên lòng. [Hãy xem] ta như cha của con, chớ nên lo lắng gì cả. Vì sao vậy? Ta nay tuổi cao già yếu mà con thì tuổi trẻ tráng niên, thường siêng làm việc, không dối trá, không lười nhác, không nóng giận, không thù hận, không nói lời than oán. Ta thấy con không có những thói xấu ấy như những người làm thuê khác. Từ nay về sau, [ta xem con] như con ta sinh ra." Ông trưởng giả [nói vậy rồi] liền đặt cho tên mới và gọi là con mình. Đứa con cùng khốn ấy tuy vui mừng được sự đãi ngộ này nhưng vẫn tự cho mình là người hèn hạ từ bên ngoài đến làm thuê, do vậy mà phải qua 20 năm thường được sai làm việc hốt phân.

❖ [Tiểu đoạn thứ hai] từ câu *"Bấy giờ, ông trưởng giả muốn dẫn dụ..."* trở đi, nói việc [ông trưởng giả] bí mật sai hai người đến dẫn dụ. Tiểu đoạn này có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất, cứ theo giáo pháp mà xét nghĩa gần thì là nhận hiểu [về thí dụ] "dùng ba loại xe [đẹp dẫn dụ để] cứu các con", xét nghĩa xa là nhận hiểu [về việc đức Phật ở] thành Ba-la-nại thi hành pháp quyền biến [phương tiện].

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Rồi đến một ngày kia..."*, hàm ý là nhận hiểu nghĩa pháp thân vốn đã từ lâu soi chiếu phương tiện, chẳng phải đợi đến [khi Phật thành đạo dưới] cội Bồ-đề mới bắt đầu biết vận dụng Tiểu thừa. Từ lâu [Phật] đã sớm rõ biết trí tuệ chúng sanh rất khó tiếp cận với thân tôn quý kỳ đặc [của Như Lai], chỉ quen nhờn với y phục xấu xí dơ bẩn. Cho nên hiểu được những việc trước đây trong quá khứ thì giải thích được việc trong hiện tại.

Hỏi: Bốn vị đại đệ tử do nhân duyên gì biết được pháp thân đã từ lâu soi chiếu?

Đáp: Suy từ việc gần đây mà biết được việc lâu xa. Nếu như chỉ đến lúc thành đạo dưới cội bồ-đề [đức Phật] mới bắt đầu biết được [chúng sanh] không có cơ duyên Đại

thừa, thì lẽ ra không có việc từ cõi trời Đâu-suất giáng thần, đem trí tuệ chân chánh gá vào thai mẹ, cho đến thị hiện [sinh ra] có phiền não rồi cưới vợ sinh con, [cuối cùng vận dụng] 34 tâm[1] của thân sau cùng đoạn trừ tất cả phiền não... Suy nghiệm như vậy thì biết rằng [đức Phật] đã cởi bỏ *"chuỗi ngọc đẹp đẽ nhiệm mầu"* là tất cả tướng hảo quang minh, tự mặc vào *"y phục thô xấu dơ nhớp"* là tấm thân [phàm phu] một trượng sáu thước. [Dụng ý] như vậy thật là đã có từ rất lâu xa.

▪ Nay trước hết giải thích sự nhận hiểu của phân đoạn thứ nhất xét theo giáo nghĩa.

Trong phẩm Thí dụ, kinh văn [phần tương ứng][2] có 4 ý chính. Thứ nhất, [ông trưởng giả] dự định dùng phương tiện [xe đẹp để dẫn dụ các con] là cách thích hợp; thứ hai, [ông trưởng giả] rõ biết tâm niệm [ham muốn] trước đây [của các con]; thứ ba, [ông trưởng giả] dùng lời khen ngợi 3 loại xe đẹp; và thứ tư, [phương tiện dẫn dụ như trên] phù hợp với tâm nguyện mong muốn [của các con].

Trong phẩm Phương tiện, [phần kinh văn tương ứng] cũng có 4 ý [như trên], nay phần nhận hiểu ở đây cũng có đủ 4 ý.

◆ Ý thứ nhất từ câu *"Bấy giờ, ông trưởng giả muốn dẫn dụ..."* trở đi là nhận hiểu ý nghĩa "dự định dùng phương tiện là thích hợp" ở phần trước.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Lúc ấy, hai người được sai khiến liền đi tìm người con khốn cùng kia. Khi tìm gặp được*

---

[1] Vị Bồ Tát sau khi đã trải qua nhiều kiếp tu tập đủ lục độ vạn hạnh, đến thân cuối cùng ngồi dưới gốc bồ-đề thì trong một sát-na khởi sinh đủ 34 tâm tương ứng gồm 8 nhẫn, 8 trí, 9 vô ngại, 9 giải thoát, dùng các tâm này đoạn trừ tất cả các tập khí của kiến hoặc, tư hoặc, thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

[2] Tức là phần kinh văn trong phẩm Thí dụ, từ câu: ""Bấy giờ, ông trưởng giả liền suy nghĩ rằng: 'Căn nhà này đang bị lửa dữ thiêu đốt..." cho đến "... cùng chạy nhanh ra khỏi căn nhà đang cháy."

rồi…” là nhận hiểu ý nghĩa phần trước nói “rõ biết trong tâm trước đây của con vốn có cơ duyên”.

◆ Ý thứ ba từ câu *“nói rõ như lời dặn ở trên”* là nhận hiểu ý nghĩa trong phần trước “khen ngợi ba loại xe đẹp rất ít có”.

◆ Ý thứ tư từ câu *“Bấy giờ, người con khốn cùng trước tiên nhận tiền công…”* là nhận hiểu ý nghĩa “hợp với ý thích, các con tranh nhau ra khỏi căn nhà đang cháy” trong phần trước.

◆ [Nay giải thích] ý thứ nhất, [“ông trưởng giả] muốn dẫn dụ”. Tuy đã dừng việc giáo hóa bằng Đại thừa nhưng [đức Phật] không bỏ mặc [chúng sanh]. Vì muốn thiết lập phương tiện cho nên nói là “muốn”. *“Bí mật sai khiến hai người”*. Bốn vị đệ tử [Thanh văn] đều đã tự mình nhận hiểu, không liên quan đến Bồ Tát, cho nên nói là *“hai người”*. [Nếu xét] theo pháp thì *“hai người”* là [biểu trưng cho] pháp nhân duyên và bốn chân đế, xét theo lý thì có thể xem là chân đế và tục đế, xét theo người thì là Thanh văn và Duyên giác.

Ban đầu [Phật] dự định dùng Đại thừa nên [thí dụ] nói *“sai một người hầu cận”*,[1] là biểu thị cho một thật đế, một giáo pháp Đại thừa, một vị Bồ Tát. Nay nêu rõ phương tiện, ẩn tàng lẽ thật nên nói là “bí mật”, chỉ bày thiên lệch pháp chân nên gọi là “sai khiến”. Nói theo giáo nghĩa thì ẩn tàng pháp viên mãn liễu nghĩa nên nói là “bí mật”, chỉ bày pháp quyền thừa bất liễu nghĩa nên nói là “sai khiến”.[2] Nói theo con người thì bên trong ẩn giấu hạnh Bồ

[1] Chỗ này Văn Cú trích lại kinh văn là “密遣傍人 - mật khiển bàng nhân” nhưng đúng ra là “即遣傍人 - tức khiển bàng nhân”. Đến đoạn sai khiến 2 người kinh văn mới dùng chữ “密 - mật” (密遣二人 - mật khiển nhị nhân).

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng “滿字 - mãn tự” để chỉ giáo pháp viên mãn, liễu nghĩa, “半字 - bán tự” để chỉ giáo pháp quyền thừa, bất liễu nghĩa. Đây là cách dùng theo kinh Đại Bát Niết-bàn.

Tát, cho nên nói là "bí mật"; bên ngoài hiện [hình tướng] Thanh văn, cho nên nói là "sai khiến".

Nói về hình tướng thì theo giáo pháp Nhị thừa không tu tập [cầu] thân tướng tốt đẹp, chỉ nói về [các pháp] khổ, vô thường và bất tịnh, cho nên nói là *"hình dung dáng vẻ tiều tụy"*. Nói về người thì các vị Bồ Tát ẩn giấu sắc tướng bản môn, thị hiện hình tướng tích môn, không phải thuyết rốt ráo liễu nghĩa. Không có mười trí lực, mười pháp vô úy[1] nên gọi là *"không chút uy đức"*.

"Các ông hãy đi đến nơi ấy", tức là dùng giáo pháp Tiểu thừa vận dụng theo cơ duyên Tiểu thừa. Giáo pháp Đại thừa nêu thẳng lẽ thật, cho nên nói *"gấp rút đuổi theo bắt"*. Giáo pháp Tiểu thừa nói lẽ quanh co không hiển lộ rõ ràng [tức thời], cho nên nói là *"thư thả"*.

"Chỗ kia có việc làm", [hàm ý] kiến đạo và tu đạo là "chỗ có việc làm", [việc làm ấy là] dứt trừ mê hoặc.

"Trả giá cao hơn", [hàm ý trước đây tu tập] 5 giới, 10 nghiệp lành chỉ có thể tránh được 3 đường ác, nay [dạy cho các pháp] 4 chân đế với 12 nhân duyên có thể giúp cho thoát ra khỏi sanh tử. Đây gọi là 1 lần cao hơn. Lại nữa, 6 pháp tu khổ hạnh của ngoại đạo[2] chỉ có thể kiềm chế các nghi hoặc, nay tu tập 4 chân đế có thể đoạn trừ, dứt hết mê hoặc, đạt đến Niết-bàn. Đây gọi là [cao hơn] gấp 2 lần.

"Nếu kẻ nghèo khốn ấy chịu nghe theo." Nếu có cơ duyên tức là "chịu nghe theo", liền bày ra việc giáo hóa. Không có cơ duyên tức là chẳng chịu nghe theo, sẽ không bày ra việc giáo hóa.

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "十力無畏 - thập lực vô úy", tức chỉ thập trí lực và thập vô sở úy của chư Phật.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "外道六行 - ngoại đạo lục hạnh", chỉ sáu pháp tu khổ hạnh sai lầm của ngoại đạo ở Ấn Độ thời xưa, bao gồm các phương pháp: 1. nhịn đói; 2. gieo mình xuống vực sâu; 3. phơi mình dưới nắng cháy; 4. lõa thể; 5. ngồi ở chỗ vắng lặng; 6. giữ theo các giới kỳ quái như giới bò, giới chó...

"Muốn tôi làm việc gì?" Hàng Nhị thừa chỉ muốn trừ mê hoặc và trụ nơi chỗ chứng đắc, không bàn đến việc làm thanh tịnh cõi Phật hay thành tựu cho chúng sanh. Do vậy cho nên đáp: *"Thuê ông làm việc hốt phân."*

"Hai người chúng tôi sẽ cùng làm với ông." Hàng Nhị thừa căn tánh chậm lụt, phải dựa theo giáo pháp để thực hành công hạnh, sau đó mới có thể tu nghiệp. Xét nghĩa theo lý thì [thí dụ này hàm ý] là trí tuệ và chân đế nương theo nhau, xét nghĩa theo người thì hàng [Tiểu thừa] theo pháp quyền và các vị [Bồ Tát] theo pháp thật cùng nhau tu hành.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Lúc ấy, hai người được sai khiến liền đi tìm người con khốn cùng kia."* [Đây là nói nghĩa đức Phật] xem xét biết là có cơ duyên, cho nên nói là *"tìm gặp được rồi"*. Phần này nhận hiểu ý nghĩa "rõ biết tâm ý trước đây" trong [kinh văn] phần trước.

◆ Ý thứ ba là câu *"nói rõ như lời dặn ở trên"*, tức là trình bày việc thuê làm công. Phần này là nhận hiểu [ý nghĩa trong phẩm Thí dụ nói] "khen ngợi ba loại xe đẹp". Dứt trừ khổ đế, tập đế là *"hốt phân"*, nhận lấy đạo đế, diệt đế là *"nhận tiền công"*.

◆ Ý thứ tư là câu *"Bấy giờ, người con khốn cùng trước tiên nhận tiền công, sau đó được giao việc hốt phân"*, nói việc [người con cùng khốn] bắt đầu làm công việc [hốt phân]. Phần này nhận hiểu ý nghĩa [trong phẩm Thí dụ nói] "hợp với ý thích, các con tranh nhau ra khỏi căn nhà đang cháy". Hàng Nhị thừa [khởi tâm] ngưỡng mộ, [muốn được] quả mới thực hành tạo nhân, cho nên nói *"trước tiên nhận tiền công"*.

"Người cha nhìn thấy con [như vậy] thì thương xót mà lấy làm quái lạ." Quái lạ [vì thấy hàng Nhị thừa] chẳng cầu Phật đạo, thương xót vì [hàng Nhị thừa] chỉ chấp giữ

quả A-la-hán. [Do vậy,] chỗ mất thì lớn lao mà chỗ được rất ít ỏi, cho nên nói rằng "quái lạ".

Đến đây là hết phần xét theo giáo nghĩa để nhận hiểu [trong phân đoạn thứ nhất tương ứng với] các phần thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"lại một ngày kia"* trở đi, được nhận hiểu qua phân tích suy xét. [Phần này nói nghĩa] trí tuệ linh diệu [của Phật] đã soi chiếu [thấy biết căn cơ chúng sanh] từ lâu nên thiết lập các pháp quyền biến phương tiện thích hợp, vất vả tùy thuận [chúng sanh để giáo hóa], không phải chỉ đến khi [thành đạo] dưới gốc cây bồ-đề mới bắt đầu thấy biết nhân duyên [của chúng sanh], như bên trên đã nói.

Phân đoạn này có 4 ý. Thứ nhất, *"lại một ngày kia"* là hàm ý nhận hiểu ý nghĩa phần trước nói [Phật] dùng quyền trí từ lâu đã muốn vận dụng thích hợp. Thứ hai, *"thấy hình dáng con mình gầy ốm tiều tụy"* [là hàm ý nhận hiểu ý nghĩa phần trước nói đức Phật] từ lâu đã biết phương tiện thích hợp là "những món đồ chơi tốt đẹp" [mà chúng sanh ưa thích]. Thứ ba là *"cởi bỏ những [y phục] tốt đẹp, mặc vào [y phục] thô xấu"*, hàm ý nhận hiểu phần trước nói từ lâu đã biết nên khen ngợi "ba loại xe đẹp". Thứ tư là [ông trưởng giả] đích thân dạy con làm, hàm ý nhận hiểu nghĩa từ lâu đã biết [việc làm ấy] hợp với ý thích nên con sẽ chịu làm.

◆ Nay [giải thích] ý thứ nhất. Chữ *"lại"* là cách nói trang trọng, hàm nghĩa sắp nhận lãnh ý nghĩa pháp thân từ lâu đã rõ biết căn cơ Đại thừa hoặc Tiểu thừa [của chúng sanh] (nghĩa là Nhất thừa hoặc Tam thừa) để thi hành việc giáo hóa. Vì lặp lại ý Phật cho nên trước tiên nêu ra chữ *"lại"*.

"Một ngày khác" [là nghĩa] hàng Nhị thừa tự cho pháp phương tiện là [pháp của] mình, không phải pháp Nhị thừa gọi là pháp *"khác"*, suy ra là pháp thân. *"Ngày"* là

nói nghĩa hợp thời, cũng có nghĩa [mặt trời soi chiếu],[1] tức là trí tuệ. Nương vào thời pháp thân, dùng trí tuệ soi chiếu cơ duyên, cho nên nói là *"ngày khác"*. Nếu theo nghĩa này thì trí chân thật soi chiếu pháp chân thật, đó là [hướng đến] tự thân; trí quyền thừa soi chiếu pháp phương tiện, đó là [hướng đến] người khác. Theo giáo nghĩa mà nhận hiểu thì hóa thân vận dụng sự việc là trí soi chiếu tự thân, không phải hóa thân vận dụng sự việc thì là trí soi chiếu người khác. Nếu xét theo nghĩa [đối với] đức Như Lai thì quyền trí hay thật trí tự hành đều gọi là [hướng vào] bên trong; chỗ soi chiếu giáo hóa chúng sanh của Như Lai thì pháp quyền hay pháp thật pháp đều là [hướng ra] bên ngoài. [Còn nếu phân biệt] các pháp quyền thật Như Lai soi chiếu, thì soi chiếu pháp thật là tự thân, soi chiếu pháp quyền là [hướng đến] người khác. Đó là xem xét nhận hiểu sự hợp thời của pháp thân.

Vận dụng trí tuệ quyền biến để giáo hóa chúng sanh, soi chiếu nơi cơ quyền biến để biết có hoặc không, soi chiếu chỗ vận dụng pháp quyền để biết là có thể hoặc không thể. Tất cả đều là chỗ soi chiếu của trí tuệ quyền thừa, cho nên nói là *"một ngày khác"*. Nếu theo nghĩa này, chỉ căn cứ giáo pháp để nhận hiểu thì việc giáo hóa chúng sanh là quyền biến, nên hàng Nhị thừa gọi là "việc của mình"; tham cứu sâu xa để nhận hiểu cả hai pháp quyền tự, tha không phải là việc của hàng Nhị thừa, cho nên gọi là "[việc của người] khác". Tuy có hai ý đều từ nghĩa "ngày khác", nhưng nay chỉ nói theo cách nhận hiểu của hàng Nhị thừa. Lại theo kinh văn nói *"một ngày khác"*, như đã cứu xét nhận hiểu thì đó là nói từ trong pháp thân soi chiếu căn cơ [chúng sanh].

"Nhìn qua song cửa sổ", [hàm ý] cách nhìn thiên lệch

[1] Trong Hán ngữ chữ nhật (日) có nghĩa là ngày (chỉ thời gian), cũng có nghĩa là mặt trời.

ắt rơi vào Tiểu thừa, là biểu trưng cho trí quyền biến [của Phật] soi chiếu căn cơ [của hàng Nhị thừa].

"Xa xa thấy hình dáng con" là nói đã từ bỏ Tiểu thừa nhưng với Đại thừa còn chưa quyết định, cho nên nói là "xa xa".

"Thấy hình dáng con", [hàm nghĩa] từ xa xưa đã gieo trồng hạt giống Đại thừa, cho nên gọi là "con"; dự định dùng Đại thừa [để giáo hóa], cho nên nói là "thấy".

"Nhìn qua song cửa sổ" thì tầm nhìn hẹp hòi và thiên lệch, [hàm ý] chưa thích hợp để giáo hóa bằng Đại thừa, cho nên tạm dừng [việc giáo hóa bằng] Đại thừa mà thiết lập [giáo pháp] Tiểu thừa.

◆ Ý thứ hai từ câu *"gầy ốm tiều tụy"* trở đi, [hàm ý] nhận hiểu nghĩa trước đây đã biết [chúng sanh] có tâm Tiểu thừa, nghĩa là "ưa thích đồ chơi đẹp". Vì ít tu nhân trí lực nên nói là "gầy", ít tu nhân phước lực nên nói là "ốm". Trong tâm khiếp sợ vô thường là "tiều", bên ngoài hứng chịu 8 nỗi khổ là "tụy". Bốn trụ địa[1] là "phân dơ", si mê không trí tuệ là "bụi đất".

◆ Ý thứ ba từ câu *"Ông liền cởi bỏ hết chuỗi ngọc..."* trở đi, [hàm ý] nhận hiểu nghĩa trước đây đã biết là nên khen ngợi "ba loại xe đẹp ít có". *"Cởi bỏ y phục tốt đẹp"* ví cho việc ẩn giấu báo thân với vô lượng công đức; 42 giai vị[2] cùng với giới, định, tuệ, đà-la-ni... là chuỗi ngọc anh lạc; pháp nhẫn tịch diệt[3] là y phục mềm mại thượng hạng; các tướng tốt và

---

[1] Tức là tứ trụ (四住) hay tứ trụ địa (四住地), chỉ bốn yếu tố căn bản làm khởi sinh tất cả phiền não, bao gồm Kiến nhất thiết trụ địa (tức là hết thảy kiến hoặc trong ba cõi), Dục ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Dục giới), Sắc ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Sắc giới) và Hữu ái trụ địa (tức là hết thảy tư hoặc trong Vô sắc giới).

[2] Chỉ các giai vị được gọi là Hiền Thánh, bao gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác.

[3] Pháp nhẫn tịch diệt, tức tịch diệt nhẫn, là một trong 5 pháp nhẫn, bao gồm: 1. Phục nhẫn (伏忍); 2. Tín nhẫn (信忍); 3. Thuận nhẫn (順忍); 4. Vô sinh nhẫn (無生忍); 5. Tịch diệt nhẫn (寂滅忍)

vẻ đẹp[1] là những đồ trang sức uy nghiêm. Nếu y phục, dung mạo đẹp đẽ sang trọng thì đứa con sẽ kinh sợ. [Điều này hàm ý] hàng Nhị thừa không nên nhìn thấy những tướng tốt đẹp [của Phật vì sẽ kinh sợ], cho nên "cởi bỏ". *"Mặc vào người y phục thô xấu dơ bẩn"*, [hàm ý đức Phật] thị hiện thân hình một trượng sáu thước [ở cõi phàm] là *"thô"*; [thị hiện] các pháp sanh nhẫn, pháp nhẫn[2] là *"xấu"*. "Thân thể bám đầy bụi đất", [hàm ý đức Phật] thị hiện có phiền não với đủ các pháp hữu vi, hữu lậu.

Từ câu *"Tay phải cầm dụng cụ hốt phân"* trở đi, [hàm ý] chỉ nói việc đối trị các pháp hữu lậu, kiến hoặc và tư hoặc, không bàn đến trí tuệ thanh tịnh ở các giai vị [Bồ Tát]. Tay trái ví cho pháp chân thật, tay phải ví cho pháp quyền biến. Pháp quyền vận dụng phương tiện để dễ dàng tự mình dùng pháp này dứt trừ phiền não, thành tựu quả Phật. Lại cũng dùng pháp này để giáo hóa chúng sanh.

"Dáng vẻ như có điều lo sợ", [hàm ý đức Phật] thị hiện cũng lo sợ sanh tử giống như chúng sanh, lại cũng [thị hiện] nhận lãnh những nghiệp báo xấu [như chúng sanh].[3]

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "大小相海 - đại tiểu tướng hải", tức là đại tướng hải và tiểu tướng hải, chỉ tướng hảo của Phật, tức 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Thân tướng trang nghiêm của đức Phật bao trùm khắp nơi, mênh mông không cùng tận như biển lớn nên gọi là "tướng hải". Cách dùng này tuy ít gặp nhưng cũng đồng nghĩa với "tướng hảo" nên chúng tôi chuyển dịch theo cách dễ nhận hiểu hơn.

[2] Gọi chung là nhị nhẫn (二忍). Sanh nhẫn (生忍) cũng gọi là chúng sanh nhẫn (眾生忍), chỉ sự nhẫn chịu của Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, dù gánh chịu mọi sự nhục mạ, thương tổn cũng không khởi tâm sân hận, phiền não ; dù nhận được mọi sự tôn trọng, cung kính, cúng dường cũng không khởi tâm kiêu mạn, bám chấp. Pháp nhẫn (法忍) cũng gọi là vô sanh pháp nhẫn (無生法忍), chỉ sự an nhẫn của Bồ Tát vì đã thấu triệt lẽ vô sanh, đối với tất cả các pháp đều không còn dao động. Văn Cú Ký giải thích theo cách đơn giản hơn: Sanh nhẫn là nhẫn chịu đối với các phiền não do chúng sanh hữu tình gây ra ; pháp nhẫn là nhẫn chịu đối với tất cả các pháp vô tình không thuận ý, chẳng hạn như nóng lạnh, gió mưa v.v... Đây chỉ là các phẩm tính ban đầu của hàng Bồ Tát nên khi so với phẩm đức của chư Phật thì gọi là "xấu".

[3] Nguyên tác Văn Cú nói là "又有寒風馬麥之報 – Hựu hữu hàn phong mã mạch chi báo" (Lại cũng có các quả báo như chịu gió rét, ăn lúa ngựa...) Văn Cú Ký giải thích rằng đây là nói tóm lược. Theo Đại Trí độ luận, quyển 9, thì đức Phật thị

◆ Ý thứ tư là từ câu *"Đến nói với những người làm công"* trở đi, là thí dụ [ông trưởng giả tạo điều kiện] gần gũi để dạy con. Thí dụ này [hàm ý nói đến] 7 nhóm pháp môn trong 37 phẩm đạo,[1] dùng để hiển bày tướng trừ phẩn uế. [Phần này] nhận hiểu ý nghĩa phần trước nói về tâm ý các con "tất cả đều hối hả đem hết sức mình, chen lấn nhau mà chạy nhanh ra khỏi căn nhà đang cháy".

✦ Thứ nhất, câu *"nói với những người làm công"* là ví cho 4 niệm xứ, là [nói về] giai vị ngoại phàm.[2]

✦ Thứ hai, câu *"hãy siêng năng làm việc, đừng biếng nhác dừng nghỉ"* là ví cho 4 chánh cần.

✦ Thứ ba, câu *"Này chàng trai! Con hãy thường xuyên ở đây làm, đừng bỏ đi nơi khác"* là ví cho 4 như ý túc.

✦ Thứ tư, câu *"chớ nên lo lắng gì cả"* gọi là thí dụ an ủi, ví cho 5 căn.[3]

✦ Thứ năm, từ câu *"vì sao vậy"* trở đi gọi là thí dụ không có 5 điều lỗi,[4] ví cho 5 lực.[5]

---

hiện chịu đủ 10 quả báo xấu là: 1. Sáu năm khổ hạnh; 2. Bị Tôn-đà-lợi phỉ báng; 3. Bị giáo vàng đâm xuyên đùi; 4. Có mùa an cư không người cúng dường phải ăn loại lúa mạch dành để nuôi ngựa; 5. Chịu nạn vua Lưu Ly giết hại cả dòng họ Thích-ca; 6. Có lần khất thực mang bình bát về không; 7. Bị cô gái Chiên-già phỉ báng; 8. Bị Đề-bà-đạt-đa lăn đá trên núi xuống hãm hại; 9. Bị gió rét xuyên y; 10. Chịu bệnh đau đớn dưới gốc sa-la song thụ lúc gần nhập Niết-bàn.

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "道品中七科法門 - đạo phẩm trung thất khoa pháp môn", tức là chỉ đến bảy nhóm pháp môn trong tam thập thất đạo phẩm, bao gồm: 1. Tứ niệm xứ (四念處), 2. Tứ chính cần (四正勤), 3. Tứ thần túc (四神足), 4. Ngũ căn (五根), 5. Ngũ lực (五力), 6. Thất giác chi (七覺支) và 7. Bát thánh đạo (八聖道).

[2] Ngoại phàm: tức chỉ các giai vị vẫn còn là phàm phu, chưa đạt đến sự nhận hiểu chân lý nên xem như còn ở ngoài, khác với nội phàm là các giai vị cao hơn, đã nhận hiểu chân lý nên tuy là phàm phu nhưng xem như đã chớm bước vào cảnh giới bậc thánh.

[3] Ngũ căn, tức 5 điều được xem là căn bản, là cội gốc sinh khởi các pháp lành nên gọi là "căn", bao gồm: tín căn (lòng tin), tấn căn (sự tinh tấn), niệm căn (sự ghi nhớ, duy trì ý niệm), định căn (sự chú tâm, tập trung tâm ý) và tuệ căn (trí tuệ).

[4] Nguyên tác dùng "ngũ quá"chỉ 5 điều lỗi, tức là không có 5 lỗi như nói trong kinh văn: không dối trá, không lười nhác, không nóng giận, không thù hận, không nói lời than oán.

[5] Ngũ lực, tức là: tín lực (năng lực của lòng tin), tấn lực (năng lực tinh tấn), niệm

Từ câu thứ hai đến câu thứ năm là [nói về] bậc thứ hai, bước lên các giai vị nội phàm.

✦ Thứ sáu, câu *"Ông trưởng giả nói vậy rồi liền đặt cho tên mới và gọi là con mình"* là ví cho 8 chánh đạo.[1]

✦ Thứ bảy, từ câu *"tuy vui mừng được sự đãi ngộ này"*, gọi là thí dụ "dạy con phải thường trừ phẩn uế", ví cho 7 giác chi.[2]

Hai câu thứ sáu và thứ bảy là [nói về] bậc thứ ba, vào các thánh vị.

✦ Nay bắt đầu giải thích câu thứ nhất, *"nói với những người làm công"*, ví cho việc [đức Phật] thuyết Tạng giáo, chỉ bày giáo pháp 4 niệm xứ, giống như dụng cụ để dọn phân dơ, tức là phá trừ cảnh giới phiền não trói buộc.

Kinh Di giáo nói rằng: "Thường y theo [4 pháp] niệm xứ mà tu tập thì có thể phá trừ được 4 sự điên đảo."[3]

Phần này nhận hiểu [ý nghĩa] trong thí dụ căn nhà đang cháy ở phần trước nói "hợp với ý thích của các con

lực (năng lực ghi nhớ, duy trì ý niệm), định lực (năng lực tập trung, chú tâm) và tuệ lực (năng lực trí tuệ).

[1] Bát chánh đạo, tám khuynh hướng tu tập chân chánh giúp người tu tập tiến gần đến sự giải thoát, bao gồm : 1. Chánh kiến, thấy biết chân chánh đúng thật ; 2. Chánh tư duy, suy xét chân chánh, lợi mình lợi người. 3. Chánh ngữ, nói lời chân chánh, đúng thật, không gây tổn hại cho mình và người khác ; 4. Chánh nghiệp, việc làm chân chánh, không gây tổn hại ; 5. Chánh mệnh, nghề nghiệp chân chánh, không làm những nghề gây tổn hại hoặc si mê tà kiến ; 6. Chánh tinh tấn, nỗ lực chuyên cần chân chánh, đúng hướng ; 7. Chánh niệm, thường duy trì ý niệm, sự nhớ nghĩ chân chánh ; 8. Chánh định, sự định tâm, chú tâm chân chánh.

[2] Thất giác chi, bảy pháp tu tập tỉnh giác, sáng suốt, bao gồm : 1. Trạch pháp giác chi; 2. Tinh tấn giác chi; 3. Hỷ giác chi; 4. Trừ giác chi, cũng gọi là Khinh an giác chi; 5. Xả giác chi; 6. Định giác chi; 7. Niệm giác chi.

[3] Chúng tôi hiện không tìm thấy ý trích dẫn này trong kinh Di giáo. Bốn pháp niệm xứ được đề cập ở đây là thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ và pháp niệm xứ. Bốn điên đảo là bốn nhận thức trái ngược với sự thật, bao gồm các nhận thức : pháp hữu vi là vô thường mà cho là thường , khổ mà cho là vui, vô ngã mà cho là hữu ngã, và bất tịnh mà cho là tịnh. Nhờ tu tập các pháp quán bốn niệm xứ nên trừ bỏ được bốn nhận thức sai lầm này.

nên vui mừng phấn chấn", tức là [biểu trưng] cho trí tuệ có được nhờ nghe pháp.[1]

✦ Câu thứ hai *"hãy siêng năng làm việc, đừng biếng nhác dừng nghỉ"* tức là dạy phải chuyên cần tu tập 4 pháp niệm xứ. Nếu khởi lên sự biếng nhác thì không thể dứt trừ 2 điều xấu ác, không thể khởi sanh 2 điều thiện.[2] Dùng 2 sự chuyên cần [dứt ác, làm thiện] nên có thể làm phát sanh lửa nóng của noãn vị,[3] so sánh với hình ảnh "chen lấn nhau mà chạy nhanh ra khỏi" trong thí dụ căn nhà đang cháy [thì là biểu trưng cho việc] thể nhập trí tuệ tu tập thuộc noãn vị. Việc [ông trưởng giả nhờ] dùng phương tiện nên đến gần được con là ví như người tu tập 4 niệm xứ chưa được ngọn lửa chân lý sưởi ấm trong tâm, giống như người lạ bên ngoài không thể gần gũi [bên trong], đến lúc bắt đầu đạt được phương tiện của noãn vị mới có thể gần gũi.

✦ Câu thứ ba *"Này chàng trai!"* Gọi tiếng "này" là gợi sự chú ý, đánh thức, cũng là tiếng quở trách. Phần trước trong 4 pháp chánh cần đều là pháp động, là pháp của trí tuệ, nên ví như "chàng trai", tức là tánh dương, [khác với] 4 pháp như ý túc[4] là pháp an định, ví như người nữ là tánh âm.

Vì 4 pháp chánh cần thôi thúc [tâm] động không thể tương ưng với [tánh] chân nên [gọi "này" để] thức tỉnh, quở

---

[1] Tức là văn tuệ, một trong ba loại trí tuệ là văn tuệ (trí tuệ có được nhờ nghe pháp), tư tuệ (trí tuệ có được nhờ suy ngẫm) và tu tuệ (trí tuệ có được nhờ thực hành tu tập).

[2] Ở đây đề cập đến tứ chánh cần, tức bốn điều chuyên cần chân chánh : 1. Điều ác đã sanh, nỗ lực dứt trừ ; 2. Điều ác chưa sanh, nỗ lực ngăn chặn ; 3. Điều thiện chưa sanh, nỗ lực khởi sanh ; 4. Điều thiện đã sanh, nỗ lực phát triển. Hai điều xấu ác là nói điều ác đã sanh và chưa sanh ; hai điều thiện là nói điều thiện chưa sanh và đã sanh.

[3] Nguyên tác Văn Cú dùng "煖火 - noãn hỏa", sức nóng ấm của lửa, chỉ giai đoạn hành giả sắp bước vào giai vị đầu tiên của tứ thiện căn nên khởi phát trí vô lậu, giống như ngọn lửa sắp bốc cao thì có sức nóng tỏa ra, do đó giai vị này gọi là noãn vị.

[4] Tức là Tứ như ý túc, bao gồm: 1. Dục như ý túc; 2. Tinh tấn như ý túc; 3. Tâm như ý túc; 4. Trạch pháp như ý túc.

trách, làm cho bỏ sự tán loạn, thể nhập sự an tĩnh. Cho nên nói *"Này chàng trai! Con hãy thường xuyên ở đây làm, đừng bỏ đi nơi khác."* [Tu tập] 4 niệm xứ và 4 chánh cần là các pháp động, không chuyên nhất nên không gọi là thường. Trong [sự tu tập] 4 pháp như ý túc thì sự an định chẳng khác biệt với [ngoại] duyên, tư duy tức là an định, tư duy tức là dứt trừ; an định và dứt trừ là chuyên nhất, cho nên là thường. Không phân vân xáo động, cho nên nói là *"đừng bỏ đi nơi khác"*. Phần này vẫn còn nằm trong ý "chen lấn nhau mà chạy nhanh ra khỏi", tức là [biểu trưng cho] giai vị đảnh pháp.

"Sẽ trả thêm nhiều tiền hơn" là nói tâm ý trong sự quán chiếu [ở giai vị] noãn pháp không thể phát khởi [trí] chân thật, còn tâm ý trong sự quán chiếu của 4 pháp như ý túc thì có thể phát khởi trí vô lậu [chân thật], cho nên nói *"thêm nhiều tiền hơn"*.

"Những gì con cần đến" là nói các pháp thiện hữu lậu hoặc vô lậu,[1] các pháp trợ đạo và chánh đạo, tất cả đều từ pháp quán như ý túc mà cầu, khi cần đến liền có. Thể của tứ thiền hàm chứa [18] công đức[2] [nên ví] như "vật chứa"; sanh không[3] còn thô thiển, ví như "gạo"; pháp không tinh tế, ví như "bột gạo". Những pháp này là chánh đạo. Từ pháp quán tứ đế trở xuống đến 16 pháp quán, [thấy rõ] vô thường ví như "muối", khổ ví như "giấm"... Các pháp này

[1] Pháp thiện vô lậu là chỉ các pháp thiện được khởi sanh bởi các bậc thánh từ địa vị kiến đạo trở lên. Pháp thiện hữu lậu là các pháp thiện của hàng phàm phu, vì hãy còn song song tồn tại với các phiền não.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "支林 - chi lâm", tức thập bát chi lâm (十八支林), chỉ 18 công đức của tứ thiền thuộc Sắc giới, chia thành bốn nhóm, bao gồm: 1. Năm chi thuộc định Sơ thiền thiên: giác chi (tầm chi), quán chi (tứ tâm), hỷ chi, lạc chi và nhất tâm chi (định chi); 2. Bốn chi thuộc định Nhị thiền thiên: nội tịnh chi (nội đẳng tịnh chi), hỷ chi, lạc chi, nhất tâm chi; 3. Năm chi thuộc định Tam thiền thiên: xả chi, niệm chi, tuệ chi, lạc chi, nhất tâm chi; 4. Bốn chi thuộc định Tứ thiền thiên: bất khổ bất lạc chi, xả chi, niệm thanh tịnh chi, nhất tâm chi.

[3] Sanh không (生空), cũng gọi là ngã không (我空) hoặc nhân không (人空), chỉ sự nhận biết về chúng sanh như sự giả hợp của năm uẩn nên không thường tồn, không có chủ thể.

là trợ đạo. Cũng giống như [chỉ riêng] gạo hay bột gạo thì khó ăn được, cần phải có thêm [các gia vị như] muối, giấm; riêng pháp chánh đạo thật khó hiển bày, nên cần các pháp trợ đạo giúp thêm vào.

"Chớ nên tự nghi ngại" là tóm kết lại [ý nghĩa] phần trên nói về chánh đạo và trợ đạo, xét kỹ đều là nằm trong các pháp quán như ý túc, cho nên nói "chớ nghi"; quyết định có thể làm được, như tưởng đến vật của mình, nên nói "chớ ngại".

"Ta cũng có một nô bộc già hèn kém." [Đây là nói ý] nếu muốn dùng ngay thần thông để thay cho [sức lực của] tay chân thì cũng giống như sai khiến kẻ nô bộc. Trong các pháp quán như ý túc cũng có thần thông, nhưng thần thông ấy còn yếu ớt kém cỏi nên so với *"nô bộc già hèn kém"*. Tuy chẳng phải hạng trai trẻ cường tráng nhưng cũng có thể sai khiến. Lại cũng như dùng chánh đạo cầu chân lý nhưng [sự tu tập] chánh đạo còn yếu ớt chưa thể phát khởi [tánh] chân, nên muốn tu tập các pháp trợ đạo như là 9 pháp quán tưởng,[1] 10 pháp quán tưởng,[2]

[1] Chín pháp quán tưởng (九想 - cửu tưởng), tức là quán tưởng các hình thức biến hoại, phân hủy của thân xác con người sau khi chết, bao gồm: 1. Thanh ứ tưởng (quán tưởng thấy xác chết đổi màu dần thành vàng, đỏ rồi xanh đen); 2. Nùng lạn tưởng (quán tưởng thấy xác chết phân hủy, nước chảy ra các hốc mắt, mũi...); 3. Trùng đạm tưởng (quán tưởng thấy xác chết bị giòi bọ côn trùng rúc rỉa...); 4. Bành trướng tưởng (quán tưởng thấy xác chết trương sình lên); 5. Huyết đồ tưởng (quán tưởng thấy máu mủ hôi hám chảy ra từ xác chết); 6. Hoại lạn tưởng (quán tưởng thấy xác chết đến lúc rữa nát); 7. Bại hoại tưởng (quán tưởng thấy xác chết rã tan gân, xương... rời rạc); 8. Thiêu tưởng (quán tưởng thấy xác chết khi thiêu đốt chỉ còn lại tro xương...); 9. Cốt tưởng (quán tưởng thấy xác chết sau các giai đoạn phân hủy tự nhiên rồi cuối cùng chỉ còn lại bộ xương trắng).

[2] Mười pháp quán tưởng (十想 - thập tưởng), bao gồm: 1. Vô thường tưởng (quán thấy lẽ vô thường, biến hoại); 2. Khổ tưởng (quán thấy tất cả pháp hữu vi là khổ); 3. Vô ngã tưởng (quán thấy tất cả các pháp không có tự tính, không có chủ tể, cho nên là vô ngã); 4. Thực bất tịnh tưởng (quán thấy tất cả thức ăn uống đều là bất tịnh); 5. Nhất thiết thế gian bất khả lạc tưởng (quán thấy tất cả pháp thế gian không có gì là vui thú); 6. Tử tưởng (quán xét về hình tướng của cái chết); 7. Bất tịnh tưởng (quán thấy thân người là bất tịnh); 8. Đoạn tưởng (quán tưởng dứt trừ phiền não); 9. Ly dục tưởng (quán tưởng xa lìa sinh tử); 10. Tận tưởng (quán tưởng dứt sạch hoặc nghiệp sinh tử).

8 pháp giải thoát[1] v.v. Các pháp trợ đạo ấy ví như nô bộc để sai khiến. Trong các pháp quán như ý túc cũng có những pháp này. Nếu [tu tập] được các pháp trợ đạo để trợ giúp chánh đạo thì sẽ thành bậc cộng giải thoát.[2]

✦ Câu thứ tư *"hãy tự yên lòng"*, [hàm ý] có được 5 căn lành[3] an ổn nên khó bị hư hoại. *"Ta như cha của con"*, [hàm ý các giai vị như] nhẫn vị, thắng giải hạnh vị[4] tuy đã gần với tánh chân, dù tương tợ nhưng chưa phải thật, cho nên nói là "như cha" nhưng cũng là "như con". *"Chớ nên lo lắng"* là khiến cho tâm ý được an ổn, tức là phá trừ kiến hoặc và tư hoặc.

✦ Câu thứ năm *"Ta nay tuổi cao già yếu mà con thì tuổi trẻ tráng niên"*, hàm nghĩa đức Phật đã hoàn tất con đường đạo, đầy đủ tất cả trí đức và đoạn đức, cho nên nói là *"tuổi cao già yếu"*. [Hàng Thanh văn] chỉ mới khởi đầu

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng bát bối xả (八背捨), tức bát giải thoát (八解脫), chỉ tám pháp giải thoát bao gồm: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Ở trong sắc giới, quán nội sắc và ngoại sắc, nhằm trừ bỏ tâm ham thích sắc thể; 2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Không quán nội sắc, quán ngoại sắc, nhận ngoại sắc là ô nhiễm; 3. Tịnh thân tác chứng cụ túc tác giải thoát: Quán tưởng về thanh tịnh nhưng không chấp giữ; 4. Không vô biên xứ giải thoát: Vượt qua sắc thể, quán tưởng rằng hư không là vô biên; 5. Thức vô biên xứ giải thoát: Đạt đến ý niệm thức là vô biên; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát: Đạt địa vị trong tâm không còn có vật gì; 7. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát: Đạt đến mức định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 8. Diệt tận định giải thoát: Đạt mức định Diệt thọ tưởng xứ.

[2] Cộng giải thoát (共解脫), bậc thành tựu giải thoát nhờ vượt qua mọi chướng ngại của thiền định. Luận Thập trụ Tỳ-bà sa (十住毘婆沙論), quyển 11 nói : Giải thoát có ba hạng. Thứ nhất là giải thoát mọi chướng ngại của phiền não. Thứ hai là giải thoát mọi chướng ngại của thiền định. Thứ ba là giải thoát hết thảy mọi thứ chướng ngại. Vị A-la-hán vượt qua mọi chướng ngại của phiền não gọi là tuệ giải thoát (慧解脫). Bậc A-la-hán và Bích-chi Phật vượt qua mọi chướng ngại của thiền định gọi là cộng giải thoát (共解脫). Chỉ có chư Phật là thành tựu đủ ba loại giải thoát, nên gọi là vô ngại giải thoát (無礙解脫). Xem Đại Chánh tạng Tập 26, số 1521, trang 83, tờ a, dòng 24 đến tờ b, dòng 3.

[3] Nguyên tác dùng ngũ căn (五根), chỉ tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

[4] Nguyên tác Văn Cú dùng "忍解 - nhẫn giải", theo nghĩa ở đây thì "nhẫn" là chỉ nhẫn vị hay nhẫn pháp vị, tức giai vị chuẩn bị tiến lên thế đệ nhất pháp vị là giai vị cao nhất trong tứ thiện căn vị; và "giải" là chỉ thắng giải hạnh vị, tức chỉ chung các giai vị thuộc thập tín, thập trụ, thập hạnh và thập hồi hướng, chuẩn bị tiến lên Thập địa, chỉ còn hai bậc Đẳng giác và Diệu giác nữa là thành tựu quả Phật.

con đường đạo, chưa có trí đức và đoạn đức, cho nên nói là *"tuổi trẻ tráng niên"*. Đây là nói về nhẫn pháp vị. Không có 5 điều lỗi, [nghĩa là không dối trá, không lười nhác, không nóng giận, không thù hận, không nói lời than oán. Điều này hàm ý] đạt được 5 lực, lìa 5 pháp xấu ác. Có được năng lực của niềm tin (tín lực) nên không dối trá; có được năng lực của sự tinh tấn (tấn lực) nên không lười nhác; có được năng lực của sự nhiếp phục ý niệm (niệm lực) nên không nóng giận; có được năng lực của sự an định (định lực) nên không thù hận, có được năng lực của trí tuệ (tuệ lực) nên không nói lời than oán.

"Những người làm thuê khác", hàm nghĩa xa là chỉ cho hạng ngoại đạo, [bám giữ] các tà kiến mà tìm cầu chân lý nên gọi là *"người làm thuê khác"*; hàm nghĩa gần là chỉ cho 4 giai vị như noãn vị, [đảnh vị, nhẫn vị, thế đệ nhất vị] chưa trừ bỏ được 5 điều lỗi [như trên], nên cũng gọi là *"người làm thuê khác"*. Kinh văn chỗ này nói không có 5 lỗi, tức là nói [đã đạt được] 5 lực.

"Từ nay về sau ta xem con như con ta sinh ra." [Đây là nói việc người tu tập thành tựu nhẫn vị có 3 phẩm.] Hạ phẩm nhẫn [còn quán sát 16 hành tướng] trong 16 sát-na, thời gian như vậy là dài. Trung phẩm nhẫn tuy sự quán xét còn rất ít, [chỉ còn 1 hành tướng trong cõi Dục], nhưng vẫn chưa đến mức còn 1 sát-na. Nếu đạt đến thượng phẩm nhẫn thì tâm thế gian chỉ còn duy nhất 1 sát-na sau cùng.[1] Vì đã gần đạt được tánh chân, kế cận thánh vị, cho nên giai vị này được [chư Phật] ví như "con ta sinh ra", tức là thế đệ nhất pháp vị.

✦ Câu thứ sáu *"Ông trưởng giả liền đặt cho tên mới và gọi là con mình."* [Đây là hàm ý hàng Thanh văn] đạt được 8 chánh đạo, nhập vào giai vị kiến đạo, [ví như những đứa con ông trưởng giả] "chen lấn nhau mà chạy nhanh" [trong

[1] Ở đây trình bày về ba phẩm của nhẫn vị.

phẩm Thí dụ ở phần trước], cho nên nói "gọi là con mình". [Từ giai vị] thế đệ nhất pháp đạt đến tánh chân không còn lâu, cho nên nói là "liền". Trong kinh A-hàm nói đến 5 hạng con Phật. Những vị chứng đắc tứ quả [A-la-hán] và Bích-chi Phật được gọi là con chân thật của Phật. Hàng Bồ Tát nếu chưa dứt hết phiền não kết sử thì chưa gọi là con Phật.

✦ Câu thứ bảy *"Đứa con cùng khốn ấy tuy vui mừng được sự đãi ngộ này"* trở đi là thí dụ "thường giao cho công việc của người làm thuê". Thí dụ này có nghĩa là, tuy đã [được xem] là con nhưng vẫn chưa dứt hết những suy nghĩ cũ, còn ở giai vị hữu học, chưa dứt hết được mọi khổ nạn, cho nên nói *"phải qua 20 năm thường được sai làm việc hốt phân"*. Lại nữa, [hàng Thanh văn] cũng tự biết mình chưa thể đảm nhận được việc tiếp nối Đại thừa, chỉ là y theo lời dạy của Phật để tu hành dứt hết khổ não mà thôi. Cho nên nói rằng *"vẫn tự cho mình là người hèn hạ từ bên ngoài đến làm thuê"*. Nếu như [có người] chứng được sơ quả, [khởi tâm] chán bỏ Tiểu thừa, ưa thích Đại thừa, cơ duyên Đại thừa khởi phát, liền sẽ được trao cho Đại thừa. Lại nữa, chẳng phải đợi đến khi tiến lên dứt hết tàn dư phiền não kết sử, mà ngay khi còn chưa bỏ được chí hướng Tiểu thừa, cơ duyên Đại thừa chưa phát khởi, [đức Phật] cũng đã tạm khiến cho [hàng Thanh văn] y theo giáo pháp [tu hành] để trừ hết lậu hoặc. Cho nên nói rằng *"qua 20 năm thường được sai làm việc hốt phân"*.

"Hai mươi năm" là nói giai vị kiến đế[1] [phá trừ kiến hoặc phải vận dụng] 1 [trí] giải thoát và 1 [trí] vô ngại,[2] [phá trừ]

[1] Kiến đế (見諦) là tên khác của giai vị kiến đạo (見道), cũng gọi là kiến đế đạo (見諦道), chỉ giai đoạn người tu tập dùng trí vô lậu quán xét bốn thánh đế nên thấu triệt được chân lý.

[2] Trí vô gián đạo đoạn kiến hoặc và Trí giải thoát đạo chứng đoạn chân lí Tứ đế.

tư hoặc [phải vận dụng] 9 vô ngại và 9 giải thoát,[1] [cộng là 20 pháp mới trừ dứt kiến hoặc và tư hoặc],[2] cho nên nói *"20 năm"*. Lại cũng nói rằng, trong 2 đường thấy biết và tư duy suy xét mà dứt trừ phiền não kết sử nên gọi là *"20 năm"*. Lại cũng nói rằng, [2 phần phiền não gồm] ngũ hạ phần kết và ngũ thượng phần kết[3] gọi là *"20 năm"*. Lại cũng nói rằng, ở trong giáo pháp Nhị thừa mà dứt trừ tư hoặc, gọi là *"20 năm"*. Lại cũng nói rằng, nương theo hai người được [ông trưởng giả] sai khiến đến, cùng dứt trừ những phiền não kết sử còn lại, cho nên nói là *"20 năm"*. Từ lúc có cơ duyên Nhị thừa đến khi chiêu cảm được gặp Phật, cho nên nói từ khi gặp con đến nay đã 20 năm. Nếu như trụ ở giai vị của Nhị thừa để thuyết giảng giáo pháp Đại thừa, thì đây gọi là trong 20 năm đảm nhận việc nhà. Cùng một cách nói là "20" nhưng mỗi cách [giải thích như trên] có nguyên do khác nhau. Chỉ riêng câu này [hàm nghĩa] "tranh nhau ra khỏi căn nhà đang cháy" [như trong phẩm Thí dụ].

KINH VĂN

Qua thời gian đó rồi, trong lòng mới tin cậy lẫn nhau, [người con] tự do ra vào [ngôi nhà ấy] không còn ngăn ngại, nhưng nơi ngủ nghỉ thì vẫn không rời chỗ cũ.

Bạch đức Thế Tôn! Khi ấy ông trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết, liền nói với người con khốn cùng kia: "Cha

[1] Chín vô ngại (cửu vô ngại), cũng gọi là cửu vô gián. Vô gián đạo là giai vị đang đoạn trừ phiền não, còn giải thoát đạo là giai vị giải thoát sau khi đã đoạn trừ phiền não. Tư hoặc ở mỗi địa có chín phẩm, cho nên pháp đối trị cũng có chín, gọi là Cửu vô gián đạo và Cửu giải thoát đạo.

[2] Văn Cú trong đoạn này trình bày rất tối nghĩa, chỉ nói "見諦 - kiến đế" và "思惟 - tư duy". Tham khảo Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết (止觀輔行傳弘決), quyển 8, diễn đạt ý này rõ ràng hơn: "破見惑用一無礙一解脫。破思惟惑用九無礙九解脫。合為二十。 - Phá kiến hoặc dụng nhất vô ngại, nhất giải thoát; phá tư duy hoặc dụng cửu vô ngại, cửu giải thoát; hợp vi nhị thập." Xem Đại Chánh tạng, Tập 46, số 1912, trang 390, tờ a, dòng 27-29.

[3] Ngũ hạ phần kết là những phiền não trong Dục giới, bao gồm: tham dục, sân khuể, hữu thân kiến, giới cấm thủ kiến và si mê. Ngũ thượng phần kết là những phiền não thuộc Sắc giới và Vô sắc giới, bao gồm hai phiền não ở Sắc giới là tham dục và ái luyến, ba phiền não ở cả hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới là tâm xao động, kiêu mạn và vô minh.

nay có rất nhiều vàng bạc châu báu, kho chứa tràn đầy, trong đó có những chỗ nhiều hay ít, cần giữ lại hay cho ra, con nên rõ biết tất cả. Lòng cha muốn vậy, con nên làm theo ý cha. Vì sao vậy? Nay cha với con đã là người một nhà, không khác biệt nhau, con phải chú tâm nhiều hơn, chớ để thất thoát [tài sản].”

Bấy giờ, đứa con cùng khổ liền vâng theo lời dạy, nhận lãnh và tìm hiểu rõ biết tất cả tài sản, vàng bạc, châu báu cùng các kho chứa [của ông trưởng giả], nhưng tuyệt nhiên không hề có ý lấy [làm của mình] dù chỉ đáng một bữa ăn, cho đến nơi ngủ nghỉ vẫn không rời chỗ cũ, tâm ý [tự cho mình là] thấp hèn vẫn chưa thể từ bỏ.

Lại trải qua một thời gian ngắn nữa, người cha biết ý con nay đã dần trở nên thông suốt rộng mở, thành tựu được chí khí lớn lao, biết tự chê bỏ tâm ý [tự ti] ngày trước.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *“Qua thời gian đó rồi…”* trở đi là thí dụ “nhận lãnh sự giao phó gia nghiệp”. Thí dụ này [theo hàm nghĩa] gần thì nhận hiểu việc “ban cho [các con] cùng một loại xe lớn” trong thí dụ căn nhà đang cháy, theo hàm nghĩa xa thì nhận hiểu ý nghĩa “vô thượng đạo” trong phần thuyết chánh pháp [ở trước]. Đoạn này chia thành 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn đầu tiên là nghĩa “nhận lãnh” và sau đó tiểu đoạn thứ hai là nghĩa “giao phó”. Mỗi tiểu đoạn đều có 2 phân đoạn, cùng nhận lãnh 4 ý của phần “ban cho [các con] cùng một loại xe” trong thí dụ căn nhà đang cháy, cũng là 4 ý hiển bày pháp thật trong phẩm Phương tiện.

❖ Tiểu đoạn đầu tiên có hai phân đoạn. ▪ Phân đoạn thứ nhất [nói nghĩa] trong lòng [hai cha con bắt đầu] có sự tin cậy lẫn nhau, tức là nhận hiểu nghĩa “[các con được khỏi nạn” [trong phẩm Thí dụ] ở phần trước. ▪ Phân đoạn thứ hai [nói nghĩa] ủy thác việc nhà, [khiến cho] dần dần rõ biết thông suốt, tức là thành tựu chí nguyện Đại thừa. Đây là nhận hiểu nghĩa “các con xin ban cho xe” [trong phẩm Thí dụ] ở phần trước.

❖ Tiểu đoạn thứ hai có 2 phân đoạn. ▪ Phân đoạn thứ nhất nói nghĩa "giao phó gia nghiệp", tức nhận hiểu nghĩa "ban cho cùng một loại xe lớn". ▪ Phân đoạn thứ hai nói nghĩa "được giao phó nên vui mừng", là nhận hiểu nghĩa "các con được xe vui mừng" [trong phẩm Thí dụ].

Do tâm ý có sự tin cậy lẫn nhau nên [người con] được ủy thác cho mọi việc nhà. Việc nhà đã được am tường thông suốt tất nhiên rõ biết tất cả, [đó là] thành tựu chí nguyện Đại thừa. Do ý chí đã thông suốt rộng mở nên được giao phó gia nghiệp. Được giao phó gia nghiệp cho nên vui mừng.

[Cho nên nói về] nguyên do thì có gần, có xa. Nếu trước đó không sai bảo công việc làm thuê trả tiền công mỗi ngày thì làm sao có lúc được tin cậy lẫn nhau, để rồi được ủy thác việc nhà, giao phó gia tài. Xét trong giáo pháp thì hợp với nghĩa nhờ nơi Tạng giáo mà đoạn trừ phiền não kết sử, đủ sức nghe giáo pháp Đại thừa cùng nhận chịu sự chê trách [như trong kinh] Tịnh Danh,[1] mới chuyển sang được chỉ dạy giáo pháp Bát-nhã, dẫn đến việc được giao phó gia tài [Chánh pháp]. Vậy nên biết rằng, giao việc làm thuê trả tiền công mỗi ngày tức là nguyên do xa. Đạt sự tin cậy, được ủy thác việc nhà tức là nguyên do gần.

Lại nữa, trong [phần giải thích về] thí dụ dẫn dụ ở trước, khi nhận hiểu y theo giáo nghĩa [có đề cập đến] khởi đầu từ [ý nghĩa Phật thành đạo] dưới cây Bồ-đề cho đến sau cùng [là nghĩa "các con tranh nhau] ra khỏi căn nhà [đang cháy]"; lại cũng có sự nhận hiểu qua phân tích suy xét [đề cập đến], khởi đầu từ nghĩa pháp thân cho đến sau cùng là nghĩa dứt trừ hết tư hoặc. Nay phần nhận hiểu này cũng có hai [cách nhận hiểu như vậy].

Trước tiên là nhận hiểu qua phân tích suy xét [ý nghĩa] từ bi, [biểu trưng cho] 4 vị [sữa tươi, sữa đặc, váng sữa

[1] Tức là tên khác của kinh Duy-ma-cật.

sống, váng sữa chín] cùng điều hòa thuần thục, đến sau cùng là nhận lãnh sự giao phó gia tài, [biểu trưng cho] một vị [đề hồ] rốt ráo. [Như vậy,] hợp nghĩa từ xa đến gần, từ trước về sau để luận bàn là đủ 5 vị.[1]

Vì sao vậy? [Trong tiểu đoạn thứ nhất của đoạn thứ ba ở trên nói] *"liền sai một người hầu cận"*. Lời người hầu cận nói ra là ví cho giáo pháp Hoa nghiêm thẳng tắt viên mãn. Đây là phần giáo pháp [được đức Phật] thuyết dạy trước tiên. *"Người hầu cận"* ví cho loài bò, lời người ấy nói ra ví cho sữa bò. Xét trong giáo pháp thì phù hợp với nghĩa từ nơi đức Phật [nói ra] mà có 12 bộ kinh, tức là vị ban đầu [của sữa tươi]. [Đức Phật] vận dụng giáo pháp này, dự định là thích hợp với hàng Nhị thừa, nhưng vì không có cơ duyên nên họ không thể thọ nhận, [cho nên nói] *"ngã lăn ra đất bất tỉnh"*. [Giáo pháp] khi ấy còn giữ nguyên phẩm tính ban đầu như vị của sữa tươi.

Tiếp theo giải thích nghĩa *"bí mật sai khiến hai người"* trong tiểu đoạn thứ hai cùng đoạn] nói đến việc "[thuê] hốt phân". Đây là ví cho việc [đức Phật] sau khi tạm dừng việc giáo hóa bằng Đại thừa thì đến Lộc uyển thuyết dạy ba thừa. Người tin nhận giáo pháp Tiểu thừa liền được chuyển phàm thành thánh, giống như sữa tươi được chuyển thành sữa đặc. Xét trong giáo pháp thì phù hợp với việc từ nơi 12 bộ kinh mà phát xuất khế kinh,[2] tức là vị thứ hai, [ví cho thời thuyết pháp A-hàm].

Tiếp đến giải thích câu *"trong lòng mới tin cậy lẫn*

[1] Năm vị, nghĩa là dùng năm vị của sữa bò để biểu trưng cho năm thời thuyết pháp của đức Phật, bao gồm: bốn vị đầu tiên là sữa tươi (nhũ), biểu trưng cho thời thuyết pháp Hoa nghiêm, sữa đặc (lạc), biểu trưng cho thời A-hàm, váng sữa sống (sanh tô), biểu trưng cho thời Phương đẳng, váng sữa chín (thục tô), biểu trưng cho thời Bát-nhã; vị rốt ráo cuối cùng là đề hồ, biểu trưng cho thời thuyết pháp Pháp hoa và kinh Niết-bàn, tức là Phật thừa rốt ráo.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng tu-đa-la (修多羅), tức phiên âm chữ sūtra, dịch nghĩa là khế kinh (契經), tức kinh điển khế hợp với chân lý Phật dạy và cũng thích hợp với căn cơ, trình độ của chúng sanh.

nhau, tự do ra vào không còn ngăn ngại". Đây là ví cho sau thời A-hàm thuyết Tạng giáo, [đức Phật] thuyết giảng thời Phương đẳng, [trong đó] kinh Tịnh Danh tán dương Đại thừa, chê trách Tiểu thừa, hàng Nhị thừa nghe giáo pháp Đại thừa mà không hủy báng, nghe chê trách Tiểu thừa mà không thối tâm. Đó là nhờ [hàng Nhị thừa] đã vận dụng Tạng giáo dứt trừ được phiền não kết sử, [ví như đứa con] được nhận tiền công mỗi ngày, nên được an nhiên trước sự khen chê. Nếu như chưa dứt trừ được phiền não kết sử thì không thể chịu được khi nghe tán dương Đại thừa, cũng như phần trước nói "không thể nhận lãnh pháp khuyến tấn"; cũng không thể chịu được khi nghe chê trách Tiểu thừa, cũng như phần trước nói "không thể nhận lãnh pháp răn dạy". Nhưng nay [hàng Thanh văn nghe tán dương Đại thừa] mà không hủy báng, [nghe chê trách Tiểu thừa] mà không thối tâm, chính là *"trong lòng đã tin cậy"* nên mới được như vậy. Tự thân đã chứng đạt giáo pháp Tiểu thừa ắt sẽ tin cậy giáo pháp Đại thừa là không hư dối. Đã được "trả tiền công" là Niết-bàn [của Tiểu thừa] nên dù tự thân bị chê trách nhưng không khởi sân hận, tuy [nghe giáo pháp Đại thừa] không phải việc của mình [có thể hiểu được] nhưng không nghi ngờ hủy báng. Tâm ý như vậy đã thuần thục, giống như từ sữa đặc chuyển thành bơ [sống]. Xét trong giáo pháp thì phù hợp với việc từ nơi khế kinh mà phát xuất các kinh Phương đẳng, tức là vị thứ ba, [ví cho thời thuyết pháp Phương đẳng].

Tiếp theo giải thích ý nghĩa từ câu *"ông trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết"* trở đi. Đây là ví cho việc từ sau thời Phương đẳng, *"trong lòng đã tin cậy lẫn nhau, ra vào không còn ngăn ngại"*, nên được *"giao phó cho mọi công việc nhà"*, [tức là được Phật] giao cho nhận lãnh giáo pháp, vì các vị Đại Bồ Tát mà thuyết giảng giáo pháp Đại Bát-nhã. Đã được [người cha] giao cho *"nhận lãnh rõ*

biết tất cả tài vật trong nhà", tức là [hàng Thanh văn nay đã] nhận hiểu thông suốt các pháp môn [Đại thừa], tâm ý sáng suốt, tài giảng thuyết càng khiến [người nghe] thêm ngưỡng mộ ưa chuộng, chỉ tự hận mình đã trụ nơi Tiểu thừa [nên quả vị Đại thừa] chẳng có phần mình, nay được sự thay đổi khai mở chấp thuận ban cho [quả vị Đại thừa], có lẽ nào lại không vui sao! Do vậy nên tâm ý dần dần thông suốt mở rộng, thành tựu chí nguyện Đại thừa, giống như từ váng sữa sống làm thành váng sữa chín, nghĩa là từ thời Phương đẳng mà phát xuất các kinh Đại Bát-nhã, tức là vị thứ tư, [ví cho thời thuyết pháp Bát-nhã].

Kế đến nói *"lúc sắp lâm chung liền gọi người con ấy đến..."* Đây là ví cho việc từ sau thời Bát-nhã, đã nói rõ về tự tánh sẵn có,[1] [tức là] "xác định quan hệ cha con", quy cả ba thừa về một [Phật thừa]; "giao phó gia tài", tức là thụ ký [cho sẽ thành Phật], thuyết giảng giáo pháp Pháp hoa, khai mở tri kiến Phật, chỉ bày tướng chân thật, [khiến cho] hàng Bồ Tát dứt hết nghi ngờ, hàng Thanh văn [được thụ ký sẽ] làm Phật, [do vậy] tất nhiên sẽ theo đúng như sự diệt độ của Như Lai mà tự mình diệt độ, giống như từ váng sữa chín chuyển thành đề hồ, từ nơi thời thuyết pháp Đại Bát-nhã phát xuất Đại Niết-bàn, tức là vị thứ năm, [ví cho thời thuyết pháp Pháp hoa và Niết-bàn].

Phần phân tích để nhận hiểu về việc 4 vị đại đệ tử hiểu sâu xa ý Phật, trong ý nghĩa một lần giáo hóa [của đức Phật phải phương tiện thiết lập 5 thời thuyết pháp] ví như 5 vị [của sữa], trước sau đã lần lượt theo [ý nghĩa] kinh văn nêu ra như trên.

❖ [Nay phân tích tiểu đoạn thứ nhất,] phần kinh văn

[1] Văn Cú dùng "thiên tánh", nghĩa đen là "tánh trời sinh", nhưng thật ra trong văn cảnh này là chỉ đến tự tánh có khả năng thành Phật của hàng Thanh văn cũng như tất cả chúng sanh. Ngày nay thường gọi là tánh Phật, chân tánh, tánh Như Lai... Cách nói " thiên tánh" có thể là do ảnh hưởng từ Nho giáo và Lão giáo.

nói về "nhận lãnh việc nhà" lại chia làm hai phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nói việc [cha con bắt đầu] "tin cậy lẫn nhau". Phân đoạn thứ hai nói việc [người cha] "sai con nhận lãnh mọi công việc trong nhà".

▪ Phân đoạn thứ nhất nói việc "tin cậy lẫn nhau" lại có hai ý. Ý thứ nhất nêu nêu rõ sự tin cậy lẫn nhau, ý thứ hai nêu việc [người con] vẫn tiếp tục ở nơi chỗ cũ.

◆ Nay giải thích ý thứ nhất. Nói "lẫn nhau" tức là có sự hỗ tương tin cậy qua lại. Đây là nói việc [hàng Thanh văn tu tập] trong giáo pháp Tiểu thừa[1] được "trả tiền công" là Niết-bàn [của Tiểu thừa], điều đó vốn đã không phải là hư vọng, nay [được đức Phật giao cho việc] vì các vị Bồ Tát thuyết pháp Đại thừa, lại cũng không phải là hư vọng. Đây là ý nghĩa "con tin cậy cha". Đức Phật rõ biết [chúng Thanh văn] này đã dứt trừ kiến hoặc và tư hoặc, nghe [giáo pháp Đại thừa] ắt không phỉ báng; không còn lậu hoặc nên căn tánh sáng suốt nhanh nhạy, khi nghe [giáo pháp Đại thừa] ắt sanh khởi lòng tin. Đây là ý nghĩa "cha tin cậy con". Do [niềm tin] này nên [hàng Thanh văn] mới thấy được thân tôn quý kỳ đặc[2] [của Phật]; nghe được giáo pháp Đại thừa, đó gọi là "vào". [Hàng Thanh văn] lại bị chê bai quở trách vì vẫn còn nhìn thấy thân một trượng sáu thước[3] [của Phật], vẫn còn thuyết pháp Tiểu thừa, đó gọi là "ra". [Đối với cả] Đại thừa và Tiểu thừa đều "ra vào" như vậy, không còn ngăn ngại.

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng chữ "三藏 - tam tạng" để chỉ toàn bộ giáo pháp Tiểu thừa, được kết tập lần đầu tiên, bao gồm đủ kinh tạng, luật tạng và luận tạng nên gọi là "tam tạng giáo - 三藏教", đôi khi cũng gọi tắt là "藏教 - tạng giáo". Đây là cách phân loại theo tông Thiên Thai, bao gồm: Tạng giáo (藏教), Thông giáo (通教), Biệt giáo (別教) và Viên giáo (圓教).

[2] Nguyên tác dùng "尊特身 - tôn đặc thân", tức chỉ thắng ứng hóa thân, là thân ứng hiện của Phật, chỉ hàng Bồ Tát từ Sơ địa trở lên mới có khả năng nhìn thấy, khác với liệt ứng hóa thân là thân ứng hiện mà phàm phu có thể nhìn thấy và chiêm bái.

[3] Tức là liệt ứng hóa thân, thân Phật thị hiện tương đồng với phàm phu nên chỉ cao một trượng sáu thước.

◆ Ý thứ hai nói *"nhưng về nơi ngủ nghỉ thì vẫn không rời chỗ cũ"*. Đây là nói [hàng Thanh văn] tuy đã được *"tự do ra vào không ngăn ngại"*, được nghe giáo pháp Đại thừa, nhưng luôn cho rằng [Đại thừa] là việc của Bồ Tát, chẳng có phần trí tuệ của mình, cho nên không chịu xoay chuyển Tiểu thừa hướng về Đại thừa, vẫn còn ở bậc A-la-hán, không nói rằng tương lai sẽ được làm Phật. Đây là nhận hiểu giáo pháp trong các kinh Đại tập, Tịnh Danh..., là phần giáo pháp ví như vị váng sữa sống (sanh tô).

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Bạch đức Thế Tôn! Khi ấy ông trưởng giả có bệnh..."* trở đi, nói nghĩa "ủy thác mọi việc trong nhà". Đây là nhận hiểu ý nghĩa trong Đại phẩm [Bát-nhã], đức Phật sai khiến [hàng Thanh văn] thuyết giảng giáo pháp Bát-nhã, tức là phần giáo pháp được ví như vị váng sữa chín (thục tô).

Phân đoạn này lại có 2 ý. Ý thứ nhất là [ông trưởng giả] sai khiến [người con] phải rõ biết mọi việc trong nhà, ý thứ hai là [người con] nhận lời sai khiến nên rõ biết mọi việc trong nhà. Hai ý này, mỗi ý đều có 4 tiểu ý.

◆ Ý thứ nhất có 4 tiểu ý. Thứ nhất là nêu lên thời điểm; thứ hai là [ông trưởng giả] chính thức sai khiến [người con] tìm hiểu mọi việc trong nhà; thứ ba là khuyên con nên làm theo ý muốn của mình; thứ tư là dặn dò đừng để cho thất thoát [tài sản].

✦ Tiểu ý thứ nhất nói *"không bao lâu sẽ chết"*, [đây là hàm ý] khi có cơ duyên thì [đức Phật] ứng hiện, gọi là sanh ra; khi cơ duyên đã hết thì rời đi, gọi là chết. Nay cơ duyên giáo hóa đã sắp dứt, nên không bao lâu nữa [đức Phật] sẽ rời đi.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Nói với người con khốn cùng kia: Cha nay có rất nhiều..."* trở đi, là sai khiến [người con] phải tìm hiểu rõ biết mọi việc trong nhà. "Vàng" là ví cho chân lý

của Biệt giáo, "bạc" là ví cho chân lý của Thông giáo. Chân đế được giảng giải trong Đại phẩm [Bát-nhã] cũng không ngoài hai chân lý này nhưng lại nói là "có rất nhiều". Chân lý vốn không phải nhiều, nhưng xét về pháp môn thì có đủ các loại khác nhau, cho nên cũng có thể nói là nhiều. Ví như lẽ không chẳng hề có sự phân chia thành 18 loại, nhưng xét theo việc phá trừ 18 pháp [sai lầm] nên gọi là 18 pháp không. Trong phẩm Khuyến học [của Đại phẩm Bát-nhã] nêu rõ, tất cả các pháp môn đều là châu báu. Pháp định là "kho", tức là 108 pháp tam-muội; pháp tuệ là "chứa", tức là cảnh giới của 18 pháp không. Hai loại "kho chứa" định và tuệ của Thông giáo và Biệt giáo bao hàm tất cả thiền định và trí tuệ, không hề khuyết thiếu. Bên trong đầy đủ, bên ngoài tràn trề, cho nên nói là "tràn đầy".

"Trong đó có những chỗ nhiều hay ít", đây là nói việc thuyết giảng giáo pháp Bát-nhã có 2 cách, hoặc giảng rộng hoặc nói tóm lược. Bồ Tát thực hành pháp Bát-nhã nên rõ biết cả 2 hình thức tóm lược và giảng rộng. Nói tóm lược tức là "ít", giảng rộng tức là "nhiều". Tự mình hành trì là "giữ lại", giáo hóa người khác là "cho ra". Trong Đại phẩm Bát-nhã, [Phật dạy hàng Thanh văn], "các ông nên vì Bồ Tát mà thuyết giảng", cho nên [ở đây] nói *"con nên rõ biết tất cả"*.

✦ Tiểu ý thứ ba từ câu *"lòng ta muốn vậy"* trở đi, [ông trưởng giả] khuyên con nên làm theo ý muốn của mình. Chư Phật lấy Bát-nhã làm tâm ý, [hàm ý là] các ông ngày nay nối truyền ngọn đèn [chánh pháp] nên thuyết giảng theo đúng ý Phật. Lại nữa, chỗ nhận hiểu của hàng Nhị thừa vốn do phân tích chia chẻ đạt đến pháp không, nay dạy rằng *"nên làm theo ý cha"* tức là nên thay đổi cách vận dụng giáo pháp để thể nghiệm đồng một pháp không giống như chư Phật. [Hàng Thanh văn] trước đây được Phật sai khiến nối tiếp ngọn đèn chánh pháp truyền cho người khác,

nay mới biết rằng Phật muốn cho chính mình tự nhận biết tánh thể, nên nói rằng *"con nên làm theo ý cha"*.

"Nay cha với con đã là người một nhà, không khác biệt nhau." Câu này có 3 ý để giải thích. Thứ nhất là vâng lời Phật dạy mà nói ra nên cùng Phật chẳng khác. Thứ hai là xét theo lý rốt ráo thì các pháp đều như như, nên không có khác biệt. Tu-bồ-đề[1] là "như", Như Lai là "như", chỉ là một như chẳng có hai như, cho nên nói *"không khác biệt nhau"*. Thứ ba là cho đến nay mới biết rằng cả cha và con từ xưa đến nay chân tánh vốn không khác biệt, nhưng hàng Nhị thừa tự cho rằng có thêm vào nên là khác biệt.

✦ Tiểu ý thứ tư từ câu *"con phải chú tâm nhiều hơn"* trở đi là dặn dò đừng để cho thất thoát. [Có hai ý để giải thích. Thứ nhất, hàm ý là] "các ông vì Bồ Tát thuyết pháp Bát-nhã đừng để cho có sự thiếu sót". Thứ hai, xét cho cùng lý thì giáo pháp này chính là pháp của các ông sau này sẽ dùng đến, nên đừng để cho thiếu sót.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Bấy giờ, đứa con cùng khổ liền vâng theo lời dạy..."* trở đi, nói việc [người con] nhận lời sai khiến, cũng có 4 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất là việc [người con] vâng lời sai khiến [của cha nên tìm hiểu] rõ biết [tất cả mọi việc trong nhà].

✦ Tiểu ý thứ hai nói việc [người con] hoàn toàn không có ý giữ lấy gì [cho mình]. [Đây là hàm ý như] ngài Tu-bồ-đề tuy [vâng lời Phật] thuyết giảng giáo pháp Bát-nhã nhưng tự cho rằng [đối với giáo pháp ấy] mình không có phần.

✦ Tiểu ý thứ ba là câu *"vẫn không rời chỗ cũ, tâm ý thấp hèn chưa thể từ bỏ"*. [Đây là hàm ý nói hàng Thanh

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "善吉 - Thiện Cát", là tên gọi khác của ngài Tu-bồ-đề. Vì mở đầu đoạn này đã dùng tên gọi Tuệ Mệnh Tu-bồ-đề nên chúng tôi dùng lại tên này để độc giả tiện theo dõi.

văn] trụ ở giai vị A-la-hán, tuy ngưỡng mộ Đại thừa nhưng cũng chưa nói chắc chắn là muốn làm Bồ Tát.

"Tâm ý thấp hèn vẫn chưa thể từ bỏ" là nói tuy khởi tâm hổ thẹn vì [tu tập] Tiểu thừa nhưng cũng chưa chắc chắn buông xả chỗ chứng đạt theo Tiểu thừa.

✦ Tiểu ý thứ tư, từ câu *"Lại trải qua một thời gian ngắn nữa, người cha biết ý con..."* trở đi, tức là nhận hiểu thí dụ "các con xin ban cho xe" [trong phẩm thí dụ] ở phần trước. [Đây là nói] hàng Thanh văn đã từ bỏ được tâm [thấp hèn] trước kia, cơ duyên Đại thừa khởi phát nên muốn cầu đạo Đại thừa.

Hỏi: [Trong kinh nói] *"một thời gian ngắn"*, đó là thời gian nào?

Đáp: Có người nói rằng, sau khi Phật thuyết xong thời Bát-nhã, [hàng Thanh văn] đi đến nơi khác tiếp tục quán chiếu,[1] truy tìm suy xét giáo pháp Đại thừa vừa được nhận hiểu rồi liền tham muốn ưa thích, [khởi tâm nghi ngại] không biết [tánh Phật của mình] đã mất hay không mất,[2] truy tìm suy xét như vậy tức là lúc cơ duyên Đại thừa khởi phát. Từ lúc này đến lúc Phật thuyết thời Pháp hoa không xa, cho nên nói là *"một thời gian ngắn"*.

[Lại có thuyết khác cho rằng] đang khi Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa thì cơ duyên Đại thừa [của hàng Thanh văn] khởi phát, [cho nên là *"một thời gian ngắn"*]. Do đâu mà biết được như vậy? Vì trong kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng bảy hạng phương tiện,[3] vô lượng các pháp tiệm hoặc

[1] Đây là nhắc lại ý nói của ngài Xá-lợi-phất ở kinh văn phần trước: "Chúng con thường một mình ở dưới gốc cây trong chốn núi rừng, mỗi khi tĩnh tọa hoặc đi kinh hành đều tự nghĩ..."

[2] Đây là nhắc lại ý kinh trong đoạn kệ tụng ở phần trước, ngài Xá-lợi-phất bạch Phật: "Nên suốt ngày lẫn đêm, con thường xét việc này. Muốn thưa hỏi Thế Tôn,tánh Phật còn hay mất?"

[3] Hàm ý chỉ các giáo pháp phương tiện từ thấp đến cao, theo giáo lý của tông Thiên

đốn đều từ một pháp sanh. [Hàng Thanh văn] sau khi nghe thuyết dạy như vậy liền suy ngẫm, trước đây [Phật thuyết] Tạng giáo, ba thừa đều từ một pháp ấy sanh. Như vậy thì ba thừa này ắt cũng sẽ nhập thành một. Trong lúc suy nghĩ như vậy thì dần dần [tâm ý] thông suốt mở rộng, tâm Đại thừa liền phát khởi. Cho nên nói là *"thành tựu chí khí lớn lao"*.

KINH VĂN

> **"Đến lúc lâm chung, [ông trưởng giả] liền gọi người con ấy đến, rồi triệu tập hết thảy người trong gia tộc và [thỉnh mời] đức vua cùng các vị đại thần, sát-đế-lợi, cư sĩ… cùng đến, rồi tự tuyên bố rằng: 'Quý vị nên biết rằng, đây chính là đứa con của tôi, do tôi sinh ra. Ngày trước ở nơi thành kia đã trốn tôi mà đi, lưu lạc khổ sở hơn 50 năm. [Xưa nó] vốn tên họ thế này, còn tôi tên họ thế này, trước đây ở thành ấy vẫn thường lo âu tìm kiếm [mãi không gặp], nay bỗng dưng gặp lại tại nơi này. Nó quả thật là con tôi, tôi thật là cha nó. Nay tất cả tiền bạc, tài sản của tôi đều là của nó, và từ trước đến giờ những việc xuất ra nhập vào [trong nhà] nó đều đã rõ biết.'**
>
> **"Bạch đức Thế Tôn! Lúc bấy giờ đứa con cùng khổ kia nghe cha nói như vậy thì hết sức vui mừng, được điều chưa từng có, tự nghĩ rằng: 'Ta vốn không hề có tâm mong cầu, nay cả kho tàng quý báu này tự nhiên tìm đến.'**

❖ Tiểu đoạn thứ hai là từ câu *"Đến lúc lâm chung…"* trở đi, nói việc [ông trưởng giả] chính thức giao phó gia tài sự nghiệp. Phần này chia làm 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nói việc [người cha] giao phó sự nghiệp, phân đoạn thứ hai là [người con được giao phó nên] vui mừng.

▪ Phân đoạn thứ nhất có 4 ý. Ý thứ nhất nêu thời điểm giao

Thai thì bao gồm: 1. Thanh văn của Tạng giáo, 2. Duyên giác của Tạng giáo, 3. Thanh văn của Thông giáo, 4. Duyên giác của Thông giáo, 5. Bồ Tát của Thông giáo, 6. Bồ Tát của Biệt giáo, 7. Bồ Tát của Viên giáo.

phó sự nghiệp; ý thứ hai là gọi con đến và triệu tập mọi người tụ họp để làm chứng; ý thứ ba là tóm kết, [công bố] việc cha con gặp nhau; ý thứ tư là chính thức giao phó gia tài sự nghiệp.

◆ Ý thứ nhất nêu thời điểm giao phó, *"đến lúc lâm chung"* là nêu rõ thời điểm nhân duyên. [Đây là hàm ý] cơ duyên giáo hóa [của Phật] đã sắp hết, tức là thời điểm sau 8 năm thuyết kinh Pháp hoa tại Linh Sơn, [đến lúc] đức Phật báo trước [với đại chúng] sẽ nhập Niết-bàn.

◆ Ý thứ hai từ câu *"liền gọi người con ấy đến"* trở đi, nói việc tụ họp mọi người. [Đây là hàm ý] những đệ tử đã từng được giáo hóa ở nơi hai vạn ức đức Phật [trước đây] gọi là "con", tức là những người có cơ duyên Đại thừa thuần thục trong mười phương cùng vân tập. [Tức là tương hợp với] phần trước nói bốn chúng vây quanh [đức Phật].

"Triệu tập hết thảy người trong gia tộc", các nhà cựu giải cho rằng, "người trong gia tộc" là ví cho phân thân [của Phật], hàng Bồ Tát thập địa như "quốc vương", hàng Bồ Tát cửu địa như "đại thần", hàng Bồ Tát bát địa như "sát-đế-lợi", hàng Bồ Tát thất địa như "cư sĩ".

[Các bậc thầy phái Địa luận] phương Bắc[1] thì cho rằng phân thân [Phật] như "thân tộc", [Phật] Đa Bảo là "quốc vương", hàng Bồ Tát thập địa là "đại thần", hàng Bồ Tát bát địa là "sát-đế-lợi", [hàng Bồ Tát ở giai vị] tam thập tâm[2] là "cư sĩ".

Nếu [giải thích theo những cách] như vậy, thì vào thời thuyết pháp theo tích môn,[3] cả phân thân [của Phật Thích-ca] và Phật Đa Bảo đều còn chưa xuất hiện, làm sao có thể liên kết như thế?

Các vị ấy lại giải thích rằng, chính vào lúc ngài Xá-lợi-

[1] Theo Văn Cú Ký thì "北人 - Bắc nhân" trong nguyên tác chỉ đến đa phần là các vị luận sư của phái Địa luận ở Tương châu thuộc miền Bắc Trung Hoa.

[2] Đây là giai vị đã đạt sáu căn thanh tịnh nhưng chưa vào được sơ địa.

[3] Bản môn là nói nghĩa chân thật rốt ráo, nguồn cội của các pháp, không có hình tướng; tích môn là hình tích hiển lộ, là phương tiện thị hiện dẫn dắt chúng sanh.

phất còn hoài nghi, trong hội Pháp hoa còn chưa thể khởi sinh lòng tin, cho nên [phân thân của Phật Thích-ca] và Phật Đa Bảo mới cùng lúc hiện đến để chứng minh [làm tin]. Nếu như [đợi đến lúc] nghi hoặc đã trừ, nhận hiểu giáo pháp và khởi sanh lòng tin, đã được Phật thụ ký [cho thành Phật] rồi, thì đâu cần đến [Phật] Đa Bảo [hiện ra] để chứng minh gì nữa? Cho nên biết rằng vào thời thuyết chánh pháp [trong hội Pháp hoa] thì Phật Đa Bảo đã xuất hiện rồi, chỉ có điều là người chép kinh muốn tránh sự trùng lặp nên sắp xếp lại, đưa phần nguyên nhân về sau đó thôi.

Nay cho rằng [việc giải thích] như vậy chỉ là dựa theo [suy nghĩ] thường tình của con người, chẳng lấy gì làm căn cứ. Lúc thuyết pháp theo tích môn là việc ở gần, chưa cần đến sự chứng minh của cổ Phật. Nếu thuyết pháp theo bản môn là việc xa thì tất nhiên trước đó cần phải lấy việc xưa làm chứng. Vậy nên không dùng đến những cách giải thích ấy mà chỉ y theo trong kinh này.[1] Đại lược là như vậy.

Nay cho rằng mười phương Bồ Tát pháp thân thuộc chúng ảnh hưởng là "thân tộc". Các vị trong chúng ảnh hưởng phần nhiều đều là nghiệp tương đồng với đức Phật Thích-ca ngày xưa, cùng với Như Lai được khai hóa ở nơi hai vạn ức Phật, đối với nhau ắt phải như họ hàng chú bác trong sự tu hành, cho nên giải thích rằng các vị này là "thân tộc". Về chữ "quốc vương", tất cả các kinh thuộc tiệm giáo hay đốn giáo, bất cứ chỗ nào giảng đến kinh này cũng đều gọi là "vua của các kinh". [Giáo pháp] thuận theo cơ duyên làm lợi ích chúng sanh, có lúc hưng thịnh, có lúc suy vi, mỗi một bộ kinh đều khác biệt nhau nên gọi [các kinh]

[1] Nguyên tác Văn Cú nói "依薩云經 - y tát vân kinh". Chúng tôi không thực sự hiểu được ý nghĩa ở đây, nhưng tham khảo Văn Cú Ký giải thích chỗ này là: "依薩云者, 如下多寶品中所引 。- Y tát vân giả, như hạ Đa Bảo phẩm trung sở dẫn." (Nói "y tát vân" nghĩa là theo như trong phẩm Đa Bảo ở phần sau có dẫn.) Phẩm Đa Bảo tức là nói phẩm Hiện bảo tháp, vì trong phẩm này có đức Phật Đa Bảo hiện ra trong bảo tháp để xưng tán Phật Thích-ca thuyết kinh Pháp hoa.

là "quốc", các kinh đều [xưng tán kinh này] là hơn hết, nên gọi là "vương". Lại nữa, kinh này kết hợp tương thông với các phần giáo pháp khác, lẽ nào chẳng phải ví như "tụ họp quốc vương"? Cho nên trong kinh Vô Lượng Nghĩa, trước tiên [đối với các pháp] cũng đã thu nhóm gom về.

Các vị thầy khác cũng lập luận rằng, ban đầu Phật thuyết 4 chân đế và 12 nhân duyên, sau đó mới thuyết 12 bộ kinh[1] Phương đẳng, tiếp theo là thuyết Ma-ha Bát-nhã, Hoa nghiêm hải không.[2] [Như vậy kinh] này là rộng gồm tất cả các kinh, dung thông cả tiệm giáo và đốn giáo, tất cả đều hội nhập vào trong kinh này, cho nên gọi nói là "tụ họp quốc vương".

Các vị Đại Bồ Tát như ngài Di-lặc đều là bậc đẳng giác, ví như "đại thần". Các vị Bồ Tát từ sơ địa đến cửu địa ví như "sát-đế-lợi". Từ trong chủng tánh của đấng Pháp vương sanh ra, [hàng Bồ Tát ở giai vị] tam thập tâm ví như "cư sĩ". Tất cả những vị này đều nhận sự giáo hóa của đức Phật Thích-ca.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Quý vị nên biết rằng..."* trở đi, tóm kết lại việc cha con gặp nhau. [Chúng Thanh văn này] thật sự theo Phật tu học nên nói là *"con của tôi"*, [chúng Thanh văn] thật sự nhờ Phật mà được nhận hiểu nên nói là *"do tôi sanh ra"*. Đức Phật đã từng ở nơi [đạo tràng của] hai vạn ức vị Phật mà thường giáo hóa [chúng Thanh văn này] bằng pháp Đại thừa, cho nên nói *"tôi thật là cha nó"*. *"Ngày trước ở nơi thành kia"* [là nói ngắn gọn]. Bản kinh này ở Ấn Độ rất dài, truyền đến [Trung Hoa] thì rất ngắn,

---

[1] Nguyên tác dùng "十二部經 - thập nhị bộ kinh", nhưng về ý nghĩa thực sự là chỉ đến 12 thể loại kinh điển chứ không phải 12 bộ kinh theo ý nghĩa thường dùng.

[2] Đoạn này trích nội dung từ kinh Vô Lượng Nghĩa, nguyên văn: "次說方等十二部經、摩訶般若、華嚴海空，演說菩薩歷劫修行 - Thứ thuyết Phương đẳng thập nhị bộ kinh, Hoa nghiêm hải không, diễn thuyết Bồ Tát lịch kiếp tu hành..." Xem Đại Chánh tạng, Tập 9 số 276, trang 386, tờ b, dòng 24-26.

[nên nói ngắn gọn]. Hoặc cũng có thể giải thích rằng, trước đây nói đầy đủ tên gọi cõi nước [Phật], như [khi thuyết về] nhân duyên đức Phật Đại Thông Trí Thắng [thuở xưa], còn nay giản lược các tên gọi nên nói thẳng là chỗ này, chỗ kia...

Những chúng sanh này trái nghịch với Đại thừa, khởi sinh vô minh, si ám trì độn nên phải rơi vào vòng sanh tử, cho nên nói rằng *"trốn tôi mà đi"*. Phải lăn lộn trải qua 6 đường, cho nên nói rằng *"hơn 50 năm qua"*. *"Trước đây ở thành ấy vẫn thường lo âu tìm kiếm"*, [hàm ý là] từ thuở xưa [đức Phật] trụ nơi pháp thân vẫn thường dùng 2 trí [quyền và thật] để quán sát tìm kiếm cơ duyên có thể hóa độ [chúng sanh], mãi đến ngày hôm nay mới có sự cảm ứng giao hòa trong đạo [với chúng sanh], cho nên nói *"nay bỗng dưng gặp lại tại nơi đây"*.

◆ Ý thứ tư từ câu *"Nay tất cả tiền bạc, tài sản của tôi"* trở đi là chính thức giao phó gia nghiệp, [bao gồm] tất cả muôn công hạnh, muôn công đức Đại thừa nên nói là *"tất cả tiền bạc tài sản của tôi"*. [Lại nói] *"từ trước đến giờ những việc xuất ra nhập vào nó đều đã rõ biết"*, tức là nhắc lại thuở trước [chúng Thanh văn] được dạy cho giáo pháp Đại phẩm [Bát-nhã], nhận sự ủy thác [của Phật] mà giảng rộng hoặc nói lược về Bát-nhã cũng như các pháp chung cùng và không chung cùng.[1]

[Ông trưởng giả trước đó nói] *"con nên rõ biết tất cả"* tức là nói "đó là tài sản của con". Cho nên kinh Pháp hoa này chỉ làm rõ tri kiến của Phật, không rộng nói tất cả các hành tướng.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Lúc bấy giờ đứa con cùng khổ kia nghe cha nói như vậy"* trở đi, là nói việc [người con] được giao phó [gia nghiệp] nên hoan hỷ. Phần này là

[1] Các pháp không chung cùng (bất cộng) nghĩa là chỉ dành riêng cho hàng Bồ Tát Đại thừa. Các pháp chung cùng (cộng) nghĩa là chung cho cả Nhị thừa và Bồ Tát.

nhận hiểu ý nghĩa trong kinh văn phần trước nói *"những người con của ông trưởng giả, mỗi người đều đi trên một cỗ xe lớn, được việc chưa từng có"*. Tự nghĩ lại mình hoàn toàn không có tâm mong cầu đạt được đạo của Phật, mà nay bỗng nhiên nghe được thụ ký làm Phật, cho nên nói là *"không hề mong cầu mà tự nhiên có được"*. [Hàng Thanh văn] trong thời Tạng giáo thì tâm vốn không cầu; trong thời Phương đẳng thì hổ thẹn vì học Tiểu thừa, dứt hết hy vọng nên không cầu, trong thời Bát-nhã, tuy nhận hiểu [Đại thừa] nhưng cho rằng không có phần của mình nên không cầu. [Hết thảy những trường hợp] không cầu như vậy mà nay bỗng tự nhiên đạt được.

KINH VĂN

"Bạch Thế Tôn! Trưởng giả hết sức giàu có kia ví như đức Như Lai, tất cả chúng con đều giống như con Phật. Đức Như Lai thường dạy rằng chúng con là con Phật. Bạch Thế Tôn! Chúng con vì ba sự khổ mà ở trong vòng sinh tử bị các phiền não thiêu đốt, mê muội ngu si không hiểu biết nên ưa thích bám chấp giáo pháp Tiểu thừa.

"Nay đức Thế Tôn giúp cho chúng con biết suy xét, dứt trừ dọn sạch phân dơ là các pháp hý luận. Chúng con theo lời dạy đó thêm chuyên cần tinh tấn, đạt được Niết-bàn [của Tiểu thừa, chỉ ví như] giá tiền làm thuê [nhận được] mỗi ngày. Khi đã được như vậy rồi thì trong lòng hết sức vui mừng, tự cho là đủ, liền tự nhủ rằng: 'Nhờ chuyên cần tinh tấn trong pháp Phật nên chỗ đạt được thật lớn lao nhiều lắm.'

"Nhưng đức Thế Tôn trước đã rõ biết trong lòng chúng con bám chấp nơi sự vui thú thấp hèn, ưa thích pháp Tiểu thừa, nên tuy thấy chúng con buông thả mà vẫn tạm không vì chúng con phân biệt chỉ rõ: 'Các ông rồi cũng đều có phần trong kho báu tri kiến của Như Lai.' Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện thuyết giảng về trí tuệ của Như Lai, chúng con theo Phật đạt được Niết-bàn [của Tiểu thừa, chỉ như] tiền công làm thuê [nhận được] mỗi ngày, nhưng lấy đó

cho là đã được quá nhiều nên đối với Đại thừa không hề có ý mong cầu.

"Chúng con lại cũng nhân nơi trí tuệ của Như Lai mà vì chư Bồ Tát khai mở chỉ bày, diễn giảng [giáo pháp Đại thừa], nhưng tự thân mình thì đối với giáo pháp này không hề có chí nguyện [tu tập]. Vì sao vậy? Vì Phật rõ biết tâm ý chúng con ưa thích pháp Tiểu thừa, nên dùng sức phương tiện mà thuyết pháp tùy thuận [theo ý muốn của chúng con], nhưng chúng con lại không biết rằng mình quả thật đều là con Phật. Ngày nay chúng con mới biết rằng đức Thế Tôn không hề tiếc giữ trí tuệ Phật.

"Vì sao vậy? Vì chúng con từ xưa nay vốn thật sự là con của đức Như Lai, nhưng lại ưa thích giáo pháp Tiểu thừa. Nếu như chúng con có lòng ưa thích Đại thừa, tất nhiên Phật sẽ vì chúng con thuyết dạy giáo pháp Đại thừa. Trong kinh Pháp hoa này chỉ thuyết một thừa, nên thuở xưa ở trước các vị Bồ Tát chê trách hàng Thanh văn ưa thích pháp Tiểu thừa, nhưng thật ra Phật vẫn dùng pháp Đại thừa để giáo hóa. Cho nên chúng con nói rằng vốn không có tâm mong cầu mà nay tự nhiên đạt được báu vật lớn lao của đấng Pháp vương. Những gì hàng con Phật cần đạt được thì nay [chúng con] đều đã đạt được.

Từ câu *"Bạch Thế Tôn! Vị trưởng giả hết sức giàu có kia"* trở đi là nói nghĩa tương hợp giữa các thí dụ trong phần thứ hai. Ngài Quang Trạch đối với nghĩa tương hợp thí dụ này, hoặc trước, hoặc sau đều giải thích rất sơ lược. Nay chỉ y theo kinh văn để xét ý, không nêu lại phần [nói về] người con. Phần tương hợp thí dụ lấy việc hiểu được ý nghĩa là chính, không cần phải phí nhiều lời. *"Vị trưởng giả hết sức giàu có"* là tương hợp với thí dụ "cha con lạc mất nhau". Phần kinh văn nói thí dụ này có 4 ý, ở đây chỉ tương hợp 2 nghĩa cha và con, tức bao gồm được các ý khác. "Như Lai" là tương hợp với "cha", nói "giống như" là tương hợp với nghĩa "con".

"Giống như" có hai ý nghĩa. Thứ nhất là lấy [hạng có] cơ duyên Đại thừa làm con; thuở trước chưa "bỏ cha trốn đi" vốn chưa có địa vị chân thật, [ví như] vẫn còn ở giai vị ngoại phàm, nên nói là "giống như". Thứ hai là lấy [hạng có] cơ duyên Tiểu thừa làm con; cơ duyên Tiểu thừa cũng có căn tánh tương tự Đại thừa, như con đã trốn cha mà đi, địa vị hạ thấp nên nói "giống như" v.v.

Hỏi: Ở đầu phẩm này giải thích rằng "đã được nhập chân", sao ở đây lại nói "giống như"?

Đáp: Ở đây nói nghĩa tương hợp với lúc "con bỏ cha trốn đi" nên nói là "giống như"; ở đầu phẩm này nói nghĩa [tương hợp với] lúc con được khai ngộ [nên có khác]. Câu hỏi của ông nêu ra không đúng.

Từ câu *"Đức Như Lai thường dạy rằng chúng con là con Phật"* trở đi là tương hợp với thí dụ "cha con gặp lại nhau", nhưng chỉ hợp với nghĩa *"ông trưởng giả gặp con liền nhận ra ngay"*.

Từ câu *"chúng con vì ba sự khổ"*[1] trở đi là tương hợp với thí dụ "đuổi theo dẫn dụ về". Phần trên có 2 thí dụ [sai người] bên cạnh đuổi theo, phần này cũng tương hợp cả 2. Phần trên nói lần đầu sai người bên cạnh đuổi theo, sau đó tiếp tục đuổi theo, rồi sau nữa lại thả ra. Nay [giải thích là] tương hợp với cả 2 pháp môn [khuyên bảo khuyến khích và răn dạy ngăn cản] đều chẳng có cơ duyên. [Người con] thấy mình bị bắt, tự nghĩ là không có tội, đây là tương hợp với nghĩa không có cơ duyên Đại thừa. [Nói] *"ưa thích bám chấp giáo pháp Tiểu thừa"* là tương hợp [với thí dụ] tâm chí [đứa con còn] nhỏ hẹp chẳng thích hợp nên thả ra.

Từ câu *"Nay đức Thế Tôn giúp cho chúng con..."* trở

[1] Ba sự khổ: bao gồm khổ khổ (khổ vì những nỗi khổ của thân tâm), hoại khổ (khổ vì sự hư hoại những điều mình ưa thích) và hành khổ (khổ vì sự biến chuyển, không ngừng thay đổi).

đi là tương hợp với 2 thí dụ. Phần trước có [2 cách nhận hiểu là] y theo giáo pháp và suy xét nhận hiểu, phần này cũng có đủ 2 ý. Từ câu *"dứt trừ dọn sạch..."* trở đi là tương hợp với nghĩa y theo giáo pháp trình bày đầy đủ mọi việc. Từ câu *"Chúng con theo lời dạy đó thêm chuyên cần tinh tấn..."* trở đi là tương hợp với phần trước nói *"được giao việc hốt phân"*. Từ câu *"đạt được Niết-bàn..."* trở đi là tương hợp với phần trên nói *"trước tiên nhận tiền công"*.

Từ câu *"Nhưng đức Thế Tôn trước đã rõ biết trong lòng chúng con..."* trở đi là tương hợp với nghĩa suy xét nhận hiểu ở phần trước. Phần thí dụ ở trước có 4 ý, phần này chỉ tương hợp với 3, không tương hợp với ý *"[ông trưởng giả đích thân] dạy con làm"*, chỉ lấy nghĩa ở trước nói *"chuyên cần hốt phân"* tức đã bao gồm.

Về những điểm không tương hợp [với phần trước] thì có: phần trước nói *"từ xa trông thấy"*, phần này nói *"trước đã rõ biết"*; phần trước nói *"[thấy con] gầy ốm, tiều tụy"*, phần này nói *"bám chấp nơi sự vui thú thấp hèn"*; phần trước nói *"liền cởi bỏ hết chuỗi ngọc... ...mặc vào người y phục thô xấu dơ bẩn"*, phần này nói *"thấy chúng con buông thả... ...không vì chúng con phân biệt chỉ rõ... có phần trong kho báu tri kiến của Như Lai"*.

Từ câu *"Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện thuyết giảng về trí tuệ của Như Lai"* trở đi là tương hợp với thí dụ giao phó gia nghiệp. Phần trước có 2 ý, trước nói nguyên do, sau nói giao phó. Phần này cũng tương hợp đủ 2 ý. Phần trước nói nguyên do có 2 ý, thứ nhất là [cha con] đã tin tưởng nhau, thứ hai là giao phó mọi việc nhà; phần này tương hợp cũng đủ 2 ý. Phần thứ nhất nói *"cha con tin nhau"* có 2 ý, phần này chỉ tương hợp với ý trước là *"cha con dần tin nhau"*, [không tương hợp với ý thứ hai là *"người con vẫn tiếp tục ở nơi chỗ cũ"*].

Về câu *"dùng sức phương tiện thuyết giảng về trí tuệ của Như Lai"*, các nhà cựu giải cho rằng, [phương tiện là] dùng nhân trí tuệ của Như Lai mà tạo thành quả Nhị thừa. Nay nêu rõ, vì sử dụng phương tiện của Tam thừa để thuyết giảng thật tướng của Đại thừa, cho nên nói là *"dùng sức phương tiện"*. Câu *"vì chúng con thuyết dạy giáo pháp Đại thừa"* lại cũng là tương hợp với [phần trước nói] *"ra vào ngôi nhà ấy không còn khó khăn"*. [Phật] dùng sức phương tiện nên *"ra"* thì biện biệt rõ [pháp] Nhị thừa, dùng sức trí tuệ Phật nên *"vào"* thì làm sáng tỏ thật tướng. Nếu như chẳng có việc *"dần tin lẫn nhau"*, thì làm sao [Phật] có thể vì chúng con mà *"thuyết giảng về trí tuệ của Như Lai"*?

Từ câu *"chúng con theo Phật đạt được Niết-bàn [của Tiểu thừa, chỉ như] tiền công làm thuê [nhận được] mỗi ngày"* trở đi là tương hợp với [thí dụ] trong phần trước nói "vẫn tiếp tục ở nơi chỗ cũ". Từ câu *"chúng con lại cũng nhân nơi trí tuệ của Như Lai..."* trở đi là tương hợp với [thí dụ] "nhận lãnh việc nhà". Phần trước có [hai ý], trước là [người cha] yêu cầu, sau là [con] nhận lãnh; phần này chỉ tương hợp với ý nhận lãnh.

Trong ý nhận lãnh [việc nhà], phần trước lại có 4 tiểu ý. Thứ nhất là người con vâng lời cha sai khiến, thứ hai là không hề có ý giữ lấy cho riêng mình, thứ ba là vẫn chưa từ bỏ tâm ý hạ liệt, thứ tư là dần dần thông thạo rõ biết [mọi việc nhà]. Trong phần này chỉ tương hợp với 2 tiểu ý. Trước tiên tương hợp với ý vâng lời cha nhận lãnh việc nhà. Từ câu *"nhưng tự thân mình thì đối với giáo pháp..."* trở đi là tương hợp với ý *"không giữ cho mình"* đồng thời gồm luôn các tiểu ý còn lại.

Câu *"không hề có chí nguyện"* là nêu rõ [hàng Thanh văn] nhờ oai lực của Phật gia trì khiến cho có thể y theo

như tâm Phật mà thuyết giảng [Đại thừa], cho nên nói *"nhưng tự thân mình... ...không có chí nguyện"*.

Từ câu *"Vì sao vậy"* trở đi là giải thích nghĩa *"không hề có ý giữ lấy cho mình"*. [Phật] dùng sức phương tiện tùy thuận tâm ý Tiểu thừa nên nói [hàng Thanh văn] không có phần [trong giáo pháp Đại thừa]. Do vậy nên *"không biết rằng mình quả thật đều là con Phật"*. Vì thế mới *"không giữ lấy cho mình"*. Câu *"Phật dùng sức phương tiện mà thuyết pháp tùy thuận theo chúng con"* là nói việc đức Phật vận dụng sức phương tiện, đem pháp thật tướng giảng nói cùng với hàng Nhị thừa, hàng Thanh văn lại không hiểu được ý nghĩa "không chung cùng" [của giáo pháp Đại thừa], cho nên chưa phải là con Phật.

Từ câu *"Ngày nay chúng con mới biết..."* trở đi là tương hợp với thí dụ *"giao phó gia nghiệp"*. [Thí dụ này] ở phần trước có 2 phân đoạn, thứ nhất là [người cha] giao phó, thứ hai là [người con] hoan hỷ; trong phần này lại cũng tương hợp với cả 2 phân đoạn. Phân đoạn "giao phó" ở trước có 4 ý,[1] phần này lại tương hợp chung trong ý giao phó, chia thành 2 tiểu ý. Thứ nhất nêu rõ đức Phật không hề keo lận tiếc giữ Đại thừa, thứ hai là giải thích sự không keo lận đó. Chính vì [hàng Thanh văn] ưa thích Tiểu thừa nên trước đây Phật mới không sớm trao cho Đại thừa.

Từ câu *"Trong kinh Pháp hoa này..."* trở đi là nêu việc hiện nay để chứng minh ý nghĩa thuở xưa. Hiện nay [kinh Pháp hoa này chỉ thuyết Nhất thừa] là 1 lý duy nhất, nên biết rằng thuở xưa nói 3 thừa là không phải thật, chỉ vì [hàng Thanh văn] chưa kham nhận nổi [nên mới phương tiện bày ra]. Do vậy mà trước khi nói Đại thừa phải chê trách tâm nhỏ hẹp của hàng Thanh văn, là muốn khiến

[1] Tức là gồm bốn ý: thứ nhất nêu thời điểm giao phó gia nghiệp; thứ hai là gọi con đến và triệu tập mọi người làm chứng; thứ ba là công bố việc cha con gặp nhau; thứ tư là chính thức giao phó gia nghiệp.

cho từ bỏ pháp không thật, nhận lấy pháp chân thật. Vì thế biết chắc là Phật không có sự keo lận tiếc giữ, mà thật sự chỉ dùng Đại thừa để giáo hóa [tất cả chúng sanh].

Từ câu *"chúng con nói rằng vốn không có tâm mong cầu"* trở đi là tương hợp với ý hoan hỷ [trong thí dụ], cũng là nói đối với ba thừa không có ý mong cầu.

KỆ TỤNG

KINH VĂN

Lúc bấy giờ ngài Đại Ca-diếp muốn lặp lại những ý nghĩa trên nên đọc kệ rằng:

[Từ đây đến cuối phẩm là] 86 khổ rưỡi kệ, [chia thành hai phần]. Phần đầu gồm 73 khổ rưỡi kệ tụng lại nội dung vừa nói trước đó, [là phần thứ hai thuộc tổng phần thứ nhất]. Phần kế tiếp gồm 13 khổ kệ xưng tán ân đức sâu dày của Phật, [thuộc về tổng phần thứ hai].

Phần đầu gồm 73 khổ rưỡi kệ lại chia thành 2 nhóm kệ. Nhóm thứ nhất chỉ có 2 khổ kệ, tụng về nội dung thuyết chánh pháp. Nhóm thứ hai gồm 71 khổ rưỡi kệ, tụng về nội dung thuyết thí dụ.

KINH VĂN

Chúng con ngày hôm nay,
Được nghe lời Phật dạy,
Nên vui mừng phấn khởi,
Được điều chưa từng có.

Phật dạy: "Hàng Thanh văn,
Rồi đều sẽ thành Phật."
Bao nhiêu báu vô thượng,
Không cầu tự nhiên được.

Nhóm kệ thứ nhất, trong phần nội dung thuyết chánh pháp không tụng lại nghĩa không mong cầu, chỉ tụng lại nghĩa tự nhiên đạt được [pháp bảo Đại thừa].

KINH VĂN

Ví như đứa con nhỏ,
Dại khờ chưa hiểu biết.
Bỏ cha mà trốn đi,
Đến những miền xa xôi,
Lang thang khắp các nước,
Trải hơn năm mươi năm.

Nhóm kệ thứ hai, trong phần tụng lại nội dung thí dụ lại có chia thành 2 tổng phần. Tổng phần thứ nhất gồm 41 khổ kệ, tụng lại nội dung nêu ra thí dụ. Tổng phần thứ hai gồm 30 khổ rưỡi kệ, tụng về ý nghĩa tương hợp của các thí dụ.

▣ Tổng phần thứ nhất tụng nội dung nêu thí dụ lại chia thành 4 đoạn, tụng lại đầy đủ 4 [ý nghĩa trong phần văn trường hàng;] thứ nhất, cha con lạc mất nhau; thứ hai, cha con gặp lại nhau; thứ ba, [người cha] ủy thác việc nhà [cho con] và thứ tư, giao phó tài sản sự nghiệp [cho con].

◆ Đoạn thứ nhất gồm 13 khổ kệ, tụng lại việc cha con lạc mất nhau. Phần văn trường hàng nêu nội dung này có 4 tiểu đoạn. Thứ nhất là người con bỏ cha mà đi; thứ hai là người cha đi tìm con; thứ ba là người con dần dần về lại gần nhà; thứ tư là người cha luôn nhớ nghĩ đến con. Đoạn này [chia làm 4 tiểu đoạn] tụng lại đầy đủ cả 4 ý nghĩa như vậy, nhưng không theo đúng thứ tự.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa thứ nhất, người con bỏ cha ra đi. ❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 7 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa thứ hai, người cha đi tìm con không được. ❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 2 khổ kệ, tụng vượt sang ý nghĩa thứ tư, người cha lo lắng nhớ nghĩ ngày càng nhiều hơn. ❖ Tiểu đoạn thứ tư gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng ngược về ý nghĩa thứ ba, người con dần dần về lại gần cha. Trong văn trường hàng ở trước, mỗi tiểu đoạn nêu các ý nghĩa này đều chia thành 2 phân đoạn.

❖ Nay giải thích tiểu đoạn thứ nhất, gồm 1 khổ rưỡi kệ, từ câu *"Ví như đứa con dại"* trở đi, chỉ tụng việc "con bỏ cha mà đi", không tụng việc quay lại hướng về quê hương. Trong thí dụ căn nhà đang cháy ở phần trước, khi nói về nơi chốn của ông trưởng giả thì dùng *"đất nước, đô thành hay thôn xóm"* là cách nói thư thả. Ở đây [dùng cách nói gấp gáp hơn, nên] đứa con cùng khổ luân hồi trong 3 cõi là *"khắp các nước"*, 6 đường là *"hơn 50 năm"*.

KINH VĂN

Người cha thường lo lắng,
Khắp bốn phương truy tìm,
Cho đến khi mỏi mệt,
Dừng ở một thành phố,
Rồi xây dựng nhà cửa,
Vui hưởng năm món dục.
Nhà ông rất giàu có,
Chất chứa lắm bạc vàng,
Cùng xa cừ, mã não,
Với trân châu, lưu ly,
Cùng voi, ngựa, trâu, dê…
Cho đến nhiều xe cộ,
Vườn ruộng cùng tôi tớ,
Người giúp việc rất nhiều.
Những lợi tức thu chi,
Trải rộng khắp các nước.
Người buôn bán cùng ông,
Ở khắp nơi đều có.
Nên có ngàn muôn người,
Luôn cung kính vây quanh.
Lại thường được đức vua,
Yêu mến, nhớ nghĩ đến.
Các quan chức, quý tộc,
Cũng đều kính ngưỡng ông.
Bởi có nhiều nhân duyên,
Nên đông người lui tới.
Ông giàu có như vậy,
Lại thế lực lớn lao.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Người cha thường lo lắng"* trở đi, gồm 7 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa "cha tìm con không được". Phần này kinh văn trường hàng ở trước chia làm 2 phân đoạn, ở đây kệ tụng cũng có 2 phân đoạn. Nửa khổ kệ đầu tụng ý nghĩa [người cha] tìm con không gặp. Từ câu "Cho đến khi mỏi mệt" trở đi, gồm 6 khổ rưỡi kệ, tụng ý nghĩa không vì lạc mất một đứa con mà bỏ cả gia nghiệp.

Câu *"khắp bốn phương truy tầm"* ý nghĩa không giống như trong văn trường hàng ở trước. Trong kinh văn trường

hàng thì 4 phương là [hàm ý] dựa vào 4 chân đế để suy tìm lẽ thật. Nay trong kệ tụng thì 4 phương [hàm ý] quán sát trong 4 loài[1] để tìm cơ duyên có thể hóa độ.

"Rồi xây dựng nhà cửa" là chỉ Niết-bàn hữu dư trong cõi nước hữu dư, là xây nên căn phòng "từ bi" dựa vào ngôi nhà "tánh không".

"Nên đông người lui tới" là nói chư Bồ Tát ở những cõi nước khác lui tới nơi đây để nghe thuyết pháp.

KINH VĂN

Nhưng tuổi cao suy yếu,
Nên càng nhớ đến con.
Ngày đêm thường suy nghĩ:
"Ta nay sắp chết rồi,
Con dại bỏ ta đi,
Đã hơn năm mươi năm.
Nay kho tàng, mọi thứ,
Biết phải làm sao đây?"

❖ Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"Nhưng tuổi cao suy yếu"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng vượt sang ý thứ tư] trong kinh văn trường hàng] nói về *"người cha lo lắng nhớ nghĩ ngày càng nhiều hơn"*. Kinh văn phần trước có 2 ý nghĩa, ở đây chỉ tụng lại nghĩa vì ngày trước lạc mất con nên nay khổ não, không có người để ủy thác, giao phó, do vậy mà lo lắng.

KINH VĂN

Đứa con nay cùng khốn,
Vì manh áo miếng cơm,
Lưu lạc khắp xóm làng,
Nước này sang nước khác.
Đôi khi đủ ăn mặc,
Có lúc chẳng được gì,
Nên đói gầy ốm yếu,
Thân thể đầy ghẻ chốc.
Đi dần qua các nơi,
Đến thành người cha ở.

❖ Tiểu đoạn thứ tư từ câu *"Đứa con nay cùng khốn"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng ngược về ý thứ ba trong

[1] Bốn loài ở đây chỉ chung tất cả chúng sanh, vì đều thuộc về một trong bốn cách sanh ra nên thuộc về loài thai sanh, loài noãn sanh, loài thấp sanh và loài hóa sanh.

kinh văn trường hàng, nói việc người con dần dần đi gần về hướng người cha. Kinh văn trường hàng phần này có 2 phân đoạn, ở đây tụng lại cũng đủ 2 phân đoạn. ▪ Phân đoạn thứ nhất 2 khổ kệ, tụng nguyên do người con đi về gần cha mình, là do việc mưu sinh, tìm cầu miếng cơm, manh áo. ▪ Từ câu *"Đi dần qua các nơi"* trở đi, gồm nửa khổ kệ, tụng nghĩa đã thực sự đến gần nơi cha ở.

▪ Trong phân đoạn thứ nhất giải thích nguyên do, nói *"lưu lạc khắp xóm làng"*, [hàm ý] căn và trần thiệp nhập lẫn nhau, giống như xóm làng gần nhau. 18 giới ví như các cõi nước, [nên nói *"nước này sang nước khác"*]. Tu các pháp lành hữu lậu là *"đôi khi đủ ăn mặc"*; tu các pháp lành Nhị thừa là *"có lúc chẳng được gì"*. Không có được thức ăn là giáo pháp Đại thừa *"nên đói gầy ốm yếu"*. Không có công dụng của Đại thừa là "đói gầy"; không có công đức của Đại thừa là "ốm yếu". Từ nơi các pháp lành hữu lậu và vô lậu mà khởi lên chỗ thấy biết suy nghĩ là ví như "ghẻ chốc".

KINH VĂN

"Ngày lại ngày làm thuê,
Dần đến nhà người cha.
Bấy giờ ông trưởng giả,
Đang ở bên trong nhà,
Có màn báu giăng che,
Ngồi trên tòa sư tử,
Quyến thuộc cùng vây quanh,
Với nhiều người hầu cận,
Lại có người tính toán,
Bao vàng bạc, châu báu,
Đưa ra hoặc thu vào,
Đều ghi chép rành mạch.
Đứa con khổ, thấy cha,
Giàu, uy nghiêm, tôn quý,
Cho rằng đó là vua,
Hoặc bậc ngang hàng vua,
Nên kinh hãi, tự hỏi:
'Sao đến chi chốn này?'
Rồi âm thầm tự nghĩ:
'Nếu ta ở đây lâu,
Ắt sẽ bị bức bách,
Ép buộc làm công việc.'
Suy nghĩ như vậy rồi,
Liền vội vàng bỏ chạy,
Hỏi đường sang xóm nghèo,
Để đến đó làm thuê.
Khi ấy ông trưởng giả,
Ngồi trên tòa sư tử,
Từ xa nhìn thấy con,
Lặng yên nhận biết rồi.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Ngày lại ngày làm thuê"* trở đi, gồm 7 khổ rưỡi kệ, tụng lại đoạn thứ hai *"cha con gặp nhau"* [trong tổng đoạn thứ hai] ở phần trước. Phần kinh văn trường hàng ở trước có 2 tiểu đoạn, nay phần kệ tụng này cũng có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất gồm 6 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa *"người con nhìn thấy cha"*. [Tiểu đoạn thứ hai] tiếp theo gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa *"người cha nhìn thấy con"*.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất, trong kinh văn trường hàng, phần "con nhìn thấy cha" có 4 phân đoạn,[1] nay tụng lại thành 3 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất gồm nửa khổ kệ, tụng lại nguyên do người con nhìn thấy cha, đó là vì *"ngày qua ngày làm thuê"* nên cuối cùng đi đến nhà của cha.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"khi ấy ông trưởng giả"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ ba trong kinh văn trường hàng, mô tả tướng trạng lúc con nhìn thấy cha. Kinh văn trường hàng nêu chỗ nhìn thấy người cha là bên cạnh cửa ra vào, kệ tụng ở đây nói ông trưởng giả ở bên trong cửa, là gồm luôn được nghĩa nơi chốn. *"Có màn báu giăng che"*, nêu tướng trạng ngay nơi chỗ [người con] nhìn thấy cha, đó là *"ngồi trên tòa sư tử"*. Pháp thân [Phật] là bậc thầy, là đức vua; báo thân và ứng hóa thân là trưởng giả. *"Đều ghi chép rành mạch"* là nói việc thụ ký, nêu rõ sự tu hành. Theo ý riêng tôi cho rằng, dùng cách giảng rộng ấy để hiển bày chỗ sơ lược là *ghi*; thọ nhận chắc chắn là *chép*; 4 hoằng thệ nguyện là chứng từ rành mạch; sự tu hành là giải thích rõ ràng.

---

[1] Bốn phân đoạn này bao gồm: 1. Nêu nguyên do [đưa con đến] nhìn thấy cha; 2. Nêu nơi chốn nhìn thấy cha; 3. Nêu việc thấy cha ngồi trên giường sư tử; 4. Nêu việc [người con] sinh tâm sợ hãi. Phần kệ tụng gộp 2 ý thứ hai và thứ ba thành một ý nên chỉ còn 3 ý.

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"đứa con khổ, thấy cha"* trở đi, gồm 3 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa phân đoạn thứ tư [trong kinh văn trường hàng] là [người con] khởi tâm sợ hãi muốn chạy trốn.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Khi ấy ông trưởng giả"* trở đi, gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa thứ hai là "cha nhìn thấy con". Kinh văn trường hàng phần này có 4 phân đoạn. Thứ nhất là nêu nơi chốn nhìn thấy; thứ hai nêu việc vừa nhìn thấy đã nhận biết; thứ ba là thấy con liền vui mừng; thứ tư là [được gặp lại con] đúng như mong ước. Trong phần kệ tụng này chỉ tụng lại 2 ý trong 2 phân đoạn. ▪ Phân đoạn thứ nhất nửa khổ kệ đầu tụng nơi chốn nhìn thấy con. ▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"từ xa nhìn thấy con"* trở đi là nửa khổ kệ thứ nhì, tụng lại ý nghĩa nhìn thấy con liền nhận biết.

KINH VĂN

"Liền sai khiến một người,
Đuổi theo để bắt lại.
Đứa con sợ, kêu la,
Ngã xuống đất ngất xỉu:
'Người này đuổi bắt ta,
Chắc ta sẽ bị giết.
Ôi chỉ vì cơm áo,
Khiến ta đến nỗi này.'
Trưởng giả biết con mình,
Ngu si, nghĩ phận hèn,
Sẽ không tin lời cha,
Không tin đó là cha.

◆ Đoạn thứ ba từ câu *"Liền sai khiến một người..."* trở đi, gồm 10 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa "theo đuổi, dẫn dụ về" trong kinh văn phần trước. [Phần này chia thành 2 tiểu đoạn.]

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa sai người hầu cận đuổi theo truy bắt. Trong kinh văn trường hàng phần này có 3 ý. Thứ nhất là [đuổi theo] gọi lớn mà người con không quay lại; thứ hai là tiếp tục đuổi bắt [nhưng ngất đi nên] cũng không quay lại; thứ ba là buông thả cho đi. Nay 3 câu kệ đầu tụng lại việc kêu gọi lần đầu không quay lại, [ví như chúng sanh] không có cơ

duyên. Câu thứ tư *"ngã xuống đất ngất xỉu"* là tụng nghĩa tiếp tục gọi lần nữa nhưng [ngất đi] không quay lại. Từ câu *"Người này đuổi bắt ta"* trở đi, gồm 2 khổ kệ, tụng ý nghĩa [ông trưởng giả biết là] không có cơ duyên thích hợp, tương hợp với ý nghĩa trong kinh văn trường hàng ở trước là buông thả cho đi.

KINH VĂN

"Ông liền dùng phương tiện,
Sai khiến vài người khác,
Chột mắt và lùn, xấu,
Dáng vẻ không oai đức:
'Hãy đến nói với nó,
Rằng ta muốn thuê người,
Để quét dọn phân dơ,
Trả công cao hơn nhiều.'
Đứa con khổ, nghe vậy,
Liền vui mừng đi theo,
Làm việc hốt phân dơ,
Và quét dọn phòng, nhà.
Trưởng giả qua cửa sổ,
Vẫn thường nhìn thấy con.
Nghĩ con mình ngu hèn,
Ưa làm việc thấp kém,
Cho nên ông trưởng giả,
Liền ăn mặc dơ nhớp,
Tay cầm đồ hốt phân,
Đi đến chỗ đứa con,
Dùng phương tiện gần gũi,
Khuyên bảo nên siêng làm:
'Ta sẽ trả thêm tiền,
Và cho dầu thoa chân,
Thức ăn uống đầy đủ,
Chăn chiếu dày đủ ấm.'
Ông dùng lời cứng rắn:
'Ngươi phải siêng năng làm.'
Rồi lại nói dịu dàng:
'Ta xem ngươi như con.'

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Ông liền dùng phương tiện"* trở đi gồm 7 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa [trong kinh văn trường hàng nói] "bí mật sai 2 người đến dẫn dụ". Trong kinh văn trường hàng, phần này chia làm 2, nay trong kệ tụng cũng chia thành 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa [ông trưởng giả] thuê [con] làm công việc. Phân đoạn thứ hai gồm 4 khổ rưỡi, tụng lại ý nghĩa dạy [con] làm việc.

▪ Phân đoạn thứ nhất trong kinh văn trường hàng ở trên là phần nói việc thuê con làm, có 4 ý. Thứ nhất là nghĩ

ra phương tiện, thứ hai là [sai người] đi tìm được [con], thứ ba là nói việc muốn thuê làm và thứ tư là [người con] nhận tiền công rồi làm việc hốt phân. Nay trong kệ tụng chỉ tụng lại thành 2 ý. Hai khổ kệ đầu tụng lại ý thứ nhất là "nghĩ ra phương tiện". Từ câu *"đứa con khổ nghe vậy"* trở đi gồm 1 khổ kệ tụng lại ý thứ 4 là "nhận tiền rồi làm việc hốt phân".

Nay giải thích trong ý thứ nhất "nghĩ ra phương tiện". *"Chột mắt"* là nói người thiên lệch chấp vào lẽ không; *"lùn"* là ngắn ngủi về thời gian, không thể thấu triệt cội nguồn thật tướng; *"xấu"* là hạn hẹp về không gian, không được trang nghiêm bởi những pháp lành Đại thừa. Không có 4 pháp vô úy nên gọi là không có *"oai"*; khác biệt với [4 đức] thường, lạc, ngã, tịnh nên gọi là không có *"đức"*.

Ý thứ hai từ câu *"đứa con khổ nghe vậy"* trở đi nói việc nhận tiền rồi làm việc hốt phân. [Nay giải thích *"quét dọn phòng, nhà"*] là làm thanh tịnh căn phòng 6 căn với ngôi nhà 5 ấm.

▪ Phần đoạn thứ hai từ câu *"trưởng giả qua cửa sổ"* trở đi gồm 4 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa trong kinh văn trường hàng về việc "dạy con làm việc". Kinh văn trường hàng phần này chia làm 4 ý, nay kệ tụng cũng đủ 4 ý.

◆ Ý thứ nhất nửa khổ kệ, tụng về việc [ông trưởng giả] nhìn từ trong cửa sổ.

◆ Ý thứ hai từ câu *"nghĩ con mình ngu hèn"* trở đi, gồm nửa khổ kệ, tụng lại phần trên nói người con *"đói gầy ốm yếu"*.

◆ Ý thứ ba từ câu *"cho nên ông trưởng giả"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa "cởi đồ đẹp, mặc đồ xấu".

◆ Ý thứ tư từ câu *"dùng phương tiện gần gũi"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý chính "dạy con làm việc".

Trong kinh văn trường hàng ở trước, phần này nói đến 7 nhóm pháp môn [trong 37 phẩm trợ đạo]. [Trong kệ tụng ở đây,] *"khuyên bảo"* là tương hợp với 4 niệm xứ; *"nên siêng làm"* là 4 chánh cần. Từ câu *"Ta sẽ trả thêm tiền"* trở đi gồm 1 khổ kệ là tụng về 4 như ý túc. *"Dầu thoa chân"* có thể ngâm sâu trong nước, ví như thần thông. Lại nữa, dầu có thể trừ được gió, ví như định thì không loạn. *"Thức ăn uống đầy đủ"* tức gồm những thứ gạo, bột gạo, muối, giấm... đã nói ở trước. *"Chăn chiếu dày đủ ấm"* tức là nói các pháp quán chiếu rèn luyện, bền bỉ tu tập định lực, có thể trừ sự tán tâm, loạn động.

Hai câu *"Ông dùng lời cứng rắn: Ngươi phải siêng năng làm"* là tụng lại bao gồm cả ý nghĩa thí dụ "an ủi" trong câu thứ tư (ví cho 5 căn) và thí dụ "không có năm điều lỗi" trong câu thứ năm (ví cho 5 lực) trong phần kinh văn trường hàng ở trước. [Ở đây hàm ý] đã thành tựu 5 căn và 5 lực rồi nên mới đủ sức nhận chịu "lời cứng rắn". Hai câu *"Rồi lại nói dịu dàng: Ta xem ngươi như con"* là tụng lại bao gồm cả câu thứ sáu "đặt tên mới và gọi là con" và câu thứ bảy "dạy phải thường làm việc [dọn phân]". Đây cũng là xác định vị trí của người con.

KINH VĂN

Trưởng giả có trí tuệ,
Dần cho con ra, vào,
Trải qua hai mươi năm,
Giao hết mọi việc nhà,
Chỉ cho biết vàng, bạc,
Trân châu cùng pha lê,
Tài sản thu hoặc chi,
Cũng đều cho rõ biết.
Nhưng vẫn ở bên ngoài,
Ngủ nghỉ chốn am tranh,
Tự nghĩ mình nghèo khổ,
Không có tài sản ấy.
Người cha biết lòng con,
Dần dần đã mở rộng,
Nên muốn giao tài sản,
Liền mời hết thân tộc,
Cùng đức vua, quan lớn,
Và sát-lợi, cư sĩ…
Tuyên bố giữa mọi người:
"Đây thật là con tôi,
Đã bỏ tôi đi xa,
Đến hơn năm mươi năm.

Từ lúc gặp lại nó,
Đã được hai mươi năm.
Xưa tôi ở thành ấy,
Thất lạc đứa con này,
Đi khắp nơi tìm kiếm,
Cuối cùng đến nơi đây.
Bao tài sản tôi có,
Nhà, đất với người làm,
Nay giao hết cho con,
Được tùy ý sử dụng."
Đứa con nghĩ: "Xưa nghèo,
Tâm chí đều kém cỏi.
Nay ở nơi nhà cha,
Bỗng được nhiều châu báu,
Cùng nhà đất, ruộng vườn,
Hết thảy mọi tài sản."
Nên hết sức vui mừng,
Được điều chưa từng có.

◆ Đoạn thứ tư từ câu *"trưởng giả có trí tuệ"* trở đi, gồm 10 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa đoạn thứ tư [thuộc tổng đoạn thứ hai] trong kinh văn trường hàng, nêu việc [ông trưởng giả] giao phó việc nhà cho con. Kinh văn trường hàng phần này chia thành 2 tiểu đoạn, nay kệ tụng cũng có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất gồm 3 khổ rưỡi kệ, tụng về nguyên do của sự giao phó việc nhà. Tiểu đoạn thứ hai gồm 6 khổ rưỡi kệ, tụng vào ý chính giao phó việc nhà.

❖ Trong tiểu đoạn thứ nhất nói về nguyên do, [kinh văn trường hàng] có 2 phân đoạn, nay kệ tụng cũng có 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất từ *"trưởng giả có trí tuệ"* trở đi gồm 2 câu, tụng khái quát về ý nghĩa "cha con dần tin tưởng nhau", tức là [có thể] ra vào [không ngăn ngại].

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"trải qua hai mươi năm"* trở đi gồm 3 khổ kệ, tụng về sự ủy thác và nhận lãnh việc nhà. Trong kinh văn trường hàng phần này có 2 ý: [người cha] ra lệnh và [người con] vâng lệnh, nay trong kệ tụng chỉ tụng lại nghĩa vâng lệnh.

Phần nói nghĩa vâng lệnh trong kinh văn trường hàng lại có 4 ý, nay tụng thành 3 ý. ◆ Ý thứ nhất 1 khổ rưỡi đầu tiên tụng về việc [người con] vâng lệnh. ◆ Ý thứ hai từ câu *"Nhưng vẫn ở bên ngoài"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng về việc

vẫn còn ở giai vị cũ, chưa buông bỏ được tâm ý thấp hèn. ◆ Ý thứ ba từ câu *"người cha biết lòng con"* trở đi gồm 2 câu, tụng về sự hiểu biết [của người con ngày càng] sâu rộng, [hàm ý] cơ duyên chí nguyện Đại thừa sinh khởi.

Nay giải thích rằng, *"hai mươi năm"* trong kệ tụng không giống như trong kinh văn trường hàng. Trong kinh văn trường hàng, vì trừ được kiến hoặc và tư hoặc nên nói là *"hai mươi"*, trong kệ tụng này nêu ý nhận lãnh việc nhà, hoặc cũng nói đó là thuyết giảng giáo pháp Đại thừa, chỉ dạy các vị Bồ Tát. Dứt trừ được biệt hoặc,[1] kiến hoặc và tư hoặc, gọi là "20 năm". Hoặc cũng nói rằng, thời gian thuyết giáo pháp Bát-nhã kéo dài, đến "20 năm". Hoặc nói rằng, ở địa vị Nhị thừa thuyết giảng giáo pháp Đại thừa là "20 năm". Kinh Nhân vương Bát-nhã nói: "Thuyết pháp Đại Bát-nhã trong 28 năm."

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Nên muốn giao tài sản"* trở đi gồm 6 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý chính "giao phó gia nghiệp". Phần này trong kinh văn trường hàng có 2 phân đoạn, nay kệ tụng cũng có 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất gồm 4 khổ rưỡi kệ, tụng ý chính giao phó gia nghiệp. Phân đoạn thứ hai gồm 2 khổ kệ, tụng về việc [người con] được giao phó [gia nghiệp] nên vui mừng.

▪ Về phân đoạn thứ nhất, trong kinh văn trường hàng ở trước, phần nói ý chính giao phó gia nghiệp có 4 ý,[2] nay chỉ tụng lại thành 3 ý, không nói về thời điểm. ◆ Ý thứ nhất là từ câu *"Nên muốn giao tài sản"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý thứ 2 trong kinh văn trường hàng là *"triệu tập người*

[1] Biệt hoặc: tức trần sa hoặc và vô minh hoặc. Kiến hoặc và tư hoặc là những phiền não mà cả Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát đều phải đoạn trừ, cho nên gọi là thông hoặc. Trần sa hoặc và vô minh hoặc là đối tượng chỉ riêng hàng Bồ Tát mới dứt trừ được nên gọi là biệt hoặc.

[2] Bốn ý trong kinh văn trường hàng là: 1. Nêu thời điểm; 2. Sai khiến việc nhà; 3. Khuyên con nên làm theo ý mình; 4. Dặn dò đừng để cho thất thoát [tài sản].

trong gia tộc”. ◆ Ý thứ hai là từ câu *“Tuyên bố giữa mọi người”* trở đi, gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ ba trong kinh văn trường hàng, nêu việc xác định quan hệ cha con, hàm ý nói về chân tánh. ◆ Ý thứ ba từ câu *“bao tài sản tôi có”* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý thứ tư trong kinh văn trường hàng là chính thức giao phó gia nghiệp.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *“Đứa con nghĩ: Xưa nghèo…”* trở đi, gồm 2 khổ kệ, tụng về việc [người con] được giao phó [gia nghiệp] nên hoan hỷ.

KINH VĂN

Đức Phật cũng như vậy,
Biết chúng ưa Tiểu thừa,
Nên chưa từng nói ra:
“Các ông sẽ thành Phật.”

Phương tiện dạy chúng con,
Được các pháp vô lậu,
Thành tựu quả Tiểu thừa,
Thành đệ tử Thanh văn.

▣ Tổng phần thứ hai từ câu *“Đức Phật cũng như vậy”* trở đi, gồm 30 khổ rưỡi kệ, [chia làm 2 phần], tụng những ý nghĩa tương hợp. ■ [Phần thứ nhất gồm 2 khổ kệ, tương hợp với ý nghĩa 4 đoạn trong kinh văn trường hàng.]

◆ Câu *“Đức Phật cũng như vậy”* là tương hợp với đoạn thứ nhất, nói thí dụ “cha con thất lạc nhau”.

◆ Câu *“Biết chúng ưa Tiểu thừa”* là tương hợp với thí dụ “cha con gặp nhau” [ở đoạn thứ hai].

◆ Hai câu *“Nên chưa từng nói ra: Các ông sẽ thành Phật”* là tương hợp với thí dụ “theo đuổi dẫn dụ” [ở đoạn thứ ba]. Phần kệ tụng ở trước tương hợp [với thí dụ] này có 2 ý. Thứ nhất là kêu gọi lần sau [nhưng người con] vẫn không quay lại, thứ hai là [người cha bảo] buông thả cho đi. Nay ở đây tụng gồm chung thành 1 ý.

◆ Từ câu *“Phương tiện dạy chúng con”* trở đi gồm 1 khổ kệ là tương hợp với phần ở trước tụng về thí dụ “bí mật

sai 2 người đến dẫn dụ". Phần trước tương hợp với cả cách hiểu theo giáo nghĩa và cách hiểu phân tích suy xét, trong phần này tụng gồm chung thành 1 ý.

KINH VĂN

Phật lại sai chúng con,
Thuyết giảng đạo tối thượng,
Những ai tu tập theo,
Đều sẽ được thành Phật.

■ Phần thứ hai từ câu *"Phật lại sai chúng con"* trở đi gồm 28 khổ rưỡi kệ là tương hợp với [thí dụ] "nhận lãnh gia nghiệp"] ở đoạn thứ tư [trong kinh văn trường hàng]. Trong kinh văn phần trước tương hợp có 2 nghĩa, cha con tin nhau và giao phó gia nghiệp. Trong phần này [chia thành 2 tổng đoạn:] ▣ 18 khổ rưỡi kệ đầu chỉ tụng tương hợp với nghĩa muốn giao phó gia nghiệp. ▣ 10 khổ kệ tiếp theo tụng tương hợp với ý chính giao phó [gia nghiệp].

◆ Kinh văn phần trước nói về sự vâng lệnh chỉ có 2 ý: thứ nhất là vâng lời cha nhận lãnh việc nhà, thứ hai là không giữ lại gì cho riêng mình. Đoạn thứ nhất ở đây gồm 1 khổ kệ, tụng [tương hợp với nghĩa cha sai con] nhận lãnh việc nhà và nên rõ biết [mọi việc trong nhà]. Phần kệ tụng ở trước nói ông trưởng giả bảo con nên rõ biết tất cả, ở đây nói *"đạo tối thượng"* tức là [rõ biết] tánh không của Bát-nhã, xét cho cùng cũng không sai với ý nghĩa ở trước.

KINH VĂN

Chúng con vâng lời Phật,
Vì các Đại Bồ Tát,
Thuyết giảng các nhân duyên,
Cùng đủ loại thí dụ,
Dùng cách này, cách khác,
Để nói đạo Vô thượng.
Bao nhiêu hàng Phật tử,
Theo chúng con nghe pháp,
Rồi ngày đêm suy ngẫm,
Tu tập rất chuyên cần,
Đến lúc được chư Phật,
Vì họ mà thụ ký:
"Các ông trong tương lai,
Đều sẽ được thành Phật."

Con nghĩ: "Tạng bí mật,
Của chư Phật mười phương,
Đều chỉ vì Bồ Tát,
Nói lên pháp chân thật,
Chẳng phải vì chúng con,
Nói pháp chân thật ấy."

◆ Đoạn thứ hai gồm 17 khổ rưỡi kệ, tụng [tương hợp] ý chính [người con vâng lời cha] nhận lãnh việc nhà và không hề có ý giữ gì cho riêng mình, tất cả đều không nắm giữ và rõ biết thông suốt, rộng khắp. [Đoạn này chia thành 2 tiểu đoạn.]

❖ Tiểu đoạn thứ nhất từ câu *"Chúng con vâng lời Phật"* trở đi, gồm 5 khổ kệ, tụng vào ý chính [tương hợp với nghĩa] vâng lời cha [nhận lãnh việc nhà].

"Bao nhiêu hàng Phật tử, theo chúng con nghe pháp..." cho đến *"được chư Phật... thụ ký"* là nêu rõ sự thuyết giảng giáo pháp làm lợi ích chúng sanh. Lúc bấy giờ [hàng Thanh văn] cho rằng việc thuyết giảng giáo pháp ấy đều là vì giáo hóa các vị Bồ Tát chứ không phải vì mình.

KINH VĂN

Như đứa con khốn khổ,
Được gần gũi cha mình,
Tuy rõ biết tài sản,
Lòng không mong có được.
Chúng con tuy thuyết giảng,
Kho pháp Phật quý báu,
Nhưng tự không chí nguyện,
Nên cũng giống như vậy.
Chúng con diệt phiền não,
Tự cho là đã đủ,
Chỉ xong một việc này,
Không còn việc gì khác.
Chúng con dẫu được nghe,
Việc cõi Phật thanh tịnh,
Việc giáo hóa chúng sanh,
Cũng đều không vui thích.
Vì sao lại như vậy?
Vì hết thảy các pháp,
Đều trống không vắng lặng,
Không sinh cũng không diệt,
Không lớn cũng không nhỏ,
Không lậu hoặc, vô vi.
Thường suy ngẫm như thế,
Nên không sinh vui thích.
Chúng con suốt đêm dài,
Đối với trí tuệ Phật,
Không tham muốn, bám chấp,
Cũng không có chí nguyện,

Nhưng đối với các pháp,
Cho đó là rốt ráo.
Chúng con trong đêm dài,
Tu tập theo pháp không,
Được thoát ngoài ba cõi,
Thoát hoạn nạn khổ não,
Trụ nơi thân cuối cùng,
Vào Niết-bàn hữu dư.
Theo lời Phật chỉ dạy,
Đạt đạo không hư dối,
Cho rằng đã thành tựu,
Báo đáp được ơn Phật.
Chúng con tuy vẫn thường,
Vì hết thảy Phật tử,
Thuyết giảng pháp Bồ Tát,
Hướng đến cầu đạo Phật,
Nhưng đối với pháp ấy,
Mãi mãi không ham thích.
Đạo sư tạm bỏ qua,
Vì biết tâm chúng con;
Ban đầu không khuyến tấn,
Pháp lợi ích chân thật.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Như đứa con khốn khổ"* trở đi, gồm 12 khổ rưỡi kệ, tụng [tương hợp với] nghĩa thứ hai là "không nghĩ đến việc giữ cho riêng mình". Kệ tụng phần này nói rộng thêm nghĩa ở trước, chia làm 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, lặp lại nội dung tương hợp của thí dụ ở phần trước.

▪ Phân đoạn thứ hai, từ câu *"Chúng con tuy thuyết giảng"* trở đi gồm 11 khổ rưỡi kệ, tụng tương hợp với ý chính là "không giữ gì cho mình".

Trong phân đoạn này có 3 ý.

◆ Ý thứ nhất 1 khổ kệ tụng ý chính tương hợp với nghĩa không giữ cho mình.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Chúng con diệt phiền não"* trở đi, gồm 9 khổ rưỡi kệ, [giải thích vì] có đủ trí đức và đoạn đức cho nên [tương hợp với] nghĩa không giữ lại cho mình.

Ý này lại có 3 tiểu ý, bao gồm: nêu ra, giải thích và tóm kết.

✦ Tiểu ý thứ nhất nói nghĩa nêu ra lại chia làm 2 phần. Phần thứ nhất gồm 1 khổ kệ, nêu nghĩa đầy đủ đoạn đức nên [tương hợp với ý] không giữ cho mình. Phần thứ hai

từ câu *"Chúng con dẫu được nghe"* trở đi cũng gồm 1 khổ kệ, nêu nghĩa đầy đủ trí đức nên [tương hợp với ý] không giữ cho mình.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vì sao lại như vậy"* trở đi gồm 6 khổ kệ, giải thích cả 2 phần trí đức và đoạn đức.

✦ Tiểu ý thứ ba từ câu *"Chúng con tuy vẫn thường"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ là tóm kết phần giải thích, [tụng tương hợp với] nghĩa không tự giữ lại cho mình.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Đạo sư sư tạm bỏ qua, vì biết tâm chúng con..."* trở đi gồm 1 khổ kệ, nêu rõ việc đức Phật thấy biết trong tâm [hàng Thanh văn chưa tiếp nhận được nên] tạm bỏ qua [không thuyết giảng Đại thừa], tương hợp với [ý nghĩa trong thí dụ đứa con] không giữ gì lại cho mình.

KINH VĂN

Như ông trưởng giả kia,
Biết tâm con kém cỏi,
Nên dùng sức phương tiện,
Để uốn nắn tâm ấy,
Rồi sau mới giao phó,
Cho hết thảy tài sản.
Đức Phật cũng như thế,
Hiện ra việc ít có,
Biết tâm ưa Tiểu thừa,
Liền dùng sức phương tiện,
Để điều phục tâm ấy,
Rồi dạy trí Đại thừa.
Chúng con ngày hôm nay,
Được việc chưa từng có,
Trước đây không mong cầu,
Mà hôm nay đạt được.
Như đứa con khốn cùng,
Được vô số của quý.
Thế Tôn! Nay chúng con,
Đã đạt đạo, chứng quả,
Đối với pháp vô lậu,
Được mắt pháp thanh tịnh.
Chúng con trong đêm dài,
Giữ tịnh giới của Phật,
Hôm nay mới vừa được,
Kết quả như thế này.
Trong pháp của Pháp vương,
Tu Phạm hạnh[1] lâu dài,
Nay được quả vô lậu,
Tối thượng, không gì hơn.
Chúng con ngày hôm nay,
Mới thật là Thanh văn,

[1] Phạm hạnh: hạnh thanh tịnh, hàm ý chỉ sự diệt dục, dứt bỏ ái dục thế gian.

Đem âm thanh pháp Phật,
Khiến tất cả được nghe.
Chúng con ngày hôm nay,
Thật là bậc Ứng cúng,[1]

Đối với khắp thế gian,
Trời, người, ma, Phạm chí,
Khắp trong đại chúng ấy,
Xứng đáng nhận cúng dường.

▣ Tổng đoạn thứ hai gồm 10 khổ kệ, từ câu *"Như ông trưởng giả kia"* trở đi, tụng ý chính là giao phó gia tài sự nghiệp. Phần kệ tụng ở trước tương hợp với nghĩa này có 2 ý. Thứ nhất là [ông trưởng giả] chính thức giao phó gia tài sự nghiệp [cho con], thứ hai là [người con] được giao phó nên vui mừng. Nay ở phần này tụng lại cũng có 2 phần, [chia thành 2 đoạn]. Đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng về sự chính thức giao phó. Đoạn thứ hai gồm 7 khổ kệ, tụng về việc [người con] được giao phó [gia nghiệp] nên vui mừng.

◆ Đoạn thứ nhất 3 khổ kệ tụng nghĩa giao phó, phần kệ ở trước tụng nghĩa tương hợp chung về việc giao phó, phần này cũng tụng nghĩa chung, nhưng chia ra 1 khổ rưỡi kệ đầu tiên lặp lại thí dụ ở trước, 1 khổ rưỡi kệ còn lại tụng [nghĩa tương hợp với] ý chính giao phó tài sản sự nghiệp.

◆ Đoạn thứ hai từ câu "Chúng con ngày hôm nay" trở đi gồm 7 khổ kệ, tụng nghĩa thứ hai là [người con] được giao phó gia nghiệp nên vui mừng. *["Thế Tôn! Nay chúng con, đã đạt đạo, chứng quả"]*, đạt đạo là nói đạt đạo thật tướng, chứng quả là nói chứng được một phần tập quả[2] Đại thừa. Hai câu này nêu rõ việc khai mở chỗ biết như Phật. *"Đối với pháp vô lậu, được mắt pháp thanh tịnh"*, hai câu này nêu rõ việc khai mở chỗ thấy như Phật, tức là thấy được lý thật tướng. Ngày trước [theo pháp Tiểu thừa] được chỗ thấy vô lậu không rơi vào phàm phu, ngày nay [theo pháp Đại thừa] được chỗ thấy vô lậu không rơi vào Nhị

[1] Nguyên tác dùng A-la-hán (阿羅漢), có nhiều hàm nghĩa, nhưng ở đây đặc biệt đề cập đến nghĩa ứng cúng (應供), là xứng đáng nhận sự cúng dường.

[2] Tập quả (習果), về sau được dịch là đẳng lưu quả (等流果), Phạn ngữ là (niṣyanda-phala), có nghĩa là quả đạt được ngang bằng, đồng loại với nhân tu tập.

thừa. Ngày trước dùng mắt tuệ thấy được lẽ không, ngày nay dùng mắt pháp thanh tịnh thấy được lẽ trung đạo. Về kết quả giữ giới, ngày trước [theo Tiểu thừa] trì giới và giữ hạnh thanh tịnh cùng làm rõ pháp vô lậu, [sau đó] hủy nhục thân, diệt tâm trí,[1] không còn người thọ nhận quả báo ấy; ngày nay [theo Đại thừa] thì giữ hạnh thanh tịnh có thể đạt được vô lậu, tức là rõ biết nhân, thọ nhận quả. Giữ giới tức là nghĩa duyên nhân, mắt pháp thanh tịnh thấy rõ lý tức là nghĩa chánh nhân.[2]

"Chúng con ngày hôm nay, mới thật là Thanh văn", tức là [đã được] các giai vị chân thật trong Đại thừa. [Bồ Tát ở giai vị] Thập tín có thể dùng một âm thanh mà khiến cho khắp thế giới Đại thiên[3] [đều nghe được] nhưng cũng chỉ là tương tợ với đạo, chưa phải chân thật. [Bồ Tát] đạt đến các giai vị Thập trụ[4] tức là chân thật.

A-la-hán chân thật có 3 nghĩa, phần kệ tụng này chỉ nêu một nghĩa "ứng cúng" [là "xứng đáng nhận cúng dường"]. Nếu không còn khởi sinh biến dịch, diệt trừ hết thông hoặc, biệt hoặc, đó là các nghĩa "bất sanh", "sát tặc".

---

[1] Nguyên tác dùng "灰身滅智 - hôi thân diệt trí", chỉ trạng thái tịch diệt của vị thánh Tiểu thừa, tự hủy diệt thân xác, dứt hết mọi hoạt động của tâm trí, đi vào cảnh giới rỗng không vắng lặng và xem đó là Niết-bàn.

[2] Chánh nhân là nhân chánh tạo thành quả, duyên nhân là các nhân phụ làm điều kiện để chánh nhân có thể phát triển thành quả.

[3] Nguyên tác dùng "三千界 - tam thiên giới", là cách nói tắt của "三千大千世界 - tam thiên đại thiên thế giới" (tri-sāhasra-mahā-sāhasra-loka-dhātu), chỉ một thế giới đại thiên. Vì 1.000 thế giới tạo thành một thế giới tiểu thiên, 1.000 thế giới tiểu thiên tạo thành một thế giới trung thiên, 1.000 thế giới trung thiên tạo thành một thế giới đại thiên, nên một thế giới đại thiên cũng được gọi là một "tam thiên đại thiên thế giới" (thế giới đại thiên được tạo thành bởi ba lần 1.000). Do vậy, cách chuyển dịch "tam thiên đại thiên thế giới" thành "3.000 đại thiên thế giới" là hoàn toàn không đúng ý nghĩa, vì trong thực tế cụm từ ngữ này chỉ đến một đại thiên thế giới mà thôi.

[4] Thập trụ: các giai vị tiếp theo sau Thập tín. Từ sau các giai vị Thập trụ, vị Bồ Tát còn lần lượt trải qua Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác trước khi thành tựu quả Phật.

Có thể là ruộng phước cho [hết thảy chúng sanh] trong mười pháp giới, đó là nghĩa là "ứng cúng". "Ứng cúng" và "sát tặc" [là hai nghĩa] hỗ tương làm rõ cho nhau.

KINH VĂN

Ân đức của Thế Tôn,
Đem sự việc ít có,
Thương xót dạy dỗ cho,
Chúng con được lợi ích.
Dẫu qua vô số kiếp,
Ai người đền đáp được?
Dù tay chân phụng sự,
Lại cúi đầu kính lễ,
Cúng dường đủ mọi thứ,
Cũng không báo đáp được.
Dù đội trên đỉnh đầu,
Gánh vác bằng hai vai,
Trải qua vô số kiếp,
Với hết lòng cung kính,
Lại dùng thức ăn ngon,
Vô số y phục quý,
Cùng những thứ chăn nệm,
Đủ các loại thuốc men.
Dùng chiên đàn Ngưu đầu,[1]
Cùng các loại trân bảo,
Để xây dựng tháp miếu,
Dùng vải quý trải đất…
Hết thảy những việc ấy,
Đều dùng để cúng dường,
Trải qua vô số kiếp,
Cũng không thể báo đáp.

Chư Phật là ít có,
Là vô lượng vô biên,
Là không thể nghĩ bàn.
Sức thần thông lớn lao,
Không lậu hoặc, vô vi,
Là vua của các pháp.
Thường vì kẻ hèn kém,
Nhẫn chịu những việc ấy,
Mang lấy tướng phàm phu,
Để thuyết pháp thích hợp.
Chư Phật với các pháp,
Đã hoàn toàn tự tại.
Rõ biết sự ưa muốn,
Cùng chí hướng, sức lực...
Của hết thảy chúng sanh.
Nên tùy sức nhận lãnh,
Dùng vô số thí dụ,
Để thuyết giảng giáo pháp.
Tùy căn lành đời trước,
Của mỗi một chúng sanh,
Biết rõ sự thành thục,
Hoặc chưa được thành thục,
Suy lường đủ mọi mặt,
Để phân biệt rõ biết,
Nên với đạo Nhất thừa,
Tùy nghi thuyết thành ba.

[1] Chiên đàn Ngưu đầu (牛頭栴檀): loại trầm hương quý giá màu đỏ chỉ có ở núi Ngưu đầu (牛頭山).

▣ Phần kế tiếp gồm 13 khổ kệ [có thể tách riêng thành phần kết lại của kệ tụng, nội dung] xưng tán ân đức sâu dày của Phật khó báo đáp được. Ý nghĩa phần này y theo kinh văn có thể hiểu được, [không cần giải thích].

Theo ý riêng tôi thì ân đức lớn lao của đức Thế Tôn có thể kể ra như sau:

❖ Thứ nhất, đức Phật dựng lập đạo từ bi, giúp chúng sanh trong sáu đường dứt trừ khổ não, mang lại sự an vui khi chứng đắc 4 thánh quả, khiến cho chúng sanh khắp trong 10 pháp giới đều thể nhập được 4 lời thệ nguyện lớn.[1] Đây là ân đức [dựng lên] tòa nhà Như Lai.

❖ Thứ hai, đức Như Lai thực hành đạo Bồ Tát, chỉ bày giáo pháp lợi lạc hoan hỷ, trước đây đã từng dạy cho ta giáo pháp Đại thừa, tuy giữa đường tu tập có quên mất đi nhưng trí tuệ và ý nguyện [Đại thừa] không hề mất. Đó là ân đức [khi xuất gia ở trong] nhà Như Lai mát mẻ, ấm áp, có lòng đại từ ban sự an vui.

❖ Thứ ba, chúng sanh chịu khổ não [như người con cùng khổ] thấy cha chỉ biết đứng nhìn, đức Phật [không từ bỏ mà luôn theo đuổi,] suy xét tìm cơ duyên thích hợp [để hóa độ,] giống như nghé con theo mẹ [không buông], thực hành đầy đủ 6 pháp ba-la-mật để làm lợi lạc chúng sanh. Đó là ân đức [khi xuất gia ở trong] nhà Như Lai, tránh được sự rét lạnh hay nóng bức, có lòng đại bi cứu bạt khổ não.

❖ Thứ tư, đức Phật đã thành đạo rồi, lẽ ra có thể an hưởng niềm vui tịch diệt vô vi, nhưng ngài tự che giấu

[1] Nguyên tác dùng "四弘 - tứ hoằng", là nói tắt của "四弘誓願 - tứ hoằng thệ nguyện" nghĩa là bốn lời thệ nguyện lớn, bao gồm: 1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; 2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn; 3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học; 4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Bốn lời thệ nguyện này không có giới hạn, có thể xem như thiết lập toàn bộ con đường tu tập của người Phật tử từ khi còn là phàm phu cho đến lúc thành tựu quả Phật.

phẩm đức thần thông của mình, vận dụng những pháp mà [chúng sanh giống như đứa con] nghèo nàn kia ưa thích như 5 giới, 10 nghiệp lành... [để giáo hóa, giống như ông trưởng giả sai người] "dùng nước lạnh tưới lên mặt [đứa con đang hoảng sợ] cho tỉnh lại". Đó là ân đức [khi đắp] y Phật ngăn che được sức nóng tham dục.

❖ Thứ năm, đức Phật thị hiện hình tướng như tỳ-kheo già [trong thế gian, giống như ông trưởng giả] dùng phương tiện để gần gũi [đứa con cùng khổ,] trả giá cho [con làm công] mỗi ngày. Đó là ân đức [khi đắp] y Phật trừ được sự rét lạnh của kiến chấp và sức nóng của ái luyến.

❖ Thứ sáu, sau khi vận dụng phương tiện như vậy rồi, đến lúc [chúng sanh] đã phát khởi được niềm tin liền chê trách bác bỏ khiến cho hổ thẹn [vì tu theo] Tiểu thừa và sinh tâm ngưỡng mộ Đại thừa. Đó là ân đức [khi đắp] y Phật ngăn chặn được những điều xấu ác hèn kém.

❖ Thứ bảy, [đức Phật thuyết dạy giáo pháp Đại thừa như ông trưởng giả] giao cho con nhận lãnh mọi việc nhà, vàng bạc cho đến tất cả kho chứa đều rõ biết. Đó là ân đức [khi đắp] y Phật ta được trang nghiêm.

❖ Thứ tám, [trong pháp hội Pháp hoa, Phật thụ ký cho các đệ tử, như ông trưởng giả] triệu tập người trong gia tộc để tuyên bố xác định quan hệ cha con, giao phó gia nghiệp, [nên đối với] Phật pháp vô thượng không mong cầu mà tự nhiên có được. Đó là ân đức [cho ta ngồi] tòa Như Lai.

❖ Thứ chín và thứ mười là đã được ngồi tòa Như Lai, thân tâm thảnh thơi, nhanh chóng đạt được sự an ổn, rồi dùng âm thanh Phật đạo để khiến cho tất cả [chúng sanh] đều được nghe, bao gồm trong đó hết thảy chư thiên và loài người nên thọ nhận cúng dường. Đó là ân đức [cho ta] ngồi tòa Như Lai nên được đầy đủ cả 2 pháp tự thực hành và giáo hóa chúng sanh.

Kinh văn nói rằng ân đức lớn lao của đức Thế Tôn dù có dùng hai vai gánh vác [trong vô số kiếp] cũng không thể báo đáp được, chính là nói những ân đức như thế.[1]

[1] Đến đây là hết quyển 6 của Văn Cú, cũng hết phần giải thích phẩm Tin hiểu.

CẤU TRÚC PHẦN KINH VĂN TRƯỜNG HÀNG PHẨM THÍ DỤ CỎ THUỐC

CẤU TRÚC PHẦN KỆ TỤNG TRONG PHẨM THÍ DỤ CỎ THUỐC(54.5 khổ kệ)

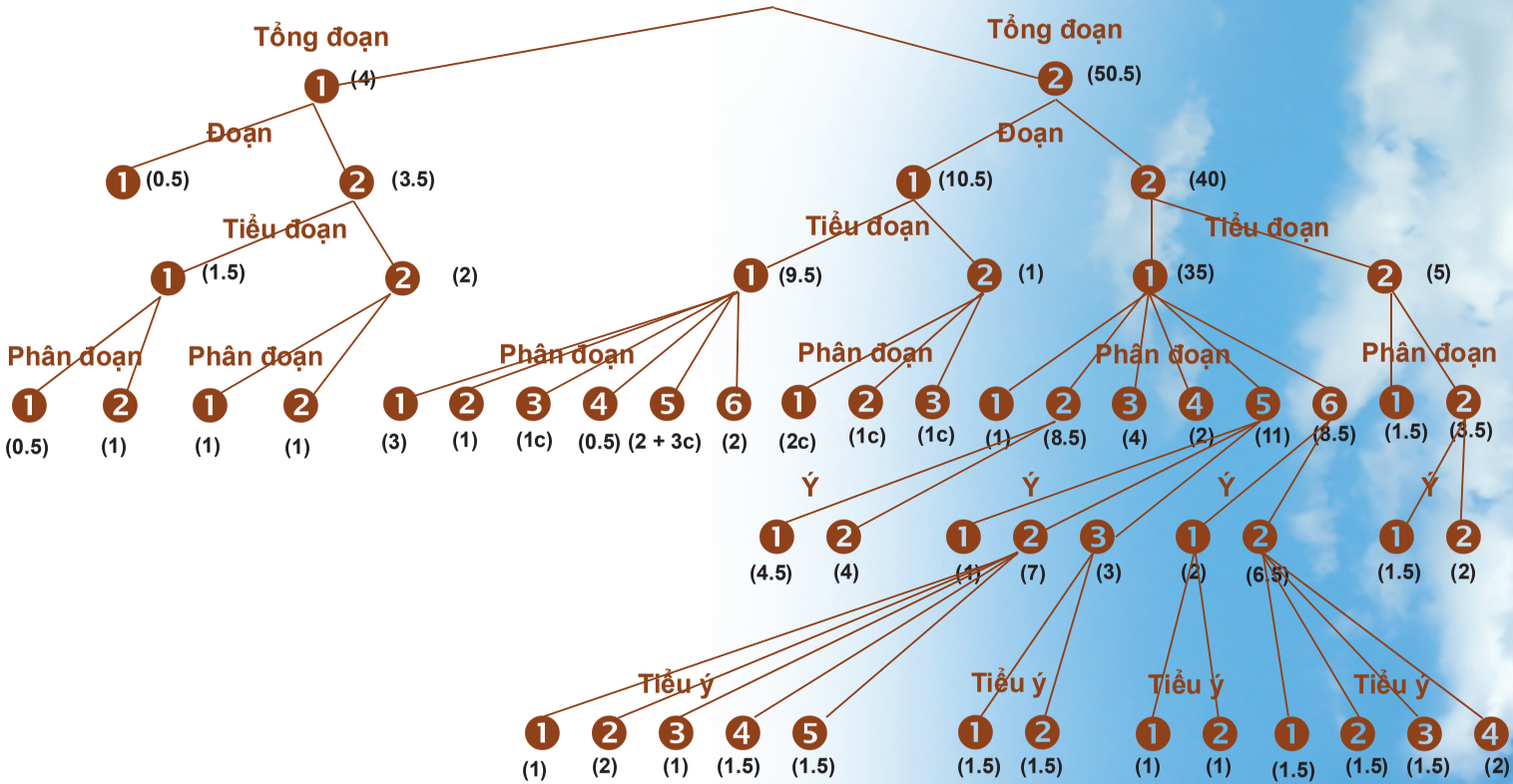

5. Giải thích phẩm Thí dụ Cỏ thuốc

KINH VĂN

Phẩm Thí dụ cỏ thuốc, thứ năm

1. Trong phẩm này đề cập đủ cả núi sông, mây mưa, nhưng chỉ lấy riêng cỏ thuốc (dược thảo) để làm tên phẩm. Đất đai có công năng sanh sôi, mây mưa có công năng nhuần thấm, cây cỏ [từ đó] được sanh sôi, được thấm nhuần. Những gì được sanh sôi, được thấm nhuần đều có công dụng, nhưng cỏ thuốc thì công dụng mạnh mẽ hơn. [Cũng như] các việc thiện hữu lậu đều có công năng trừ việc ác, [nhưng việc thiện] vô lậu là vượt trội hơn hết. Trong thánh chúng vô lậu, 4 vị đại đệ tử đã dùng thí dụ [để trình bày sự] lãnh hội [của mình đối với] thí dụ Phật đã nói, thể hội sâu xa thánh ý của Phật, nên Phật nói *"lành thay"* và khen ngợi *"Các ông là những người rất ít có."* [Ngài Ca-diếp] trình bày chỗ mình nhận hiểu được để dẫn dụ giúp người khác nhận hiểu, cho nên gọi tên là phẩm *Thí dụ Cỏ thuốc* (Dược thảo dụ).

2. Nói về cỏ thuốc, vốn sống lâu ngày trong rừng, một khi gặp được cơn mưa giúp cho tươi tốt thì bên ngoài chồi lá xanh um, bên trong tràn trề nhựa sống. Đây là ví như các vị thánh vô lậu ở kiếp sống cuối cùng, đạt được Niết-bàn hữu dư rồi nên không phát nguyện cầu Phật đạo Vô thượng, nay được nghe kinh [Pháp hoa này] thì tự mình nương theo Phật thừa, đồng thời dùng [Phật thừa này] để cứu độ chúng sanh.

Kinh văn nói:

Chúng con ngày hôm nay,
Mới thật là Thanh văn,
Đem âm thanh pháp Phật,
Khiến tất cả được nghe.

[Như vậy là] cả trong lẫn ngoài, tự mình thực hành và giáo hóa chúng sanh đều đầy đủ sức hoạt dụng thù thắng, [giống như cỏ thuốc gặp mưa], cho nên gọi tên là phẩm *Thí dụ Cỏ thuốc* (Dược thảo dụ).

3. Lại nói về cỏ thuốc, vốn có thể trừ được [bệnh của] 4 đại do gió [độc, khí] lạnh... nuôi dưỡng 5 cơ quan nội tạng,[1] giúp người trẻ lại, duy trì hình sắc. Nay nhờ gặp cơn mưa bỗng nhiên phát triển thành cây thuốc chúa, uống vào trị được hết thảy các bệnh, lại biến người thành tiên. Đây là ví như các vị thánh vô lậu khi nghe kinh [Pháp hoa này] liền phá trừ được vô minh hoặc, khai mở tri kiến Phật. Trong kinh văn, [ngài Xá-lợi-phất] nói: *"Ngày hôm nay con mới biết mình đích thực là con Phật."* [Ngài Ca-diếp lại nói:] *"Bao nhiêu báu vô thượng, không cầu tự nhiên được."* [Lại nói:] *"Những gì hàng con Phật cần đạt được thì nay [chúng con] đều đã đạt được."*[2] [Đây là nói việc hàng Thanh văn] đối trước Phật riêng được thụ ký, sự vui mừng thật vi diệu nhiệm mầu, tương xứng [với công năng cỏ thuốc], cho nên gọi tên là phẩm *Thí dụ Cỏ thuốc* (Dược thảo dụ).

[Như trên vừa nêu 3 ý,] ý thứ nhất nói nghĩa đệ tử [là ngài Ca-diếp] trình bày sự nhận hiểu lời dạy của thầy [là đức Phật], đây là ý nghĩa thế giới tất đàn. Ý thứ hai nói

---

[1] Năm cơ quan nội tạng là tim, gan, phổi, thận và dạ dày.

[2] Văn Cú trích dẫn gộp các phần kinh văn này thành một và chỉ nói lược, chúng tôi dẫn lại đầy đủ theo kinh văn.

nghĩa sinh khởi sự tốt đẹp, đây là ý nghĩa vị nhân tất đàn. Ý thứ ba nói nghĩa đối trị [tất cả bệnh tật] và nghĩa [thành tựu quả Phật] cao tột nhất, đây là ý nghĩa đối trị tất đàn và đệ nhất nghĩa tất đàn.

Như trên là giải thích tên phẩm theo nghĩa nhân duyên. Ngoài ra còn lại những cách giải thích dựa theo giáo nghĩa, bản tích hay quán tâm thì cứ theo thông lệ có thể hiểu được, không cần phải ghi chép vào đây. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

> **Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Ma-ha Ca-diếp và các vị đại đệ tử: "Lành thay, lành thay! Ca-diếp khéo nói ra công đức chân thật của Như Lai. Đúng như lời ông nói, Như Lai lại có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ các công đức khác, cho dù các ông có diễn nói trong vô lượng ức kiếp cũng không thể cùng tận.**

Trong phần thuyết thí dụ thì phẩm này là phần thứ ba trần thuật sự thành tựu. Các nhà cựu giải cho rằng, [đoạn này Phật khen ngợi việc ngài Ca-diếp nói ra] 13 khổ kệ xưng tán ân đức sâu dày của Phật, cùng với đoạn kệ nói thí dụ ["ông trưởng giả] chỉ dạy công việc cho người làm", vì kinh văn nói đến sự uyển chuyển khéo léo. Ngài Nam Nhạc nói rằng:[1] "Không nên hiểu sai lệch như thế. Trong kinh văn [Phật khen ngợi ngài Ca-diếp là] 'khéo nói ra công đức chân thật của Như Lai', đó là trình bày lại đầy đủ về sự nhận hiểu cả hai pháp quyền và thật." Cần làm sáng tỏ kinh văn ở chỗ này: 13 khổ kệ chỉ là nói hàng Nhị thừa chịu ơn nhận lãnh giáo pháp, còn thí dụ *"ông trưởng giả dạy công việc cho người làm"* chỉ nói công đức quyền thừa của Phật.

[1] Văn Cú nói "Sư vân - 師云" (thầy nói rằng). Văn Cú Ký giải thích, "Sư" chính là chỉ đến ngài Nam Nhạc Tuệ Tư (南嶽慧思), tức là thầy của Đại sư Trí Khải.

Nay giải thích rằng kinh văn đoạn này trần thuật trọn vẹn sự nhận hiểu từ đầu đến cuối, khởi đầu là kết duyên [với Phật vì có] tánh Phật,[1] khoảng giữa là [quên mất chí nguyện Đại thừa nhưng Phật vẫn] theo giáo hóa dẫn dụ, và sau cùng là [thí dụ] giao phó gia tài sự nghiệp, [tức được thụ ký thành Phật]. Từ nhỏ nhặt đến lớn lao, thật là vô lượng vô biên quá nhiều ân đức [Phật].[2]

Kinh văn đoạn này chia làm 2 tổng phần. Thứ nhất là nói sơ lược sự thành tựu, thứ hai là nói rộng sự thành tựu.

▣ Tổng phần nói lược lại cũng chia 2 phần. Thứ nhất là 2 lần [Phật khen ngợi] *"lành thay"*, thứ hai là nêu ý [ngài Ca-diếp] dù nhận hiểu cũng không cùng tận.

◆ Nói về 2 lần [Phật khen] *"lành thay"*, lần thứ nhất là khen 2 chỗ nhận hiểu nghĩa chân thật, lần thứ hai là khen 2 chỗ nhận hiểu về nghĩa quyền thừa.[3]

"Khéo nói ra công đức chân thật của Như Lai." "Chân thật" là trần thuật pháp thật, *"công đức"* là trần thuật pháp quyền.

Lại nữa, trong thời thuyết giáo pháp Hoa nghiêm, [Phật] dự định [giáo pháp ấy] thích hợp, đó là nhận hiểu pháp thật;

---

[1] Chỗ này Văn Cú nói "天性結緣 - thiên tánh kết duyên", theo cách dùng trong sách này thì "thiên tánh" chỉ chân tánh, thật tánh hay tánh Phật. Tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh Phật nên đó là sự kết duyên với Phật. Tuy nhiên, Văn Cú Ký giải thích rằng "thiên tánh" là chỉ cho đạo tràng của Phật Đại Thông Trí Thắng, tức là nói nhân duyên từ quá khứ. Giải thích như vậy là nói về sự, còn theo lý mà nói thì duyên với chư Phật chính là tánh Phật.

[2] Chỗ này Văn Cú chép rất khó hiểu: "自微自著無量無邊諸恩德也 。 - Tự vi tự trước vô lượng vô biên chư ân đức dã." Chúng tôi dựa theo giải thích của Văn Cú Ký để hiểu và chuyển dịch: "自微等者, 自從也 。從小之大至第十恩故云諸也 。 - Tự vi đẳng giả, tự tùng giả. Tùng tiểu chi đại chí đệ thập ân cố vân chư dã."

[3] Văn Cú dùng "lưỡng xứ" (hai chỗ). Văn Cú Ký giải thích rằng 2 chỗ là nói đến ý nghĩa phương tiện của thí dụ "căn nhà đang cháy", do trong phẩm Tin hiểu có 2 chỗ nêu sự nhận hiểu, nay ở đây cũng nhắc lại 2 chỗ nhận hiểu.

trong thời thuyết giáo pháp Tam tạng,[1] [Phật dùng phương tiện] dẫn dụ, đó là nhận hiểu pháp quyền. Đến thời Phương đẳng sinh khởi lòng tin, thời Bát-nhã trao nhận giáo pháp [Đại thừa], đó là nhận hiểu cả pháp quyền và pháp thật. Nay trong thời thuyết giáo pháp Pháp hoa, [Phật] giao phó gia tài [Chánh pháp], đó là chỉ riêng nói pháp thật. Ngôn từ rốt ráo, uyển chuyển khéo léo, cho nên [Phật khen] là *"khéo nói ra"*; [hết thảy công đức] đều là pháp Phật cho nên nói là *"chân thật"*. *"Đúng như lời ông nói"* tức là [Phật] ấn chứng, xác định [cho những lời của ngài Ca-diếp].

◆ Từ câu *"Như Lai lại có..."* trở đi là nêu sự nhận hiểu [công đức của Phật] không thể cùng tận. Không cùng tận như thế nào? Đó là nói [sự nhận hiểu ấy] cho dù có tiến lên cao hay lùi lại xuống thấp, theo chiều ngang hay chiều dọc, đồng thời ngang dọc hoặc chẳng ngang chẳng dọc cũng đều không cùng tận.

Vì sao vậy? Như vầng mây lớn che phủ khắp cùng, nơi nơi đều được mát mẻ, như cơn mưa lớn đổ xuống khắp nơi, không một chỗ nào là không thấm ướt. [Công đức của Phật] giúp cho khắp cả thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có, đâu thể nào chỉ theo giáo nghĩa riêng hàng Nhị thừa nhận hiểu được lợi ích mà không nói đến 2 cõi trời, người [như hạng cỏ thuốc nhỏ cũng được mưa thấm nhuần].[2] Đây là nói lùi xuống thấp hơn cũng không cùng tận.

[Kinh văn ví] Bồ Tát như *"là cỏ thuốc bậc cao"*, lại cũng *"gọi là hạng cây nhỏ"*, *"gọi là hạng cây lớn"*. [Những loại này gặp mưa xuống đều] sum suê xanh tốt, [giống như Bồ Tát làm] lợi mình lợi người, nhưng không [trình bày] nhận hiểu [giáo pháp]. Đây là nói tiến lên cao hơn cũng không cùng tận.

---

[1] Ở đây chỉ giáo pháp Tiểu thừa.

[2] Chỗ này Văn Cú lấy theo ý trong phần kệ tụng ở sau: "Hoặc ở giữa trời, người, làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc Đế thích, Phạm vương, là hạng cỏ thuốc nhỏ."

Lại nữa, 10 pháp giới cùng thành pháp giới Phật, đâu chỉ riêng nhận hiểu hàng Nhị thừa, còn lại 8 pháp giới đều không nói đến.[1] Đây là nói theo chiều ngang cũng không cùng tận.

Lại nữa, [chúng sanh trong] 7 hạng phương tiện từ cạn đến sâu, tất cả đều thể nhập chỗ chân thật, nhưng 5 hạng phương tiện khác đều không thấy nói đến.[2] Đây là nói theo chiều dọc cũng không cùng tận.

Lại nữa, trong cả 3 đời [quá khứ, hiện tại và tương lai,] lợi ích [của pháp Phật đối với chúng sanh] chưa từng tạm dứt. Đây là nói đồng thời ngang dọc cũng không cùng tận.

[Kinh văn nói] *"núi, sông, khe, suối v.v."*, nói chung là *"mặt đất"*. Từ một mặt đất có khả năng sanh ra [muôn loài thực vật], chưa từng có sự lựa chọn chê bỏ loại này, chấp nhận loại kia... Cây, cỏ, hạt mầm... tất cả đều nương tựa nơi mặt đất [mà sinh trưởng], không có sự nương tựa nào khác. Một vầng mây bao phủ, không nơi nào [trên mặt đất] không được che mát. Một trận mưa xuống cùng một loại nước, không hề có sự khác biệt nơi khô héo, chỗ tươi tốt, khắp nơi đều được thấm nhuần đồng đều, đều được tăng trưởng. Đức Như Lai [cũng vậy, giáo hóa] bình đẳng không thể nghĩ bàn, thật không phải trước nói pháp đốn, sau nói pháp tiệm, ban đầu dạy ba thừa, cuối cùng dạy Nhất thừa. Ví như rồng kéo mây lành, đổ mưa xuống khắp nơi; thân tâm [chúng sanh tuy] không có mưa xuống [mà nhờ pháp Phật nên đều] trừ hết [các pháp] nóng bức, được mát mẻ. Đây là [Phật giáo hóa khắp] 5 thừa, 7 hạng phương tiện,

[1] Hàng Nhị thừa là chỉ đến hai pháp giới Thanh văn và Duyên giác, do vậy nói còn lại 8 pháp giới khác.

[2] Đây là nói đến tất cả những chúng sanh có khả năng tu tập thành Phật, bao gồm: 1. Nhân thừa, 2. Thiên thừa, 3. Thanh văn thừa, 4. Duyên giác thừa, 5. Bồ Tát Thừa của Tạng giáo, 6. Bồ Tát Thừa của Thông giáo và 7. Bồ Tát Thừa của Biệt giáo. Vì trừ ra 2 hạng Thanh văn và Duyên giác nên ở đây nói còn 5 hạng phương tiện khác.

10 phương 3 đời bình đẳng rộng lớn, sâu xa cùng khắp không thể nghĩ bàn, không có khác biệt. Đây là nói chẳng ngang chẳng dọc nhận hiểu cũng không cùng tận.

[Phật nói] ý *"không thể cùng tận"* không phải là bác bỏ tất cả, chỉ đặc biệt nói việc từ chỗ sơ tâm hướng về đến các tâm [thuộc giai vị] về sau, vì những giai vị [nhận biết được đều] chưa phải tột cùng nên nói là *"không cùng tận"*. Lại như ban sơ nhận hiểu từ chữ *"a"* đầu tiên cho đến về sau đầy đủ công đức là chữ *"trà"* cuối cùng,[1] nếu chỉ nhận hiểu y theo giáo nghĩa[2] thì đâu có thời gian rảnh rỗi để tiến lên nhận hiểu theo các chiều ngang dọc khắp cùng. Lại nữa, bậc đại sĩ có công hạnh quyền thừa cũng phù hợp [với nghĩa được nói] ở đây.

KINH VĂN

> **Này Ca-diếp! Ông nên biết rằng, Như Lai là vua của các pháp, nếu có nói ra điều gì đều không hư dối. Đối với hết thảy các pháp, [Như Lai] dùng trí phương tiện diễn bày thuyết giảng, nhưng tất cả pháp mà Như Lai thuyết giảng [cuối cùng] đều dẫn đến địa vị Nhất thiết trí. Đức Như Lai quán xét rõ biết chỗ hướng về của tất cả các pháp, lại cũng rõ biết chỗ vận hành sâu thẳm trong tâm niệm chúng sanh, thông suốt không gì ngăn ngại, lại cũng cứu xét sáng rõ tận cùng các pháp, chỉ bày cho chúng sanh tất cả trí tuệ.**

▣ Kinh văn nói rộng sự thành tựu có 2 phần, gồm văn trường hàng và kệ tụng. Phần kinh văn trường hàng lại có 2 tổng đoạn. Tổng đoạn thứ nhất nói sự thành tựu khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Tổng đoạn thứ hai từ

[1] Văn Cú dùng "初阿 - sơ a" để chỉ mẫu tự đầu tiên trong 42 mẫu tự của Phạn ngữ và "後荼 - hậu trà" là mẫu tự cuối cùng. Ngài Nam Nhạc Tuệ Tư (thầy của Đại sư Trí Khải) có soạn sách Tứ thập nhị tự môn nghĩa (四十二字門義) nay không còn nữa, nhưng nội dung được biết là giải thích phối hợp 42 mẫu tự của Phạn ngữ với 42 giai vị tu hành của hàng Bồ Tát. Ý tưởng của Văn Cú ở đây hẳn là có chịu ảnh hưởng từ ngài Nam Nhạc Tuệ Tư.

[2] Ở đây chỉ giáo pháp Tiểu thừa.

câu *"Này Ca-diếp! Các ông [là những người] rất ít có..."* trở đi là phần ngợi khen, kết lại.

Tổng đoạn thứ nhất chia ra 2 đoạn. Thứ nhất thuyết pháp, thứ hai nêu thí dụ và sự tương hợp các thí dụ.

◆ Đoạn thuyết pháp lại có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất trước tiên nêu ý *"Như Lai là vua của các pháp"*. Nói *"không hư dối"* là khuyến khích khởi niềm tin. Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Đối với hết thảy pháp..."* trở đi là vào ý chính nói việc trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa.

❖ Thông thường, bậc quân vương trong loài người thì đối với giặc bên ngoài không sợ sệt, đối với dân trong nước thì chân thật không nói hai lời. Đấng pháp vương là vua của các pháp nên cũng như vậy. Tất cả những việc xấu ác đã dứt trừ, nên *"có nói ra điều gì"* đều là chân thật.

Các nhà cựu giải nói rằng, nói với hàng trung căn nêu nghĩa *"không hư dối"*, khen ngợi [Ca-diếp] là khuyến khích hàng hạ căn tin nhận. Nay tôi cho rằng, pháp Phật tuy nhiều nhưng không ngoài quyền và thật. Ngoài quyền và thật ra thì không còn có pháp nào khác nữa. [Khi Phật] nói *"vô lượng vô biên a-tăng-kỳ các công đức khác"* thì rất khó tin nhận, cho nên [Phật] nêu ý nói về pháp vương để khuyến khích niềm tin, lại cũng là để dẫn khởi cho thí dụ *"vầng mây lớn"* được nêu ra sau đó.

❖ Từ câu *"Đối với hết thảy các pháp..."* trở đi là dựa theo giáo nghĩa làm rõ việc trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật.

▪ Từ câu *"Đức Như Lai quán xét rõ biết..."* trở đi là dựa theo trí tuệ làm rõ việc trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật. Nhờ 2 giáo pháp [quyền và thật] mà làm rõ được 2 trí [quyền và thật], lại cũng nhờ 2 trí [quyền và thật] mà thuyết giảng 2 giáo pháp [quyền và thật]. Đó là trí tuệ và giáo pháp cùng thành tựu cho nhau.

"Hết thảy các pháp" là nói 7 hạng phương tiện theo chiều ngang [trong không gian], đối lại với một pháp chân thật là chiều dọc [theo thời gian]. Nếu cho là không phải như vậy, thì tại sao [những người từng ở] nơi đạo tràng của hai vạn ức Phật ban sơ phát tâm Đại thừa, về sau đến giữa chừng thì đi theo Tiểu thừa, lại lưu chuyển trong 5 đường?[1] Lại nữa, ngay nơi tự thân một người vốn đã đầy đủ cả 10 pháp giới, huống chi là 7 hạng phương tiện [lại không đủ sao]?[2]

Pháp tuy rất nhiều, [đức Như Lai] dùng phương tiện ba-la-mật soi chiếu nên không đâu không cùng tận. [Do vậy có thể] tùy theo mỗi loài [chúng sanh] mà dùng âm thanh [thích hợp] để thuyết dạy, không một chúng sanh nào không nhận hiểu. [Phật] vì chư thiên và loài người mà thuyết dạy [5] giới và [10 nghiệp] lành; vì hàng Nhị thừa mà thuyết dạy [4] đế, [12 nhân] duyên; vì [người học theo] Tạng giáo mà thuyết dạy giới luật và nghiệp lành;[3] vì hàng Thông giáo thuyết pháp vô sanh; vì hàng Biệt giáo thuyết các pháp tuần tự khai mở Như Lai tạng. Đây gọi là nói lại việc nhận hiểu [các pháp] để trừ bỏ ba thừa.

▪ Từ câu *"tất cả pháp mà Như Lai thuyết giảng..."* trở đi là dựa theo giáo nghĩa nêu lại việc hiển bày pháp thật. [Kinh văn nói *"địa vị Nhất thiết trí"*,] *"địa vị"* là thật tướng,

---

[1] Năm đường: chỉ các cảnh giới trời, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Khái niệm này cũng tương đương với "sáu đường", là có thêm cảnh giới a-tu-la. Khi nói năm đường là cho rằng a-tu-la không phải một cảnh giới riêng biệt, mà tùy nghiệp tái sinh vào một trong hai cõi, cõi trời hoặc cõi người. Câu hỏi này để minh chứng cho ý nghĩa một pháp chân thật (hay tánh Phật) luôn tồn tại nơi mỗi chúng sanh trong suốt dòng thời gian, cho dù có luân chuyển qua bao nhiêu cảnh giới. Nói theo Văn Cú tức là theo chiều dọc.

[2] Câu hỏi này để minh chứng cho ý nghĩa bảy hạng phương tiện luôn hiện hữu đồng thời trong khắp thảy không gian, nói theo Văn Cú tức là theo chiều ngang.

[3] Văn Cú dùng "事度 - sự độ", nghĩa là những sự việc giúp độ thoát khổ não. Ở đây chỉ giới luật do Phật chế định và các nghiệp lành giúp không rơi vào các đường ác.

rốt ráo chẳng phải hai nên gọi là *"nhất"*, tánh thể bao quát rộng khắp nên gọi là *"thiết"*, vắng lặng mà thường soi chiếu nên gọi là *"trí"*. Từ gốc vô trụ mà dựng lập hết thảy các pháp, cho nên nói là *"địa"*. Đây là thuyết chân thật của Viên giáo. Hết thảy các pháp [Như Lai] thuyết giảng đều giúp cho chúng sanh đạt đến địa vị Nhất thiết trí này. Kinh văn hiển bày pháp thật sáng tỏ như ban ngày, sao lại tối tăm mê sảng giải thích theo nghĩa khác? Cứ theo như trong Đại phẩm [Bát-nhã] nói rằng, trải khắp các pháp đều là pháp Ma-ha-diễn (Mahāyāna). Ma-ha-diễn nghĩa là Đại thừa, thừa ấy là thật tướng, thật tướng tức là địa vị Nhất thiết trí. Kinh văn phần trước đã nói: *"Chỉ có một sự thật"* là chỉ cho địa vị Nhất thiết trí này; *"ngoài ra đều không thật"* là chỉ cho 7 hạng phương tiện. Đây là dựa theo cả 2 giáo nghĩa đốn và tiệm mà nêu lại nghĩa trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật.

Từ câu *"Như Lai quán xét rõ biết chỗ hướng về của tất cả các pháp"* trở đi là dựa theo trí tuệ để nêu lại nghĩa trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật. *"Quán xét tất cả chỗ hướng về"* là có thể soi chiếu pháp quyền; *"cứu xét sáng tỏ tất cả các pháp"* là có thể soi chiếu pháp thật. Hai cảnh giới tương đối và tuyệt đối[1] được hai trí [quyền, thật] soi chiếu nên *"thông suốt không gì ngăn ngại"*, cho nên có thể thuyết dạy cả hai giáo pháp quyền và thật. Đây là nêu trí tuệ để giải thích giáo nghĩa. *"Rõ biết chỗ hướng về"* là biết thuốc, *"[rõ biết] chỗ vận hành sâu thẳm trong tâm niệm"* là biết bệnh. Cả bệnh và thuốc đều là pháp quyền, hết thảy pháp quyền đều có chỗ hướng về. Giữ giới, làm thiện thì hướng về chỗ gần là sinh trong hai cõi trời, người; nếu

[1] Văn Cú dùng "偏圓兩境 - thiên viên lưỡng cảnh", thiên (偏) là thiên lệch, không trọn vẹn, nên thiên cảnh là chỉ cho cảnh giới tương đối của pháp quyền; viên (圓) là viên mãn, trọn vẹn, tròn đầy, nên viên cảnh là chỉ cho cảnh giới tuyệt đối của pháp thật.

tạo thêm duyên lành ý nghĩa như cúi đầu đưa tay [cung kính Tam bảo] thì hướng về chỗ xa là [tương lai được] quả Phật. [Tu tập 4] niệm xứ, các đạo phẩm... thì hướng về chỗ gần là đạt được Niết-bàn [hữu dư], nếu có tạo thêm phúc đức trang nghiêm thì đó là công hạnh của đạo Bồ Tát, hướng về chỗ xa là cảnh giới giác ngộ. Cho đến các pháp ba-la-mật của Thông giáo, Biệt giáo v.v... thì chỗ hướng về [của mỗi pháp] gần hay xa đều khác biệt nhau, có thể hiểu rõ được.

Lại nữa, giữ giới làm thiện là thuốc của hàng trời, người; 4 đế, 12 duyên, 6 ba-la-mật là thuốc của người tu hành theo ba thừa. Cho đến [những người tu tập theo] Thông giáo, Biệt giáo v.v. cũng đều có thể [theo đó] hiểu rõ được.

"Chỗ vận hành sâu thẳm trong tâm niệm của chúng sanh" có 2 loại. Thứ nhất là sâu trong tâm bám víu nơi y báo và chánh báo. Thứ hai là sâu trong tâm bám víu nơi pháp bám chấp. Bám víu nơi y báo, chánh báo nên khởi lên mười nghiệp ác sâu nặng, làm chướng ngại trong nhân thừa và thiên thừa; bám víu nơi pháp bám chấp nên khởi lên bốn điên đảo, ba đạo,[1] sáu che chướng,[2] bốn trụ địa, năm trụ địa hoặc[3] v.v. che chướng các thánh thừa.

Nên biết rằng bệnh ở sâu trong tâm [chúng sanh] tướng trạng chẳng giống nhau, dùng trí quyền thừa soi chiếu nên *"thông suốt không gì ngăn ngại"*.

---

[1] Nguyên tác dùng tam đạo (三道) để chỉ hoặc đạo (惑道), nghiệp đạo (業道) và khổ đạo (苦道).

[2] Nguyên tác dùng lục tế (六蔽), chỉ sáu tâm che chướng bao gồm: tham lam, sân hận, si mê, phá giới, lười nhác và tán loạn.

[3] Nguyên tác dùng tứ trụ (四住) và ngũ trụ (五住). Tứ trụ tức tứ trụ địa hoặc (四住地惑), bao gồm Nhất thiết kiến trụ địa hoặc (一切見住地惑), Dục ái trụ địa hoặc (欲愛住地惑), Sắc ái trụ địa hoặc (色愛住地惑), Hữu ái trụ địa hoặc (有愛住地惑). Ngũ trụ địa hoặc cũng bao gồm tương tự và có thêm Vô minh trụ địa hoặc (無明住地惑). Đây đều là các yếu tố làm khởi sinh phiền não.

"Lại cũng cứu xét sáng rõ tận cùng các pháp" là dùng trí chân thật soi chiếu. Hết thảy các pháp quyền, không một pháp nào chẳng nhập vào pháp thật, cho nên nói là *"cứu xét... tận cùng"*. Chỗ biết của trí chân thật cho nên nói là *"rõ"*, chỗ thấy của mắt Phật cho nên nói là *"sáng"*.

Nếu như có trí này soi chiếu được loại thuốc này, loại bệnh này, không soi chiếu loại thuốc kia, loại bệnh kia; lại có trí kia soi chiếu những loại kia, không thể soi chiếu những loại này do chủng loại khác biệt chẳng giống nhau, thì đó là sự soi chiếu của trí quyền biến. Chỉ một trí soi chiếu được hết thảy thuốc, hết thảy bệnh, đó là sự soi chiếu của trí chân thật.

Có thể chỉ bày cho chúng sanh đạt được cảnh giới trí tuệ viên mãn như vậy, cho nên nói rằng *"[chỉ bày cho chúng sanh] tất cả trí tuệ"*.

Lại nữa, [kinh văn nói] *"hết thảy các pháp"* tức là nói 10 pháp giới. Trong 10 pháp giới ấy, mỗi một pháp giới có tướng trạng tham muốn chẳng giống nhau, việc nhận lãnh quả báo cho đến chỗ hướng về cũng đều khác nhau. *"Rõ biết [chỗ hướng về của] tất cả các pháp"* gọi là biết bệnh; *"rõ biết chỗ vận hành sâu thẳm trong tâm niệm chúng sanh"* gọi là biết thuốc. Thuốc lại có sâu, có cạn. Đại phẩm Bát-nhã nói rằng: Trí tuệ như thật rõ biết tâm tham dục, tâm sân hận, tâm si mê. Dùng trí như thật để rõ biết gọi là rõ biết chỗ sâu thẳm trong tâm [chúng sanh].

Theo đúng lẽ thật nên *"thông suốt không gì ngăn ngại"*. Đối với hết thảy các loại thuốc pháp như giới hạnh, việc lành, 4 đế, 12 duyên, 6 ba-la-mật v.v. đều dùng trí tuệ như thật để rõ biết, gọi là *"thông suốt không gì ngăn ngại"*.

Lại nữa, trong phần kinh văn nói về trí quyền biến thì *"thông suốt không gì ngăn ngại"* là dựa theo pháp quyền biến để luận biết trí chân thật; còn trong phần kinh văn nói

về thật trí nói *"lại cũng cứu xét... các pháp"* thì *"các pháp"* ở đây là dựa theo pháp chân thật để luận biết trí quyền biến. Hai phần kinh văn tiếp nối nhau để hiển bày [ý nghĩa]. Điều này cho thấy rõ rằng, pháp chân thật chính là chân thật quyền biến, pháp quyền biến là quyền biến chân thật. Cho nên biết rằng, [xét đến chỗ] rốt ráo tận cùng thì chẳng có quyền, chẳng có thật; chẳng có sai biệt cũng chẳng phải không sai biệt. Vì dùng trí phương tiện nên quyền biến có sự sai biệt, rốt cùng đạt đến địa vị Nhất thiết trí thì không có sai biệt. Cũng giống như [đối với] mặt đất không hề có sai biệt, cây cỏ đều như nhau, chỗ giống nhau là không giống nhau, chỗ không giống nhau là giống nhau.[1] Lại cũng giống như dựa theo tâm mà luận hiểu pháp, dựa theo pháp mà luận hiểu tâm. Tâm vốn có các tâm sở, pháp thì không có; nhưng tâm không lìa pháp, pháp chẳng lìa tâm, vì thế cho nên không có mà có, có mà không có. Các pháp quyền, thật cũng là như thế. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

"Này Ca-diếp! Ví như trong cõi thế giới đại thiên, khắp những nơi núi sông khe suối, từ mặt đất mọc lên các loại cỏ cây, rừng rậm cùng những loài cỏ thuốc, bao nhiêu là chủng loại, tên gọi và màu sắc thảy đều khác nhau, nhưng khi mây đen dày phủ khắp thế giới rồi cùng lúc đổ mưa xuống đồng đều thì sự thấm nhuần cũng đều khắp mọi nơi. Cỏ cây, rừng rậm cùng các loài cỏ thuốc, có loại gốc

[1] Chỗ này Văn Cú diễn đạt rất khó hiểu: "如地無差別草木若干若干無若干無若干若干 。 - Như địa vô sai biệt, thảo mộc nhược can, nhược can vô nhược can, vô nhược can nhược can." Chúng tôi dựa vào giải thích của Văn Cú Ký như sau: "若干者, 若如也 。如彼法體, 法體本空, 故若干無若干 。 - Nhược can giả, nhược như dã. Như bỉ pháp thể, pháp thể bản không, cố nhược can vô nhược can." Như vậy, cụm từ "nhược can" vốn có 2 nghĩa, hoặc chỉ một số lượng không xác định, như "bao nhiêu", hoặc đồng nghĩa với "nhược như", nghĩa là giống như. Theo Văn Cú Ký thì ở đây dùng nghĩa "giống như, giống nhau". Cũng như các pháp tuy thiên hình vạn trạng khác biệt nhau nhưng bản thể vốn là không nên nói là giống nhau. Do vậy ở đây nói rằng cây cỏ trên mặt đất "giống nhau là không giống nhau". Tức là muốn nói đến sự tương đồng về bản chất rốt ráo.

nhỏ, thân nhỏ, cành lá nhỏ, hoặc gốc rễ trung bình, thân trung bình, cành lá trung bình, hoặc gốc rễ lớn, thân lớn, cành lá lớn, các loại cây lớn nhỏ đều tùy theo mức độ của mình mà hấp thụ nước mưa. Tuy cùng một đám mây, cùng một cơn mưa, nhưng mỗi loại cỏ cây đều tùy theo tính chất của riêng mình [mà có sự hấp thụ thích hợp] để sinh trưởng rồi đơm hoa kết trái. Cho dù từ một mặt đất sinh ra, cùng được một cơn mưa thấm nhuần, nhưng mỗi loại cỏ cây đều có sự khác biệt.

◆ Từ câu *"Này Ca-diếp! Ví như..."* trở đi là đoạn thứ hai, nêu thí dụ. Đoạn này lại có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nêu thí dụ [và tương hợp thí dụ], tiểu đoạn thứ hai nêu lại tông chỉ và xưng tán [Như Lai].

❖ [Tiểu đoạn thứ nhất] nêu thí dụ lại chia ra [2 phân đoạn], phân đoạn thứ nhất nêu thí dụ và phân đoạn thứ hai [nêu nghĩa] tương hợp thí dụ.

▪ Phân đoạn nêu thí dụ lại có 2 ý. Ý thứ nhất nói thí dụ *khác biệt*, ví với phần trước nêu giáo nghĩa quyền biến và trí tuệ quyền biến. Ý thứ hai nói thí dụ *không khác biệt*, ví với phần trước nêu giáo nghĩa chân thật và trí tuệ chân thật.

[Kinh văn phần sau nêu] 3 hạng cỏ thuốc và 2 hạng cây,[1] lớn nhỏ thưa dày chẳng giống nhau, cho nên nói là khác biệt. Cùng một mặt đất nâng đỡ, cùng một cơn mưa tưới đều, cho nên nói là không khác biệt. Nếu nhìn theo [biểu hiện] ngọn ngành thì mỗi loại [cỏ cây] đều chẳng giống nhau, nhưng xét đến cùng chỗ cội nguồn tươi tốt thì không [loại nào không] nhờ nơi mặt đất, cơn mưa. [Thí dụ này] theo trong giáo nghĩa thì tương hợp với trí tuệ phương tiện soi chiếu có 7 [hạng phương tiện], 5 [thừa], mỗi mỗi đều khác biệt, [nhưng khi] trí tuệ chân thật soi chiếu đến thì rốt cùng chỉ có một thừa chân thật. Một thừa chân thật cũng là 7 hạng phương tiện với 5 thừa; 7 hạng

[1] Trong kệ tụng phần sau phân chia ba hạng cỏ thuốc nhỏ, trung bình và bậc cao; 2 hạng cây là cây nhỏ và cây lớn.

phương tiện với 5 thừa chính là một thừa chân thật. [Cho nên] chỗ sai biệt cũng là không sai biệt; chỗ không sai biệt chính là sai biệt. Đại lược là như thế.

◆ Trong ý nói thí dụ nêu sự khác biệt có 6 tiểu ý. Thứ nhất là nói mặt đất, thứ hai nêu cỏ cây, thứ ba nói đến mây đen dày bao phủ, thứ tư nói mưa xuống, thứ năm nói sự thấm ướt [khắp nơi] và thứ sáu nói việc [cỏ cây] tăng trưởng.

✦ Trước hết [giải thích] thí dụ nói về mặt đất. Các nhà cựu giải cho là nói chung khắp thế giới đại thiên, trong đó nêu riêng núi, sông, khe, suối là ví cho tập nhân[1] của 5 thừa. Suối là nơi hứng nhận nhiều nước mưa, ví cho hàng Bồ Tát, khe ví cho hàng Bích-chi Phật, sông ví cho hàng Thanh văn, núi là vùng cao, được thấm nước ít hơn nên ví cho hàng trời, người. Nay cho rằng, nhân quả huân tập [của chúng sanh] có thể ví như mầm giống, thấm nhuần nước mưa rồi tăng trưởng, [nhưng ví dụ] mặt đất với núi sông khe suối thì tuy có nghĩa thấm nhuần, lại không có hai nghĩa *"mầm giống"* và *"tăng trưởng"*. Hơn nữa, kinh văn phần sau nêu ý nghĩa tương hợp với thí dụ lại có nói *"khiến cho khắp các cõi trời, người, a-tu-la đều được nghe"*, còn trong kệ tụng thì nói *"ở giữa hàng trời, người, cùng hết thảy đại chúng"*, [những ý nghĩa này] đều không dùng mặt đất với núi sông v.v... để ví cho nhân quả huân tập [của chúng sanh trong nhiều đời]. [Cho nên,] nay không vận dụng cách giải thích như vậy.

---

[1] Tập nhân (習因), dịch từ Phạn ngữ sabhāga-hetu, nhân được tạo ra theo thói quen, ý niệm trước và ý niệm sau nối tiếp giống nhau nên gọi là "tập". Theo Tân dịch là đồng loại nhân (同類因), tức là các nhân cùng loại với nhau. Chúng sanh do các tập nhân này mà dễ dàng tạo nghiệp. Kinh Lăng nghiêm, quyển 8, kể ra 10 tập nhân là: 1. Dâm tập nhân: thói quen dâm dục; 2. Tham tập nhân: thói quen tham lam; 3. Mạn tập nhân: thói quen kiêu mạn; 4. Sân tập nhân: thói quen sân hận; 5. Trá tập nhân: thói quen dối trá; 6. Cuống tập nhân: thói quen lừa gạt; 7. Oan tập nhân: thói quen oán ghét hận thù; 8. Kiến tập nhân: thói quen cố chấp theo tà kiến, định kiến; 9. Uổng tập nhân: thói quen vu cáo,nói điều không có cho người khác; 10. Tụng tập nhân: thói quen tranh tụng, kiện thưa.

Nay giải thích rằng, thế giới đại thiên ví cho chúng sanh khắp thế gian; núi, sông, khe, suối, mặt đất ví cho 5 ấm của thế gian. Thế giới vốn chẳng có pháp nào khác ngoài núi, sông, khe, suối, mặt đất hợp thành. Chúng sanh vốn không có pháp nào khác ngoài 5 ấm hợp thành. Mặt đất bao trùm khắp, nên ví cho thức ấm; núi, sông, khe, suối ví cho 4 ấm còn lại. Cái nương dựa [vào mặt đất] là cỏ cây, tuy cỏ cây nương dựa vào mặt đất, nhưng mặt đất chẳng phải là cỏ cây. Thân, gốc của cỏ cây cũng chỉ gọi chung một tên là cỏ cây, [cho đến] mầm giống của cỏ cây cũng chẳng có tên nào khác, chỉ do công năng sanh trưởng nên gọi là mầm giống. Những thân, gốc sanh ra được gọi là cỏ cây, thảy đều bám rễ vào trong đất, cho nên đất ấy là cội nguồn căn bản.

[Thí dụ này] so trong giáo nghĩa thì tương hợp với tập nhân và tập quả,[1] tuy đều dựa vào 5 ấm [để sinh khởi], nhưng 5 ấm không phải là nhân quả. Dù vậy, nhất thiết phải dựa vào 5 ấm mới có tập nhân, khi tăng trưởng thành tựu trọn vẹn gọi là tập quả. Quả và nhân đều dựa vào các ấm mà sinh khởi, nên thí dụ núi sông, mặt đất là thích hợp. Cỏ cây mầm giống đều thấm nhuần nước mưa nên thí dụ tăng trưởng là thích hợp.

[Các thí dụ này] lại cũng làm rõ phần thí dụ cụ thể [ở trước]. Núi tuy cao ngất nhưng cũng có đủ 5 tướng trạng [khác biệt] như cao, thấp v.v... Thậm chí mặt đất nơi đồng bằng cũng có 5 tướng trạng [khác biệt] như gò, ao v.v... Đó là ví cho 5 ấm của 5 thừa. *"Núi cao"* ví cho 5 ấm của hàng Bồ Tát, *"sông"* ví cho [5 ấm của] hàng Bích-chi Phật, *"khe"* ví cho [5 ấm của] hàng Thanh văn, *"mặt đất"* ví cho [5 ấm của] chư thiên cõi trời, *"suối"* [chảy xuống] thấp ví cho [5 ấm của] con người. Mỗi một trong số 5 ấm [của 5 thừa ấy] đều là chỗ

[1] Tập quả (習果), dịch từ Phạn ngữ niṣyanda-phala, do tập nhân tạo thành nên gọi là tập quả. Theo Tân dịch là đẳng lưu quả (等流果), nghĩa là quả tương đương, cùng mức độ, hạng loại như nhân đã tạo.

nương dựa của tập nhân, tập quả, cũng giống như núi sông khe suối, mặt đất đều là chỗ nương dựa [để sinh trưởng] của mầm giống, thân gốc v.v. [các loại cỏ cây].

Lại cũng dùng thế giới đại thiên để ví cho lý chánh nhân, là chỗ nương dựa chung của hết thảy [các pháp]; núi, sông, khe, suối, mặt đất ví cho các ấm, nhập, giới, quả báo, sắc tâm của chúng sanh; cỏ cây, rừng rậm ví cho tập nhân của chúng sanh. Ba pháp này chẳng hề lìa nhau; tập nhân phải nương dựa vào ấm, nhập, giới; ấm, nhập, giới không ra ngoài tánh pháp [tức lý chánh nhân]. Cũng giống như cỏ cây nương dựa vào núi, sông v.v., núi sông nương dựa vào thế giới. Đại lược là như vậy.

Kinh văn [nêu thí dụ] có 6 tiểu ý rõ ràng,[1] vì sao tạo ra nghĩa [khác]? Lại đã nêu thứ lớp cụ thể như vừa kể trên, vì sao lại [phân chia] đứt đoạn, làm lẫn lộn kinh văn, ghi chép trước sau [rối loạn]?

✦ Từ câu *"mọc lên các loại cỏ cây, rừng rậm..."* trở đi là tiểu ý thứ hai [trong thí dụ này], nói về cỏ cây sinh ra [từ mặt đất]. [Kinh văn dùng chữ] hủy (卉) là tên gọi chung các loại cỏ, chữ mộc (木) là chỉ chung các loại cây; nhiều cỏ mọc chung thành bụi rậm, nhiều cây mọc chung thành rừng. Những loại có công dụng trị bệnh vượt trội gọi là thuốc, cũng như tất cả các pháp lành đều có thể trị các việc xấu ác, nhưng [trong số đó] các pháp lành vô lậu còn trị cả mê hoặc là nghĩa vượt trội hơn.

Trong số cỏ cây, những cây rừng cành lá che mát rộng rãi, lợi ích lớn lao, nên ví cho 2 hạng Bồ Tát.[2] *"Bao nhiêu là*

[1] Ở đây nhắc lại 6 tiểu ý đã nói ở trước về cấu trúc của thí dụ này: Thứ nhất là nói mặt đất, thứ hai nêu cỏ cây, thứ ba nói đến mây đen, thứ tư nói mưa xuống, thứ năm nói sự thấm nhuần và thứ sáu nói sự tăng trưởng. Lập luận ở đây là các nhà cựu giải không thấy được cấu trúc 6 tiểu ý này nên đã giải thích rối loạn, không phù hợp.

[2] Văn Cú Ký giải thích rằng đây là nói hàng Bồ Tát Thông giáo và Bồ Tát Biệt giáo.

chủng loại" là [ví cho] các chủng tử, nhân quả của 5 thừa và 7 hạng phương tiện;[1] [vì không xác định được số lượng] cho nên nói là *"bao nhiêu"*. *["Tên gọi và màu sắc thảy đều khác nhau"]*, mỗi một chủng loại đều có giai vị tương xứng, tức là *"tên gọi"*, mỗi loại đều có hình thể tướng trạng [khác biệt], tức là *"màu sắc"*.

✦ Từ câu *"khi mây đen dày phủ khắp"* trở đi là tiểu ý thứ ba, nêu thí dụ vầng mây che phủ. Ở đây nói hình sắc của mây che phủ bóng mát, kinh văn phần sau còn nói thêm *"sấm nổ chấn động xa"*. Che phủ bóng mát là ví cho lòng từ bi của đức Phật, cho nên hình sắc [của mây] là ví cho Phật ra đời, sấm nổ ví cho lời dạy của Phật. *"Mây đen dày"* là ví cho ba sự ẩn mật[2] [của Phật]. Lòng từ bi [như mây che mát] là sự ẩn mật của ý Phật; hình sắc [mây đen dày] là sự ẩn mật của thân Phật; tiếng sấm nổ là sự ẩn mật của lời Phật. *"Che phủ khắp"* là cùng khắp mọi nơi. Mây đen dày lại che khắp nơi nên nói là *"che phủ khắp"*, [ví như Phật] dùng lòng từ bi huân tập nơi ứng hóa thân, thuyết pháp khắp trong 10 pháp giới nên nói là *"phủ khắp"*.

Sách *Kinh luật dị tướng*[3] nói: Mây có 5 màu, [biểu hiện của 4 đại]. Mây xanh là phong đại nhiều; mây đỏ là hỏa đại nhiều, hai màu mây vàng, trắng là địa đại nhiều, mây đen là thủy đại nhiều. Có 4 vị thần sét, phương đông là Thân vị, phương nam là Bách chủ, phương tây là A-kiệt-la, phương bắc là A-chú-lam. Do bốn vị thần sét này đánh

---

[1] Văn Cú dùng "七善 - thất thiện", Văn Cú Ký giải thích rằng đây là chỉ "七方便 - thất phương tiện", tức bảy hạng phương tiện. Kết hợp với 5 thừa thì ở đây chỉ tất cả chúng sanh ở các giai vị tu tập khác nhau.

[2] Ba sự ẩn mật, tức tam mật (三密), chỉ cho ba nghiệp thân, khẩu và ý của chư Phật là sâu xa khó nhận biết đối với phàm phu. Nguyên tác Văn Cú giải thích dựa theo sự tương đồng về ngữ nghĩa vì mật vân (密雲) nghĩa là đám mây đen dày nên được cho là ví như tam mật (三密), tức là thân mật, khẩu mật và ý mật.

[3] Kinh luật dị tướng (經律異相), 50 quyển, Bảo Xướng sưu tập vào đời Lương, đưa vào Đại Chánh tạng, thuộc tập 53, số 2121. Chúng tôi chưa tìm thấy đoạn trích dẫn này.

nhau nên có sấm. Lại [cũng nói rằng,] do 4 đại là thủy, hỏa, phong, địa tranh nhau nên có sấm.

Có 5 việc khiến cho không có mưa [ở một vùng]. Thứ nhất là do gió thổi [mây đi khỏi]; thứ hai là do lửa cháy lớn [tan mây]; thứ ba là do a-tu-la dùng tay [lùa mây] vào biển; thứ tư là thần mưa [nơi đó] dâm loạn [không lo việc làm mưa]; thứ năm là quốc vương [nơi đó] trị nước không yên ổn, khiến thần mưa nổi giận nên không mưa. Đại lược là như thế.

✦ Từ câu *"cùng lúc đổ mưa xuống"* trở đi là tiểu ý thứ tư, nêu thí dụ mưa xuống, ví cho việc [đức Phật] dùng sự ẩn mật của lời dạy qua 8 âm thanh[1] và 4 biện tài [vô ngại][2] để tuyên thuyết, tưới xuống mưa pháp, làm lợi lạc thấm nhuần tất cả chúng sanh.

✦ Từ câu *"sự thấm nhuần cũng đều khắp mọi nơi"* trở đi là tiểu ý thứ năm, nêu thí dụ về sự thấm ướt. Cơn mưa pháp bảo tưới xuống đều khắp cho 7 hạng chúng sanh,[3] [khiến cho] những chủng tử nhân duyên huân tập trong

[1] Văn Cú dùng "八音 - bát âm", chỉ 8 tính chất trong âm thanh thuyết pháp của đức Phật, bao gồm: 1. Âm thanh tốt nhất, không có âm thanh của chư thiên hay loài người có thể tốt đẹp hơn; 2. Âm thanh êm dịu, khiến chúng sanh ưa thích muốn nghe; 3. Âm thanh hòa nhã, không có sự xung khắc, mâu thuẫn; 4. Âm thanh trí tuệ tôn quí, sáng suốt soi thấu nên đi vào tâm niệm chúng sanh; 5. Âm thanh không yếu mềm, có thể khiến cho hết thảy người nghe đều kính ngưỡng, thiên ma ngoại đạo đều khiếp sợ, quy phục; 6. Âm thanh không nhầm lẫn, khiến người nghe luôn nhận hiểu rõ ràng, không sai lệch; 7. Âm thanh sâu xa, có thể vang xa đến mười phương nhưng chúng sanh ở gần cũng không nghe quá lớn; 8. Âm thanh không cùng tận, những lời Phật nói ra nghĩa lý sâu xa, chúng sanh suy xét không thể nào cùng tận.

[2] Văn Cú dùng "tứ biện" để chỉ bốn trí vô ngại, cũng gọi là bốn biện tài vô ngại của đức Phật, bao gồm: 1. Pháp vô ngại biện; 2. Từ vô ngại biện; 3. Nghĩa vô ngại biện và 4. Nhạo thuyết vô ngại biện. Đức Phật dùng trí tuệ sáng suốt không ngăn ngại để thuyết pháp cho chúng sanh, do vậy nên bốn trí vô ngại cũng gọi là bốn biện tài vô ngại.

[3] Cũng tức là 7 hạng phương tiện thường đề cập trong sách này, gồm nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa của Tạng giáo, Bồ tát thừa của Thông giáo và Bồ tát thừa của Biệt giáo.

tâm họ đều khởi sanh trí tuệ của sự nghe pháp, gọi là thấm nhuần. Cành, lá, rễ, thân, đó là niềm tin ví như gốc rễ, giới luật ví như thân cây, định lực là cành, trí tuệ là lá, tuần tự giúp sức cho nhau [cùng phát triển], cho nên dùng 4 pháp này để nêu thí dụ. *"Gốc nhỏ, thân nhỏ"* là ví cho niềm tin và giới hạnh của hai cõi trời, người. *"Gốc trung bình, thân trung bình"* là ví cho niềm tin và giới hạnh của hàng Nhị thừa. *"Gốc lớn, thân lớn"* là ví cho niềm tin và giới hạnh của hàng Bồ Tát.

✦ Từ câu *"các loại cây lớn nhỏ"* trở đi là tiểu ý thứ sáu, nêu thí dụ về sự tăng trưởng, nhưng lược bớt chỉ nói *"các loại cỏ cây tùy theo mức độ... mà hấp thụ nước mưa"*.

Tập nhân và báo nhân của các pháp lành đã được thấm nhuần mưa pháp nên tập quả và báo quả đều được tăng trưởng.

Nói *"tùy theo tính chất"* là nêu rõ ý nghĩa [đức Phật] vận dụng pháp quyền tùy theo căn cơ [thích hợp], đối với [căn cơ] nhỏ không vượt quá sức, với căn cơ lớn không giảm ít hơn, tức là nói [tùy theo] tập nhân và báo nhân của 7 hạng chúng sanh.

"Đơm hoa kết trái" là nói tập quả và báo quả. Lại nữa, phần nói về sự tăng trưởng có 3 nghĩa. *"Tùy theo tính chất"* là nói nguyên do của sự tăng trưởng, [tức là nhờ đức Phật] thiết lập sự giáo hóa xứng hợp với căn cơ. *"Hấp thụ thích hợp để sinh trưởng"* là giải thích rõ về sự tăng trưởng. *"Đơm hoa kết trái"* tức là tướng trạng của sự tăng trưởng.

◆ Từ câu *"Cho dù từ một mặt đất sanh ra..."* trở đi là ý thứ hai,[1] nói nghĩa cùng một mặt đất, cùng một cơn mưa để nêu thí dụ không khác biệt, tức là hiển bày chỉ một Phật thừa chân thật. Ý này lại có 3 tiểu ý.

[1] Văn Cú dùng chữ "大段 - đại đoạn" để chỉ đoạn văn này, theo cấu trúc chung là tiểu ý thứ hai.

✦ Thứ nhất, nói từ một mặt đất sanh ra, tức là nói từ nơi tâm địa ở các giai vị đạo tiền[1] sanh ra, rốt cùng thảy đều do nhân đạo hậu[2] mà đạt địa vị [Nhất thiết trí].

✦ Thứ hai, nói từ một vầng mây mưa xuống, tức là nói từ một âm thanh [của Phật] tuyên thuyết pháp môn Nhất thừa, khai mở khởi phát 5 loại căn lành trong đạo [của 5 thừa],[3] rốt cùng là một âm thanh giáo pháp bình đẳng.

✦ Thứ ba, nói 3 hạng cỏ thuốc và 2 hạng cây được sự lợi ích [khi mưa xuống nhưng] không thể tự rõ biết, đó là nói 5 loại căn lành [của 5 thừa] đều nhờ Phật tưới mưa pháp nên tùy phần tăng trưởng, nhưng không tự rõ biết được nhân của 5 loại căn lành đều nương dựa nơi cùng một tánh Phật, lại cũng không tự rõ biết giáo pháp 5 thừa cũng đều là Đại thừa, lại cũng không tự rõ biết [cả 5 thừa] đều cùng hướng về trí tuệ Phật, duy chỉ có đức Như Lai mới có thể biết [những điều đó].

KINH VĂN

"Này Ca-diếp! Ông nên biết rằng, đức Như Lai cũng giống như vậy, xuất hiện giữa cõi đời như đám mây lớn nổi lên. Ngài ở giữa đại chúng dùng âm thanh lớn khiến cho khắp các cõi trời, người, a-tu-la đều được nghe, như đám mây lớn kia che phủ khắp cõi thế giới đại thiên, mà tuyên cáo rằng: 'Ta là bậc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Điều ngự trượng phu,

[1] Đạo tiền (道前), cũng được gọi là địa tiền (地前), chỉ các giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hành, Thập hồi hướng, tức là chưa đạt đến Thập địa.

[2] Bồ Tát từ Sơ địa lên đến Thập địa gọi là Đạo trung (道中), nghĩa là đang tu tập trí vô phân biệt. Từ khi đạt tâm Kim cương trở lên, tu hành chứng ngộ rốt ráo gọi là Đạo hậu (道後).

[3] Năm thừa: chỉ nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ Tát thừa. Văn Cú dùng "五種善根 - ngũ chủng thiện căn" (5 loại căn lành) nhưng theo ngữ cảnh đang giảng giải ở đây là chỉ đến căn lành của chúng sanh trong 5 thừa. Văn Cú Ký cũng giải thích tương tự: "五種善根即五乘也 。 - Ngũ chủng thiện căn tức ngũ thừa giả."

Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, đối với những ai chưa được hóa độ nay ta sẽ khiến cho được hóa độ, những ai chưa an ổn sẽ khiến cho được an ổn, những ai chưa đạt Niết-bàn sẽ khiến cho đạt được Niết-bàn. Rõ biết đúng thật hết thảy mọi việc trong đời này và đời sau, Ta là Bậc thấu rõ tất cả, Bậc thấy biết tất cả, Bậc rõ biết đạo, Bậc khai mở đạo, Bậc thuyết dạy đạo. Hết thảy chúng sanh trong các cõi trời, người, a-tu-la… đều nên đến đây để nghe ta thuyết giảng chánh pháp.'

▪ Từ câu *"Này Ca-diếp! Ông nên biết rằng, đức Như Lai cũng giống như vậy"* trở đi là phân đoạn thứ hai, nói nghĩa tương hợp với các thí dụ, [có 2 ý. Ý thứ nhất tương hợp với các thí dụ khác biệt, ý thứ hai tương hợp các thí dụ không khác biệt].

◆ Ý thứ nhất tương hợp với các thí dụ khác biệt có 2 tiểu ý, trước là nêu nghĩa tương hợp, sau là nêu các thí dụ và chỉ ra chỗ tương hợp.

✦ Phần nói thí dụ khác biệt [ở trước] có 6 tiểu ý, phần này cũng có 6 điều tương ứng, nhưng không theo đúng thứ tự. Phần [trước] nêu thí dụ để làm rõ căn cơ nên trước tiên luận về chúng sanh, phần tương hợp thí dụ này để làm rõ sự ứng hóa nên trước tiên nêu tương hợp với Như Lai, vì đức Như Lai là bậc hóa chủ.[1]

Trong tiểu ý này, điều thứ nhất tương hợp với phần trước ở tiểu ý thứ ba nói thí dụ mây đen dày, lại cũng đồng thời tương hợp với tiểu ý thứ nhất ở trước nói thí dụ mặt đất khắp thế giới. Điều thứ hai trong phần này tương hợp với phần trước ở tiểu ý thứ tư nói thí dụ mưa xuống. Điều thứ ba trong phần này tương hợp với tiểu ý thứ nhất ở phần trước nói thí dụ núi, sông, khe, suối, mặt đất thế giới. Điều thứ tư trong phần này tương hợp với tiểu ý thứ hai ở phần trước nói thí dụ cỏ cây. Điều thứ năm trong phần

[1] Hóa chủ (化主), bậc đứng đầu trong việc giáo hóa chúng sanh, thường có nghĩa là trong một cõi thế giới. Vì thế, hóa chủ của cõi Ta-bà là đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

này tương hợp với tiểu ý thứ năm ở phần trước nói thí dụ thấm nhuần [nước mưa]. Điều thứ sáu trong phần này tương hợp với tiểu ý thứ sáu ở phần trước nói thí dụ [cỏ cây] tăng trưởng.

Về thứ tự tương hợp [trong phần này] với các thí dụ [ở phần trước] là để nêu rõ [trình tự] đức Như Lai ứng hóa ra đời liền có 8 âm thanh thuyết pháp, có thuyết pháp liền có chúng sanh thọ nhận sự giáo hóa; chúng sanh nghe pháp, tất cả đều được thấm nhuần Phật đạo; sự thấm nhuần đó là tương đồng nhưng sự tăng trưởng không phải là không khác biệt. Đại lược là như vậy.

● [Bây giờ giải thích] điều thứ nhất, tương hợp với thí dụ mây đen dày. Trước tiên nêu thân ẩn mật của Phật tương hợp với mây [đen dày] là có hình thể. Sau đó nêu lời ẩn mật của Phật tương hợp với mây [đen dày] có âm thanh [là tiếng sấm].

"Đức Như Lai cũng giống như vậy, xuất hiện giữa cõi đời" tức là tương hợp với ứng hóa thân [Phật] xuất thế.

"Như đám mây lớn nổi lên" là nêu chỗ tương hợp với thí dụ, làm rõ ý nghĩa đức Như Lai với tâm đại từ hiện thân che chở dạy dỗ hết thảy [chúng sanh].

"Dùng âm thanh lớn" tức là nêu lời ẩn mật của Phật, tương hợp với vầng mây có âm thanh [sấm nổ].

"Trời, người, a-tu-la" là chỉ riêng nói 3 cõi lành,[1] tức là những cõi được nhận sự lợi ích từ lời dạy ẩn mật của Phật.[2]

---

[1] Trong 6 cõi bao gồm: trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì 3 cõi trời, người, a-tu-la được xem là 3 cõi lành hay 3 đường lành; địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh là 3 cõi xấu ác hay 3 đường ác.

[2] Ở đây có 2 nghĩa. Thứ nhất là nói chúng sanh vâng lời Phật dạy, giữ giới làm lành nên thoát 3 đường ác, sanh 3 đường lành, đó là lợi ích. Thứ hai là nói những chúng sanh trong 3 cõi lành mới đủ nhân duyên được đức Phật hiện thân giáo hóa bằng lời.

Đây tức là nói căn tánh của ba thừa, [tương hợp với thí dụ] 30 người con [trong phẩm Thí dụ] được lợi ích từ việc nghe lời dạy.

"Như đám mây lớn kia" tức là nêu chỗ tương hợp với thí dụ đám mây có âm thanh [sấm nổ]. *"Che phủ khắp cõi thế giới đại thiên"* là nêu chung hết thảy [chúng sanh] đều là con Phật, đều nhận được lợi ích từ lời dạy ẩn mật của Phật. Hoặc cũng có khi [cho rằng phần này] chỉ tương hợp với 5 tiểu ý trong thí dụ ở trước, thì từ câu *"khắp các cõi trời, người..."* trở đi là tương hợp cả với nghĩa *"mặt đất khắp thế giới"*. Thế giới ở đây tức là cõi nước thế gian; trời, người, a-tu-la là giả danh của 5 ấm thế gian. Giả danh là tương hợp với thí dụ thế giới ở trước, 5 ấm là tương hợp với núi, sông, khe, suối trong thí dụ ở trước.

● Từ câu *"ở giữa đại chúng... mà tuyên cáo rằng"* trở đi là điều thứ hai, tương hợp với điều thứ tư ở trước nói về thí dụ mưa xuống. [Đoạn này] trước tiên nêu rõ nghĩa chính, sau đó khuyên [chúng sanh] lắng nghe và thọ trì. Nêu nghĩa chính có 6 nghĩa. Thứ nhất là nêu 10 danh hiệu của Phật, tức là các danh hiệu Như Lai, Ứng Cúng v.v. Thứ hai là nêu 4 nguyện lớn,[1] tức là nói *"đối với những ai chưa được hóa độ [nay ta] sẽ khiến cho được hóa độ"* v.v... Thứ ba là nêu 3 trí sáng suốt,[2] tức là nói *"rõ biết đúng thật hết thảy mọi việc trong đời này và đời sau"* v.v. Thứ tư là nêu 1 tâm Phật có đủ 3 trí,[3] tức là nói sự hiểu biết đầy đủ. Thứ năm là nêu 5 loại mắt, tức là nói *"thấy biết tất cả"*. Thứ sáu là nêu 3 nghiệp cùng vận hành theo trí tuệ. *"Rõ biết đạo"* là ý không

---

[1] Văn Cú dùng "四弘 - tứ hoằng", tức tứ hoằng thệ nguyện hay bốn nguyện lớn, bao gồm: 1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ; 2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn; 3. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học; 4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

[2] Văn Cú dùng "三達 - tam đạt", tức là cách gọi khác của tam minh (三明), ba trí sáng suốt của chư Phật, bao gồm: 1. Túc mệnh trí chứng minh; 2. Sanh tử trí chứng mình; 3. Lậu tận trí chứng minh.

[3] Nhất tâm tam trí (一心三智), tức là ngay trong một tâm của chư Phật có đủ 3 trí, bao gồm Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí.

cần phòng hộ; *"khai mở đạo"* là thân không cần phòng hộ; *"thuyết dạy đạo"* là lời nói không cần phòng hộ,[1] cũng xưng là bậc đạo sư, tức là [nói các nghĩa] "rõ biết đạo" v.v.

Từ câu *"hết thảy chúng sanh trong các cõi trời, người..."* trở đi là khuyến khích chúng sanh lắng nghe, tiếp nhận. Phật dùng 8 âm thanh thuyết giảng rõ ràng 6 loại pháp môn [như trên].[2] Dựa vào số đông mà nói nên chỉ nêu lời khuyên [chúng sanh trong] 3 cõi lành nên đến nghe pháp.

KINH VĂN

"Lúc bấy giờ, có vô số ngàn muôn ức loại chúng sanh đều đến chỗ Phật để nghe chánh pháp. Đức Như Lai vào lúc ấy quán xét mọi chúng sanh, biết rõ căn tánh nhanh nhạy hoặc trì độn, tinh tấn hoặc lười nhác, rồi tùy theo khả năng tiếp nhận của mỗi loài mà vì họ thuyết pháp, dùng vô số phương cách khiến cho tất cả đều được mừng vui hoan hỷ, nhanh chóng đạt được sự tốt lành lợi ích. Những chúng sanh được nghe pháp rồi thì đời sống hiện tại an ổn, đời sau sinh về cảnh giới tốt lành, lấy việc tu đạo làm niềm vui, rồi lại cũng được nghe pháp. Sau khi nghe pháp lìa xa mọi chướng ngại, ở nơi các pháp tùy theo khả năng của mình mà [tu tập] dần dần thể nhập đạo giác ngộ.

Câu *"Lúc bấy giờ, có vô số ngàn muôn ức loại chúng sanh đều đến chỗ Phật để nghe chánh pháp"* là điều thứ ba trong đoạn này, tương hợp với tiểu ý thứ nhất ở phần trước nói thí dụ núi sông... Do nơi hết thảy quả báo mà có chúng sanh, cũng như dựa vào núi, sông... mà có thế giới... *"Ngàn*

[1] Đây là nói về "三不護 - tam bất hộ" của chư Phật. Hết thảy chúng sanh nếu muốn được an vui thì phải luôn phòng hộ ba nghiệp thân, khẩu, ý. Chư Phật vì đã đạt đến sự giải thoát rốt ráo, ba nghiệp vốn tự thanh tịnh, không cần phải có sự giữ gìn phòng hộ mà vẫn luôn luôn thanh tịnh không ô nhiễm.

[2] Ở đây dùng 6 loại pháp môn (六種法門 - lục chủng pháp môn) nhưng thật ra là chỉ 6 ý nghĩa vừa được nêu ra trong đoạn kinh văn này, từ thứ nhất là 10 danh hiệu Phật cho đến thứ sáu là nêu 3 nghiệp thanh tịnh của chư Phật.

muôn ức…" tức là nói chúng sanh trong 10 pháp giới, nay hiểu đúng là chúng sanh trong 7 hạng phương tiện khác biệt nhau, phù hợp với phần trước đã nói.

Hoặc giải thích rằng, từ *"hết thảy chúng sanh trong các cõi trời, người…"* trở đi đều là tương hợp với thí dụ núi, sông… ở phần trước.

❶ Từ câu *"Đức Như Lai vào lúc ấy…"* cho đến *"tinh tấn hoặc lười nhác"* là điều thứ tư, tương hợp với tiểu ý thứ hai ở trước nói thí dụ cỏ cây. Các nhà cựu giải cho rằng, câu kinh văn này thừa ra, không tương hợp với phần trước. Nay giải thích rõ, trong thí dụ ở phần trước có cỏ cây khác biệt, lớn nhỏ chẳng đồng, còn ở đây nêu rõ [chúng sanh] căn tánh có nhanh nhạy hay trì độn, tu hành có tinh tấn hoặc lười nhác, chính là nói tập nhân có sâu, có cạn, ví với cỏ cây [có khác biệt] là tương đồng ý nghĩa, lẽ nào không phải tương hợp với thí dụ mà lại cho là thừa?

"Vào lúc ấy", nếu luận theo chỗ ban đầu của tiệm giáo[1] thì là nói ban sơ thuyết giáo pháp ba thừa tại Lộc uyển; nếu luận về quãng thời gian sau đó và trước khi Phật nói Đại thừa thì [Phật thuyết pháp ở đâu cũng] được gọi là *"vào lúc ấy"*.

"Nhanh nhạy hoặc trì độn", nếu nói chung thì [chúng sanh trong] ba đường ác do tạo nhân xấu ác, nhận quả khổ đau, không thể được tiếp nhận đạo pháp nên gọi là *"trì độn"*; [chúng sanh trong] 7 hạng phương tiện được nghe giáo pháp liền nhận được lợi ích nên gọi là *"nhanh nhạy"*; nếu nói riêng về hai cõi trời, người thì [những chúng sanh] chỉ thọ nhận quả báo, không có khả năng thọ nhận đạo pháp gọi là *"trì độn"*, căn tánh của ba thừa có thể đoạn

[1] Tiệm giáo, chỉ giáo pháp tu tập theo thứ lớp, dần dần từ thấp lên cao, cũng có nghĩa là giáo pháp Tiểu thừa, phân biệt với Đốn giáo là giáo pháp dẫn đến sự nhận hiểu tức thời, cũng được hiểu là giáo pháp Đại thừa.

trừ mê hoặc, ra khỏi ba cõi gọi là *"nhanh nhạy"*. Lại nữa, hàng Thanh văn quán sanh diệt gọi là trì độn, hàng Bồ Tát quán không sanh không diệt gọi là *"nhanh nhạy"*. [Đối với các giáo pháp] Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo [cũng đều như vậy]. Đại lược là như vậy.

"Tinh tấn hoặc lười nhác", chúng sanh trong 3 đường ác buông thả phóng túng gọi là *"lười nhác"*, chúng sanh hai cõi trời, người giữ theo 5 giới, thực hành 10 nghiệp lành gọi là *"tinh tấn"*; chúng sanh 2 cõi trời, người, trời không chán sợ khổ não gọi là *"lười nhác"*, hàng Nhị thừa kinh sợ vô thường gọi là *"tinh tấn"*. Hàng Nhị thừa tham muốn chứng đắc, chẳng cầu làm Phật gọi là *"lười nhác"*, Bồ Tát quyết chí cầu Phật đạo gọi là *"tinh tấn"*. Đại lược là như vậy.

- Từ câu *"tùy theo khả năng tiếp nhận của mỗi loài..."* cho đến *"... nhanh chóng đạt được những điều tốt lành lợi ích"* là điều thứ năm, tương hợp với tiểu ý thứ năm ở trước nói thí dụ thấm nhuần [nước mưa].

"Tùy theo khả năng tiếp nhận" tức là thích nghi, xứng hợp với căn cơ, không có lỗi tăng thêm hay giảm bớt.

"Mừng vui hoan hỷ nhanh chóng đạt được sự tốt lành lợi ích" là nói tất cả chúng sanh đều được nhờ ơn mưa pháp thấm nhuần, thọ nhận sự lợi ích.

- *"Những chúng sanh được nghe chánh pháp rồi..."* là điều thứ sáu, tương hợp với tiểu ý thứ sáu ở phần trước nói thí dụ về sự tăng trưởng. *"Đời sống hiện tại an ổn, đời sau sanh về cảnh giới tốt lành"* là nói báo nhân chiêu cảm báo quả, tương hợp [thí dụ] cỏ cây tăng trưởng *"đơm hoa"* ở phần trước. Từ câu *"lại cũng được nghe pháp"* cho đến *"thể nhập đạo giác ngộ"* là nói tập nhân dẫn đến tập quả, tương hợp với phần trước nói cỏ cây tăng trưởng *"kết quả"*. *"Sau khi nghe pháp"* là tương hợp với nguyên do tăng trưởng ở

phần trước. *"Đời sống hiện tại an ổn"* là tương hợp ý chính tăng trưởng. *"Đời sau sanh về cảnh giới tốt lành"* là tương hợp với tướng trạng của sự tăng trưởng.

Đức Phật như vầng mây lớn, che mát khắp thảy chúng sanh, cho đến [chúng sanh trong] 3 đường ác cũng được thấm nhuần tăng trưởng, như [khi Phật] thuyết giảng kinh điển Bát-nhã, Phương đẳng đều nêu rõ [chúng sanh trong] địa ngục được lợi ích. Lại nữa, trong các kinh điển cũng nói về việc các loài rồng, chim, quỷ, thần v.v. nghe pháp được đạo.

Nếu như [trong chốn địa ngục mà] lửa tắt, nước sôi hóa lạnh... tức là *"đời sống hiện tại được an ổn"*; hoặc như [chúng sanh trong 3 đường ác] được sanh lên cõi trời hay cõi người, tức là *"đời sau sanh về cảnh giới tốt lành"*. Lại ở trong 2 cõi trời, người mà tu tập đạo pháp, tức là *"lấy việc tu đạo làm niềm vui"*.

Nếu hàng trời, người nghe pháp rồi giữ giới, có phước đức hộ thân thì các loài quỷ, rồng chẳng xâm phạm đến, tức là *"đời sống hiện tại được an ổn"*; hoặc từ cõi trời [chết đi rồi] sanh lại cõi trời, từ cõi người [chết đi rồi] sanh lại cõi người, hoặc tái sanh qua lại trong hai cõi trời người, tức là *"đời sau sanh về cảnh giới tốt lành"*.

Sanh ra rồi có thể học hiểu đạo, tức là *"lấy việc tu đạo làm niềm vui"*. Hàng Nhị thừa nghe pháp đạt được Niết-bàn hữu dư, tức là *"đời sống hiện tại được an ổn"*.

Kinh văn phần sau[1] lại nói rằng: *"Những người ấy do nơi công đức đã đạt được mà tự sanh khởi ý tưởng cho rằng mình đã được diệt độ... Khi ấy, ta làm Phật ở cõi nước ngoài*

[1] Ở đây Văn Cú dẫn trước nội dung kinh văn trong phẩm Thí dụ Hóa thành. Văn Cú chỉ lược trích, không dẫn lại nguyên văn kinh.

ba cõi,[1] *lại có danh hiệu khác. Những người ấy... ...ở nơi cõi nước ngoài ba cõi ấy ...được nghe kinh này..."* Đây là nói cõi phương tiện hữu dư là *"cảnh giới tốt lành"*. *"Ở nơi cõi nước ngoài ba cõi... ...được nghe kinh này"* tức là đạt đạo được vui.

Nếu như Bồ Tát còn mang nhục thân,[2] nghe Phật Lô-xá-na thuyết pháp rồi được pháp nhẫn vô sanh, tức là *"đời sống hiện tại được an ổn"*, sau đó sanh về thế giới Tịnh Mãn làm quyến thuộc pháp thân, tức là ở *"cảnh giới tốt lành, lấy việc tu đạo làm niềm vui"*.

"Lìa xa mọi chướng ngại" tức là *"đời sống hiện tại được an ổn"*. *"Tùy theo khả năng... dần dần thể nhập đạo giác ngộ"* tức là đời sau *"lấy việc tu đạo làm niềm vui"*.

Nói về 5 thừa, [nhân thừa] là thừa của 5 giới, nhờ đó ra thoát khỏi khổ não trong 3 đường ác; [thiên thừa] là thừa của 10 nghiệp lành, nhờ đó thoát khỏi 8 nỗi khổ của cõi người; Thanh văn thừa thoát khỏi nỗi khổ vô thường trong 3 cõi; Duyên giác thừa thoát khỏi nỗi khổ phải nghe pháp từ người khác;[3] Bồ Tát thừa thoát khỏi nỗi khổ trong tâm thiếu trí sáng, bên ngoài không có hình tướng tốt đẹp.[4] Đó là nói về 5 thừa.

Hỏi: [Đâu cần phải có đến 5 thừa.] Lẽ ra chỉ cần [phân chia] 2 cõi trời, người là *thế gian thừa*, tất cả các thừa còn lại là *xuất thế gian thừa*.

---

[1] Kinh văn dùng "餘國 - dư quốc", Văn Cú giải thích rằng đó là cảnh giới bên ngoài ba cõi (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới), vẫn có Phật, tức là "餘佛 - dư Phật". Các vị A-la-hán nhập Niết-bàn Tiểu thừa tức là vượt ngoài ba cõi, nhưng vẫn còn có khả năng gặp "dư Phật" ở cảnh giới đó, được nghe kinh này để giác ngộ và đạt đến quả Phật.

[2] Văn Cú dùng "生身 - sanh thân", chỉ thân xác thịt do cha mẹ sanh ra. Đối với chư Phật, Bồ Tát thì đây là ứng hóa thân, thị hiện giữa thế gian vì mục đích độ sanh.

[3] Ý nói là vị Duyên giác, hay Độc giác, có thể tự mình suy xét hiểu đạo, không phụ thuộc vào việc nghe pháp từ người khác như hàng Thanh văn.

[4] Hàm ý vị Bồ Tát tu tập Bồ Tát hạnh có đủ phước đức và trí tuệ, do vậy trong tâm có trí sáng suốt, bên ngoài có đủ hình tướng trang nghiêm tốt đẹp.

[**Đáp:**] Hoặc cũng có thể gọi Phật là *thật thừa*, các thừa khác đều là *quyền thừa*.

Hoặc có thể xem Phật là *quả thừa*, các thừa khác là *nhân thừa*.

Hoặc cũng có thể chia 3 thừa: hai cõi trời, người là hạ thừa, hàng Nhị thừa là trung thừa và Phật là thượng thừa.

Hoặc có thể gọi hai cõi trời, người là thừa không dứt phiền não, hàng Nhị thừa là thừa đã dứt phiền não, Phật là thừa chẳng phải dứt, chẳng phải không dứt.

Hoặc có thể gọi hai cõi trời, người là thừa không dứt [phiền não], Phật là thừa đã dứt [phiền não], hàng Nhị thừa là thừa cũng dứt cũng không dứt [phiền não].

Hoặc cũng có thể phân chia thành các thừa như phàm phu, hiền thánh, chẳng phải phàm chẳng phải thánh, hoặc là có không, chẳng phải có chẳng phải không... Đại lược là như thế.

[**Hỏi**:] Luận Đại Trí độ nêu rõ 5 cảnh giới lành, kinh Thắng Man nói 4 kho báu, so với [Pháp hoa nói] 3 hạng cỏ thuốc và 2 hạng cây thì [khác nhau] thế nào?

Đáp: [Luận Đại Trí độ nêu] 5 cảnh giới lành thì cõi trời, cõi người là 2, hàng Nhị thừa là 1, chư Phật, Bồ Tát là [2, cộng với 3 thành] 5;[1] đây là phân chia Đại thừa mà kết hợp Tiểu thừa.[2] [Phân chia theo] 5 thừa là chia Tiểu thừa

[1] Văn Cú ở đây có vài chỗ khó hiểu. Thứ nhất, dẫn Trí độ luận nói "ngũ thiện căn" nghĩa là 5 căn lành, nhưng Nguyên tác chỉ nói "ngũ thiện", và ngữ cảnh ở đây cũng chỉ đến 5 cảnh giới lành. Thứ hai, Văn Cú nói "佛菩薩為五 。- Phật Bồ Tát vi ngũ." Nói như vậy là lược bớt rất khó hiểu, vì Pháp hoa huyền luận nói đúng là: "佛菩薩為二善 。- Phật Bồ Tát vi nhị thiện." Ý nghĩa đầy đủ chỗ này là "Phật và Bồ Tát là 2 cảnh giới lành, cộng với trước đó là 5".

[2] Đây là nói chư Phật, Bồ Tát phân chia thành 2 cõi, hàng Nhị thừa hợp nhất thành 1 cõi.

mà hợp Đại thừa.[1] [Kinh Thắng Man nói] 4 kho báu là hợp phàm, chia thánh,[2] còn 5 thừa thì phàm và thánh đều phân chia.[3] Tùy theo nhân duyên nên chẳng đồng như nhau.

KINH VĂN

> **"Cũng như đám mây lớn kia đổ mưa xuống tưới mát hết thảy các loại cỏ cây, rừng rậm cùng những loài cỏ thuốc, mỗi loại tùy theo tính chất của mình mà đều được thấm ướt đầy đủ, đều sinh trưởng tốt tươi.**

✦ Từ câu *"Cũng như đám mây lớn kia..."* trở đi là tiểu ý thứ hai, chỉ ra chỗ tương hợp với các thí dụ [vừa nói]. *"Đám mây lớn"* là ứng hợp với tiểu ý thứ nhất, nói hình sắc và âm thanh [Phật ứng hóa] đều mang lại lợi ích [cho chúng sanh]. *"Mưa xuống tưới mát hết thảy"* là ứng hợp với tiểu ý thứ hai, nói rõ 6 nghĩa xưng tán Phật.[4] *"Các loại cỏ cây, rừng rậm"* là ứng hợp với tiểu ý thứ tư,[5] nói chúng sanh được giáo hóa [có căn cơ] nhanh nhạy hoặc trì độn, tinh tấn hoặc lười nhác, có nhân huân tập sâu hoặc cạn. *"Tùy theo tính chất của mình mà đều được thấm ướt đầy đủ"* là ứng hợp tiểu ý thứ năm, nói [chúng sanh] được thọ nhận thấm nhuần lợi lạc từ giáo pháp. *"Đều sanh trưởng tốt tươi"* là ứng hợp tiểu ý thứ sáu, nói đời sống hiện tại được an ổn, tăng trưởng.

---

[1] Đây là nói nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn thừa và Duyên giác thừa được phân chia riêng biệt, trong khi Đại thừa chỉ có một là Bồ Tát thừa.

[2] Kinh Thắng Man đưa ví dụ cõi đất có 4 kho báu (tứ tạng) so sánh với việc vị Bồ Tát hóa độ chúng sanh theo 4 hạng: Thứ nhất là hàng trời người, thứ hai là Thanh văn, thứ ba là Duyên giác và thứ tư là Đại thừa. Do vậy nói là kết hợp phàm (hợp trời và người thành một) và phân chia thánh (phân chia Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa).

[3] Có nghĩa là hạng phàm được chia ra nhân thừa và thiên thừa, bậc thánh được chia thành 3 thừa Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát.

[4] Văn Cú nói là 6 "pháp môn", nhưng thật ra là chỉ 6 nghĩa xưng tán Phật trong đoạn kinh trước, từ 10 danh hiệu Phật cho đến 3 nghiệp thanh tịnh của chư Phật.

[5] Không thấy Văn Cú nói đến tiểu ý thứ ba, lẽ ra là ứng hợp với thí dụ mặt đất.

KINH VĂN

Đức Như Lai thuyết pháp đồng một tướng trạng, đồng một pháp vị, đó là tướng trạng giải thoát, tướng trạng xa lìa, tướng trạng dứt trừ, cho đến rốt ráo đạt Nhất thiết chủng trí.

◆ Từ câu *"Đức Như Lai thuyết pháp đồng một tướng trạng..."* trở đi là ý thứ hai, tương hợp với phần thí dụ không khác biệt [ở trước]. Phần trước nêu 3 điều, [thứ nhất là một mặt đất, thứ hai là một cơn mưa và thứ ba là 3 loại cỏ thuốc với 2 hạng cây], ở đây cũng tương hợp 3 điều nhưng không theo đúng thứ tự.

Từ chỗ *"một tướng trạng, một pháp vị"* trở đi là tương hợp cả 2 điều trước nói *"một mặt đất"* và *"một cơn mưa"*. Từ chỗ *"đó là tướng trạng ..."* trở đi giải thích cả 2 điều nói về *"một mặt đất"* và *"một cơn mưa"*. Từ câu *"Như có chúng sanh nào..."* trở đi là tương hợp với phần trước nói *"mỗi loại cây cỏ đều có sự khác biệt"*. Từ câu *"vì sao vậy"* trở đi là giải thích việc đức Như Lai đối với sự khác biệt có thể rõ biết là khác biệt hay không khác biệt.

"Một tướng trạng" là nói tâm của tất cả chúng sanh đều đồng một tướng chân như, đó là nghĩa *"một mặt đất"*.

"Một pháp vị" là nói pháp Nhất thừa chỉ giảng giải đồng một lẽ thật, đó là nghĩa *"một cơn mưa"*. Xưa vốn chỉ là một tướng chân thật, phương tiện [giáo hóa chúng sanh] nên bày ra thành 7 hạng phương tiện,[1] đối với giáo pháp Nhất thừa phân biệt thuyết giảng thành 7 giáo pháp.[2] Đó là Phật rõ biết rốt ráo đều quy về một tướng trạng, một pháp vị.

---

[1] Văn Cú dùng "七相 - thất tướng" (7 tướng), Văn Cú Ký giải thích rằng đây là chỉ thất phương tiện.

[2] Tức là 7 thừa giáo pháp tương ứng với 7 hạng phương tiện: nhân thừa, thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa của Tạng giáo, Bồ Tát thừa của Thông giáo và Bồ Tát thừa của Biệt giáo.

Từ chỗ *"đó là tướng trạng..."* trở đi là giải thích cả 2 nghĩa, *"một tướng trạng"* và *"một pháp vị"*. *"Tâm tánh... của chúng sanh"* tức là nói tánh đức. Đối với 3 tướng trạng là giải thoát, xa lìa và tịch diệt, đức Như Lai dùng một âm thanh thuyết giảng 3 pháp này, tức là 3 pháp vị. Dùng 3 tướng trạng này làm cảnh giới tu hành các lẽ duyên sanh, trung đạo, cho đến cuối cùng sẽ đạt được quả Nhất thiết [chủng] trí. Cho nên nói rằng, rốt ráo đạt đến Nhất thiết chủng trí.

Phần tương hợp với thí dụ *"cỏ cây đều khác biệt"* như giải thích sau, không cần ghi chép trùng lặp.

Cũng có khi phần này được giải thích thành 3 ý tương hợp. Thứ nhất là ý không khác biệt, tương hợp với phần trước [nói thí dụ] *"một mặt đất"* và *"một cơn mưa"*; thứ hai là ý khác biệt, tương hợp với phần trước [nói thí dụ] *"cỏ cây đều khác biệt"*; thứ ba là ý *"đức Như Lai có thể rõ biết"*, được giải thích thành 2 ý nhỏ: [thứ nhất là không khác biệt và thứ hai là khác biệt].

"Không khác biệt" là nghĩa *"một tướng trạng"*, *"một pháp vị"*. *"Một tướng trạng"* tương hợp với bên trên nói thí dụ *"một mặt đất"*. Tướng giải thoát là tướng không còn sanh tử. Tướng xa lìa là tướng không có Niết-bàn. Tướng tịch diệt là vô tướng cũng không có tướng, chỉ duy nhất một tướng chân thật cho nên gọi là một tướng. Một tướng ấy là gốc vô trụ, từ đó dựng lập tất cả các pháp. Vô trụ, vô tướng là không có khác biệt; dựng lập tất cả các pháp liền có khác biệt.

Khác biệt là như cỏ cây, không khác biệt là như một mặt đất. Mặt đất ấy tuy không khác biệt mà có thể sanh ra các loại cây đào, cây mai... cỏ cây khác biệt không giống nhau. Lại như cây đào, cây mận... cỏ cây tuy khác biệt nhau nhưng vẫn cùng một tướng trạng cứng chắc.

Nếu biết từ trong đất sẵn có đủ cây đào, cây mận... tức là biết được trong thật có quyền, hiểu được nghĩa không khác biệt tức là khác biệt.

Nếu biết được tướng cứng chắc của cây đào, cây mận... tức là biết được trong quyền có thật, hiểu được nghĩa khác biệt tức là không khác biệt.

Do những ý nghĩa này nên dùng *"một tướng trạng"* để tương hợp với phần trước nói thí dụ *"một mặt đất"*.

"Một pháp vị" tức là giáo pháp chân thật, thuần nhất không xen tạp, dựa theo cách giải thích về *"một tướng trạng"* thì có thể hiểu được.

"Giải thoát" nghĩa là không bị nghiệp lực trói buộc ở cả 2 bờ, sanh tử phần đoạn và sanh tử biến dịch, cho nên gọi là tướng trạng giải thoát.

"Tướng xa lìa" là đạt được trí tuệ trung đạo. Trí tuệ này có thể xa lìa 2 bên, [chẳng có chẳng không, chẳng thường chẳng đoạn], không có sự dính mắc, cho nên gọi là tướng xa lìa.

"Tướng tịch diệt" tức là nhân [thiên lệch] 2 bên đã diệt nên đạt được Niết-bàn hữu dư; quả [thiên lệch] 2 bên đã diệt thì đạt được Niết-bàn vô dư, cho nên gọi là tướng tịch diệt. Mỗi câu ở đây đều theo như nghĩa khác biệt và không khác biệt [ở trước], dựa theo phần giải thích về *"một tướng trạng"* thì có thể hiểu được.

"Rốt ráo đạt Nhất thiết chủng trí" là nếu đạt đến tướng diệt trừ hai bên thiên lệch thì thông hoặc và biệt hoặc đều dứt hết, thể nhập tri kiến Phật. Vận dụng Nhất thiết chủng trí, trong tâm thực hành Bát-nhã, từ ban đầu khởi phát cho đến rốt cùng, cả hai thời điểm đều không khác biệt, cho nên gọi là rốt ráo, tức là trí tuệ Phật, do vậy gọi là Nhất thiết chủng trí.

KINH VĂN

Như có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai rồi vâng giữ, tụng đọc, y theo pháp ấy mà tu hành, [chúng sanh ấy cũng] không tự nhận biết công đức mình có được.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"như có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai... ...không tự nhận biết"* trở đi là nêu rõ nghĩa khác biệt. [Kinh văn] từ đây trở đi làm sáng tỏ sự khác biệt. Chúng sanh là núi sông, [nêu nghĩa] khác biệt giả thật, cũng là nghĩa chủng tử khác biệt. Như Lai là đám mây mưa, [chúng sanh] nghe pháp tức là có mưa xuống; đọc tụng, tu hành tức là thấm nhuần; công đức tức là sự tăng trưởng. Những sự khác biệt như vậy, chúng sanh đều không thể tự biết. Trong tiểu đoạn này chia ra 5 phân đoạn. Thứ nhất là nói chúng sanh không thể tự biết; thứ hai là Như Lai có thể rõ biết; thứ ba là nêu thí dụ ứng hợp với nghĩa chúng sanh không thể biết; thứ tư là lặp lại ý trước để kết luận, giải thích việc Như Lai có thể rõ biết; thứ năm là giải thích chỗ nghi.

▪ *"Như có chúng sanh nào"* là nêu ra người không biết. *"Pháp"* là nói nghe pháp từ một âm thanh [của Phật].[1] *"Vâng giữ, tụng đọc, y theo pháp ấy mà tu hành"* là nói ý chính của sự không thể biết. [Cách thức] vâng giữ, tụng đọc không giống nhau nên sự tu hành cũng khác nhau. Hàng trời, người [nghe pháp Phật] thì hiểu là giữ giới, làm lành; ba thừa [nghe pháp Phật] thì hiểu theo 4 đế, 12 nhân duyên, 6 ba-la-mật.[2] Sự nhận hiểu đã không đồng nhau, tức là [sự tu hành] có khác biệt.

---

[1] Ý nghĩa ở đây tương tự như trong kinh Duy-ma-cật có nói: "佛以一音演說法， 眾生各各隨所解 。- Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh các các tùy sở giải." (Phật dùng một âm thanh diễn thuyết pháp, chúng sanh mỗi loài tùy theo đó nhận hiểu thích hợp.)

[2] Ở đây nêu giáo lý căn bản của 3 thừa. 4 đế dành cho Thanh văn thừa, 12 nhân duyên dành cho Duyên giác thừa và 6 ba-la-mật dành cho Bồ Tát thừa.

"Không tự nhận biết công đức mình có được" là nói chúng sanh trong 5 thừa,[1] tuy mỗi thừa đều vâng nhận giáo pháp của Phật, nhưng không biết rằng pháp Phật chỉ có một pháp vị, không có giáo pháp nào khác biệt nhau, cũng không biết rằng chúng sanh trong 7 hạng phương tiện, mỗi hạng đều tự nhận hiểu [thích hợp với mình], rồi đều bám chấp cho rằng [chỉ có] cách hiểu của mình là chân thật. Như vậy là chẳng biết pháp quyền thừa, cũng không hiểu được pháp chân thật, tức là có khác biệt mà *"không tự nhận biết"*.

KINH VĂN

> **Vì sao vậy? Vì chỉ có đức Như Lai mới rõ biết được tánh thể, chủng loại tướng trạng của chúng sanh, [rõ biết chúng sanh] niệm tưởng những gì, suy xét những gì, tu tập những gì; niệm tưởng như thế nào, suy xét như thế nào, tu tập như thế nào; dùng pháp gì để niệm tưởng, dùng pháp gì để suy xét, dùng pháp gì để tu tập; dùng pháp nào để đạt được pháp nào. Chúng sinh đang ở các giai vị [trên đường tu tập], chỉ có đức Như Lai mới rõ biết đúng thật, sáng suốt tỏ tường không ngăn ngại, cũng giống như các loại cỏ cây, rừng rậm cùng những loại cỏ thuốc kia, đều không tự biết mình thuộc loại lớn, nhỏ hay trung bình.**

▪ Phân đoạn thứ hai nói nghĩa Như Lai có thể rõ biết. Phần này lược giảm một số, chỉ nêu ra 10 cảnh hợp thành 4 ý. Thứ nhất là dựa vào 4 pháp để biết; thứ hai là dựa vào 3 pháp để biết; thứ ba là dựa vào 2 pháp để biết; thứ tư là dựa vào 1 pháp mà có thể biết.

◆ Thứ nhất, dựa vào 4 pháp tức là nói chủng, tướng, thể, tánh. Chủng tử [là hạt giống], tức là nói 3 đường ác là

[1] Văn Cú dùng "五人 - ngũ nhân" chỉ người trong 5 thừa, ý nghĩa chính xác hơn là muốn chỉ đến chúng sanh trong các cảnh giới của 5 thừa: trời, người, Thanh văn, Duyên giác và Bồ Tát.

hạt giống của 3 phẩm đức.[1] Kinh Tịnh Danh nói: *"Tất cả các loại phiền não là hạt giống Như Lai."* Điều này làm rõ ý nghĩa từ trong phiền não mà có bát-nhã. Lại nói: *"Năm tội vô gián[2] đều sanh ra tướng giải thoát."* Đây là nói từ nơi pháp bất thiện mà có pháp thiện giải thoát. Tất cả chúng sanh là tướng của Niết-bàn, không thể lại có tịch diệt. Đây là nói sanh tử chính là pháp thân.

Luận về chủng tử như vậy là dựa theo tướng trạng tương đối. Nếu dựa theo chủng loại để luận thì hết thảy [mọi hành vi cung kính như] cúi đầu chắp tay đều là chủng tử [của phẩm đức] giải thoát; hết thảy trí tuệ thế gian, tâm nhận hiểu của ba thừa đều là chủng tử [của phẩm đức] Bát-nhã; hết thảy chúng sanh có tâm thức đều sẽ thành Phật, tức là chủng tử [của phẩm đức] pháp thân.

Các chủng tử khác biệt như vậy, đức Như Lai đều có thể rõ biết. Tất cả chủng tử ấy thật ra lại chỉ là một chủng tử, tức là không có khác biệt, đức Như Lai cũng có thể rõ biết. Khác biệt đó tức là không khác biệt; không khác biệt tức là khác biệt, đức Như Lai lại cũng có thể rõ biết.

Tiếp theo bàn về tướng, thể và tánh thì dựa theo 10 pháp giới và 10 như thị để giải thích. Nếu luận về sự khác biệt tức là tướng của 10 pháp giới; nếu luận về không khác biệt tức là tướng của một cảnh giới Phật. Khác biệt hay không khác biệt, đức Như Lai đều có thể rõ biết. Khác biệt tức là không khác biệt, không khác biệt tức là khác biệt, đức Như Lai lại cũng có thể rõ biết. Luận về thể và tánh cũng theo cách như vậy, có thể hiểu rõ được.

◆ Từ câu *"chúng sanh niệm tưởng những gì..."* trở đi là dựa vào 3 pháp để nêu rõ việc đức Như Lai có thể rõ biết.

---

[1] Ở đây chỉ 3 phẩm đức của chư Phật, bao gồm pháp thân đức, bát-nhã đức và giải thoát đức.

[2] Văn Cú dùng "ngũ vô gián", chỉ 5 tội nặng phải đọa vào địa ngục vô gián, cũng gọi là ngũ nghịch tội, bao gồm: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng.

Ba pháp ấy là 3 loại trí tuệ,[1] lại chia ra 3 tầng. Thứ nhất là cảnh của 3 tuệ, thứ hai là thể của 3 tuệ, thứ ba là nhân duyên của 3 tuệ. *"Niệm tưởng những gì"* là nêu rõ công dụng của 3 tuệ. Niệm tưởng duy trì nơi sự việc được nhớ nghĩ đến, đó là cảnh của 3 tuệ. Từ câu *"niệm tưởng như thế nào"* trở đi, nói nghĩa niệm là ghi nhớ những pháp đã nghe, chính là niệm tưởng đến thể của 3 tuệ. Từ câu *"dùng pháp gì để niệm tưởng"* trở đi, nói nghĩa 3 tuệ bám chấp nơi cảnh mà nghe pháp, đó là nhân duyên của 3 tuệ. Lại nữa, xét cảnh, cảnh trí và nhân duyên 3 tuệ hợp lại nên có pháp 3 tuệ, cũng gọi là nhân duyên.

Như 3 tuệ này là của 3 thừa, trước đây cho rằng cảnh, thể và nhân duyên [3 tuệ này] khác nhau, tức là có khác biệt; nếu thể nhập 3 tuệ nhiệm mầu viên mãn tức là không có khác biệt. Sự khác biệt hay không khác biệt như vậy, đức Như Lai đều có thể rõ biết. Lại nữa, khác biệt tức là không khác biệt, không khác biệt tức là khác biệt, đức Như Lai cũng có thể rõ biết.

◆ Từ câu *"dùng pháp nào để đạt được pháp nào"* trở đi dựa vào 2 pháp để nêu rõ việc đức Như Lai có thể rõ biết. *"Dùng pháp nào"* là nhân, *"đạt được pháp nào"* là quả. Mỗi nhân trong 5 thừa đều đạt đến quả tương ứng [của nhân đó], tức là có sự khác biệt. Chúng sanh như vậy, Phật như vậy, chỉ đồng nhất như vậy, không có 2 pháp khác nhau, chỉ là một nhân, một quả, tức là không khác biệt. Khác biệt hay không khác biệt, đức Như Lai đều có thể rõ biết. Khác biệt tức là không khác biệt, không khác biệt tức là khác biệt, đức Như Lai lại cũng có thể rõ biết.

◆ Từ câu *"Chúng sinh đang ở các giai vị trên đường tu tập"* trở đi là dựa vào một pháp để nêu rõ việc đức Như Lai có thể rõ biết. Bảy hạng phương tiện trụ nơi 7 giai vị

[1] Ba loại trí tuệ, chỉ văn tuệ (do nghe pháp), tư tuệ (do suy xét pháp) và tu tuệ (do tu tập, thực hành pháp).

[tương ứng], cho nên nói là *"các giai vị"*, đó tức là có khác biệt. Đức Như Lai dùng Phật nhãn như thật để quán sát, thấy rõ như các dòng nước chảy vào biển đều mất đi mùi vị riêng trước đó, [chỉ còn vị mặn của nước biển], tức là không có khác biệt. [Đức Như Lai] dùng trí tuệ phương tiện, tùy thuận tâm ý chúng sanh mà diễn thuyết pháp, tức là đức Như Lai có thể rõ biết sự khác biệt. Tất cả những pháp mà Như Lai thuyết giảng cuối cùng đều đưa đến địa vị Nhất thiết chủng trí, tức là đức Như Lai có thể rõ biết chỗ không khác biệt. Đại lược là như vậy.

▪ Từ câu *"cũng giống như cỏ cây, rừng rậm..."* trở đi là phân đoạn thứ ba nêu thí dụ, ứng hợp với nghĩa chúng sanh không thể rõ biết.

KINH VĂN

> **"Đức Như Lai rõ biết pháp đồng một tướng trạng, đồng một pháp vị này, đó là tướng trạng giải thoát, tướng trạng xa lìa, tướng trạng tịch diệt, cho đến tướng trạng rốt ráo Niết-bàn tịch diệt thường hằng, cuối cùng quy về không. Như Lai rõ biết như vậy rồi, lại quán xét tâm tánh và chỗ ham muốn của chúng sanh để cứu giúp, cho nên không vì chúng sanh mà thuyết giảng ngay [pháp rốt ráo để đạt] Nhất thiết chủng trí.**

▪ Từ câu *"Đức Như Lai rõ biết pháp..."* trở đi là phân đoạn thứ tư, lặp lại phần trước để tổng kết về nghĩa *"đức Như Lai có thể rõ biết"*. *"Đồng một tướng trạng, đồng một pháp vị..."* là như trước đã giải thích. *"Tướng trạng giải thoát, tướng trạng xa lìa, tướng trạng tịch diệt..."* do duyên phân biệt [mà thành], tức là trong một [pháp] có vô lượng [pháp]. *"Rốt ráo Niết-bàn... cuối cùng quy về không"*, tức là trong vô lượng [pháp] chỉ có một [pháp]. Đây là lặp lại phần trước để giải thích thêm một lần nữa về sự không khác biệt. Vì sao vậy? *"Tướng trạng giải thoát, tướng trạng xa lìa, tướng trạng tịch diệt..."*, nếu là pháp thể của hàng Nhị thừa thì vẫn còn giải thuyết khác biệt, nay nói là Đại

thừa cứu cánh rốt ráo, *"cuối cùng quy về không"*, tức là thông suốt không có khác biệt. *"Rốt ráo Niết-bàn"* là kết luận về những câu trước đó, thảy đều không phải Niết-bàn hữu dư và vô dư của Nhị thừa, cho nên mới là Niết-bàn rốt ráo. *"Tịch diệt thường hằng"* là kết lại những câu trước, không phải tịch diệt của Tiểu thừa thì mới là thường trụ tịch diệt. Kinh văn phần trước nói: *"Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt"*, chính là nói nghĩa này. *"Cuối cùng quy về không"*, chẳng phải là cái không hủy thân diệt trí [của Tiểu thừa], mà đây là nói đến *đệ nhất nghĩa không* của trung đạo. Cho đến chắp tay cung kính ân cần, tuy là giản lược của pháp thật vẫn khác với pháp quyền.

Các nhà cựu giải nói rằng, *"cuối cùng quy về không"* là nói [như đức Phật] tuy có thần thông kéo dài tuổi thọ được đến vô lượng kiếp, lại thị hiện gấp nhiều lần số kiếp đó, nhưng khi thọ mạng đã dứt thì cuối cùng cũng đi đến chỗ hủy thân diệt tâm, cho nên nói là *"cuối cùng quy về không"*. Nói như vậy thật là trái nghịch với Phật, trái nghịch với kinh, sao có thể nói được?

Ngài Quang Trạch nói: *"Rốt cùng thể nhập [Niết-bàn] hữu dư, xả bỏ thân trí vô thường."* Có người hỏi vặn lại về cách giải thích này: *"Nếu nói như thế thì so với Nhị thừa nào có khác biệt gì?"*

Kinh văn [phần này] có 2 lần nói đến *"rốt ráo"*. Lần thứ nhất nói *"rốt ráo đạt Nhất thiết chủng trí"*, tức là nêu quả [Nhất thiết chủng] trí, đối lại với trí tuệ hàng Nhị thừa không rốt ráo. Lần thứ hai nói *"rốt ráo Niết-bàn tịch diệt thường hằng, cuối cùng quy về không"*, tức là nêu chỗ đoạn trừ [của Đại thừa], đối lại với chỗ đoạn diệt của hàng Nhị thừa không phải rốt ráo. Xét câu văn nói nghĩa rốt ráo thì biết là chẳng phải [nói nghĩa] không của Tiểu thừa.

Ngài Long Ấn nói: *"Cái không của Đại Niết-bàn là vì không tướng pháp, không phiền não, cho nên nói là không.*

Cuối cùng đều quy về đệ nhất nghĩa không thường trụ." Trung sư[1] nói: *"Cuối cùng quy về đệ nhất nghĩa không, tức là trí tuệ."* Có người nói: *"Quả Phật không phiền lụy, cho nên nói là không."* Lại có người chú giải rằng: *"Không và có, cả hai đều rỗng suốt mới gọi là không."* Các bậc thầy xưa đều không giải thích theo Tiểu thừa, vì sao chỉ riêng ngài Quang Trạch có ý khác?

▪ Từ câu *"Phật rõ biết như vậy rồi, lại quán xét... chúng sanh"* trở đi là phân đoạn thứ năm, dứt lòng nghi cho chúng sanh. [Có người nêu nghi vấn,] trước đây Phật đã rõ biết từ khởi thủy đến chung cuộc đều chỉ là một [Phật thừa], vì sao [ban sơ] ở Lộc uyển chẳng vì [chúng sanh] thuyết giảng ngay pháp chân thật? [Kinh văn] giải thích rằng, *"quán xét tâm tánh và chỗ ham muốn của chúng sanh"*, nên [vận dụng] tùy theo 3 pháp tất đàn[2] để [giáo hóa] cứu giúp. Vì sợ [chúng sanh không tin nhận sẽ] phỉ báng cho nên không thuyết [ngay pháp chân thật].

KINH VĂN

> **"Này Ca-diếp! Các ông [là những người] rất ít có, có thể biết được sự tùy nghi thuyết pháp của đức Như Lai, có thể tin tưởng nhận lãnh. Vì sao vậy? Vì sự tùy nghi thuyết pháp của chư Phật Thế Tôn rất khó nhận hiểu, rất khó biết được."**

▣ Từ câu *"Này Ca-diếp! Các ông [là những người] rất ít có..."* trở đi là tổng đoạn thứ hai, nhắc lại tông chỉ và khen ngợi, đó là muốn giải thích nghi vấn. Nghi vấn ở đây là: "Từng nghe Phật có vô lượng công đức, nên nói rằng 4 vị đệ tử y theo giáo pháp nhận hiểu thì chắc gì [sự nhận hiểu đó] đã là pháp chân thật?" [Do nghi vấn ấy] nên đức Phật khen ngợi [để xác nhận rằng] tuy chưa đạt đến địa vị Phật nhưng sự nhận hiểu theo giáo pháp [của 4 vị đệ tử] không

[1] Văn Cú gọi là Trung sư (忠師), chúng tôi chưa rõ là vị nào.
[2] Tức là các pháp thế giới tất đàn, vị nhân tất đàn và đối trị tất đàn.

phải hư dối. Đây cũng là để dẫn dắt phát khởi cho hàng căn cơ thấp kém, khiến họ cũng được cùng giác ngộ.

Tổng đoạn này chia làm 2 đoạn, thứ nhất là thuật lại, thứ hai là giải thích.

◆ Trước tiên xưng tán việc rất ít có. Hàng phàm phu nếu có kẻ quay đầu được nghe pháp tin nhận thì có thể được lợi ích, đối với hàng Bồ Tát thì đã từng nghe hiểu nên việc tin nhận không phải việc lạ kỳ. [Hàng Nhị thừa đã chứng đắc] chánh vị vô vi mà có thể xả bỏ chỗ chứng đắc để thể nhập pháp chân thật là hết sức ít có.

"Có thể rõ biết được sự tùy nghi thuyết pháp của đức Như Lai" là thuật lại ý nghĩa có thể nhận hiểu [việc Phật] khai thị trừ bỏ ba thừa. Tiếp đến nói *"có thể tin tưởng nhận lãnh"* là thuật sự nhận hiểu [việc Phật] hiển bày Nhất thừa.

◆ [Từ câu] *"Vì sao vậy?"* là giải thích ý nghĩa vừa thuật lại, nêu rõ việc đối với một đạo [Nhất thừa] mà Phật [phương tiện] thuyết dạy thành ba, sâu xa huyền diệu khó hiểu mà *"các ông... ...có thể tin tưởng nhận lãnh"*.

Kinh văn phần trước nói: *"Như Lai lại có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ các công đức khác, cho dù các ông có diễn nói trong vô lượng ức kiếp cũng không thể cùng tận."* Kinh văn phần văn sau nói: *"Các ông thật là những người rất ít có."* Theo ý riêng tôi cho rằng, ân đức của Phật ban rải mọi nơi, ví như mây mưa, không một nơi nào không được thấm nhuần; ân đức Phật che chở nâng đỡ khắp cùng, ví như mặt đất, không một sự vật nào không từ đó sinh ra, đâu chỉ riêng vì một căn cơ, một cõi nước mà thôi. Do vậy nên nói *"các ông có diễn nói trong vô lượng ức kiếp cũng không thể cùng tận"*.

Ân đức của Phật tuy ban rải mọi nơi, chúng sanh mỗi ngày đều thọ nhận dùng đến nhưng không tự rõ biết, cũng

như 3 hạng cỏ thuốc và 2 hạng cây [trong thí dụ] đều bám rễ trong đất, đều thấm nhuần nước mưa, nhưng không tự rõ biết. [Cho nên Phật nói rằng các đệ tử như Ca-diếp] có thể rõ biết từ trước đến sau 10 ân đức [của Phật] thật là rất ít có.

"Những ai chưa được hóa độ [nay ta] sẽ khiến cho được hóa độ", đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức 4 hoằng thệ nguyện của Phật là rất ít có.

[Đức Phật giúp cho] chúng sanh *"đời sống hiện tại được an ổn, đời sau được sinh về cảnh giới tốt lành, lấy việc tu đạo làm niềm vui"*, đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức [Phật dùng] tâm đại từ ban vui [cho chúng sanh] là rất ít có.

"Sau khi nghe pháp lìa xa mọi chướng ngại, ở nơi các pháp tùy theo khả năng của mình mà [tu tập] dần dần thể nhập đạo giác ngộ." Đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức [Phật dùng] tâm đại bi cứu bạt khổ não [cho chúng sanh] là rất ít có.

[Phần kệ tụng nói] *"...Chuyển Luân vương, hoặc Đế Thích, Phạm vương, là hạng cỏ thuốc nhỏ"*. Đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức Phật khuyên dạy điều lành trừ được phiền não nóng nảy là rất ít có.

[Phần kệ tụng nói] *"Rõ biết pháp vô lậu, có thể đạt Niết-bàn"* cho đến *"chứng đắc quả Duyên giác, là cỏ thuốc trung bình"*. Đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức [Phật giúp] trừ sự nóng nảy của các kiến chấp, ái luyến là rất ít có.

[Phần kệ tụng nói] *"cỏ thuốc bậc cao"* và *"hạng cây nhỏ"* là [nói những chúng sanh] hổ thẹn về việc theo Tiểu thừa và ngưỡng mộ Đại thừa. Đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức [Phật giúp] ngăn ngừa những sự xấu ác là rất ít có.

[Phần kệ tụng nói] *"hạng cây lớn"* là thuật nghĩa rõ biết ân đức trang nghiêm [của Phật] là rất ít có.

[Kinh văn nói] sự thật rốt ráo là *"từ một mặt đất sinh ra, cùng được một cơn mưa thấm nhuần"*, đây là thuật nghĩa việc rõ biết ân đức [Phật] *"giao phó gia tài"*, [giúp cho] được ngồi trên pháp tòa, thân tâm đầy đủ tài bảo chánh pháp, tự tại an vui là rất ít có.

[Phần giải thích] Đức Phật thuật các nghĩa khác biệt trong lời xưng tán [của ngài Ca-diếp] đến đây là hết. Nếu nói việc thuật nghĩa không khác biệt trong lời xưng tán thì [nói chung là] một ân đức lớn lao.

KINH VĂN

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn lặp lại những ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Đấng Pháp vương Phá Hữu,[1]
Xuất hiện giữa thế gian,
Tùy lòng chúng sanh muốn,
Mà thuyết dạy mọi pháp.
Đấng Như Lai tôn quý,
Trí tuệ rất sâu xa,
Từ lâu vẫn im lặng,
Không vội thuyết pháp yếu.
Vì người trí được nghe,
Sẽ có thể tin hiểu.
Kẻ vô trí nghi ngờ,
Sẽ để mất vĩnh viễn.
Cho nên, này Ca-diếp!
Phật tùy sức chúng sanh,
Dùng đủ duyên thuyết dạy,
Khiến cho được chánh kiến.

■ Phần kệ tụng có 54 khổ rưỡi kệ, tụng lại kinh văn phần trước nói nghĩa hiển bày pháp chân thật. Phần kinh văn hiển bày có thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ, nay ở phần kệ cũng tụng lại đủ; 4 khổ kệ đầu tụng nghĩa thuyết chánh pháp, kế đến 50 khổ rưỡi tụng nghĩa thuyết thí dụ.

▣ Tổng đoạn kệ tụng thuyết chánh pháp lại chia làm 2 đoạn. Thứ nhất là nêu [hiệu] Pháp vương, thứ hai là khai mở, hiển bày pháp thật.

---

[1] Đức Phật dùng phương tiện khéo léo của trí tuệ vô ngại để phá trừ được sự bám chấp của chúng sanh hữu tình cho rằng các pháp là thật có (chấp hữu), nhờ đó giúp cho chúng sanh có thể vượt ngoài ba cõi, thoát vòng sanh tử, cho nên ngài được tôn xưng là Phá hữu Pháp Vương (破有法王).

◆ Đoạn thứ nhất nửa khổ kệ đầu tụng nghĩa đấng Pháp vương không hư dối.

◆ Đoạn thứ hai gồm 3 khổ rưỡi kệ tụng vào nghĩa khai mở hiển bày pháp thật. Kinh văn ở trước nêu 2 giáo pháp [quyền, thật] và 2 trí [quyền, thật]. Kệ tụng phần này cũng [chia thành 2 tiểu đoạn] tụng lại đầy đủ. Tiểu đoạn thứ nhất 1 khổ rưỡi kệ, tụng về 2 giáo pháp [quyền và thật]. Tiểu đoạn thứ hai gồm 2 khổ kệ tụng về 2 trí [quyền và thật].

❖ Tiểu đoạn thứ nhất [chia thành 2 phân đoạn], từ câu *"Tùy lòng chúng sanh muốn"* trở đi [là phân đoạn thứ nhất,] nửa khổ kệ tụng về giáo pháp quyền thừa. Phân đoạn thứ hai từ câu *"Đấng Như Lai tôn quý"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng về giáo pháp chân thật.

❖ Tiểu đoạn thứ hai [cũng chia thành 2 phân đoạn,] từ câu *"Vì người trí được nghe"* trở đi [là phân đoạn thứ nhất,] gồm 1 khổ kệ, tụng nghĩa giải thích trí quyền thừa. Phân đoạn thứ hai từ câu *"Cho nên này Ca-diếp"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng nghĩa giải thích thật trí. Tùy theo đủ mọi nhân duyên, thuyết dạy đủ mọi giáo pháp, đều là để giúp cho [chúng sanh] đạt được chánh kiến Đại thừa. [Cho nên những hiểu biết] từ trước đều gọi là tà kiến.

Phần kệ tụng này nêu ý 4 tất đàn của Như Lai. [Nêu danh hiệu] *"Pháp vương Phá Hữu"* là ý đối trị tất đàn. *"Tùy lòng chúng sanh muốn"* là ý thế giới tất đàn. *"Vì người trí được nghe, sẽ có thể tin hiểu; kẻ vô trí nghi ngờ, sẽ để mất vĩnh viễn"* là ý vị nhân tất đàn. *"Khiến cho được chánh kiến"* là ý đệ nhất nghĩa tất đàn. Ba tất đàn trước là tụng lại phần kinh văn ở trước nói *"[Như Lai] dùng trí phương tiện diễn bày thuyết giảng"*. Tất đàn thứ tư *"khiến cho được chánh kiến"* là tụng lại phần kinh văn nói *"đều dẫn đến địa vị Nhất thiết trí"*. Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

Ca-diếp! Ông nên biết,
Giống như đám mây lớn,
Hiện ra trong cõi đời,
Che phủ khắp mọi nơi.
Mây trí tuệ thấm nhuần,
Có ánh chớp chói lòa,
Sấm nổ chấn động xa,
Người người đều vui mừng.
Mặt trời bị che khuất,
Khắp mặt đất mát lành,
Mây đen sà rất thấp,
Dường đưa tay sờ được.
Một trận mưa đều xuống,
Nước đổ khắp bốn phương,
Chảy tràn khôn kể xiết,
Mặt đất đều thấm đẫm.
Từ núi, sông, khe, suối,
Nơi ẩn khuất, sanh ra
Bao cây rừng, cỏ thuốc,
Những cây lớn, cây nhỏ,
Trăm giống lúa, mạ non,
Đến bãi mía, vườn nho,
Nước mưa đã ngấm đều,
Nơi nơi đều ướt đẫm.
Đất khô nay thấm mềm,
Cỏ cây đều xanh tốt.
Từ mây kia đổ xuống,
Cùng một loại nước mưa,
Bao cỏ cây, rừng rậm,
Tùy loại đều thấm đủ.
Hết thảy các loại cây,
Dù cao, thấp, khoảng giữa,
Tùy mức độ lớn, nhỏ,
Đều vươn mình phát triển,
Gốc rễ, thân, lá, cành,
Cùng hoa trái sáng đẹp.
Một trận mưa đều khắp,
Hết thảy đều tươi mát.
Hình thể mỗi loại cây,
Tính chất có lớn nhỏ,
Cùng thấm ướt một cách,
Mỗi loại thêm tốt tươi.

▣ Từ câu *"Ca-diếp ông nên biết, giống như đám mây lớn..."* trở đi [là tổng đoạn thứ hai] có 50 khổ rưỡi kệ, tụng lại kinh văn phần trước nói nghĩa thuyết thí dụ, [chia làm 2 đoạn]. [Đoạn thứ nhất gồm] 10 khổ rưỡi kệ, tụng nghĩa nêu thí dụ, đoạn thứ hai 40 khổ kệ tiếp theo, tụng nghĩa tương hợp các thí dụ.

◆ Kinh văn phần trước nêu thí dụ có 2 nghĩa [là khác biệt và không khác biệt], nay ở đoạn thứ nhất [chia ra 2 tiểu đoạn, tiểu đoạn thứ nhất gồm] 9 khổ rưỡi kệ, tụng lại thí dụ nêu nghĩa khác biệt, tiếp theo tiểu đoạn thứ hai gồm một khổ kệ, tụng lại thí dụ nêu nghĩa không khác biệt.

❖ Kinh văn phần trước nêu thí dụ về nghĩa khác biệt có 6 ý, nay tiểu đoạn thứ nhất [chia ra 6 phân đoạn], cũng tụng lại đủ 6 ý, nhưng thứ tự không giống như phần nêu thí dụ trong kinh văn trường hàng, mà giống với phần nêu nghĩa tương hợp.

▪ Phân đoạn thứ nhất có 3 khổ kệ, tụng lại ý thứ ba trong kinh văn phần trước, nêu thí dụ đám mây. ▪ Từ câu *"một trận mưa đều xuống"* trở đi là phân đoạn thứ hai gồm một khổ kệ, tụng lại ý thứ tư, nêu thí dụ cơn mưa đổ xuống. ▪ Câu *"từ núi, sông, khe, suối"* là phân đoạn thứ ba, tụng lại ý thứ nhất, nêu thí dụ núi sông, mặt đất. ▪ Hai câu tiếp theo *"nơi hiểm trở ẩn khuất, có cây rừng, cỏ thuốc"* là phân đoạn thứ tư, tụng lại ý thứ hai, nêu thí dụ cỏ cây... ▪ Từ câu *"những cây lớn, cây nhỏ"* trở đi là phân đoạn thứ năm, gồm 2 khổ kệ và 3 câu, tụng lại ý thứ năm, nêu thí dụ [cây cỏ đều] thấm đẫm. ▪ Từ câu *"hết thảy các loại cây"* trở đi là phân đoạn thứ sáu, gồm 2 khổ kệ, tụng lại ý thứ sáu, nêu thí dụ [cỏ cây] tăng trưởng.

"Vầng mây" ví như ứng hóa thân Phật. Hành trạng của ứng hóa thân luôn tùy theo trí tuệ, cho nên nói là mây trí tuệ. Có thể hàm chứa đầy đủ giáo pháp 12 bộ kinh, cho nên nói là hàm chứa thấm nhuần. Nếu ứng hóa thân Phật không thuyết pháp, như Phật Tu-phiến-đa, Phật Đa Bảo, thì cũng là mây nhưng không hàm chứa thấm nhuần.

Thân [Phật] phóng hào quang chói sáng, như *"ánh chớp chói lòa"*. Miệng Phật vang rền [tiếng thuyết pháp] với 4 biện tài, như *"sấm nổ chấn động xa"*. Ánh tà vạy của 95 loại [ngoại đạo] chẳng thể hiện ra, cho nên nói là *"bị che khuất"*. [Pháp Phật] dứt trừ 98 loại phiền não nóng nảy, như *"khắp mặt đất mát lành"*. *"Dường đưa tay sờ được"* là nói ứng hóa thân Phật hiện ra ở đời tuy có vẻ tương tợ như [thân chúng sanh] trong ba cõi, nhưng khởi tâm nắm bắt, giữ lấy đều không thể được. [Phật dùng] 8 loại âm thanh

với 4 biện tài tuyên thuyết như đổ cơn mưa pháp, [cho nên nói *"một trận mưa đều xuống, nước đổ khắp bốn phương"*, đó là nghĩa [Phật thuyết pháp hết thảy chúng sanh] cùng lúc đều được nghe, nên cũng nói bốn phương đồng nhau. Hết thảy những loài có tâm thức đều được thấm nhuần lợi ích, cho nên nói *"mặt đất đều thấm đẫm"*.

Đến đây hoàn tất phần trên, lại tiếp phần dưới nêu thí dụ núi sông. Câu *"từ núi, sông, khe, suối"* là tụng lại ý thứ nhất trong kinh văn phần trước, nêu thí dụ mặt đất, tức là ví cho 5 ấm của chúng sanh trong 7 hạng phương tiện, nay nhờ mưa pháp nên thân miệng đều được êm dịu nhu hòa, như mặt đất được thấm đẫm nước mưa.

Câu *"nơi ẩn khuất, sinh ra"* là tụng lại ý thứ hai, nêu nghĩa chúng sanh có tập khí nhân duyên khác biệt nhau. Đây là ví các tập khí nhân duyên của chúng sanh gieo trồng từ thuở lâu xa [trong quá khứ] tiềm ẩn bên trong 5 ấm, 12 nhập, 8 giới, cho nên nói là *"ẩn khuất"*. Nay nhờ mưa pháp nên tất cả đều được khơi mở, hiển bày, cho nên nói là *"sanh ra"*.

"Trăm giống lúa" là chỉ chung các loại ngũ cốc, ví như [giáo pháp] 5 thừa có thể giúp làm sinh khởi trăm việc lành. *"Bãi mía, vườn nho"* ví cho sự an định và trí tuệ. *"Đất khô đã thấm đều"* ví như việc khiến cho những kẻ chưa có lòng tin được sinh khởi lòng tin. Các thí dụ khác y theo kinh văn có thể hiểu được.

❖ Từ câu *"Hình thể mỗi loại cây, tính chất có lớn nhỏ"* trở đi gồm 1 khổ kệ là [tiểu đoạn thứ hai], tụng lại ý thứ hai [trong kinh văn phần trước] nêu thí dụ không khác biệt. Kinh văn phần trước có 3 ý, nay trong phần này lược tụng không có ý *"một mặt đất"*, bao gồm luôn trong ý *"sanh ra"*. Hai câu đầu tụng ý [cỏ cây từ đất] sanh ra [là đối tượng] được thấm nhuần [nước mưa]. Kế đến câu [*"cùng thấm ướt một cách"*] tụng về [cơn mưa] có khả năng làm thấm

nhuần [vạn vật], tức là tụng nghĩa không khác biệt. Câu *"mỗi loại thêm tốt tươi"* tụng nghĩa [cỏ cây đều] khác biệt nhưng không thể tự biết.

KINH VĂN

"Đức Phật cũng như vậy,
Xuất hiện nơi cõi đời,
Ví như vầng mây lớn,
Che phủ khắp mọi nơi.
Một khi đã ra đời,
Liền vì mọi chúng sanh,
Phân biệt giảng nói rõ,
Tánh thật của các pháp.
Bậc Đại Thánh Thế Tôn,
Ở giữa hàng trời, người,
Cùng hết thảy đại chúng,
Tuyên thuyết như thế này:
'Ta là Bậc Như Lai,
Là Đấng Lưỡng Túc Tôn,
Nay xuất hiện giữa đời,
Như một vầng mây lớn,
Tưới nhuần cho hết thảy,
Chúng sinh đang khô héo,
Giúp xa lìa khổ não,
Được niềm vui an ổn:
Là niềm vui thế gian,
Cùng an vui Niết-bàn.
Chúng sinh cõi trời, người,
Hãy một lòng lắng nghe.
Tất cả nên đến đây,
Kính ngưỡng Đấng Vô thượng.
Ta là Bậc Thế Tôn,
Không có ai sánh bằng.
Giúp chúng sanh an ổn,
Nên xuất hiện giữa đời.
Vì đại chúng thuyết dạy,
Pháp cam lộ thanh tịnh.
Pháp ấy chỉ một vị,
Là Niết-bàn giải thoát.
Ta dùng tiếng nhiệm mầu,
Giảng giải rõ nghĩa ấy.
Ta thường vì Đại thừa,
Tạo ra các nhân duyên.

◆ Từ câu *"Đức Phật cũng như vậy"* trở đi [là đoạn thứ hai] gồm 40 khổ kệ, tụng lại phần đoạn thứ hai ở trước nói nghĩa tương hợp các thí dụ. [Đoạn này lại chia làm 2 tiểu đoạn.]

Tiểu đoạn thứ nhất gồm 35 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp [với các thí dụ] khác biệt. Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Như vậy đó, Ca-diếp!"* trở đi gồm 5 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp [với thí dụ] không khác biệt.

❖ Phần trước tụng nghĩa tương hợp các thí dụ khác biệt thì trước tiên nêu nghĩa chính tương hợp, sau nói

nghĩa ứng hợp. Nay tiểu đoạn thứ nhất [gồm 6 phân đoạn] cũng tụng nghĩa tương hợp trước, sau nêu nghĩa ứng hợp.

▪ Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ đầu tiên, tụng nghĩa tương hợp với thí dụ vầng mây. [Trong đó] 2 câu trước nêu thân [Phật] để ví như mây, 2 câu sau nêu nghĩa ứng hợp [với mây].

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"một khi đã ra đời"* trở đi, gồm 8 khổ rưỡi kệ, tụng ý thứ hai,[1] tương hợp với thí dụ mưa xuống. Phần trước nêu nghĩa chính rồi sau mới khuyến khích [đại chúng] lắng nghe và thọ nhận. [Phân đoạn này cũng tương tự như vậy, chia làm 2 ý.]

◆ Từ câu *"một khi đã ra đời"* trở đi [là ý thứ nhất, gồm 4 khổ rưỡi kệ nêu ý chính, có 2 tiểu ý]. Tiểu ý thứ nhất gồm 3 khổ kệ lược tụng 10 danh hiệu [Phật]. Tiểu ý thứ hai 1 khổ rưỡi kệ, tụng 4 hoằng thệ nguyện. Phần trước có 6 ý nghĩa [xưng tán Phật][2] thì ở đây chỉ tụng lại 2 ý nghĩa.[3] Từ câu *"tưới nhuần cho hết thảy"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ tụng về 4 hoằng thệ nguyện.[4]

◆ Từ câu *"chúng sanh cõi trời, người"* trở đi là ý thứ hai, gồm 4 khổ kệ, tụng về nghĩa khuyến khích [đại chúng] lắng nghe cùng thọ trì.

---

[1] Ở đây liệt kê tương ứng với phần thứ hai ở trước, theo trình tự các thí dụ: thứ nhất là đám mây, thứ hai là mưa xuống, thứ ba là mặt đất, thứ tư là cỏ cây, thứ năm là sự thấm đẫm và thứ sáu là sự tăng trưởng của cỏ cây.

[2] Tức là 6 ý nghĩa này đã nói ở trước, bao gồm: Thứ nhất là 10 danh hiệu của chư Phật, thứ hai là 4 hoằng thệ nguyện, thứ ba là 3 trí sáng suốt, thứ tư là 1 tâm Phật có đủ 3 trí, thứ năm là Phật có đủ 5 loại mắt, thứ sáu là 3 nghiệp của chư Phật đều vận hành theo trí tuệ.

[3] Hai ý ở đây tức là nói về 10 danh hiệu của chư Phật và 4 hoằng thệ nguyện, lược 4 ý theo sau.

[4] Trong đoạn văn này Văn Cú mô tả việc phân chia cấu trúc không đủ chi tiết nên rất khó hiểu, chúng tôi phải kết hợp giữa ý nghĩa các đoạn và cấu trúc tổng thể để hiểu đúng và bổ sung các chi tiết phân chia cấu trúc của đoạn này. Độc giả có thể xem cấu trúc chung trong biểu đồ ở đầu phẩm.

KINH VĂN

Ta quán sát chúng sanh,
Hết thảy đều bình đẳng,
Không phân biệt yêu, ghét,
Giữa người này, kẻ khác.
Ta không còn tham chấp,
Không giới hạn, ngăn ngại.
Thường vì khắp chúng sanh,
Mà bình đẳng thuyết pháp;
Dù thuyết cho một người,
Hay đông người cũng vậy.
Xưa nay thường thuyết pháp,
Không một việc gì khác,
Dù đến, đi, đứng, ngồi,
Mãi cũng không mỏi mệt.
Làm sung túc thế gian,
Như mưa xuống đều khắp.

▪ Từ câu *"ta quán sát chúng sanh"* trở đi là phân đoạn thứ ba, gồm 4 khổ kệ, tụng lại nghĩa tương hợp với ý thứ ba ở kinh văn phần trước nêu thí dụ về núi sông, [mặt đất]... Núi sông là ví cho 5 ấm của chúng sanh [trong 7 hạng phương tiện]. Giống như cơn mưa đổ xuống không hề chọn lựa phân biệt khe, suối... đức Phật thuyết pháp một cách bình đẳng nên không hề có sự phân biệt chỗ đây, chỗ kia. [Tuy nhiên, chúng sanh tự có khác biệt cho nên] nơi có cơ duyên gọi là *đây*, không cơ duyên gọi là *kia*; gieo trồng căn lành gọi là *yêu*, oán ghét ngỗ nghịch gọi là *ghét*; xem việc Phật là của mình, việc ma là của kẻ khác. [Kệ nói *"dù đến, đi, đứng, ngồi"* thì] ứng hiện ban sơ là *đến*, ứng hiện về sau là *đi*, thể nhập pháp thật là *ngồi*, phát xuất pháp quyền là *đứng*. Đức Phật *"quán sát chúng sanh"* là [thấy rõ] như thế, đó là ý nghĩa câu *"như mưa xuống đều khắp"*, đồng đều trên khắp núi, sông, [mặt đất]... Đoạn này tụng lại kinh văn phần trước nói *"có vô số ngàn muôn ức loại chúng sanh đều đến chỗ Phật để nghe chánh pháp"*.

KINH VĂN

Dù sang, hèn, trên, dưới,
Người giữ giới, phá giới,
Bậc đầy đủ oai nghi,
Hay người không đầy đủ,
Dù chánh kiến, tà kiến,
Nhanh nhạy hay trì độn,
Cùng tưới đều mưa pháp,
Mà không hề mỏi mệt.

▪ Từ câu *"dù sang, hèn, trên, dưới"* trở đi là phân đoạn thứ tư, gồm 2 khổ kệ, tụng lại ý thứ tư phần trước nói *"đức Như Lai vào lúc ấy quán xét mọi chúng sanh"*, tương hợp với ý thứ hai [nêu thí dụ] cỏ cây, rừng rậm sinh ra [từ đất]. Từ câu *"dù sang, hèn, trên, dưới..."* cho đến câu *"nhanh nhạy hay trì độn"* đều là dựa vào [các loại chúng sanh trong] 7 hạng phương tiện mà lần lượt nêu ra.

KINH VĂN

Khắp các loài chúng sanh,
Được nghe pháp của Phật,
Đều tùy sức tiếp nhận,
Đạt giai vị khác nhau.
Hoặc ở giữa trời, người,
Làm Chuyển luân Thánh vương,
Hoặc Đế thích, Phạm vương,
Là hạng cỏ thuốc nhỏ.

▪ Từ câu *"Khắp các loài chúng sanh, được nghe pháp của Phật"* trở đi là phân đoạn thứ năm, gồm 11 khổ kệ, tụng lại phần trước nói *"dùng vô số phương cách khiến cho tất cả đều được mừng vui hoan hỷ"*, tương hợp với thí dụ [mưa xuống] được thấm nhuần. Phân đoạn này chia làm 3 ý. Ý thứ nhất gồm 1 khổ kệ, nêu tổng quát việc [chúng sanh] được thấm nhuần [pháp Phật]. Ý thứ hai gồm 7 khổ kệ, nêu rõ chi tiết về việc [chúng sanh] thấm nhuần [pháp Phật]. Ý thứ ba gồm 3 khổ kệ, tóm kết lại về [pháp Phật] làm thấm nhuần và [chúng sanh] được thấm nhuần.

◆ Có người giảng giải rằng, hàng trời, người là hạng cỏ nhỏ, hàng Nhị thừa là hạng cỏ vừa, hàng ngoại phàm là hạng cỏ lớn, các giai vị nội phàm là hạng cây nhỏ, hàng [Bồ Tát] từ sơ địa đến thất địa là hạng cây lớn.

Lại có người cho rằng các giai vị nội phàm là hạng cỏ lớn, [hàng Bồ Tát] từ sơ địa đến thất địa là hạng cây nhỏ, [hàng Bồ Tát] bát địa là hạng cây lớn.

Có người lại cho rằng [hàng Bồ Tát còn ở giai vị] tam thập tâm là hạng cỏ lớn, [hàng Bồ Tát] từ sơ địa đến lục

địa là hạng cây nhỏ, [hàng Bồ Tát] từ thất địa trở lên là hạng cây lớn.

Thế nhưng về thí dụ 3 hạng cỏ thuốc và 2 hạng cây thì trong kinh văn chính Phật đã nêu nghĩa tương hợp rất sáng tỏ, rõ ràng, sao tâm của những người ấy lại hiểu ngược với Phật, trái với kinh?

◆ Trong ý [thứ hai] nêu chi tiết về việc [chúng sanh] thấm nhuần [pháp Phật] lại có 5 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất gồm 1 khổ kệ, nói đến hàng trời, người, vốn đều chưa dứt trừ mê hoặc, nêu nghĩa tương hợp với hạng cỏ thuốc nhỏ.

KINH VĂN

Rõ biết pháp vô lậu,
Có thể đạt Niết-bàn,
Sinh khởi sáu thần thông,
Đạt ba sự sáng suốt,
Sống riêng giữa núi rừng,
Thường thực hành thiền định,
Chứng đắc quả Duyên giác,
Là cỏ thuốc trung bình.
Cầu thành bậc Thế Tôn,
Quyết tâm sẽ làm Phật,
Tinh tấn tu thiền định,
Là cỏ thuốc bậc cao.

Lại có những Phật tử,
Một lòng cầu đạo Phật,
Thường thực hành từ bi,
Tự biết sẽ thành Phật,
Tâm quyết định không nghi,
Gọi là hạng cây nhỏ.
Trụ yên trong thần thông,
Thuyết pháp không thối chuyển,
Hóa độ khắp chúng sanh,
Vô số ức, trăm, nghìn...
Hàng Bồ Tát như vậy,
Gọi là hạng cây lớn.

✦ Tiếp theo từ câu *"rõ biết pháp vô lậu"* trở đi là tiểu ý thứ hai gồm 2 khổ kệ, nói đến hàng Nhị thừa, vốn đều có sự đoạn hoặc chứng đạo, nêu nghĩa tương hợp với hạng cỏ thuốc trung bình.

✦ Từ câu *"cầu thành bậc Thế Tôn"* trở đi là tiểu ý thứ ba gồm 1 khổ kệ, nói rõ 6 ba-la-mật. [Hàng Bồ Tát này] có chí cầu thành Phật để hóa độ chúng sanh, vượt hơn hàng Nhị thừa nên đứng riêng thành hạng cỏ thuốc bậc cao.

✦ Từ câu *"Lại có những Phật tử"* trở đi là tiểu ý thứ tư gồm 1 khổ rưỡi kệ, nói về [hàng Bồ Tát] Thông giáo, vốn đã dứt trừ được thông hoặc, phát thệ nguyện nương theo tập khí vẫn còn mà vào chốn sanh tử để giáo hóa chúng sanh.[1] So với hạng dưới thì vượt hơn, nhưng so với hạng trên thì còn kém, cho nên ví như hạng cây nhỏ.

✦ Từ câu *"trụ yên trong thần thông"* trở đi là tiểu ý thứ năm, gồm 1 khổ rưỡi, nói về [hàng Bồ Tát] Biệt giáo, vốn tự mình thực hành và giáo hóa chúng sanh, [so với các hạng khác là] cao hơn, rộng hơn, cho nên ví như hạng cây lớn.

[Lại cũng giải thích] dựa vào 3 hàng Bồ Tát, trong mỗi hàng đều ví như 3 hạng cây. [Bồ Tát tu] 6 ba-la-mật dựa vào các giai đoạn vượt qua 3 a-tăng-kỳ kiếp [để phân làm 3 hạng]. [Bồ Tát] Thông giáo dựa vào các giai vị thất địa, bát địa và cửu địa [để phân làm 3 hạng]. [Bồ Tát] Biệt giáo dựa vào giai vị tam thập tâm [để phân làm 3 hạng].

KINH VĂN

Phật thuyết pháp bình đẳng,
Như một cơn mưa xuống,
Chúng sinh tùy căn tánh,
Nên tiếp nhận khác nhau,
Như những cỏ cây kia,
Sức hút nước khác biệt.
Phật dùng thí dụ này,
Để phương tiện chỉ bày,
Dùng đủ mọi ngôn từ,
Để giảng giải một pháp,
So với trí tuệ Phật,
Như giọt nước trong biển.
Như Lai đổ mưa pháp,
Đầy đủ khắp thế gian.
Pháp ấy chỉ một vị,
Chúng sinh tùy sức tu.
Như trong khu rừng kia,
Cỏ thuốc và cây cối,
Đều tùy mức lớn, nhỏ,
Dần dần thêm tươi tốt.

[1] Văn Cú dùng "誓扶餘習 - thệ phù dư tập" là cách nói lược rất khó hiểu. Tham khảo Duy-ma kinh lược sớ thùy dụ ký (維摩經略疏垂裕記) quyển 2, thấy giải thích cách dùng này là: "願扶餘習者, 以習為入生死之種, 誓願扶之受身利物 。- Nguyện phù dư tập giả, dĩ tập vi nhập sanh tử chi chủng, thệ nguyện phù chi thọ thân lợi vật." Như vậy, "dư tập" ở đây chỉ những tập khí còn sót lại, chưa dứt trừ hết. Vị Bồ Tát dùng chính những tập khí này để phát nguyện thọ thân trong sanh tử mà giáo hóa, làm lợi ích cho chúng sanh.

◆ Từ câu "Phật bình đẳng thuyết pháp" trở đi là ý thứ ba, có 3 khổ kệ, nói tóm kết về [pháp Phật] có thể thấm nhuần và [chúng sanh] được thấm nhuần. Ý này lại có 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu thí dụ ứng hợp để giải thích [về chúng sanh] được thấm nhuần [pháp Phật]. Tuy có nêu ra 7 hạng [phương tiện] nhưng 7 hạng ấy là rất ít [so với chúng sanh được thấm nhuần pháp Phật], chỉ như một giọt nước trong biển lớn.

✦ Từ câu "Phật dùng thí dụ này" trở đi [là tiểu ý thứ hai], gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu rõ trí tuệ Phật có thể thấm nhuần [đến chúng sanh]. [Trí tuệ ấy lớn rộng,] nhiều như biển cả.

▪ Từ câu "Như Lai đổ mưa pháp" trở đi là phân đoạn thứ sáu, gồm 8 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ 6 trong kinh văn phần trước nói "các chúng sanh được nghe chánh pháp này rồi", tương hợp với các thí dụ hoan hỷ, tăng trưởng. Phân đoạn này lại có 2 ý.

◆ Ý thứ nhất gồm 2 khổ kệ, tụng tổng quát về nghĩa tăng trưởng, lại chia thành 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng tổng quát về nghĩa tăng trưởng.

✦ Tiểu ý thứ hai cũng gồm 1 khổ kệ nêu thí dụ ứng hợp để giải thích.

KINH VĂN

Giáo pháp của chư Phật,
Thường chỉ dùng một vị,
Khiến cho khắp thế gian,
Đều nhận được đầy đủ.
Theo thứ lớp tu hành,
Đều đạt thành đạo quả.

Hàng Thanh văn, Duyên giác,
Sống giữa chốn núi rừng,
Trụ nơi thân sau cùng,
Được nghe pháp, chứng quả,
Gọi là hàng cỏ thuốc,
Gặp mưa đều tăng trưởng.

◆ Từ câu *"Giáo pháp của chư Phật"* trở đi là ý thứ hai, gồm 6 khổ rưỡi kệ, nêu chi tiết về nghĩa tăng trưởng, Ý này có 4 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu rõ nghĩa hàng trời, người được tăng trưởng, tất cả đều được đầy đủ. Đây là tụng lại nghĩa *"đời sống hiện tại được an ổn"* cho đến *"tu tập dần dần"*, cũng là tụng lại nghĩa *"đời sau... lấy việc tu đạo làm niềm vui"*.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"hàng Thanh văn, Duyên giác"* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu rõ nghĩa hàng Nhị thừa được tăng trưởng.

Câu *"trụ nơi thân sau cùng"* có 2 cách giải thích. Cách giải thích thứ nhất cho rằng, hàng Nhị thừa mang thân đời này, nếu không gặp Phật thì chưa hẳn đã là thân sau cùng. Nhờ được gặp Phật nên [thân đời này] trở thành thân sau cùng, tức là ý nghĩa được tăng trưởng. Cách giải thích thứ hai cho rằng, hàng Nhị thừa chứng đắc Niết-bàn hữu dư, trụ nơi thân sau cùng, [nhờ gặp Phật mà] được 5 pháp vị[1] điều hòa thuần thục, thể nhập giáo lý Pháp hoa, nghe pháp Đại thừa có thể nhận hiểu, tức là ý nghĩa được tăng trưởng.

KINH VĂN

Nếu là hàng Bồ Tát,
Có trí tuệ vững chắc,
Thấu suốt trong ba cõi,
Cầu giáo pháp tối thượng,
Đó gọi là cây nhỏ,
Gặp mưa cũng tăng trưởng.
Bậc trụ trong thiền định,
Đạt được sức thần thông,
Được nghe các pháp Không,
Lòng hết sức vui mừng,
Phóng vô số hào quang,
Hóa độ khắp chúng sanh.
Đó gọi là cây lớn,
Gặp mưa được tăng trưởng.

[1] Tức là chỉ 5 thời thuyết pháp, từ Hoa nghiêm, A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã và Pháp hoa-Niết-bàn, được ví như 5 vị được chế biến từ sữa. Hàng Nhị thừa theo Phật được nghe đầy đủ cả 5 thời thuyết pháp này.

✦ Từ câu *"Nếu là hàng Bồ Tát, có trí tuệ vững chắc"* trở đi là tiểu ý thứ ba gồm 1 khổ rưỡi kệ, nêu nghĩa [hàng Bồ Tát] Thông giáo được tăng trưởng. *"Vững chắc"* là thể của trí tuệ chánh pháp, *"thấu suốt trong ba cõi"* là dứt trừ hết lậu hoặc.

✦ Từ câu *"Bậc trụ trong thiền định"* trở đi là tiểu ý thứ tư, có 2 khổ kệ, nêu nghĩa [hàng Bồ Tát] Biệt giáo được tăng trưởng. Đại lược là như thế.

Hỏi: [Kinh văn nói thí dụ] một vầng mây, một cơn mưa, so với một âm thanh [thuyết pháp] là cùng [một ý nghĩa] hay khác nhau?

Đáp: [Hàng Bồ Tát ở] các giai vị thấp dùng một âm thanh khiến cho chúng sanh được nghe một pháp. Đức Phật dùng một âm thanh nhưng chúng sanh tùy mỗi loài đều nhận hiểu được [theo tiếng nói của mình]. Nay [kinh văn nói] *"một vầng mây, một cơn mưa"* chính là ý nghĩa "một âm thanh của Phật, tùy mỗi loài [đều có thể nhận hiểu]".

Có người giải thích rằng, pháp thân chẳng phân hai nên gọi là một. Từ pháp thân phát xuất âm thanh cho nên nói là một âm. Có người khác lại giải thích, vì cùng lúc phát ra nhiều âm thanh cho nên nói là một âm. Lại có người nói, trong 5 thang âm, tùy [chỗ thích hợp] mà dùng một âm.

[Nay biện bác rằng,] Đại luận có nói [Phật dùng] một âm diễn thuyết nhiều âm thanh, nhưng không nói [các âm thanh ấy] phát ra cùng một lúc, cũng không nói từ pháp thân phát xuất âm thanh. Luận Tỳ-bà-sa nói rằng, đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp Tứ đế, 5 người [trong nhóm Kiều-trần-như] nghe đó là tiếng nói của người, 80.000 vị trời nghe đó là tiếng của cõi trời, [chúng sanh ở] địa ngục, quỷ dạ-xoa... mỗi loài đều nghe [Phật nói] đồng ngôn ngữ của mình. [Kinh nói Phật] tuyên cáo lên đến cõi Phạm thiên, đó tức là tiếng của cõi trời. Lại nữa, Phật có

phước báo được tiếng nói thanh tịnh, vi diệu bậc nhất nên xưng tán là âm thanh cõi trời. Nếu do phước báo mà [thật sự] được âm thanh cõi trời thì loài người không thể nghe [Phật thuyết pháp], nếu nghe được cũng không thể hiểu.

KINH VĂN

Như vậy đó, Ca-diếp!
Giáo pháp Phật thuyết dạy,
Ví như vầng mây lớn,
Đổ xuống một cơn mưa,
Tưới mát hoa nhân loại,
Giúp cho đều kết quả.
Ca-diếp! Ông nên biết,
Việc dùng các nhân duyên,
Với đủ mọi thí dụ,
Để chỉ bày đạo Phật,
Là phương tiện của ta,
Chư Phật cũng như vậy.
Nay ta vì các ông,
Nói điều chân thật nhất:
"Hết thảy hàng Thanh văn,
Đều chưa được Niết-bàn,
Những gì các ông làm,
Đều là đạo Bồ Tát,
Dần dần tu học tiếp,
Chắc chắn sẽ thành Phật.

❖ Từ câu *"Như vậy đó, Ca-diếp!"* trở đi là tiểu đoạn thứ hai gồm 5 khổ kệ, tụng lại ý nghĩa kinh văn phần trước nêu thí dụ không khác biệt. Tiểu đoạn này chia thành 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng nghĩa không khác biệt của sự khác biệt. Phân đoạn thứ hai gồm 3 khổ rưỡi kệ, tụng nghĩa khác biệt chính là không khác biệt.

▪ *"Ví như vầng mây lớn, đổ xuống một cơn mưa"* là tụng nghĩa tương hợp phần trước nói *"từ mây kia đổ xuống, cùng một loại nước mưa"*, không có khác biệt.

"Tưới mát hoa nhân loại, giúp cho đều kết quả" là tụng lại phần trước nói nghĩa khác biệt.

▪ Từ câu *"Ca-diếp, ông nên biết, việc dùng các nhân duyên"* trở đi là [phân đoạn thứ hai, có 2 ý].

◆ [Ý thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ] nêu nghĩa quyền thừa; quyền thừa tức là pháp có khác biệt, tương hợp với

[ý nghĩa kinh văn] phần trước [nêu thí dụ các loài cỏ cây] được sanh ra [từ đất].

◆ Ý thứ hai từ câu *"nay ta vì các ông"* trở đi, [gồm 2 khổ kệ], nêu nghĩa hiển bày pháp thật. Pháp thật tức là không có khác biệt, tương hợp với [ý nghĩa kinh văn phần trước nêu thí dụ] cùng một mặt đất. *"Đều chưa được Niết-bàn"* là nói chưa thoát khỏi biến dịch sanh tử.

Ở đây chỉ nói riêng đến hàng Nhị thừa là muốn vì các vị này xác chứng, bảo đảm chắc chắn. Hàng trời, người [tu tập] chứng quả không kể là Niết-bàn. Hàng Bồ Tát giữa đường tu tập không chấp giữ quả vị đã chứng.

"Những gì các ông làm, đều là đạo Bồ Tát." Vì Bồ Tát trên đường hành đạo cũng tu tập dứt trừ thông hoặc. Hàng Thanh văn đã dứt trừ hết thông hoặc, nên cũng chính là đạo Bồ Tát. Luận Pháp hoa nói rằng: "[Hàng Nhị thừa] phát tâm rồi thối thất, rồi phát tâm trở lại, bao nhiêu việc thiện đã tu tập trước đây đều chẳng mất, về sau chứng quả cũng đồng [như hàng Bồ Tát]." Trí tuệ dứt trừ lậu hoặc[1] của hàng Nhị thừa chính là đạo Bồ Tát. Do hàng Nhị thừa bám chấp nơi quả vị đã chứng, [nên Phật] quở trách, nói rõ đó chính là đạo Bồ Tát. Nói đạo [của hàng Nhị thừa và Bồ Tát giống nhau] tức là nhân [tu tập giống nhau].

Hỏi: Nhưng Bồ Tát cũng có quả Bồ Tát. Phẩm Tin hiểu nói rằng: *"Đã đạt đạo, chứng quả."* Đại phẩm [Bát-nhã] nói rằng: "Có pháp [tu tập] là đạo Bồ Tát, không còn pháp [nào phải tu tập] là quả Bồ Tát." Vì sao [kinh văn ở đây] không nói "đều là quả Bồ Tát"?

Đáp: Nghĩa này cũng có thể dùng được. Nay giải thích rằng, hoặc nói đạo [Bồ Tát], hoặc nói quả [Bồ Tát], cả hai đều là nhân thành Phật. Nhân ở đây tức là đạo [Bồ Tát].

---

[1] Nguyên tác dùng "智斷 - trí đoạn", chỉ trí tuệ có công năng dứt trừ lậu hoặc.

CẤU TRÚC PHẨM THỤ KÝ (TRƯỜNG HÀNG + KỆ TỤNG)

6. Giải thích phẩm Thụ ký

KINH VĂN

Phẩm Thụ ký, thứ sáu

Giải thích tên phẩm

Tiếng Phạn là hòa-già-la-na (vyākaraṇa), Hán dịch là thụ ký.

Hỏi: Có nhiều kinh điển bác bỏ việc thụ ký. Kinh Tịnh Danh nói: *"Từ như sanh mà được thụ ký, từ như diệt mà được thụ ký, như không có sanh diệt nên biết là không có thụ ký."*[1] Kinh Tư ích [phạm thiên sở vấn][2] nói: *"Nguyện không nghe đến danh xưng thụ ký."* Đại phẩm [Bát-nhã] nói: *"Thụ ký chỉ là sự luận bàn vô nghĩa."* Nay kinh này vì sao [nói đến thụ ký]?

Đáp: Nếu thấy có việc thụ ký, có người được thụ ký thì chỗ thấy như vậy nên bác bỏ. Với Bồ Tát thệ nguyện được thụ ký thì nên thụ ký cho. Theo tục đế mà nói, nên có thụ ký, theo đệ nhất nghĩa đế thì không có. Lại vì thích hợp theo 4 tất đàn thì như phần sau đây sẽ nói.

---

[1] Kinh Tịnh Danh là tên khác của kinh Duy-ma-cật sở thuyết. Ở đây Văn Cú chỉ dẫn theo ý. Nguyên tác đoạn này nằm trong phẩm Bồ Tát, kinh Duy-ma-cật sở thuyết: "若以如生得受記者，如無有生；若以如滅得受記者，如無有滅 。- Nhược dĩ như sanh đắc thụ ký giả, như vô hữu sanh; nhược hữu như diệt đắc thụ ký giả, như vô hữu diệt." (Nếu là như sanh mà được thụ ký thì như không có sanh; nếu là như diệt mà được thụ ký thì như không có diệt.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 14, số 475, trang 542, tờ b, dòng 10-12.

[2] Nguyên tác Văn Cú nói "kinh Tư ích", tức là kinh Tư ích Phạm thiên sở vấn (思益梵天所問經), 4 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch, thuộc Đại Chánh tạng, Tập 15, kinh số 586.

[Lại có nhiều trường hợp thụ ký khác nhau.] Nếu là thụ ký chung cho khắp đại chúng thì như ở phần đầu phẩm Pháp Sư. Nếu là thụ ký riêng thì như [Phật thụ ký] sau 3 vòng thuyết pháp.[1] Nếu là thụ ký theo chánh nhân thì như Bồ Tát Thường Bất Khinh [thụ ký]. Nếu là thụ ký theo duyên nhân thì như trong phẩm Pháp Sư nói 10 loại cúng dường. Nếu là thụ ký theo liễu nhân thì như việc thụ ký cho người trong 3 hạng căn cơ.[2] Nếu thụ ký theo chánh nhân thì rộng, nếu thụ ký theo duyên nhân và liễu nhân thì hẹp. Việc thụ ký cũng có thể chậm hoặc nhanh,[3] hoặc do Phật thụ ký như trong phẩm kinh này; hoặc Bồ Tát thụ ký như Bồ Tát Thường Bất Khinh [thụ ký cho người khác], tuy không xác định tên kiếp và tên cõi nước nhưng vẫn được xem là thụ ký. Lại nếu hiện tại thụ ký tương lai[4] thì như trong Phẩm Thí dụ Hóa thành nói về những đệ tử trong tương lai.

Những kinh khác chỉ thấy thụ ký cho hàng Bồ Tát, không thấy thụ ký cho hàng Nhị thừa; chỉ thụ ký cho người hiền thiện, không thụ ký cho kẻ xấu ác; chỉ thụ ký cho nam giới, không thụ ký cho nữ giới; chỉ thụ ký cho hàng trời, người, không thụ ký cho loài súc sanh. Nay trong kinh Pháp hoa này thì tất cả đều được thụ ký.

Như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm có 4 loại thụ ký, nay kinh Pháp hoa này cũng có đủ. Người chưa phát tâm được thụ ký là như trong phẩm Thường Bất Khinh, người vừa

---

[1] Như đã giảng giải ở trước, gồm các phần thuyết chánh pháp, thuyết thí dụ và thuyết nhân duyên.

[2] Tức là hạ căn, trung căn và thượng căn.

[3] Chậm hoặc nhanh ở đây là nói thời gian người được thụ ký sẽ thành Phật, như trường hợp Long nữ thành Phật trong kinh Pháp hoa này là nhanh, trường hợp các đại đệ tử Thanh văn còn phải trải nhiều kiếp cúng dường chư Phật là chậm.

[4] Nguyên tác Văn Cú dùng "懸記 - huyền ký", Văn Cú Ký giải thích là "懸記, 應言現未, 但是文略 。- Huyền ký, ưng ngôn hiện vị, đãn thị văn lược." (Huyền ký, lẽ ra nói là hiện tại, vị lai, nhưng do văn nói lược.)

phát tâm [được thụ ký], hiện tiền chứng vô sanh [pháp nhẫn được thụ ký]...[1] là như Phật thụ ký trong 3 vòng thuyết pháp.

Theo kinh Bồ Tát Anh Lạc, quyển 9, nói có 8 loại thụ ký.[2] [Thứ nhất là] người được thụ ký rõ biết nhưng người khác không biết [về việc thụ ký]; thứ hai là mọi người đều biết nhưng tự thân người được thụ ký không biết; thứ ba là người được thụ ký và mọi người đều biết; thứ tư là người được thụ ký và mọi người đều không biết; thứ năm là [việc thụ ký ấy] ở gần thì rõ biết nhưng ở xa không biết; thứ sáu là ở xa rõ biết nhưng ở gần không biết; thứ bảy là gần xa đều rõ biết; thứ tám là gần xa đều không biết.

[Trường hợp thứ nhất], người được thụ ký biết nhưng người khác không biết, [đó là nói người được thụ ký] phát tâm [Bồ-đề] tự lập thệ nguyện nhưng chưa đủ lớn rộng [ảnh hưởng] đến người khác, chưa đạt được 4 pháp vô úy, chưa đạt được pháp quyền thừa khéo léo.

[Trường hợp thứ hai], mọi người đều biết nhưng tự thân người được thụ ký không biết, [là nói người được thụ ký] đã phát tâm rộng lớn, đạt được 4 pháp vô sở úy, đạt được pháp quyền thừa khéo léo.

[Trường hợp thứ ba], người được thụ ký và mọi người đều biết, đó là nói [người được thụ ký] đã đạt đến giai vị Bồ Tát Thất địa, đạt được 4 pháp vô úy, pháp quyền thừa khéo léo và đạt được pháp [tam-muội] quán không.

---

[1] Theo bốn loại thụ ký trong kinh Thủ-lăng-nghiêm thì còn có trường hợp mật thụ ký, tức là Phật thụ ký nhưng bản thân người được thụ ký không biết. Văn Cú ở đây lược đi, không nói đến trường hợp này.

[2] Nội dung 8 trường hợp thụ ký này đúng là được trích dẫn từ kinh Bồ Tát Anh Lạc (菩薩瓔珞經), quyển 9 (Đại Chánh tạng, Tập 16, số 656), nhưng trong khi chuyển dịch, chúng tôi tham khảo và phát hiện Văn Cú không chỉ lược dẫn mà còn có đôi chỗ dẫn không chính xác. Chúng tôi sẽ ghi chú rõ ở từng chỗ.

[Trường hợp thứ tư], người được thụ ký và mọi người đều không biết, đó là nói [người được thụ ký] chưa thể nhập giai vị [Bồ Tát] Thất địa, chưa đạt được hạnh không bám chấp. Đại lược là như thế.

[Trường hợp thứ năm], việc thụ ký đó người ở gần được biết mà người ở xa không biết, là như trường hợp của Bồ Tát Di-lặc [được Phật thụ ký], các căn lành đầy đủ, không từ bỏ hạnh không bám chấp của Như Lai.[1]

[Trường hợp thứ sáu], việc thụ ký đó người ở gần không biết nhưng người ở xa đều biết, đó là nói người được thụ ký chưa có khả năng diễn thuyết các công hạnh của bậc hiền thánh, như trường hợp của Bồ Tát Sư Tử Ưng.[2]

[Trường hợp thứ bảy], việc thụ ký đó người ở xa hay ở gần đều biết, đó là nói [người được thụ ký] có đầy đủ các căn lành, không từ bỏ hạnh không bám chấp của Như Lai, như trường hợp của Bồ Tát Nhu Thuận.

[Trường hợp thứ tám], việc thụ ký đó người ở xa hay ở gần đều không biết, đó là nói [người được thụ ký] chưa đạt được pháp quyền thừa khéo léo, không rõ biết hết kho

---

[1] Nguyên tác Văn Cú viết: "遠者不覺者彌勒是也。- Viễn giả bất giác giả, Di-lặc thị dã." (Người xa không biết, đó là trường hợp của Bồ Tát Di-lặc.) Tuy nhiên, kinh Bồ Tát Anh Lạc (菩薩瓔珞經), quyển 9, nói ngược lại: "遠者得決近者不得, 如此等人彌勒身是。何以故。此善男子善女人諸根具足, 不捨如來無著之行, 是故受決遠者自覺近者不知。- Viễn giả đắc quyết, cận giả bất đắc, như thử đẳng nhân Di-lặc thân thị. - Hà dĩ cố? Thử thiện nam tử thiện nữ nhân chư căn cụ túc, bất xả Như Lai vô trước chi hạnh, thị cố thụ quyết viễn giả tự giác cận giả bất tri." (Người ở xa biết, ở gần không biết, những người như vậy là giống như trường hợp Bồ Tát Di-lặc. Vì sao vậy? Vì thiện nam thiện nữ đó đầy đủ các căn lành, không từ bỏ hạnh không bám chấp của Như Lai, cho nên khi được thụ ký thì người ở xa đều tự biết mà kẻ ở gần không biết.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 16, số 656, trang 82, tờ a, dòng 8-11.

[2] Văn Cú viết là "近者不覺。- Cận giả bất giác." (Người ở gần không biết.) Cũng như trường hợp trên, kinh Bồ Tát Anh Lạc nói ngược lại: "近者覺知遠者不見。- Cận giả giác tri, viễn giả bất giác." (Người ở gần biết, người ở xa không biết.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 16, số 656, trang 82, tờ a, dòng 12-13. Mọi chi tiết khác đều được Văn Cú trích dẫn đúng nhưng lược bớt.

tàng chánh pháp của Như Lai,[1] như trường hợp của Bồ Tát Đẳng Hành.[2]

Trong những kinh khác giải thích rằng, [trường hợp thụ ký mà] gần biết [nhưng xa không biết] là được đức Phật hiện tại thụ ký, như trường hợp Bồ Tát Di-lặc... [Trường hợp được thụ ký mà] xa biết, [nhưng gần không biết] nghĩa là không được đức Phật hiện tại thụ ký, mà sẽ được đức Phật tương lai thụ ký, như trường hợp đức Phật nói với Tế-ma [Ba-tuần]: "Trong tương lai Bồ Tát Di-lặc sẽ thụ ký cho ông."[3] [Trường hợp được thụ ký mà] gần và xa đều biết nghĩa là được cả đức Phật hiện tại và đức Phật tương lai đều thụ ký cho. [Trường hợp mà] gần và xa đều không biết là nói cả đức Phật hiện tại và đức Phật tương lai đều không thụ ký.[4]

Nguyên lai chư Phật vốn đều do đại sự nhân duyên mà ra đời, để khai mở chỉ bày cho chúng sanh nhận hiểu, thể

---

[1] Chỗ này Văn Cú diễn đạt rất dễ làm cho người đọc hiểu sai: "不能悉知如來藏 - bất năng tất tri Như Lai tạng" (không thể rõ biết hết về Như Lai tạng). Câu kinh tương ứng với nội dung này trong kinh Bồ Tát Anh Lạc là: "未能備悉如來法藏 - vị năng bị tất Như Lai pháp tạng" (chưa có đầy đủ kho tàng chánh pháp của Như Lai). "Như Lai tạng" là thuật ngữ có thể được hiểu như chân tánh, chân như, tánh Phật, tánh Như Lai... để chỉ tiềm năng giác ngộ sẵn có trong mọi chúng sanh, nhưng "Như Lai pháp tạng" thì chỉ đến kho tàng kinh điển, giáo pháp của Như Lai. Và đây mới là ý nghĩa đúng của đoạn kinh văn này.

[2] Như đã nói trên, 8 trường hợp thụ ký này được Văn Cú dẫn lại nội dung từ kinh Bồ Tát Anh Lạc, quyển 9. Tuy nhiên, 2 trường hợp thứ năm và thứ sáu đã bị diễn đạt ngược lại. Đây có thể là sai lệch trong quá trình sao chép, vì các nội dung diễn đạt trong mỗi điều không sai nhưng chỉ có đề mục nêu vấn đề bị sai. Quan trọng hơn nữa, chúng tôi tham khảo và phát hiện Từ điển Phật Quang khi giải thích mục từ "bát chủng thụ ký" đã hoàn toàn dựa vào Văn Cú nên cũng bị sai lệch tương tự. Lẽ ra Từ điển Phật Quang nên dựa vào tư liệu gốc là kinh Bồ Tát Anh Lạc, thay vì sử dụng nội dung được dẫn lại trong Văn Cú.

[3] Nội dung này được trích từ kinh Bồ Tát Anh Lạc. Kinh này gọi Ma vương Ba-tuần là Tế-ma Ba-tuần (弊魔波旬).

[4] Theo những giải thích ở đây thì "gần" và "xa" dường như cũng có thể được hiểu theo nghĩa về thời gian. Theo đó thì "gần" là nói những người đương thời và "xa" là chỉ các thế hệ trong tương lai.

nhập tri kiến Phật. Nay đại sự đã hiển bày, Phật thuyết pháp đã xong, chúng sanh cũng đã thể nhập, bản hoài của Phật đã thông suốt, tâm nguyện của chúng sanh đã trọn vẹn, theo đúng pháp thì nên thụ ký, cũng như cha gặp lại con, có lẽ nào lại không giao phó gia tài.

Lại nữa, người tu trải qua vô số kiếp tu hành, tâm nguyện lúc nào cũng hướng về đức Phật [Thích-ca] ngày nay. [Cho nên] kinh văn nói: "Nguyện xưa vốn là như vậy nên nay được thụ ký như vậy." Do nhân duyên giữa hai bên [Phật và đệ tử], đó là nghĩa thế giới tất đàn nên thụ ký.

Hàng Nhị thừa nghe thuyết kinh [Pháp hoa này] liền thay đổi từ Tiểu thừa sang thể nhập Đại thừa, nhân viên mãn đã trọn đủ, tất nhiên phải chiêu cảm quả [viên mãn], cho nên đức Như Lai mới thụ ký cho. Đại chúng đương thời đều rõ biết, phát nguyện, nguyện luôn được làm quyến thuộc gần gũi trong ngoài với sanh thân, pháp thân [Phật], hoặc nguyện chỉ sanh về cõi nào đó để làm lợi lạc chúng sanh. Hai trường hợp này là nghĩa vị nhân tất đàn nên thụ ký.

Lại nữa, thụ ký cho hàng Nhị thừa là phá trừ [tâm niệm của] hàng Bồ Tát muốn thối tâm Đại thừa để vào Tiểu thừa. Vì sao vậy ? Nếu xác định là có Nhị thừa mới có thể thối [tâm Đại thừa] để theo Tiểu thừa, nay [làm rõ] không có Nhị thừa thì không còn chỗ để thối tâm.

Lại cũng là phá trừ [tâm niệm của] kẻ muốn phát tâm Nhị thừa, [khiến cho họ phải suy nghĩ,] người khác đã chứng quả Nhị thừa còn tự xả bỏ, sao ta lại chọn theo [quả ấy]?

Lại cũng phá trừ [tâm niệm] của kẻ chưa thay đổi [khuynh hướng] Tiểu thừa, [khiến cho họ] liền thay đổi [từ bỏ] Tiểu thừa.

Lại đối với người sắp chứng quả Tiểu thừa, [thấy được việc thụ ký cho hàng Nhị thừa] liền không còn bám chấp nơi việc chứng quả Tiểu thừa.

Bốn trường hợp như trên là theo nghĩa đối trị tất đàn cho nên thụ ký.

Lại nữa, [người chứng đắc] vô sanh [pháp nhẫn] ngay trong hiện tại, tất nhiên là do nhận hiểu đúng thật, khai mở tri kiến Phật không sai lầm, thấu triệt sáng tỏ tánh Phật cho nên được thụ ký. Hàng Tiểu thừa thể nhập lẽ thật, quyết định sẽ được thành Phật. Nếu vậy thì tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, sao [trước đây] không được thụ ký? Là vì [trước đây] chúng sanh chỉ có chánh nhân [là tánh Phật] nhưng không có duyên nhân. Nay được nghe kinh [Pháp hoa này], tin nhận hiểu rõ, đó là duyên nhân và chánh nhân trọn đủ. Khai mở tri kiến Phật là rõ biết tánh Phật. Thấy được pháp Phật là thấy tánh Phật. Hai trường hợp này là theo nghĩa đệ nhất nghĩa tất đàn nên thụ ký.

Bốn trường hợp thụ ký [theo 4 nghĩa tất đàn] này thâu nhiếp được tất cả những trường hợp thụ ký đã nói ở trước. Đại lược là như vậy.

Chữ *thụ ký* (授記) mang nghĩa là trao cho, lại cũng nói là *thụ ký* (受記) với nghĩa là nhận được, trong đó bao gồm hai nghĩa: *thụ quyết* (受決) và *thụ biệt* (受莂). *Quyết* là quyết định, là xác định chắc chắn không nghi ngờ; *biệt* là liễu biệt, là thấu hiểu phân biệt rõ ràng. Hàng trung căn được nghe qua phần thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ, [qua đó Phật] khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa, liền nhận hiểu đầy đủ những ý nghĩa Như Lai thuật lại thành tựu, khi ấy tuy tự biết mình sẽ được thành Phật nhưng chưa thực sự hiểu rõ, nếu được nhờ nơi lời đúng thật của Phật nói cho biết về việc chứng quả [Phật] trong tương lai,

với tên kiếp, tên cõi nước một cách chắc chắn, biết rõ thời gian lâu hay mau, tất nhiên sẽ hết sức hoan hỷ.

Hiện tại nhờ đức Phật ban cho lời dự ký mà biết được danh xưng [tương lai], cho nên gọi là phẩm Thụ ký.

Kinh văn phần này là tổng đoạn thứ tư trong phần thuyết thí dụ. Ba tổng đoạn trước đều dùng thí dụ để thuyết giảng, trong phần này nói việc thụ ký cũng dùng thí dụ.

Luận về thụ ký, hàm ý gì mà không có tổng đoạn thứ năm? Có người giải thích rằng, chỉ nói phần trước, phần sau lược đi không luận. Lại có người nói, trong phẩm *Thí dụ Cỏ thuốc* nói, hết thảy đều được thấm nhuần, tất cả đều được tăng trưởng. Xét kỹ [theo đó thì] bốn chúng đều được lợi ích, chỉ là do người chép kinh lược bớt không ghi ra mà thôi.

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết kệ như trên rồi liền bảo đại chúng: "Đệ tử Ma-ha Ca-diếp này của ta, trong đời tương lai sẽ được gần gũi phụng sự 300 muôn ức đức Phật Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen xưng tán, rộng thuyết vô số giáo pháp Đại thừa của chư Phật, đến khi thọ thân sau cùng sẽ được thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên là Quang Đức, thời đại tên là Đại Trang Nghiêm. Phật [Quang Minh] sống thọ 12 tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời 20 tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ 20 tiểu kiếp. Cõi nước ấy trang nghiêm xinh đẹp, không có những sự xấu ác, ngói sỏi, gai góc, chất bài tiết dơ nhớp.[1] Mặt đất

[1] Nguyên tác dùng "便利不淨 - tiện lợi bất tịnh" để chỉ các chất thải từ thân người, tức là phân, nước tiểu. Tham khảo luận Đại thừa Tập Bồ Tát Học (大乘集菩薩學論) có câu: "滿盛諸穢惡。謂眵涕涎唾。及便利不淨。 - Mãn thịnh chư uế ố, vị si di tiên thóa cập tiện lợi bất tịnh." (Đầy những thứ dơ xấu, đó là nói những dử ghèn, nước mũi, nước dãi, nước bọt cùng những thứ phân, nước tiểu dơ.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 32, số 1636, trang 92, tờ a, dòng thứ 5.

bằng phẳng, không có sự cao thấp mấp mô, hầm hố, gò đồi. Mặt đất bằng lưu ly, có cây báu xếp thành hàng, có dây bằng vàng ròng giăng theo ven đường ngăn cách lộ giới, rải lên đất các loại hoa báu, khắp nơi đều sạch đẹp. Cõi Phật ấy có vô số ngàn ức Bồ Tát, chúng Thanh văn cũng nhiều vô số, không có những việc của ma, tuy có ma và dân ma nhưng họ đều ủng hộ bảo vệ Phật pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên thuyết kệ rằng:

Nghe đây, các tỳ-kheo!
Ta nay dùng Phật nhãn,
Thấy rõ Ca-diếp này,
Trong một đời tương lai,
Trải qua vô số kiếp,
Sẽ chứng quả thành Phật.
Trong tương lai Ca-diếp,
Sẽ gần gũi cúng dường,
Đến ba trăm vạn ức,
Các đức Phật Thế Tôn.
Vì cầu trí tuệ Phật,
Nên tu hạnh thanh tịnh.
Cúng dường bậc tối thượng,
Là Đấng Nhị Túc Tôn.[1]
Rồi tu tập hết thảy,
Môn trí tuệ Vô thượng.
Cho đến thân sau cùng,
Sẽ thành tựu quả Phật.
Cõi nước ấy thanh tịnh,
Mặt đất bằng lưu ly,
Có rất nhiều cây báu,
Mọc thành hàng ven đường,
Có dây vàng ngăn lối,
Người trông thấy đều vui.
Thường lan tỏa hương thơm,
Và rải nhiều hoa quý,
Đủ các loại diệu kỳ,
Để trang hoàng, làm đẹp.
Mặt đất thật bằng phẳng,
Không có những gò, hố.
Chúng Bồ Tát ở đây,
Nhiều không thể tính đếm.
Tâm các vị nhu hòa,
Dùng sức thần thông lớn,
Cung kính giữ Kinh điển
Đại thừa của chư Phật.
Chúng đệ tử Thanh văn,
Thân sau cùng, vô lậu,
Là con Đấng Pháp Vương,
Cũng nhiều khôn kể xiết,
Dù dùng đến thiên nhãn,
Cũng không biết số lượng.

[1] Nguyên tác dùng Nhị Túc Tôn (二足尊) là cách dùng ít gặp hơn nhưng cũng đồng nghĩa với Lưỡng Túc Tôn (兩足尊), là một trong các danh hiệu tôn xưng đức Phật. Danh xưng này có 2 nghĩa. Thứ nhất, chỉ bậc tôn quý nhất trong những chúng sanh đứng trên 2 chân, tức chư thiên và loài người. Thứ hai, chỉ bậc tôn quý có đủ hai phẩm tính: phúc đức và trí tuệ, hoặc giới và định, hoặc quyền và thật, hoặc giải và hành v.v...

Đức Phật ấy sống thọ,
Đến mười hai tiểu kiếp.
Chánh pháp trụ ở đời,
Được hai mươi tiểu kiếp.
Tượng pháp lại cũng trụ,
Được hai mươi tiểu kiếp.
Đó là những sự việc,
Về đức Phật Quang Minh.

▣ Kinh văn phần này lại chia làm 2 đoạn. Đoạn thứ nhất nói việc [Phật] thụ ký cho hàng trung căn. Đoạn thứ hai nói việc Phật hứa sẽ vì những người hạ căn mà kể lại [nhân duyên] đời trước.

◆ Đoạn thứ nhất có 2 tiểu đoạn. Thứ nhất là thụ ký cho ngài Ca-diếp, thứ hai là thụ ký cho 3 đại đệ tử khác, cả 2 tiểu đoạn đều có đủ 2 phần: kinh văn trường hàng và kệ tụng.

❖ Phần kinh văn trường hàng [trong tiểu đoạn nói việc thụ ký cho] ngài Ca-diếp có 6 phân đoạn. ▪ Thứ nhất nói về nhân tu hành; ▪ thứ hai nói việc đắc quả; ▪ thứ ba nói về tên gọi Đại trang nghiêm của kiếp và [tên] cõi nước [khi ngài Ca-diếp thành Phật]; ▪ thứ tư là tuổi thọ [của đức Phật ấy]; ▪ thứ năm là thời gian chánh pháp và tượng pháp trụ ở đời bao lâu, y theo kinh văn có thể hiểu được; ▪ thứ sáu là sự thanh tịnh của cõi nước.

KINH VĂN

"Bấy giờ, các vị như Đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên v.v.. thảy đều rúng động cả thân tâm, liền một lòng chắp tay, chăm chú không rời mắt chiêm ngưỡng tôn nhan Phật, rồi tất cả đồng thanh nói kệ rằng:

"Đức Đại Hùng Thế Tôn,
Pháp vương dòng họ Thích.
Xin thương xót chúng con,
Ban cho âm thanh Phật.
Nếu biết tâm chúng con,
Thấy việc được thụ ký,
Như rưới nước cam lộ,
Trừ nóng nảy, mát lành.
Như từ vùng nạn đói,
Đến gặp tiệc của vua,
Lòng vẫn còn nghi sợ,
Chưa dám ngồi vào ăn.

Nếu như được vua bảo,
Sau đó mới dám ăn.
Chúng con nay cũng vậy,
Thường nhớ lỗi Tiểu thừa,
Chẳng biết vì lẽ nào,
Có thể được trí Phật.
Nên tuy nghe Phật dạy:
Chúng con đều thành Phật.
Vẫn ôm lòng lo nghĩ,
Như chưa dám ngồi ăn.
Mong được Phật thụ ký,
Mới yên lòng khoan khoái.
Đức Đại Hùng Thế Tôn,
Thường giúp đời an vui,
Nguyện ban lời thụ ký,
Như bảo người đói ăn."

❖ Tiểu đoạn thứ hai nói về [việc thụ ký cho] 3 đại đệ tử khác lại có 2 phân đoạn. Thứ nhất là thỉnh cầu [Phật] thụ ký, thứ hai là được [Phật] thụ ký.

▪ Phân đoạn thỉnh cầu [Phật] thụ ký [chia ra 4 ý,] gồm có 7 khổ kệ. Ý thứ nhất gồm một khổ kệ, nói việc thỉnh cầu. Ý thứ hai gồm 2 khổ rưỡi kệ nêu thí dụ [so sánh]. Ý thứ ba gồm 2 khổ rưỡi kệ nói nghĩa tương hợp với thí dụ. Tiếp theo ý thứ tư gồm 1 khổ kệ là tóm kết.

KINH VĂN

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết rõ những suy nghĩ trong tâm của các đại đệ tử, liền bảo các vị tỳ-kheo rằng: "Ông Tu-bồ-đề này, trong đời tương lai sẽ gần gũi phụng sự 300 muôn ức na-do-tha đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen xưng tán, thường tu hạnh thanh tịnh, thực hành đầy đủ đạo Bồ Tát, đến khi thọ thân sau cùng sẽ được thành Phật hiệu là Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thời đại ấy tên là Hữu Bảo, cõi nước tên là Bảo Sanh, đất đai bằng phẳng, mặt đất bằng pha lê, có cây báu trang nghiêm, không có những gò hố, cát sỏi, gai góc, chất bài tiết dơ nhớp, có hoa báu che phủ mặt đất, khắp nơi đều sạch đẹp. Nhân dân ở cõi ấy đều sống trong các đài báu và lầu gác quý báu xinh đẹp. Hàng đệ tử

Thanh văn nhiều vô số, dùng đến các phép tính toán, thí dụ cũng không thể biết được. Chúng Bồ Tát đông đảo đến vô số ngàn muôn ức na-do-tha. Đức Phật [Danh Tướng] sống thọ 12 tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời 20 tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ 20 tiểu kiếp. Đức Phật ấy thường ở giữa hư không vì đại chúng thuyết pháp, độ thoát vô số Bồ Tát và chúng Thanh văn."

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên thuyết kệ rằng:

"Này đại chúng tỳ-kheo!
Nay cho các ông biết,
Tất cả hãy một lòng,
Lắng nghe lời ta nói.
Đại đệ tử của ta,
Là ông Tu-bồ-đề,
Tương lai sẽ thành Phật,
Hiệu là Phật Danh Tướng.
Sẽ cúng dường vô số,
Muôn ức các đức Phật,
Noi theo công hạnh Phật,
Dần dần đạt đạo lớn.
Cho đến thân sau cùng,
Đủ ba mươi hai tướng,
Thân đoan nghiêm tốt đẹp,
Như một tòa núi báu.
Cõi nước của Phật ấy,
Trang nghiêm thanh tịnh nhất,
Chúng sanh được nhìn thấy,
Không ai không ưa thích.
Phật ở trong cõi ấy,
Hóa độ vô số chúng.
Trong giáo pháp của Phật,
Có rất nhiều Bồ Tát,
Căn tánh đều nhanh nhạy,
Chuyển giáo pháp bất thối.
Nên cõi ấy thường dùng,
Bồ Tát để trang nghiêm.
Lại có chúng Thanh văn,
Nhiều không thể nêu số,
Thảy đều đạt ba minh,
Và đủ sáu thần thông,
Trụ nơi tám giải thoát,
Có đủ oai đức lớn.
Đức Phật ấy thuyết pháp,
Thường hiện ra vô số,
Pháp thần thông biến hóa,
Thật không thể nghĩ bàn.
Chư thiên và nhân dân,
Nhiều như cát sông Hằng,
Đều cung kính chắp tay,
Nghe nhận lời Phật dạy.
Đức Phật ấy sống thọ,
Đến mười hai tiểu kiếp.
Chánh pháp trụ ở đời,
Được hai mươi tiểu kiếp.
Tượng pháp lại cũng trụ,
Được hai mươi tiểu kiếp.»

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các vị tỳ-kheo: "Nay ta nói với các ông rằng, Đại Ca-chiên-diên đây trong tương lai sẽ dùng đủ các món cúng dường để cúng dường phụng sự 8.000 ức vị Phật với lòng cung

kính tôn trọng; sau khi chư Phật diệt độ, sẽ xây dựng tháp miếu thờ phụng mỗi vị, cao đến ngàn do-tuần, ngang dọc vuông vức 500 do tuần, đều dùng bảy món báu là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, ngọc mai khôi[1] để xây dựng thành, lại dùng đủ các loại hoa đẹp, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng phan để cúng dường tháp miếu. Trải qua những việc ấy rồi, về sau ông lại cúng dường 20.000 ức vị Phật nữa, cũng giống như trước. Sau khi cúng dường chư Phật như vậy, lại tu tập trọn đủ đạo Bồ Tát rồi sẽ thành Phật hiệu là Diêm-phù-na-đề Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước ấy đất đai bằng phẳng, mặt đất bằng pha lê, có cây báu trang nghiêm, có dây bằng vàng ròng giăng theo ven đường ngăn cách lộ giới, có hoa đẹp che phủ mặt đất, khắp nơi đều sạch đẹp, ai thấy cũng hoan hỷ. Cõi ấy không có bốn đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la, có nhiều chư thiên và loài người. Có vô số vạn ức chúng Thanh văn và Bồ Tát trang nghiêm cho cõi nước. Đức Phật ấy sống thọ 12 tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời 20 tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ 20 tiểu kiếp."

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên thuyết kệ rằng:

Này đại chúng tỳ-kheo!
Hãy một lòng lắng nghe.
Những lời ta nói ra,
Đúng thật không sai khác.
Ông Ca-chiên-diên đây,
Rồi sẽ dùng đủ loại,
Thức cúng dường hảo hạng,
Để cúng dường chư Phật.
Chư Phật diệt độ rồi,
Liền xây tháp bảy báu,
Lại dùng đủ hương, hoa,
Cúng dường xá-lợi Phật.
Cho đến thân sau cùng,
Sẽ đạt trí tuệ Phật,
Thành bậc Chánh Đẳng Giác.
Cõi nước ấy thanh tịnh,

[1] Bảy món báu được liệt kê ở đây có khác biệt với một số kinh luận khác, như trong kinh A-di-đà kể thêm pha lê nhưng không có ngọc mai khôi (玫瑰). Ngọc mai khôi là một loại hồng ngọc. Mã não (馬瑙) trong bảy món báu cũng là một loại ngọc quý màu xanh sậm, khác với loại đá mã não như ngày nay thường được biết.

Phật độ thoát vô số,
Ngàn muôn ức chúng sanh,
Và được khắp mười phương,
Đều cung kính cúng dường.
Hào quang của Phật ấy,
Không gì vượt hơn được.
Cho nên có hiệu là:
Phật Diêm-phù Kim Quang.
Chúng Bồ Tát, Thanh văn,
Đều không còn tái sanh,[1]
Nhiều không thể tính đếm,
Trang nghiêm cõi Phật ấy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: "Nay ta nói với các ông rằng, Đại Mục-kiền-liên đây trong tương lai sẽ dùng đủ các món tốt đẹp để cúng dường phụng sự 8.000 vị Phật với lòng cung kính tôn trọng; sau khi chư Phật diệt độ, sẽ xây dựng tháp miếu thờ phụng mỗi vị, cao đến ngàn do-tuần, ngang dọc vuông vức 500 do-tuần, đều dùng bảy món báu là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, ngọc mai khôi để xây dựng thành, lại dùng đủ các loại hoa đẹp, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng phan để dâng lên cúng dường. Trải qua những việc ấy rồi, về sau lại cúng dường 200 muôn ức vị Phật nữa, cũng giống như trước. Sau khi cúng dường chư Phật như vậy, lại tu tập trọn đủ đạo Bồ Tát, rồi sẽ thành Phật hiệu là Đa-ma-la-bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thời đại ấy tên là Hỷ Mãn, cõi nước tên là Ý Lạc. Đất đai nơi ấy bằng phẳng, mặt đất bằng pha lê, có cây báu trang nghiêm, có hoa bằng chân châu rải trên mặt đất, khắp nơi đều sạch đẹp, ai thấy cũng hoan hỷ. Cõi ấy có nhiều chư thiên và loài người, chúng Bồ Tát, Thanh văn nhiều vô số. Đức Phật ấy sống thọ 24 tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời 40 tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ 40 tiểu kiếp."

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên thuyết kệ rằng:

[1] Nguyên tác kinh văn là "斷一切有 - đoạn nhất thiết hữu" (dứt trừ mọi sự hiện hữu). "Hữu" ở đây là hiện hữu, chỉ đến nhị thập ngũ hữu (25 cảnh giới hiện hữu) tức bao gồm tất cả những cảnh giới tái sanh của chúng sanh trong luân hồi. Các vị này đã thoát khỏi sanh tử, không còn phải tái sanh vào những cảnh giới đó nữa, nên dịch là "không còn tái sanh".

"Đệ tử này của ta,
Là Đại Mục-kiền-liên,
Sau khi bỏ thân này,
Sẽ được gặp tám ngàn
Hai trăm muôn ức vị
Chánh Giác Phật Thế Tôn.
Tâm mong cầu đạo Phật,
Nên cung kính cúng dường.
Nơi đạo tràng chư Phật,
Thường tu hạnh thanh tịnh.
Trải qua vô số kiếp,
Vâng giữ theo pháp Phật.
Chư Phật diệt độ rồi,
Dùng bảy báu xây tháp,
Từ xa hiện đỉnh vàng.
Lại dùng hương, hoa, nhạc…
Để dâng lên cúng dường,
Tháp thờ xá-lợi Phật.
Dần dần tu tập đủ,
Các pháp môn Bồ Tát,
Rồi ở cõi Ý Lạc,
Thành bậc Chánh Đẳng Giác,
Hiệu là Đa-ma-la
Chiên Đàn Hương Như Lai.
Đức Phật ấy sống thọ
Hai mươi bốn tiểu kiếp,
Thường vì hàng trời người,
Giảng thuyết đạo Vô thượng.
Chúng Thanh văn vô số,
Nhiều như cát sông Hằng,
Ba minh, sáu thần thông,
Đều có oai đức lớn.
Bồ Tát cũng vô số,
Chí kiên cố, tinh tấn,
Quyết cầu trí tuệ Phật,
Tâm không hề thối chuyển.
Sau khi Phật diệt độ,
Chánh pháp trụ ở đời,
Được bốn mươi tiểu kiếp,
Tượng pháp cũng như vậy."

▪ [Phân đoạn thứ hai nói việc] thụ ký cho 3 vị đại đệ tử, nói về mỗi vị đều có đủ nhân tu hành, việc đắc quả, [tên] kiếp và cõi nước, tuổi thọ [của đức Phật ấy], [thời gian] giáo pháp trụ ở đời bao lâu, số lượng [chúng đệ tử Bồ Tát và Thanh văn]... Những chi tiết này y theo kinh văn đều có thể hiểu được.

KINH VĂN

"Chúng đệ tử của ta,
Có đầy đủ oai đức,
Số lượng năm trăm người,
Nay ta đều thụ ký:
'Trong tương lai các ông,
Đều sẽ được thành Phật.'
Ta cùng với các ông,
Đời trước kết nhân duyên,
Nay ta sắp nói rõ,
Các ông khéo lắng nghe."

Từ câu *"Chúng đệ tử của ta"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, [đức Phật] hứa sẽ vì những người hạ căn mà kể lại nhân duyên đời trước. Những người [hạ căn] này đã được nghe qua hai phần thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ, nay lại thấy hàng thượng căn và trung căn đều được thụ ký, nhưng trong lòng vẫn còn hồ nghi chưa dứt nên tự mình cảm thấy hết sức hổ thẹn. [Đức Phật vì] muốn làm cho họ tăng tiến trên đường đạo, nên trước tiên ban lời thụ ký chung cho tất cả, sau đó hứa sẽ nói cho nghe nhân duyên đời trước. Đại lược là như vậy.

CẤU TRÚC PHẨM THÍ DỤ HÓA THÀNH - Tổng đoạn 1

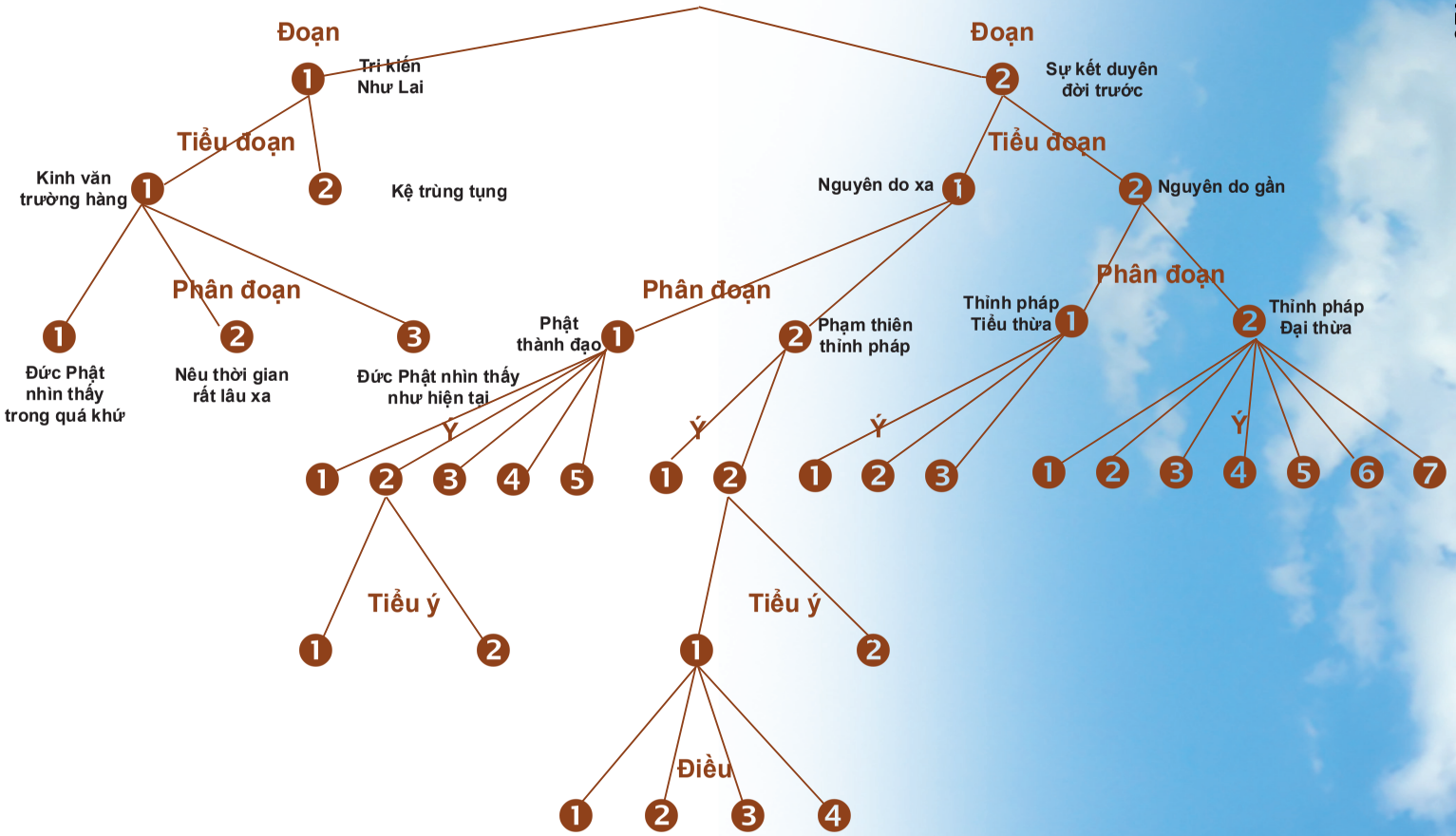

CẤU TRÚC PHẨM THÍ DỤ HÓA THÀNH - Tổng đoạn 2

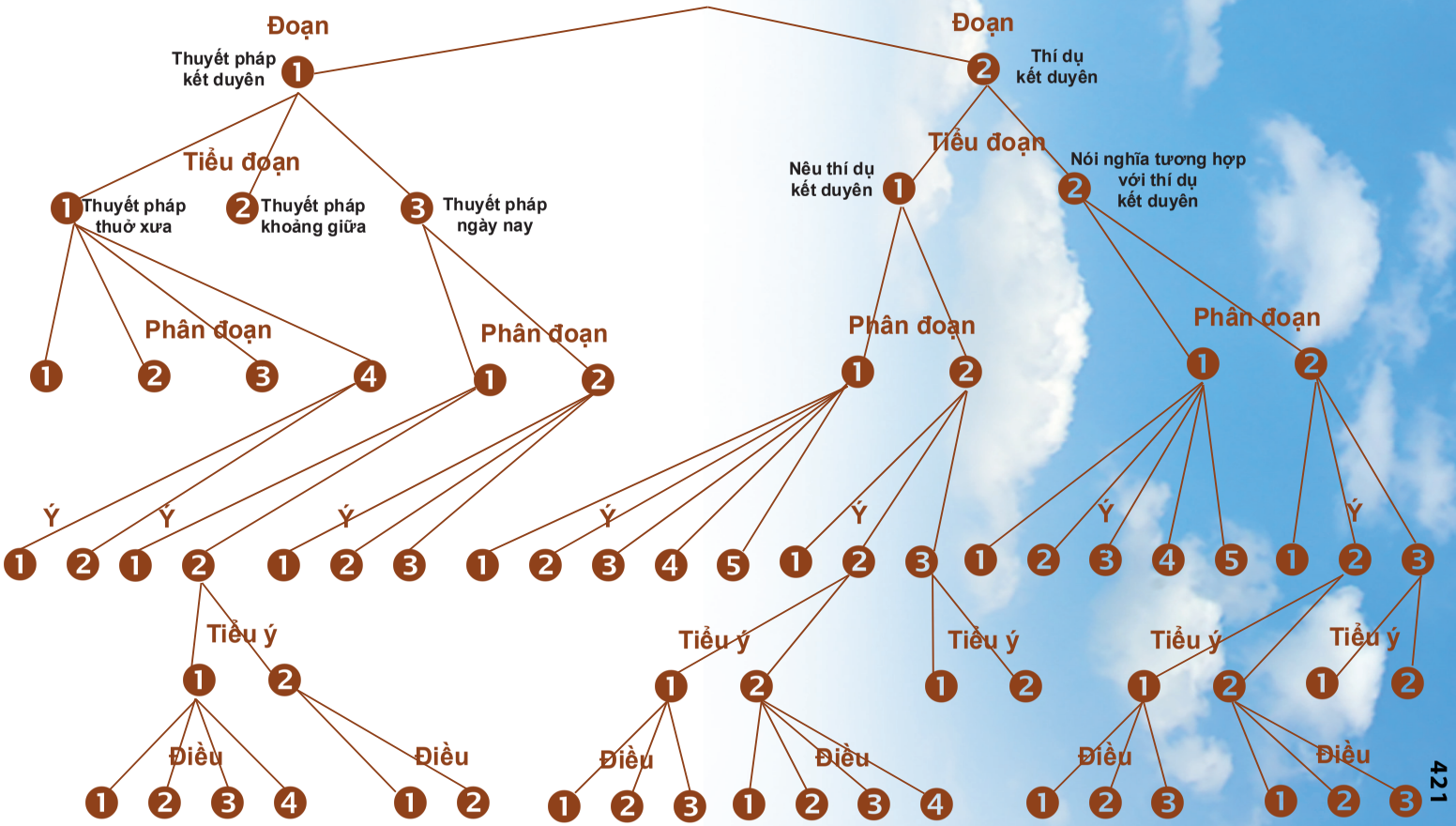

CẤU TRÚC PHẦN KỆ TỤNG TRONG PHẨM THÍ DỤ HÓA THÀNH (49.5 khổ kệ)

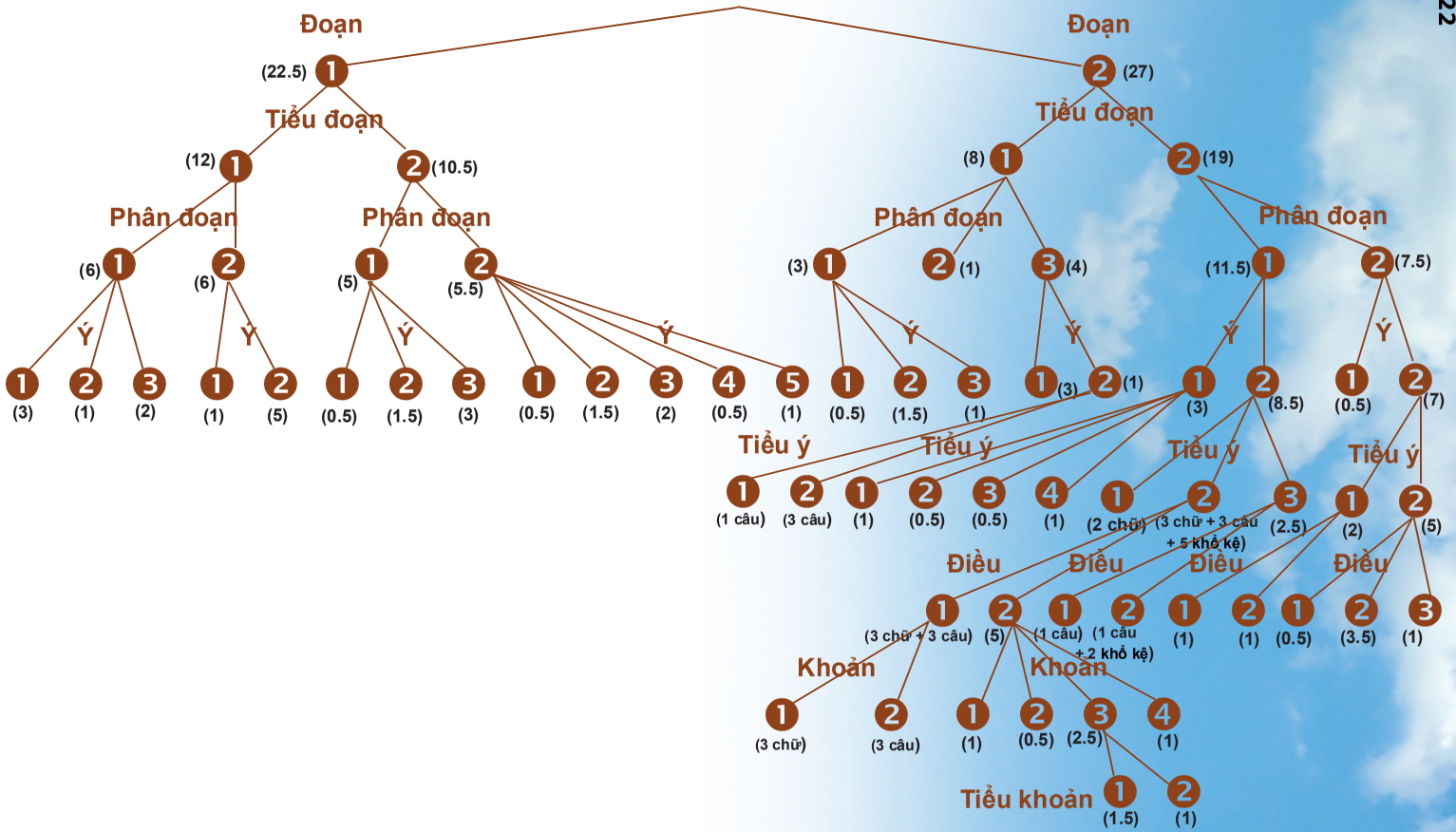

7. Giải thích phẩm Thí dụ Hóa thành

KINH VĂN

Phẩm Thí dụ Hóa thành, thứ bảy

Giải thích tên phẩm

"Hóa", nghĩa là dùng do sức thần thông làm ra. Dùng sức thần thông cho nên từ chỗ không có gì mà bỗng nhiên thành có, cho nên gọi là hóa. "Thành", nghĩa là ngăn ngừa điều sai trái, chống lại sự đối nghịch, nên gọi là thành. [Hai nghĩa này] xét theo trong giáo pháp thì tương hợp với Niết-bàn của Nhị thừa là do trí tuệ quyền biến tạo ra. [Phật] dùng năng lực của trí quyền biến, từ chỗ không có mà thuyết dạy là có [Niết-bàn của Nhị thừa]. Dùng giáo pháp để hóa ra [quả vị của Nhị thừa], vì ngăn ngừa tư hoặc, chống lại kiến hoặc nên gọi đó là [hóa thành] Niết-bàn.[1] Vì gấp rút cứu vớt mà dùng pháp này để dẫn vào [Phật đạo], thật chưa phải cứu cánh rốt ráo mà vẫn nói là diệt độ. Quyền biến mà lập ra như thế cho nên gọi là "hóa thành".

Về nghĩa chữ "dụ" là thí dụ thì như trong phẩm [Thí dụ Cỏ thuốc ở] trước đã nói.

Trên đây là giải thích theo nghĩa nhân duyên.

Nếu giải thích dựa theo giáo nghĩa, theo Tạng giáo thì đối với Niết-bàn khởi sanh ý tưởng cho là an ổn, khởi

[1] Ý nghĩa này tương hợp với việc người chứng quả A-la-hán, tức Niết-bàn của Nhị thừa, là đã dứt trừ được tất cả kiến hoặc và tư hoặc trong ba cõi.

sanh ý tưởng mình đã được diệt độ. Còn theo Thông giáo thì hàng Nhị thừa đối với Niết-bàn cũng giống như Tạng giáo, nhưng hàng Bồ Tát thì khác. Thích luận nói rằng: "Giống như một người cha vượt qua chỗ hiểm nguy, một chân đã bước vào thành [an ổn], một chân còn ở bên ngoài cửa thành, trong lòng nhớ đến vợ con nên từ trong thành [an ổn] lại quay ra chỗ nguy hiểm." [Đó là nói Bồ Tát] lập thệ nguyện nương theo tàn dư tập khí mà vào trong sanh tử [hóa độ chúng sanh], nên chẳng lấy nghĩa không làm chỗ chứng đắc.

Giải thích theo Biệt giáo thì không nói thành [Niết-bàn đó] như phép biến hóa, mà cho rằng thành là để ngăn ngừa sự nguy hiểm. Do nơi cửa thành mà vượt qua [để tu tập tiến lên], nên dùng thành [Niết-bàn này] làm phương tiện dứt trừ *kiến hoặc* và *tư hoặc*, không nói rằng [Niết-bàn này] là rốt ráo cuối cùng.

Giải thích theo Viên giáo là rõ biết chẳng có giặc bệnh thì cũng chẳng cần đến thành, cho nên gọi là hóa thành. Nay kinh này dùng theo ý nghĩa của Viên giáo nên lấy tiêu đề là phẩm *Thí dụ Hóa thành* (Hóa thành dụ).

Những cách giải thích theo bản tích và quán tâm không ghi chép vào đây.

Hỏi: Phẩm này nói về những việc nhân duyên [thuở trước] giúp hàng hạ căn [ngày nay] được giác ngộ, lẽ ra nên gọi là phẩm Túc thế (Nhân duyên đời trước)?

Đáp: Ở đầu phẩm này nói rộng về nhân duyên, nhưng phần cuối kết lại thì nêu thí dụ hóa thành. Nếu theo phần trước thì nên gọi là phẩm *Túc thế*. Kinh này dựa theo phần sau nên gọi là phẩm *Hóa thành*.

Lại nữa, hàng thượng căn tâm nghi ngờ mỏng manh dễ phá, nên chỉ cần nêu việc Phật ngồi dưới cội Bồ-đề tư duy

trong 21 ngày để làm rõ cơ duyên. Hàng trung căn tâm nghi có phần nặng hơn, nên dùng thêm thí dụ, tìm hiểu sâu việc hai vạn ức vị Phật [đã từng] giáo hóa [cho họ] bằng giáo pháp Đại thừa vô thượng, lấy đó làm cơ duyên. Hàng hạ căn thì tâm nghi sâu nặng hơn nữa, nên phải nói rõ cơ duyên từ rất lâu xa trong nhiều đời trước.

Nếu lấy việc trong đời trước là khởi đầu, nêu rõ nhân duyên từ rất lâu xa, thì nói đến khoảng giữa gọi là tòa thành biến hóa (hóa thành), nói đến chỗ rốt ráo cứu cánh gọi là chỗ nhiều châu báu (bảo sở). Những người chép kinh khi nêu tên phẩm thấy dùng nghĩa này thuận tiện, thâu tóm được từ trước đến sau, cho nên gọi là phẩm Thí dụ Hóa thành.

Hỏi: Hóa thành là pháp quyền biến, bảo sở là pháp chân thật, do ý nghĩa gì mà bỏ thật lấy quyền [làm tên]?

Đáp: Vì rõ biết hóa thành do biến hóa mà có, tất nhiên cũng rõ biết bảo sở là chân thật, cho nên tuy nêu hóa thành cũng chẳng làm mất nghĩa chân thật.

Phần này kinh văn chia thành 3 tổng đoạn. Nếu theo như phần trước thì lẽ ra có 4, thế nhưng hai ý nghĩa nhận hiểu và trình bày thành tựu đều ở trong phần nói việc thụ ký. Vì sao vậy? Nếu không có sự nhận hiểu thì làm sao được thụ ký để trình bày thành tựu, cho nên có thể gồm chung được 2 ý vào một tổng đoạn.

Lại nữa, 3 ý nghĩa nhận hiểu, trình bày thành tựu và được thụ ký nêu ra trước sau không nhất định. Việc nhận hiểu rồi im lặng hay nói ra cũng chẳng giống nhau. Kinh văn ngắn gọn không đủ để phân chia riêng nên nhập chung vào đoạn khác.

Phẩm này hoàn toàn nói về nhân duyên, 2 phẩm sau sẽ nói về việc thụ ký.

KINH VĂN

Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: "Trong quá khứ vô số a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn trước đây, vào lúc đó có đức Phật danh hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi Phật ấy tên là Hảo Thành, thời đại tên là Đại Tướng.

"Này các tỳ-kheo! Từ khi đức Phật ấy nhập Niết-bàn đến nay đã quá lâu xa. Ví như có người đem hết thảy đất đai trong cõi thế giới đại thiên này mài ra làm mực, rồi đi về hướng đông, cứ qua một ngàn cõi nước thì dùng mực chấm một điểm chỉ như hạt bụi cực nhỏ, lại đi tiếp qua một ngàn cõi nước mới chấm một điểm nữa… Như vậy cho đến khi hết số mực đã mài được nói trên. Các ông nghĩ sao? Nếu đếm hết những cõi nước đã đi qua như vậy thì liệu có bậc thầy toán học nào, hoặc các học trò của vị ấy, có thể thấu đạt giới hạn, biết được con số đó hay không?"

"Bạch Thế Tôn! Không thể."

"Này các tỳ-kheo! Nếu như những cõi nước mà người ấy đã đi qua, dù có hay không có chấm mực như trên, tất cả đều đem nghiền nát thành bụi cực nhỏ, rồi mỗi hạt bụi cực nhỏ đó được tính là một kiếp, thì từ khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhập Niết-bàn đến nay, thời gian số kiếp còn nhiều hơn số hạt bụi đó đến vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp.

"Ta dùng sức thấy biết của Như Lai nên quán sát được lâu xa như vậy vẫn thấy rõ giống như việc ngày nay."

▣ Tổng đoạn đầu tiên chia thành 2 đoạn. Đoạn thứ nhất là nêu tri kiến [của đức Như Lai] rất dài lâu, đoạn thứ hai là nói rõ sự kết duyên trong đời trước. Đức Như Lai có 3 năng lực siêu việt,[1] nhìn thấu việc xa xôi trong

[1] Nguyên tác dùng "三達 - tam đạt", tức là tam minh (三明), chỉ 3 năng lực siêu việt của chư Phật, bao gồm túc mệnh minh (宿命明), thiên nhãn minh (天眼明) và lậu tận minh (漏盡明). Với túc mệnh minh, chư Phật có thể rõ biết về quá khứ của chúng sanh trong một đời cho đến vô số đời trước.

quá khứ giống như thấy việc ngày nay. Cho nên trước hết dẫn việc đã qua để xác quyết lời Phật không hư dối, sau đó nói rõ về những việc đời trước. Cả hai đoạn này đều gồm đủ văn trường hàng và kệ tụng.

◆ Trong đoạn thứ nhất, tiểu đoạn thứ nhất là văn trường hàng lại chia thành 3 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nêu những việc Phật nhìn thấy, tức là nói cõi nước tên Hảo Thành, thời đại tên là Đại Tướng, Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng v.v... Phân đoạn thứ hai nêu thí dụ để làm rõ thời gian rất lâu xa. Phân đoạn thứ ba kết lại, nói việc Phật có thể nhìn thấy việc thuở xưa giống như ngày nay. Đại lược là như thế.

KINH VĂN

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên thuyết kệ rằng:

Ta nhớ đời quá khứ,
Vô lượng vô số kiếp,
Có Đấng Lưỡng Túc Tôn,
Hiệu Đại Thông Trí Thắng.
Ví như người dùng sức,
Mài nát cõi đại thiên,
Hết thảy bao đất đai,
Đều nhuyễn ra thành mực.
Đi qua ngàn cõi nước,
Chấm một điểm mực nhỏ,
Cứ vậy mà tiếp tục,
Cho đến khi hết mực.
Bao nhiêu cõi nước ấy,
Có điểm mực hay không,
Đều đem nghiền thành bụi,
Mỗi hạt bụi: một kiếp.
Số hạt bụi như vậy,
Số kiếp còn nhiều hơn.
Phật Đại Thông nhập diệt,
Lâu xa đến như thế.
Trí Như Lai vô ngại,
Thấy Phật ấy diệt độ,
Cùng Thanh văn, Bồ Tát…
Như đang thấy hôm nay.
Các tỳ-kheo, nên biết,
Trí tuệ Phật nhiệm mầu,
Không lậu hoặc, ngăn ngại,
Thông suốt vô số kiếp.

❖ Tiểu đoạn thứ hai gồm 7 khổ kệ, tụng lại 3 ý nghĩa trong văn trường hàng ở trước, y theo kinh văn có thể hiểu được, [không cần giảng giải].

KINH VĂN

Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: "Đức Phật Đại Thông Trí Thắng sống thọ đến 540 muôn ức na-do-tha[1] kiếp. Khi đức Phật ấy ngồi nơi đạo trường phá trừ hết quân ma, đã sắp đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà pháp của chư Phật vẫn chưa hiện ra trước. Cứ như vậy trải qua một tiểu kiếp, thậm chí cho đến mười tiểu kiếp ngồi kết già, thân tâm không hề dao động, mà pháp của chư Phật cũng vẫn chưa hiện ra trước.

"Bấy giờ, chư thiên ở cõi trời Đao-lợi trước đó đã vì đức Phật ấy mà trải tòa sư tử dưới gốc cây bồ-đề, cao đến một do-tuần. Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử này sẽ chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong lúc Phật ngồi nơi tòa này, các vị Phạm thiên vương làm mưa xuống các loại hoa trời, phủ khắp quanh tòa ngồi đến trăm do-tuần, có gió thơm thường thổi qua, cuốn đi những hoa đã héo, lại mưa xuống hoa tươi. Cứ như vậy không dứt, trải qua đủ mười tiểu kiếp cúng dường lên Phật, rồi đến khi Phật diệt độ cũng thường mưa hoa như vậy. Bốn vị thiên vương[2] thường đánh trống trời để cúng dường lên Phật, chư thiên khác thì trỗi lên các loại nhạc trời, trải qua đủ mười tiểu kiếp, rồi đến khi Phật diệt độ cũng cúng dường như vậy.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"... Đức Phật... ...sống thọ đến 540 muôn ức na-do-tha kiếp"* trở đi, nói rõ về sự kết duyên

[1] Nguyên tác là "五百四十萬億那由他劫 - ngũ bá tứ thập vạn ức na-do-tha kiếp", nếu theo các giá trị đã biết mà tính ra thì là 540 tỷ na-do-tha-kiếp, vì mỗi muôn là 10.000, mỗi ức là 100.000, nên một muôn ức là một tỷ. Tuy nhiên, những cách mô tả như thế này trong kinh điển chỉ nên hiểu theo nghĩa biểu trưng hơn là sự tính đếm chính xác, do đó chúng tôi giữ nguyên cách diễn đạt của Nguyên tác mà không tính ra cụ thể. Na-do-tha cũng là một số đếm nhưng giá trị không được xác định rõ, có nhiều tư liệu nói khác nhau, hoặc bằng 100.000, hoặc bằng một triệu, cũng có chỗ nói là mười triệu.

[2] Nguyên tác là " 四王諸天 - Tứ vương chư thiên", chỉ Tứ thiên vương (四天王), cũng được gọi là Tứ vương thiên (四王天), là bốn vị Hộ thế Thiên vương (護世四天王) thường hộ trì bốn cõi thiên hạ ở bốn phương đông tây nam bắc. Đó là Trì quốc Thiên vương (持國天王) ở phương đông, Tăng trưởng Thiên vương (增長天王) ở phương nam, Quảng mục Thiên vương (廣目天王) ở phương tây và Đa văn Thiên vương (多聞天王) ở phương bắc.

[trong quá khứ]. Về nguyên do lại có 2 tiểu đoạn, nói nguyên do xa và nguyên do gần.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nói nguyên do xa lại chia thành 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nói việc đức Phật Đại Thông Trí Thắng thành đạo. Phân đoạn thứ hai nói việc các vị Phạm thiên vương trong mười phương đến thỉnh cầu Phật chuyển pháp luân.

▪ Phân đoạn thứ nhất nói việc thành đạo lại có 5 ý. Ý thứ nhất nói thọ mạng của Phật dài lâu. Ý thứ hai từ câu *"Khi đức Phật ấy ngồi nơi đạo trường..."* trở đi, nêu những việc trước khi Phật thành đạo. Tuy rằng đạo của chư Phật đều đồng như nhau, nhưng duyên sự khác nhau. Đức Phật Thích-ca tu khổ hạnh 6 năm, [ngồi yên một chỗ,] cỏ mọc xuyên qua đùi chạm lên khuỷu tay vẫn không hay biết, chư thiên gào khóc chấn động cõi đất cũng không nghe, khi dời chỗ ngồi [đến dưới cội Bồ-đề] thì đắc đạo. Đức Phật Di-lặc thì đắc đạo ngay trong ngày xuất gia. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thì [ngồi yên] đến 10 tiểu kiếp *"mà pháp của chư Phật cũng vẫn chưa hiện ra trước"*. Không phải do căn tánh [chư Phật] lại có sự nhanh nhạy hay trì độn khác nhau, cũng không phải do đạo [của mỗi vị Phật lại] có khó hay dễ khác biệt. Chỉ là do cơ duyên nên gấp rút hay trì hoãn mà cần phải thị hiện thời gian [thành Phật] kéo dài hay nhanh chóng.

KINH VĂN

> **"Này chư tỳ-kheo! Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua 10 tiểu kiếp như vậy rồi, pháp của chư Phật mới hiện ra trước, thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.**
>
> **"Đức Phật ấy khi chưa xuất gia có 16 người con trai. Người con lớn nhất tên là Trí Tích. Mỗi người con này đều có đủ các món đồ chơi trân quý hiếm lạ, khi nghe cha mình đã thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đều vất bỏ hết mọi thứ quý giá, tìm**

đến chỗ Phật. Những người mẹ khóc lóc đi theo đưa tiễn, ông nội là Chuyển luân Thánh vương, cùng với 100 vị quan đại thần và hơn trăm ngàn muôn ức người dân vây quanh, cũng cùng đi đến đạo trường nơi Phật thành đạo. Tất cả đều mong muốn được gần gũi đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng, cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen xưng tán.

"Khi đến chỗ Phật rồi, tất cả đều cúi đầu chạm mặt lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật rồi chắp tay một lòng chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Các vương tử cùng đọc kệ rằng:

Thế Tôn đại oai đức,
Vì muốn độ chúng sanh,
Trải vô lượng ức kiếp,
Nay mới thành quả Phật.
Các nguyện đã đầy đủ,
Lành thay, tối thượng hiền.
Thế Tôn rất ít có,
Ngồi xuống mười tiểu kiếp,
Thân thể cùng tay chân,
Đều an nhiên không động.
Trong tâm thường an tĩnh,
Chưa từng có tán loạn,
Rốt ráo thường tịch diệt,
Trụ yên pháp vô lậu.
Nay được thấy Thế Tôn,
An ổn thành Phật đạo,
Chúng con được lợi lành,
Rất hoan hỷ, xưng tán.
Chúng sanh thường khổ não,
Mù, không thầy dẫn đường,
Không rõ đạo dứt khổ,
Không biết cầu giải thoát.
Đêm dài thêm đường ác,
Càng ít sanh cõi trời.
Từ tối đi vào tối,
Không nghe danh hiệu Phật.
Nay Phật đạt tối thượng,
Đạo an ổn, vô lậu,
Chúng con hàng trời, người,
Được lợi ích lớn nhất,
Nên cùng nhau cúi đầu,
Nương theo Đấng Vô Thượng.

Bấy giờ, 16 vị vương tử đọc kệ xưng tán Phật rồi liền thưa thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân, cùng nói rằng: "Đức Thế Tôn thuyết pháp mang lại nhiều sự an ổn, thương xót làm lợi ích cho chư thiên và loài người."

Các vị đọc kệ lặp lại ý này như sau:

Bậc Thế Hùng tối thượng,
Trăm phúc tự trang nghiêm.
Được trí tuệ Vô thượng,
Xin vì đời nói ra.
Để độ thoát chúng con,
Cùng muôn loài chúng sanh.
Xin phân biệt chỉ bày,
Khiến được trí tuệ ấy.

Nếu chúng con thành Phật,
Thì chúng sanh cũng vậy.
Thế Tôn rõ tâm niệm,
Của hết thảy chúng sanh,
Biết pháp họ thực hành,
Cũng như sức trí tuệ,
Chỗ ưa muốn, tu phúc,
Nghiệp đã tạo đời trước,
Thế Tôn đã biết hết,
Nguyện thuyết pháp Vô thượng.

◆ Ý thứ ba là từ câu *"Này chư tỳ-kheo! Đức Phật... ...trải qua 10 tiểu kiếp..."* trở đi, nói về việc thành đạo.

◆ Ý thứ tư, từ câu *"Đức Phật ấy khi chưa xuất gia..."* trở đi là nói rõ việc sau khi thành đạo, quyến thuộc đến cúng dường.

◆ Ý thứ năm, từ câu *"Các vương tử cùng đọc kệ rằng..."* trở đi [cho đến hết phần kệ tụng] là nêu rõ việc thỉnh chuyển pháp luân.

◆ Ý thứ nhất kinh văn rõ ràng dễ hiểu. Ý thứ hai nói việc trước khi thành Phật lại có 2 tiểu ý. Tiểu ý thứ nhất nêu việc Phật ngồi nơi đạo tràng, trải qua thời gian. Tiểu ý thứ hai nói việc chư thiên cúng dường.

KINH VĂN

Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: "Khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, 500 muôn ức cõi nước của chư Phật ở mỗi phương trong khắp mười phương đều chấn động theo sáu cách. Trong các cõi nước ấy, những nơi tối tăm ánh sáng mặt trời mặt trăng không soi chiếu đến thì nay đều sáng rực. Những chúng sanh nơi ấy đều nhìn thấy nhau, liền nói rằng: 'Ở nơi đây sao bỗng dưng lại sanh ra chúng sanh!'

"Lại cũng trong những cõi nước ấy, cung điện của chư thiên, cho đến cung điện của Phạm thiên vương,[1] đều chấn động sáu cách, có hào quang chói sáng soi chiếu mọi nơi, tỏa khắp thế giới, chói sáng hơn hào quang của chư thiên.

[1] Nguyên tác dùng Phạm cung (梵宮), tức chỉ cung điện của vị Phạm thiên vương.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo... ...chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác..."* trở đi, nói việc các vị Phạm thiên vương thỉnh [Phật chuyển pháp luân]. Phân đoạn này chia làm 2 ý. Ý thứ nhất là hào quang soi chiếu chấn động [mười phương]. Ý thứ hai là các vị Phạm thiên vương trong mười phương đến thỉnh Phật chuyển pháp luân.

◆ Ý thứ nhất nói về hào quang soi chiếu, kinh Nhân quả quá khứ[1] nói rằng: "Khi Bồ Tát Tất-đạt-đa ở trong thai mẹ, các cõi nước trong thế giới đại thiên[2] bỗng nhiên có hào quang rực sáng, những nơi mặt trời, mặt trăng không soi chiếu đến bỗng dưng được chiếu sáng, nên ở những nơi đó các chúng sanh liền được nhìn thấy nhau."[3] Lúc Phật mới thành đạo cũng có hào quang giống như vậy. Kinh Nhân quả quá khứ cũng nói rằng, Bồ Tát buổi sáng [thuyết pháp] vì chư thiên ở cõi Sắc, buổi trưa [thuyết pháp] vì chư thiên ở cõi Dục, rồi buổi chiều vì quỷ thần mà thuyết pháp. Buổi tối cũng lại [thuyết pháp] như vậy.[4]

---

[1] Tên đầy đủ là Quá khứ hiện tại nhân quả kinh (過去現在因果經), Trong Đại Chánh tạng, Tập 3, số 189. Phần nội dung trích dẫn ở đây bắt đầu từ trang 624, tờ b, dòng 29.

[2] Nguyên tác dùng "三千國土 - tam thiên quốc độ" thật ra là cách nói tắt của "三千大千國土 - tam thiên đại thiên quốc độ", chỉ tất cả các cõi nước trong một thế giới đại thiên. Chữ "tam thiên" mang ý nghĩa "3 lần số ngàn" chứ không phải chỉ 3.000 cõi nước, do một thế giới đại thiên được hình thành bởi 3 lần số ngàn: 1.000 thế giới là 1 thế giới tiểu thiên, 1.000 thế giới tiểu thiên là 1 thế giới trung thiên, 1.000 thế giới trung thiên là 1 thế giới đại thiên. Đây là cách nhận hiểu về vũ trụ được phổ biến trong nhiều kinh điển.

[3] Mô tả này tương ứng với đoạn này trong kinh Pháp hoa: "Trong các cõi nước ấy, những nơi tối tăm ánh sáng mặt trời mặt trăng không soi chiếu đến thì nay đều sáng rực. Những chúng sanh nơi ấy đều nhìn thấy nhau, liền nói rằng: 'Ở nơi đây sao bỗng dưng lại sanh ra chúng sanh!'"

[4] Chỗ này Văn Cú chỉ trích lại giản lược nên không rõ nghĩa. Nguyên văn trong kinh Quá khứ hiện tại nhân quả là: "菩薩晨朝於母胎中，為色界諸天，說種種法。至日中時，為欲界諸天，亦說諸法。晡時，又復為諸鬼神說法。於夜三時，亦復如是。 - Bồ Tát thần triêu ư mẫu thai trung vị Sắc giới chư thiên thuyết chủng chủng pháp; chí nhật trung thời vị Dục giới chư thiên diệc thuyết chư

Giải thích theo quán tâm thì nói *"bổng dưng sanh ra chúng sanh"* có nghĩa là nói tâm tánh [chúng sanh] vốn thanh tịnh, chỉ vì ấm, nhập, giới che lấp nên bị tối tăm. Nếu tu tập quán tuệ thì lý của bản tánh sẽ hiển lộ. Lại nữa, [ví như] 2 ngọn núi là 2 chân đế,[1] ở khoảng giữa là trung đạo; ánh sáng mặt trời, mặt trăng là 2 trí [quyền và thật], hào quang của Phật là trung đạo. Ánh sáng của trí tuệ vô phân biệt soi chiếu sáng tỏ cả 3 chân đế[2] vốn có.

KINH VĂN

"Lúc bấy giờ, ở trong 500 muôn ức cõi nước phương đông, những cung điện của Phạm thiên vương đều được soi chiếu rực rỡ, sáng hơn nhiều lần so với bình thường. Các vị Phạm thiên vương trong những cõi nước ấy đều nghĩ rằng: 'Nay cung điện của ta rực sáng là điều trước đây chưa từng có, không biết do nhân duyên gì mà hiện ra tướng trạng này?'

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương liền đến gặp nhau để cùng bàn luận việc này. Trong số đó có một vị Phạm thiên vương[3] tên là Cứu Nhất Thiết, vì các Phạm thiên vương khác mà nói kệ rằng:

Cung điện của chúng ta,
Sáng rực chưa từng có,
Là do nhân duyên gì,
Chúng ta nên tìm hiểu.

pháp; bô thời hựu phục vị chư quỷ thần thuyết pháp; ư dạ tam thời diệc phục như thị." (Bồ Tát vào buổi sáng ở trong thai mẹ mà vì chư thiên cõi Sắc thuyết đủ mọi giáo pháp; đến giữa ngày lại vì chư thiên cõi Dục thuyết giảng các giáo pháp; buổi chiều lại vì các quỷ thần mà thuyết pháp; suốt 3 thời trong đêm cũng thuyết pháp như vậy.) Xem Đại Chánh tạng, Tập 3, số 189, trang 624, tờ c, dòng 20-23.

[1] Hai chân đế hay nhị đế, chỉ không đế và giả đế, 2 sự thật được người tu tập quán chiếu để hướng đến sự giải thoát.

[2] Ba chân đế hay tam đế, chỉ không đế, giả đế và trung đế.

[3] Trong Nguyên tác kinh văn sử dụng thay đổi nhiều cách gọi tên khác nhau như Phạm thiên, Phạm thiên vương, Đại phạm thiên vương, nhưng tất cả đều chỉ đến vị thiên chủ của mỗi thế giới. Vị này được xem là người đứng đầu trong thế giới nên cũng gọi là Thế chủ thiên. Kinh văn đang nói đến 500 muôn ức cõi nước về phương đông, nên ở đây được hiểu là có 500 muôn ức vị Phạm thiên vương cùng hội họp. Chúng tôi sẽ chuyển dịch nhất quán danh xưng này là Phạm thiên vương để người đọc dễ nhận hiểu.

Thiên tử đại đức sanh,[1]
Hay đức Phật ra đời,
Nên có hào quang lớn,
Soi chiếu khắp mười phương?

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương ở 500 muôn ức cõi nước phương đông, cùng mang theo cung điện của mình, mỗi vị đều dùng đãy lớn đựng các loại hoa trời, cùng nhau đi về hướng tây để tìm nguyên nhân của sự chiếu sáng. Các vị liền nhìn thấy đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nơi đạo tràng dưới gốc cây bồ-đề. Đức Phật ngồi trên tòa sư tử, có chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và các loài phi nhân… đều cung kính vây quanh, lại cũng thấy 16 vị vương tử đang thỉnh Phật chuyển pháp luân.

"Các vị Phạm thiên vương liền cúi đầu chạm mặt lễ kính dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời tung rải phía trên thân Phật. Hoa được tung rải như núi Tu-di,[2] cũng dùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Cây bồ-đề ấy cao đến 10 do-tuần.[3] Sau khi cúng dường hoa trời xong, các vị Phạm thiên vương đều dâng cung điện[4] của mình lên đức Phật, thưa rằng: 'Nguyện

[1] Nguyên tác là "đại đức thiên sanh - 大德天生", chỉ việc có một vị thiên tử (chúng sanh cõi trời) có phước đức rất lớn vừa sanh ra. Do phước đức rất lớn của vị này nên sẽ có những điềm lành hiển hiện ở cõi trời.

[2] Nguyên tác kinh văn là "其所散華如須彌山 - kỳ sở tán hoa như Tu-di sơn" (hoa được tung rải như núi Tu-di), có vẻ hơi tối nghĩa. Trong bản dịch Anh ngữ của H. Kern dịch từ Phạn ngữ thì nói là "túi đựng hoa lớn như núi Tu-di". Mô tả này xuất hiện từ trước đó, rằng các vị Phạm thiên vương "mang theo các túi lớn như núi Tu-di đựng đầy hoa cõi trời" (took with them divine bags, as large as Mount Sumeru, with celestial flowers). Và đoạn này cũng lặp lại rằng các vị "tung rải hoa trên thân Phật và cây bồ-đề, bao phủ phạm vi cả 10 do-tuần, với những túi đựng hoa trời lớn như núi Tu-di" (strewing flowers and overwhelming both him and the tree of enlightenment, over a distance of ten yoganas, with those flower-bags as large as Mount Sumeru).

[3] Theo bản dịch của H. Kern thì chỗ này nói phạm vi rải hoa là 10 do-tuần chứ không phải cây bồ-đề cao 10 do tuần.

[4] Theo bản dịch của H. Kern thì các vị Phạm thiên vương mang theo và cúng dường lên Phật những cỗ xe trời (divine aerial cars) chứ không phải cung điện. Phạn ngữ vimāna trong nguyên tác Phạn văn có thể chỉ cỗ xe của vị Phạm thiên đồng thời cũng có thể chỉ cung điện của vị ấy. Do vậy, hai vị dịch giả Phạn-Anh và Phạn-Hán đã chọn hiểu theo 2 nghĩa khác nhau.

đức Thế Tôn thương xót làm lợi ích cho chúng con. Nay chúng con dâng cúng những cung điện này, nguyện Phật rủ lòng thương mà thọ nhận.' Các vị Phạm thiên vương liền đối trước Phật, đồng thanh một lòng đọc kệ xưng tán rằng:

Thế Tôn thật ít có!
Rất khó được gặp Phật.
Đủ vô lượng công đức,
Thường cứu độ tất cả,
Bậc thầy của trời, người,
Thương xót khắp thế gian.
Chúng sanh trong mười phương,
Đều được nhờ lợi ích.

Chúng con đến đây từ
Năm trăm muôn ức nước,
Từ bỏ vui thiền định,
Vì muốn cúng dường Phật.
Nhờ phúc đức đời trước,
Được cung điện trang nghiêm,
Nay xin dâng cúng Phật,
Nguyện xót thương thọ nhận.

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương đọc kệ xưng tán Phật rồi, mỗi vị đều nói: 'Nguyện đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp độ thoát chúng sanh, mở đường đến Niết-bàn.'
"Rồi các vị Phạm thiên vương đồng thanh một lòng đọc kệ rằng:

Thế Hùng Lưỡng Túc Tôn,
Cúi xin diễn thuyết pháp,
Dùng sức đại từ bi,
Cứu chúng sanh khổ não.

"Bấy giờ, đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời.
"Lại nữa, này các tỳ-kheo! Các vị Phạm thiên vương ở 500 muôn ức cõi nước về phương đông nam, mỗi vị cũng đều tự thấy cung điện của mình được soi chiếu sáng rực, trước đây chưa từng có. Các vị đều vui mừng phấn khích, khởi tâm cho là việc hy hữu, liền đi đến gặp nhau để cùng bàn luận việc này. Bấy giờ trong số đó có một vị Phạm thiên vương tên là Đại Bi, vì các vị Phạm thiên vương khác mà nói kệ rằng:

Là do nhân duyên gì,
Hiện ra tướng trạng này?
Cung điện của chúng ta,
Sáng rực chưa từng có.
Thiên tử đại đức sanh,
Hay đức Phật ra đời?

Chưa từng thấy tướng này,
Hãy cùng nhau tìm kiếm.
Qua ngàn muôn ức cõi,
Theo ánh sáng mà suy,
Chắc hẳn Phật ra đời,
Độ chúng sanh thoát khổ.

"Bấy giờ, 500 muôn ức vị Phạm thiên vương cùng với cung điện của mình, mỗi vị đều dùng đãy lớn đựng các loại hoa trời, cùng đi về hướng tây bắc để tìm nguyên nhân của sự chiếu sáng. Các vị liền nhìn thấy đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nơi đạo tràng dưới gốc cây bồ-đề. Đức Phật ngồi trên tòa sư tử, có chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và các loài phi nhân… đều cung kính vây quanh, lại cũng thấy 16 vị vương tử đang thỉnh Phật chuyển pháp luân. Các vị Phạm thiên vương liền cúi đầu chạm mặt lễ kính dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời tung rải phía trên thân Phật. Hoa được tung rải rơi xuống như núi Tu-di, cũng dùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Sau khi cúng dường hoa trời xong, các vị Phạm thiên vương đều dâng cung điện của mình lên đức Phật, thưa rằng: 'Nguyện đức Thế Tôn thương xót làm lợi ích cho chúng con. Nay chúng con dâng cúng những cung điện này, nguyện Phật rủ lòng thương mà thọ nhận.'

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương liền đối trước Phật, một lòng đồng thanh đọc kệ xưng tán rằng:

Thánh chủ, vua chư thiên,
Tiếng như chim ca-lăng.[1]
Bậc thương xót chúng sanh,
Chúng con xin kính lễ.
Thế Tôn rất ít có,
Thật lâu mới ra đời.
Một trăm tám mươi kiếp,[2]
Trống không, không có Phật.
Ba đường ác đông đảo,
Sanh cõi trời hiếm hoi.
Nay Phật đã ra đời,
Giúp chúng sanh thấy rõ,[3]
Làm chỗ đời nương theo,
Cứu giúp cho hết thảy.
Là cha lành chúng sanh,
Thương xót làm lợi ích
Chúng con nhờ phúc xưa,
Nay được gặp Thế Tôn.

[1] Nguyên tác là "迦陵頻伽 聲 - ca-lăng-tần-già thanh", ý nói tiếng nói của Phật nghe thanh tao như tiếng chim ca-lăng-tần-già (kalaviṅka). Tên chim này dịch ý là hảo thanh điểu (好聲鳥), mỹ âm điểu (美音鳥) hoặc diệu thanh điểu (妙聲鳥) đều có chung ý nghĩa là loài chim có tiếng hót rất hay.

[2] Nguyên tác là "一百八十劫 - nhất bách bát thập kiếp" (180 kiếp). Bản Anh dịch của H. Kern dịch chỗ này là "8.000 kiếp thế giới này không có Phật" (eighty hundred complete Æons this world of the living was without Buddha).

[3] Nguyên tác là "為眾生作眼 - vị chúng sanh tác nhãn" (vì chúng sanh làm mắt), ý nói Phật như con mắt của chúng sanh, giúp chúng sanh thấy rõ được chân lý.

"Bấy giờ các vị Phạm thiên vương đọc kệ tán Phật rồi, mỗi người đều nói rằng: 'Nguyện đức Thế Tôn thương xót tất cả mà chuyển bánh xe pháp độ thoát chúng sanh.'

"Khi ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng đồng thanh đọc kệ rằng:

Đại thánh chuyển pháp luân,
Chỉ bày các tướng pháp.
Độ chúng sanh khổ não,
Khiến cho rất vui mừng.

Chúng sanh nghe pháp này,
Đạt đạo sanh cõi trời,
Ít người vào đường ác,
Người nhẫn thiện nhiều hơn.

"Bấy giờ, đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời.

"Lại nữa, này các tỳ-kheo! Các vị Phạm thiên vương ở 500 muôn ức cõi nước về phương nam, mỗi vị cũng đều tự thấy cung điện của mình được soi chiếu sáng rực, trước đây chưa từng có. Các vị đều vui mừng phấn khích, khởi tâm cho là việc hy hữu, liền đi đến gặp nhau để cùng bàn luận: 'Do nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng chói lọi này?'

"Bấy giờ trong số đó có một vị Phạm thiên vương tên là Diệu Pháp, vì các vị Phạm thiên vương khác mà nói kệ rằng:

Cung điện của chúng ta,
Có ánh sáng chói lòa,
Không thể không nhân duyên,
Nên phải tìm hiểu xem.

Trải qua trăm ngàn kiếp,
Chưa từng thấy tướng này.
Thiên tử đại đức sanh,
Hay đức Phật ra đời?

"Bấy giờ, 500 muôn ức vị Phạm thiên vương mang theo cung điện của mình, mỗi vị đều dùng đãy lớn đựng các loại hoa trời, cùng đi về hướng bắc để tìm nguyên nhân của sự chiếu sáng. Các vị liền nhìn thấy đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nơi đạo tràng dưới gốc cây bồ-đề. Đức Phật ngồi trên tòa sư tử, có chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và các loài phi nhân… đều cung kính vây quanh, lại cũng thấy 16 vị vương tử đang thỉnh Phật chuyển pháp luân.

"Các vị Phạm thiên vương liền cúi đầu chạm mặt lễ kính dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời tung rải phía trên thân Phật. Hoa được tung rải rơi xuống như núi Tu-di,

cũng dùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Sau khi cúng dường hoa trời xong, các vị Phạm thiên vương đều dâng cung điện của mình lên đức Phật, thưa rằng: 'Nguyện đức Thế Tôn thương xót làm lợi ích cho chúng con. Nay chúng con dâng cúng những cung điện này, nguyện Phật rủ lòng thương mà thọ nhận.'

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương liền đối trước Phật, đồng thanh một lòng đọc kệ xưng tán rằng:

Thế Tôn thật khó gặp,
Phá trừ các phiền não.
Hơn trăm ba mươi kiếp,
Nay mới gặp một lần.
Những chúng sanh đói khát,
Được mưa pháp đầy đủ.
Xưa nay chưa từng thấy,
Bậc trí tuệ vô lượng,
Như hoa ưu-đàm-bát,
Đến nay mới được gặp.
Cung điện của chúng con,
Hào quang chiếu trang nghiêm,
Thế Tôn đại từ bi,
Nguyện xót thương thọ nhận.

"Bấy giờ các vị Phạm thiên vương đọc kệ tán Phật rồi, mỗi người đều nói rằng: 'Nguyện đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp, khiến cho hết thảy chư thiên, ma, phạm chí, sa-môn, bà-la-môn trong thế gian đều an ổn mà được độ thoát.'

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương đồng thanh một lòng đọc kệ rằng:

Nguyện đức Thiên Nhân Tôn,
Chuyển pháp luân vô thượng,
Đánh tiếng trống pháp lớn,
Thổi vang kèn pháp lớn,[1]
Đổ trận mưa pháp lớn,
Độ vô số chúng sanh.
Chúng con đồng thỉnh nguyện,
Xin giảng pháp sâu xa.

"Bấy giờ, đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời.

"Từ phương tây nam cho đến phương dưới cũng đều [xảy ra những việc] như vậy.

"Bấy giờ các vị Phạm thiên vương ở 500 muôn ức cõi nước về phương trên, mỗi vị cũng đều tự thấy cung điện của mình được soi chiếu sáng rực, trước đây chưa từng có. Các vị đều vui mừng phấn khích, khởi tâm cho là việc hy hữu, liền đi đến gặp nhau để cùng

[1] Nguyên tác là "吹大法螺 - xuy đại pháp loa". Chữ "螺 - loa" chỉ một loại kèn hay tù và, được làm bằng vỏ ốc lớn, khi thổi phát ra âm thanh lớn vang đi rất xa.

bàn luận: 'Do nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng chói lọi này?'

"Bấy giờ trong số đó có một vị Phạm thiên vương tên là Thi Khí, vì các vị Phạm thiên vương khác mà nói kệ rằng:

Nay do nhân duyên gì,
Cung điện của chúng ta,
Có ánh sáng rực rỡ,
Trang nghiêm chưa từng có!
Tướng nhiệm mầu thế này,
Chưa từng được thấy nghe.
Thiên tử đại đức sanh,
Hay đức Phật ra đời?

"Bấy giờ, 500 muôn ức vị Phạm thiên vương mang theo cung điện của mình, mỗi vị đều dùng đãy lớn đựng các loại hoa trời, cùng đi về hướng dưới để tìm nguyên nhân của sự chiếu sáng. Các vị liền nhìn thấy đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nơi đạo tràng dưới gốc cây bồ-đề. Đức Phật ngồi trên tòa sư tử, có chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người và các loài phi nhân… đều cung kính vây quanh, lại cũng thấy 16 vị vương tử đang thỉnh Phật chuyển pháp luân.

"Các vị Phạm thiên vương liền cúi đầu chạm mặt lễ kính dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, dùng hoa trời tung rải phía trên thân Phật. Hoa được tung rải rơi xuống như núi Tu-di, cũng dùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Sau khi cúng dường hoa trời xong, các vị Phạm thiên vương đều dâng cung điện của mình lên đức Phật, thưa rằng: 'Nguyện đức Thế Tôn thương xót làm lợi ích cho chúng con. Nay chúng con dâng cúng những cung điện này, nguyện Phật rủ lòng thương mà thọ nhận.'

"Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương liền đối trước Phật, đồng thanh một lòng đọc kệ xưng tán rằng:

Lành thay gặp chư Phật!
Bậc tôn thánh cứu đời,
Ở trong ngục ba cõi,
Cứu thoát các chúng sanh.
Bậc trí tuệ bao trùm,
Thương xót chúng mê mờ,
Thường mở cửa cam lộ,[1]
Rộng cứu độ hết thảy.

[1] Cam lộ (H. 甘露, S. amṛta) là tên một vị thuốc trong truyền thuyết, có vị ngon ngọt, được cho là có thể giúp trường sanh bất tử. Giáo pháp của đức Phật dứt trừ sanh tử nên thường được ví như cam lộ.

Quá khứ vô số kiếp,
Trống không, không có Phật.
Thế Tôn chưa ra đời,
Mười phương thường tối tăm,
Ba đường ác tăng nhiều,
A-tu-la đông đảo,
Chư thiên ngày càng ít,
Chết sanh đường ác nhiều.
Không theo Phật nghe pháp,
Nên thường làm việc ác,
Hình sắc và trí tuệ,
Cả hai đều suy giảm.
Do nhân duyên tội nghiệp,
Không vui, không ý vui.
Đắm trong pháp tà kiến,
Không rõ phép tắc lành.
Không được Phật giáo hóa,
Thường sa đọa đường ác.
Phật là mắt thế gian,
Rất lâu mới ra đời,
Vì thương xót chúng sanh,
Xuất hiện giữa thế gian,
Siêu việt thành Chánh giác,
Chúng con rất vui mừng,
Cùng bao chúng sanh khác,
Mừng khen: Chưa từng có!
Cung điện của chúng con,
Hào quang chiếu trang nghiêm,
Nay dâng cúng Thế Tôn,
Nguyện xót thương thọ nhận.
Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Chúng con và chúng sanh,
Đều trọn thành Phật đạo.

"Lúc bấy giờ, 500 muôn ức vị Phạm thiên vương đọc kệ xưng tán Phật rồi, mỗi vị đều bạch Phật: "Nguyện đức Thế Tôn chuyển bánh xe pháp để nhiều chúng sanh được an ổn, nhiều chúng sanh được độ thoát.'
"Khi ấy, các vị Phạm thiên vương lại nói kệ rằng:

Thế Tôn chuyển pháp luân,
Đánh trống pháp cam lộ,
Độ chúng sanh khổ não,
Chỉ bày đường Niết-bàn.
Xin nhận lời con thỉnh,
Dùng âm thanh vi diệu,
Thương xót mà giảng giải,
Pháp tu vô số kiếp.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Lúc bấy giờ, ở trong 500 muôn ức cõi nước phương đông..."* trở đi, nói việc các vị Phạm thiên vương trong 10 phương [đến thỉnh Phật chuyển pháp luân]. Ý này lại chia làm 2 tiểu ý. Tiểu ý thứ nhất nói về 9 phương và tiểu ý thứ hai nói về phương trên.

✦ Tiểu ý nói về 9 phương lại có 4 điều, thứ nhất là phương đông, thứ hai là phương đông nam, thứ ba là phương nam và thứ tư là nói chung về 6 phương khác.

Về 3 phương được nêu trước tiên, nói về các vị Phạm thiên vương thì kinh văn mỗi điều đều có 7 chi tiết. Thứ nhất là các vị đều thấy điềm lành, thứ hai là kinh ngạc, thứ ba là hỏi nhau và bàn luận để xác quyết, thứ tư là tìm theo ánh sáng đến gặp Phật, thứ năm là cúng dường Phật bằng cả 3 nghiệp [thân, khẩu, ý], thứ sáu là thỉnh Phật chuyển pháp luân, thứ bảy là [đức Phật] im lặng nhận lời. Những phần này đều có thể y theo kinh văn mà hiểu được.

✦ Tiểu ý thứ hai nói về các vị Phạm thiên vương ở phương trên chỉ có 6 chi tiết, vì đức Thế Tôn nhận lời *"liền chuyển pháp luân"* cho nên không có chi tiết *"im lặng nhận lời"*.

Các nhà cựu giải cho rằng, [các vị Phạm thiên vương ở] 2 phương đông và đông nam thỉnh [Phật thuyết] Tiểu thừa, 7 phương khác thỉnh [Phật thuyết] Đại thừa, phương trên thỉnh [Phật thuyết] cả Tiểu thừa và Đại thừa.

Nếu theo Thích luận thì nói các vị Phạm thiên vương vốn chỉ thỉnh [Phật thuyết pháp] Đại thừa, tuy Phật có thuyết pháp Tiểu thừa nhưng như vậy [là các vị] chưa toại nguyện. Nếu Phật thuyết giáo pháp Bát-nhã thì vẫn là khác với chỗ thỉnh cầu của các vị Phạm thiên vương.

Nếu dựa theo kinh văn trong phẩm Phương tiện thì các vị Phạm thiên vương thỉnh pháp Đại thừa. Tuy nhiên, hết thảy pháp của chư Phật đều đồng đẳng như nhau, không nên có sự thưa thỉnh thiên lệch. Chỉ vì kinh luận hiện còn đều nói sơ lược, nên các bậc thầy dựa theo đó mà hiểu thiên lệch. Lại xét theo như đức Phật [Thích-ca Mâu-ni] ngày nay,[1] từ khởi đầu cho đến cuối cùng, chuyển pháp luân [5 thời có] 5 vị giáo pháp,[2] mỗi lần đều là đáp lại sự

[1] Nguyên tác dùng "今佛 - kim Phật" (Phật ngày nay), tức chỉ đức Phật Thích-ca Mâu-ni vào thời điểm thuyết kinh Pháp hoa, vì đang so sánh với Phật quá khứ được nhắc đến là đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

[2] Nguyên tác dùng "具轉五味法輪 - cụ chuyển ngũ vị pháp luân", chỉ việc đức Phật Thích-ca đã thuyết giảng đủ 5 tầng bậc giáo pháp được ví như 5 vị của sữa,

thưa thỉnh của Phạm thiên vương. Đối với đức Phật Đại Thông Trí Thắng hẳn là cũng giống như vậy.

Ban sơ 16 vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân viên mãn,[1] giống như Phật Thích-ca ngày nay thuyết giảng giáo pháp Hoa nghiêm. [Các vị Phạm thiên vương ở] 2 phương đông và đông nam thỉnh Phật chuyển pháp luân [quyền thừa] không viên mãn, giống như Phật Thích-ca ngày nay thuyết giảng giáo nghĩa Tam tạng. Sau đó [các vị Phạm thiên vương ở] 7 phương khác thỉnh Phật chuyển pháp luân chỉ ra pháp không viên mãn để nêu rõ giáo pháp viên mãn,[2] giống như ngày nay Phật Thích-ca thuyết giảng kinh Phương đẳng. [Các vị Phạm thiên vương ở] phương trên thỉnh Phật chuyển pháp luân giữ pháp không viên mãn và giảng rõ pháp viên mãn,[3] giống như ngày nay Phật Thích-ca thuyết giảng pháp Bát-nhã. Sau đó nữa, 16 vị vương tử thỉnh Phật [chuyển pháp luân] bỏ pháp không viên mãn, giảng rõ pháp viên mãn, giống như ngày nay Phật Thích-ca thuyết giảng kinh Pháp hoa là giáo pháp của vị đề hồ. So sánh [các phần giảng pháp của Phật] ngày nay với [Phật Đại Thông Trí Thắng] ngày xưa thì ý nghĩa kinh văn đều tương hợp. Đại lược là như vậy.

---

bao gồm các thời Hoa nghiêm (như vị sữa tươi), thời A-hàm (như vị sữa đặc), thời Phương đẳng (như vị váng sữa sanh tô), thời Bát-nhã (như vị váng sữa thục tô) và cuối cùng là thời Pháp hoa - Niết-bàn (như vị đề hồ).

[1] Nguyên tác dùng "滿教 - mãn giáo", tức giáo pháp viên mãn, tức giáo pháp rốt ráo, không phải pháp quyền thừa. Pháp quyền thừa không rốt ráo, chưa viên mãn, ở đây được gọi là "半教 - bán giáo".

[2] Nguyên tác dùng "對半明滿 - đối bán minh mãn", nghĩa là so sánh chỉ rõ sự khác biệt giữa giáo pháp Tiểu thừa và giáo pháp Đại thừa, cũng thường được giải thích là chê trách pháp Tiểu thừa để làm sáng tỏ pháp Đại thừa.

[3] Nguyên tác là "帶半明滿 - đái bán minh mãn", hàm ý vẫn giữ pháp quyền thừa không viên mãn và tiếp tục giảng rõ về giáo pháp viên mãn. Đây là giai đoạn hành giả trong ba thừa cùng tu học, mỗi hạng căn cơ tu tập theo pháp môn của mình.

KINH VĂN

"Bấy giờ, đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh cầu của các vị Phạm thiên vương trong mười phương cũng như của 16 vị vương tử, liền chuyển pháp luân 3 lần với 12 hành tướng.[1] Nếu là sa-môn, bà-la-môn, hoặc chư thiên, ma, phạm chí cũng như các hạng chúng sanh khác trong thế gian, đều không có khả năng chuyển pháp luân như vậy.

"Đức Phật dạy rằng: 'Đây là khổ; đây là nguyên nhân của khổ; đây là sự chấm dứt khổ; đây là phương thức để chấm dứt khổ.' Đức Phật cũng giảng rộng giáo pháp 12 nhân duyên: 'Vô minh làm duyên sanh ra hành, hành làm duyên sanh ra thức, thức làm duyên sanh ra danh sắc, danh sắc làm duyên sanh ra sáu nhập, sáu nhập làm duyên sanh ra sự xúc chạm, sự xúc chạm làm duyên sanh ra cảm thụ, cảm thụ làm duyên sanh ra luyến ái, luyến ái làm duyên sanh ra chấp thủ, chấp thủ làm duyên sanh ra hiện hữu, hiện hữu làm duyên sanh ra sự sanh, sự sanh làm duyên sanh ra già chết cùng với buồn đau khổ não… Do vậy, nếu vô minh diệt rồi thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì sự xúc chạm diệt, sự xúc chạm diệt thì cảm thụ diệt, cảm thụ diệt thì luyến ái diệt, luyến ái diệt thì chấp thủ diệt, chấp thủ diệt thì hiện hữu diệt, hiện hữu diệt thì sự sanh diệt, sự sanh diệt thì già chết cùng với buồn đau khổ não diệt.'

"Khi đức Phật Đại Thông Trí Thắng thuyết giảng pháp này giữa đại chúng trời, người thì có 600 muôn ức na-do-tha người do không nạp thọ hết thảy các pháp nên tâm được giải thoát đối với các lậu

[1] Nguyên tác là "三轉十二行法輪 - tam chuyển thập nhị hành pháp luân", "thập nhị hành" nói đủ là thập nhị hành tướng (十二行相). "Tam chuyển" là 3 lần chuyển, tức 3 lần chỉ dạy, ở đây là chỉ dạy về 4 chân đế. Lần thứ nhất là "thị chuyển", tức là chỉ dạy cho biết về ý nghĩa của 4 chân đế: đây là khổ v.v...; lần thứ hai là "khuyến chuyển", tức là khuyên bảo, khuyến khích nên thực hành tu tập quán chiếu về 4 chân đế: đây là khổ, nên rõ biết v.v...; lần thứ ba là "chứng chuyển", tức là chứng nghiệm thực sự: đây là khổ, đã chứng biết v.v... Vì mỗi chân đế đều có đủ 3 hành tướng là thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển, nên Phật thuyết dạy đầy đủ 4 chân đế là gồm 12 hành tướng.

hoặc, đều đạt thiền định thâm sâu mầu nhiệm, chứng được ba minh[1] và sáu thần thông,[2] đủ tám môn giải thoát.[3]
"Khi Phật thuyết pháp lần thứ hai, thứ ba, thứ tư, số lượng chúng sanh do không nạp thọ hết thảy các pháp mà tâm được giải thoát đối với các lậu hoặc đã nhiều như số cát của ngàn muôn ức na-do-tha con sông Hằng. Từ đó về sau, chúng Thanh văn của Phật ấy nhiều đến vô lượng vô biên, không thể nêu lên số lượng.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Bấy giờ, đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh cầu... ...mười phương"* trở đi, nói về nguyên do gần của sự kết duyên. Nguyên do là đức Phật nhận lời thỉnh cầu thuyết pháp cho nên sau đó [đại chúng] mới được nghe thuyết giảng, tạo thành việc kết duyên. Tiểu đoạn này chia làm 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất nói việc trước tiên Phật chuyển pháp luân với pháp chưa rốt ráo.[4] Phân đoạn thứ hai nói việc các vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân bỏ pháp không viên mãn, giảng rõ pháp viên mãn.

Phân đoạn thứ nhất lại chia làm 3 ý. Ý thứ nhất là Phật

---

[1] Ba minh (三明 - tam minh), bao gồm túc mệnh minh (宿命明), thiên nhãn minh (天眼明) và lậu tận minh (漏盡明), tức là ba sự sáng suốt rõ biết của bậc giác ngộ.

[2] Sáu thần thông (六通 - lục thông), bao gồm thần túc thông (神足通), thiên nhãn thông (天眼通), thiên nhĩ thông (天耳通), tha tâm thông (他心通), túc mạng thông (宿命通), và lậu tận thông (漏盡通), tức là 6 năng lực siêu nhiên của bậc giác ngộ.

[3] Tám môn giải thoát (八解脫 - bát giải thoát), còn gọi là tám sự buông xả (八背捨 - bát bội xả), là tám phép thiền định giải thoát, bao gồm: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Ở trong sắc giới, quán nội sắc và ngoại sắc, nhằm trừ bỏ tâm ham thích sắc thể; 2. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Không quán nội sắc, quán ngoại sắc, nhận ngoại sắc là ô nhiễm; 3. Tịnh thân tác chứng cụ túc tác giải thoát: Quán tưởng về thanh tịnh nhưng không chấp giữ; 4. Không vô biên xứ giải thoát: Vượt qua sắc thể, quán tưởng rằng hư không là vô biên; 5. Thức vô biên xứ giải thoát: Đạt đến ý niệm thức là vô biên; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát: Đạt địa vị trong tâm không còn gì; 7. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát: Đạt đến mức định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 8. Diệt tận định giải thoát: Đạt mức định Diệt thọ tưởng xứ.

[4] Nguyên tác dùng "半字 - bán tự", lấy ý trong kinh Đại Bát Niết-bàn để chỉ giáo pháp chưa rốt ráo, giáo pháp quyền thừa chưa viên mãn, cho nên cũng đồng nghĩa với "bán mãn" được dùng ở đoạn trước.

chấp nhận lời thỉnh cầu, ý thứ hai là Phật chuyển pháp luân, ý thứ ba là [đại chúng] nghe pháp đạt đạo. Phần này lẽ ra nói đến 3 thừa giống như kinh văn trong phẩm Tựa có nói, nhưng lại không nói, đó là vì hàng hạ căn mà luận về [nguyên do] kết duyên [để đến ngày nay] có những việc khai thị trừ bỏ ba thừa,] hiển bày [Nhất thừa] v.v. Và lược bớt không nói về 6 ba-la-mật.

[Kinh nói] *"chuyển pháp luân 3 lần"* tức là *thị chuyển*, *khuyến chuyển* và *chứng chuyển*. Nếu đem 3 lần chuyển pháp luân so với [4 giai đoạn giáo hóa gồm] *"thị, giáo, lợi, hỷ"*, thì "thị" tức là *thị chuyển*, "giáo" tức là *khuyến chuyển*, "lợi" và "hỷ" tức là *chứng chuyển*; lại cũng tương đương với [các giai đoạn] *kiến đế* (thấy biết chân lý), *tư duy* (suy ngẫm) và *vô học* (không còn phải học).

[Đức Phật] vì hàng Thanh văn mà chuyển pháp luân 3 lần, vì hàng Duyên giác mà chuyển 2 lần, vì hàng Bồ Tát mà chuyển 1 lần. Vì sao lại như vậy? Vì căn tánh nhanh nhạy hoặc trì độn khác nhau, điều này đã nói qua một lần rồi. Đối với [chư thiên] trong 10 phương thì theo lệ xem như đều chuyển pháp luân 3 lần. Vì sao lại 3 lần? Vì lời chư Phật thuyết giảng, hết thảy các pháp đều giảng đến 3 lần, do chúng sanh có 3 loại căn cơ. Trong luận Đại Trí độ và luận Tỳ-bà-sa đều nói như vậy.

Hỏi: Lần đầu tiên [Phật thuyết pháp] vì 5 người, làm sao có thể nói [trong đó có] 3 hạng căn cơ? Lại [khi thuyết pháp] cho 80.000 chư thiên, sao có thể nói [trong đó] không có đủ 3 căn cơ?

Đáp: Vì [giúp cho chúng sanh] khởi sanh tam tuệ[1] nên ba hạng căn cơ vận dụng ba phần giáo pháp.

[Kinh nói] *"12 hành tướng"*, thứ nhất là dựa theo giáo pháp bốn chân đế, thứ hai là dựa theo 16 hành tướng.

[1] Tam tuệ tức là văn tuệ (trí tuệ do nghe pháp), tư tuệ (trí tuệ do suy ngẫm pháp) và tu tuệ (trí tuệ do tu tập, thực hành pháp).

Dựa theo giáo nghĩa thì 12 [hành tướng] nghĩa là [3 lần chuyển pháp luân gồm] thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển, mỗi lần đều thuyết 4 chân đế.

Dựa theo pháp hành thì 12 [hành tướng] nghĩa là 3 lần chuyển pháp luân, mỗi lần đều khởi sanh [4 giai đoạn] nhãn (thấy chân lý), trí (thể chứng chân lý bằng trí tuệ), minh (hiển lộ sáng tỏ chân lý) và giác (thực chứng, giác ngộ chân lý).[1]

Lại nữa, 12 hành tướng nói theo giáo nghĩa là công năng chuyển, nói theo pháp hành là đối tượng được chuyển, cho nên 12 pháp hành là pháp luân, 12 giáo nghĩa chưa phải pháp luân.

Nếu theo nghĩa 2 pháp luân thì nhãn, trí, minh, giác, dựa theo 48 pháp[2] mà mở rộng 4 tâm này thành 16 tâm. Đó là nói khổ pháp nhẫn là *nhãn*, khổ pháp trí là *trí*, so [loại trí] nhẫn là *minh*, so [loại] trí là *giác*.[3] Ngoài ra 3 chân đế [tập, diệt và đạo] cũng đều như vậy. Cho nên thành ra 16 tâm. Ba hạng căn cơ, mỗi hạng đều có 16 tâm, cho nên thành ra 48 hành tướng. [Như vậy] 12 đế là giáo pháp luân, 12 hành là hành pháp luân.

Giáo pháp luân thì có công năng chuyển chỉ một quyền trí, đối tượng được chuyển thì có 12 giáo. Hành pháp luân thì có công năng chuyển 12 giáo, đối tượng được chuyển là hành cũng có 12. Điều này có thể vận dụng với cả 3 hạng

---

[1] Chân lý được đề cập trong 4 giai đoạn "nhãn, trí, minh, giác" này là chỉ 4 chân đế: khổ, tập, diệt, đạo.

[2] 48 pháp, hay 48 trí, tức là dựa theo 4 chân đế để lần lượt quán chiếu 12 nhân duyên, nhờ đó mà khởi sanh 48 trí.

[3] Giải thích về 16 tâm này ở đây có vẻ như dựa vào luận Câu-xá (阿毘達磨俱舍論 - A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận), quyển 23, được kể ra chi tiết bao gồm: 1. Khổ pháp trí nhẫn; 2. Khổ pháp trí; 3. Tập pháp trí nhẫn; 4. Tập pháp trí; 5. Diệt pháp trí nhẫn; 6. Diệt pháp trí; 7. Đạo pháp trí nhẫn; 8. Đạo pháp trí; 9. Khổ loại trí nhẫn; 10. Khổ loại trí; 11. Tập loại trí nhẫn; 12. Tập loại trí; 13. Diệt loại trí nhẫn; 14. Diệt loại trí; 15. Đạo loại trí nhẫn; 16. Đạo loại trí. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 29, số 1558.)

căn cơ, hoặc chỉ nói một hạng. Nay lại nói về giai vị Kiến đế của 3 hạng căn cơ. Hàng lợi căn nghe *thị chuyển* liền lập tức khởi sanh nhãn, trí, minh, giác. Cả ba hạng [đều khởi sanh như thế nên] hợp lại cùng nêu ra, nói là 12 hành.

Kinh nói *"không có khả năng chuyển pháp luân"*, tức là nói những sa-môn không được nghe [pháp], vốn đã không thể hiểu, nói gì đến chuyển; hàng Bích-chi Phật tuy có giác ngộ, nhưng miệng không thể thuyết giảng; hàng bà-la-môn tuy có nghe được tên gọi nhưng không hiểu được lý; cho đến Ma vương, Phạm chí lại cũng như vậy.

Nói *"chuyển"* tức là chuyển được pháp [Tứ đế] này vào tâm người khác, giúp cho họ được giác ngộ và phá trừ 62 kiến chấp, như vậy mới gọi là chuyển pháp luân. Vì không đáp ứng được ý nghĩa này [cho nên nói] Ma vương, Phạm chí... không có khả năng chuyển pháp luân. Lại có người giải thích về Tứ đế của Đại thừa, tiếp theo là chuyển Nhị đế, tiếp theo nữa chuyển Nhất đế và sau nữa chuyển Vô đế. Những cách hiểu này đều là sự linh hoạt tóm gọn hoặc giảng rộng.

Bốn chân đế của Tiểu thừa lấy sanh diệt làm thể, Đại thừa thì dùng vô sanh diệt làm thể. Đại lược là như vậy.

[Kinh nói] 12 nhân duyên, đó là tướng riêng quán xét chi tiết về bốn chân đế. Dựa theo [hai chân đế] khổ và tập liền có từ vô minh cho đến lão tử; dựa theo đạo đế và diệt đế liền có diệt vô minh cho đến diệt lão tử.

Lại như người trong cả ba thừa cũng đều quán 12 duyên; 12 duyên sanh diệt của hàng Nhị thừa là 12 duyên không sanh của hàng Bồ Tát; 12 duyên không sanh [là nghĩa] xưa vốn không sanh, nay không có diệt; nếu là theo nhau sanh ắt lại sanh, lại nối nhau diệt... Đại lược là như vậy.

Lại nữa, cả ba thừa đều luận về bốn chân đế, nhưng bốn chân đế của hàng Nhị thừa có hạn lượng, còn bốn chân đế của hàng Bồ Tát không có hạn lượng.

Lại nữa, 6 ba-la-mật cũng là chung với 3 hạng căn cơ trong ba thừa.

Kinh Đại phẩm Bát-nhã,[1] phẩm Phát thú nói rằng: "A-la-hán, Bích-chi Phật, nhờ nơi 6 ba-la-mật đến được bờ giải thoát." Luận Nhiếp Đại thừa[2] nói rằng: "Người phàm phu với hàng Nhị thừa cũng đều có đủ 6 ba-la-mật, chỉ là không giống như nhau." Nếu vậy thì nên gọi tên giống nhau là ba-la-mật. Tuy nhiên, hàng Nhị thừa thực hành ba-la-mật đạt đến bờ bên kia là Niết-bàn [Tiểu thừa], cũng được gọi là ba-la-mật, nhưng không thể đạt đến bờ bên kia là Phật đạo, nên so với Bồ Tát là khác biệt. Luận A-tỳ-đàm[3] có nói đến 6 sự đầy đủ,[4] đây chính là 6 ba-la-mật. Kinh Bảo Vân[5] nêu rõ giới luật[6] của ba thừa.[7] Đại lược là như thế.

◆ Ý thứ ba là đại chúng nghe pháp được giác ngộ, ban đầu còn ít hơn, đến khoảng giữa thì rất nhiều. Kinh nói *"không thọ"* là không thọ 4 kiến chấp,[8] tức là chứng ngộ sơ

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "Đại Phẩm", ở đây chỉ Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật kinh (摩訶般若波羅蜜經), quyển 6. Phẩm Phát thú (發趣品) là phẩm thứ 20.

[2] Luận Nhiếp Đại thừa (攝大乘論), 2 quyển, Luận sư A-tăng-già, Phật-đà-phiến-đa Hán dịch. Xem Đại Chánh tạng Tập 31, kinh số 1592.

[3] Tức A-tì-đàm bát kiền độ luận (阿毘曇八揵度論), 30 quyển, Luận sư Ca-chiên-diên Tử, Tăng-già-đề-bà và Trúc Phật Niệm Hán dịch. Phần nói đến 6 pháp đầy đủ (lục túc - 六足) nằm trong quyển 24. Xem Đại Chánh tạng, Tập 26, kinh số 1543, trang 887, tờ a, dòng 22.

[4] Chữ ba-la-mật (波羅蜜) hay ba-la-mật-đa (波羅蜜多) vốn phiên âm từ Phạn ngữ pāramitā, thường được dịch nghĩa là "đáo bỉ ngạn" (sang bờ bên kia), nhưng cũng mang nghĩa "trọn vẹn, đầy đủ, hoàn hảo". Do vậy cũng được dịch là "事究竟 - sự cứu cánh" nghĩa là hoàn tất sự việc một cách rốt ráo, mỹ mãn. Anh ngữ dịch chữ này là "perfection", tương đương ý nghĩa này.

[5] Bảo Vân Kinh (寶雲經), 7 quyển, Mạn-đà-la-tiên Hán dịch vào đời Lương, thuộc Đại Chánh tạng, tập 16, kinh số 658.

[6] Nguyên tác dùng "毘尼 - Tì-ni", phiên âm từ chữ Vinaya trong Phạn ngữ, chỉ Luật tạng, cũng đọc là Tỳ-nại-da (毗奈耶).

[7] Về ý nghĩa câu này, Văn Cú Ký giải thích là nêu giới luật để chứng tỏ ba thừa cũng tương thông về "sự", vì ở trên đã chứng minh là tương thông về "lý".

[8] Bốn kiến chấp: ở đây chỉ thân kiến, biên kiến, tà kiến và giới cấm thủ kiến.

quả; *"được giải thoát"* là thoát khỏi 2 sự trói buộc của quả báo trong hiện tại và tương lai,[1] tức là chứng quả vô học; *"đạt thiền định thâm sâu mầu nhiệm"* tức là có đủ 2 pháp định, tuệ đạt đến giải thoát.[2] Đại lược là như vậy.

KINH VĂN

"Bấy giờ, 16 vị vương tử đều xuất gia làm sa-di lúc còn nhỏ tuổi, căn tánh thông minh nhanh nhạy, trí tuệ sáng suốt thấu triệt, đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức các vị Phật, thanh tịnh tu tập Phạm hạnh, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên cùng bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Vô số ngàn muôn ức vị đại đức Thanh văn này đều đã tu tập thành tựu, đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con mà thuyết pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng con được nghe rồi sẽ cùng nhau tu học. Bạch Thế Tôn! Chí nguyện của chúng con đều muốn được sự thấy biết của Như Lai. Đó là tâm niệm sâu thẳm trong lòng chúng con, hẳn Phật đã tự rõ biết."

"Khi ấy, trong số người đi theo Chuyển luân Thánh vương, có 8 muôn ức người thấy 16 vị vương tử xuất gia thì cũng xin được xuất gia. Chuyển luân Thánh vương liền cho phép.

"Bấy giờ, đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhận sự thỉnh cầu của 16 vị sa-di rồi, trải qua đến 20.000 kiếp mới ở giữa 4 chúng mà thuyết kinh Đại thừa này, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm. Phật thuyết giảng kinh này rồi, 16 vị sa-di vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đều thọ nhận giữ gìn, tụng đọc thông suốt.

"Khi Phật thuyết giảng kinh này, 16 vị sa-di đều tin nhận. Trong

---

[1] Nguyên tác dùng "子果 - tử quả", chỉ quả báo của 5 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Do phiền não trong quá khứ mà có quả báo trong hiện tại, do phiền não trong hiện tại mà phải chịu quả báo trong tương lai.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "俱解脫- câu giải thoát", là trường hợp giải thoát khác với "慧解脫 - tuệ giải thoát". Nhờ năng lực của định và tuệ mà dứt trừ hết phiền não, đạt được giải thoát, nên gọi là "câu giải thoát". Trong trường hợp của tuệ giải thoát thì hành giả chỉ vận dụng trí tuệ để đạt đến sự tự tại vô ngại đối với chướng ngại phiền não.

đại chúng Thanh văn cũng có một số người tin hiểu được, còn lại ngàn muôn ức chúng sanh khác đều sanh tâm nghi hoặc. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã thuyết giảng kinh này trong suốt 8.000 kiếp chưa từng ngưng dứt. Thuyết giảng kinh này xong, đức Phật vào một am thất yên tĩnh,[1] trụ trong thiền định đến 84.000 kiếp."

▪ Từ câu *"Bấy giờ, 16 vị vương tử đều xuất gia..."* trở đi là phân đoạn thứ hai, thưa thỉnh Phật lần thứ hai để xin chuyển Pháp luân viên mãn. Phân đoạn này lại có 7 ý. Thứ nhất là nói [16 vương tử] xuất gia, thứ hai nói việc thỉnh chuyển pháp luân, thứ ba nói việc những người đi theo cũng xuất gia, thứ tư nói việc Phật nhận lời thưa thỉnh, thứ năm nói việc trong thính chúng có người hiểu, có người không hiểu, thứ sáu nói về thời gian [thuyết giảng], thứ bảy nói việc Phật thuyết pháp xong liền nhập định.

◆ Ý thứ nhất, kinh văn nói *"căn tánh thông minh nhanh nhạy"* nghĩa là [16 vị vương tử có] 6 căn thanh tịnh, cho nên nói là *"thông minh nhanh nhạy"*. Lại nữa, 6 căn có thể vận dụng hỗ tương với nhau nên nói là *"thông minh"*, thể nhập cảnh giới Phật nên nói là *"nhanh nhạy"*. *"Trí tuệ sáng suốt thấu triệt"*, tức là nói đã được khai mở, chỉ bày, chứng ngộ, thể nhập [tri kiến Phật].

◆ [Ý thứ hai,] đức Phật Đại Thông Trí Thắng ban sơ thuyết pháp viên đốn, các vị vương tử liền được đầy đủ công đức Đại thừa, nhưng vì thương xót mở bày phương tiện [độ sanh] nên thưa thỉnh lần nữa để Phật chỉ bày trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp chân thật. *"Các vị Thanh văn đều đã thành tựu"*, là nêu rõ việc các vị này đã trừ được che chướng, cơ duyên Đại thừa đã động khởi, cho nên mới vì họ thưa thỉnh [Phật thuyết pháp Đại thừa]. *"Chí nguyện của chúng con đều muốn được sự thấy biết của Như Lai."* Vì kinh Pháp hoa này chỉ nêu rõ sự thấy biết

[1] Nguyên tác là "入靜室 - nhập tĩnh thất", chữ tĩnh là yên tĩnh, tĩnh lặng.

của Phật, nên chỉ muốn đạt đến sự thấy biết ấy, tức là phần kinh văn thỉnh Phật nói pháp viên mãn rốt ráo, trừ bỏ pháp quyền thừa không rốt ráo. Ý nghĩa hết sức rõ ràng như vậy.

◆ [Ý thứ ba có thể y theo kinh văn hiểu được.]

◆ [Ý thứ tư, kinh văn nói] *"trải qua đến 20.000 kiếp"*, là nghĩa phần trên nói việc thiết lập ba thừa đã lâu, khoảng thời gian ở giữa đó không thể nói là không có việc gì. Cứ theo ý kinh văn phần sau thì trong 20.000 kiếp đó chắc hẳn là Phật đã thuyết các kinh Phương đẳng, Bát-nhã. Kinh văn [phần kệ tụng] nói: *"Thuyết sáu ba-la-mật, cùng những việc thần thông."* Bát-nhã là hạnh, thần thông là sự. Trong các kinh Phương đẳng phần nhiều nêu rõ những hạnh và sự không thể nghĩ bàn. Trong kinh văn kệ tụng lại cũng nói: *"Phân biệt pháp chân thật."* Đây tức là ý nói về thật tướng Bát-nhã như được nêu trong kinh Đại phẩm Bát-nhã.

◆ Ý thứ năm, kinh văn nói *"16 vị sa-di tin nhận"*, cùng với hàng Nhị thừa, tức là nói những người tin nhận và hiểu được [Đại thừa]. *"Còn lại ngàn muôn ức chúng sanh đều sanh tâm nghi hoặc"*, tức là nói những người không thể nhận hiểu được. Chính những người không hiểu được này đã cùng với 16 vị sa-di thuở ấy kết thành nhân duyên Pháp hoa.

◆ [Ý thứ sáu nói thời gian thuyết giảng, y theo kinh văn có thể hiểu được.]

◆ Ý thứ bảy[1] nêu việc đức Phật Đại Thông Trí Thắng thuyết pháp xong rồi nhập định. Đây chính là nguyên do gần của việc kết duyên [đời trước]. Do Phật nhập định và chưa xuất định nên những người còn nghi hoặc không có

[1] Từ ý thứ nhất đến ý thứ bảy, Văn Cú không có sự phân chia rõ ràng nên trong khi chuyển dịch chúng tôi đã dựa theo nội dung mà thêm vào cho rõ nghĩa.

ai để thưa hỏi, 16 vị sa-di sau đó liền vì những người chưa hiểu mà thuyết giảng lại kinh Pháp hoa.

Trong kinh văn nói về nơi chốn Phật nhập định, tức là *"vào một am thất yên tĩnh"*, nói việc nhập định tức là *"trụ trong thiền định"*, nói thời gian nhập định tức là 84.000 kiếp. Đại lược là như thế.

KINH VĂN

"Bấy giờ, 16 vị Bồ Tát sa-di biết Phật đã vào am thất tịch lặng, an nhiên thiền định, mỗi vị cũng đều vì 4 chúng mà lên pháp tòa phân biệt giảng rộng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong 84.000 kiếp, mỗi vị đều hóa độ chúng sanh nhiều như số cát của 600 muôn ức na-do-tha con sông Hằng, tuần tự chỉ bày, dạy dỗ, khuyến khích sự lợi ích, hoan hỷ thành tựu,[1] khiến cho thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.[2]

"Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua 84.000 kiếp rồi, ra khỏi thiền định, đi đến pháp tòa, ngồi xuống an nhiên điềm đạm nói với đại chúng: 'Mười sáu sa-di này thật rất hiếm có, căn tánh đều thông minh nhanh nhạy, trí tuệ sáng suốt, đã từng cúng dường vô số ngàn muôn ức vị Phật, thường tu tập hạnh thanh tịnh ở nơi đạo tràng chư Phật, thọ nhận giữ gìn trí tuệ Phật, khai mở chỉ bày

[1] Nguyên tác là "示教利喜 - thị giáo lợi hỷ", chỉ 4 giai đoạn tuần tự giáo hóa. Thị là chỉ bày, làm cho thấy biết, nhận hiểu; giáo là dạy dỗ, giảng giải phương pháp tu tập; lợi là nói lúc người tu tập đã đạt được lợi ích lớn lao từ sự tu tập, nên có ý nghĩa khuyến khích tiếp tục chuyên cần; hỷ là nói lúc người tu tập thành tựu nên đạt được niềm vui chân thật, tự chứng nghiệm được chánh pháp. Bốn giai đoạn này cũng được xem là tương đương với "tam chuyển pháp luân" (thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển), bởi vì thị tương đương với thị chuyển, giáo tương đương với khuyến chuyển, lợi và hỷ tương đương với chứng chuyển. Điểm chung của 2 cách hiểu này là đều giải thích việc giáo hóa thành các giai đoạn tuần tự.

[2] Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường được nói ngắn gọn là phát tâm Bồ-đề, vì nói đủ như trong nguyên tác là "發阿耨多羅三藐三菩提心 - phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm". A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là phiên âm từ Phạn ngữ Anuttara-samyak-saṃbodhi, được dịch nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

chúng sanh, khiến cho đều được thể nhập trí tuệ ấy, đại chúng nên thường luôn gần gũi cúng dường các vị này. Vì sao vậy? Nếu trong hàng Thanh văn, Duyên giác hoặc Bồ Tát, người nào có thể tin nhận giáo pháp kinh điển do 16 vị Bồ Tát sa-di này thuyết giảng, thọ nhận giữ gìn không để mất, thì những người ấy đều sẽ đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được trí tuệ của Như Lai.'"

▣ Từ câu *"Bấy giờ, 16 vị Bồ Tát sa-di biết Phật đã vào am thất..."* trở đi là tổng đoạn thứ 2, là nói việc kết duyên. Tổng đoạn này có 2 đoạn. Đoạn thứ nhất nói thuyết pháp kết duyên, đoạn thứ hai nói thí dụ kết duyên.

▪ Đoạn thứ nhất nói việc thuyết pháp lại có 3 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nêu việc thuở xưa đã cùng nhau kết duyên. Tiểu đoạn thứ hai nêu việc trong khoảng thời gian từ đó đến nay vẫn thường gặp lại gặp nhau. Tiểu đoạn thứ ba nói việc ngày nay lại thuyết giảng kinh Pháp hoa.

◆ Tiểu đoạn thứ nhất lại có 4 phân đoạn. Thứ nhất là nêu việc biết Phật nhập định, thứ hai là nêu việc 16 vị Bồ Tát sa-di giảng lại [kinh Pháp hoa], thứ ba là nói việc thính chúng đều được lợi ích, thứ tư là nói việc đức Phật sau khi xuất định ngợi khen tán thán 16 vị Bồ Tát sa-di do Phật nhập định nên có cơ hội thuyết giảng.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng rõ biết việc giáo hóa một lần đã xong, lúc này không còn chúng sanh nào có cơ duyên thành thục nữa, nên để cho 16 vị vương tử cùng những người chưa được hóa độ kết duyên, lại cũng rõ biết là những người này cuối cùng sẽ nhờ các vương tử mà được hóa độ. Do vậy mà đức Phật mới nhập định thời gian lâu không xuất định. Đại lược là như thế.

▪ Từ câu *"Bấy giờ 16 vị Bồ Tát sa-di..."* trở đi là phân đoạn thứ nhất, nêu việc biết rõ Phật đã nhập định. *"Mỗi vị cũng đều vì bốn chúng mà lên pháp tòa nói pháp"*, là phân đoạn thứ hai, nói việc [16 vị Bồ Tát] giảng lại kinh Pháp

hoa. *"Mỗi vị đều hóa độ chúng sanh..."* là phân đoạn thứ ba, nói việc thuyết pháp làm lợi ích. *"Thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"*, cho nên nói rằng được hóa độ. Vào lúc vừa mới phát tâm, nếu lập thệ nguyện chính mình sẽ thành Phật là đã vượt hơn thế gian, tức là nghĩa vượt qua bờ bên kia của 7 hạng phương tiện.

"Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua 84.000 kiếp rồi..." là phân đoạn thứ tư, nói việc đức Phật sau khi xuất định xưng tán [16 vị Bồ Tát thuyết pháp], khuyến khích thính chúng khởi lòng tin. Phân đoạn này lại có 2 ý. Ý thứ nhất là xưng tán các vị Bồ Tát [thuyết pháp]. Ý thứ hai từ câu *"Đại chúng nên thường luôn gần gũi cúng dường..."* là khuyên chúng sanh nên gần gũi thân cận [người thuyết pháp]. Ý thứ hai này lại có 2 tiểu ý. Tiểu ý thứ nhất khuyên chúng sanh nên gần gũi. Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vì sao vậy?"* trở đi, giải thích sự khuyến khích trong tiểu ý thứ nhất.

KINH VĂN

> **Đức Phật Thích-ca bảo các tỳ-kheo: "Mười sáu vị Bồ Tát ấy thường vui thích thuyết giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, mỗi vị đều giáo hóa số chúng sanh nhiều như số cát của 600 muôn ức na-do-tha con sông Hằng, những chúng sanh ấy đời đời sẽ luôn được sanh ra cùng Bồ Tát, theo Bồ Tát nghe thuyết pháp rồi đều tin hiểu. Nhờ nhân duyên đó nên sẽ được gặp 400 muôn ức đức Phật Thế Tôn, đến nay việc ấy vẫn còn chưa dứt.**
>
> **"Này các tỳ-kheo! Nay ta nói cùng các ông, 16 vị sa-di đệ tử của Phật Đại Thông Trí Thắng, đến nay đều đã thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện tại đang thuyết pháp trong các cõi nước mười phương, có vô số trăm ngàn muôn ức Bồ Tát, Thanh văn làm quyến thuộc.**

❖ Từ câu *"Đức Phật Thích-ca bảo các vị tỳ-kheo..."* trở đi là tiểu đoạn thứ hai, nêu việc trong khoảng thời gian từ

đó đến nay [16 vị Bồ Tát và những chúng sanh được nghe các vị thuyết pháp] vẫn thường gặp lại nhau. Chúng sanh thường gặp lại đó có 3 hạng.

Hạng thứ nhất khi thường gặp lại được thọ nhận Đại thừa. Hạng này trong thời gian từ đó đến nay hẳn đều đã thành tựu cả rồi, không còn đến ngày hôm nay. Hạng thứ hai khi gặp lại nhau, [Bồ Tát] thấy họ thối tâm Đại thừa liền dùng pháp Tiểu thừa để dẫn dắt. Hạng này do vậy nên từ đó đến nay vẫn còn chưa hết [gặp gỡ], nay được nghe lại giáo pháp Đại thừa. Hạng thứ ba là những người chỉ gặp Tiểu thừa, không được gặp Đại thừa, cho nên từ đó đến nay chưa được hóa độ. Hạng này đến ngày nay cũng vẫn còn. Những người này ngày nay mới bắt đầu thọ nhận Đại thừa, cho nên đến sau khi Phật diệt độ rồi họ mới đạt đạo.

Hỏi: Như trên đã nói thì [Phật] thụ ký phải qua thời gian lâu xa số kiếp nhiều như số hạt bụi, đến nay mới chứng quả A-la-hán, vậy nên biết rằng đâu dễ gì đạt được vô sanh pháp nhẫn?

Đáp: Có thuyết nói rằng, bậc Đại Thánh khéo léo nương theo 4 pháp tất đàn để thuyết dạy như vậy. Hoặc nói Phật đạo xa xôi dài lâu, hoặc nói quả Phật dễ thành.

Để đối trị người sinh tâm chán nản với việc tu đạo lâu dài thì nói đường tu ngắn. Đối trị với người sanh tâm dể duôi cho rằng việc tu đạo dễ dàng thì nói đường tu phải lâu dài. Hoặc vì giúp phát khởi căn lành từ đời trước, hoặc tùy thuận chỗ mong muốn của người thế gian, hoặc vì có những người được nghe nói đường tu dài, hoặc được nghe nói đường tu ngắn, liền thể nhập vào đệ nhất nghĩa.

Nên biết rằng, tuy Phật đã thụ ký về số kiếp nhưng mãi đến nay mới đạt được quả A-la-hán, đó chính là quyền hành theo 4 tất đàn để dẫn dắt những người thực hành đi vào chánh đạo mà thôi.

❖ Từ câu *"Này các tỳ-kheo! Nay ta nói cùng các ông..."* trở đi là tiểu đoạn thứ ba, nêu việc ngày nay cũng lại thuyết giảng kinh Pháp hoa. Tiểu đoạn này lại chia làm 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nêu những việc tương hợp thuở xưa với ngày nay. Phân đoạn thứ hai nêu việc nay lại thuyết giảng kinh Pháp hoa.

KINH VĂN

"Ở phương đông có 2 vị sa-di thành Phật, một vị hiệu A-súc, ở cõi nước Hoan Hỷ, vị thứ hai hiệu Tu-di Đỉnh.

"Ở phương đông nam có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu Sư Tử Âm, vị thứ hai hiệu Sư Tử Tướng.

"Ở phương nam có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu Hư Không Trụ, vị thứ hai hiệu Thường Diệt.

"Ở phương tây nam có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu Đế Tướng, vị thứ hai hiệu Phạm Tướng.

"Ở phương tây có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu A-di-đà, vị thứ hai hiệu Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não.

"Ở phương tây bắc có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu Đa-ma-la-bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai hiệu Tu-di tướng.

"Ở phương bắc có 2 vị thành Phật, vị thứ nhất hiệu Vân Tự Tại, vị thứ hai hiệu Vân Tự Tại Vương.

"Ở phương đông bắc có một vị thành Phật hiệu Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy.

"Vị sa-di thứ mười sáu chính là ta, Phật Thích-ca Mâu-ni, ở thế giới Ta-bà này thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

"Này các tỳ-kheo! Khi 16 người chúng ta còn làm sa-di, mỗi người đều đã giáo hóa chúng sanh nhiều như số cát của vô số trăm ngàn muôn ức con sông Hằng. Những chúng sanh ấy đều theo chúng ta nghe thuyết pháp vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đến nay có những người đang ở địa vị Thanh văn, vẫn thường được ta giáo hóa bằng pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người này nên dùng pháp như thế để dần dần từng bước thể nhập Phật đạo. Vì sao vậy? Vì trí tuệ của Như Lai thật khó tin, khó hiểu.

"Những chúng sanh nhiều như số cát của vô số con sông Hằng được

ta giáo hóa từ thuở ấy, chính là chúng tỳ-kheo các ông ngày nay, cùng với các đệ tử Thanh văn trong đời vị lai sau khi ta nhập diệt. "Sau khi ta nhập diệt, lại có những đệ tử không được nghe kinh này, không hay không biết gì đến những công hạnh của hàng Bồ Tát. Những người ấy do nơi công đức đã đạt được mà tự sanh khởi ý tưởng cho rằng mình đã được diệt độ, sẽ nhập Niết-bàn. Khi ấy, ta làm Phật ở cõi nước ngoài ba cõi,[1] lại có danh hiệu khác. Những người ấy tuy khởi sanh ý tưởng diệt độ, đã nhập Niết-bàn Tiểu thừa, nhưng lại ở cõi nước ngoài ba cõi ấy cầu trí tuệ Phật, được nghe kinh này, liền biết rằng chỉ duy nhất Phật thừa mới được diệt độ, ngoài ra không có thừa nào khác, trừ ra trong pháp phương tiện mà các đức Như Lai thuyết giảng.

▪ Phân đoạn thứ nhất lại có 2 ý. Ý thứ nhất nêu mối liên kết giữa [16 vị] thầy thuở xưa và thành tựu hiện nay của các vị. Ý thứ hai nêu sự tương hợp giữa chúng đệ tử thuở xưa cũng chính là chúng đệ tử ngày nay.

◆ [Ý thứ nhất nêu rõ] 16 vị sa-di thuở xưa ngày nay là chư Phật trong 8 phương.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Này các tỳ-kheo! Khi 16 người chúng ta còn làm sa-di, mỗi người đều đã..."* trở đi, nêu sự tương hợp của chúng đệ tử, lại có 2 tiểu ý. Tiểu ý thứ nhất nói về chúng đệ tử hiện tại, tiểu ý thứ hai nêu việc tương lai.

✦ Tiểu ý thứ nhất nói việc hiện tại lại có 4 điều. Thứ nhất là nói những người không thối chuyển, tức trụ yên [tu tập] Chánh giác. Thứ hai là nói trong số chúng sanh này có những người thối chuyển [tâm Bồ-đề] thì nay trụ ở hàng Thanh văn. Thứ ba, từ câu *"Vì sao vậy?"* trở đi, giải thích ý trụ yên hay thối chuyển. Thứ tư, từ câu *"Những chúng sanh*

[1] Nguyên tác là "我於餘國作佛 - ngã ư dư quốc tác Phật". Chữ "dư quốc" không chỉ "nước khác", mà chỉ đến cảnh giới nằm ngoài ba cõi. Các vị Thanh văn khi chứng đắc Niết-bàn của Tiểu thừa thì đạt đến vô sanh, không còn tái sanh trong ba cõi. Do vậy, để giáo hóa những vị này đạt đến giác ngộ viên mãn, tức là thành tựu quả Phật, đức Phật thị hiện làm Phật ở cảnh giới nằm ngoài ba cõi (Dục, Sắc và Vô sắc) để thuyết giảng kinh Pháp hoa này cho những vị đã nhập Niết-bàn Tiểu thừa.

nhiều như số cát của vô số con sông Hằng được ta giáo hóa…" trở đi là tóm kết lại mối liên hệ giữa thuở xưa và ngày nay.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Cùng với các đệ tử Thanh văn trong đời vị lai sau khi ta nhập diệt…"* trở đi, nói về các đệ tử trong tương lai. Tiểu ý này lại có 2 điều. Thứ nhất là nói việc tương hợp [với chúng đệ tử thuở xưa]. Thứ hai, từ câu *"sau khi ta nhập diệt, lại có…"* là giải thích chỗ nghi.

Có người nghi ngờ rằng, những người trong hiện tại nghe Phật thuyết kinh Pháp hoa, được thể nhập đạo Nhất thừa, có thể nói là đã được kết duyên, còn những người trong tương lai, chưa được nghe kinh Pháp hoa mà đã nhập Niết-bàn [của Nhị thừa] rồi, làm sao có thể buông xả Tiểu thừa mà thể nhập Nhất thừa?

Giải thích rằng, [những người ấy] tuy đã nhập Niết-bàn [của Nhị thừa], nhưng cuối cùng rồi cũng được nghe [kinh Pháp hoa]. Kinh nói: *"Ta làm Phật ở cõi nước ngoài ba cõi…" [cho đến] "những người ấy… được nghe kinh này." "Cõi nước ngoài ba cõi"*[1] tức là cõi hữu dư của ba thừa Thông giáo. *"Trừ ra trong pháp phương tiện mà các đức Như Lai thuyết giảng"*, đây là [giải thích để] dứt lòng nghi. Ba thừa chỉ là [chư Phật] phương tiện nói ra, chân thật vốn không có ba.

KINH VĂN

> **"Này các tỳ-kheo! Nếu đức Như Lai tự biết đã đến lúc nhập Niết-bàn, đại chúng lại thanh tịnh, có sự tin hiểu vững chắc, rõ biết thấu triệt pháp không, thể nhập sâu vào thiền định, ngài liền triệu tập các vị Bồ Tát và chúng Thanh văn để thuyết giảng kinh này, nói rõ**

[1] Nguyên tác dùng "餘國 - dư quốc", trong quyển 4, Văn Cú đã có giải thích rõ, là nơi vị A-la-hán hiện hữu sau khi nhập Niết-bàn của Tiểu thừa vì không còn tái sanh trong ba cõi. Ở đây nói cõi hữu dư tức là chỉ Phương tiện hữu dư độ (方便有餘土), nơi các vị A-la-hán, Bồ Tát dưới Thập địa… đã dứt trừ thông hoặc nhưng vẫn còn vô minh hoặc.

trong thế gian không có hai thừa được diệt độ, chỉ duy nhất một Phật thừa đạt được diệt độ mà thôi.
"Các tỳ-kheo nên biết! Đức Như Lai dùng phương tiện thể nhập sâu vào tâm tánh của chúng sanh, rõ biết tâm chí họ ưa thích pháp Tiểu thừa, bám chấp sâu nặng năm món dục,[1] nên vì những người này mà thuyết dạy Niết-bàn Tiểu thừa. Những người ấy nếu được nghe liền tin nhận.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Này các tỳ-kheo! Nếu đức Như Lai..."* trở đi, nêu việc ngày nay lại thuyết giảng kinh Pháp hoa. Phân đoạn này lại có 3 ý. Thứ nhất là nói thời điểm đại chúng thanh tịnh; thứ hai là nêu việc thuyết giảng kinh Pháp hoa; thứ ba là giải thích ý nghĩa trước đây thiết lập ba thừa.

✦ [Ý thứ nhất,] *"đến lúc nhập Niết-bàn"*, là nói chư Phật ra đời giáo hóa chánh đạo, lúc sắp hoàn tất đều thuyết giảng kinh này, như Phật Ca-diếp, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh v.v. Khi chư Phật thuyết giảng kinh này xong liền nhập Niết-bàn. Đức Phật Thích-ca thuyết giảng kinh Pháp hoa xong, cũng noi theo đó mà tuyên bố sắp nhập Niết-bàn.

"Đại chúng lại thanh tịnh", tức là nói về đoạn đức. *"Sự tin hiểu vững chắc"*, tin là nói 4 niềm tin không thể phá hoại;[2] hiểu tức là hiểu biết chân chánh pháp vô lậu, thấu triệt rõ ràng các chân đế, đầy đủ các pháp thiền định. Đây tức là thiết lập đủ trí đức và đoạn đức. Lúc bấy giờ đủ sức nhận lãnh lời dạy về đạo Đại thừa, được nghe rồi liền tin nhận.

---

[1] Năm món dục: chỉ 5 sự ham muốn đối với hình sắc (sắc dục), đối với âm thanh (thanh dục), đối với mùi hương (hương dục), đối với vị nếm (vị dục) và đối với sự xúc chạm (xúc dục).

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "四不壞信 - tứ bất hoại tín", tức là chỉ 4 niềm tin không ai có thể phá hoại, bao gồm: tin vào Phật, tin vào Pháp, tin vào Tăng và tin vào Giới luật.

Lại nữa, nói *"đại chúng lại thanh tịnh"* là nghĩa được sự lợi ích từ giáo pháp Tam tạng, đã miễn trừ được các khổ nạn; *"sự tin hiểu kiên cố"* là nghĩa trong lòng đã có sự tin cậy đối với giáo pháp Phương đẳng; *"rõ biết thấu triệt pháp không"*, là nghe thuyết giảng giáo pháp Bát-nhã nên ở trong pháp không tâm được thấu triệt. Đây tức là ý nghĩa chuyển đổi giáo pháp.

◆ Ý thứ hai từ câu *"liền triệu tập các vị Bồ Tát..."*, nêu việc thuyết giảng kinh Pháp hoa. *"Triệu tập các vị Bồ Tát"* là tụ hội những người trong thân tộc..., tức là để thuyết giảng kinh này. Phần trước có giải thích *"thân tộc"* là các vị pháp thân đại sĩ, là thuộc chúng ảnh hưởng,[1] dùng đoạn kinh văn này để suy nghiệm ý nghĩa đó thì rất sáng tỏ. [So với thí dụ trong phẩm Tin hiểu thì] *"triệu tập các vị Bồ Tát"* là *"tụ hội thân tộc"*, *"và chúng Thanh văn"* tức là *"gọi người con đến"*.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Các tỳ-kheo nên biết! Đức Như Lai dùng phương tiện..."* trở đi là giải thích ý nghĩa thiết lập ba thừa. Nếu như ở thế gian không có hai thừa đều được diệt độ thì vì sao đức Như Lai trước đây thuyết dạy giáo pháp quyền biến? Giải thích rằng, nên biết đó là phương tiện của đức Như Lai, vì rõ biết sâu xa chúng sanh có sự ưa thích pháp Tiểu thừa, bám chấp 5 trần cảnh, chìm đắm trong 5 sự uế trược, cho nên trước đây thuyết dạy ba thừa để giúp cho chúng sanh phá sự mê đắm, trừ các khổ nạn, sau đó mới thuyết dạy Nhất thừa.

KINH VĂN

"Ví như có con đường nhiều nguy hiểm, dài năm trăm do-tuần, hoang vắng không người, thật rất đáng sợ. Có rất nhiều người

[1] Xem lại trong quyển 1, đã có giải thích về bốn chúng trong Pháp hội Pháp hoa, bao gồm: chúng phát khởi, chúng đương cơ, chúng ảnh hưởng và chúng kết duyên.

muốn vượt qua con đường ấy để đến nơi có nhiều châu báu quý giá. Có một vị thầy dẫn đường thông minh sáng suốt, biết rõ trên con đường nguy hiểm này có những chỗ nào thông suốt, những chỗ nào tắt nghẽn, hướng dẫn mọi người vượt qua con đường khó khăn này.

"Những người được dẫn đi ấy, đến giữa đường thì nản lòng, thưa với vị thầy: 'Chúng tôi mệt mỏi quá rồi, lại thêm sợ hãi, không thể nào đi tiếp được nữa. Đường phía trước vẫn còn xa, nay chúng tôi muốn quay lại.'

"Vị thầy dẫn đường vốn có nhiều phương tiện, nghĩ rằng: 'Những người này thật đáng thương, vì sao lại từ bỏ châu báu quý giá mà muốn quay trở lại?' Nghĩ như vậy rồi liền dùng sức phương tiện biến hóa ra một tòa thành ở khoảng giữa con đường nguy hiểm đó, cách đầu đường 300 do-tuần, rồi nói với mọi người: 'Các người đừng sợ hãi, đừng quay trở lại. Nay có tòa thành lớn kia, có thể nghỉ ngơi trong đó, tùy ý muốn làm gì cũng được. Nếu vào thành ấy sẽ được vui thích an ổn, rồi nếu muốn đi tiếp đến chỗ có châu báu thì cũng có thể rời đi.'

"Bấy giờ, những người mệt mỏi kia hết sức vui mừng, ngợi khen là chưa từng có: 'Chúng ta nay đã thoát khỏi con đường nguy hiểm này, được vui thích an ổn.'

"Liền đó mọi người đi tới để vào tòa thành biến hóa, khởi sanh ý tưởng rằng mình đã qua hết con đường, rằng đã được an ổn.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Ví như có con đường nhiều nguy hiểm, dài năm trăm do-tuần..."* là nêu ra thí dụ. [Đoạn này có 2 tiểu đoạn.] Tiểu đoạn thứ nhất nêu thí dụ, tiểu đoạn thứ hai nói nghĩa tương hợp của thí dụ.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nêu thí dụ lại chia làm 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất nêu thí dụ có bậc thầy dẫn đường, đây là ví với phần trước nói việc [16 vị sa-di] giảng lại kinh [Pháp hoa] kết duyên Đại thừa [với đại chúng], tức là dựa theo phần lược tụng trong phẩm Phương tiện và thí dụ tổng quát về ngôi nhà đang bốc cháy [trong phẩm Thí dụ].

▪ Phân đoạn thứ hai nêu thí dụ vị thầy sẽ dẫn đường, đây là ví với phần trước nói trong khoảng thời gian từ thuở xưa đến nay [16 vị Bồ Tát thuyết giảng kinh và thính chúng] vẫn thường gặp lại nhau, cho đến ngày nay lại thuyết giảng kinh Pháp hoa. Nếu là những người trong khoảng thời gian ở giữa đó gặp lại thầy, nghe thuyết pháp đều là vì cầu quả Chánh giác, thì không vì những người ấy mà nêu thí dụ. Nếu là những người trong khoảng thời gian ở giữa đó gặp lại mà *"nay có những người đang ở địa vị Thanh văn"* thì chính là vì những người này mới nêu ra thí dụ thứ hai, tức là dựa theo phần kệ tụng mở rộng trong phẩm Phương tiện và thí dụ cụ thể về ngôi nhà đang bốc cháy [trong phẩm Thí dụ].

▪ Phân đoạn thứ nhất nêu thí dụ bậc thầy dẫn đường lại có 5 ý, tức là dựa theo 6 ý trong thí dụ tổng quát về ngôi nhà đang bốc cháy [trong phẩm Thí dụ] và phần lược tụng trong phẩm Phương tiện.

◆ Ý thứ nhất nêu thí dụ *"con đường dài năm trăm do-tuần"* là ví với phần trước nói về đại chúng chưa được hóa độ, ưa thích đắm chấp trong các cảnh giới luân hồi, tức là dựa theo thí dụ tổng quát nói căn nhà rộng lớn đang bốc cháy [trong phẩm Thí dụ], ví như ba cõi không được an ổn, là ý trong phẩm Phương tiện nêu sự an ổn để đối lại với không an ổn.

◆ Ý thứ hai nêu thí dụ về *"con đường nhiều nguy hiểm... rất đáng sợ"* là ví với phần trước nói về đại chúng chưa được hóa độ, phiền não uế nhiễm sâu nặng, đối với trí tuệ của đức Như Lai rất khó tin nhận, rất khó hiểu được, tức là dựa theo thí dụ lửa bốc lên bên trong căn nhà đang cháy [trong phẩm Thí dụ] và trong phẩm Phương tiện nói pháp an ổn để đối lại với sự không an ổn.

◆ Ý thứ ba nêu thí dụ *"có rất đông người"* là ví với phần

trước nói có trăm ngàn muôn ức loài chúng sanh đều sanh tâm nghi ngờ hoặc không hiểu được, tức là dựa theo thí dụ trong căn nhà đang bốc cháy có 30 đứa con và 500 người [trong phẩm Thí dụ] và trong phẩm Phương tiện nói [Như Lai] rõ biết chỗ tham muốn trong tâm tánh của chúng sanh.

◆ Ý thứ tư nêu thí dụ *"muốn vượt qua con đường ấy để đến nơi có nhiều châu báu quý giá"*. Các nhà cựu giải không xem đây là một thí dụ riêng, nhưng nay cho rằng thí dụ này là ví với phần trước nói việc [16 vị sa-di] giảng lại kinh Pháp hoa, tức là dựa theo phẩm Thí dụ Cỏ thuốc nói nước mưa chỉ có một vị, thí dụ căn nhà đang bốc cháy chỉ có duy nhất một cửa thoát ra [trong phẩm Thí dụ] và phẩm Phương tiện nói ý tuyên giảng chỉ bày Phật đạo.

◆ Ý thứ năm nêu thí dụ *"có một vị thầy dẫn đường"*, ví với phần trước nói về vị vương tử thứ 16, tức là như trong phẩm Thí dụ Cỏ thuốc nói đến vầng mây đen dày, như thí dụ ông trưởng giả với căn nhà đang bốc cháy [trong phẩm Thí dụ] và phẩm Phương tiện nói ý *"đức Như Lai cũng giống như vậy"*.

Hỏi: Trong các thí dụ ở phần này, vì sao không có những ý như *"cha con thất lạc nhau"* [trong phẩm Tin hiểu], hoặc *"ông trưởng giả không hề nói dối"* [trong phẩm Thí dụ]?

Đáp: Thông thường việc nêu ra các thí dụ đều có khuynh hướng thuận theo ý nghĩa. Các phần trước lấy nghĩa tùy cơ ứng cảm hoặc có hoặc không, cho nên nói thí dụ *"cha con thất lạc nhau"*, rồi *"cha con gặp lại nhau"*. Nếu lấy nghĩa cảm ứng tức thời theo cơ duyên thì mới nói thí dụ *"hốt hoảng vào căn nhà đang cháy"*. Trong phần này nói thí dụ *"[vị thầy dẫn đường] hướng dẫn mọi người"*, ứng với nghĩa *"đời đời thường gặp nhau"* trong kinh văn phần trước, làm sao có thể nói nghĩa *"thất lạc nhau"*; [kinh văn nói] trước đây đã từng kết duyên từ rất lâu, làm sao có thể nói nghĩa

"cảm ứng tức thời"? Vì những nghĩa này nên không nêu ra thí dụ [tương ứng với những nghĩa] như *"cha con thất lạc nhau"* hoặc *"hốt hoảng vào nhà đang cháy"*, như vậy thì ý nghĩa mới thông suốt.

Hỏi: Vì sao không nêu ra thí dụ [ứng với nghĩa] *"không hư dối"*?

Đáp: Từ trước đến đây đã có 22 lần nói việc trừ bỏ pháp quyền thừa, hiển bày pháp chân thật,[1] nên ý nghĩa này đã rất rõ ràng. Nói nghĩa *"không hư dối"* vốn là muốn khuyến khích niềm tin, niềm tin hạ căn không lâu dài nên không cần [nêu ví dụ này].

◆ Về ý thứ nhất *"con đường dài 500 do-tuần"*, Cơ sư giải thích rằng, phiền não kết sử trong ba cõi là số 300, [cộng với] những tập khí hàng Bồ Tát Thất địa dứt trừ được thành 400, [cộng với] sự vô minh mà hàng Bồ Tát Bát địa trở lên phá trừ được là 500. Nay cho rằng giải thích như vậy chẳng phải nghĩa theo Biệt giáo, cũng chẳng phải nghĩa theo ba thừa Thông giáo. Lại có người nói rằng: Trong 4 loại sanh tử là *sanh tử nổi trôi, sanh tử biến dịch, sanh tử trung gian*, *sanh tử phần đoạn*,[2] chỉ tính 3 loại

[1] Từ trước đến đây đã 22 lần đề cập đến khai quyền hiển thật. Văn Cú Ký giải thích rằng, trong phẩm Tựa, phần nói về ngũ Phật có 5 lần trong văn trường hàng, 5 lần trong kệ tụng, cộng là 10 lần; phẩm Thí dụ có khai thí, hợp thí đề cập đến 2 lần, cũng có trường hàng và kệ tụng, thành 4 lần; phẩm Tin hiểu trình bày lại ý nghĩa khai hợp ở trước, cũng có trường hàng và kệ tụng, thành ra 4 lần; phẩm Thí dụ Cỏ thuốc cũng có khai thí, hợp thí đề cập đến 2 lần, cũng có trường hàng và kệ tụng, thành 4 lần. Như vậy tổng cộng là 22 lần nói về khai quyền hiển thật.

[2] Ở đây có lẽ căn cứ vào Thắng Man bảo quật (勝鬘寶窟), quyển 2, đề cập đến 4 loại sanh tử này là: lưu lai sanh tử (流來生死), phần đoạn sanh tử (分段生死), trung gian sanh tử (中間生死), biến dịch sanh tử (變易生死). Lưu lai sanh tử (sanh tử nổi trôi) cũng được gọi là lưu nhập sanh tử, chỉ chúng sanh từ trạng thái ban sơ khởi lên một niệm mà rơi vào nổi trôi trong sanh tử. Chúng sanh từ hàng Bồ Tát lục địa trở xuống đều chịu sanh tử theo cách sanh ra rồi chết đi, bỏ thân này thọ sanh thân khác, gọi là sanh tử phần đoạn. Hàng Bồ Tát từ thất địa trở lên có thân quả báo nhiệm mầu vượt ngoài ba cõi nên không còn sanh tử phần đoạn, nhưng vẫn chưa giải thoát viên mãn nên còn chịu sanh tử biến dịch. Hàng Nhị thừa đạt

mở rộng ra thành số 500, không tính đến *sanh tử nổi trôi*. Vì sanh tử nổi trôi là dạng thức sơ khai của mọi chúng sanh có tình thức, trở ngược về nguồn cội ban đầu cho nên không tính đến.

Có người chất vấn điều này, dẫn kinh Thắng Man nói rằng: *"Nhân có 5, quả có 2."* Quả có 2 là nói quả sanh tử phần đoạn và sanh tử biến dịch. Nhân có 5 là nói 5 trụ địa phiền não.[1] Nói về quả đã đặc biệt mở rộng thêm [2 loại] sanh tử nổi trôi với sanh tử trung gian, vậy nói về nhân lẽ ra cũng nên mở rộng nhiều hơn 5 trụ địa phiền não. [Lập luận này] không có căn cứ nên không thể vận dụng.

Luận Đại Trí độ nói rõ Bồ Tát nhục thân là sanh tử phần đoạn, Bồ Tát pháp thân là sanh tử biến dịch. Lại nói rằng, vị A-la-hán xả bỏ báo thân trong 3 cõi thì thọ thân pháp tánh, cho nên biết là sanh tử có 2 loại.

Có người nói rằng, 300 do-tuần là ví cho 3 cõi, 400 do-tuần ví cho [hàng Bồ Tát] thất địa, như 2 cõi nước ở khoảng giữa khó vượt qua, 500 do-tuần ví cho hàng Bồ Tát bát địa trở lên. Những người chất vấn lập luận này thì nói: "Nếu 400 do-tuần ví cho hàng Bồ Tát thất địa thì lẽ ra 300 do-tuần phải ví cho hàng Bồ Tát lục địa, vì Bồ Tát lục địa với hàng Nhị thừa công phu tu tập như nhau." Hàng Nhị thừa tu tập lâu dài nhất cũng chỉ đến 60 kiếp, hoặc 100 kiếp, trong khi Bồ Tát tu tập đến giai vị lục địa là 22 đại tăng-kỳ kiếp. Hàng Nhị thừa đối với con đường tu tập Phật đạo còn loanh quanh qua lại, công phu không thể ngang bằng

---

quả vô học, do nghiệp báo đã dứt không còn tái sanh trong ba cõi nên đi vào sanh tử trung gian, được nghe kinh Pháp hoa... chuyển thành Bồ Tát rồi tiếp tục tu tập đến giải thoát viên mãn. (ĐCT, 37, 1744, tr.49b, d.10-12.)

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "五住 - ngũ trụ", tức "五住地惑 - ngũ trụ địa hoặc" hay 5 trụ địa phiền não, bao gồm: Kiến nhất xứ trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa và Vô minh trụ địa. Vì là gốc sanh ra phiền não nên gọi là trụ địa. Do nhân của 5 trụ địa phiền não này mà có 2 quả là sanh tử phần đoạn và sanh tử biến dịch.

[với hàng Bồ Tát]. Nay cho rằng đây không phải nghĩa của Biệt giáo, cũng không phải nghĩa theo Thông giáo.

Có người nói rằng: "[Vượt qua] ba cõi là 300 do-tuần, hàng Bồ Tát thất trụ và Nhị thừa là 400 do-tuần, từ hàng Bồ Tát thất trụ trở lên là 500 do-tuần." Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: "Từ sơ quả phải trải qua 80.000 kiếp mới đạt đến tâm Bồ-đề." Ba hạng căn cơ[1] đạt đến chỗ này liền trình bày nhận hiểu; 5 hạng hành giả[2] đến nơi này gọi là vượt qua 500 do-tuần. [Kinh văn] ở đây lấy theo người trì độn, chậm chạp nhất mà nói, cho nên phải đến 80.000 kiếp; người nhanh nhạy thì không cần đến thời gian quá lâu như vậy, như những trường hợp chứng đắc 4 thánh quả vào thời Phật tại thế. Nếu những người khi được nghe kinh Pháp hoa đều phát tâm [Bồ-đề] thì đâu cần phải đến 80.000 kiếp.

Có người chất vấn rằng, kinh nói vượt qua 300 do-tuần, thiết lập [hóa thành là] địa vị của Nhị thừa, đâu phải là hóa độ cho cả 3 hạng căn cơ? Nếu 5 hạng hành giả cùng phát tâm Bồ-đề thì gọi là vượt qua 500 do-tuần.

Chỗ này cùng một ý nghĩa với kinh Đại Bát Niết-bàn. Nói rằng 5 hạng hành giả cùng phát tâm là lìa 5 quả vị, đó không phải ý kinh ở chỗ này. Ý kinh ở đây nêu rõ ở khoảng 300 do-tuần lập hóa thành là pháp quyền thừa hóa độ; vượt 500 do-tuần đến nơi có nhiều châu báu quý giá, gọi là chân thật hóa độ, từ bỏ hóa thành tiến đến nơi có nhiều châu báu. Nếu nói 5 hạng hành giả đều vượt qua, đều tiến đến, thì đó là không hiểu được ý nghĩa của thí dụ hóa thành.

Có người nói rằng: Ba cõi là trong vòng 300 do-tuần; hàng Thanh văn là đến 400 do-tuần; quả vị Duyên giác

[1] Trong phần này, Nguyên tác Văn Cú dùng "三人 - tam nhân" để chỉ 3 hạng căn cơ là hạ căn, trung căn và thượng căn.

[2] Nguyên tác dùng "五人 - ngũ nhân" để chỉ hành giả đã đạt đến các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi Phật.

là vượt qua 500 do-tuần. Phàm phu bị che chướng trong ba cõi; hàng Nhị thừa bị che chướng bởi Niết-bàn, đều chưa dứt được hai kiến chấp: chấp có và chấp không. Kinh Hoa nghiêm nói: "Cây thuốc không sanh nơi chỗ nước sâu hoặc hầm lửa." Hầm lửa tức là 3 cõi, nước sâu là chỉ Nhị thừa. Ba cõi là lao ngục của Nhị thừa, Nhị thừa là lao ngục của Bồ Tát. Hơn nữa, phúc đức và trí tuệ nếu nghiêng về một bên[1] thì không thể tự mình thực hành, không thể giáo hóa người khác. Đại phẩm [Bát-nhã] nêu 400 do-tuần, hợp với Nhị thừa là 100 do-tuần, Pháp hoa khai mở thành 500 do-tuần. Đại phẩm nói Bồ Tát vượt qua cả hai giai vị phàm thánh, chưa nêu Nhị thừa là pháp quyền, không có ý nghĩa hóa thành. Đã chưa luận về *"hóa thành"* hẳn cũng chưa nêu *"bảo sở"*.

Đáp rằng, Đại phẩm [Bát-nhã] hiển bày pháp chân thật, cho nên đã biện rõ *"bảo sở"*, chỉ vì chưa trừ bỏ pháp quyền nên chẳng nêu *"hóa thành"*.

Kinh văn phần sau nói, vì muốn tạo ra chỗ tạm dừng nghỉ cho nên nói có 2 loại Niết-bàn. Đây là khiến cho vượt qua 300 do-tuần. Lại nói "chỗ an trụ của các ông đã gần đến được trí tuệ Phật", là khiến vượt ra khỏi 200 do-tuần nữa. Kinh văn rất rõ ràng, không phải nhọc công nghi hoặc.

Lại cũng nêu rõ Nhị thừa có 6 nghĩa tương đồng và 10 nghĩa khác biệt.[2] [Sáu nghĩa tương đồng là:]

- Thứ nhất, đồng thoát ra ngoài ba cõi;

- Thứ hai, đồng chứng tận [trí] và vô sanh [trí];

- Thứ ba, đồng dứt hết phiền não;

- Thứ tư, đồng chứng đạt Niết-bàn hữu dư, vô dư;

---

[1] Nguyên tác Văn Cú nói "福智二邊 - phúc trí nhị biên" (hai bên phúc trí), chỉ việc nghiêng hẳn về một trong hai bên, phúc hoặc trí.

[2] Các nghĩa tương đồng và khác biệt ở đây là so sánh trong hàng Nhị thừa, tức là giữa Thanh văn và Duyên giác.

- Thứ năm, đồng đạt nhất thiết trí;[1]
- Thứ sáu, đồng một danh xưng là Tiểu thừa.
- Do những tương đồng như trên nên hợp làm một hóa thành.

Nghĩa khác biệt mở ra có 10 nghĩa:

- Thứ nhất, tu hành gieo nhân đã lâu xa hoặc gần đây, như 60 kiếp hoặc 100 kiếp.
- Thứ hai, [Duyên giác] căn cơ nhanh nhạy, [Thanh văn] căn cơ trì độn hơn.
- Thứ ba, [Thanh văn] theo thầy được khai ngộ, [Duyên giác] riêng mình tự ngộ.
- Thứ tư, đều không còn lo buồn nhưng [Duyên giác như] xe hươu, [Thanh văn như] xe dê.
- Thứ năm, [Duyên giác duyên nơi] hình tướng [mà đạt ngộ], [Thanh văn duyên nơi giáo pháp được nghe mà đạt ngộ,] không nhờ duyên nơi hình tướng.
- Thứ sáu, [Thanh văn] quán lược [bốn chân đế], Duyên giác quán rộng [12 nhân duyên].
- Thứ bảy, [Thanh văn] có thể thuyết pháp [giúp người khác] chứng bốn quả thánh, [Duyên giác thậm chí] không thể thuyết pháp [giúp người khác] đạt noãn pháp.[2]
- Thứ tám, [Thanh văn] gặp Phật ra đời, [Duyên giác] không gặp Phật ra đời.

---

[1] Theo cách dùng ở đây, cần phân biệt nhất thiết trí (一切智) của hàng Nhị thừa với nhất thiết chủng trí (一切種智) là trí tuệ của chư Phật. Trong nhiều trường hợp khác, nhất thiết trí cũng được dùng giống như nhất thiết chủng trí để chỉ trí tuệ Phật.

[2] Noãn pháp (煖法) hay noãn vị (煖位), là giai vị đầu tiên của tứ thiện căn. So sánh này chỉ ra rằng vị Thanh văn nghe pháp chứng ngộ nên cũng có khả năng thuyết pháp cho người khác, trong khi đó vị Duyên giác tự mình chứng ngộ nên không có khả năng thuyết pháp giúp người khác chứng ngộ, dù chỉ là đạt giai vị đầu tiên.

- Thứ chín, [Duyên giác] tu chứng nhanh chóng tức thời, [Thanh văn] tu chứng chậm chạp dần dần.
- Thứ mười, [Duyên giác] phần nhiều hiển lộ thần thông, ít thuyết pháp; Thanh văn không nhất định.

Trong thí dụ căn nhà đang cháy nêu 3 loại xe, nay trong thí dụ này là 200 do-tuần.[1] Ba hạng căn cơ đều ở trong căn nhà [ba cõi] bị lửa thiêu đốt. Ba hạng căn cơ đều mong cầu ra khỏi nên ví với 3 loại xe. Đối với con đường thành Phật xa xôi lâu dài thì cảnh giới Nhị thừa là đường xấu ác, cho nên nói còn 200 do-tuần cần phải lìa khỏi vượt qua. Phật thừa không phải là chướng ngại, cho nên chỉ nêu 200 do-tuần [này thôi].

[**Hỏi:**] Vì sao đối với phàm phu nói trừ bỏ ba, [ví như 300 do-tuần], đối với bậc thánh [Nhị thừa] nói trừ bỏ hai, [ví như 200 do-tuần]?

[**Đáp:**] Đây là cách nói để dẫn dắt sách tấn mà thôi. Chúng sanh được hóa độ [lên hàng Nhị thừa] còn ít, chúng sanh chưa được hóa độ [ở hàng phàm phu] thì nhiều.

[**Hỏi:**] Nếu vậy thì chưa trọn thành nghĩa rốt ráo?

[**Đáp:**] Con đường tu hành thành Phật tuy dài xa như đi qua muôn dặm, nhưng chỉ có 500 do-tuần [đầu tiên] là khó khăn, đoạn còn lại đều dễ dàng.

Hỏi: Nói 200 do-tuần là ví như khó khăn của hàng Nhị thừa; nói ba cõi [như 300 do-tuần] là khó khăn của hàng phàm phu. Vậy Bồ Tát có khó khăn chăng?

[**Đáp:**] Bồ Tát không xem [ba cõi như] nhà đang cháy là khó khăn, cho nên không mong cầu được xe mà vẫn thoát

[1] Phần giải thích này dựa trên ý kinh nói qua 300 do-tuần thì lập hóa thành, và con đường phải đi còn lại 200 do-tuần. Trong phẩm Thí dụ nói "căn nhà đang cháy", sau khi cứu thoát các con thì ông trưởng giả "bỏ 3 loại xe" mà "ban cho các con cùng một loại xe lớn", tức là Phật thừa. Nay trong thí dụ này, sau khi vượt qua hóa thành thì còn phải đi 200 do-tuần mới đạt đến trí tuệ Phật.

ra. [Hàng Nhị thừa] đã do mong cầu được xe nên mới thoát ra thì làm sao không bị chướng ngại bởi 200 do-tuần? Đại lược là như vậy.

Luận Đại [Trí độ], quyển 66 nói: "[Trong ví dụ này,] con đường nguy hiểm là chỉ cho hết thảy thế gian. Trong vòng 100 do-tuần là chúng sanh cõi Dục, 200 do-tuần là chúng sanh cõi Sắc, 300 do-tuần là chúng sanh cõi Vô sắc, 400 do-tuần là hàng Nhị thừa." Nếu tính ngược lại thì còn phải đi 100 do-tuần là hàng Nhị thừa, còn 200 do-tuần là chúng sanh cõi Vô sắc, còn 300 do-tuần là chúng sanh cõi Sắc, còn 400 do-tuần là chúng sanh cõi Dục. Kinh này nêu rõ, vượt qua 500 do-tuần là Bồ Tát đạo, nếu hơn 500 do-tuần tức là thể nhập Phật đạo. Đại lược là như thế.

Các bậc thầy và kinh luận giải thích khác nhau như đã nêu trên. Nay dựa theo chính kinh này để phán xét, còn chịu quả báo trong ba cõi là [phạm vi] 300 do-tuần, cõi nước ngoài ba cõi là 400 do-tuần, cõi Thật báo là 500 do-tuần. Kinh văn phần sau nêu sự tương hợp với các thí dụ nói *"biết rõ con đường sanh tử"*. Sanh tử rõ ràng là chỉ nơi chốn, nhưng chỉ vì ý Phật khó nhận hiểu nên cần giảng rộng. *Kiến hoặc* là 100 do-tuần, 5 *hạ kết*[1] phân ra 200 do-tuần, 5 *thượng kết*[2] phân ra 300 do-tuần, *trần sa hoặc* là 400 do-tuần, *vô minh hoặc* là 500 do-tuần.

Kinh văn phần sau nêu sự tương hợp các thí dụ nói về phiền não như con đường *"xấu ác đầy khó khăn nguy hiểm"*, ý nghĩa tương đồng, phù hợp.

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "五下 - ngũ hạ", tức ngũ hạ phần (五下分) hay ngũ hạ phần kết (五下分結), chỉ 5 loại kết hoặc, tức phiền não thô trược ở cõi Dục, bao gồm: 1. Dục tham; 2. Sân khuể; 3. Hữu thân kiến; 4. Giới cấm thủ kiến; 5. Si mê.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "五上 - ngũ thượng", tức ngũ thượng phần (五上分) hay ngũ thượng phần kết (五上分結), chỉ 5 loại kết hoặc, tức phiền não vi tế ở 2 cõi Sắc và Vô sắc, bao gồm: 1. Sắc tham: tham đắm 5 món dục lạc của cõi Sắc; 2. Vô sắc tham: tham đắm cảnh giới thiền định của cõi Vô sắc. 3. Điệu cử: chúng sanh 2 cõi Sắc và Vô sắc do tâm niệm loạn động mà thối thất thiền định. 4. Mạn: chúng sanh 2 cõi Sắc và Vô sắc do tâm kiêu mạn mà lấn lướt chúng sanh khác. 5. Vô minh: tham đắm thiền định mà không rõ biết chân tánh.

[Hành giả] nhập không quán có thể vượt qua 300 do-tuần, nhập giả quán có thể vượt qua 400 do-tuần, nhập trung quán có thể vượt qua 500 do-tuần.

Kinh văn phần sau nêu sự tương hợp với các thí dụ nói *"biết rõ trên con đường nguy hiểm này có những chỗ nào thông suốt, những chỗ nào tắt nghẽn"*, tức là cùng lúc rõ biết 2 loại nhân quả, ý nghĩa 500 do-tuần là tương ứng, phù hợp.

◆ Ý thứ hai nói về *"con đường nhiều nguy hiểm... ...rất đáng sợ"*, đây là ví cho nhân quả sanh tử. Phần đoạn và biến dịch là quả hiểm nạn, kiến hoặc với tư hoặc, 5 trụ địa phiền não[1] là nhân hiểm nạn. Do nhân và quả này cho nên nói là *"đường nhiều nguy hiểm"*. *"Hoang vắng không người"*, là nói đường đi có 2 loại, thứ nhất là xa xôi vắng vẻ nhưng có người để noi theo, thứ hai là [hoang vắng] không có người để noi theo. Đây là ví như trong sanh tử có Niết-bàn, trong phiền não có Bồ-đề, tuy là xa xôi vắng vẻ nhưng còn có người để noi theo. Nếu trong sanh tử không có Niết-bàn, trong phiền não không có Bồ-đề, như trong thuốc không có bệnh, trong bệnh không có thuốc, đó chính là *"hoang vắng không người"*, không có người để noi theo.

◆ Ý thứ ba nói *"có rất đông người"*. Đây là ví cho những chúng sanh được các vị vương tử giáo hóa nhưng chưa được độ thoát.

◆ Ý thứ tư nói *"muốn vượt qua con đường nguy hiểm này"*. Vì cầu đạt đến quả giác ngộ viên mãn[2] nên nói là *"đến nơi có nhiều châu báu quý giá"*.

◆ Ý thứ năm nói *"có một vị thầy dẫn đường"*, tức là chỉ vị vương tử thứ 16. Mắt, tai thanh tịnh gọi là *"thông minh"*, ý

[1] Nguyên tác dùng "五住 - ngũ trụ" tức ngũ trụ địa phiền não (五住地煩惱), chỉ cho 5 phiền não: Kiến nhất xứ trụ địa, Dục ái trụ địa, Sắc ái trụ địa, Hữu ái trụ địa và Vô minh trụ địa.

[2] Nguyên tác Văn Cú dùng "種覺 - chủng giác", một cách gọi khác để chỉ giác ngộ nhất thiết chủng trí, tức là trí tuệ Phật hay quả vị giác ngộ viên mãn.

thanh tịnh gọi là *"sáng suốt"*, nói chung là nghĩa 6 căn đều thanh tịnh. [Vị thầy dẫn đường có] trí, đây tức là *"một tâm ba trí"*.[1] Nói *"sáng suốt"* tức là đầy đủ 5 loại mắt.[2] Lại nữa, đủ ba minh[3] là sáng suốt, đủ mười lực[4] là thấu đạt.

▪ Từ câu *"hướng dẫn mọi người vượt qua con đường khó khăn này"* trở đi là phân đoạn thứ hai, nêu thí dụ "dẫn đường". Thí dụ này ý nghĩa tương đồng với sự vận dụng phương tiện cụ thể trong thí dụ căn nhà đang cháy [ở phẩm Thí dụ]. Nói chung, phần kinh văn này có 3 ý.

◆ Ý thứ nhất nêu thí dụ *"dẫn dắt đông người"*, ví cho việc thuở xưa vốn đã kết duyên với những người chưa được độ, duyên xưa chẳng mất đi nên nay được gặp thầy dẫn dắt. Thí dụ này tương đồng với trong phẩm Thí dụ ở trước nói khi căn nhà bốc cháy, ông trưởng giả nhìn thấy lửa thì kinh sợ, cũng tương đồng với trong phẩm Phương tiện [đức Phật] nhìn thấy [thế gian với] 5 sự uế trược mà khởi tâm đại bi.

◆ Ý thứ hai nêu thí dụ *"giữa đường nản chí thối lui"*, ví cho việc ở phần trên nói trong khoảng thời gian ở giữa [thầy trò] gặp lại nhau, có những người thối tâm Đại thừa, vị thầy liền dùng Tiểu thừa dẫn dắt. Thí dụ này tương đồng với trong thí dụ căn nhà bốc cháy [trong phẩm Thí

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "一心三智 - nhất tâm tam trí" (một tâm ba trí), tức chỉ việc chứng đạt cùng lúc 3 loại trí tuệ, bao gồm: nhất thiết trí, đạo chủng trí và nhất thiết chủng trí.

[2] Văn Cú dùng "五眼 - ngũ nhãn", tức bao gồm nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Chỉ có chư Phật mới có đủ 5 loại mắt này.

[3] Ba minh của một vị Phật bao gồm thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh.

[4] Mười lực, tức thập lực của chư Phật, bao gồm: 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực (知是處非處智力); 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực (知三世業報智力); 3. Tri nhất thiết sở đạo trí lực (知一切所道智力); 4. Tri chủng chủng giới trí lực (智種種界智力); 5. Tri chủng chủng giải trí lực (知種種解智力); 6. Tri nhất thiết chúng sanh tâm tính trí lực (知一切眾生心性智力); 7. Tri chư thiền giải thoát tam-muội trí lực (知諸禪解脫三昧智力); 8. Tri túc mệnh vô lậu trí lực (知宿命無漏智力); 9. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực (知天眼無礙智力); 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực (知永斷習氣智力).

dụ], [ông trưởng giả] không dùng đến thân mạnh tay khỏe mà [dẫn dụ bằng cách] khen ngợi 3 loại xe là hiếm có, cũng tương đồng với trong phẩm Phương tiện nói ý nghĩa Phật dừng việc giáo hóa bằng Đại thừa, nghĩ đến việc vận dụng phương tiện.

KINH VĂN

> **Khi ấy, vị thầy dẫn đường biết mọi người đều đã được nghỉ ngơi, không còn quá mệt mỏi nữa, liền làm cho tòa thành biến mất rồi nói với mọi người: 'Các người nên đi tới nữa, chỗ có châu báu cũng gần đây. Tòa thành lúc nãy chỉ là do ta biến hóa ra để các người tạm nghỉ ngơi mà thôi.'**

◆ Ý thứ ba từ câu *"Khi ấy, vị thầy dẫn đường biết mọi người đều đã được nghỉ ngơi..."* trở đi, nêu thí dụ "diệt hóa thành dẫn đến bảo sở", ví cho việc ở phần trên nói "rồi lại vì họ thuyết kinh Pháp hoa", *"liền triệu tập các vị Bồ Tát và chúng Thanh văn để thuyết giảng kinh này"*. Thí dụ này tương đồng với thí dụ căn nhà đang cháy [trong phẩm Thí dụ nói việc] ông trưởng giả ban cho các con cùng một loại xe lớn, cũng tương đồng với trong phẩm Phương tiện nói ý *"Chính thức bỏ phương tiện, chỉ thuyết đạo Vô thượng."*

Phần phân chia kinh văn đã xong, tiếp theo đây là phần giải thích.

◆ Về ý thứ nhất nói *"dẫn dắt đông người"*, theo nghĩa chung là chỉ cho đại chúng đã từng kết duyên [với Phật]. Nếu xét theo nghĩa riêng thì những người thuở xưa nhận được sự lợi ích của Đại thừa, xem như việc dẫn dắt đã xong. Những người chưa được sự lợi ích của Đại thừa mới chính là những người ngày nay được dẫn dắt. Nếu dựa theo [trong phẩm Thí dụ thì đó là] 500 người [trong căn nhà bốc cháy] và 30 người con [của ông trưởng giả], chính là những người chưa được khai ngộ.

◆ Về ý thứ hai *"giữa đường nản chí thối lui"*, tức là thí dụ thứ hai. Kinh văn lại có 2 tiểu ý, thứ nhất là thối tâm Đại thừa, thứ hai là được dẫn dắt bằng Tiểu thừa. *"Thối tâm Đại thừa"* là noi theo phần trước nói dừng việc giáo hóa Nhất thừa, *"dẫn dắt bằng Tiểu thừa"* là noi theo phần trước nói thiết lập ba thừa.

✦ Tiểu ý thứ nhất nói *"thối tâm Đại thừa"* lại có 3 điều. Thứ nhất nói *"giữa đường nản chí thối lui"*, tức là noi theo phần trước nói không có cơ duyên Đại thừa. Thứ hai là *"thưa với vị thầy"*, tức là noi theo phần trước nói *"chúng sanh không nhận lời khuyên bảo khuyến khích"*. Nói rằng *"chúng tôi mệt mỏi quá rồi"* tức là không nhận lời khuyên bảo khuyến khích, nói *"lại thêm sợ hãi"* tức là không nhận lời khuyên răn. Thứ ba là *"không thể nào đi tiếp được nữa"*, tức là noi theo phần trước nói *"dừng việc giáo hóa"*.

Phần phân chia kinh văn [của tiểu ý thứ nhất] đã xong, tiếp theo đây là phần giải thích [các điều].

❶ Điều thứ nhất nói *"giữa đường"*, không phải là đến một nửa đường gọi là *"giữa đường"*, mà chỉ lấy lúc phát tâm là đầu tiên, cho đến khi thành Phật là cuối cùng, giữa hai thời điểm này khởi lên ý thối lui cho nên gọi là *"giữa đường"*.

❷ Điều thứ hai nói *"thưa với vị thầy"*, là nghĩa tự mình có vị đạo sư từ bi thông thạo đường lối. Như trong kinh văn nói *"có một vị thầy dẫn đường thông minh sáng suốt, hướng dẫn mọi người vượt qua con đường khó khăn"* chính là ý này.

- Tự mình sẵn có vị đạo sư đã kết duyên từ trước. Như trong kinh văn nói *"những người được dẫn đi ấy, đến giữa đường thì nản lòng, thưa với vị thầy..."* chính là ý này.

- Tự mình có vị đạo sư với trí tuệ quyền biến. Như kinh văn nói *"vị thầy dẫn đường vốn có nhiều phương tiện"* chính là ý này.

- Tự mình có vị đạo sư với trí tuệ chân thật. Như kinh văn nói *"vị thầy dẫn đường biết mọi người đều đã được nghỉ ngơi..."* chính là ý này.

Nay nói *"thưa với vị thầy"* chính là nói thưa với vị thầy kết duyên. Vì những người ấy thối tâm Đại thừa tức là pháp Đại thừa mất đi, được dẫn dắt bằng Tiểu thừa tức là pháp Tiểu thừa khởi sanh. Một pháp sanh một pháp diệt, chiêu cảm nơi pháp thân nên gọi là *"thưa với"*. Vị vương tử [thứ 16] rõ biết sự thối tâm Đại thừa của những người này, tức là nghe được lời thưa của họ. Căn lành nhỏ yếu lại bị vô minh che lấp, cho nên nói là *"mệt mỏi quá rồi"*; kinh sợ sanh tử cho nên nói là *"lại thêm sợ hãi"*.

❶ Điều thứ ba nói *"không thể nào đi tiếp được nữa"*. Nói *"đường phía trước vẫn còn xa"* nghĩa là kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc khó có thể tức thời đoạn dứt. Nhưng dùng pháp Tiểu thừa để dẫn dắt, không để cho phải quay lại chốn cũ thì cũng có nghĩa là đi tiếp.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vị thầy dẫn đường vốn có nhiều phương tiện..."* trở đi, nói nghĩa dùng pháp Tiểu thừa để dẫn dắt. Phần trước trong thí dụ căn nhà đang cháy [ở phẩm Thí dụ] và trong phẩm Phương tiện nói việc mở bày giáo pháp ba thừa pháp, đều có 4 ý. Trong tiểu ý này cũng có đủ 4 điều.

- Thứ nhất nói *"có nhiều phương tiện"* là nghĩa dự tính [sự giáo hóa] thích hợp.

- Thứ hai từ câu *"vị thầy... nghĩ rằng"* trở đi, xót thương những người này bỏ mất *"châu báu quý giá"*, ví cho việc chỉ biết có Tiểu thừa mà chẳng biết còn có Đại thừa.

- Thứ ba từ câu *"Nghĩ như vậy rồi..."* trở đi, nói việc *"biến hóa ra một tòa thành"*, là ví cho việc chính thức dùng phương tiện [dắt dẫn].

- Thứ tư từ câu *"Bấy giờ, những người mệt mỏi kia..."* trở đi, nói việc mọi người vào thành, ví cho sự chứng ngộ thể nhập ba thừa.

Hai điều thứ nhất và thứ hai có thể y theo kinh văn mà hiểu được. Điều thứ ba nói việc tạo ra hóa thành lại chia làm hai. Trước là biến hóa tạo ra, sau là nói về sự biến hóa.

Từ câu *"dùng sức phương tiện..."* trở đi là nói biến hóa tạo ra. Từ câu "rồi nói với mọi người" trở đi là nói về sự biến hóa đó.

Phần trước trong thí dụ cho xe, [ông trưởng giả] nói rằng: *"Ta vì các con mà tạo ra những xe này."* Nay tòa thành là pháp có, cho nên trước tiên phải tạo ra.

Nói thí dụ hóa thành là noi theo các nghĩa ở phần trước gồm khuyến chuyển, thị chuyển và chứng chuyển. *"Các người đừng sợ hãi, đừng quay trở lại"*, đó là khuyến chuyển, làm cho tiến tới phía trước mà vào thành. *"Nay có tòa thành lớn kia, có thể nghỉ ngơi trong đó, tùy ý muốn làm gì cũng được."* Đây chính là thị chuyển, nói thành này *"có thể nghỉ ngơi trong đó". "Nếu vào thành ấy sẽ được vui thích an ổn."* Đây chính là chứng chuyển, ngợi khen xưng tán sự an ổn trong thành.

"Nếu muốn đi tiếp đến chỗ có châu báu thì cũng có thể rời đi", đây là nói trong Tạng giáo chưa bàn đến việc tu tiến hơn nữa.

Có thuyết giải thích rằng, đây là lời nói trong thời thuyết giáo pháp ba thừa, ý nói nếu phát tâm Đại thừa cầu thành Phật thì tốt, nhưng nếu như không thể được vậy thì ở hàng Nhị thừa cũng tốt.

Theo như trong kinh Thắng Man thì ngay cả nghiệp ban sơ của ba thừa cũng không ngu muội không biết pháp [Đại thừa], thảy đều tự rõ biết mình có thể thành Phật,

chỉ do quá chán sợ [sanh tử] không kham chịu nổi cho nên mới chọn sự tịch diệt vĩnh viễn. Nếu giải thích như trên thì thành Biệt giáo.

Lại có thuyết nói rằng, [dụng ý là] khiến cho vào hóa thành, rồi sau đó lại đi tiếp về phía trước. Trong Đại phẩm [Bát-nhã] và kinh Tịnh Danh đều có ý này. Đây chính là ý nghĩa dùng Biệt giáo dẫn tiếp Thông giáo.

Tuy nhiên ở đây là thời gian trước khi Phật còn chưa khai thị trừ bỏ [ba thừa], hiển bày [nhất thừa], chưa đủ sáng tỏ để hiểu theo ý này. Nếu như bàn về đời quá khứ thì mới có thể nói như vậy. Vì sao? Vì [khi ấy] đã rõ ràng biết được tâm ý thối thất Đại thừa [trong thính chúng]. Vương tử khi giáo hóa có thể dạy rằng: *"Các người nếu sợ sanh tử, cũng có thể tạm chứng Niết-bàn [Tiểu thừa] để nghỉ ngơi, sau đó nếu muốn tiếp tục tu hành đạo Đại thừa cũng có thể tùy ý."*

Lại cũng như người thời nay muốn học pháp Đại thừa mà kinh sợ sanh tử nên muốn thối tâm, liền có người khuyên rằng: *"Ông hãy tạm thời dứt trừ phiền não, chứng quả A-la-hán, rồi sau muốn tu tập Đại thừa cũng có thể được."*

Còn như ngày nay đức Phật giáo hóa một lần chưa xong thì không thể bỗng dưng nói ra lời như vậy. Nếu là lúc khai thị trừ bỏ pháp quyền thừa, hiển bày pháp chân thật thì có thể nói như vậy. Như trong thời thuyết giáo pháp Niết-bàn, những vị chứng quả A-la-hán đều là hợp với ý nghĩa này.

"Hết sức vui mừng" tức là [ví cho việc được] văn tuệ, *"chưa từng có"* tức là được noãn vị, *"đã thoát khỏi con đường nguy hiểm"* tức là được đảnh vị, *"được vui thích an ổn"* tức là được nhẫn vị, *"vào tòa thành"* tức là đạt đến giai vị kiến đế, *"tưởng rằng mình đã qua"* tức là đạt đến giai vị vô học. Chỗ này ý nghĩa tương đồng với trong thí dụ căn nhà bốc cháy [ở phẩm Thí dụ] nói những người con thấy

"hợp với ý thích, tất cả đều hết sức nhanh chóng thúc đẩy chen lấn, tranh nhau cùng chạy nhanh ra khỏi căn nhà đang cháy". "Tưởng rằng mình đã qua" là giống như đạt được tận trí, nghĩ rằng *"được vui thích an ổn"* là giống như đạt được vô sanh trí. Lại nữa, đầy đủ trí đức là như *"đã qua"*, chứng được đoạn đức là như *"an ổn"*.

Có người giải thích về *"chỗ nhiều châu báu quý giá"*, nói rằng vượt qua ba cõi và các giai vị Nhị thừa là đến Phật đạo. Phật đạo đó chính là *"chỗ nhiều châu báu"*.

Kinh Đại Bát Niết-bàn có 3 cách nói. Thứ nhất là đạt đến tâm Bồ-đề, thứ hai là đạt đến Bồ-đề và thứ ba là đến cửa Niết-bàn. Nếu đạt đến tâm Bồ-đề thì tất nhiên sẽ đến Bồ-đề và đến Niết-bàn. Nay dẫn 3 cách nói này có nghĩa rằng, đạt đến tâm Bồ-đề là nói đạt đến *nhân*, đạt đến Bồ-đề và Niết-bàn là nói đạt đến *quả*. Trong quả lại có trí tuệ và đoạn trừ, Bồ-đề tức là quả trí tuệ, Niết-bàn là quả đoạn trừ. Vì nói đầy đủ từ trước đến sau, nói đầy đủ trí và đoạn, cho nên [kinh văn] có 3 cách nói như vậy.

Nhưng [thí dụ] *"vượt qua 500 do-tuần"* lại có 3 nghĩa. Thứ nhất là thoát khỏi, vượt qua con đường nguy hiểm xấu ác, thứ hai là đến được con đường tốt đẹp, thứ ba là đến chỗ có nhiều châu báu. [Thứ nhất,] phát tâm Bồ-đề nghĩa là qua khỏi con đường nguy hiểm xấu ác. [Thứ hai,] tu hành đạo Bồ-đề ví như con đường bằng phẳng tốt đẹp. Thứ ba là đạt đến Phật đạo, ví như đến được chỗ nhiều châu báu.

Kinh văn phần sau nói: *"Nay thuyết pháp chân thật: 'Các ông chưa diệt độ.'"*[1] Đây chính là nêu rõ việc vượt qua con đường nguy hiểm xấu ác dài 500 do-tuần. Kinh nói:

[1] Đây là trích dẫn 2 câu kệ ở gần cuối phẩm này, nguyên văn: "今為汝說實, 汝所得非滅 - Kim vị nhữ thuyết thật, nhữ sở đắc phi diệt." Tuy nhiên, Văn Cú khi trích dẫn đã chép 2 chữ cuối thành "非真 - phi chân". Chân là nghĩa chân thật. Kinh văn nói "phi diệt" là chưa phải chân thật diệt độ, chưa phải Niết-bàn rốt ráo.

"Muốn thành Phật toàn trí, phải hết sức tinh tấn." Đây là nói phải đi theo con đường Bồ-đề tốt đẹp. Lại cũng nói: *"Nếu được Nhất thiết trí, Mười lực, các pháp Phật..."* Đó là nói đạt được Phật đạo.

Vì sao cần phải vượt qua 500 do-tuần? Đó là nói hàng Nhị thừa ví như vượt qua 300 do-tuần, Bồ Tát vượt qua 400 do-tuần, Phật thừa là vượt qua 500 do-tuần.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Khi ấy, vị thầy dẫn đường biết..."* trở đi, nói việc diệt mất hóa thành và dẫn dắt đến chỗ có nhiều châu báu. Kinh văn phần này có 2 tiểu ý. Thứ nhất là biết [mọi người] đã nghỉ ngơi xong, thứ hai là hướng về chỗ có nhiều châu báu. Vì đã nghỉ ngơi nên không còn mệt mỏi, ví với phần trước nói đến lúc [Phật sắp nhập] Niết-bàn, đại chúng lại thanh tịnh. Thoát khỏi khổ nạn là cơ duyên Đại thừa khởi phát, liền diệt mất hóa thành để dẫn dắt hướng đến chỗ có nhiều châu báu. Đây là ví với phần trước nói việc thuyết giảng kinh Pháp hoa, chỉ bày tướng chân thật.

"Chỗ có nhiều châu báu" có 2 ý nghĩa. Nếu dùng nghĩa rốt ráo thì quả vị rốt ráo cuối cùng là *"chỗ có nhiều châu báu"*. Như kinh văn phần trước nói: *"Chỉ Phật với Phật mới có thể cứu xét đến chỗ rốt ráo."* Nếu dùng nghĩa thể nhập một phần thì ban sơ phát tâm Bồ-đề đã là ở nơi chỗ nhiều châu báu. Cho nên kinh văn phần trước nói: *"Bao nhiêu báu vô thượng, không cầu tự nhiên được."* Lại nói: *"Có phần trong pháp Phật."* Và: *"Những gì hàng con Phật cần phải đạt được thì nay chúng con đều đã đạt được."*

Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: Hàng Tu-đà-hoàn qua 80.000 kiếp thì đến. *"Đến"* tức là đến chỗ phát tâm Bồ-đề. Đây là nói theo kẻ căn cơ trì độn, cần phải nỗ lực qua 80.000 hoặc 10.000 kiếp... mới đến. Nếu như là những người chứng 4 quả thánh trong Tạng giáo thì không cần trải qua thời gian ngắn đều đã thể nhập Đại thừa, lẽ nào phải cần đến 80.000 hay 10.000 kiếp? Đại lược là như vậy.

"Chỗ có châu báu cũng gần đây. Tòa thành lúc nãy chỉ là do ta biến hóa ra..." Tức là nêu ra thí dụ để nói việc trừ bỏ pháp quyền thừa, để thuận hợp theo thí dụ hiển bày chân thật. [Kinh văn] phần trước nói: *"Trí tuệ của Như Lai thật khó tin, khó hiểu."* [Và nói:] *"Những người này nên dùng pháp như thế để dần dần từng bước thể nhập Phật đạo."* Đây là noi theo trong phẩm Phương tiện nói: *"Ta dạy cho thoát khổ, nhưng chưa được Niết-bàn."* [Lại cũng nói:] *"Phật dùng sức Phương tiện, tạm bày ra ba thừa."*

Các nhà cựu giải đặt câu hỏi: "[Kinh văn nêu] 3 loại xe [trong phẩm Thí dụ] và hóa thành [trong phẩm này] đều là dụ cho trí tuệ vô sanh [của Nhị thừa].[1] Vì sao xe lại không nhìn thấy mà thành thật có hiện ra?[2] Lại nữa, xe thì có 3 mà thành chỉ có 1, xe động mà thành tĩnh, là những ý nghĩa gì?

Đáp: Ông trưởng giả nói *"ngoài cửa có xe"*, vì có ngăn cách nên các con không nhìn thấy được, do đó có thể giả thiết cho rằng ngoài cửa có xe, dù thật không có xe. Thành thì nổi lên trên đất trống, không thể chỉ giả thiết là có cho nên thành phải hiện ra thật có. Dựa theo lý và giáo mà nói, chấp nơi giáo pháp ba thừa để cầu lý thì cả ba thừa đều được lý. Đây là nghĩa "có", cũng như thành là có. Nếu theo lý đó mà cầu giáo pháp, lý vốn chỉ có một thì giáo đó tức là không, quả của ba thừa là nghĩa xe, dựa trên "không".

Về nghĩa xe có 3, thành chỉ có 1, là vì mọi người cùng dừng nghỉ một chỗ, cho nên chỉ có 1 thành; xe thì dựa theo người trong ba thừa, người trong ba thừa ưa thích không

---

[1] Ở đây chỉ trí tuệ vô sanh của thánh quả A-la-hán, vị đã dứt hết lậu hoặc không còn tái sanh. Thí dụ 3 xe và hóa thành đều là tương ứng với chỗ thành tựu của hàng Nhị thừa, sau khi buông bỏ mới vượt lên Đại thừa.

[2] Nguyên tác Văn Cú nói "車何故無城何故有 - xa hà cố vô, thành hà cố hữu". Trong phẩm Thí dụ, ông trưởng giả chỉ nói đến 3 loại xe để dẫn dụ các con nhưng không hề đưa ra xe thật, còn hóa thành ở phẩm này được hóa hiện cho mọi người đều nhìn thấy như thật có.

giống nhau, cho nên có 3 loại xe. Dựa theo lý và giáo mà nói thì ba thừa đạt đến tận trí và vô sanh trí đều chẳng khác nhau, giống như một thành. Người trong ba thừa tuy đều dứt hết phiền não chánh sử nhưng phiền não tập khí thì có người dứt hết, có người chưa dứt hết; lại có người gần đạt được tri kiến, có người không đạt được tri kiến, cho nên khi dùng những phẩm tính này để trang nghiêm tận trí và vô sanh trí thì ý nghĩa không tương đồng, cũng như 3 loại xe khác nhau. Lại khi người trong ba thừa đạt đến tận trí và vô sanh trí, nêu rõ nhân đã dứt thì quả không còn. Đây là chỗ tột cùng, ví như thành tĩnh; tận trí và vô sanh trí vận hành, thể nhập Niết-bàn vô dư, ví như xe động. Những điều chất vấn đại lược là như vậy.

Nay nêu rõ nghĩa, nếu dựa theo tâm chúng sanh thì xe và thành đều là có; dựa theo trí tuệ Phật mà nói thì cũng có, cũng không; dựa theo trí quyền thừa mà xét thì là có, ví như thành; dựa theo trí chân thật mà xét thì là không, ví như xe. Đại lược là như thế.

Ý nghĩa chính của [thí dụ] hóa thành là vì người thối tâm Đại thừa mà chấp nhận Tiểu thừa, bên cạnh đó là thương xót những người đang học Tiểu thừa. Hai vòng thuyết pháp[1] trong kinh văn ở trước thì ý nghĩa chính là vì thương xót những người đang học Tiểu thừa, bên cạnh đó là vì người thối tâm Đại thừa. Thí dụ ba loại xe vận dụng cho cả thuở xưa và ngày nay; thí dụ hóa thành chính là ý giáo hóa dẫn dắt, vì chưa đạt đến đạo [Đại thừa] nên là hóa tác.

Hỏi: [Thí dụ] hóa ra 3 loại xe so với hóa thành có gì khác nhau?

Đáp: [Thí dụ] ba loại xe là [Phật dùng] thuyết pháp luân tạo ra; [thí dụ] hóa thành là [Phật dùng] thần thông luân

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "二周 - nhị chu" để chỉ hai phần thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ ở các phẩm trước, còn phần này là thuyết nhân duyên.

tạo ra.[1] Lại nữa, ba xe là dựa vào âm thanh mà nêu ra trong thí dụ, những người con nghe biết nhưng không nhìn thấy; thành là hình sắc tạo ra trong thí dụ, [được nhìn thấy].

Hỏi: [Thí dụ hóa] thành so với [thí dụ] 2 người được [ông trưởng giả] sai đi [trong phẩm Tin hiểu] thì thế nào?

Đáp: Người được sai đi [ví cho] khả năng dẫn dắt chỉ bày, giống như giáo pháp dùng để chuyển tải chân lý. Thành là để ngăn dứt mối lo khổ nạn. Giáo pháp là động, thành là tĩnh.

Giáo pháp tức là bốn chân đế, 12 duyên, nên có khác biệt. Thành tức là 2 trí [quyền, thật], thể nhập [Niết-bàn] vô dư không có khác biệt.

Giáo pháp gồm thông cả nhân lẫn quả; thành và ba xe [trong thí dụ] chỉ ví nơi quả, [không nói nhân].

Giáo pháp gồm thông cả [2 pháp] hữu vi và vô vi; thành và ba xe [trong thí dụ] chỉ [có nghĩa] vô vi, [không nói hữu vi].

Theo trí quyền thừa thì nói ba xe là không, gọi là chỉ do giáo pháp bày ra thí dụ. Theo trí chân thật thì nói ba xe là có, vì không lìa văn tự mà nói giải thoát.

Dùng trí quyền thừa soi chiếu thì thành là có, vì dẫn dắt chúng sanh; dùng trí chân thật soi chiếu thì thành là không, vì lẽ chân thiên lệch thì chẳng phải thật.

Cho nên trí quyền thừa soi chiếu thấy xe là ba, vì hợp với cơ duyên ba thừa; trí chân thật soi chiếu thấy xe là một, vì cùng quy về Nhất thừa.

Trí quyền thừa soi chiếu thấy thành là một, vì là lẽ chân thiên lệch; trí chân thật soi chiếu thấy thành là ba, vì

[1] Chư Phật do 3 nghiệp thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh viên mãn nên có tam luân tương ứng là thần thông luân (thân nghiệp), thuyết pháp luân (khẩu nghiệp) và ức niệm luân, hoặc ký tâm luân (ý nghiệp). Cả 3 pháp này đều được vận dụng để giúp chúng sanh phá trừ hoặc nghiệp, cho nên gọi là "luân".

đó là Như Lai Tạng. Trí quyền thừa soi chiếu thấy thành là tĩnh, vì là hủy thân diệt trí;[1] trí chân thật soi chiếu thấy thành là động, vì diệt mất sự hóa hiện đó.

Trí quyền thừa soi chiếu thấy xe là vận động, vì vận động để thể nhập [Niết-bàn] vô dư; trí chân thật soi chiếu thấy xe là tĩnh lặng, vì không dao động, không ra khỏi.

Giải thích như vậy, đâu lẽ nào lại giống với các nhà cựu giải? Các nhà cựu giải khi giải thích ý nghĩa chỉ dựa vào [giáo pháp] Tiểu thừa mà thôi.

Hỏi: [Kinh này có] 5 chỗ nêu việc khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển lộ Nhất thừa, có khác biệt gì chăng?

Đáp: Luận theo nghĩa chung thì không khác, nhưng xét theo nghĩa riêng thì có khác biệt.

Trong phẩm Phương tiện thì dựa vào giáo nghĩa để khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Kinh văn nói: *"Như Lai chỉ dùng một Phật thừa vì chúng sanh thuyết pháp, không có thừa nào khác như Nhị thừa, Tam thừa."*

[Trong phẩm Thí dụ thì nêu thí dụ] căn nhà bốc cháy là dựa vào thực hành để khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Xe là nghĩa vận chuyển, vận chuyển là thí dụ sự thực hành. Kinh văn nói: *"Mỗi người đều đi trên một cỗ xe lớn."* Lại nói: *"Ngồi trên cỗ xe quý, dạo chơi khắp bốn phương, cùng chơi đùa vui thích…"*

Trong phẩm Tin hiểu thì dựa vào con người để khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Kết lại cuối cùng [trong thí dụ thì] người cùng khổ làm thuê chính là con của ông trưởng giả. [Kinh văn nói:] *"Chúng con từ xưa nay vốn thật sự là con của đức Như Lai."*

---

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "灰斷 - hôi đoạn", tức là vô dư hôi đoạn (無餘灰斷), cũng gọi là hôi thân diệt trí (灰身滅智), chỉ việc nhập Niết-bàn của vị thánh Tiểu thừa là hủy hoại nhục thân, diệt trừ tâm trí.

Trong phẩm Thí dụ Cỏ thuốc thì dựa vào sự khác biệt và không khác biệt để nêu rõ [hai pháp] quyền và thật, không nhắm đến việc lấy hay bỏ mà chỉ nêu việc chúng sanh không biết nên đức Phật giúp cho rõ biết. Nếu 7 hạng phương tiện có sự khác biệt liền rõ biết đó là pháp quyền, nếu cùng y theo một lý không khác biệt liền rõ biết đó là pháp thật. Khác biệt tức là không khác biệt, không khác biệt mà khác biệt. [Mục đích của thí dụ trong phẩm này là] làm cho rõ biết ý nghĩa như vậy mà thôi, rốt cùng cũng không hề nói là có Nhất thừa hay không có Nhất thừa. Đây là dựa theo việc tự thực hành trí quyền thừa và trí chân thật, tùy tự ý [đức Phật] nói ra. Cho nên, Phật có khả năng rõ biết mà chúng sanh thì không biết. Ý nghĩa này cũng gồm thông với phần trước và phần sau, [nghĩa là] dựa vào chỗ rõ biết hay không rõ biết mà phân biệt giữa quyền và thật.

Trong phẩm Thí dụ Hóa thành này thì dựa vào lý để khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Chỗ có nhiều châu báu (bảo sở) và hóa thành đều là dựa vào 2 lý Tiểu thừa và Đại thừa. Phá trừ lý hóa [thành] của Nhị thừa là hiển bày một lý bảo sở chân thật. Trong kinh văn phần sau, 500 vị đệ tử khi trình bày sự nhận hiểu của mình nêu lên thí dụ hạt châu [giấu bên trong áo], cũng là dựa vào lý.

KINH VĂN

> **"Này các tỳ-kheo! Đức Như Lai cũng giống như vậy, nay vì các ông làm vị thầy lớn dẫn đường, biết rõ con đường sanh tử phiền não xấu ác đầy khó khăn nguy hiểm, dằng dặc xa xôi cần phải tiến bước vượt qua. Nếu như chúng sanh chỉ được nghe duy nhất về Phật thừa, ắt sẽ không muốn gặp Phật, không muốn gần gũi mà tự nghĩ rằng: 'Con đường thành Phật xa xôi dằng dặc, phải chuyên cần chịu nhiều khó nhọc mới có thể thành tựu.'**

❖ Tiểu đoạn thứ hai, từ câu *"Này các tỳ-kheo! Đức Như Lai cũng giống như vậy..."* trở đi nêu sự tương hợp với các

thí dụ. [Tiểu đoạn này có 2 phân đoạn,] trước tiên nêu nghĩa tương hợp, sau đó nêu các thí dụ thuận hợp. Tuy nhiên, phần này không trình bày theo thứ tự [như phần trước].

▪ [Phân đoạn thứ nhất,] từ câu *"Đức Như Lai cũng giống như vậy..."* trở đi.

◆ Ý thứ nhất tương hợp với ý thứ năm ở phần trước nêu thí dụ về vị thầy dẫn đường.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Nay vì các ông..."* trở đi, tương hợp với ý thứ ba ở phần trước nêu thí dụ *"có rất đông người"*.

◆ Ý thứ ba từ câu *"biết rõ con đường sanh tử phiền não..."* trở đi, tương hợp với ý thứ hai ở phần trước nêu thí dụ về con đường hiểm ác.

◆ Ý thứ tư nói *"dằng dặc xa xôi"* là tương hợp với ý thứ nhất ở phần trước nêu thí dụ *"con đường dài 500 do tuần"*.

◆ Ý thứ năm nói *"cần phải tiến bước vượt qua"* là tương hợp với nghĩa phần trước nói *"thông minh sáng suốt"*, lại cũng là tương hợp với ý thứ tư phần trước nói *"muốn vượt qua con đường ấy để đến nơi có nhiều châu báu quý giá"*.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Nếu như chúng sanh chỉ được nghe..."* trở đi, tương hợp với thí dụ *"dẫn đường"* ở phần trước. Phần thí dụ ở trước có 3 ý, phần này cũng tương hợp đủ 3 ý.

◆ Ý thứ nhất nói *"Nếu như chúng sanh..."* là tương hợp với ý thứ nhất ở phần trước, nói về những người được dẫn dắt đi.

◆ Ý thứ hai từ câu *"chỉ được nghe duy nhất về Phật thừa..."*, tương hợp với ý thứ hai ở phần trước nêu thí dụ về việc thối tâm Đại thừa, [được thầy dùng] Tiểu thừa để dẫn dắt.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Nếu chúng sanh dừng trụ nơi địa vị Nhị thừa..."* trở đi, tương hợp với ý thứ ba ở phần trước, nêu thí dụ *"diệt mất hóa thành, dẫn đến nơi có nhiều châu báu"*.

◆ Thí dụ trong ý thứ hai ở phần trước chia thành 2 tiểu ý, nêu việc thối tâm Đại thừa và được dẫn dắt bằng Tiểu thừa. Trong phần này nêu nghĩa tương hợp có đủ 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất, theo phần trên nêu nghĩa thối tâm Đại thừa có 3 điều.

❶ Thứ nhất, *"chỉ được nghe duy nhất về Phật thừa"* là tương hợp với phần trước nói *"giữa đường nản lòng muốn thối lui"*, hàm ý không có cơ duyên [Đại thừa].

❶ Thứ hai, *"chẳng muốn gặp Phật, chẳng muốn gần gũi"*, tương hợp với phần trước nói *"thưa với vị thầy"*, hàm ý là không nhận pháp khuyên răn.

❶ Thứ ba, *"mà tự nghĩ rằng"*, tương hợp với phần trước nói *"không thể nào đi tiếp được nữa"*, hàm ý [đức Phật] dừng sự giáo hóa [bằng Đại thừa].

KINH VĂN

> **Đức Phật biết rõ tâm ý yếu ớt thấp hèn của chúng sanh như vậy, nên dùng sức phương tiện, vì muốn tạo một chỗ dừng nghỉ ở giữa đường mà thuyết dạy có Niết-bàn Nhị thừa. Nếu chúng sanh dừng trụ ở địa vị Nhị thừa, đức Như Lai liền vì họ mà dạy rằng: 'Chỗ tu tập của các ông chưa trọn đủ, nhưng chỗ dừng trụ của các ông đã đến gần trí tuệ Phật rồi, nên phải quán sát suy lường rằng Niết-bàn mà các ông đạt được đó chẳng phải là chân thật. Đó chỉ là do sức phương tiện của Như Lai, từ nơi một Phật thừa mà phân biệt thuyết dạy thành ba thừa.'**
>
> **"Cũng như vị thầy dẫn đường kia, vì muốn tạo chỗ tạm nghỉ mà biến hóa ra tòa thành lớn. Khi thấy mọi người đã được nghỉ ngơi rồi, liền bảo họ: 'Chỗ có châu báu cũng gần đây, tòa thành này không hề có thật, chỉ do ta biến hóa tạo ra mà thôi.'"**

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Đức Phật biết rõ tâm ý..."*, tương hợp với phần trước nói nghĩa *"dùng Tiểu thừa dẫn dắt"*. Phần trước vốn có 4 điều, trong phần này [gộp lại] tương hợp thành 3 điều.

❶ Điều thứ nhất nói *"Đức Phật biết rõ tâm ý..."* là tương hợp với điều thứ nhất phần trước nói *"vị thầy dẫn đường vốn có nhiều phương tiện..."*, noi theo ý [đức Phật]

dự định dùng Tiểu thừa là thích hợp [trong phẩm Phương tiện]. Điều thứ hai nói *"yếu ớt thấp hèn..."* là tương hợp với điều thứ hai phần trước nói *"những người này thật đáng thương..."*, [noi theo ý [đức Phật] rõ biết [chúng sanh] có căn cơ Tiểu thừa [trong phẩm Phương tiện]. Điều thứ ba nói *"vì muốn tạo một chỗ dừng nghỉ ở giữa đường..."* là tương hợp với phần trước ở điều thứ ba nói *"biến hóa ra một tòa thành"* và điều thứ tư nói *"mọi người... vào tòa thành"*, tức là ý nghĩa *"ở giữa đường mà thuyết dạy có Niết-bàn Nhị thừa"*.

Khi lậu hoặc phiền não trong ba cõi đã dứt, khi vô minh hoặc và trần sa hoặc chưa phá trừ, [đức Phật] đối với 2 cột mốc ấy mà dạy rằng có Niết-bàn hữu dư và Niết-bàn vô dư, cũng chính là Niết-bàn của hàng Thanh văn và Niết-bàn của hàng Duyên giác.

Lại nữa, sanh tử phần đoạn đã dứt, sanh tử biến dịch còn chưa trừ, trong khoảng giữa 2 loại sanh tử ấy mà dạy rằng có Niết-bàn hữu dư và Niết-bàn vô dư, cho nên nói là *"ở giữa đường"*. Đại lược là như vậy.

◆ Ý thứ ba từ câu *"Nếu chúng sanh dừng trụ ở địa vị Nhị thừa..."* trở đi, tương hợp với ý thứ ba phần trước nói thí dụ *"dẫn đến chỗ có nhiều châu báu"*. Kinh văn phần trước có 2 tiểu ý, phần này cũng tương hợp đủ 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất là câu *"Nếu chúng sanh dừng trụ ở địa vị Nhị thừa"*, tương hợp với phần trước nói "biết mọi người đều đã được nghỉ ngơi". Câu *"Đức Như Lai liền vì họ mà dạy rằng..."* trở đi là tương hợp với phần trước nói *"hướng đến chỗ có nhiều châu báu"*.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Cũng như vị thầy dẫn đường kia"*, là lặp lại thí dụ để chỉ rõ sự tương hợp. Lặp lại thí dụ dẫn dắt người thối tâm Đại thừa, tương hợp với ý khai thị trừ bỏ ba thừa; lặp lại thí dụ diệt mất hóa thành, tương

hợp với ý hiển bày Nhất thừa. Phần này y theo kinh văn có thể hiểu được. Đại lược là như thế.

Kệ tụng

Phần kệ tụng thứ hai có 49 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý nghĩa phần [kinh văn trường hàng] ở phần trước. Kinh văn trường hàng có 2 đoạn, [phần kệ tụng này cũng chia làm 2 đoạn.] Đoạn thứ nhất có 22 khổ rưỡi kệ, tụng lại nguyên do kết duyên trong kinh văn trường hàng. Đoạn thứ hai có 27 khổ kệ, tụng lại nội dung chính của sự kết duyên trong kinh văn trường hàng.

KINH VĂN

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn lặp lại những ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Phật Đại Thông Trí Thắng,
Mười kiếp ngồi đạo trường,
Pháp Phật chẳng hiện ra,
Chưa trọn thành Phật đạo.
Chư thiên, thần, long vương,
Với chúng a-tu-la,
Thường mưa xuống hoa trời,
Để cúng dường Phật ấy.
Chư thiên đánh trống trời,
Cùng diễn xướng âm nhạc,
Gió thơm cuốn hoa héo,
Lại thay bằng hoa tươi.
Trải qua mười tiểu kiếp,
Mới thành tựu quả Phật,
Chư thiên và loài người,
Đều vui mừng phấn khích.
Mười sáu người con Phật,
Cùng quyến thuộc vây quanh,
Số lượng ngàn muôn ức,
Cùng đi đến chỗ Phật.
Đầu mặt lễ sát chân,
Thỉnh Phật chuyển pháp luân.
"Đại Thánh ban mưa pháp,
Thấm nhuần khắp chúng sanh."

◆ Đoạn thứ nhất trong kinh văn trường hàng nói nguyên do kết duyên có chia ra 2 tiểu đoạn nói nguyên do gần và nguyên do xa, nay trong kệ tụng thì tiểu đoạn thứ nhất gồm 12 khổ kệ đầu tụng lại nguyên do xa. Tiếp đến từ câu *"Thế Tôn Vô Lượng Tuệ"* trở đi là tiểu đoạn thứ hai gồm 10 khổ rưỡi kệ, tụng về nguyên do gần.

❖ Tiểu đoạn nói về nguyên do xa ở trước có 2 phân đoạn, [nay phần kệ tụng này cũng chia làm 2]. Phân đoạn thứ nhất gồm 6 khổ kệ đầu tiên, tụng việc đức Phật Đại Thông [Trí Thắng] thành đạo. Phân đoạn thứ hai gồm 6 khổ kệ tiếp theo, tụng về việc các vị Phạm thiên trong khắp mười phương đến thỉnh Phật chuyển pháp luân.

▪ Phân đoạn nói việc Phật Đại Thông thành đạo ở trước có 5 ý, [phần kệ tụng này chỉ có 3 ý]. Ý thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý thứ hai ở trước, nói việc trước khi Phật thành đạo. Ý thứ hai từ câu *"Trải qua mười tiểu kiếp"* trở đi có 1 khổ kệ, tụng lại ý thứ ba ở trước, về nội dung chính của việc Phật thành đạo. Ý thứ ba từ câu *"Mười sáu người con Phật"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng lại ý thứ năm ở trước, nói việc 16 vị vương tử thỉnh chuyển pháp luân, cũng gồm cả ý thứ tư nói việc sau khi Phật thành đạo rồi quyến thuộc đến cúng dường. Phần kệ tụng này lược bớt không tụng lại ý thứ nhất ở trước, nói về tuổi thọ lâu dài của Phật.

KINH VĂN

Thế Tôn rất khó gặp,
Lâu xa mới ra đời,
Vì giác ngộ chúng sanh,
Gây chấn động khắp thảy.
Các thế giới phương đông,
Năm trăm muôn ức nước,
Cung Phạm thiên rực sáng,
Xưa nay chưa từng có.
Các Phạm vương thấy vậy,
Tìm đến đạo tràng Phật,
Rải hoa trời cúng dường,
Rồi dâng cúng cung điện.
Thỉnh Phật chuyển pháp luân,
Và đọc kệ xưng tán.
Phật biết chưa phải lúc,
Nhận lời nhưng ngồi yên.
Ba phương chính, bốn phụ,
Phương trên, dưới cũng vậy,[1]
Rải hoa, dâng cung điện,
Thỉnh Phật chuyển pháp luân.
Thế Tôn rất khó gặp,
Nguyện dùng đại từ bi,
Rộng mở cửa cam lộ,
Chuyển Vô thượng pháp luân.

[1] Ở đây kể đủ mười phương, ngoài phương đông còn "ba phương chính" tức là phương tây, phương nam và phương bắc; "bốn phụ" là bốn phương phụ gồm đông nam, tây nam, đông bắc và tây bắc, cộng với phương trên và phương dưới là mười phương.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Thế Tôn rất khó gặp"* trở đi, gồm 6 khổ kệ, tụng lại việc các vị Phạm thiên trong mười phương thỉnh Phật. Phân đoạn này ở phần trước có 2 ý, [kệ tụng cũng có 2]. Ý thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng về hào quang nhiệm mầu chấn động [cung điện các cõi trời]. Ý thứ hai từ câu *"Các thế giới phương đông"* trở đi, gồm 5 khổ kệ, tụng về việc các vị Phạm thiên trong mười phương tìm theo ánh sáng mà đến [chỗ Phật]. Trong ý này, 3 khổ kệ trước tụng về phương đông, 2 khổ kệ sau tụng tổng quát về 9 phương [còn lại].

KINH VĂN

Thế Tôn Vô Lượng Tuệ,
Nhận bao lời thỉnh cầu,
Vì chúng sanh thuyết pháp:
"Bốn đế, mười hai duyên,
Vô minh đến già chết…
Đều duyên nhau mà có,
Từ đó sanh khổ não,
Các người nên rõ biết."
Khi Phật thuyết pháp này,
Có sáu trăm muôn ức
Na-do-tha chúng sanh,
Dứt khổ thành La-hán.
Thuyết pháp lần thứ hai,
Chúng sanh nhiều như cát,
Của ngàn muôn sông Hằng,
Cũng thành A-la-hán.
Người đạt đạo về sau,
Nhiều không thể tính đếm,
Dù muôn kiếp tính toán,
Cũng không đếm hết được.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Thế Tôn Vô Lượng Tuệ"* trở đi gồm 10 khổ kệ rưỡi, tụng về nguyên do gần. Trong kinh văn trường hàng, tiểu đoạn này có 2 phân đoạn. Nay trong kệ tụng thì 5 khổ kệ đầu là phân đoạn thứ nhất, tụng lại phân đoạn thứ nhất ở trước, nêu việc chuyển pháp luân với giáo pháp Nhị thừa. Tiếp theo, phân đoạn thứ hai từ câu *"Mười sáu vị vương tử"* trở đi gồm 5 khổ rưỡi kệ, tụng lại phân đoạn thứ hai ở trước, nêu việc thỉnh Phật một lần nữa, xin chuyển pháp luân với giáo pháp Đại thừa.

▪ Phân đoạn thứ nhất ở trước có 3 ý, [kệ tụng cũng có đủ 3 ý]. Ý thứ nhất từ câu *"Thế Tôn Vô Lượng Tuệ"* trở đi

gồm nửa khổ kệ, tụng lại ý thứ nhất ở trước nói việc [đức Phật] nhận lời thỉnh cầu. Ý thứ hai từ câu *"Vì chúng sanh thuyết pháp"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ hai ở trước, nêu nội dung chuyển pháp luân với giáo pháp Nhị thừa. Ý thứ ba từ câu *"Khi Phật thuyết pháp này"* trở đi gồm 3 khổ kệ, tụng lại ý thứ ba ở trước, nêu việc đại chúng nghe pháp đạt đạo.

KINH VĂN

Mười sáu vị vương tử,
Xuất gia thành sa-di,
Cùng nhau thỉnh nguyện Phật,
Thuyết giảng pháp Đại thừa.
"Chúng con và thị tùng,
Đều sẽ thành Phật đạo.
Nguyện được như Thế Tôn,
Mắt tuệ thanh tịnh nhất."
Phật biết tâm con trẻ,
Cùng công hạnh đời trước,
Dùng vô số nhân duyên,
Và đủ mọi thí dụ,
Thuyết sáu ba-la-mật,
Cùng những việc thần thông.
Phân biệt pháp chân thật,
Công hạnh đạo Bồ Tát.
Thuyết kinh Pháp hoa này,
Hằng sa các bài kệ.
Phật ấy thuyết kinh rồi,
Vào tĩnh thất nhập định.
Nhất tâm ngồi an tịnh,
Tám mươi bốn ngàn kiếp.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Mười sáu vị vương tử"* trở đi gồm 5 khổ rưỡi kệ, tụng lại việc các vương tử thưa thỉnh lần nữa, [xin Phật chuyển pháp luân]. Phân đoạn này trước có 7 ý, [nay chỉ tụng còn 5]. Ý thứ nhất gồm hai câu kệ, tụng lại ý thứ nhất ở trước, nói về việc các vị vương tử xuất gia. Ý thứ hai từ câu *"cùng nhau thỉnh nguyện Phật"* trở đi, gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ hai ở trước, là nội dung thỉnh Phật chuyển pháp luân với giáo pháp Đại thừa. Ý thứ ba từ câu *"Phật biết tâm con trẻ"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng về việc trong thời gian 20.000 kiếp từ thuở ấy đến nay thuyết các kinh Phương đẳng, Bát-nhã. Ý thứ tư từ câu *"thuyết kinh Pháp hoa này"* trở đi gồm nửa khổ kệ, tụng lại phần thứ tư ở trước nói việc Phật nhận lời

thưa thỉnh thuyết giảng kinh Pháp hoa. Ý thứ năm từ câu *"Phật ấy thuyết kinh rồi"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý thứ bảy ở trước, Phật thuyết kinh xong rồi nhập định.

[Như vậy, phần kệ tụng này] lược bớt không tụng lại ý thứ ba nói 80.000 người đi theo đức vua đều xin xuất gia; ý thứ năm nói đại chúng nghe thuyết kinh có người hiểu, có người không hiểu; ý thứ sáu nói thời gian thuyết giảng kinh lâu dài.

KINH VĂN

Mười sáu vị sa-di,
Biết Phật chưa xuất định,
Liền vì vô số chúng,
Thuyết trí tuệ Vô thượng.
Mỗi vị đều lên tòa,
Thuyết kinh Đại thừa này.
Từ sau Phật nhập định,
Thuyết pháp giúp giáo hóa.

Mỗi một vị sa-di,
Hóa độ số chúng sanh,
Rất nhiều như số cát,
Sáu triệu ức sông Hằng.
Sau khi Phật nhập diệt,
Những người đã nghe pháp,
Thường nơi các cõi Phật,
Được sanh ra cùng thầy.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Mười sáu vị sa-di"* trở đi gồm 27 khổ kệ, tụng vào nội dung kết duyên. Kinh văn phần trước có 2 tiểu đoạn, phần này cũng vậy. Tiểu đoạn thứ nhất gồm 8 khổ kệ tụng lại nghĩa thuyết chánh pháp. Tiểu đoạn thứ hai gồm 19 khổ kệ, tụng về thuyết thí dụ.

❖ Tiểu đoạn thuyết chánh pháp ở trước có 3 phân đoạn, [kệ tụng cũng có 3]. Phân đoạn thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại phân đoạn thứ nhất ở trước nói về sự kết duyên từ thuở xưa. Phân đoạn thứ hai gồm 1 khổ kệ, tụng lại phân đoạn thứ hai ở trước, nêu việc trong khoảng thời gian từ thuở ấy đến nay [thầy trò vẫn thường] gặp lại nhau. Phân đoạn thứ ba gồm 4 khổ kệ, tụng lại phân đoạn thứ ba ở trước nêu việc ngày nay lại cũng thuyết kinh Pháp hoa.

▪ Phân đoạn thứ nhất ở trước có 4 ý, [kệ tụng chỉ có 3]. Ý thứ nhất gồm nửa khổ kệ tụng về việc Phật nhập định.

Ý thứ hai từ câu *"Liền vì vô số chúng"* trở đi gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng vào việc [các vị sa-di] giảng lại [kinh Pháp hoa]. Ý thứ ba từ câu *"Mỗi một vị sa-di"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại việc nghe thuyết pháp được lợi ích. [Như vậy, phần kệ tụng] lược bớt không tụng ý thứ tư ở trước nói việc đức Phật ra khỏi thiền định rồi ngợi khen tán thán các vị sa-di].

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Sau khi Phật nhập diệt"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại việc trong khoảng thời gian từ thuở ấy đến nay [thầy trò] vẫn thường gặp lại nhau.

KINH VĂN

Mười sáu sa-di này,
Tu hành trọn Phật đạo,
Nay ở trong mười phương,
Đều trọn thành Chánh giác.
Người nghe pháp thuở ấy,
Nay đều sanh chỗ Phật.
Có người trụ Thanh văn,
Dần dần học Phật đạo.

Ta là một trong số
Mười sáu vị thuyết pháp,
Cho nên dùng phương tiện,
Dẫn vào trí tuệ Phật.
Nhân duyên xưa như vậy,
Nay thuyết kinh Pháp hoa,
Khiến cho vào Phật đạo,
Đừng ôm lòng kinh sợ.

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"Mười sáu sa-di này"* trở đi gồm 4 khổ kệ, tụng việc ngày nay lại thuyết kinh Pháp hoa. Kinh văn ở trước phần này có 2 ý. Ý thứ nhất nói việc tương đồng giữa thuở xưa với ngày nay, trong đó có hiện tại, có tương lai. Trong kệ tụng thì ý này gồm 3 khổ kệ, nói tóm lại về các vị thầy và đệ tử trong hiện tại. Ý thứ hai từ câu *"Nhân duyên xưa như vậy"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng về việc lại thuyết kinh Pháp hoa. Kinh văn trường hàng ở trước phần này có 3 tiểu ý, [kệ tụng chỉ có 2]. Tiểu ý thứ nhất có 1 câu kệ, tụng lại tiểu ý thứ nhất ở trước, nói việc đại chúng khi ấy thanh tịnh. Do nhân duyên thuở xưa như vậy nên ngày nay đại chúng tránh được các nan

xứ,[1] cơ duyên [Đại thừa] khởi phát. Tiểu ý thứ hai từ câu *"Nay thuyết kinh Pháp hoa"* trở đi, tụng lại tiểu ý thứ hai ở trước, nói việc vì [đại chúng] thuyết kinh này. [Như vậy, phần kệ tụng này] lược bớt không tụng lại tiểu ý thứ ba ở trước giải thích ý nghĩa việc khai thị trừ bỏ ba thừa.

KINH VĂN

Như đường xa nguy hiểm,
Vắng vẻ, nhiều thú dữ,
Lại không cỏ, không nước,
Người người đều kinh sợ.
Vô số muôn ngàn người,
Muốn qua đường hiểm này,
Mà đường quá xa xôi,
Đến năm trăm do tuần.
Có vị thầy dẫn đường,
Biết nhiều, có trí tuệ,
Tâm sáng suốt, quả quyết,
Đưa cả đoàn vượt nguy.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Như đường xa nguy hiểm"* trở đi có 19 khổ kệ, [gồm 2 phân đoạn], tụng lại các phần nêu thí dụ và tương hợp thí dụ. Phân đoạn thứ nhất có 11 khổ rưỡi kệ, tụng lại nghĩa nêu thí dụ. Phân đoạn thứ hai có 7 khổ rưỡi kệ, tụng lại nghĩa tương hợp các thí dụ. Phân đoạn thứ nhất trong kinh văn phần trước có 2 ý, [kệ tụng cũng có 2]. Ý thứ nhất gồm 3 khổ kệ, tụng lại về thí dụ [con đường] 500 do tuần. Ý thứ hai gồm 8 khổ rưỡi kệ, tụng về thí dụ có vị thầy sẽ dẫn mọi người đi.

◆ Ý thứ nhất nêu thí dụ con đường 500 do-tuần, trong kinh văn ở trước có 5 tiểu ý, [kệ tụng chỉ có 4]. Tiểu ý thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng lại tiểu ý thứ hai ở trước nói về con đường nguy hiểm đáng sợ. Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vô số muôn ngàn người"* trở đi gồm nửa khổ kệ, tụng lại tiểu

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "免難 - miễn nan", cũng có thể đọc là "miễn nạn" và hiểu là "thoát được khổ nạn". Tuy nhiên, trong văn cảnh này chúng tôi tin rằng Văn Cú đang đề cập đến các nan xứ, tức là những điều kiện không được gặp Phật pháp. Đại chúng này tránh được các nan xứ nên mới có nhân duyên gặp Phật, nghe lại kinh Pháp hoa. Cách dùng "nan xứ" cũng đã gặp trong kinh Pháp hoa ở một phần trước.

ý thứ ba ở trước, nói *"có rất nhiều người"*. Tiểu ý thứ ba từ câu *"mà đường quá xa xôi"* trở đi, gồm nửa khổ kệ, tụng lại tiểu ý thứ nhất ở trước nói về con đường dài 500 do-tuần. Tiểu ý thứ tư [gồm 1 khổ kệ,] câu *"Có vị thầy dẫn đường"* tụng lại tiểu ý thứ năm ở trước, nói về vị thầy dẫn đường; và từ câu *"Biết nhiều, có trí tuệ"* trở đi gồm 3 câu, tụng về [vị thầy] *"thông minh sáng suốt"*. [Như vậy, phần kệ tụng này] không tụng lại tiểu ý thứ tư ở trước.

KINH VĂN

Mọi người đều mệt mỏi,
Nên thưa với vị thầy:
"Chúng tôi đều quá mệt,
Đến đây xin quay về."
Thầy dẫn đường tự nghĩ:
"Những người này đáng thương,
Vì sao lại muốn về,
Bỏ mất đi châu báu?"
Liền nghĩ cách phương tiện,
Phải dùng sức thần thông,
Hóa ra tòa thành lớn,
Nhiều nhà cửa rộng rãi,
Bao quanh có vườn cảnh,
Có kênh ngòi, ao tắm,
Cửa nhiều lớp, lầu cao,
Trai gái đều đông vui.
Hóa hiện như thế rồi,
Bảo mọi người: "Đừng sợ,
Các người vào thành này,
Đều tùy ý vui chơi."
Mọi người vào thành rồi,
Trong lòng rất mừng vui,
Đều cho là an ổn,
Tự nghĩ: Đến nơi rồi!

◆ Ý thứ hai từ câu *"Mọi người đều mệt mỏi"* trở đi, gồm 8 khổ rưỡi kệ, tụng lại ý thứ hai ở trước, nêu thí dụ về việc vị thầy sắp dẫn mọi người đi. Kinh văn phần trước có 3 tiểu ý, phần kệ tụng này cũng có 3. Hai chữ *"mọi người"* là tụng lại tiểu ý thứ nhất ở trước, nói việc sắp dẫn [mọi người] đi. Từ cụm chữ *"đều mỏi mệt"* trở đi là tiểu ý thứ hai, gồm 3 chữ với 3 câu và 5 khổ kệ, tụng lại tiểu ý thứ hai ở trước nêu thí dụ mọi người đều mỏi mệt thối chí, [vị thầy dẫn đường liền] quyền biến hóa ra tòa thành. Tiểu ý thứ ba từ câu *"Thầy biết nghỉ ngơi xong"* trở đi, gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại tiểu ý thứ ba ở trước, nêu thí dụ về diệt mất hóa thành, dẫn dắt đến chỗ có nhiều châu báu.

✦ Tiểu ý thứ hai trong kinh văn ở trước có 2 điều. Thứ nhất là nêu sự mỏi mệt thối chí, thứ hai là nêu sự dẫn dắt với người thối chí. Nay trong phần kệ tụng này cũng vậy. Điều thứ nhất gồm 3 chữ và 3 câu tụng lại ý mỏi mệt thối chí. Điều thứ hai gồm 5 khổ kệ, tụng lại ý tạo ra hóa thành để dẫn dắt người thối chí.

❶ Điều thứ nhất nêu sự mỏi mệt thối chí, kinh văn phần trước có 3 khoản, kệ tụng ở đây lược bớt không tụng khoản thứ nhất nói ý *"giữa đường"*, [chỉ còn 2 khoản].

❶ Điều thứ hai nêu ý tạo ra hóa thành để dẫn dắt, nay tụng lại đầy đủ 4 khoản như trong kinh văn trường hàng.

○ Khoản thứ nhất gồm 1 khổ kệ, tụng lại khoản thứ hai ở trước, nói việc vị thầy xót thương [những người thối chí, ví như] bỏ mất Đại thừa.

○ Khoản thứ hai từ câu *"Liền nghĩ cách phương tiện"* gồm 2 câu, tụng lại khoản thứ nhất trong kinh văn trường hàng ở trước, nói việc [vị thầy dẫn đường] khởi lên ý nghĩ.

○ Khoản thứ ba từ câu *"Hóa ra tòa thành lớn"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại khoản thứ ba ở trước, nêu việc tạo ra hóa thành. Kinh văn phần trước chia ra 2 tiểu khoản, [kệ tụng cũng vậy].

✚ Tiểu khoản thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng lại thí dụ [mô tả] việc tạo tác hóa thành. Nói *"nhiều nhà cửa"* là cảnh giới quán không; nói *"vườn cảnh"* là pháp tổng trì vô lậu của Nhị thừa; 9 pháp định tuần tự theo thứ lớp là *"kênh ngòi"*;[1] 8 giải thoát[2] là *"ao tắm"*; *"cửa nhiều lớp"* là 3

[1] Tức là "cửu thứ đệ định" (九次第定), bao gồm: 1. Sơ thiền thứ đệ định. 2. Nhị thiền thứ đệ định. 3. Tam thiền thứ đệ định. 4. Tứ thiền thứ đệ định. 5. Không xứ thứ đệ định. 6. Thức xứ thứ đệ định. 7. Vô sở hữu xứ thứ đệ định. 8. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thứ đệ định.9. Diệt thụ tưởng thứ đệ định.

[2] Tám giải thoát bao gồm: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Ở trong sắc giới, quán nội sắc và ngoại sắc, nhằm trừ bỏ tâm ham thích sắc thể; 2. Nội vô

cửa Không, cũng là trùng không tam muội;[1] tận trí và vô sanh trí là *"lầu cao"*; trai, gái là định và tuệ.

Giải thích theo quán tâm thì thể của trí tuệ rộng khắp như hào sâu quanh thành; pháp lành trọn vẹn đầy đủ như tường thành bao quanh; pháp không rốt ráo là nhà; chánh trực hiền thiện có khả năng thành tựu pháp tự hành, ví như người con trai có thể gánh vác việc nhà; từ bi giáo hóa bên ngoài, ví như người con gái về làm dâu nhà khác.

✚ Tiểu khoản thứ hai từ câu *"Hóa hiện như thế rồi"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại ý nói về hóa thành ở trước.

○ Khoản thứ tư từ câu *"Mọi người vào thành rồi"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng lại khoản thứ 4 trong kinh văn trường hàng ở trước nói việc *"vào thành"*.

KINH VĂN

Thầy biết nghỉ ngơi xong,
Gọi tất cả đến nói:
"Mọi người nên đi tới,
Đây chỉ là hóa thành.
Thấy mọi người mệt mỏi,
Giữa đường muốn thối lui,
Nên ta dùng phương tiện,
Biến hóa ra thành này.
Hãy tinh tấn chuyên cần,
Cùng đến chỗ châu báu."

✦ Tiểu ý thứ ba từ câu *"Thầy biết nghỉ ngơi xong"* trở đi gồm 2 khổ rưỡi kệ, tụng lại tiểu ý thứ ba ở trước về việc diệt mất hóa thành, dẫn dắt đến nơi có nhiều châu báu. Kinh văn ở trước thì tiểu ý này có 2 điều. [Nay trong kệ

---

sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát: Không quán nội sắc, quán ngoại sắc, nhận ngoại sắc là ô nhiễm; 3. Tịnh thân tác chứng cụ túc tác giải thoát: Quán tưởng về thanh tịnh nhưng không chấp giữ; 4. Không vô biên xứ giải thoát: Vượt qua sắc thể, quán tưởng rằng hư không là vô biên; 5. Thức vô biên xứ giải thoát: Đạt đến ý niệm thức là vô biên; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát: Đạt địa vị trong tâm không còn có vật gì; 7. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát: Đạt đến mức định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 8. Diệt tận định giải thoát: Đạt mức định Diệt thọ tưởng xứ.

[1] Trùng không tam-muội: 3 pháp tam-muội gồm Không tam-muội, Vô tướng tam-muội và Vô nguyện tam-muội.

tụng thì] điều thứ nhất nói vị thầy biết mọi người đã nghỉ ngơi rồi. Điều thứ hai từ câu *"Gọi tất cả đến nói"* trở đi gồm có 1 câu và 2 khổ kệ, tụng lại về việc diệt mất hóa thành và dẫn dắt hướng đến nơi có nhiều châu báu.

KINH VĂN

Như Lai cũng như vậy,
Dẫn đường cho chúng sanh,
Thấy những người cầu đạo,
Giữa đường muốn thối lui,
Không thể vượt qua hết,
Đường sanh tử, phiền não,
Nên dùng sức phương tiện,
Thuyết Niết-bàn Nhị thừa,
Nói rằng: "Đã dứt khổ,
Việc cần làm đã xong."

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Như Lai cũng như vậy"*, gồm 7 khổ rưỡi kệ, tụng lại phân đoạn thứ hai trong kinh văn trường hàng ở trước, [chia thành 2 ý] nói nghĩa tương hợp với 2 thí dụ. Ý thứ nhất gồm nửa khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp với thí dụ thứ nhất về [con đường dài] 500 do-tuần. Ý thứ hai gồm 7 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp với thí dụ thứ hai nói việc vị thầy dẫn đường sắp dẫn mọi người đi.

Kinh văn phần trước nói nghĩa tương hợp với thí dụ con đường dài 500 do-tuần có 4 tiểu ý, phần kệ tụng này có nửa khổ kệ, chỉ tụng lại tổng quát mà thôi.

✦ [Trong ý thứ hai, tiểu ý thứ nhất] từ câu *"Thấy những người cầu đạo"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp với thí dụ về sự mỏi mệt thối chí.

Phần trước khi tụng việc nêu thí dụ không tụng lại ý *"giữa đường"*, trong phần này [tiểu ý thứ nhất] có 1 khổ kệ tương hợp với ý *"giữa đường mỏi mệt thối chí"*. Tiểu ý này [gồm 2 khổ kệ, chia ra 2 điều]. [Điều thứ nhất gồm] 1 khổ kệ tụng ý tương hợp với nghĩa giữa đường thối chí. [Điều thứ hai gồm] 1 khổ kệ tụng ý tương hợp với việc tạo ra hóa thành để dẫn dắt những người thối chí.

KINH VĂN

Được Niết-bàn ấy rồi,
Đều thành A-la-hán,
Phật liền họp đại chúng,
Thuyết dạy pháp chân thật.
Sức phương tiện chư Phật.
Phân biệt nói ba thừa,
Thật chỉ một Phật thừa,
Nói hai để tạm dừng.
Nay thuyết pháp chân thật:
"Các ông chưa diệt độ."
Muốn thành Phật toàn trí,
Phải hết sức tinh tấn.
Nếu được Nhất thiết trí,
Mười lực, các pháp Phật…
Đủ ba mươi hai tướng,
Mới chân thật diệt độ.
Phật là thầy dẫn đường,
Thuyết Niết-bàn giả tạm,
Để nghỉ ngơi xong rồi,
Dẫn vào trí tuệ Phật.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Được Niết-bàn ấy rồi"* trở đi gồm 5 khổ kệ, tụng lại tiểu ý thứ hai ở trước tương hợp với nghĩa diệt hóa thành dẫn dắt đến chỗ có nhiều châu báu. Kinh văn phần trước có 2 nghĩa tương hợp, phần này [có 3 điều,] cũng tụng lại đủ 2 nghĩa.

❶ Điều thứ nhất gồm nửa khổ kệ, tụng lại ý [vị thầy dẫn đường] biết mọi người đã nghỉ ngơi xong.

❷ Điều thứ hai từ câu *"Phật liền họp Đại chúng"* trở đi gồm 3 khổ rưỡi kệ, tụng lại điều thứ hai ở trước tương hợp với nghĩa diệt mất hóa thành, dẫn dắt hướng đến chỗ có nhiều châu báu. Trong phần kệ tương hợp với nghĩa *"diệt hóa thành"* này có ngầm chứa đủ tam đức [của chư Phật].[1] *"Nếu được Nhất thiết trí"* tức là Bát-nhã đức; *"Đủ ba mươi hai tướng"* tức là Pháp thân đức; *"Mới chân thật diệt độ"* tức là Giải thoát đức. Ba pháp này không hạn cuộc trong không gian và thời gian, tức là thấy tánh Phật.

❸ [Điều thứ ba] từ câu *"Phật là thầy dẫn đường"* trở đi gồm 1 khổ kệ, tụng tóm lại nghĩa tương hợp.[2]

---

[1] Tam đức (三德) chỉ 3 phẩm đức siêu việt của chư Phật, bao gồm: Pháp thân đức (法身德), Bát-nhã đức (般若德) và Giải thoát đức (解脫德).

[2] Đến đây hết phần giải thích phẩm Thí dụ Hóa thành nhưng chưa hết quyển 7.

CẤU TRÚC PHẨM NĂM TRĂM ĐỆ TỬ ĐƯỢC THỤ KÝ

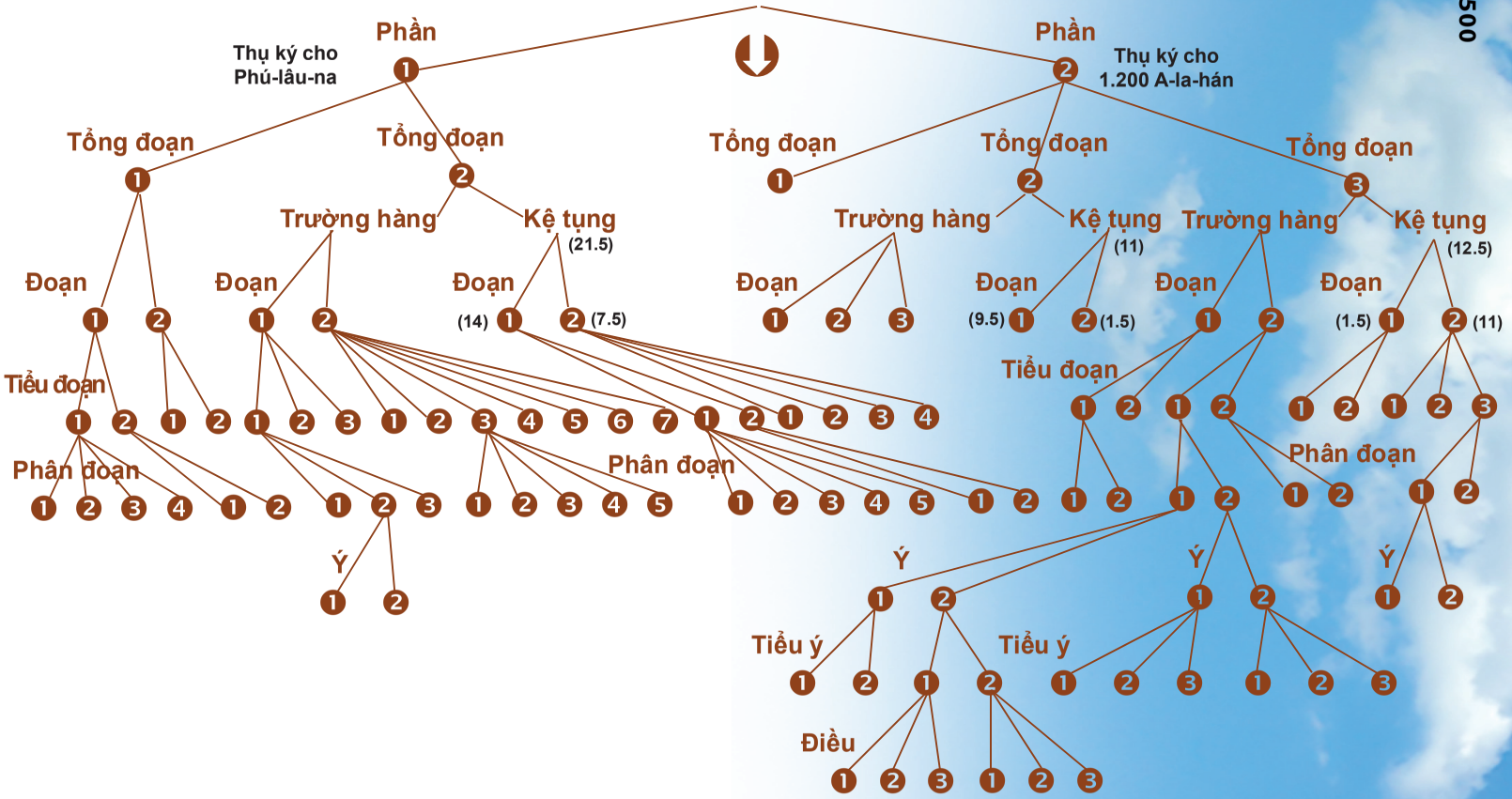

8. Giải thích phẩm Năm trăm đệ tử được thụ ký

KINH VĂN

Phẩm Năm trăm đệ tử được thụ ký, thứ tám

Giải thích tên phẩm

Trong phẩm này [Phật] thụ ký cho đủ số 1.200 [vị đệ tử], vì sao tên phẩm chỉ nêu 500 vị? Đây là vì có 500 vị được thụ ký đồng một danh hiệu, 500 vị đồng thanh trình bày sự nhận hiểu, cho nên dùng ý nghĩa đó để làm tên phẩm. Phẩm này là đại đoạn thứ hai trong phần thuyết nhân duyên.

Nói chung [trong số đệ tử được] thụ ký lại có 2 nhóm, nhóm 1.200 vị và nhóm 2.000 vị.[1] [Phẩm này nói việc] thụ ký cho 1.200 vị, lại chia thành 2 phần. Phần thứ nhất là thụ ký cho ngài Phú-lâu-na,[2] phần thứ hai là thụ ký cho 1.200 vị A-la-hán.

■ Phần thứ nhất thụ ký cho ngài Phú-lâu-na lại chia thành 2 tổng đoạn. Tổng đoạn thứ nhất mở đầu, ngấm ngầm nêu sự nhận hiểu, tổng đoạn thứ hai là đức Như Lai nói việc thụ ký.

▣ Tổng đoạn thứ nhất ngấm ngầm trình bày sự nhận hiểu lại chia thành 2 đoạn. Đoạn thứ nhất nêu sự nhận

---

[1] Việc thụ ký cho 2.000 vị đệ tử hữu học và vô học được nói trong phẩm kế tiếp.

[2] Văn Cú dùng "滿願 - Mãn Nguyện" là cách dịch nghĩa tên của ngài Phú-lâu-na.

hiểu được nên hoan hỷ; đoạn thứ hai nói việc ngấm ngầm nêu sự nhận hiểu.

◆ Đoạn thứ nhất nói nghĩa hoan hỷ lại có 2 tiểu đoạn. Thứ nhất là trình bày nguyên do được nhận hiểu, thứ hai là nêu việc nhận hiểu được rồi hoan hỷ.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nêu nguyên do lại có 4 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nói việc được nghe 2 vòng thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ, khai thị trừ bỏ ba thừa, hiển bày Nhất thừa. Phân đoạn thứ hai là nghe việc thụ ký cho 5 vị đại đệ tử như ngài Xá-lợi-phất v.v... Phân đoạn thứ ba là nghe [Phật kể về] sự kết duyên từ đời quá khứ. Phân đoạn thứ tư nói việc được nghe về ba sự thông đạt không ngăn ngại của chư Phật Như Lai,[1] quán xét sự việc hết sức lâu xa trong quá khứ *"vẫn thấy rõ giống như việc ngày nay"*, tức là sức thần thông đại tự tại, khác xa với [khả năng của] hàng Nhị thừa chỉ thấy được đến 80.000 kiếp.

KINH VĂN

Lúc bấy giờ, ngài Phú-lâu-na được nghe Phật nói trí tuệ phương tiện thuyết pháp thích hợp, lại nghe Phật thụ ký cho các vị đại đệ tử sẽ thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng như nghe chuyện nhân duyên từ đời trước, lại nghe việc chư Phật có sức thần thông tự tại lớn lao nên tự thấy được việc chưa từng có, trong lòng thanh tịnh phấn chấn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bước đến trước Phật, cúi đầu chạm mặt lễ sát chân Phật rồi đứng sang một bên, chăm chú không rời mắt chiêm ngưỡng tôn nhan Phật, trong lòng khởi lên ý nghĩ rằng:

[1] Nguyên tác Văn Cú dùng "三達 - tam đạt" (ba sự thông đạt), cũng tức là "三明 - tam minh" (ba sự sáng suốt) của chư Phật, bao gồm (1) Túc mệnh trí chứng minh, biết rõ tướng trạng của chính mình và chúng sinh trong vô số kiếp quá khứ; (2) Sinh tử trí chứng minh, biết rõ tướng trạng sống chết của chúng sinh, do nghiệp đã tạo mà khi mệnh chung sinh sẽ sinh vào các đường ác hay các đường lành...; (3) Lậu tận trí chứng minh, giải thoát tâm hữu lậu, diệt trừ tất cả phiền não.

▪ Phân đoạn thứ nhất, câu *"được nghe Phật nói trí tuệ"* tức là nhận hiểu ý nghĩa hiển bày pháp thật trong phẩm Phương tiện và thí dụ căn nhà bốc cháy; *"phương tiện thuyết pháp thích hợp"* tức là nhận hiểu 2 chỗ khai mở pháp quyền.

▪ Phân đoạn thứ hai, câu *"cho các đại đệ tử"* tức là nhận hiểu khai mở quyền thừa; *"thụ ký... ...thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác"* tức là nhận hiểu ý nghĩa hiển bày pháp thật.

▪ Phân đoạn thứ ba, câu *"chuyện nhân duyên từ đời trước"* tức là nhận hiểu ý nghĩa hiển bày pháp thật.

▪ Phân đoạn thứ tư, câu *"sức thần thông tự tại lớn lao"* tức là nhận hiểu ý nghĩa khai mở pháp quyền.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"được việc chưa từng có"* trở đi trình bày việc nhận hiểu được nên hoan hỷ, [có 2 phân đoạn]. Phân đoạn thứ nhất nêu việc trong lòng nhận hiểu nên hoan hỷ. Phân đoạn thứ hai nói sự cung kính bày tỏ ra hình thức bên ngoài. Vì xưa nay chưa từng nghe việc khai thị trừ bỏ pháp quyền, hiển bày pháp thật mà nay được nghe, cho nên nói là *"được việc chưa từng có"*.

Nói *"trong lòng thanh tịnh"* là vì đã dứt trừ sự bám luyến với Niết-bàn, phá trừ được biệt hoặc. Khai mở tri kiến Phật cho nên gọi là *"phấn chấn"*. Nhờ Phật mà được nhận hiểu cho nên khởi sinh sự cung kính. Nếu giải thích theo bản tích thì là mừng vui vì các hạnh chân thật.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"trong lòng khởi lên ý nghĩ rằng"* trở đi là ý chính nêu việc ngấm ngầm trình bày sự nhận hiểu. [Đoạn này có 2 tiểu đoạn.] Tiểu đoạn thứ nhất nêu việc ngấm ngầm nhận hiểu. Tiểu đoạn thứ hai nêu việc ngấm ngầm mong cầu [đức Như Lai] nêu rõ hình tích [thị hiện] mà thụ ký cho.

Trong cả 2 vòng thuyết chánh pháp và thuyết thí dụ ở trước, [các vị đệ tử] đều nói ra thành lời trình bày chỗ nhận hiểu, vì sao ở đây lại chỉ ngấm ngầm trong suy nghĩ? Vì trước đây hàng hạ căn còn chưa khai ngộ, sự việc cần phải nói rõ ra để khuyến khích, khơi động. Nay hàng hạ căn đã tỏ ngộ rồi, không còn ai phải khuyến khích khơi động, cho nên chỉ ngấm ngầm suy nghĩ, không nói ra.

Lại nữa, phần trước chỉ trình bày sự nhận hiểu, không thỉnh cầu nêu rõ hình tích thị hiện, cho nên nói ra không có sự hiềm nghi. Nay thì vừa nêu sự nhận hiểu, vừa nêu rõ hình tích thị hiện, cho nên chỗ nhận hiểu chỉ âm thầm suy nghĩ, muốn tránh sự chê trách hiềm nghi nên ngấm ngầm không nói ra; ngấm ngầm suy nghĩ như vậy là thích hợp với hoàn cảnh. Lại nữa, im lặng nhận hiểu là sự nhận hiểu quan trọng. Như ngài Duy-ma-cật im lặng là chân thật thể nhập pháp môn Bất nhị. Lại nữa, pháp quyền thật không thể nghĩ bàn, không nói không nghĩ mà là có nói có nghĩ. Không nói mà nói, cho nên phần trước dùng lời để trình bày sự nhận hiểu. Lại không nghĩ mà nghĩ cho nên ở đây mới ngấm ngầm nhận hiểu.

Phần trước không thỉnh cầu [Phật] nêu rõ hình tích là có ý gì? Vì hàng hạ căn chưa tỏ ngộ, cho nên không thỉnh cầu nêu rõ hình tích. Nay hàng hạ căn đã nhận hiểu được rồi, việc quyền thừa giáo hóa đã trọn đủ, nếu nói rõ hình tích thị hiện của hàng hạ căn thì tất nhiên rõ biết hàng trung căn, thượng căn đều có pháp quyền thừa như vậy. Nếu [ngược lại] dựa theo hàng thượng căn và trung căn thì lại khó nhận hiểu đối với hàng hạ căn.

KINH VĂN

> **"Đức Thế Tôn hết sức lạ lùng đặc biệt, việc ngài làm thật vô cùng hy hữu. Ngài có thể tùy thuận biết bao nhiêu là căn tánh chủng loại khác biệt của chúng sanh thế gian, dùng sự thấy biết phương tiện**

mà thuyết pháp, cứu thoát chúng sanh ra khỏi mọi chỗ tham đắm bám chấp. Chúng con đối với công đức của Phật thật không thể nói ra, chỉ đức Thế Tôn mới có thể rõ biết bản nguyện sâu xa trong lòng chúng con."[1]

❖ Tiểu đoạn thứ nhất từ câu *"Đức Thế Tôn hết sức lạ lùng đặc biệt, việc ngài làm thật vô cùng ít có."* Đây là nghĩa nhận hiểu thật trí.

"Ngài có thể tùy thuận biết bao nhiêu là căn tánh chủng loại khác biệt của chúng sanh thế gian, dùng sự thấy biết phương tiện mà thuyết pháp." Đây là nghĩa nhận hiểu quyền trí. Tức là nói căn tánh của 7 hạng phương tiện. Câu này nhận hiểu ý nghĩa khai thị trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật trong phẩm Phương tiện.

"Cứu thoát chúng sanh ra khỏi mọi chỗ tham đắm bám chấp." Tức là nhận hiểu ý nghĩa khai thị trừ bỏ quyền thừa, hiển bày pháp thật trong thí dụ căn nhà bốc cháy.

"Chúng con đối với công đức của Phật thật không thể nói ra." Đây là nhận hiểu ý nghĩa trong phẩm *Thí dụ cỏ thuốc* nói *"Như Lai lại có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ các công đức khác, cho dù các ông có diễn nói trong vô lượng ức kiếp cũng không thể cùng tận."* Đã nói rằng *"không thể nói ra"* thì có nghĩa là suy nghĩ cũng không thể thấu đạt.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"chỉ đức Thế Tôn mới có thể rõ biết"* trở đi là ngấm ngầm trong suy niệm mà thỉnh cầu [Phật] nêu rõ hình tích thị hiện và thụ ký cho. Xưng *"chúng con"* ở đây là ý nghĩ chung, muốn thỉnh cầu Phật nêu rõ hình tích của nhiều người. *"Sâu xa trong lòng"* là cội gốc, là bản nguyên từ xưa, việc làm hiện nay là hình tích thị hiện, tức là nói bản nguyện, là thệ nguyện đại từ. Do

[1] Theo bản Anh dịch của H. Kern thì câu này là "Chỉ có đức Như Lai mới biết được khuynh hướng và sự tu tập trong quá khứ của chúng con." (None but the Tathâgata knows our inclination and our ancient course.)

tâm đại từ, dưới vì giáo hóa chúng sanh nên phát khởi thệ, trên vì cầu thành quả Phật nên phát khởi nguyện. Trên thỉnh cầu quả Phật, tức cầu thụ ký; dưới thỉnh thuyết dạy giáo hóa chúng sanh, tức cầu Phật nêu rõ hình tích.

Lại nữa, *"sâu xa trong lòng"* là nêu rõ trong 3 đời quá khứ, hiện tại và tương lai đều giúp Phật truyền giảng chánh pháp, giáo hóa chúng sanh. Từ bản nguyện ấy nên mong được Phật thụ ký.

KINH VĂN

> **Bấy giờ, đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: "Các ông có thấy Phú-lâu-na đây chăng? Ta thường khen Phú-lâu-na là bậc nhất trong những người thuyết pháp, lại cũng thường khen ngợi đủ mọi công đức của Phú-lâu-na, tinh tấn chuyên cần bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng giáo pháp của ta, có thể ở trong bốn chúng mà chỉ bày, dạy dỗ, khuyến khích sự lợi ích, làm cho thành tựu hoan hỷ, giải thích chánh pháp một cách trọn vẹn đầy đủ mà làm lợi lạc lớn lao cho hết thảy các vị đồng tu phạm hạnh. Ngoài đức Như Lai, không ai có thể thấu suốt hết sự biện giải giảng nói của Phú-lâu-na.**[1]

▣ Từ câu *"Bấy giờ, đức Phật bảo..."* trở đi là tổng đoạn thứ hai, đức Phật kể lại việc thuở xưa và thụ ký. Tổng đoạn này có kinh văn trường hàng và kệ tụng.

Kinh văn trường hàng có hai đoạn. Đoạn thứ nhất Phật kể lại bản nguyện cùng hình tích [của ngài Phú-lâu-na], đoạn thứ hai Phật ban lời thụ ký.

◆ Đoạn thứ nhất có 3 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất nói chung về công hạnh tu nhân và hình tích thị hiện [của ngài Phú-lâu-na] trong đời đức Phật Thích-ca. Tiểu đoạn thứ hai lược nói về công hạnh tu nhân và nêu rõ bản nguyên từ thời các đức Phật trong quá khứ của ngài Phú-

[1] Bản Anh dịch của H. Kern là "không ai có thể sánh bằng Phú-lâu-na" (none able to equal Pūna).

lâu-na. Tiểu đoạn thứ ba nói chung về công hạnh tu nhân trọn đủ của ngài Phú-lâu-na trong cả 3 đời chư Phật, quá khứ, hiện tại và vị lai.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nói công hạnh tu nhân và thị hiện hình tích vào thời Phật Thích-ca lại có 3 phân đoạn. Thứ nhất là nêu chỉ người muốn nói. Thứ hai là nêu khái quát ý nghĩa bản tích. Thứ ba là phân biệt giải thích về bản tích.

▪ Phân đoạn thứ nhất, Phật nêu câu *"Các ông có thấy Phú-lâu-na đây chăng?"* có 2 ý nghĩa. Thứ nhất là hỏi đại chúng có nhìn thấy [Phú-lâu-na] thị hiện hình tích Tiểu thừa hay chăng? Thứ hai là hỏi có nhìn thấy công đức bản nguyên từ thuở xưa hay chăng? Đại chúng chỉ thấy thị hiện hình tích là Thanh văn, không thể thấy được bản nguyên vốn là Bồ Tát, cho nên Phật hỏi *"có thấy chăng"*.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Ta thường khen Phú-lâu-na..."* trở đi là nêu rõ hình tích thị hiện của Phú-lâu-na, [có 2 ý nói về hình tích và bản nguyên].

◆ Ý thứ nhất nói hình tích thị hiện của ngài Phú-lâu-na là bậc nhất trong số những người thuyết pháp. Nếu không phải bản nguyên là pháp thân mầu nhiệm thì chẳng thể dựa vào đâu mà thương xót thị hiện hình tích thù thắng bậc nhất như vậy. [Cho nên ý thứ nhất nói] từ trước đến nay Phật chỉ nói theo hình tích thị hiện, rằng Phú-lâu-na là vị thuyết pháp đệ nhất. Ngày hôm nay không phải như vậy, [mà nói rõ] trong giáo pháp Vô thượng ngài đã là bậc đệ nhất từ lâu xa. Đây là nêu hình tích để hiển lộ bản nguyên.

◆ Ý thứ hai từ câu *"Lại cũng thường khen ngợi..."* trở đi là nêu nhân địa bản nguyên. Có đủ muôn công hạnh pháp môn phước tuệ, nên nói là *"đủ mọi công đức"*. Nhân địa bản nguyên đã có đủ mọi pháp môn, có lẽ nào chỉ hiển

thị hình tích là hàng Nhị thừa thôi sao? Đây là nêu bản nguyên để làm rõ hình tích.

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"tinh tấn chuyên cần bảo vệ giữ gìn..."* là phần phân biệt giải thích. *"Giúp sức truyền giảng giáo pháp của ta"* là nói trong khi thị hiện hình tích đã trợ giúp việc truyền giảng cả giáo pháp viên mãn rốt ráo và giáo pháp chưa rốt ráo. Như khi thị hiện hình tích Thanh văn trong hàng hạ căn, tức là giúp sức truyền giảng giáo pháp [A-hàm như vị] sữa; thị hiện hình tích trong hội Phương đẳng nhận chịu sự trách mắng, tức là giúp sức truyền giảng giáo pháp như vị váng sữa sống (sanh tô); thị hiện hình tích nhận lãnh giáo pháp Bát-nhã, tức là giúp sức truyền giảng giáo pháp như vị váng sữa chín (thục tô); thị hiện hình tích trong hội Pháp hoa được tỏ ngộ, tức là giúp sức truyền giảng giáo pháp như vị đề hồ. Phần nêu tổng quát về bản nguyên ở trước nói *"cũng thường khen ngợi đủ mọi công đức của Phú-lâu-na"*, tức là nói ý nghĩa này.

Đầy đủ quyền thật công đức mà thị hiện hình tích phát khởi [giáo pháp] như 5 vị [của sữa], trợ giúp chư Phật thực hành điều phục thuần thục chúng sanh, lẽ nào lại không phải là ý nghĩa *"tinh tấn chuyên cần... ...giúp sức truyền giảng giáo pháp"*?

Về sự phân biệt giải thích công đức bản tích, kinh văn nói *"có thể ở trong bốn chúng mà chỉ bày"* tức là phân biệt giáo pháp quyền thừa chưa rốt ráo. Nói *"giải thích chánh pháp một cách trọn vẹn đầy đủ"* là giúp sức truyền giảng giáo pháp Bát-nhã viên mãn rốt ráo. Nói *"làm lợi lạc lớn lao"* là giúp Phật làm lợi lạc cho chúng sanh chưa rốt ráo. *"Các vị đồng tu phạm hạnh"* là nói các đệ tử rốt ráo được thị hiện hình tích giáo hóa.

Từ câu *"Ngoài đức Như Lai..."* trở đi là phân biệt kể rõ công đức bản địa. Nói *"ngoài đức Như Lai"* tức là còn dưới

bậc Diệu giác;[1] *"không ai có thể thấu suốt được"*[2] là nói 7 hạng phương tiện.

KINH VĂN

Các ông đừng cho rằng Phú-lâu-na chỉ có thể bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng giáo pháp của ta. Phú-lâu-na đã từng ở nơi đạo trường của 90 ức vị Phật[3] trong quá khứ mà bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng chánh pháp của chư Phật. Ở những nơi ấy, Phú-lâu-na cũng đều là bậc nhất trong số những người thuyết pháp. Phú-lâu-na lại thông đạt rõ ràng sáng tỏ đối với pháp không mà chư Phật thuyết dạy, đạt được bốn trí không ngăn ngại, thường có thể suy xét kỹ lưỡng để thuyết pháp thanh tịnh, không còn nghi hoặc, có đầy đủ sức thần thông của hàng Bồ Tát. [Trong những kiếp quá khứ ấy,] Phú-lâu-na thường luôn tu tập hạnh thanh tịnh suốt cả cuộc đời, nên người đời thuở ấy đều cho rằng Phú-lâu-na quả thật là Thanh văn, nhưng ông dùng phương tiện [hiện thân Thanh văn] đó để làm lợi ích cho vô số trăm ngàn chúng sanh, lại giáo hóa được vô số a-tăng-kỳ chúng sanh khiến cho đều trụ yên trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì để đạt được cõi Phật thanh tịnh, Phú-lan-na thường làm các Phật sự, giáo hóa chúng sanh.[4]

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"các ông đừng cho rằng Phú-lâu-na chỉ có thể bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng giáo pháp của ta"* trở đi, nêu việc từ thời chư Phật trong quá khứ để hiển bày bản hạnh của ngài Phú-lâu-

[1] Diệu giác (妙覺), quả vị cuối cùng trong 52 giai vị của hàng Bồ Tát, sau khi vượt qua Đẳng giác, cho nên cũng đồng nghĩa với quả Phật.

[2] Văn Cú dẫn câu này là "vô năng tri" (không ai có thể biết), nhưng kinh văn thực sự nói là "vô năng tận kỳ ngôn luận chi biện - 無能盡其言論之辯" (không ai có thể thấu suốt được...). Chúng tôi điều chỉnh theo đúng kinh văn.

[3] Bản Anh dịch của H. Kern dịch chỗ này là "99 vị Phật" (ninety-nine Buddhas).

[4] Kinh văn nói " 為淨佛土故 - vị tịnh Phật độ cố", xét theo ngữ cảnh phía sau mô tả cõi Phật nghiêm tịnh mà ngài Phú-lâu-na đạt được khi thành Phật, nên hiểu rằng đây là đang nói đến những nhân tố tu tập giúp thành tựu cõi Phật thanh tịnh đó. Kinh Duy-ma-cật nói: "Tùy chỗ thành tựu cho chúng sinh mà được cõi Phật thanh tịnh."

na, không chỉ là trực tiếp giúp sức truyền giảng giáo pháp quyền thừa chưa rốt ráo ở chỗ Phật Thích-ca, mà từ thuở xa xưa ở nơi chư Phật quá khứ cũng đã giúp sức truyền giảng giáo pháp quyền thừa. Cho nên lấy việc giúp sức truyền giảng giáo pháp ngày nay để nêu rõ hình tích thị hiện, lấy việc giúp sức truyền giảng giáo pháp trong quá khứ để hiển lộ bản nguyên. Phần hiển lộ bản nguyên có hai ý. Thứ nhất là nói bản nguyên xa, thứ hai là nói bản nguyên gần. Bản nguyên xa thì mờ mịt khó tin nên lược đi không nói, chỉ nêu ra bản nguyên gần trong khoảng [thời đại giáo hóa của] 90 ức [vị Phật quá khứ]. [Những vị] có trí túc mệnh có thể biết được về bản nguyên gần, cho nên nêu ra bản nguyên gần để chứng minh cho bản nguyên xa.

Nói chung kinh văn nói về 90 ức [vị Phật quá khứ] là nêu rõ đầy đủ việc giúp Phật truyền giảng [các phần] giáo pháp như 5 vị [của sữa] để điều phục thuần thục chúng sanh. Nói *"bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng"* tức là dựa theo Phật mà giúp sức truyền giảng giáo pháp [A-hàm giống như] vị của sữa. Nói *"chánh pháp của chư Phật"* tức là dựa theo Phật mà giúp sức truyền giảng giáo pháp Phương đẳng giống như vị của váng sữa sống (sanh tô). *"Lại thông đạt rõ ràng sáng tỏ đối với pháp không"* tức là dựa theo Phật mà giúp sức truyền giảng giáo pháp giống như vị váng sữa chín (thục tô), lại cũng giống như đức Phật [Thích-ca] ngày nay chuyển pháp luân thuyết pháp Bát-nhã giảng rõ 6 pháp ba-la-mật, hỗ tương qua lại, thâu nhiếp lẫn nhau, xoay chuyển không ngăn ngại. [Ngài Phú-lâu-na] ở nơi 90 ức vị Phật [quá khứ] cũng giúp sức truyền giảng giáo pháp giống như ngày nay không khác. *"Người đời thuở ấy đều cho rằng Phú-lâu-na quả thật là Thanh văn."* Vào lúc ấy còn chưa nêu rõ hình tích thị hiện, chỉ nói là [Thanh văn] vâng lệnh Phật để thuyết giảng giáo pháp Bát-nhã, không nói là Đại Bồ Tát. *"Giáo*

hóa vô số a-tăng-kỳ chúng sanh khiến cho đều trụ yên trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", tức là giúp sức truyền giảng giáo pháp [Nhất thừa giống như] vị đề hồ. Nghĩa này y theo kinh văn có thể hiểu được. Đại lược là như thế.

KINH VĂN

Này các tỳ-kheo! Trong thời kỳ 7 vị Phật, Phú-lâu-na cũng là bậc nhất trong những người thuyết pháp, cho nên hiện nay ở chỗ của ta là bậc nhất trong những người thuyết pháp.[1] Đến thời chư Phật tương lai trong Hiền kiếp này,[2] Phú-lâu-na cũng sẽ là bậc nhất trong những người thuyết pháp, hơn nữa còn bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng pháp Phật, cũng như trong tương lai sẽ bảo vệ giữ gìn và giúp sức truyền giảng giáo pháp của vô số chư Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô số chúng sanh, khiến cho phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại vì cõi Phật thanh tịnh mà thường chuyên cần tinh tấn giáo hóa chúng sanh, dần dần trọn đủ đạo của hàng Bồ Tát.

❖ Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"Này các tỳ-kheo! Trong thời kỳ 7 vị Phật..."* trở đi, nói về công hạnh tu nhân [của ngài Phú-lâu-na] trong cả 3 đời chư Phật, quá khứ, hiện tại và tương lai. Phần này y theo kinh văn có thể hiểu được, không cần giải thích. Cũng có thể dựa theo những giải thích ở trước về việc ngài giúp sức truyền giảng các phần giáo pháp chưa rốt ráo và rốt ráo viên mãn, giống như 5 vị của sữa, làm lợi ích cho hàng Đại thừa cũng như Tiểu thừa.[3]

---

[1] Bảy vị Phật (七佛) bao gồm cả đức Phật Thích-ca, cụ thể là Tỳ-bà-thi Phật (毘婆尸佛), Thi-khí Phật (尸棄佛), Tỳ-xá-phù Phật (毘舍浮佛), Câu-lưu-tôn Phật (拘留孫佛), Câu-na-hàm Mâu-ni Phật (拘那含牟尼佛), Ca-diếp Phật (迦葉佛) và Thích-ca Mâu-ni Phật (釋迦牟尼佛).

[2] Bản Anh dịch của H. Kern là "996 vị Phật" (a thousand less four).

[3] Đến đây là hết quyển 7 của Văn Cú, bắt đầu quyển 8.

KINH VĂN

Dần dần trọn đủ đạo của hàng Bồ Tát, trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp rồi Phú-lâu-na sẽ ở cõi này mà thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đức Phật Pháp Minh dùng số thế giới đại thiên nhiều như số cát sông Hằng làm một cõi Phật,[1] mặt đất bằng bảy món báu, bằng phẳng như lòng bàn tay, không có núi, gò, suối, khe, ngòi, rãnh… Những lầu đài xây bằng bảy món báu đầy khắp trong cõi nước. Cung điện chư thiên ở giữa không trung nhưng rất gần mặt đất nên loài người và chư thiên có thể giao tiếp với nhau, nhìn thấy được nhau; không có các đường xấu ác, không có nữ giới,[2] hết thảy chúng sanh đều là hóa sanh, không có sự dâm dục; có thần thông lớn, thân tỏa hào quang, bay đi tự tại giữa không trung, có ý chí và niệm tưởng kiên cố, đủ các phẩm tính trí tuệ và tinh tấn; thân thể có màu vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt[3] để tự thành dáng vẻ trang nghiêm.

Chúng sanh cõi ấy thường dùng hai loại thức ăn. Thứ nhất là thức ăn bằng niềm vui chánh pháp, thứ hai là thức ăn bằng niềm vui thiền định. Cõi Phật ấy có vô số a-tăng-kỳ ngàn muôn ức na-do-tha các vị Bồ Tát, đều đạt được thần thông lớn lao, đủ bốn trí không ngăn ngại, thường khéo giáo hóa các loài chúng sanh. Số lượng

---

[1] Bản Anh dịch của H. Kern nói là "trông giống như được hình thành từ nhiều ngàn cõi nước nhiều như số cát của con sông Hằng" (...will look as if formed by thousands of spheres similar to the sands of the river Ganges).

[2] Kinh văn nói "無女人 - vô nữ nhân", nghĩa là không có nữ giới, nhưng như vậy thì cũng không có sự phân biệt để gọi là "nam giới", như câu kinh tiếp theo nói "không có sự dâm dục", cho nên có thể hiểu sự mô tả ở đây như là "không có giới tính". Tất cả chúng sanh đều hóa sanh nên không có sự khác biệt giới tính.

[3] Kinh văn chỉ nói là 32 tướng (三十二相 - tam thập nhị tướng), bản Anh dịch của H. Kern nói đủ hơn là "32 tướng của bậc đại nhân" (thirty-two characteristics of a great man). Bản Hán dịch Chánh Pháp hoa kinh cũng nói đủ là "32 tướng biểu lộ của bậc đại nhân" (三十二表大人之相 - tam thập nhị biểu đại nhân chi tướng). Theo cách hiểu thông thường thì ở đây chỉ đến 32 tướng tốt giống như của đức Phật.

Thanh văn ở cõi ấy nhiều đến mức tính toán đếm kể đều không thể biết được số lượng, tất cả đều đạt được đầy đủ sáu thần thông, ba sự sáng suốt cùng tám giải thoát. Cõi Phật ấy thành tựu vô số những công đức trang nghiêm như thế. Thời đại ấy tên là Bảo Minh, cõi nước tên Thiện Tịnh. Đức Phật Pháp Minh có tuổi thọ vô số a-tăng-kỳ kiếp, chánh pháp trụ ở đời rất lâu. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, chúng sanh dựng tháp bằng bảy báu khắp nước để thờ kính.

◆ Đoạn thứ hai nói việc thụ ký, bắt đầu từ câu *"Dần dần trọn đủ đạo của hàng Bồ Tát"* trở đi, kinh văn chia làm 7 tiểu đoạn.

❖ Thứ nhất, nêu rõ việc tu nhân trọn đủ; thứ hai, từ câu *"trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp"*, nêu rõ quả vị viên mãn; thứ ba, nêu cõi nước rộng lớn thanh tịnh; thứ tư, nêu tên cõi nước và thời đại; thứ năm, nêu tuổi thọ của Phật; thứ sáu, nêu việc chánh pháp trụ ở đời rất lâu; thứ bảy, nêu việc cúng dường xá-lợi sau khi Phật nhập diệt.

❖ Tiểu đoạn thứ ba nói về cõi nước rộng lớn thanh tịnh lại chia thành 5 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất nói rõ cõi nước ấy rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh. *"Đất... bằng phẳng như lòng bàn tay."* Kinh văn nói rõ là như *"lòng bàn tay"* chứ không nói như "bàn tay". Bàn tay không bằng phẳng, cho nên không dẫn ra để so sánh. Ở dưới đáy biển có một loại đá gọi là *"lòng bàn tay"*, trên mặt đá ấy chẳng có một điểm nhỏ nào là không bằng phẳng nên được xem như lòng bàn tay của biển. Lại nữa, trong kinh Hiền kiếp nói rằng, đây là so sánh lòng bàn tay Phật, không phải lấy bàn tay người thường để so sánh.[1]

[1] Ở đây Văn Cú nói quá giản lược nên hơi khó hiểu. Tham khảo sách Pháp hoa nghĩa sớ (法華義疏) của ngài Cát Tạng (吉藏), trong quyển 9 nói chi tiết hơn, rằng có 2 cách giải thích. Thứ nhất, nói "đất bằng như lòng bàn tay" vì khi đang thuyết kinh đức Phật chỉ vào lòng bàn tay của Phật để nêu ví dụ. Thứ hai, vì dưới đáy biển có một tảng đá vuông vức mỗi bề rộng đến 4.000 dặm bằng phẳng như mặt

▪ Phân đoạn thứ hai nêu rõ cõi Phật ấy chỉ có thuần các đường lành.[1]

▪ Phân đoạn thứ ba nêu rõ chư thiên và loài người ở cõi Phật này có đầy đủ phước đức và trí tuệ.

Kinh Nguyệt tạng, quyển 9[2] nói về [3 loại thức ăn là] pháp thực, hỷ thực và thiền thực, kinh văn ở đây nói tổng quát là pháp hỷ thực (thức ăn bằng niềm vui chánh pháp) và thiền duyệt thực (thức ăn bằng niềm vui thiền định). Nếu phân biệt thì nên kể ra thành 3 loại khác nhau.

▪ Phân đoạn thứ tư nêu rõ số lượng đại chúng Bồ Tát, Thanh văn [ở cõi Phật ấy] rất nhiều.

▪ Phân đoạn thứ năm nói tóm kết tổng quát [về vô lượng công đức]. Kinh Nguyệt tạng, quyển 5 nói rằng, người không giết hại có 10 công đức. Thứ nhất là được sự an ổn không sợ sệt đối với tất cả chúng sanh, cho đến thứ mười là sau khi mệnh chung sẽ tái sanh vào cảnh giới lành.[3] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì trong cõi Phật ấy

---

kính, được gọi là "chưởng thạch - 掌石" (đá lòng bàn tay), cho nên đức Phật nêu ra để so sánh.

[1] Vì kinh văn nói không có các đường ác, tức là không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thuần các đường lành tức là chỉ có các cảnh giới chư thiên và loài người.

[2] Văn Cú gọi là Nguyệt tạng kinh (月藏經), quyển 9, nay tìm thấy là một phần trong Đại phương đẳng Đại tập kinh (大方等大集經), quyển 55, tức là Nguyệt tạng phần (月藏分). Trong các bản Mục lục cũng còn thấy ghi Nguyệt tạng kinh, 10 quyển, nhưng hiện không còn thấy phiên bản này, chỉ còn tìm được phần in chung trong kinh Đại tập. Nội dung trích dẫn ở đây được tìm thấy trong Đại Chánh tạng, Tập 13, số 397, trang 363, tờ a.

[3] Văn Cú chỉ nói lược, phần kinh văn được trích dẫn nêu đầy đủ 10 công đức này là: thứ nhất, không sợ sệt đối với tất cả chúng sanh; thứ hai, khởi tâm đại từ đối với tất cả chúng sanh; thứ ba, dứt trừ hết tập khí xấu ác; thứ tư, ít bệnh khổ, ít phiền não, làm việc quyết đoán; thứ năm, được tuổi thọ lâu dài; thứ sáu, được các loài phi nhân theo bảo vệ; thứ bảy, ngủ nghỉ an ổn, không có ác mộng; thứ tám, không có người thù oán; thứ chín, không sợ sệt các đường ác; thứ mười, sau khi mệnh chung được tái sinh vào cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ b, dòng 8 đến dòng 13.)

không có nỗi lo sợ đánh đập làm hại nhau, người trong cõi nước ấy có tuổi thọ lâu dài.[1]

[Cũng trong kinh Nguyệt tạng nói] người không trộm cướp có 10 công đức. Thứ nhất là được quả báo đầy đủ lớn lao, làm việc quyết đoán không có trở ngại; cho đến thứ mười là sau khi chết được tái sanh vào cảnh giới lành. [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì cõi Phật ấy có hoa báu trang nghiêm đầy khắp mọi nơi.[2]

Người không dâm dục[3] lại có 10 công đức. Thứ nhất là các căn đầy đủ tốt đẹp, làm việc quyết đoán, cho đến [thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào cảnh giới lành.[4] [Về sau

[1] Phần nội dung này trong kinh Đại tập trình bày riêng và nói rõ, nếu có thể đem công đức giữ giới không giết hại này hồi hướng về quả vị Bồ-đề, tinh tấn tu tập thành tựu quả Phật, thì khi ấy cõi Phật của vị này không có nỗi lo sợ đánh đạp làm hại, và những chúng sanh nào được tuổi thọ dài lâu sẽ sanh về cõi ấy. Văn Cú lược dẫn nên có vẻ như những điều này thuộc về công đức thứ mười. Chúng tôi đã tách ra theo đúng nội dung kinh văn. Sự tách riêng này cũng cho thấy rõ, việc giữ giới không phải nhân tạo thành quả Phật, mà chỉ mang lại thêm một phần tốt đẹp nếu người giữ giới có nỗ lực tu tập thành Phật. Đối với các điều còn lại tiếp theo sau đây cũng tương tự như vậy. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ b, dòng 13-17.)

[2] Tương tự như điều trên, ở đây theo kinh văn kể ra đầy đủ 10 công đức là: thứ nhất, được quả báo đầy đủ lớn lao, làm việc quyết đoán; thứ hai, có được tài sản riêng, không phải chung cùng với người khác; thứ ba, tài sản không sợ bị tiêu tán bởi 5 mối họa: vua quan, trộm cướp, hỏa hoạn, lụt lội và con cái hư hỏng; thứ tư, luôn được mọi người thương yêu kính trọng không hề chán ghét; thứ năm, dạo chơi khắp nơi đều không gặp ngăn trở; thứ sáu, đi lại không sợ sệt; thứ bảy, thường vui thích bố thí; thứ tám, tiền tài vật báu tuy không mong cầu mà tự nhiên nhanh chóng có được; thứ chín, tài sản có được rồi không bị tiêu tán; thứ mười, sau khi mệnh chung được tái sanh về cảnh giới lành. Câu cuối cùng nói về cõi Phật trang nghiêm nếu người giữ giới này tinh tấn tu tập thành tựu quả Phật. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ b, dòng 18 đến dòng 28.)

[3] Văn Cú nói "不婬- bất dâm" (không dâm dục), nhưng trong kinh Nguyệt tạng, tức bản kinh được trích dẫn, lại nói là "休息邪婬 - hưu tức tà dâm" (ngưng dứt việc tà dâm). Xét bối cảnh ở đây trình bày 10 nghiệp lành dạy cho người cư sĩ nên đề cập đến "tà dâm" hợp lý hơn là đoạn dứt dâm dục. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ b, dòng 29.)

[4] Kinh văn nói đủ 10 công đức của người không tà dâm là: thứ nhất, được các căn đầy đủ tốt đẹp, làm việc quyết đoán; thứ hai, được an trú trong sự thanh tịnh xa lìa

nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì cõi Phật ấy không có nữ giới.

Người không nói dối có 10 công đức. Thứ nhất là lời nói được chúng sanh tin tưởng, cho đến [thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào cảnh giới lành.[1] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì cõi Phật ấy không có mùi hôi thối, có hoa báu đầy khắp mọi nơi.

Người không nói hai lưỡi có 10 công đức. Thứ nhất là thân thể không hư hoại, cho đến [thứ mười là] sau khi chết được tái sanh vào cảnh giới lành.[2] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì ở cõi Phật ấy ma oán và đồng đảng đều không thể phá hoại được quyến thuộc.

Người không nói lời độc ác có 10 công đức. Thứ nhất là

---

tham dục; thứ ba, không quấy nhiễu, gây buồn khổ cho người khác; thứ tư, thường khiến cho mọi người hài lòng; thứ năm, mọi người đều ưa thích ngắm nhìn; thứ sáu, thường phát khởi sự chuyên cần tinh tấn; thứ bảy, thấy được sự đáng sợ của vòng sanh tử; thứ tám, thường vui thích làm việc bố thí; thứ chín, thường ưa thích tìm cầu chánh pháp; thứ mười, sau khi chết được tái sanh về cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ c, dòng 1 đến dòng 4.)

[1] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của việc không nói dối là: thứ nhất, được mọi người tin tưởng, nói ra điều gì cũng được tin cậy; thứ hai, dù ở bất cứ nơi đâu, thậm chí đối với chư thiên, nói ra điều gì cũng đúng; thứ ba, mở miệng nói thì có hương thơm tỏa ra như hương hoa sen xanh; thứ tư, ở giữa hàng trời người có thể một mình làm chứng để sáng tỏ sự việc; thứ năm, được mọi người thương yêu cung kính, không còn nghi hoặc; thứ sáu, thường nói ra những lời chân thật; thứ bảy, tâm ý luôn thanh tịnh; thứ tám, thường không nói những lời siểm nịnh, nói ra điều gì luôn thích hợp; thứ chín, thường được nhiều niềm vui; thứ mười, sau khi chết được tái sanh vào cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ c, dòng 9 đến dòng 15.)

[2] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của việc không nói hai lưỡi là: thứ nhất, thân thể được an ổn không thể làm hại; thứ hai, quyến thuộc được an ổn hòa thuận không thể phá hoại; thứ ba, bạn bè thân hữu an ổn không lừa dối phá hoại; thứ tư, niềm tin kiên định không bị phá hoại; thứ năm, được pháp bình đẳng không hư hoại; thứ sáu, oai nghi bình đẳng không thể phá hoại; thứ bảy, thiền quán an ổn không thể phá hoại; thứ tám, chánh định an ổn không thể phá hoại; thứ chín, đạt sức nhẫn nhục an ổn không thể phá hoại; thứ mười, sau khi chết tái sanh về cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 327, tờ c, dòng 20 đến dòng 25.)

lời nói êm ái dễ nghe, cho đến [thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào cảnh giới lành.[1] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì cõi Phật ấy có âm thanh thuyết pháp đầy khắp mọi nơi, [không có những lời xấu ác].[2]

Người không nói lời thêu dệt có 10 công đức. Thứ nhất là được chư thiên và loài người yêu mến kính trọng, cho đến [thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào đường lành.[3] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì [những chúng sanh có hình thể đoan chánh được sanh về] cõi Phật ấy, có trí nhớ lâu dài không quên, thường ưa thích lìa xa dục lạc.[4]

Người không tham lam có 10 công đức. Thứ nhất là các căn trong thân không khiếm khuyết, [cho đến thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào cảnh giới lành.[5] [Về sau nếu tu

---

[1] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của người không nói lời độc ác là: thứ nhất, lời nói êm dịu dễ nghe; thứ hai, lời nói thông tuệ lưu loát; thứ ba, luôn nói lời hợp lý lẽ; thứ tư, luôn nói lời tốt đẹp; thứ năm, nói ra lời nào đều đúng đắn, chính xác; thứ sáu, luôn nói lời chính trực, thẳng thắn; thứ bảy, luôn nói lời không sợ sệt; thứ tám, không nói những lời khinh miệt, xúc phạm; thứ chín, nói lời phân biện chánh pháp rõ ràng sáng tỏ; thứ mười, sau khi chết được tái sanh về cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ a, dòng 2 đến dòng 5.)

[2] Văn Cú không có ý này, nhưng kinh văn nói "離諸惡語 - ly chư ác ngữ".

[3] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của người không nói lời thêu dệt là: thứ nhất, được chư thiên và loài người yêu kính; thứ hai, được những người sáng suốt tán thành vui theo; thứ ba, thường yêu thích sự thật; thứ tư, không phải thường sống chung với những kẻ mà người trí không ưa thích; thứ năm, nghe được điều gì đều có thể nhận hiểu lãnh hội; thứ sáu, thường được người khác tôn trọng yêu kính; thứ bảy, thường ưa thích và được sống nơi yên tĩnh vắng vẻ; thứ tám, thành ưa thích sự tịch lặng an nhiên của bậc hiền thánh; thứ chín, thường lìa xa kẻ xấu ác, gần gũi bậc hiền thánh; thứ mười, sau khi chết được sanh vào cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ a, dòng 9 đến dòng 14.)

[4] Văn Cú chỉ nói "強記不忘 - cường ký bất vong" nhưng kinh văn đoạn này nói là "端正眾生來生其國強記不忘樂住離欲 - đoan chánh chúng sanh lai sanh kỳ quốc cường ký bất vong nhạo trụ ly dục".

[5] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của người không tham lam là: thứ nhất, các căn của thân không khiếm khuyết; thứ hai, khẩu nghiệp được thanh tịnh; thứ ba, tâm ý không tán loạn; thứ tư, được quả báo thù thắng; thứ năm, được giàu có sang quý; thứ sáu, được mọi người ưa thích ngắm nhìn; thứ bảy, những quả báo đã đạt được thì quyến thuộc không thể phá hoại; thứ tám, thường được gặp gỡ với những người

tập viên mãn] thành Phật thì cõi Phật ấy không có chúng ma và các hạng ngoại đạo.

Người không sân hận có 10 công đức. Thứ nhất là xa lìa tất cả những sự sân hận, cho đến [thứ mười là] sau khi chết được tái sanh vào cảnh giới lành.[1] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì những chúng sanh dạt được tam-muội sẽ sanh về cõi Phật ấy, tâm hết sức thanh tịnh.

Người không tà kiến có 10 công đức. Thứ nhất, tâm tánh hiền thiện nhu hòa, cho đến [thứ mười là] sau khi chết tái sanh vào cảnh giới lành.[2] [Về sau nếu tu tập viên mãn] thành Phật thì chúng sanh ở cõi Phật ấy có lòng tin chân chánh.[3]

---

sáng suốt; thứ chín, thường không xa lìa âm thanh thuyết pháp; thứ mười, sau khi chết được tái sanh vào cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ a, dòng 19 đến dòng 23.)

[1] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của người không sân hận là: thứ nhất, xa lìa hết thảy mọi sự sân hận; thứ hai, không tham muốn tích chứa tài vật; thứ ba, các bậc thánh đều vui thích hài lòng; thứ tư, thường được gặp gỡ các bậc hiền thánh; thứ năm, thường được những sự lợi ích; thứ sáu, thường được dung nhan đoan chánh; thứ bảy, nhìn thấy chúng sanh vui mừng liền sanh tâm hoan hỷ; thứ tám, đạt được chánh định; thứ chín, thân, miệng và ý đều được nhu hòa điều thuận tốt đẹp; thứ mười, sau khi chết được tái sanh về cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ a, dòng 28 đến tờ b dòng 4.)

[2] Kinh văn nêu đủ 10 công đức của người không tà kiến là: thứ nhất, tâm tánh hiền thiện nhu hòa, bạn bè hiền lành; thứ hai, dù có nghiệp báo đến, thậm chí khiến phải mất mạng cũng không khởi sanh các niệm xấu ác; thứ ba, hết lòng kính tin Tam bảo, ví như có được thiên thần cứu sống cũng không tin theo; thứ tư, giữ theo chánh kiến, không kinh sợ những điều quái dị, cũng không theo việc lựa chọn ngày giờ tốt xấu; thứ năm, thường được sanh trong hai cõi trời, người, lìa xa các cảnh giới xấu ác; thứ sáu, thường vui thích với những việc tạo phúc đức, được người sáng suốt có trí tuệ ngợi khen xưng tán; thứ bảy, từ bỏ các lễ nghi của thế tục, thường cầu Thánh đạo giải thoát; thứ tám, xa lìa các quan điểm đoạn kiến và thường kiến, thể nhập được pháp nhân duyên sanh; thứ chín, thường được gặp gỡ với những người có sự phát tâm và khuynh hướng chân chánh; thứ mười, sau khi chết sẽ được tái sanh về cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ b, dòng 9 đến dòng 16.)

[3] Văn Cú nói "國人正信 - quốc nhân chánh tín" (người trong cõi Phật ấy có lòng tin chân chánh), tức là muốn toám lược ý chính. Kinh văn đoạn này nói đầy đủ là "功德智慧一切善根莊嚴眾生來生其國, 不信天神離惡道畏, 於彼命終還生善道

KINH VĂN

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại những ý nghĩa trên liền nói kệ rằng:

Các tỳ-kheo, lắng nghe!
Hàng con Phật hành đạo,
Do khéo học phương tiện,
Nên không thể nghĩ bàn.
Biết người ưa pháp nhỏ,
E sợ trí tuệ lớn,
Nên các vị Bồ Tát,
Hiện Thanh văn, Duyên giác.
Dùng vô số phương tiện,
Giáo hóa khắp muôn loài.
Tự nhận là Thanh văn,
Còn cách Phật rất xa,
Độ thoát vô số người,
Khiến cho đều thành tựu.

Tuy cầu Tiểu, lười nhác,
Dần khiến cho thành Phật.
Trong giấu hạnh Bồ Tát,
Ngoài hiện tướng Thanh văn.
Ít muốn, chán sanh tử,
Tự thanh tịnh cõi Phật.
Thị hiện có ba độc,
Lại có tướng tà kiến.
Đệ tử Phật như thế,
Phương tiện độ chúng sanh.
Nếu như Phật thuyết đủ,
Mọi phương tiện hóa hiện,
Chúng sanh nghe như vậy,
Hẳn ôm lòng nghi hoặc.

■ Phần kệ tụng có 21 khổ rưỡi; tụng lại ý nghĩa trong văn trường hàng ở trước nêu rõ hình tích [của ngài Phú-lâu-na] và thụ ký cho ngài sẽ thành Phật, [chia làm 2 đoạn]. Đoạn thứ nhất có 14 khổ kệ nêu rõ về hình tích [của ngài Phú-lâu-na]. Đoạn thứ hai có 7 khổ rưỡi tụng về việc thụ ký [cho ngài Phú-lâu-na].

◆ Đoạn thứ nhất lại chia làm 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất có 7 khổ kệ, tụng nêu tổng quát về hình tích hiển lộ của hàng Thanh văn, tức là tụng lại ý nghĩa trong phần văn trường hàng tổng xưng *"chúng con"*. Tiểu đoạn thứ hai

- công đức trí tuệ nhất thiết thiện căn trang nghiêm chúng sinh lai sinh kì quốc, bất tín thiên thần ly ác đạo úy, ư bỉ mệnh chung hoàn sinh thiện đạo". - Những chúng sanh tốt đẹp có đủ mọi căn lành công đức trí tuệ sanh về cõi Phật ấy, không tin theo thiên thần, lìa xa sự sợ hãi các đường ác, sau khi mệnh chung ở cõi ấy lại cũng được sanh vào cảnh giới lành. (Xem Đại Chánh tạng, Tập 13, kinh số 397, trang 328, tờ b, dòng 20 đến dòng 22.)

có 7 khổ kệ, tụng lại phần văn trường hàng ở trước nêu rõ hình tích hiển lộ của ngài Phú-lâu-na.[1]

❖ Tiểu đoạn thứ nhất tụng nghĩa tổng quát lại có 5 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất gồm 1 khổ kệ, nêu tổng quát về việc làm của người con Phật khó nhận hiểu vì đã đạt được pháp thương xót thị hiện hình tích.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"biết người ưa pháp nhỏ"* trở đi gồm 1 khổ kệ nêu rõ nguyên do thương xót thị hiện hình tích.

▪ Phân đoạn thứ ba từ câu *"dùng vô số phương tiện"* trở đi, gồm 2 khổ kệ, nêu rõ lợi ích của sự thương xót thị hiện hình tích.

▪ Phân đoạn thứ tư, kể từ câu *"trong giấu hạnh Bồ Tát"* trở đi gồm 2 khổ kệ, nêu rõ việc [chư Bồ Tát] bên trong thường giữ đạo Đại thừa nhưng bên ngoài thị hiện phạm lỗi Tiểu thừa.

▪ Phân đoạn thứ năm từ câu *"Nếu như Phật thuyết đủ"* trở đi gồm 1 khổ kệ chỉ lược nói việc tạm ẩn giấu giáo pháp Đại thừa. Nói *"cầu Tiểu"* là chỉ cho việc cầu pháp Tiểu thừa; nói *"lười nhác"* là chỉ sự thối tâm Đại thừa. Không chỉ thị hiện làm Thanh văn mà còn thị hiện làm ngoại đạo cũng như phàm phu có đủ ba độc, như Xá-lợi-phất có sân, Nan-đà có tham, Điều-đạt có si... Đại lược là như thế.

KINH VĂN

Ông Phú-lâu-na này,
Xưa với ngàn ức Phật,
Đã chuyên cần tu tập,
Gìn giữ, thuyết pháp Phật.

Cầu trí tuệ Vô thượng,
Nên ở nơi chư Phật,
Đứng đầu hàng đệ tử,
Nghe nhiều, có trí tuệ,

[1] Văn Cú vẫn dùng tên dịch nghĩa là Mãn Nguyện (滿願), chúng tôi điều chỉnh thống nhất một tên gọi theo trong kinh Pháp hoa để độc giả tiện theo dõi.

Thuyết giảng không sợ sệt,
Khiến người nghe hoan hỷ.
Chưa bao giờ chán mệt,
Trợ giúp các Phật sự.
Đã được thần thông lớn,
Đủ bốn trí vô ngại,
Biết căn tánh nhanh, chậm,
Thường thuyết pháp thanh tịnh,
Giảng rõ nghĩa "như thị",
Giáo hóa ngàn ức người,
Khiến trụ nơi Đại thừa,
Tự thanh tịnh cõi Phật.
Tương lai cũng cúng dường,
Vô số các đức Phật,
Trợ giúp truyền chánh pháp,
Tự thanh tịnh cõi Phật.
Thường dùng các phương tiện,
Thuyết pháp, không sợ sệt,
Độ vô số chúng sanh,
Thành tựu Nhất thiết trí.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Ông Phú-lâu-na này"* trở đi, gồm 7 khổ kệ tụng nêu rõ hình tích của ngài Phú-lâu-na thuở xưa. Nội dung này trong kinh văn trường hàng có 3 phần, nay chỉ lược tụng thành 2 phân đoạn.

▪ Phân đoạn thứ nhất có 5 khổ kệ tụng nêu rõ việc quá khứ.

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Tương lai cũng cúng dường"* trở đi gồm 2 khổ kệ, tụng về nhân tố tu hành [của ngài Phú-lâu-na] nơi đạo tràng của 3 đời chư Phật, quá khứ, hiện tại và vị lai. [Như vậy là] lược bớt không tụng về 7 vị Phật [quá khứ] và Phật [Thích-ca] trong hiện tại.

KINH VĂN

Cúng dường các đức Phật,
Gìn giữ kho Pháp báu.
Về sau được thành Phật,
Danh hiệu là Pháp Minh,
Cõi nước tên Thiện Tịnh,
Do bảy báu hợp thành,
Thời đại tên Bảo Minh.
Chúng Bồ Tát rất đông,
Nhiều đến vô số ức,
Đều đạt thần thông lớn,
Đủ các lực, oai đức,
Đầy khắp cả cõi nước.
Thanh văn cũng vô số,
Ba minh, tám giải thoát,
Bốn trí không ngăn ngại,
Cùng hợp thành chúng tăng.
Chúng sanh cõi Phật ấy,
Đã dứt trừ dâm dục,

Đều do biến hóa sanh,
Đủ tướng tốt trang nghiêm,
Dùng pháp hỷ, thiền duyệt,
Không muốn ăn gì khác.
Cõi ấy không nữ giới,
Cũng không các đường ác.
Tỳ-kheo Phú-lâu-na,
Công đức đã trọn đủ,
Thành tựu cõi tịnh ấy,
Chúng hiền thánh rất đông.
Vô số việc như vậy,
Nay ta chỉ lược nói.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"cúng dường các đức Phật"* trở đi, gồm 7 khổ rưỡi kệ tụng về việc thụ ký. Kinh văn trường hàng có 7 phần, nay phần kệ chỉ tụng thành 4 tiểu đoạn.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm nửa khổ kệ đầu tiên tụng về nhân tu hành đã trọn vẹn.

❖ Tiểu đoạn thứ hai nửa khổ kệ tiếp theo tụng về quả thuần thục đầy đủ.

❖ Tiểu đoạn thứ ba từ câu *"Cõi nước tên Thiện Tịnh"* trở đi gồm 3 câu tụng vượt sang tên hiệu cõi nước và thời đại.

❖ Tiểu đoạn thứ tư từ câu *"Chúng Bồ Tát rất đông"* trở đi gồm 5 khổ kệ và 3 câu, tụng về cõi nước [của Phật ấy] thanh tịnh rộng rãi, lược bớt không tụng [các yếu tố] thọ mạng [của Phật], thời gian chánh pháp trụ thế, sau khi Phật diệt độ dựng tháp [thờ kính]...

KINH VĂN

Bấy giờ, 1.200 vị A-la-hán tâm đạt tự tại liền khởi lên ý nghĩ rằng: "Chúng con đều hoan hỷ, được điều chưa từng có. Nếu như mỗi người chúng con đều được đức Thế Tôn thụ ký cho giống như các vị đại đệ tử kia, chẳng phải là vui thích lắm sao!" Đức Phật rõ biết suy nghĩ trong tâm các vị ấy, liền bảo ngài Ma-ha Ca-diếp: "Nay ta sẽ lần lượt theo thứ tự mà thụ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho 1.200 A-la-hán này.

"Trong đại chúng này, đại đệ tử của ta là Tỳ-kheo Kiều-trần-như rồi sẽ cúng dường 62.000 ức vị Phật, sau đó thành Phật hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.
Ngoài ra, 500 A-la-hán trong số này, những vị như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Ca-lưu-đà-ni, Ưu-đà-di, A-nậu-lâu-đà, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, Chu-đà, Sa-già-đà… cũng đều sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều cùng một danh hiệu là Phổ Minh.

■ Phần thứ hai nói việc thụ ký cho 1.200 vị chia thành 3 tổng đoạn. Tổng đoạn thứ nhất là khởi niệm thỉnh Phật thụ ký, tổng đoạn thứ hai là Phật thụ ký và tổng đoạn thứ ba 3 là [các vị đệ tử] trình bày sự nhận hiểu.

▣ Tổng đoạn thứ nhất [nêu việc các đệ tử] khởi niệm thỉnh Phật thụ ký thì y theo kinh văn có thể hiểu được.

▣ Tổng đoạn thứ hai nói việc Phật thụ ký, kinh văn chia ra có văn trường hàng và kệ tụng. Phần kinh văn trường hàng lại có 3 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất nói việc đức Phật đưa ra lời hứa chung sẽ thụ ký cho tất cả 1.200 vị.

◆ Đoạn thứ hai nói riêng về việc thụ ký cho ngài Kiều-trần-như. Ngài Kiều-trần-như là vị đệ tử ngộ đạo trước nhất, đứng hàng đầu trong đại chúng nên được thụ ký riêng.

◆ Đoạn thứ ba nói riêng về việc thụ ký cho 500 vị. Vì 500 vị ấy [khi thành Phật sẽ] cùng một danh hiệu nên được thụ ký riêng.

Hỏi: Chỉ thấy có 500 vị được thụ ký, không thấy đủ số 1.200 vị?

Đáp: 500 vị này tức là trong số 1.200 vị ấy. Trong phần kệ tụng, 1 khổ rưỡi kệ cuối cùng là nói việc thụ ký chung cho 700 vị [còn lại], cho nên tất cả là 1.200 vị.

Lại nữa, trong phẩm *Khuyến khích thọ trì* nói rằng: *"Ta trước đây đã thụ ký chung, tất cả Thanh văn đều đã được thụ ký rồi."* Như vậy tức là chỉ đến 1 khổ rưỡi kệ này, không phải chỉ thụ ký cho 700 Thanh văn mà thôi.

KINH VĂN

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn lặp lại những ý nghĩa này nên nói kệ rằng:

Tỳ-kheo Kiều-trần-như,
Sẽ gặp vô số Phật,
Qua a-tăng-kỳ kiếp,
Mới thành Chánh Đẳng Giác.
Thường phóng hào quang lớn,
Đầy đủ các thần thông,
Vang danh khắp mười phương,
Chúng sanh đều cung kính.
Thường thuyết đạo Vô thượng,
Nên hiệu là Phổ Minh.
Cõi Phật ấy thanh tịnh,
Bồ Tát đều dũng mãnh,
Ở trên lầu gác đẹp.
Dạo chơi khắp mười phương,
Dùng những món quý nhất,
Phụng hiến lên chư Phật.
Cúng dường như như vậy rồi,
Trong lòng rất hoan hỷ,
Thoáng chốc đã quay về,
Có thần lực như vậy.
Phật trụ sáu muôn kiếp,
Chánh pháp trụ lâu hơn,
Tượng pháp lâu hơn nữa,[1]
Pháp diệt, trời người buồn.
Năm trăm A-la-hán,
Theo thứ tự thành Phật,
Cùng một hiệu Phổ Minh,
Lần lượt thụ ký rằng:
"Sau khi ta diệt độ,
Vị này sẽ thành Phật,[2]
Việc giáo hóa trong đời,
Cũng giống ta ngày nay."
Về cõi Phật nghiêm tịnh,
Cùng những sức thần thông,
Chúng Thanh văn, Bồ Tát,
Chánh pháp, rồi tượng pháp,
Trụ thế bao nhiêu kiếp,
Đều như trên đã nói.

[1] Bản Anh dịch của H. Kern nói tương đồng về thời gian Phật trụ thế (sixty thousand Æons), và nói Chánh pháp trụ thế lâu gấp đôi thời gian Phật trụ thế (his true law shall remain twice as long in the world), tượng pháp lại trụ thế lâu gấp ba lần (the counterfeit of it shall continue three times as long).

[2] Bản Hán văn dùng chữ "mỗ giáp" (某甲當作佛 - mỗ giáp đương tác Phật) để phiếm chỉ một tên gọi bất kỳ, hàm ý các vị A-la-hán này khi thành Phật rồi đều sẽ lần lượt thụ ký cho vị Phật tiếp theo sau mình giống như vậy, thay chữ "mỗ giáp" bằng danh hiệu của người được thụ ký.

Ca-diếp, ông đã biết,
Năm trăm vị tự tại.
Các vị Thanh văn khác,
Cũng đều sẽ như vậy.
Ai vắng mặt hội này,
Ông nên vì họ nói.

■ Phần kệ tụng có 11 khổ kệ, và chia ra làm 2 đoạn. Đoạn thứ nhất có 9 khổ rưỡi kệ, tụng về việc thụ ký cho ngài Kiều-trần-như và 500 vị khác. Đoạn thứ hai có 1 khổ rưỡi kệ, nói về việc thụ ký chung cho tất cả Thanh văn.

KINH VĂN

Khi ấy, 500 vị A-la-hán ở trước Phật được thụ ký rồi, trong lòng hoan hỷ phấn khích, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến trước Phật, cúi đầu và mặt lễ sát chân Phật, hối lỗi tự trách: "Bạch Thế Tôn! Chúng con thường tự suy nghĩ cho rằng mình đã đạt đến diệt độ rốt ráo, nay mới biết rằng như thế là không có trí tuệ. Vì sao vậy? Chúng con lẽ ra đều được trí tuệ Như Lai, nhưng lại tự cho trí nhỏ nhoi là đủ.

"Bạch Thế Tôn! Ví như có người đến chơi nhà bạn thân, uống rượu say nằm. Khi ấy, người bạn thân có việc quan cần phải đi, liền lấy một hạt châu quý báu vô giá tặng cho bạn bằng cách buộc giấu vào giữa hai lớp áo, xong rồi mới rời đi. Người ấy say rượu nằm, hoàn toàn không hay biết. Đến khi tỉnh dậy ra đi, rồi sau đó lưu lạc đến nước khác, vì chuyện cơm áo phải chuyên cần nỗ lực làm lụng, hết sức gian nan vất vả, kiếm được chút ít liền cho là đủ. Sau đó, người bạn thân thuở trước gặp lại, thấy vậy kêu lên: "Ôi chao, anh bạn tôi! Sao vì cơm áo mà đến nỗi này! Ngày xưa tôi vì muốn bạn được an vui, tùy ý thụ hưởng năm món dục, nên vào ngày tháng năm đó đã lấy hạt châu quý báu vô giá buộc giấu vào giữa hai lớp vải áo của anh, nay vẫn còn nguyên đó, sao anh không biết, phải khó nhọc vất vả lo toan khổ sở chỉ cầu đủ sống, thật là ngu si quá! Nay anh có thể lấy hạt châu này bán đi để mua những thứ cần dùng, sẽ thường được như ý, không thiếu thốn gì nữa."

▣ Tổng đoạn thứ ba nói về 500 vị Thanh văn trình bày sự nhận hiểu, kinh văn có chia ra trường hàng và kệ tụng.

Trong kinh văn trường hàng [chia làm 2 đoạn]. Đoạn thứ nhất là người chép kinh nói về sự hoan hỷ của các vị. Đoạn thứ hai [các vị Thanh văn] tự trình bày sự nhận hiểu.

◆ Đoạn thứ nhất có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là người chép kinh nêu sự vui mừng vì ngày nay được nhận hiểu [Đại thừa]. Tiểu đoạn thứ hai nói việc hổ thẹn vì trước đây không nhận hiểu, cho nên tự trách.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất nêu sự vui mừng có 2 phân đoạn. ▪ Phân đoạn thứ nhất nói rõ sự mừng vui hoan hỷ trong lòng. ▪ Phân đoạn thứ hai nói sự cung kính biểu lộ ra bên ngoài.

❖ [Tiểu đoạn thứ hai,] nói *"hối lỗi tự trách"* tức là nói rõ việc [các vị Thanh văn] hổ thẹn vì trước đây không nhận hiểu [được Đại thừa].

◆ Đoạn thứ hai, từ câu *"Bạch Thế Tôn! Chúng con từ..."* trở đi là [các vị Thanh văn] tự trình bày sự nhận hiểu, có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là nhận hiểu phần thuyết chánh pháp, tiểu đoạn thứ hai là nhận hiểu phần thuyết thí dụ.

❖ Tiểu đoạn thứ nhất có 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất nói việc hối tiếc vì nhận hiểu được chút ít đã cho là đủ. Phân đoạn thứ hai là tự trách mình căn cơ trì độn nên khó giác ngộ.

▪ Phân đoạn thứ nhất, câu *"Bạch Thế Tôn! Chúng con thường tự suy nghĩ cho rằng mình đã đạt đến diệt độ rốt ráo"* là nêu sự hối trách vì thuở trước mê lầm, nhận hiểu được Tiểu thừa đã cho là đủ, không biết cầu đạo Đại thừa.

▪ Phân đoạn thứ hai, câu *"nay mới biết rằng"* là tự trách mình căn cơ trì độn, đến nay mới bắt đầu tỏ ngộ, không nhận biết được sớm hơn, đến nay mới biết rằng Tiểu thừa không phải cứu cánh rốt ráo, Đại thừa mới là chân thật.

❖ Tiểu đoạn thứ hai nhận hiểu phần thuyết thí dụ chia ra 2 phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất [nói thí dụ, phân đoạn thứ hai nêu ý nghĩa nhận hiểu tương hợp với thí dụ].[1]

▪ Phân đoạn thứ nhất nêu thí dụ có 2 ý. Ý thứ nhất nêu nghĩa sơ lược, ý thứ hai là nêu ra thí dụ.

◆ Ý thứ nhất có 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất, câu *"như là không có trí tuệ"* lược nêu tình huống thí dụ.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Vì sao vậy"* trở đi là giải thích ý nghĩa "không có trí tuệ".

◆ Ý thứ hai nêu thí dụ có 2 tiểu ý.

✦ Tiểu ý thứ nhất nêu thí dụ người say rượu, tương hợp với phần thuyết pháp nói việc tự trách vì hiểu được chút ít đã cho là đủ, không biết cầu giáo pháp Đại thừa, và là nhận hiểu trong phần thuyết pháp nói ý nghĩa quyền biến trong các đời trước.

✦ Tiểu ý thứ hai nêu thí dụ được người bạn thân nói rõ cho biết [về hạt châu trong áo], tương hợp với phần thuyết pháp nói việc tự trách mìn căn cơ trì độn nên khó tỏ ngộ, đến nay mới rõ biết, và là nhận hiểu trong phần thuyết pháp nói ý nghĩa hiển bày pháp thật trong các đời trước.

Tiểu ý thứ nhất lại có 3 điều.

❶ Điều thứ nhất nêu thí dụ buộc hạt châu giấu trong chéo áo, tức là nhận hiểu ý nghĩa phần trước nói các vị vương tử kết duyên [đại chúng].

❷ Điều thứ hai nêu thí dụ người say rượu nằm không hay biết gì, tức là nhận lãnh ý nghĩa phần trước nói gặp người thối tâm Đại thừa.

[1] Văn Cú dường như có sự nhầm lẫn khi phân chia cấu trúc ở đây. Chúng tôi đã bổ sung 1 phân đoạn để phù hợp với giảng giải thực tế ở phần sau.

❍ Điều thứ ba nêu thí dụ [người say] khi tỉnh dậy rồi lưu lạc đến nước khác, tức là nhận lãnh ý nghĩa phần trước nói dùng Tiểu thừa để tiếp nhận dẫn dắt.

[Giải thích điều thứ nhất, nói] *"ví như có người"*, tức là nói những người trong hàng Nhị thừa. Nói *"bạn thân"*, tức là nói 16 vị vương tử thuở trước. Nói *"đến nhà"*, tức là nói lấy giáo pháp Đại thừa làm nhà. Nói *"uống rượu say nằm"*, tức là nói lúc ấy cơ duyên Đại thừa tạm khởi phát, vô minh chỉ tạm thời ẩn phục, nên khi được nghe thuyết giảng kinh thì trong lòng nhận hiểu rõ được rất ít, nhưng vì vô minh che lấp nặng nề nên rồi lại mê muội quên mất.

Nói *"say rượu"* có hai ý nghĩa. Thứ nhất là quá say, không còn hay biết gì. Thứ hai là say nhẹ, vẫn còn hay biết đôi chút nhưng liền quên đi, nên cũng gọi là không biết. Tuy có 2 nghĩa nhưng rốt cuộc đều dẫn đến việc [người khác] buộc hạt châu [trong áo mình mà không biết], giống như người nghe tiếng trống độc.[1]

Nói *"gặp việc quan phải đi"* là nêu rõ việc các vương tử có căn cơ khởi phát ở các cõi nước khác, phải tùy duyên ứng hiện đến đó, cho nên nói là *"phải đi"*. Việc hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh không phải là việc riêng, cho nên nói là *"gặp việc quan"*.

Nói *"hạt châu quý báu vô giá"* tức là trí tuệ quý báu về chân như thật tướng trong Nhất thừa. *"Buộc giấu vào giữa hai lớp áo"*, là nói các đức tính tàm quý, nhẫn nhục có thể ngăn chặn tâm sân hận và phòng ngừa những điều xấu ác bên ngoài, đó là lớp áo bên ngoài; tâm tin tưởng ưa thích bên trong hàm chứa các căn lành, tức lớp áo bên trong.

[1] Nguyên tác dùng "độc cổ nhĩ", lấy ý từ ví dụ trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Có người dùng chất độc bôi lên mặt trống. Trống ấy khi đánh lên thì hàng Thanh văn nghe tiếng trống đều chết cả. Đây là ví trống như pháp thân bình đẳng, chất độc như tâm từ bi vô duyên, đều là những phẩm tính của Đại thừa, không thích hợp với hàng Thanh văn.

Vào lúc nghe pháp khởi lên đôi chút tin tưởng ưa thích mong muốn, tức là chủng tử tạo nhân rốt ráo [Đại thừa] của trí tuệ và tâm nguyện.

[Giải thích điều] thứ hai, nói *"người ấy say rượu nằm, hoàn toàn không hay biết"*, đó là nói tâm vô minh che lấp nặng nề, tuy cố gắng cũng không nhớ biết được. Đây là nhận hiểu ý nghĩa trong thời gian giữa chừng chán nản thối lui, không thụ nhận giáo pháp Đại thừa.

[Giải thích điều] thứ ba, nói *"người say khi tỉnh dậy rồi lưu lạc đến nước khác"*. Đây là nhận hiểu ý nghĩa phần trên nói trong khoảng thời gian ở giữa được tiếp nhận dẫn dắt bằng Tiểu thừa, giáo hóa bằng ba thừa. Do căn lành muốn phát khởi, chán sợ khổ não tìm cầu an vui, cho nên nói rằng *"tỉnh dậy rồi lưu lạc"*. Do vô minh che lấp sự nhận hiểu, không biết hướng về quê hương để tìm cầu cơm áo là Đại thừa, cho nên nói rằng *"lưu lạc đến nước khác"* để tìm cầu cơm áo là Tiểu thừa. Nếu so sánh giữa ma với Phật thì cảnh giới ma sanh tử là *"nước khác"*, còn Phật pháp dù Đại thừa hay Tiểu thừa đều là *"quê hương"*. Nhưng nếu so sánh giữa Tiểu thừa với Đại thừa thì Tiểu thừa chưa thoát khỏi sanh tử nên vẫn còn là *"nước khác"*, Đại thừa đã vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử mới gọi là *"quê hương"*, tức là rốt ráo quay về nguồn cội. Đây là nêu rõ việc quay lưng với cõi nước Đại thừa mà đi sang cõi nước Tiểu Thừa, không biết dùng hạt châu quý giá để có được những thứ cần thiết, nên phải làm thuê để tự kiếm miếng ăn, nhận tiền công mỗi ngày, được chút ít cho là đủ.

✦ Tiểu ý thứ hai từ câu *"Sau đó, người bạn thân thuở trước gặp lại"* trở đi, nêu thí dụ nhờ người bạn thân nói rõ cho biết, tức là nhận lãnh ý nghĩa trong phần trước nói *"do nhân duyên thuở trước nên ngày nay lại thuyết kinh Pháp hoa"*, cũng như nghĩa *"ban cho các con cùng một loại xe lớn"*.

Tiểu ý này lại có 3 điều. Điều thứ nhất là quở trách, điều thứ hai là chỉ ra cho biết chỗ có hạt châu và điều thứ ba là khuyên nên bán đi mua những thứ cần dùng.

- Điều thứ nhất nói quở trách là ví như phần trước nói [hàng Tiểu thừa] do tình chấp động khởi mà sanh nghi hoặc.

- Điều thứ hai nói việc chỉ ra hạt châu là ví như nhân duyên các đời trước.

- Điều thứ ba khuyên bán hạt châu là ví như việc được thụ ký làm Phật.

Trong ba vòng thuyết chánh pháp, thuyết nhân duyên, thuyết thí dụ đều có đủ 3 ý nghĩa này.

Trong vòng thuyết chánh pháp, [kệ tụng nói] *"Ta dạy cho thoát khổ, nhưng chưa được Niết-bàn"*, tức là quở trách. Năm lượt nói rõ về chư Phật,[1] tức là khai mở chỉ bày, chỉ rõ hạt châu. Ngài Xá-lợi-phất được thụ ký, tức là khuyên bán hạt châu.

Trong vòng thuyết thí dụ, [Phật bảo ngài Xá-lợi-phất]: *"Chẳng phải trước đây ta đã từng nói rằng 'Các đức Phật Thế Tôn dùng đủ mọi nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện để thuyết pháp, đều là vì dẫn dắt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác'"*, câu này tức là quở trách. [Nói thí dụ] ba loại xe, rồi ban cho cùng một loại xe, tức là chỉ rõ hạt châu. Hàng trung căn được thụ ký, tức là khuyên bán hạt châu.

[Trong vòng thuyết nhân duyên, kệ tụng nói:] *"Đời trước kết nhân duyên, nay ta sắp nói rõ, các ông khéo lắng nghe"*

---

[1] Nguyên tác nói "ngũ Phật chương - 五佛章", tức là chỉ đến 5 lượt giảng giải về chư Phật, bao gồm thứ nhất là chư Phật nói chung, thứ hai nói về chư Phật quá khứ, thứ ba nói về chư Phật vị lai, thứ tư nói về chư Phật trong hiện tại và thứ năm nói về đức Phật Thích-ca.

tức là quở trách. [Các vương tử] giảng lại [kinh Pháp hoa] kết duyên [với đại chúng], rồi sau trở lại thuyết giảng Đại thừa, tức là chỉ rõ hạt châu báu. Hàng hạ căn được thụ ký tức là khuyên bán hạt châu.

Trong thí dụ *"buộc hạt châu giấu giữa hai lớp áo"*, có 3 ý so sánh tương ứng trong 3 vòng thuyết giảng. Ban sơ đức Phật vừa thành đạo dưới gốc cây Bồ-đề, dự định dùng Đại thừa giáo hóa, tức là thí dụ buộc hạt châu; thấy chúng sanh không có cơ duyên [Đại thừa] nên dừng việc giáo hóa, tức là thí dụ người uống rượu say nằm; sau đó Phật liền bày ra phương tiện [để giáo hóa], tức là thí dụ tỉnh dậy rồi ra đi.

Trong phẩm *Thí dụ* nói *"từng ở nơi 20.000 ức vị Phật"*, tức là thí dụ buộc hạt châu. [Trong phẩm *Tin hiểu* nói ông trưởng giả] *"sai một người hầu cận gấp rút đuổi theo"*, [rồi nói đứa con bị đuổi bắt] *"ngã lăn ra đất bất tỉnh"*, tức là thí dụ người uống rượu say nằm. [Phẩm *Thí dụ* lại nói ông trưởng giả] dùng ba loại xe dẫn dụ được [các con ra khỏi căn nhà đang cháy], tức là thí dụ tỉnh dậy rồi đi.

Trong phần thuyết nhân duyên [phẩm *Thí dụ hóa thành*] nói *"ở nơi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng"*, tức là thí dụ buộc hạt châu; nói *"giữa đường mỏi mệt muốn thối lui"*, tức là thí dụ người uống rượu say nằm; vì tiếp nhận dẫn dắt mà vận dụng Tiểu thừa, tức là thí dụ tỉnh dậy rồi đi.

Những ý nghĩa như trên đều là nhận hiểu pháp quyền thừa. Nói *"vào ngày tháng năm đó"* là chỉ cho thời gian ở nơi đức Phật Đại Thông Trí Thắng.

KINH VĂN

> **"Đức Phật cũng như [người bạn thân kia], khi còn là Bồ Tát giáo hóa chúng con, khiến cho phát tâm cầu Nhất thiết trí, [giống như ban cho hạt châu quý báu,] nhưng chúng con lại quên mất đi, không hề hay biết, khi được quả A-la-hán rồi liền tự cho đó là diệt**

độ, [giống như người kia] mưu sinh vất vả gian nan, vừa được chút ít đã cho là đủ, trong khi tâm nguyện cầu Nhất thiết trí vẫn còn nguyên đó, không hề mất đi. Nay đức Thế Tôn vì thức tỉnh chúng con nên mới dạy rằng: "Này các tỳ-kheo! Chỗ mà các ông đạt được đó không phải là diệt độ rốt ráo. Từ lâu ta đã giúp các ông gieo trồng căn lành là hạt giống Phật, vì dùng phương tiện nên thị hiện tướng Niết-bàn [Nhị thừa], nhưng các ông thật ra chưa được diệt độ." Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay mới biết mình thật là Bồ Tát, được thụ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên đó nên hết sức hoan hỷ, được việc chưa từng có."

▪ Phân đoạn thứ hai từ câu *"Đức Phật cũng như người bạn thân kia"* trở đi, nêu nghĩa tương hợp với thí dụ. Trong thí dụ vốn có 2 ý [trước sau], phân đoạn này cũng có 2 ý, mỗi ý đều có 3 tiểu ý.

◆ Ý thứ nhất, từ câu *"giáo hóa chúng con"* trở đi, tương hợp với tiểu ý thứ nhất phần trước là thí dụ buộc hạt châu. Từ câu *"nhưng chúng con lại quên mất đi"* trở đi, tương hợp với tiểu ý thứ hai phần trước là thí dụ uống rượu say nằm không biết gì. Từ câu *"được quả A-la-hán rồi"* trở đi, tương hợp với tiểu ý thứ ba phần trước là thí dụ tỉnh dậy rồi đi lưu lạc.

◆ Ý thứ hai, từ câu *"trong khi tâm nguyện cầu Nhất thiết trí"* trở đi, tương hợp với thí dụ về sau gặp lại người bạn thân chỉ ra cho biết có hạt châu. Phần trước có 3 tiểu ý, phần này cũng có 3 tiểu ý. Từ câu *"trong khi tâm nguyện cầu Nhất thiết trí vẫn còn nguyên đó, không hề mất đi"*, tương hợp với tiểu ý thứ nhất phần sau là thí dụ quở trách. Từ câu *"Từ lâu ta đã giúp các ông gieo trồng căn lành là hạt giống Phật"* trở đi, tương hợp với tiểu ý thứ hai phần sau là thí dụ chỉ ra cho biết có hạt châu. Từ câu *"chúng con hôm nay mới biết"* trở đi, tương hợp với tiểu ý thứ ba phần sau là khuyên bán hạt châu để đổi lấy những thứ cần dùng.

KINH VĂN

Bấy giờ, nhóm các ngài A-nhã Kiều-trần-như… muốn lặp lại ý nghĩa trên nên cùng đọc kệ rằng:

Chúng con nghe Phật ban
Lời thụ ký an ổn,
Hoan hỷ chưa từng có,
Lễ trí Phật vô lượng.
Nay trước mặt Thế Tôn,
Xin tự hối lỗi lầm.

■ Phần kệ tụng có 12 khổ rưỡi, chia làm 2 đoạn.

◆ Đoạn thứ nhất gồm 1 khổ rưỡi kệ, tụng về sự nhận hiểu được từ trong tâm. Đoạn này lại có 2 tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất 1 khổ kệ, tụng về sự hoan hỷ vui mừng. Tiểu đoạn thứ hai nửa khổ kệ, tụng về sự hối tiếc tự trách.

KINH VĂN

Kho báu Phật vô lượng,
Con chỉ được chút ít,
Lại như người ngu si,
Tự cho đó là đủ.
Ví như người nghèo khó,
Đến chơi nhà bạn thân.
Nhà bạn rất giàu có,
Thết đãi nhiều món ngon,
Rồi lấy hạt châu quý
Giấu trong hai lớp áo
Tặng cho trước khi đi,
Người say nằm, không biết.
Sau khi tỉnh dậy rồi,
Lưu lạc sang nước khác,
Cầu cơm áo qua ngày,
Mưu sinh thật khó khăn,
Được ít cho là đủ,
Chẳng mong cầu tốt hơn.
Không biết trong áo mình,
Có hạt châu vô giá.
Người bạn cho hạt châu,
Sau gặp lại người nghèo,
Thấy vậy liền quở trách,
Rồi chỉ rõ hạt châu.
Người nghèo thấy hạt châu,
Lòng vui mừng khôn xiết,
Được giàu có, sung túc,
Tùy ý hưởng năm dục.
Chúng con cũng như vậy,
Thế Tôn trong đêm dài,[1]
Thường thương xót giáo hóa,
Khiến phát tâm Vô thượng.
Chúng con vì ngu si,
Nên không hề hay biết,
Được phần nhỏ Niết-bàn,
Tưởng đủ, chẳng cầu thêm.

[1] Kinh văn dùng "trường dạ" (đêm dài), hàm ý chỉ luân hồi sanh tử trong vô minh tăm tối giống như đêm dài không ánh sáng.

Phật đánh thức chúng con:
"Đó chưa phải diệt độ.
Được Trí tuệ Vô thượng,
Mới diệt độ chân thật."

Chúng con được nghe Phật,
Thụ ký việc trang nghiêm,
Cùng thứ lớp thành Phật,
Thân tâm đều hoan hỷ.

◆ Đoạn thứ hai từ câu *"Kho báu Phật vô lượng"* trở đi, gồm 11 khổ kệ, tụng về việc [các vị Thanh văn] tự trình bày sự nhận hiểu. Phần kinh văn trường hàng ở trước có 2 tiểu đoạn, [ở đây có 3 tiểu đoạn].

❖ Tiểu đoạn thứ nhất gồm nửa khổ kệ tụng về việc hối tiếc tự trách vì chỉ được ít đã cho là đủ, lược bớt không tụng ý nghĩa [giáo pháp Đại thừa] khó gặp, đến nay mới được biết.

❖ Tiểu đoạn thứ hai từ câu *"Lại như người ngu si"* có nửa khổ kệ, tụng lược việc nêu thí dụ. Câu *"tự cho đó là đủ"* là giải thích ý "ngu si".

❖ Tiểu đoạn thứ ba gồm 10 khổ kệ, tụng nghĩa thuyết thí dụ, chia ra hai phân đoạn khai mở và tương hợp.

Phân đoạn thứ nhất gồm 6 khổ kệ, tụng nghĩa khai mở thí dụ. Phân đoạn thứ hai gồm 4 khổ kệ, tụng nghĩa tương hợp thí dụ.

▪ Phân đoạn thứ nhất lại có 2 ý.

◆ Ý thứ nhất gồm 4 khổ kệ, tụng về nghĩa bỏ quên mất hạt châu quý báu mà không biết.

◆ Ý thứ hai gồm 2 khổ kệ, tụng về việc người bạn thân chỉ ra cho biết hạt châu.

Những phần kinh văn khác đều có thể nhận hiểu dễ dàng.

PHÁP HOA VĂN CÚ

TẬP 2

THÍCH NHƯ ĐIỂN

NGUYỄN MINH TIẾN

Việt dịch và chú giải

Viên giác Tùng Thư - Đức Quốc

United Buddhist Publisher

Nhà xuất bản Liên Phật Hội - California, Hoa Kỳ

Xuất bản lần thứ nhất: Tháng 8/2025